



<http://www.buddhamountain.ca>

Số 1646

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

MỤC LỤC

QUYỂN THỨ 1

- Phần duyên khởi trong nhóm phát tộ trước phẩm luận Phật-bảo thứ 1
- Phẩm thập lục thứ 2
- Phẩm Tứ Vô-Úy thứ 3
- Phẩm Thập-hiệu thứ 4
- Phẩm Tam bát-hộ thứ 5
- Luận Pháp bảo - Trước phẩm Tam-thiện thứ 6
- Phẩm chúng-pháp thứ 7
- Phẩm Thập nhị bộ kinh thứ 8
- Luận Tăng-Bảo - Trước phẩm thanh lịch thứ 9
- Phẩm phân biệt Hiền Thánh thứ 10
- Phẩm Phước-Điền thứ 11

QUYỂN THỨ 2

- Phẩm Cát tường thứ 12
- Phẩm Lập-Luận thứ 13
- Phẩm Luận-môn thứ 14
- Phẩm Tán-Luận thứ 15
- Phẩm Tứ-pháp thứ 16
- Phẩm Tứ-đế thứ 17

Phẩm Pháp-tụ thứ 18

Phẩm Thập luận trước phẩm hữu tướng thứ 19

Phẩm Vô-tướng thứ 20

QUYỂN THỨ 3

Phẩm Nhị-thế hữu thứ 21

Phẩm Nhị-thế Vô thứ 22

Phẩm Nhất-thiết hữu vô thứ 23

Phẩm Có trung-âm thứ 24

Phẩm Không trung-âm thứ 25

Phẩm Thứ-độ thứ 26

Phẩm Nhất thời thứ 27

Phẩm Thoái thứ 28

Phẩm Bất thối thứ 29

Phẩm Tâm-tính thứ 30

Phẩm Tương-ung bất tương-ung thứ 31

Phẩm Quá-khứ nghiệp thứ 32

Phẩm Biện Nhị bảo thứ 33

Phẩm Vô-ngã thứ 34

Phẩm Hữu-ngã vô-ngã thứ 35

Phẩm Sắc-tướng trong súc luận nhóm Khổ đế thứ 36

Phẩm Sắc danh thứ 37

Phẩm Tứ-đại giả danh thứ 38

Phẩm Tứ-đại thật hữu thứ 39

QUYỂN THỨ 4

Phẩm Phi bỉ chứng thứ 40

Phẩm Minh bổn-tông thứ 41

Phẩm Không tướng cứng thứ 42

Phẩm Có tướng cứng thứ 43

Phẩm Tướng tứ-đại thứ 44

Phẩm Căn giả-danh thứ 45

Phẩm Phân biệt căn thứ 46

Phẩm Tứ-đại đồng thứ 47

Phẩm Căn vô-tri thứ 48

Phẩm Căn-trần hiệp-ly thứ 49

QUYỂN THỨ 5

Phẩm Văn-thanh thứ 50
Phẩm Văn Hương thứ 51
Phẩm Giác-xúc thứ 52
Phẩm Ý thứ 53
Phẩm Căn bất-định thứ 54
Phẩm Sắc nhập tướng thứ 55
Phẩm Thanh-tướng thứ 56
Phẩm Hương-tướng thứ 57
Phẩm Vị-tướng 58
Phẩm Xúc tướng thứ 59
Phẩm Lập vô-số trong Thức luận nhóm Khổ Đế thứ 60
Phẩm Lập hữu-số thứ 61
Phẩm Phi vô-số thứ 62
Phẩm Phi hữu-số thứ 63
Phẩm Minh vô-số thứ 64
Phẩm Vô tương-ưng thứ 65
Phẩm Hữu tương-ưng thứ 66
Phẩm Phi tương ưng thứ 67
Phẩm Đa-tâm thứ 68
Phẩm Nhất-tâm thứ 69
Phẩm Phi đa-tâm thứ 70

QUYÊN THỨ 6

Phẩm Phi nhất-tâm thứ 71
Phẩm Minh đa-tâm thứ 72
Phẩm Thức tạm-trụ thứ 73
Phẩm Thức vô-trụ thứ 74
Phẩm Thức câu-sinh thứ 75
Phẩm bất câu-sinh thứ 76
Phẩm Tương-âm trong nhóm Khổ-Đế thứ 77
Phẩm Thọ-tướng trong thọ-luận nhóm Khổ-Đế thứ 78
Phẩm Hành-khổ thứ 79
Phẩm Hoại-khổ thứ 80
Phẩm Diệt tam-thọ thứ 81
Phẩm Văn-thọ thứ 82
Phẩm Ngũ-thọ-căn thứ 83

QUYỀN THỨ 7

- Phẩm Tư trong luận hành-ấm nhóm Khổ đế thứ 84**
- Phẩm Xúc thứ 85**
- Phẩm Niệm thứ 86**
- Phẩm Dục thứ 87**
- Phẩm Hỷ thứ 88**
- Phẩm Tín thứ 89**
- Phẩm Cần thứ 90**
- Phẩm Úc thứ 91**
- Phẩm Giác Quán thứ 92**
- Phẩm Dur tâm-số thứ 93**
- Phẩm Bất tương-ưng-hành thứ 94**
- Phẩm Nghiệp tương trong nghiệp luận nhóm Tập-Đế thứ 95**
- Phẩm Vô-tác thứ 96**
- Phẩm Cố bất-Cố thứ 97**
- Phẩm Kinh trong tội thứ 98**
- Phẩm Đại tiểu lợi nghiệp thứ 99**

QUYỀN THỨ 8

- Phẩm Tam-Nghiệp thứ 100**
- Phẩm Tà-Hạnh thứ 101**
- Phẩm Chính-Hành thứ 102**
- Phẩm Kế-nghiệp thứ 103**
- Phẩm Tam báo-nghiệp thứ 104**
- Phẩm Tam-thọ báo nghiệp thứ 105**
- Phẩm Tam-Chương thứ 106**
- Phẩm Tứ-Nghiệp thứ 107**
- Phẩm Ngũ-nghịch thứ 108**

QUYỀN THỨ 9

- Phẩm Ngũ-giới thứ 109**
- Phẩm Lục-nghiệp thứ 110**
- Phẩm Bảy Bất-thiện luật nghi thứ 111**
- Phẩm Bảy thiện luật nghi thứ 112**
- Phẩm Tám Giới-traí thứ 113**
- Phẩm Tám chủng-ngũ 114**
- Phẩm Chín nghiệp thứ 115**

Phẩm Mười Bất-thiện-đạo thứ 116

Phẩm Quá-Hoạn thứ 118

QUYỂN THỨ 10

Phẩm Tam nghiệp kinh trọng thứ 119

Phẩm Minh nghiệp nhân thứ 120

Phẩm Tướng phiền não trong phiền não Luận nhóm Tứ Đế thứ 121

Phẩm Tham tướng thứ 122

Phẩm Tham nhân thứ 123

Phẩm Tham quá thứ 124

Phẩm Đoạn tham thứ 125

Phẩm sân nhuế thứ 126

Phẩm Vô minh thứ 127

Phẩm Kiêu mạn thứ 128

Phẩm Nghi thứ 129

QUYỂN THỨ 11

Phẩm Thân-kiến thứ 130

Phẩm Biên-kiến thứ 131

Phẩm Tà-kiến thứ 132

Phẩm Nhị thủ thứ 133

Phẩm Tùy phiền não thứ 134

Phẩm Bất-thiện căn thứ 135

QUYỂN THỨ 12

Phẩm Tạp nhiễm phiền não thứ 136

Phẩm Cử Kiết thứ 137

Phẩm Tạp Văn thứ 138

Phẩm Đoạn quá khứ thứ 139

Phẩm Minh Nhân thứ 140

QUYỂN THỨ 13

Phẩm Trước Phẩm lập giả danh trong nhóm Tập Đế thứ 141

Phẩm Tướng giả-danh thứ 142

Phẩm Phá Nhật thứ 143

Phẩm Phá Dị thứ 144

Phẩm Phá bất khả thuyết thứ 145

Phẩm Phá Vô thứ 146

Phẩm Lập Võ thứ 147

Phẩm Phá Thanh thứ 148

Phẩm Phá hương vị xúc thứ 149

QUYỂN THỨ 14

Phẩm Phá Ý Thức thứ 150

Phẩm Phá Nhân-Quả thứ 151

Phẩm Thế Đệ 152

Phẩm Diệu pháp tâm thứ 153

Phẩm Diệt tận thứ 154

Phẩm Định nhân trong Định Luận nhóm Đạo Đế thứ 155

Phẩm Định -Tướng thứ 156

Phẩm Ba Tam-muội thứ 157

Phẩm Tứ Tu Định thứ 158

QUYỂN THỨ 15

Phẩm Tứ Vô-Lượng-Định thứ 159

Phẩm Năm nhánh Thánh Tam-muội thứ 160

Phẩm Sáu Tam-muội thứ 161

Phẩm Bảy tam muội thứ 162

Phẩm Tám Giải-thoát thứ 163

Phẩm Tam Thắng Xứ thứ 164

Phẩm Chín thứ lớp Sơ thiên thứ 165

Phẩm Nhị-Thiên thứ 166

QUYỂN THỨ 16

Phẩm Tam-thiên thứ 167

Phẩm Tứ-thiên thứ 168

Phẩm Vô-biên hư-không xứ thứ 169

Phẩm Ba Vô-Sắc Định thứ 170

Phẩm Diệt-tận-định thứ 171

Phẩm Mười Nhất-thiết-xứ thứ 172

Phẩm Mười tướng vô thường-tướng thứ 173

QUYỂN THỨ 17

Phẩm khổ tướng thứ 174

Phẩm Vô ngã tướng thứ 175

Phẩm Thực yểm tướng thứ 176

Phẩm Nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng thứ 177

Phẩm Bất tịnh tướng thứ 178

Phẩm Tử tướng thứ 179
Phẩm Hậu tam tướng thứ 180
Phẩm Trọng Định-cụ trước năm Định-cụ 181
Phẩm Bất-Thiện-giác thứ 182

QUYỂN THỨ 18

Phẩm Thiện giác thứ 183
Phẩm Sau năm định cụ thứ 184
Phẩm Xuất nhập tức thứ 185
Phẩm Định-Nạn thứ 186
Phẩm Chỉ-Quán thứ 187
Phẩm Tu-Định thứ 188

QUYỂN THỨ 19

Phẩm Trí-tướng trong trí-luận nhóm Đạo đế thứ 189
Phẩm Kiến nhất-đế thứ 190
Phẩm Nhất-thiết duyên thứ 191
Phẩm Thánh-hành thứ 192

QUYỂN THỨ 20

Phẩm Tam-huệ thứ 194
Phẩm Bốn vô ngại thứ 195
Phẩm Năm-trí thứ 196
Phẩm Lục thông trí thứ 197
Phẩm Nhẫn trí thứ 198
Phẩm Chín trí thứ 199
Phẩm Mười trí thứ 200
Phẩm Bốn mươi bốn trí thứ 201
Phẩm Bảy mươi hai trí thứ 202

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỤU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 1

PHẦN DUYÊN KHỞI
Trong nhóm phát tụng trước phẩm luận Phật-Bảo cụ-túc thứ I

Đáng đáng lễ lễ trước,
Bậc Chánh-trí tự-nhiên,
Nhất-Thiết Trí nên cúng.
Đại-Sur lợi thế-gian
Cũng lễ Pháp chơn tịnh,
Và chúng Đệ tử Phật.
Nay muốn giải lời Phật,
Lợi ích cho người đời.
Luận phải theo Khế-kinh,
Chẳng tría tướng thật-pháp.
Cũng vào trong thiện-tịch,
Thế là luận Chính-trí.
Ví như mặt trời trăng,
Tinh nó vẫn trong sáng,
Mây, bụi, mù các thứ,
Che mù trời chẳng hiện,
Tà-luận che chính kinh,
Nghĩa kinh chẳng soi sáng,
Vì nghĩa kinh chẳng sáng,
Cửa tà-trí mở khai,
Bị tội tiếng ác đồn,
Lòng ăn-năn mệt mỏi...
Các suy-não loạn tâm,
Đều bởi tà-trí sinh.
Nếu ai muốn trừ dứt,
Tội ác và suy não,
Phải tìm học Chính-luận
Nên gần kẻ thâm trí:
Gần gũi kẻ thâm trí,
Là cội gốc chính-luận,
Vì nhờ chính-luận này,
Năng sinh các phước tốt.
Dù người có trí lanh,
Tụng trăm ngàn tà luận,
Giữa chúng chẳng được gì ;
Muốn tiếng đồn biện-tài,
Hiểu Phật-Pháp đệ nhất,

Nói ra được quả vui.
Muốn chánh-pháp lâu còn,
Chẳng vì tiếng đồn khen,
Rộng học các dị-luận,
Hiểu hết ý kẻ-trí
Muốn tạo Thật-luận này,
Duy Nhất-Thiết-Trí biết.
Các Tỳ-kheo dị-luận,
Nhiều thứ Phật đều cho.
Nên tôi muốn chánh-luận,
Thật nghĩa trong Tam-tạng,
Là giờ đây thuyết minh:

Hỏi: Tôi nay muốn biết Ngài sẽ thuyết minh Thành-thật luận. Trước Ngài đã nói “Đáng đáng lẽ lẽ trước” có phải là Đức Phật không? Vì có gì gọi là Phật? Và đã thành tựu những công đức chi mà đáng lẽ?

Đáp: Đức Phật gọi là bậc người tự nhiên, đem Nhất-Thiết-Chủng-Trí biết tất cả tự-tướng của các pháp sai khác; lia tất cả điều chẳng lành; nhóm tất cả điều lành; thường cầu lợi-ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Phật. Nói ra giáo pháp để giáo hoá, thời gọi là Pháp. Ai tu hành Pháp ấy thì gọi đó là Tăng, Tam-bảo có công đức như thế là lý do đáng lẽ. Tôi nay sẽ nói Đức Phật có năm phẩm công đức đầy đủ, nên được người đời và người trời kính trọng.

Hỏi: Có các vị Thánh nhân khác cũng vẫn có năm phẩm công đức ấy cùng Đức Phật có khác chi?

Đáp: Năm phẩm pháp của Phật đầy đủ thanh-tịnh. Tại vì sao? Vì thân khẩu các nghiệp không còn lầm lộn vậy.

1.- Giới phẩm đầy đủ: Lại Đức Phật chẳng còn lầm phạm cấm giới, huống là cố phạm. Lại Đức Phật đã lâu đời chứa nhóm lòng từ bi nên ác tâm chẳng phát sinh được. Như trong kinh nói Đức Phật bảo A-Nan rằng: “Nếu có người tu lòng Từ, từ thuở nhỏ thì lòng ác có thể sinh khởi được không? Dạ thưa Thế-Tôn không thể khởi được. “Đức Phật đã lâu đời chứa nhóm thiện tính, chẳng vì e sợ tiếng đồn phải tự giữ gìn cấm giới. Lại Phật ở trong vô lượng chỗ các Đức Phật lâu tu giới hạnh, đã nhổ gốc ba món độc, hẳn không còn mầm rễ. Bởi các lý do ấy nên giới phẩm đầy đủ.

2.- Định phẩm đầy đủ: Là Đức Phật y theo Định này nên được Nhất-Thiết-Trí. Bởi lẽ đó nên biết định phẩm đầy đủ. Như dầu mỡ nhiều, tim đèn lớn thì ánh sáng cũng

lớn. Lại Định của Đức Phật bền chắc như dầu sơn, sơn vào cây; thiên định của người khác như hoa nổi trên nước chẳng dùng được lâu. Lại thiên-định của Phật trong vô lượng kiếp thứ lớp lần thành cho nên được đầy đủ. Lại thiên-định của Như-Lai chẳng đợi các trợ duyên hoặc người hoặc xứ, hoặc nói pháp mới thành tựu, còn các người khác thời chẳng phải như vậy. Lại nữa, định của Như-Lai thường thâm tu tập như người tự giữ hằng nhớ chẳng quên. Đức Phật khi vào thiên-định chẳng gắng tâm, lực; lại như người ở tại bản xứ tự nói tiếng mẹ đẻ dễ dàng không khó, Phật ở trong Định cũng vậy. Cho nên nói Như-Lai thường ở trong Tam-muội. Lại các pháp như mừng chẳng hạn hay phá hoại thiên-định, Phật đều khéo dứt hết.

Lại nữa, quả báo trong Định, đã lâu được tự tại thần thông rất là cao tột; dùng mọi như-ý-thông với trong một niệm năng vượt qua mười phương vô-lượng thế giới, tất cả việc tùy ý thi hành liền xong. Với các phép biến hóa, tự tại vô ngại Tâm năng đầy khắp tất cả các pháp. Kia những chúng sinh làm sao kịp được. Lại Đức Phật trọn nên Pháp Thánh-Tự-Tại, nên với trong đáng vui mà sinh trưởng chẳng vui, với trong chẳng vui năng sinh trưởng vui, và với trong vui và chẳng vui năng sinh trưởng bình thường.

Hỏi: Với trong chẳng vui có thể sinh trưởng bình thường, chớ làm sao trong đó lại năng sinh trưởng vui?

Đáp: Vì khéo tu tâm nên với trong pháp chẳng vui như ác khẩu chẳng hạn, chẳng bị chướng ngại. Với trong các thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha-tâm-thông, túc-mạng-thông cũng không bị ngại, vì Định-lực, vậy nên thần thông vô ngại. Với các thiên-định thông đạt rõ ràng, kia các chúng sanh kia chẳng nghe được cái tên, huống là chứng đến. Duy Đức Như-Lai ra vào thiên-định không bị ngăn ngại. Và thiên-định của Phật gọi là Lực (như phẩm thập-lực sẽ nói nhiều), người khác không có. Vậy nên Đức Như-Lai Định phẩm đầy đủ.

3- Huệ phẩm đầy đủ: Cso hai thứ Vô-minh: một chướng thiên-định; hai khởi phiền-não, Như-Lai đều dứt, vì dứt pháp trái nhau nên huệ-phẩm đầy đủ. Lại được pháp tự-nhiên, chẳng theo học với kẻ khác mà khéo lời lẽ, khéo biết nghĩa-thứ biện-tài bất-tuyệt, trí-huệ không cùng; còn chúng-sinh đối với cá tài khéo ấy chẳng hay đầu đủ, duy Đức Phật biết hết không thiếu chút nào. Vậy nên Như-Lai Huệ phẩm đầy đủ. Lại nữa, Đức Phật thuyết ra pháp, hay nơi nghĩa-thứ; các kẻ tiểu trí có nói ra lời gì, không thể không lỗi, duy có Như-Lai nói ra không sai. Nên biết Như-Lai Huệ phẩm đầy đủ. Lại còn vô-lượng công-đức thành-tựu trí-huệ nữa nên được đầy đủ. Lại nói pháp mâu-nhiệm không sai lầm, như pháp bất-tịnh-quán để

phá trừ dâm-dục chẳng hạn. Lại trí-huệ thù-thắng nên oai-nghi cũng thù-thắng. Bởi các duyên có ấy nên biết huệ-phẩm đầy đủ.

4- Giải-thoát phẩm đầy đủ: Với hai thứ Vô minh, tâm đều giải thoát không còn tập khí hẳn chẳng thối lui. Như thế gọi là giải thoát đầy đủ.

5- Giải thoát tri-kiến đầy đủ: Năng đối với trong tất cả đạo-dứt-gút mỗi niệm đều biết, như người chặt cây, tay cầm cán búa, bên có người trí thấy biết cán búa mòn hết. Đức Phật cũng vậy với trí dứt-gút gút bị dứt mòn từng niệm đều phân biệt biết. Lại biết trong thâm tâm chúng sanh ưa nghĩ những gì, đúng như ý nó muốn, thuyết pháp giáo hóa khiến được giải thoát. Vậy nên năng đối chúng sinh trong đạo giải thoát, biết thấy đầy đủ. Lại nữa, Đức Phật Thế-Tôn biết thời cơ mà nói pháp, như đối với các ông Phạm-Chí, Những-Cù-Lô vậy. Lại Đức Như-Lai khéo biết các pháp sai khác, nên vì người này nói pháp như vậy. Như Phật bảo ông A-Nan nên vì Xa-Nặc nói kinh Ly-hữu-vô. Vậy nên Như-Lai khéo biết giải thoát. Lại khéo đem phương tiện dứt lỗi cho chúng sinh, như vì Ngài Nan-Đà lấy dục dứt dục. Lại Phật biết trước tín-tấn các căn của chúng-sinh đã thuần-thục rồi sau mới nói pháp, như trường hợp Ngài La-Hầu-La. Lại có chúng-sinh bị nghiệp chướng chẳng được giải thoát, Phật năng khiến dứt hết, nhiên hậu nói pháp. Lại có chúng-sinh đợi thời mới hết tội, như trong kinh phu-phụ nói. Lại có chúng sinh đợi người mới hết tội, như Ngài Xá-Lợi-Phất đợi ông A-Thuyết-Kỳ. Lại có chúng sinh đợi xứ mới hết tội, như Ngài Phóng-Nguu-Nan-Đà đợi người thân nhân A-Da-Đà. Lại có chúng-sinh đợi gặp chân thân của Phật; Lại có kẻ đợi gặp hóa thân mới được hết lỗi. Đức Phật đều phân-biệt rồi vì nói pháp, khiến được giải-thoát.

Đức Phật nói nhiều Pháp mầu nhiệm, năng phá tất cả nghiệp chướng, vì là pháp giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến đầy đủ. Lại nữa, Phật nói pháp lành hay nơi nghĩa thú, chẳng nói điều phi nghĩa và việc không quả-báo. Và Phật thứ lớp nói đạo giải thoát, giống như bài học toán pháp, vậy nên dễ hiểu. Lại nữa, Phật biết chúng sinh đời trước đã trồng căn lành mới thứ lớp nói pháp, và Phật hiện chứng được giải thoát mà vì người nói pháp chứ chẳng phải theo người học hỏi. Lại nữa, Phật pháp đầy đủ nhiều phương pháp hay ho, như người dùng nhiều món thuốc đầy đủ chữa lành các bệnh, Phật-pháp cũng thế, lấy các trị môn diệt trừ tất cả phiền não như người dùng cửu tượng, để trị các tội lỗi lớn nhỏ, mà nó không thể phản hại lại được, cho nên hay đầy đủ phá trừ các phiền não. Lại nữa, Đức Phật dùng phương tiện cao tột tế độ chúng sinh, hoặc dùng lời nói êm dịu, hoặc lời khắc khổ, hoặc có khi dùng cả lời êm dịu và khắc khổ. Vậy nên Đức Như-Lai giải thoát tri kiến đầy đủ.

PHẨM THẬP LỰC THỨ 2

Lại nữa, Đức Phật trọn nên mười lực nên trí huệ đầy đủ. Bởi nhân duyên đi về nên nói có mười lực. Trước tiên là thị-xứ phi-xứ lực, là trí quyết định trong nhân quả vậy: biết từ nguyên nhân này sinh ra quả báo như vậy: chẳng sinh quả như kia, như làm điều chẳng lành, chắc bị khổ báo, chẳng sinh báo vui. Gọi là xứ, là có việc như vậy; gọi là phi xứ là không có việc như vậy; Món lực trước tiên là gốc của các món lực sau.

Hỏi: Người đời cũng biết nhân quả của thị-xứ phi-xứ như do bấp sanh bấp, chẳng sanh lúa đậu?

Đáp: Cái biết của thị-xứ phi-xứ lực này là biết các pháp nghiệp nhân nên gọi món lực này là thâm sâu thứ nhất. Chứ cái biết của trời, người đời làm sao kịp được. Lại rõ biết sanh pháp nhân nhau có thứ lớp giúp cho thêm lên, vậy nên món lực này gọi là vi diệu nghĩa là biết các nghiệp nhân và các quả báo của ba đời. Biết xứ, biết sự, biết nhân, biết báo, vậy nên trí biết này gọi là lực. Biết xứ-sự-nhân-báo cả ba đời nên gọi là thâm sâu. Tại vì sao? Hoặc có người báo quá khứ và vị lai không có pháp gì cả, nên Đức Phật với lối chấp àny rất là hữu lực. Lại ở đời quá khứ vị lai tuy không hiện tướng, Phật vẫn hiện biết.

Lại nữa, nghiệp có hai thứ: lành và chẳng lành. Hoặc cso nghiệp lành mà hiện bị khổ, như vì trì giới mà bị các khổ não; hoặc có nghiệp tội mà hiện nay được hưởng vui, như vì phá giới mà được tự tại; Bởi đó nên có kẻ sanh nghi cho là đời vị lai e cũng trái ngược như hiện tại. Vậy nên Như-Lai kể nghiệp nói thọ. Thọ pháp có bốn thứ: Có hiện khổ sau vui; đều biết rõ biết xứ-sự nhân-báo. Xứ tức là kẻ lãnh thọ; sự tức là vật thí; nhân, tức là tâm người thí. Như trong kinh nói: “Trước tâm hoan hỷ, chính lúc thí tâm thanh tịnh, thí xong không ăn năn.” Nghiệp này được quả, gọi đó là báo. Duy Đức Phật năng biết nghiệp này nhiều ít hoặc quyết định, chẳng quyết định, quả báo đời hiện, quả báo đời sau, quả báo sau đời sau nên các việc đều biết hết không còn nên gọi là Lực. Đức Phật đời với các pháp thiên-định giải thoát chánh-định đẳng-trì; biết cầu, biết trụ, biết tăng, và biết tịnh. Với trong các nghĩa này, thiên là bốn cõi thiên, bốn cõi vô-sắc định, tức là các hành nghiệp của cõi sắc và cõi vô-sắc, Còn giải thoát là tám món giải thoát. Năng tận nghiệp này là thiên-định cõi vô-sắc và tám món giải thoát, gọi là chánh-định. Được dụng của chánh-định này hiện tại đều gọi là tam-ma-bạt-đề tức là đẳng-trì. Tam-ma-bạt-đề phân biệt có bốn thứ: tùy cầu, tùy trụ, tùy tăng và tùy tịnh. Biết cầu là tùy cầu định; biết trụ là tùy trụ định; biết tăng là tùy tăng định; biết tịnh là tùy đạt định. Tùy đạt định là hết thấy Noãn, Đánh bốn pháp gia-hạnh. Phật đời với các pháp này đều hiểu biết cùng tột, nên gọi là Lực. Đức Phật rõ biết cá căn lành lợi hoặc độn căn của chúng sinh. Tín tấn các căn thù thắng thì gọi là lành lợi, như các Đức Phật, Bồ tát; độn độn chẳng sánh kịp, như xà-nô chẳng hạn. Chẳng có trung-căn, vì

chẳng nhưt định được. Lợi căn chẳng có ngần mé như các đức Phật; độn căn cũng có ngần mé như xà-nô; còn trung-căn thời không ngần mé nên chẳng nói trung-căn.

Lại nữa, có hai chủng đạo: tín-hành và pháp-hành. Lại có hai chủng-đạo nữa: nan-đạo và dị-đạo, khác với hai đạo này thì gọi là trung. Quán người lợi độn tức là bực trung. Lại nữa, tùy chỗ sở thích nên căn cơ có sai khác. Thích tín-căn nên gọi là tín. Phần nhiều người có trí huệ các căn đều thù thắng bởi chỗ sở thích nên gọi hòa-già-lợi là tín-căn thù thắng. Các căn như vậy, Đức Phật thấy đều biết hết, cho nên gọi là Lục. Đức Phật biết chúng sinh đều có chỗ sở-lạc, lạc gọi là dục, như người sở lạc vui thù tạc thí muốn vui thù tạc. Phật tùy theo chỗ sở lạc mà biết từng món một nghĩa là chúng sanh ấy muốn vui muốn nơi năm món dục, hoặc vui tu đạo. Biết như thế rồi tùy cơ nghi mà nói pháp, năng quảng độ tất cả chúng sinh. Đức Phật biết người đời có vô lượng chủng tính vì chúng sinh lâu tập chỗ sở lạc thời tính quen, như Điều-Đạt chẳng hạn đời đời hủy bán Phật, ác tâm càng sâu, gọi là ác tính. Thiện tính cũng vậy. Hoặc có chúng sinh từ tính sinh khởi muốn, hoặc duyên lấy hiện tại mà sinh khởi. Đức Như-Lai đều khéo biết chỗ sở lạc và tính quen của nói, nên gọi là Lục.

Đức Phật biết tất cả chỗ chí-xứ đạo: Biết nó đi đf này sẽ sanh vào cõi địa ngục, cho đến sanh lên trời; biết nó đường này được đến Niết-Bàn. Những hành nghiệp này đều từ gốc dục tính phát sinh. Nghiệp nhân hữu lậu nên sinh trong năm đạo, nghiệp nhân vô lậu thì được đến NIẾT-BÀN. Trước chỉ nói đạo, giờ đây mới nói đến quả của đạo. Và trước nói tổng tướng, giờ đây nói biệt tướng; có nghiệp như thế được đến Niết-Bàn, đến địa ngục cũng có sai khác: nghiệp này sẽ đọa vào hoạt-địa ngục, nghiệp này sẽ đọa vào hắc-thắng địa ngục. Vậy nên Đức Phật trong món Lục thứ bảy biết nghiệp rất nhỏ nhiệm, còn các người khác thì dù biết cũng không thể phân biệt được. Nên gọi đó là Lục. Đức Phật biết nghiệp quả đời quá khứ như vậy gọi là túc-mạng trí-lực. Lại Phật xác biết chỗ tu đạo chúng sinh đời trước, rồi mới nói pháp, cho nên túc-mạng-thông cũng gọi là trí-lực. Lại nữa, Đức Phật chẳng những nhớ biết chỗ sanh xứ của mình trong đời quá khứ hoặc tại cõi sắc hoặc tại cõi vô sắc mà còn biết cả của chúng sinh nữa, nên gọi là Lục. Đức Phật đem thiên-nhãn trí xem thấy ba cõi nối nhau trong đời vị lại; rồi biết ba món nghiệp nhân, bốn món thọ pháp, rồi cũng vì đây mà dự thuyết trước rõ biết không ngăn ngại, nên gọi là Lục. Và Đức Phật đem trí lực lậu tận biết chẳng nối nhau: Chúng sanh mạng chết, hoặc có nối nhau, hoặc chẳng nối nhau. Món lục này đều làm cho tất cả chúng sinh đến chỗ đạo lục, nói chung là Niết-Bàn.

Nay trong thập lục này rộng phân biệt nói rõ, Phật biết nhân, cấu, tịnh nên có mười Lục. Chúng được chín món trước thì trọn nên trí-đức. Chúng được món thứ mười

thì trọn nên đoạn-đức. Trí-đoạn đều đầy đru nên gọi là Thế-Tôn, được trời người kính trọng.

PHẨM TỨ VÔ ÚY THỨ 3

Đức Phật trọn nên bốn món không khiếp sợ, cho nên đáng lễ. Bốn món không khiếp sợ là đức Như-Lai chứng được Nhất-thiết-trí, nhất thiết lậu-tận, năng nói chướng đạo và đạo hết khổ. Trong bốn pháp này, nếu có người đến nạn vẫn đứng như pháp thì Ta không chỗ e sợ gì cả. Món ban đầu là Nhất-thiết-trí mà cũng là chín món Lực trước. Món thứ hai là Đoạn, tức là món Lực thứ mười, là Trí-Đoạn đầy đủ. Đức Như-Lai tự mình đã đầy đủ công đức, còn hai món vô úy sau là khiến người đầy đủ. Đức Phật nói pháp chướng ngại là thật chướng ngại, chỗ gọi là bất thiện hoặc thiện mà còn hữu lậu, vì bị ngăn pháp giải thoát gọi là chướng ngại. Vì muốn lia chướng ngại nói pháp xuất-đạo.

Hỏi: Như ông vừa nói các món Lực tức là vô úy. Vậy thì Lực và vô úy có sai khác chi không?

Đáp: Trí gọi là Lực. Vì nhờ Lực này nên mới có sức kham thọ, thì gọi là vô úy. Có những người ngu si không biết hổ trên nên cũng có nhiều kham thọ. Kham thọ của Như-Lai từ trí huệ mà sanh. Và cũng nhờ trí huệ nên chẳng sợ kẻ khác nên gọi là vô úy. Tại vì sao? Vì hoặc có người tuy có trí mà còn khiếp sợ, nên gọi trí là Lực. Và vì năng nói được, nên trí này gọi là vô-sở-úy. Tại vì sao? Vì có người tuy biết mà chẳng hơn người khác được. Lại nữa, trí này vô tận, nên gọi là Lực. Biện tài vô tận, nên gọi là vô úy. Lại nữa, nói ra có nghĩa thú, nên gọi là Lực. Nói ra tự tại, nên gọi là vô úy. Và nhân gọi là Lực, quả gọi là vô-úy vì từ trong trí sanh ra vô úy vậy. Lại như có người xưa nay khiếp nhược, về sau được chút trí huệ liền vô úy hướng chi Đức Thế Tôn, từ kiếp lâu xa đến nay tâm trí rộng lớn, và chứng được Nhất-Thiết-Trí mà còn sợ ai? Lại nữa, có người không thể hơn người ta được, nên phải sợ hãi; không có một người nào mà Phật chẳng hơn, cho nên không sợ. Lại có kẻ luận giả, khéo hay lời lẽ, cũng khéo hay nghĩa thú, thì không e sợ, kẻ ấy tức Phật vậy. Vì chứng được Nhất-thiết-trí, nên khéo nơi nghĩa thú; chứng được vô-ngại-biện, nên khéo nơi lời lẽ. Lại có người gặp việc vì bất lực mà sanh sợ hãi. Đức Như-Lai đã chứng Nhất-thiết-trí nên đối với tất cả việc, không có bất lực. Tất cả kinh thơ luận nghị thầy đều thông đạt vẫn đáp rõ ràng, nên không chỗ sợ. Lại nữa có người bị hèn kém về gia tộc, về họ hàng, về sắc thân về giới đức, và về đa-văn trí-huệ nên bị đời chê bai. Đức Như-Lai với các điều kể trên đều không chút kém khuyết, vậy nên không sợ. Và như có kẻ luận giả đúng như pháp mà luận thì không ai phá hoại được, kẻ ấy tức là Đức Phật đấy. Như ông Bà-la-môn A-Thức-La thưa Đức Thế Tôn rằng: “Đúng như pháp mà luận, thì khó hơn phá, thuận đạo mà luận,

ngĩ lượng mà luận, hữu nhân mà luận cũng lại như vậy”. Lại nữa nếu có người trợn nên bốn món luận pháp cũng khó hơn khó khó phá: 1- Trụ chánh chấp; 2- Thọ nhân và phi nhân; 3- Năng thọ thí dụ; 4- Trụ trong luận pháp. Phật đủ bốn món này, nên chư thiên và người không ai hơn nổi, cho nên không sợ. Lại nữa, kẻ chẳng học thầy giỏi mà luận nghị thời dễ bị phá hư. Như-Lai ngày xưa từng ở chỗ Đức Phật Định Quang và vô lượng các Đức Phật khác tu tập luận pháp, nên không thể phá hoại được. Lại nữa, Phật nói có hai Đế: Thế đế và đệ-nhất-nghĩa đế, cho nên kẻ trí cũng không thể phá hoại được; kẻ phàm phu vô trí thì Phật chẳng cải lộn với họ. Lại Phật chẳng cùng với người đời tranh cãi nhau: người đời bảo có, Phật cũng nói có, mà họ nói không, thì Phật cũng nói không, vậy nên tránh được sự tranh cãi. Vì không tranh cãi, nên không phá hoại được. Lại nữa, luận nghị có hai thứ: một là chân-thật-luận; hai là đua dọc luận, các ngoại đạo phần nhiều là đua dọc luận, Phật chân-thật-luận, cho nên không thể phá hoại được. Lại trong Phật-pháp hành chánh thanh tịnh. Hành chánh thanh tịnh là nhân hết khổ. Luận của các ngoại đạo có nhân tương-tợ, không có chánh-nhân nên chẳng được đắc thắng. Lại Phật kinh thanh tịnh, nói ra nghĩa thú chẳng trái thật tướng, chẳng những tùy theo lời nói mà còn tự tâm rõ biết nữa. Như trong kinh Phật bảo Tỳ-kheo: “Các người chẳng những tin nơi lời nói của ta mà còn phải tự biết thấy tự thân tu chứng nữa”. Và một chỗ khác Phật nói thêm: “Người đến các kẻ không đua dọc, như Ta sớm mai vì người nói Pháp khiến chiều được Đạo; hay chiều vì nói pháp khiến sáng sớm được Đạo! Lại nữa, nếu người đối với pháp có chỗ chẳng thông, liền ngưng chẳng nên nói bướng, dù có nói ra chắc bị phá hoại. Đức Phật không chỗ nào chẳng thông đạt, nên được vô úy. Lại Như-Lai được các trí vô ngại, với tất cả pháp, không pháp nào chẳng thông đạt, nên không bị sợ. Còn những kẻ tiểu trí chẳng biết chỗ biết của đại nhân; ngược lại đại nhân năng biết tiểu trí. Phật là đáng cao cả nhất của chúng sinh, có thể biết tiểu luận, nên không bị sợ. Lại luận của các ngoại đạo chỉ nhân chỗ thấy mà khởi; Phật biết thấy ấy từ các duyên mà sanh, và biết tập, biết diệt, biết vị, biết quả và biết xuất. Các ngoại đạo không thể biết hết được, nên mới sanh tranh luận. Phật dùng Nhất-thiết-chủng-trí biết tất cả các pháp, năng phá hoại tất cả luận, mà chẳng bị tất cả các luận phá lại, nên không bị sợ. Bởi các duyên do như thế nên Lực và Vô-úy nghĩa có sai khác.

Hỏi: Phật đối với các pháp đều không bị sợ, mà sao chỉ nói bốn món vô úy ư?

Đáp: Nói bốn món là đã gồm nói tất cả vô úy. Tại vì sao? Vì hai món vô úy trước là tự nói Trí-đức và Đoạn-đức về phần mình; hai món vô úy sau là vì người khác nói pháp chướng đạo, nói đạo hết khổ, cũng là trí-đoạn nữa. Thầy và trò trí đoạn đầy đủ, nên gồm nói: Nhất-thiết vô úy.

Hỏi: Vì sao chúng sinh nghi Phật chẳng phải Nhất-thiết-trí-nhân?

Đáp: Lời Phật nói ra, có khi có những lời tợ như chẳng phải Nhất-thiết-trí-nhân; Như Phật hỏi: “Người từ đâu đến đây” Có những việc như vậy thảy. Lại như trong kinh nói: “Có người đi vào trong thành đô, làng xóm rồi họ hỏi tên các nơi ấy. Ta chẳng cho kẻ ấy là Nhất-thiết-trí”. Có kẻ nghe kinh này nói thế, mới nghi Phật chẳng phải bậc Nhất-thiết-trí-nhân. Và có khi Phật nói ra in như còn tham lam, như trong kinh nói: “Phật nói, Hay thay! Tỳ-kheo đến đây, người với thân này là được đại lợi. Tùy thuận pháp Ta là Ta vui mừng”. Còn có những lời in tuồng giận dữ như Phật bảo ông Điều-Đạt rằng: “Người là thứ người chết... là người ăn đồ khạc nhổ của người khác...” Lại còn có những lời in tuồng kiêu ngạo: Như Phật tự nói: “Ta là sư tử trong loài người vì ta trọn nên thập lực, từ vô-sở úy, nên đối với đại chúng ta rống tiếng Sư tử”. Và có lời nói in như kiến chấp, như nói: “Khéo tu trì pháp Ta như người bung bát dầu”. Và bảo với ông Điều-Đạt: “Ta chẳng đem chúng Tăng giao cho Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên hướng chi giao cho người?”. Vì thế nên có kẻ tiểu trí nghe các lời nói ấy vội bảo Như-Lai chưa hết lỗi.

Lại nữa, Phật nói các món Dục là thứ chướng đạo, mà có người thọ Dục cũng vẫn được đạo. Và trong Luật chế ra pháp ngăn chặn, mà có người hủy hoại pháp ấy cũng vẫn được đạo. Cũng vì vậy mà kẻ tiểu trí nghi Phật chẳng biết chướng pháp. Lại có kẻ tu đạo mà vẫn có tội lỗi, nên kẻ tiểu trí nghi bảo tu Thánh đạo mà không thể hết tội, tội đã chẳng hết làm sao hết khổ? Vậy Như-Lai với bốn pháp này nói không bị sợ.

Hỏi: Đã bị các nghi như trên, làm sao sẽ dứt cho được?

Đáp: Đây là những lời Đức Phật tùy theo lời nói thế tục, vì người đời có việc họ đã biết mà vẫn hỏi han chẳng cho thế là lỗi. Phật cũng như vậy, vì còn ở trong thế gian nên tùy theo thế tục mà hỏi. Và người đời cũng có kẻ trong lòng mình không tham lam mà nói ra lời nói in tuồng có tham lam, có những trường hợp như vậy. Phật cũng như, vì muốn lợi cho chúng sinh nên hiện ra có những lời nói như thế. Hoặc nói: Dục chẳng phải chướng pháp. Như-Lai nói dục thật là chướng pháp, nếu Dục còn ở nơi tâm thì không tu đạo được, cần trước trừ Dục đã, nhiên hậu mới đắc đạo, Hoặc kẻ tuy phạm pháp ngăn cũng vẫn đắc đạo, phá pháp thật ngăn, chắc không đắc đạo. Nếu chẳng phải thật tội vì trọng duyên nên Phật tự cho trở lại, chứ chẳng phá hoại pháp ngăn. Hoặc nói kẻ tu đạo cũng còn tội. Thánh đạo năng phá trừ tất cả tội lỗi, vì chưa đầy đủ nên chẳng hay phá hết ví như tính của dầu tô có thể chữa được bệnh nóng, mà vì uống ít nên chẳng lành bệnh. Tu đạo cũng vậy nên không có lỗi.

Đức Như-Lai đầy đủ trọn nên bốn món không bị e sợ, vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM THẬP HIỆU THỨ 4

Lại nữa, trong kinh nói: Như-Lai có mười đức hiệu: Như-Lai, Ứng-cúng, Chánh-Biến Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự, Thiên-Nhân-Sư, và Phật Thế-Tôn. Như Lai: Là nương đạo như Thật đến thành quả chánh giác, nên gọi là Như Lai. Có nói ra điều gì đều đúng sự thật chẳng luống dối, như Phật hỏi A-Nan: “Như-Lai nói ra có hai lời chẳng? Dạ thưa Thế Tôn không”. Cho nên gọi như-thuyết. Lại nữa Như-Lai từ đêm đắc đạo cho đến đêm Niết-Bàn, trong thời gian ấy, có nói ra lời gì đều chân thật chẳng phá hoại được, nên gọi là như-thuyết. Lại đem Nhất-thiết-Chủng-Trí để biết ngăn mé trước sau, rồi sau mới nói, nên nói ra đều chân thật. Lại các Đức Phật Thế-Tôn nghĩ nhớ bền chắc không bị quên mất. Có người hoặc đem trí so sánh hay theo trong kinh sách mới nói năng được, hoặc có sự việc hiện tại chẳng khéo thấy mà nói năng; Người này nói ra là hoặc đắc hoặc thất; như trong kinh nói: “Kẻ tử-trí nói ra hoặc đắc hoặc thất”. Phật với các pháp hiện biết rồi mới nói vậy nên lời nói đều không phá được, nên gọi là thật-thuyết. Lại Phật nói ra điều nói thật nghĩa, chẳng phải như các người nói ra có thật có hư, nên chẳng phá được. Và lời nói hợp thời như trong kinh nói: Phật biết chúng sinh tâm nó vui chi thích gì rồi nói đạo pháp. “Nên gọi như-thuyết”. Và với kẻ dảng vì nói, liền nói ngay, như trong kinh Khẩn-thúc-già đã nói. Lại chỗ nên nói pháp liền vì nói ngay, chỗ gọi hoặc hẹp, hoặc nói rộng các môn âm-nhập, vậy nên nói ra đều là chân-thật.

Lại nữa, có hai món pháp ngữ: một y thế-đế, hai y đệ-nhất- nghĩa đế. Như-Lai y hai đế này mà thuyết pháp, nên nói ra đều thật. Lại Phật chẳng nói thế-đế, là đệ-nhất-nghĩa-đế, cũng chẳng nói đệ-nhất-nghĩa-đế là thế-đế, vậy nên lời nói của đôi bên đều chẳng trái nhau. Lại nữa, Như-Lai nói pháp hoặc đóng, hoặc mở cũng chẳng trái khác nhau. Tùy theo việc mà đóng tức việc này chẳng mở, tùy theo việc mà mở tức việc này chẳng đóng, vậy nên lời nói đều chẳng trái nhau. Lại có Ba món pháp ngữ: một từ kiến sanh, hai từ mạn sanh, ba từ giả danh sanh. Phật không có hai món ngữ trước, đối với món thứ ba thanh tịnh không nhiễm. Lại có bốn món pháp ngữ: kiến, văn, giác, tri. Phật với bốn lời nói này đều thanh tịnh tâm không tham đắm. Lại có năm món pháp ngữ: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất-khả-thuyết. Năm món ngữ này, Phật đều thông suốt rõ ràng, biết rồi nhiên hậu mới nói, nên gọi như thuyết. Năng như thuyết cho nên gọi là Như-Lai. Bởi vì hết phiền não, mới được pháp này, các món tham, sân si là cội gốc của vọng ngữ, diệt hết các tội này, vậy nên Ứng-Cúng. Lại nữa Như-Lai nói pháp ứng-cúng là pháp diệt tội, do chánh trí mà sinh, đem trí huệ của chánh quán các pháp vô thường, khổ, không ... nên mới diệt hết các phiền não. Nhờ chánh trí mới sinh pháp ứng cúng. Pháp chánh trí này từ minh - hành mà sinh ngăn, trước mé sau và chẳng tương tục khéo thông suốt, nên đượ gọi là chánh tòi. Tận ôu rớt ráo các pháp bố thí, trì 'iới

nên gọi là minh-hàn-túã. Các người khác cũng ở trong vô thầy sinh ôu tu các pháp bố thí, tì giới mà không có chánh hành nên chẳng gọi là Thiện-thệ. Phật có cèanh đạo tu áo thí, trì giới các hạnh nên gọi là Thiện-thệ. Được năm pháp này công đức của Như-Lai về phần mình đầy đủ. Được chánh trí nên năng biết tất cả tâm niệm người đời, "iết sở niệm rồi mới vì lời pháp, nên gọi Vô Thượng Sĩ. Ừnh kẻ đáng điều p(ục chế ngự ẽhông một kẻ nào chẳng được điều phục. Đã được điều phục hẳn không còn bại hoại nữa. Kẻ được điều phục chính là người trời. Nên gọi là Thiên-nhân-sur. Hoặc có kẻ sinh nghi: Đức Như-Lai sinh trong Nhân đạo mà làm sao có thể giáo hóa trên Thiên đạo được? Cho nên Đức Phật đã nói: "Ta là bậc Thầy của trời". Đức Phật khi ngồi nơi đạo tràng, trừ giác ngủ vô minh, chứng được Nhất-thiết-trí, lãng nhiên đại ngộ tất cả các pháp: Quá khứ, vị lai, hiện tri, các pháp hữu vi vô vi, hữu lậu vô tận hoặc thô hoặc tế thấy đều giác ngộ, nên gọi là Giác giả.

Như vậy chín món công-đức đã đầy đủ là đáng cao cả trong ba đời mười phương thế giới nên gọi là Thế-Tôn.

Mười Hiệu của Phật đầy đủ: là tự thân mình đầy đủ. Khiến người khác cũng đầy đủ; lợi mình lợi người, cho nên đáng kính lễ.

PHẨM TAM BÁT HỘ THỨ 5

Ba nghiệp thân khẩu ý của Đức Phật chẳng cần gìn giữ. Tại vì sao? Vì ba nghiệp ấy của Phật không có bất tịnh, muốn khiến kẻ khác chẳng thấy chẳng biết. Lại các người khác hoặc có khi vô ký, in như ba nghiệp thân khẩu ý có bất tịnh nên bị kẻ trí chê cười, Phật không có như vậy, Tại vì sao? Vì tất cả ba nghiệp ấy của Như-Lai đều bởi trí huệ và chánh nhớ nghĩ mà sanh khởi. Còn những kẻ tiểu trí bị vọng niệm không được nghiệp như vậy. Lại người đời hoặc vì vội vã mà bị lầm lời, Phật thì không có các việc như thế. Tại Phật khéo tu Thân giới tâm-huệ, các phép như vậy đều khéo tu nên tất cả nghiệp nhân bất thiện và tợ bất thiện thấy đều trừ diệt. Lại nữa, Đức Thế Tôn từ kiếp lâu xa đến nay đã từng tu hành các thiện pháp chẳng phải mới đời này, vậy nên các nghiệp tính thanh tịnh chẳng còn gìn giữ. Lại Phật thường vui tu giới hạnh, chẳng phải lo sợ đọa ác đạo mà tu. Lại tất cả ba nghiệp thân khẩu ý của Phật đều làm lợi ích cho người nên không có bất thiện, vì không bất thiện nên cần gìn giữ. Vì ba nghiệp thanh tịnh chẳng cần gìn giữ nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Đức Phật nên ba món niệm xứ, sửu dĩ đáng kính lễ. Mỗi khi thuyết pháp, thính giả có chăm lòng nghe, chẳng láy làm mừng, hay chẳng chăm lòng nghe, cũng chẳng láy làm buồn, vì thường tu xả tâm. Tại vì sao? Vì tập khí tham sân của Phật không còn chút mảy. Và Phật biết các pháp rốt ráo là "không", nên không

mừng không buồn. Và Đức Phật khéo nhóm chứa lòng Đại bi nên đối với thiện hay bất thiện, lòng vui buồn mà chỉ bình đẳng sinh khởi lòng Đại bi. Và Phật am hiểu tâm tánh của mỗi chúng sanh, hoặc khéo chăm nghe, chẳng lấy làm mừng, mà chẳng khéo chăm nghe, cũng chẳng lấy làm buồn, vì bản tánh nó vậy, nên thường tu xả tâm, lại tâm của Phật bền chắc in như chốn đại địa, bớt vật nặng chẳng cao lên, hay thêm vật nặng cũng chẳng thấp xuống; còn tâm của kẻ phàm phu như cái cân, thêm chút là thấp xuống, mà bớt chút thì cao lên. Lại Phật Thế Tôn gọi là đấng Đại bi, vậy nên người trời đều nên kính lễ.

Lại Phật bỏ vui trong cảnh thiên-định nhiệm mầu mà vì người nói pháp. Bi tâm của kẻ khác không thành xong việc gì; lòng Đại bi của Thế Tôn năng cứu chúng sinh, nên gọi là hữu quả. Và cũng nhờ Tâm đại bi mà thành tựu được đạo vô thượng chớ chẳng phải trợ duyên nào khác nữa. Lại nữa, Phật không có ngã tâm hành thiếu dục tri túc rất là số một. Cũng do tâm đại bi nên tự khen thân mình. Và tánh Đức Phật nhu hòa, mà cũng vì tâm đại bi nên mới có những lời khổ thiết khởi ra đại phương tiện, chịu các điều cần khổ vì độ chúng sinh vậy. Và vì lòng đại bi của Phật độ chúng sinh nên mới xuất hiện ở trong thế gian mà lãnh lấy chiếc thân năm ấm như thỏi sắt nóng, trong chùng giầy lát chẳng khá chịu nổi. Lại Phật thế Tôn khéo tu xả tâm, rồi bỏ xả tâm thương tu đại bi tâm, nên được mọi loài tôn kính. Lại Phật là Người lành trong đám người lành. Tại vì sao? Vì mình được đại lợi rồi làm cho người khác cũng được đại lợi, lời mình lợi người, nên gọi người lành lại Phật là kẻ bạn lành chân thiện của chúng sinh, như trong kinh nói: “Ta là thật bạn lành quen biết của chúng sinh và là kẻ thương xót, kẻ lợi ích...” Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn là một đồng nhóm các công đức như tinh tấn bố thí... chính như ông Hòa Lợi trưởng giả dùng một trăm câu kệ khen Phật là đọc các công đức này. Vậy nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Đức Phật tự nói của mình, như trong kinh Tăng nhất A-Hàm (phẩm Như-Lai Phật tự nói: “Ta là Sư tử trong loài người, là người đẹp như hoa, là người hùng như voi là đệ nhất Sa-môn mà cũng là đệ nhất trong đám Bà-la-môn, và là vua trong các vị Thánh, là vì hành vi không còn sai lầm, là chẳng tùy theo khổ vui, chính là thân Ta, vậy,”

Hỏi: Bởi có chi mà Phật tự khen thân mình? Kẻ nào tự khen thân mình là tướng của người ngu.

Đáp: Đức Thế Tôn chẳng cầu danh lợi mà chỉ vì kẻ khác? Khác tự khen thân mình. Và Phật không có ngã, vì muôn lợi cho kẻ khác nên tự khen không lỗi. VÀ cũng bởi nhân duyên mà tự khen ít nhiều vậy thôi, chớ với công-đức của Phật không hề nào khen nói hết được cho nên chẳng đọa vào tướng người ngu, vì chẳng tự cao

vậy. Lại như trong kinh Thanh tịnh, Ngài Xá-Lợi-Phất đứng trước Phật mà ngợi khen công đức của Phật. Vậy nên đáng kính lễ.

Và các hạnh thiếu dục tri túc và vô lượng công đức đều tập trung nơi thân Phật, tại vì sao? Vì Phật nhóm họp các công đức đầy đủ. Bởi các duyên do này nên đáng kính lễ.

LUẬN PHÁP BẢO - TRƯỚC PHẨM TAM THIỆN THỨ 6

Hỏi: Trước ông có nói nên lễ Pháp bảo. Mà Pháp bảo có công-đức gì nên đáng kính lễ.

Đáp: Đức Phật tự khen nói: “Pháp ta nói ra trước, giữa, sau đều thiện” nghĩa thiện, ngữ thiện, độc pháp cụ túc, thanh tịnh điều nhu, tùy thuận phạm hạnh. Trước giữa sau đều thiện là Phật pháp không thời nào chẳng thiện; Với thiếu thời, tráng thời, lão thời, ba thời đều thiện; Vào thời, hành thời, và xuất thời cũng đều thiện. Và trước là ngăn ác, giữa là xả phước báo và sau tất cả đều xả, vậy nên gọi là tam thiện. Lại ba thời Phật thường thuận thuyết chánh pháp chẳng xen phi pháp như các ngoại đạo. Và ba thời trước giữa sau Phật thường vì chỗ ưa vui kẻ trí mà thuyết. Và trong ba thời tất cả pháp đều thắm sâu, chẳng như kinh khác trước to, giữa nhỏ, sau chỉ còn chút xíu. Bởi các lẽ ấy nên gọi là Tam Thiện. Nghĩa thiện: là nghĩa Phật pháp có lắm lợi ích: được lợi đời này và đời sau, và lợi xuất thế đạo, chẳng phải như ngoại điển nguyện cầu tăng thêm thiên nhân. Ngữ thiện: là tùy theo phương ngôn tục ngữ năng tỏ ra chánh nghĩa, nên gọi là ngữ thiện. Tại vì sao? Vì kết quả lời nói chính là nghĩa vậy. Vậy nên có bấy nhiêu lời nói ra là để năng thành xong nghĩa lý, nên gọi là ngữ thiện. Lại nữa, cái quý của Phật-pháp là đúng như nói mà làm, chứ chẳng phải quý ở lời nói suông, vậy nên tùy theo phương ngôn tục ngữ, năng khiến được đạo, thì gọi là ngữ thiện. Chẳng như ngoại điển, chỉ quý lời nói; hoặc thất lời nói hoặc thất âm thanh là kẻ luận chủ bị tội. Lại nữa khéo nói chân để gọi là nghĩa thiện, khéo nói thế để gọi là ngữ thiện. Độc pháp: là Phật chỉ nói chánh pháp nhờ chẳng vì vui luận nói chuyện đời xưa và cũng xen nói pháp và phi pháp. Và độc pháp: là Phật chỉ vì vô dư Niết-Bàn nên nói lại độc nhất là Phật năng thuyết, cho nên gọi là Độc pháp.

Hỏi: Có kinh Thanh-Văn bộ, chỉ có Thanh Văn mới được nói. Còn các kinh khác nữa do các Thiên-thần nói, sao ông nói độc nhất Phật nói?

Đáp: Cội gốc của các kinh ấy đều từ Phật mà ra, nghĩa là các Thanh-văn và Thiên Thần đều là những kẻ truyền đạt lời Đức Phật. Như trong luật tạng nói: “Phật-pháp gọi là Phật sở thuyết.” Những lời Đức Phật nói ra và các vị biến hóa và các chư thiên nói ra, tóm tắt mà nói: Tất cả trong thế gian có bấy nhiêu lời nói khéo hay

đều là lời Phật nói nên gọi là Độc Pháp. Cụ túc: là pháp Đức Phật nói ra không có giảm bớt, như trong kinh Uất-đà-la-già nói tương cụ túc. Và Phật-pháp chẳng đợi các kinh mới được thành tựu, như kinh Hòa-già-la-na đợi năm kinh nhiên hậu mới được thành tựu. Phật-pháp chẳng phải như vậy, với trong một bài kệ vẫn đầy đủ ý nghĩa, như nói: chớ làm các ác, vâng làm các lành; tự sạch tâm ý, là các Phật dạy. Nên gọi là Cụ túc.

Thanh tịnh điều nhu: Có hai món thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh điều nhu: lời thanh tịnh gọi là thanh tịnh, nghĩa thanh tịnh gọi là điều nhu. Và Phật cho đối trong nghĩa để riêng lời tùy nghĩa; đối trong chánh ngữ để riêng nghĩa tùy ngữ chánh, chẳng phải như ngoại đạo theo kinh mà lấy. Và trong Phật pháp, y pháp bất y nhân. Mà trong pháp cũng còn chọn lựa nữa: y kinh liễu nghĩa; chớ chẳng y kinh bất liễu nghĩa, ấy là tịnh pháp chẳng những cứ theo kinh. Và trong Phật-pháp có ba pháp ấn: tất cả vô ngã, các pháp hữu vi, niệm niệm vô thường; Tịch diệt Niết-Bàn, với ba pháp ấn này, các Luận giả không thể phá hoại được, vì là chân thật nên gọi là thanh-tịnh điều-nhu. Tùy-thuận phạm-hạnh: là Bát-chánh-đạo gọi là phạm-hạnh. Phạm là đạo Niết-Bàn, vì năng đến Niết-Bàn nên gọi là Phạm-hạnh.

Pháp-bảo trọn nên công-đức như thế, cho nên đáng kính lễ.

PHẨM CHÚNG PHÁP THỨ 7

Lại nữa, Phật tự khen rằng: “Pháp ta năng diệt, năng đến Niết-Bàn, năng sanh chánh trí năng khéo dẫn đường”. Năng-diệt: diệt tất các lửa tham, sân si các thứ phiền não nên gọi là năng diệt; như tu quán bất tịnh diệt được lửa dâm dục, như tu từ tâm, diệt được giận dữ, chẳng phải như ngoại đạo tu pháp đoạn-thực, cho nên gọi là năng diệt. Năng đến Niết-Bàn: đích rốt ráo Phật-pháp là chắc đến Niết-Bàn, chẳng phải như ngoại đạo an trụ trong hữu phần, hay say đắm các thiên-định. Và trong Phật-pháp nói tất cả hữu vi pháp đều có tội lỗi nên không đáng khen ngợi, chẳng phải như Bà-la-môn khen ngợi Phạm-thiên, cho nên Phật-pháp năng đến Niết-Bàn. Năng sanh chánh trí: có bao nhiêu Phật-pháp đều vì Niết-Bàn; Vậy nên sanh chánh trí. Và trong Phật-pháp có quả chân trí, như từ văn huệ sanh tư huệ, từ tư huệ sanh tu huệ, nên gọi Phật pháp năng sanh chánh trí. Năng khéo dẫn đường: Phật-pháp, mình trước khéo thành, sau mới đem người khác an trú trong chánh pháp, nên gọi khéo dẫn. Lại nữa, Phật-pháp có 6 pháp: 1)Thiện thuyết, 2) Hiện báo, 3) Vô thời, 4) năng đem, 5) Đến ném, 6) Trí giả tự tri.

Thiện thuyết: các pháp của Phật nói đúng như thật tướng của các pháp: như pháp bất thiện là nói tương bất thiện, thiện là nói tương thiện, gọi là thiện thuyết. Hiện báo: Phật pháp năng được quả báo hiện đời, như trong kinh nói: “Som mai thọ giáo,

khiến chiêu đặc đạo; chiêu vì nói pháp sáng ngày đặc đạo”. Và hiện báo: như nói hiện được quả Sa-môn như trong kinh nói: hiện được cung kính danh tiếng, thiên định, thần thông các việc lợi ích. Lại nữa, Phật-pháp đều có nghĩa lý, nên gây được cung kính hiện đời, quả báo đời sau và quả báo Niết-Bàn; các pháp ngoại đạo không có nghĩa lý nên không được quả báo hiện tại và đời sau hưởng chi Niết-Bàn, cho nên gọi là hiện báo. Vô thời: Phật-pháp chẳng đợi ngày tháng năm nào hay tinh tú cát hung mới được tu đạo, hay ngày tháng năm nào đó chẳng được tu đạo. Chẳng phải như pháp của Bà-la-môn: sơ xuân Bà-la-môn lãnh thọ pháp lửa, cuối xuân giồng vua chúa lãnh thọ pháp lửa. Còn có hoặc đợi mặt trời mọc, hoặc chưa mọc mới cúng dường lửa. Như có kẻ thấy năm giống lúa đợi thời mới trồng, rồi bảo Phật pháp cũng phải như thế. Vậy nên nói Vô-thời. Như trong kinh nói: “Phật-pháp” dễ tu, đi đứng ngồi nằm không lúc nào chẳng tu được”. Năng đem: vì nhờ chánh hành nên có thể đem chúng sanh đến chỗ giải thoát, nên gọi là năng đem. Đền nếm: Phật-pháp cần phải tự thân làm chứng, chẳng phải chỉ theo người khác như Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các người đừng chỉ tin lời Ta, mà phải tự suy nghĩ: pháp ấy nên tu hay pháp ấy chẳng nên tu”. chẳng phải như ngoại đạo bảo các đệ tử rằng: “Nên bỏ lời vấn đáp này, như người rửa sạch chẳng ưa bụi đất, phải như đũa diếc câm chỉ theo lời ta”. Cho nên gọi là nếm. Trí giả tự tri: Phật-pháp lợi ích, kẻ trí huệ mới có thể tin hiểu, còn pháp đoạn thực những đũa thô ngu tin vui, chớ kẻ trí chẳng chịu. Dùng chánh trí huệ năng phá trừ phiền não; những pháp như thế kẻ trí mới hiểu. Tuy dùng vật thực đầy đủ nuôi thân mà nhất tâm tinh tấn tu trì, không nhiễm tham sân. Các việc như thế người trí hiện biết, như người lành bệnh tự nhiên biết được khỏi bệnh, như tướng nước lạnh chỉ kẻ uống mới biết. Lại nữa, hoặc có quá ngữ pháp: như nói tướng cứng của đất. Cứng lấy gì làm tướng? Không thể lấy lời nói đáp được, mà phải rờ mới biết. Cũng như có người mù từ trong bụng mẹ không thể bảo với họ những màu xanh vàng đỏ trắng được. Nếu người chưa thấm được khí vị Phật-pháp thì không thể đem thật nghĩa Phật-pháp mà bảo với họ được, vì là pháp tịch diệt vậy. Lại nữa, Phật-pháp khá tự chứng biết chứ chẳng khá đem chỗ đã chứng biết của mình mà trao cho người khác như vật của được. Như trong kinh Bà-la-diên Phật nói: “Ta không thể tự dứt nghi cho người để người có thể chứng pháp của Ta; nghi của người tự dứt lấy.” Lại nữa pháp ấy khi đến thân kẻ khác thì chẳng khá thấy được, như lửa đã truyền đi nơi khác. Lại kẻ phàm phu ngu nhân bị núi vô minh che ngăn nên chẳng tin pháp này, như Phật nhân ông A-Di-La-Việt Sa di nói thí dụ núi lớn. Cho nên gọi trí giả tự biết. Lại nữa, Phật-pháp thăm sâu, mở chỉ đậy vẽ pháp nông cạn để dứt trừ hư ngụy, lưu bố khắp người trời. Thăm sâu: Phật-pháp thăm sâu, vì chẳng biết nguyên nhân nên người đời phân nhiều chỉ thấy hiện quả; không thể biết nguyên nhân nên mới nói do Tự Tại Phạm Thiên các món tà nhân. Mười hai pháp nhân duyên thăm sâu nên khó hiểu. Người đời trí cạn đối với Phật pháp chẳng thâm tưởng được nên không thể thông suốt các pháp nhân duyên, cho đến mấy cộng cỏ cũng do các nhân duyên.

Suy nghĩ quan sát thì tướng nó càng thăm sâu. Như Phật đã nói: “Các pháp nhân duyên, việc này thăm sâu, ai hết lìa diệt, và chỗ Niết-Bàn, cũng là khó thấy.”

Hỏi: Nếu nhân duyên thăm sâu sao Ngài A-Nan sanh lòng nghĩ nông cạn?

Đáp: có ông Luận sư đã phê bình rằng: “Lời nói ấy không đúng; Ngài A-Nan là bậc đại đệ tử thông đạt pháp tướng làm sao lại nói pháp nhân duyên là nông cạn?” và hoặc đem tổng tướng mà quán sát pháp nhân duyên nên sanh tướng nông cạn. Tại vì sao? Vì người ấy chẳng khéo phân biệt mà quán nghiệp phiền não vậy. Lại nữa, như người vói việc sở học đã được rốt ráo liền sanh lòng nghĩ cạn dễ, như khi được đại rí trở lại xem bài học ban đầu. Trái lại có người trí huệ chưa thành tựu. Vói pháp thăm sâu sanh nghĩ dễ dàng nông cạn. Lại nữa, vì Phật khéo thuyết pháp nên hoặc có chúng sinh nghe liền sanh nghĩ cho là cạn dễ. Lại Phật pháp đều “không” vì lý “không” này rất là thăm sâu nên Phật dùng nhiều món nhân duyên thí dụ tuyên nói nghĩa thời được dễ hiểu, trẻ con cũng hiểu được, như Sa di Tu-Đa-La chẳng hạn. Lại nữa, Phật-pháp chắc chắn, nên trong các lời nói rất là chân thật, chẳng phải như những kinh Bà-la-đà-la-ma-diên chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa. Như ông Phạm-Chí Lô-Đề thừa vói Đức Thế Tôn rằng: “Các Tỳ-kheo đối trong pháp chân thật lợi ích tinh cần tu học thời được hết lậu.” Lại nữa, Phật-pháp vì làm lợi ích cho tất cả người đời nên mới nói chứ chẳng phải như Bà-la-môn nói: “Pháp Bà-la-môn chỉ có tự mình được đạo người khác không được.” Phật-pháp là pháp tôn trọng các vì Thiên Vương là những kẻ lung hưởng ngũ dục mà vẫn đến tín thọ. Vì những nhân duyên này, cho nên Pháp-bảo đáng kính lễ

PHẨM THẬP NHỊ BỘ KINH THỨ 8

Lại nữa, Phật-pháp phân chia có mười hai bộ: 1- Tu-Đa-La, 2 Kỳ-Dạ, 3- Hòa-già-La-Na, 4- Già-Đà, 5- Ưu-Đà-Na, 6- Ni-Đà-Na, 7- A-Ba-Đà-Na, 8- Y-Đế-Việt-Đa-Già, 9- Xà-Đà-Già, 10- Bộ Phật-Lược, 11- A-Phù-Đa-Đạt-Ma, 12- Ưu-Ba-Đề-Xá.

Tu-Đa-La: là những lời nói thẳng. Kỳ-Dạ: là dùng kệ tụng lại Tu-Đa-La, hoặc Phật tự nói, hoặc các đệ tử nói.

Hỏi: Tại sao phải dùng kệ tụng lại Tu-Đa-La làm chi?

Đáp: Muốn cho nghĩa lý kiên cố, như dùng dây xâu hoa thứ lớp kiên cố, và muốn trau dồi lời lẽ, khiến người ưa thích, như dùng lối rải hoa, hoặc đem hoa xâu để làm trang nghiêm. Lại nữa, nghĩa lý được vào trong kệ thời tóm tắt dễ hiểu. Hoặc có chúng sinh ưa nói thẳng, hoặc thích kệ tụng. Và trước nói thẳng pháp, sau dùng kệ tụng thời nghĩa lý rõ ràng khiến lòng tin kiên cố. Và nghĩa được vào trong kệ thời thứ lớp liên nhau rõ ràng dễ bề khen nói. Vậy nên phải cần nói kệ. Hoặc có

người bảo: “Phật pháp chẳng nên tạo kệ vì giống lời ca vịnh.” Lời nói ấy không đúng, vì Phật-pháp cần nên tạo kệ. Tại vì sao? Vì Phật tự dùng kệ mà thuyết các sự nghĩa vậy. Như trong kinh nói: “Tất cả các lời đẹp đẽ trong thế gian đều do pháp Ta mà có.” Vậy nên dùng kệ tụng mới có lời đẹp đẽ. Hòa-già-la-na: là các kinh có giải nghĩa thì gọi là kinh hòa-già-la-na. Nếu có kinh không đáp không giải như Tứ Vô Ngại chẳng hạn thì gọi là Tu-Đa-La, kinh có vấn đáp gọi là Hòa-già-la-na như nói có bốn hạng người: từ tối vào tối, từ tối vào sáng, từ sáng vào tối, từ sáng vào sáng. Hạng từ tối vào tối: như những người bản tiện mà còn gây ba ác nghiệp. Sẽ đọa vào ác đạo. Những kinh như thế gọi là Hòa-già-la-na.

Hỏi: Cớ sao Phật nói kinh không đáp không giải?

Đáp: Có kinh nghĩa lý thăm sâu, nghĩa của kinh này sẽ nói riêng trong phần A-Tỳ-Đàm, vậy nên chẳng giải. Hoặc có người nói: “Đức Phật nói kinh đều có giải nghĩa.” Nhưng vì kẻ kiết tập Pháp-bảo lựa kinh nào nghĩa thăm sâu để vào trong a-tỳ-đàm, như bởi hai nhóm người kiết tập trong hang và ngoài hang, trọn đêm giải nghĩa; nghĩa này nên ở trong nhóm kiết sử Già-Đà: là đệ nhị bộ thuyết. Kỳ-dạ: Kỳ-dạ là kệ. Kệ có hai thứ: một gọi là Già-đà, hai gọi là lộ-già. Lộ-già lại có hai thứ: một thuận phiên nào, hai bất thuận phiên nào. Bất thuận phiên nào là thuyết, ở trong kỳ-dạ gọi là già-đà. Trừ hai thứ kệ này, kỳ dư các kinh chẳng phải kệ gọi là Ưu-đà-na. Ni-đà-na: là những kinh nhân duyên. Tại vì sao? Vì các Đức Phật hay các bậc Hiền Thánh thuyết ra kinh pháp cần có nhân duyên. Nhân duyên của các kinh này hoặc ở trong Khế kinh, hoặc ở nơi khác, thì gọi là ni-đà-na. A-ba-đà-na là những thuyết có đầu đuôi thứ lớp như trong kinh nói: “Kẻ trí nói năng thời có thứ lớp có nghĩa có giải chẳng cho tán loạn.” thì gọi là A-ba-đà-na. Ý-đế-việt-đa-già: là kinh nhân duyên và kinh thứ lớp. Nếu hai kinh này ở quá khứ thì gọi là thì gọi là Y-đế-việt-đa-già, đời nhà Tần dịch: “Việc này đời quá khứ như vậy.” Xa-đà-già: Nhân việc hiện tại mà nói việc quá khứ, Như-Lai tuy nói việc đời vị lai, nhưng việc này đều nhân quá khứ và hiện nên chẳng nói riêng. Bệ-phật-lược: Là kinh Phật nói rộng thì gọi bệ-phật-lược. Có kẻ chẳng tin bảo: “Các bậc Đại Thánh, vì vui vắng lặng chẳng ưa ồn ào, chán tạp ngữ thế gian, vì muốn nhỏ các gốc ưa vui, nên chẳng ưa nói rộng”. Như trong kinh nói: “Có người chứng được Đạo, hơn hai tháng mới nói một lời.” Vì muốn dứt nghi này nên nói có kinh nói rộng rất nhiều ích cho kẻ khác vậy. Như nói Đức Như-Lai có hai lối thuyết pháp: một rộng hai hẹp; cố nhiên là rộng hơn hẹp kém. A-phù-đà-đạt-ma: là những kinh thuyết việc chưa từng có, như nói các việc lạ khi tiếp cận đại biến, thân lượng các chư Thiên; đại địa chấn động. Có kẻ chẳng tin các việc như vậy cho nên nói có kinh nói việc chưa từng có. Và thường hiện nghiệp quả báo, thế lực các pháp, chẳng khá nghĩ bàn được vậy. Ưu-ba-đê-xá là như các Ngài đại Ca-Chiên-Diên là các bậc đại trí nhân rộng giải

lời Phật. Có kẻ chẳng tin cho là chẳng phải Phật nói, Đức Phật vì những kẻ ấy cho nên nói có luận kinh. Kinh mà có luận thì nghĩa dễ hiểu.

Mười hai bộ kinh này gọi là Phật-pháp. Pháp bảo đầy đủ công đức như thế, vậy nên đáng kính lễ.

LUẬN TĂNG BẢO - TRƯỚC PHẨM THANH TỊNH THỨ 9

Hỏi: Trước ông nói nên kính lễ Tăng-bảo. Tại sao nên kính lễ.

Đáp: Ở nhiều nơi Phật tự khen ngợi Tăng. Tăng-bảo là giới phẩm thanh tịnh, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm đều thanh tịnh; nên thỉnh nên lễ, chấp tay cung kính cúng dường thời kẻ thí chủ năng được lợi ích, vì đó là đám ruộng cao tốt.

Giới phẩm thanh tịnh: Là các đệ tử Phật giữ giới không bị tì vết, cho đến bị lỗi nhỏ vẫn rất ôm lòng sợ hãi. Đệ tử Phật, chẳng phải vì cầu phước báo sanh về cõi người, trời, cũng chẳng phải lo sợ địa ngục, ngạ quỷ mà siêng năng giữ giới chỉ vì vui pháp lành, nên gọi là thanh tịnh. Lại nữa, giữ tịnh giới chẳng phải hạn cuộc theo thời tiết; chẳng như Bà-la-môn giữ giới sáu tháng, hay một đêm, cho đến trọn đời. Nên gọi là thanh tịnh. Và giữ tịnh giới: lia hai bên, xa lia vui ngũ dục và lia khổ nơi thân. Nên gọi giới này Thánh ưa mến, mà giới này cũng được kẻ trí yêu chuộng. Lại bởi chăm lòng ngăn ác, chớ chẳng phải những lo sợ đời sau mà giữ giới cho nên gọi Tăng-bảo là giới phẩm thanh tịnh. Định phẩm thanh tịnh: Là nhờ thiền-định năng sinh chân trí nên gọi thanh tịnh. Huệ phẩm thanh tịnh: là nhờ huệ mới được hết phiền não, nên gọi thanh tịnh. Giải thoát thanh tịnh: Như được hết các phiền não chẳng chỉ năng ngăn phiền não, nên gọi giải thoát thanh tịnh. Giải thoát tri kiến thanh tịnh: Là đối với cả phiền não bị hết, được trí huệ nghĩa là hết ngã sanh, chớ chẳng phải hết phiền não mà nói hết ngã sanh. Đây là giải thoát tri kiến thanh tịnh. Nên thỉnh nên lễ nên cúng dường: Vì năng đầy đủ các công đức như thế cho nên cần cầu thỉnh kính lễ và cúng dường các bậc Phước Điền ấy; đối với trong đó mà trồng cội phước thì quả báo vô lượng, cho đến khi các Ngài vào Niết-Bàn vẫn không thể hết. Năng ích thí chủ: Là năng khiến công đức của thí chủ thêm ích, như ruộng tám công đức, tươi tốt cho năm giống lúa chẳng cho hư hỏng, ruộng Tăng-bảo cũng vậy, vì trọn nên tám công đức nên năng khiến thí chủ trồng công đức được tăng thêm. Vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM PHÂN BIỆT HIỀN THÁNH THỨ 10

Hỏi: Do pháp gì nên gọi là Tăng?

Đáp: Do bốn hành, bốn đức, và giới, định, huệ các công đức thanh tịnh, nên gọi là Tăng. Bốn hành: Hành Tu-Đà-Hoàn, hành Tu-Đà-Hàm, hành A-Na-Hàm, hành A-La-Hán. Kẻ Tu-Đà-Hoàn có 3 hạng người: 1- Tùy tín hành, 2- Tùy pháp hành, 3- Tùy vô-tướng hành. Tín hành: Nếu người chưa được trí không vô ngã, vì tin Phật-pháp, theo lời Phật dạy mà tu thì gọi tín hành. Như trong kinh nói: “Ta đối việc này vì tin nên làm.” Nếu được chân trí thì chẳng những theo lòng tin mà làm. Như kinh nói: “Thấu biết chẳng có kẻ làm, chẳng có kẻ tin. :” Ấy là bậc Thượng nhân. Vậy nên phải biết chưa được chân-trí là Tùy-tín-hành.. Như trong kinh nói: “Nếu người đối với Pháp đem chút trí tuệ quan sát nhân vui, gọi là tín hành. Vượt khỏi bậc phàm phu, nhưng chưa chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, trong thời gian ấy chẳng may mạng chết, gọi là tín-hành.” Người này còn trong vương tự-huệ chánh quán các pháp tâm nhãn dục lạc, tuy chưa được trí không-vô-ngã mà có thể sanh tâm thế gian tự-nhãn-pháp. Từ đây trở đi gọi là vượt khỏi bậc phàm phu. Tại vì sao? (để qua sau sẽ nói rộng). Nếu không có tín tấn năm căn, thì người này còn ở ngoại phàm phu. Cũng người này lần hồi tu tập được Noãn, Đánh các pháp tức là tu huệ mà cự danh vẫn còn nên cũng gọi là tín hành, vì quyết chẳng kịp người Pháp-hành vậy. Kinh này nên nói: Cần phải chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, chứ chẳng nên nói chẳng may mạng chết. Tại vì sao? Vì kẻ tín hành hãy còn xa xôi vậy. Như ông Úc-Già trưởng giả cúng dường chúng Tăng, có vị Thiên-thần giới thiệu: Ngài này là A-La-Hán, Ngài này là hàng A-La-Hán cho đến Ngài này là Tu-Đà-Hoàn, Ngài này hành Tu-Đà-Hoàn. Nếu còn ở 15 tâm thời không có thể giới thiệu như vậy được. Phải biết kẻ hành Tu-Đà-Hoàn có gần có xa, gọi là Tín hành. Kẻ pháp hành: Người này được trí không vô ngã, mà còn ở trong pháp Noãn, Đánh, Nhẫn, Thế-Độ-Nhất, tùy thuận pháp hành tu các pháp không vô ngã thì gọi là pháp hành. Hai kẻ hành nhân này vào Thấy-Đế-Đạo, Thấy-Diệt-Đế nên gọi là vô-tướng-hành. Ba hạng người này là hành quả Tu-Đà-Hoàn. Trong đạo thế tục vì không có dứt gút, nên không được gọi là Hành. Còn ba quả kia, việc này qua phần sau.

Tu-Đà-Hoàn: như trong kinh Phật nói: “Nếu người dứt được ba món gút: Thân kiến, nghi, giới thủ thì gọi là Tu-Đà-Hoàn, chẳng đọa ác đạo, chẳng được chánh trí, chỉ cùng cực đến bảy phen sanh tử là cùng”.

Hỏi: Nếu Tu-Đà-Hoàn nhờ thấy đạo lý chắc chắn nên các phiền não bị dứt đều hết, diệt được vô lượng khổ, như Địa-du kinh đã nói, mà đây có sao chỉ nói dứt ba món gút ư?

Đáp: Việc này qua sau sẽ nói rộng hơn. Nghĩa là Thân-kiến hết các món khác cũng hết theo, còn chẳng đọa vào ác đạo: ra sau, trong phần nghiệp-tụ cũng sẽ nói rộng. Chắc được chánh-trí: là người này được vào trong dòng pháp chắc đến Niết-Bàn, như cây trôi giữa sông Hằng lia tám nhân duyên chắc đến biển cả. Cùng cực bảy

phen: Là người này ở trong bảy đời trí vô lậu thành thực, như giọt tinh huyết đầu tiên trong bào thai, cứ bảy ngày biến thành trạng thái khác. Lại như uống các vị dầu tô-lạc cực đến bảy ngày thời lành bệnh kiết, và như giòng họ cũng chỉ hạn đến bảy đời. Lại như thân người bị rắn cắn vì sức của tứ đại chỉ đi được bảy bước và vì sức độc của nọc rắn nên chẳng đi được bước thứ tám. Và pháp đối gạt cũng đến bảy đời. Lại như đến khi bảy mặt trời xuất hiện là thời kiếp cháy hết. Như vậy bảy đời chứa nhóm vô lậu đốt cháy hết phiền não. Và bởi lẽ của pháp ấy chỉ có bảy phen. Có Tu-Đà-Hoàn đời nay vào Niết-Bàn, có đời thứ hai thứ ba cực đến đời thứ bảy là cùng. Đây gọi là Tu-Đà-Hoàn. Hành Tu-Đà-Hàm: Các món gút bị dứt do suy nghĩ có chín phẩm. Nếu dứt một hai cho đến ba bốn năm, ấy là hành giả Tu-Đà-Hàm. Có người nói: “Chỉ đem một pháp Vô-ngại-đạo mà dứt.” Việc này chẳng trúng, vì trong kinh Phật nói phải đem vô lượng tâm mà dứt, như trong kinh Cán búa thí dụ đã nói, và hành giả Tu-Đà-Hàm còn có tên là gia-gia, là người này hoặc hai hoặc ba phen qua lại hoặc hiện thân này được vào Niết-Bàn. Đây là hành giả Tu-Đà-Hàm. Tu-Đà-Hàm: Chỉ còn đến nhân gian một phen là vào Niết-Bàn. Người này do suy nghĩ dứt được gút mỏng gọi là Tu-Đà-Hàm. Tu-Đà-Hàm, hoặc hiện thời đời này vào Niết-Bàn hành A-Na-Hàm. Nếu dứt được gút phẩm thứ bảy thứ tám, người này đều gọi là A-Na-Hàm. Dứt phẩm thứ tám gọi là Nhất-chủng. Kẻ hành A-Na-Hàm, hoặc có kẻ hiện đời này được liền vào Niết-Bàn. Lìa hết chín phẩm gút của cõi Dục nên được gọi là A-Na-Hàm. A-Na-Hàm này có tám thứ sai khác. Đã có kẻ nói: có kẻ do thân trung ấm nhập diệt, có kẻ do sanh hữu nhập diệt, có kẻ có bất-hành nhập diệt, có kẻ hành nhập diệt, có kẻ thượng hành đến cõi trời Sắc-cứu-cánh nhập diệt, có kẻ chuyển-thế nhập diệt, có kẻ do hiện đời nhập diệt. Tùy theo căn cơ thượng, trung, hạ nên có sai khác.

Trung ấm nhập diệt cũng có ba thứ căn cơ thượng, trung, hạ. Có vị A-Na-Hàm rất chán thế gian mà có chút chướng ngại nên hiện đời chẳng được nhập diệt, người này khi sống trong thân trung ấm mới nhập diệt. Sanh hữu cũng có ba hạng là sanh diệt, hành diệt và bất hành diệt. Sanh diệt: là khi sanh rất nhàm lìa sanh-hữu liền vào Niết-Bàn, gọi là sanh diệt, vì căn cơ lạnh lợi vậy. Hoặc có kẻ sanh xong, các pháp vô lậu đạo tự nhiên hiện tiền chẳng cần gia hạnh siêng tu mà vào Niết-Bàn, gọi là bất-hành-diệt, vì căn cơ bậc trung vậy. Hoặc có kẻ sanh xong rất sợ việc thọ thân, siêng tu hành đạo mới vào Niết-Bàn, gọi hành diệt vì căn cơ đần độn. Vậy thượng hành diệt cũng có ba hạng: Hoặc từ một chỗ mạng chung, đến một chỗ sanh, rồi bèn vào Niết-Bàn, gọi là lợi căn, Hoặc từ hai chỗ sanh gọi là Trung căn. Tất cả chỗ mạng chung, tất cả chỗ sanh, gọi là độn căn, Từ sơ thiên đến cõi trời Quảng-quả, gọi là quyết định. Đến cõi trời Quảng-quả rồi hoặc sanh về cõi trời Tịnh-cư; người này chẳng còn đến cõi vô-sắc-xú, kẻ này quyết chẳng sanh về cõi trời Tịnh cư, vì đắm vui định vậy. Chuyển-thế: Hoặc đời trước chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, hay quả Tu-Đà-Hàm; về sau chuyển thân lại chứng được quả A-Na-Hàm:

người này chẳng vào cõi sắc, cõi vô sắc. Hiện diệt: là kẻ lợi căn số một, liền hiện thân này được vào Niết-Bàn. Lại có hai hạng người: một là tín giải thoát, hai là kiến đắc, hai hạng này vì căn cơ có sai khác: Như kẻ học-nhân độn căn ở trong tư-đạo gọi là tín-giải thoát. Lợi căn là kiến đắc. Hoặc A-Na-Hàm đủ tám pháp giải thoát gọi là thân chứng, các hạng này đều là kẻ A-La-Hán vì dứt gút đồng đều vậy. Nên dứt sạch hết tất cả phiền não là A-La-Hán. A-La-Hán có 9 hạng: 1- Thoát tướng, 2- Thủ tướng, 3- Tử-tướng, 4- Trụ-tướng, 5- Khả-tấn-tướng, 6- Bất hoại-tướng, 7- Huệ-giải-thoát-tướng, 8- Cầu-giải-thoát-tướng, 9- Bất-thoái-tướng. Các bậc A-La-Hán này vì chứng được tín tấn các căn nên có sai khác nhau.

Kẻ rất độn căn là thoái-tướng: lui mất chánh định; vì lui chánh định nên vô lậu trí huệ không thể hiện tiền. Thủ tướng: là kẻ có chút căn cơ khá hơn, hoặc gìn giữ được chánh định thì chẳng lui mất mà chẳng giữ được thì mất. Thoái-tướng: trước kia dầu có cố giữ cũng lui mất. Tử-tướng: kẻ này căn cơ lại khá hơn chút nữa; rất nhàm chán các quả báo, người này vì không thể được chánh định nên vô lậu trí huệ khó được hiện tiền, dầu được mừng rồi cũng mất, nên tự tìm lấy cái chết vậy. Trụ-tướng: Nếu được chánh định chẳng tiến chẳng lui gọi là Trụ-tướng. Ba hạng trước là ở trong thoái phần chánh định, còn trụ tướng này ở trong trụ phần chánh định. Khả-tấn-tướng: Nếu được chánh định thì bền chắc tăng thêm, người này tu ở trong tăng phần chánh định. Bất hoại tướng: Được chánh định rồi các nhân duyên không thể làm hư hoại; người này trụ ở đạt phần chánh định, vì trí huệ rất sắc bén nên khéo lấy tướng chánh định: vào, trụ khởi mà chẳng phá hoại. Bối diệt tận định nên có hai hạng, người chẳng được Định này gọi là Huệ giải thoát. Mà kẻ nào được định này gọi là cầu giải thoát. Bất thoái tướng: Là những công đức được đều không lui mất, như trong kinh nói: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: nếu Đệ tử ta đem giường chõr Ta, Ta trước đã được, đều không lui mất.

Chín hạng như thế gọi là vô-học-nhân. Trước có 18 học-nhân và chín vô-học: Cộng 27 hạng gọi là tất cả ruộng Phước của thế gian.

Trong Tăng-bảo có đầy đủ công đức, vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM PHƯỚC ĐIỀN THỨ 11

Hỏi: Do những gì mà các Hiền Thánh này gọi là ruộng phước?

Đáp: Dứt hết tham, sân si và các thứ phiền não nên gọi ruộng phước. Như nói chẳng trừ bỏ thứ cỏ giống như lúa thì hại mạ lúa tốt. Vậy nên cúng thí người vô dục được quả báo lợi lớn. Lại người này tâm không, nên gọi ruộng phước. Tại vì sao? Vì không tướng nên các phiền não tham, sân si chẳng khởi được, chẳng sanh

ác nghiệp. Lại các Hiền Thánh chứng được pháp bất tác nên gọi là ruộng phước. Lại các người này thiên định đã được thấy đều thanh tịnh, vì các phiền não lớn nhỏ đã hẳn lìa vậy. Và bỏ hết sự buồn vui nên gọi ruộng phước. Lại năng dứt trừ năm món trói buộc nơi tâm, nên tâm được thanh tịnh gọi là ruộng phước. Lại nữa, trọn nên ruộng tám công đức; và dùng bảy món định cụ khéo giữ nơi tâm; và năng tận diệt bảy món tệ lậu không còn các lầm lỗi; lại đầy đủ các giới hạnh, bảy tịnh pháp vậy. Lại được trọn nên tám công đức của hạnh thiếu dục và tri túc. Và đã vượt qua bờ bên kia, và đang siêng năng cầu qua, nên gọi là ruộng phước. Như trong kinh nói: “Chỉ năng phát tâm muốn tu pháp lành hay được nhiều lợi ích”, huống chi tu hành ư? Các Hiền Thánh này thường tu pháp lành nên gọi ruộng phước. Như trong kinh nói: “Có kẻ thí chủ nào cúng vị Tỳ-kheo có trì giới, vị ấy lãnh cúng dường rồi vào chánh định vô lượng, kẻ thí chủ được phước vô lượng.” Trong chúng có kẻ vào các chánh định: vô-lượng, vô-tướng, vô-động năng khiến thí chủ được quả báo vô lượng, nên gọi ruộng phước. Lại như trong kinh nói: “Ba việc hòa hợp nên phước lớn.” Một là có lòng tin hai là vật thí, ba là ruộng phước. Với trong Chúng Tăng, người có nhiều công đức; đối với người có công đức ấy dễ sinh lòng tin. Lại nữa, cúng Chúng Tăng đủ chín nhân duyên nên được quả báo lớn, và cúng Chúng Tăng là vì kẻ thọ thanh tịnh nên kẻ thí chắc được thanh tịnh. Lại cúng thí có tám thứ: có tâm thanh tịnh, mà vật thí ít, ít thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh, vật thí ít, nhiều thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh, vật đem thí ít, nhiều thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh vật thí ít, cũng ít thí cho kẻ trì giới; có tâm thanh tịnh, vật thí ít, cũng ít thí cho kẻ trì giới; có tâm thanh tịnh, nhiều thí bốn món cũng như vậy. Với trong Chúng Tăng mà cúng thí chắc được trọn nên hoặc hai hoặc ba; tất cả người lành đều nhờ Chúng Tăng mà tăng thêm công đức, nhiên hậu mới tùy ý nguyện hồi hướng Bồ-đề. Và nhờ đem vật thí Tăng này đều sẽ được quả giải thoát ở trong sanh tử quyết không thể hết. Lại đem thí Chúng Tăng đều vì trang nghiêm nơi tâm. Lại nữa, nếu đối với một vị Tăng sanh lòng tin thanh tịnh hoặc khi dễ hoại, mà đối với Chúng Tăng lòng tin thanh tịnh quyết chẳng hư hoại. Lại đối với một vị sanh lòng ái kính hoặc chẳng được rộng, mà đối với Chúng Tăng sanh lòng tin kính thời tâm được rộng lớn vì cảnh duyên nhiều vô lượng. Lại nữa, cúng thí vì muốn tất cả người vào Tăng số, vì tâm rộng lớn ấy nên được quả báo cũng lớn.

Do các lý do như trên nên các vị Hiền Thánh này gọi là ruộng phước. Vậy nên đáng kính lễ.

Thành-Thật luận hết quyển 1

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỀN THỨ 2

PHẨM CÁT TƯỜNG THỨ 12

Bởi Tam-bảo này có công-đức đầy đủ nên kính trước nói. Lại nữa, ngôi Tam-bảo này với tất cả thế-gian là điềm an lành thứ nhất, như trong kệ Cát-tường sẽ nói. Phật, pháp và Chúng-Tăng gọi là rất an lành. Lại có các kinh lấy an lành làm tăng tuổi thọ muôn năm cho kẻ mới học đạo được tiếng tăm đồn khác, đây là ý kiến của kẻ tác kinh, như dùng các chữ A-Đà trước đầu kinh, đây chẳng phải là tướng an-lành vậy. Qua sau sẽ nói rộng. Nếu người nào muốn cầu điềm rất an-lành thứ nhất chính là ngôi Tam-bảo vậy.

Vậy nên phải qui y. Như bài kệ Cát-Tường nói:

Phật là bậc Đại-giác,

Đấng Đạo-sur cao tột,

Trong các cõi trời, người,

Gọi là rất an-lành

Nếu người đối với Phật,

Vững lòng tin chẳng động,

Phụng-trì-giới thanh-tịnh,

Gọi là rất an-lành.

Xa lìa người ngu-si

Gần gũi bậc hữu trí,

Kẻ đáng kính thời kính,

Ấy là rất an lành.

Vậy nên đáng kính lễ, vì ngôi Tam-bảo rất an lành cho nên kính. Tôi trước phải thuyết minh.

PHẨM LẬP LUẬN THỨ 13

Nay Tôi muốn luận giải Phật pháp để được nhiều lợi ích cho thế-gian, vì Đức Phật đem lòng đại bi làm lợi ích cho tất cả thế-gian nên nói Pháp này rộng không ngăn mé. Như hoặc có người chỉ vì giòng họ Bà-la-môn mà nói kinh giải thoát. Đức Phật đã nói ra kinh đều vì bốn phẩm loại chúng-sanh cho đến loài súc sinh cũng chẳng ngăn mé.

Hỏi: Chẳng nên tạo luận để luận giải lời Phật. Tại vì sao? Nếu Phật tự luận thì nên gọi là luận; nếu Phật chẳng luận thì kẻ khác chẳng nên luận. Tại vì sao? Vì ý-thứ của bậc Nhất-thiết-trí-nhân khó mà hiểu thấu, chẳng biết muốn vì cơ gì nên nói việc ấy. Nếu chẳng thấu hiểu ý Phật, quấy mà nói ra thế là tự hại. Như trong kinh nói “Có hai hạng người báng Phật, một là vì bất tín ganh ghét nên báng, hai là tuy có lòng tin nơi lời Phật nói, nhưng không thể lãnh thọ chắc chắn cũng là báng Phật”. Dù có chân-trí mà chẳng biết ý Phật, còn chẳng nên luận giải lời Phật đã nói, huống là chưa được chân-trí mà muốn tạo luận luận giải ý Phật ư? Tại vì sao? Như trong kinh Dị luận. Đức Phật vì muốn giải rõ nên nói việc như vậy. Các Tỳ-kheo có nhiều luận-nghị khác nhau đều chẳng trúng ý Phật. Lạ như Ngài trưởng lão Đại-Ca-Chiên-Diên bảo các Tỳ-kheo rằng: Như người đốn cây đại cổ thụ, bỏ hẳn thân nhánh, mà chỉ lấy cành lá. Các người cũng vậy bỏ rời Như-Lai mà hỏi ta ư? Như Đại-Ca-Chiên-Diên với trong luận nghị mà dụ mình như cành lá huống chi người khác làm sao hiểu được lời Phật. Và Phật hỏi Xá-Lợi-Phất: “Thế nào là học-nhân! thế nào là đếm-pháp-nhân”. Ba phen hỏi như thế mà chẳng đáp được. Lại nữa, Phật là cội gốc của tất cả các Pháp, duy Phật mới hiểu, các kẻ khác không thể hiểu được. Như khi A-Nan thưa Phật rằng: “Trong đường đắc đạo gặp Thiên-tri-thức là được nửa phần lợi ích”. Cũng có nhầm lẫn. Tại vì sao? Vì phải nhờ hai nhân duyên chánh-kiến mới được sanh, một theo người khác nghe, hai tự mình chánh-niệm. Phật bảo A-Nan: chỉ gặp được thiên-tri-thức, thế là đầy đủ lợi ích đắc đạo cho mình rồi. “Lại như Phật nói: “Nếu Ta vì người nói bấy nhiêu pháp bởi người ấy chẳng hiểu ý Ta nên sanh việc tranh luận”. Nay các Luận-sư, mỗi người đều chấp theo ý mình.

Hoặc cho quá khứ vị-lai có pháp; hoặc cho trái lại. Phải biết các Luận sư kia mà chấp như vậy, là vì chẳng hiểu được tùy-cơ thuyết-pháp của Như-Lai nên sanh tranh luận. Lại như Ngài A-Nan vì tu chánh định mà nói các món lãnh thọ đều là khổ. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Các người xem A-Nan hãy còn lơ mờ nghĩa ấy. Lại có các Luận-sư bảo: A-La-Hán nên thọ cúng dường trước. Có Tỳ-kheo chẳng hiểu liền đến thưa Phật. Đức Phật dạy: “Ở trong Pháp Ta, kẻ xuất gia trước nên trước thọ cúng dường: Việc ăn uống là thường mà còn không biết

huống chi ý Như-Lai nói pháp mầu-nhiệm. Vì các lẽ nói trên, cho nên chẳng nên tạo luận.

Đáp: Chẳng phải thế. Tại vì sao? Vì có nhân-duyên nên có thể biết ý kẻ khác, như trong kệ nói: Năng biết ý kẻ thuyết-giả hướng về nơi nào, cũng biết thuyết-giả muốn nói việc gì. Có hai thứ đạo: Thánh-Đạo và Thế-gian-Đạo. Ra sau sẽ nói rộng. Nhờ hai Đạo này nên được biết ý thuyết-giả. Lại nữa, trong kinh Di-Luận Phật cũng vẫn cho tạo luận. Lại như Ngài Ca-Chiên-Diên và các vị đại luận-nghị, đã lĩnh hội được ý Phật, nên Phật đều khen ngợi. Và các Tỳ-kheo-ni như Ưu-Đà-Di, Đàm-Ma-Trần-Na đều muốn xin tạo luận Phật-Pháp. Đức Phật nghe liền cho ngay. Bởi Phật-Pháp thâm diệu, ai hiểu thì tạo mà chẳng hiểu thời thôi. Như vậy kỳ dư các câu hỏi, Phật là cội gốc các pháp đều lấy đây mà thông đáp. Lại nữa, cần nên tạo luận. Tại vì sao? Vì, nếu kinh mà có tạo luận thời ý nghĩa dễ hiểu, Pháp-Bảo được trụ-thế bền lâu, lại Phật đã cho tạo luận, như trong kinh nói: Phật bảo Tỳ-kheo: “Tùy ý tạo luận nhưng nên khéo thọ-tri”. Vậy nên đối trong kệ-kinh lấy nghĩa mà lập luận, riêng gọi là Di-Bộ. Vậy nên phải tạo luận. Lại như Phật vì các chúng-sinh đáng độ nên nói các môn luận-nghị thế-gian, như các bọn Tá-Đề không hiểu nổi nên tâm họ mê loạn. Nghĩa là bọn Tá-Đề Tỳ-kheo chủ trương: “Sanh tử vắng lai thường là một thức”. Đức Phật mới nói các pháp như vậy. Nếu không luận-nghị thời làm sao mà giải thích được. Bởi các lẽ nói trên. Vậy nên phải tạo luận.

PHẨM LUẬN MÔN THỨ 14

Luận có hai môn: Một thế giới, hai đệ nhất nghĩa. Do môn thế giới nên nói có tâm. Như trong kinh nói: “Ta thường tự đề phòng, làm lành tự được lành, làm ác tự được ác”. Lại trong kinh nói: “Tâm thức là thường”. Lại nói: “Trọn đêm tu tâm, chết được sanh lên”. Lại nói: “Tác giả khởi nghiệp nhơn, tác giả tự chịu quả”. Lại nói: “Chúng-sinh này sinh về chỗ này v.v...” Như vậy đều do môn thế giới mà nói. Đệ-nhất-nghĩa môn là: đều nói: “Không, vô”. Như trong kinh nói: “Trong ngũ âm này không có ta và vật sở hữu của ta”. Tâm như gió lửa sinh diệt từng mỗi niệm, tuy có các nghiệp nhơn và nghiệp quả báo, nhưng tác giả và thọ giả đều chẳng khá được; Như Đức Phật do nhân duyên ngũ âm nổi luôn nên nói có sinh tử. Lại có hai thứ luận môn: Một thế tục, hai Hiền-Thánh. Thế-tục môn là: Do thế-tục nên nói thán hết. Kỳ thật thán chẳng hết. Như Bà Ma-Già-La nói: “Con dâu là mẹ”. Kỳ thật chẳng phải mẹ. Như trong kinh nói: “Thiệt-căn hay biết vị”. Do thiệt thức biết vị chứ chẳng phải thiệt căn biết vị. Như người tốt thích nói: “Người bị khổ”. Đây cũng là thức biết khổ, chớ chẳng phải người chịu khổ. Như người bàn-tiện mà đặt tên là phú quý, Phật cũng tùy người mà gọi phú-quý. Lại Phật xưng hô ngoại đạo tên Bà-la-môn cũng tên Sa-môn. Lại như các dòng Sát-Lợi, Bà-la-môn, Đức Phật

cũng tùy tục gọi họ là tôn quý. Và như một đồ vật, tùy quốc độ mà tên gọi có khác. Phật cũng tùy theo mà gọi. Lại như Phật nói: “Đây là Ta xem thành Tỳ-gia-ly lần chót”. Những bao nhiêu lời nói như vậy đều tùy theo đời, mà nói gọi là thế-tục môn.

Hiền-Thánh môn: Như trong kinh nói: “do nhân duyên sanh sóng thức mắt thấy các căn, in như biển cả”. Lại như kinh nói: “Chỉ có ấm, giới và nhập các duyên hòa hợp, chứ không có tác giả và thọ giả”. Lại nói tất cả khổ. Như trong kinh nói: “Người đời nói vui, Thánh-nhân nói khổ; trái lại Thánh-nhân nói khổ, người đời nói vui”. Lại có thuyết: không, vô tướng gọi là Hiền-Thánh môn. Và còn có tam thời luận-môn: Nếu đôi trong việc này nói là sắc; nếu sắc đã từng có, sẽ có, nay có, đều gọi là sắc. Thức cũng như vậy, nếu thức đã từng biết, sẽ biết, nay biết, đều gọi là Thức. Các điều như trên, đều gọi là tam thời luận môn.

Lại nữa, hoặc có luận môn: Nếu có xúc chắc bởi lục nhập, chứ chẳng phải tất cả lục nhập đều làm nhân cho xúc. Hoặc có ái chắc bởi nơi thọ, chẳng phải tất cả thọ đều làm nhân cho ái. Hoặc nói Cụ-túc nhân: Như xúc là nhân duyên cho thọ. Hoặc nói bất cụ-túc nhân: Như thọ làm nhân duyên cho ái mà chẳng vô minh. Hoặc có di thuyết: Như trong kinh nói: “Tâm hoan hỷ thời thân khoan khoái.” Tam-thiền không hỷ, thân cũng có khoan khoái. Lại nói: Khoan khoái là thọ lạc, Tứ-thiền có khoái mà có thọ lạc. Đó gọi là di thuyết.

Lại có thông, bít hai thứ luận-môn. Như trong kinh nói: “Hoặc có người khởi hành đi đến Tháp để cúng dường, chẳng may đi giữa đường mạng chết, liền được sinh lên trời”. Đó gọi là Thông. Lại kinh khác nói: “Kẻ gây nghịch tội chẳng được sinh lên trời”. Đó gọi là Bít. Lại trong kinh nói: “Kẻ thọ các món dục không điều ác nào chẳng gây”. Đó gọi là Thông. Bực Tu-Đà-Hoàn tuy còn thọ các món dục, mà chẳng hay gây nghiệp-nhân đọa ác đạo. Đó gọi là Bít. Lại trong kinh nói: “Bởi nhân duyên sắc mới sinh nhãn thức”. Đó gọi là Thông. Nếu vậy thì nên duyên tất cả sắc đều sinh nhãn thức, nhưng chẳng được. Lại trong kinh nói: “Bởi nhĩ duyên tiếng sinh nhĩ-thức, mà chẳng sinh nhãn thức.” Đó gọi là Bít. Lại nữa, đã nói Thông, Bít đều có đạo-lý chẳng hoại pháp-tướng. Lại có hai thứ luận môn: Một quyết định, hai chẳng quyết định. Quyết định: Như nói: Phật bực Nhất-thiết-trí-nhân. Lời Phật nói ra gọi là pháp Chân-Diệu. Chúng Đệ tử của Phật gọi là chánh-hành. Lại nói: Tất cả pháp hữu-vi thấy đều vô-thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, Niết-Bàn. Các pháp môn như thế thì gọi là quyết định. Chẳng quyết định: Như nói ai chết cũng đều sinh. Thế là bất định; vì có ái thì sinh, hết ái thì diệt. Lại trong kinh nói: Nếu được tâm-định đều sinh thật-trí. Đây cũng bất-định, vì Thánh-nhân được Định-năng sinh thật-trí mà ngoại-đạo được Định thời chẳng hay sinh trí. Lại như kinh nói: Cầu gì đều được. Đây cũng bất-định. Hoặc được hoặc chẳng

được. Như nói: Lục nhập quyết hay sinh xúc. Cũng là bất-định. Hoặc khi có sinh. Hoặc khi chẳng sinh. Các điều như thế gọi là Bất định-môn. Lại như hữu vi chẳng phải luận-môn. Như nói cỏ lạ hoa thơm, chẳng xông nghịch gió. Lại nói: Hoa Câu-tỳ-la có thể nghịch gió nghe mùi, vì là nhân hoa nên nói nghịch gió chẳng nghe; vì là thiên hoa nên nói xông nghịch gió. Lại nói: Ba thọ: Khổ-thọ, lạc-thọ và bất khổ bất lạc-thọ. Lại các kinh khác nói: “Có bao nhiêu lãnh thọ đều là khổ.” Có ba thứ khổ: Khổ-khổ, hoại-khổ, và hành-khổ. Vì nghĩa này nên mới nói có bao nhiêu thọ tất cả đều khổ. Lại nói khổ này có ba thứ: Mới, cũ, vừa. Mới thọ là vui, lâu cũ nhàm là khổ, vừa là chẳng khổ chẳng vui. Lại nói vì kẻ đã đắc Đạo cũng được gọi là Đạo-Nhân. Có bao nhiêu lễ như vậy nương nhau mà được tên gọi. Lại còn có cận-luận-môn. Như Đức Phật bảo Tỳ-kheo: “Người dứt hý luận thì chứng được Nê-Hoàn”. Tuy chưa liền được, nhưng bởi gần được nên cũng gọi là được. Lại có đồng-tướng luận-môn. Như nói một việc thì các việc khác đồng nhau, đều gọi là đã nói. Lại như Phật nói tâm là nhẹ-nhàng thì là đã nói các tâm-số pháp. Lại có tông-đa-luận môn. Như Phật nói: “Nếu người chẳng biết tướng sinh diệt của hai món kiến, kẻ ấy còn gọi đều tham-dục; nếu ai biết được thời gọi được ly-dục”. Người Tu-Đà-Hoàn cũng biết tướng sinh diệt của hai món kiến mà còn tham-dục, nhưng bởi là kẻ biết được phần nhiều là người ly-dục. Lại nữa, có luận-môn trong nhân nói quả: Như nói thí-thực là cho năm việc: Mạng sống, sắc đẹp, sức mạnh, vui và biện tài. Kỳ thật chẳng cho năm việc kia chỉ cho cái nhân. Lại như nói: Ăn tiền. Tiền không thể ăn được, chỉ nhờ tiền mà ta được món ăn, nên gọi là ăn tiền đó thôi. Lại như kinh nói: “Đàn bà là dơ”. Kỳ thật chẳng phải dơ, bởi tham đắm các dơ phiền não, nhân đó mà gọi là dơ. Lại nói năm trần dục, mà thật chẳng phải dục; vì nó hay sinh dục, mới gọi nó là dục vậy thôi. Lại nhân-duyên vui, gọi là vui. Như nói: Lấy pháp tập hợp người, người này là vui. Lại nhân duyên khổ, gọi đó là khổ, như nói: Ở chung với người ngu, gọi đó là khổ. Như nói nửa khổ nửa vui. Lại nói mạng sống là nhờ vật mạng; như trong kệ nói: Đồ tư-sinh đều là ngoại vật của mạng sống; như cướp vật của người, gọi là cướp mạng. Lại nói lậu nhân gọi là lậu. Như kinh Thất-lậu đã nói. Trong đây hai món là Thất-lậu, kỳ dư năm món kia là nhân-duyên cho lậu mà thôi.

Trái lại trong quả nói nhân. Như Đức Phật nói: “Ta phải chịu nghiệp đời trước”. Nghĩa là lãnh lấy nghiệp quả. Như thế có rất nhiều luận-môn đều cần phải biết.

PHẨM TÁN-LUẬN THỨ 15

Nên học luận này. Tại vì sao? Vì học tập luận này được pháp trí-nhân. Như trong kinh nói: “Đời có hai hạng người, một là trí-nhân, hai là ngu nhân. Nếu chẳng khéo phân biệt các pháp Âm, giới, các món nhập, 12 nhân duyên và nhân-quả gọi là ngu nhân. Nếu khéo phân biệt được các pháp âm, giới nhập thì gọi là trí-nhân”. Nay

trong luận này mà chính là phân-biệt giải rõ các pháp âm, giới nhập cho nên nhờ luận này nên chẳng gọi là phạm phu. Lại có hai hạng người: Một là phạm phu hai là phi phạm phu. Như nói: Tuy cạo râu tóc, mặc áo pháp y, thọ oai nghi Phật, mà còn cách xa Phật pháp là vì chẳng thành tựu các căn tín-tấn vậy. Nếu kẻ năng thành tựu các căn tín tấn tuy còn là cư sĩ tại gia mà chẳng gọi là phạm phu. Như trong kinh nói: “Có bốn hạng người: Có người vào Tăng oai nghi mà chẳng vào Tăng số; có người gọi ở Tăng số mà chẳng phải Tăng oai nghi; có người vào Tăng oai nghi và vào Tăng số; có người phi Tăng oai nghi, cũng phi Tăng-số”. Hạng đầu gọi là xuất gia phạm phu; hạng nhì gọi là tại gia Thánh-nhân; hạng ba gọi là xuất gia Thánh-nhân; hạng tư gọi là tại gia phạm phu. Do đó mới biết lia các căn tín tấn thời chẳng vào Tăng số. Vậy nên phải vì các căn tín tấn siêng tu tinh tấn. Muốn được tín tấn các căn cần phải đối với Phật pháp nghe học lãnh thọ đọc tụng như nói mà tu. Vậy nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Lại nữa, từ luận này mà được hai món lợi: Tự lợi, lợi tha. Như trong kinh nói: “Có bốn hạng người: Có người tự lợi chẳng lợi tha; có người lợi tha chẳng hay tự lợi; có người đôi bên đều lợi; có người chẳng lợi cả đôi bên”. Nếu hay tự đủ các công-đức giới thủy mà chẳng hay khiến người trụ trong giới thủy đều gọi là tự lợi. Như vậy bốn hạng: Nếu người tuy hay tự lợi lại khiến người khác tu bố thí thủy được đại quả báo nên cũng gọi là lợi tha. Trong đây ý Phật chẳng nói lợi này: Nếu người chỉ vì kẻ khác nói Pháp thì gọi là lợi tha. Người ấy tuy chẳng tự tùy pháp-hành, nhưng vì người nói pháp nên mình cũng được lợi. Như trong kinh nói: “Vì người nói pháp được năm món lợi.” Trong đây ý Phật cũng chẳng nói lợi này, trong này chỉ nói lợi tối-đệ-nhất nghĩa là như nói mà tu hết các món lậu. Vậy nên biết nói pháp là hay lợi cho kẻ khác, vì là gồm lợi, nên gọi là “người hơn trong người”, in như vị đề-hồ đối với các vị khác vậy.

Lại nữa, người này ở trong chỗ sáng, sau cũng vào sáng. Chúng-sinh trong thế-gian, phần nhiều từ chỗ tối, vào chỗ tối, hoặc từ sáng vào tối; Nếu người tu chút ít Phật pháp, người này cũng được từ chỗ tối vào sáng, Tại vì sao? Vì tu bố thí các món lợi chẳng hay bằng như lợi nghe Phật pháp, nếu được nghe lời Phật nói chút ít thì được đạt huệ, phá các suy não, được lợi ích vô lượng. Như trong kinh nói: “Có bốn hạng người: Có người từ tối vào tối; có người từ tối vào sáng; có người từ sáng vào sáng; có người từ sáng vào tối”. Lại có bốn hạng người nữa: Có người thuận dòng; có người nghịch dòng; có người trụ giữa dòng; và có người được qua khỏi dòng. Nếu người chăm lòng nghe Phật pháp, người ấy liền trừ được năm món ngăn che, tu bảy món giác-ý. Vậy nên người này ngăn được dòng sinh tử, gọi là nghịch dòng, cũng gọi là trụ, cũng được gọi là qua khỏi dòng. Lại có bốn hạng người: Có người thường chìm; có người tạm ló đầu lên liền chìm lại; có người được ló đầu lên xem; và có người được vượt qua. Nếu chẳng hay sinh các công đức tùy thuận Nê-Hoàn

tín tấn thấy thì gọi là thường chìm; hoặc sinh các công đức thế-gian tín tấn thấy mà chẳng hay bền chắc, vừa sinh liền lại lui mất, gọi là tạm ló liền chìm; sinh khởi các công đức tùy thuận Nê-Hoàn tín tấn thấy và phân biệt thiện ác, gọi là ló đầu xem; và đầy đủ tu tập các công đức tùy thuận Nê-Hoàn tín tấn thấy thì gọi là kẻ được vượt qua. Nếu người năng hiểu chính nghĩa Phật pháp, trọn chẳng thường mất, giả sử có tạm lui cũng chẳng mất hẳn, là vì người này gọi là kẻ tu công đức. Nếu người chẳng tu thân giới tâm huệ dù làm ác nghiệp ít cũng bị đọa ác đạo. Nếu người có tu tập thân giới tâm huệ, dầu gây nhiều ác, vẫn chẳng vào ác đạo. Người tu thân, nhờ vẫn huệ mà tu thân thọ tâm pháp. Vì tu thân nên lần lữa năng sinh các phẩm giới, định, huệ. Năng diệt các nghiệp. Vì các nghiệp diệt nên sinh tử cũng diệt theo. Lại như trong kinh nói: Có bốn hạng người: “Có hạng kiết sử nhậm lợi mà chẳng sâu; có hạng sâu mà chẳng nhậm lợi; có hạng cũng sâu cũng lợi và có hạng sâu chẳng lợi”. Hạng đầu gọi là Tăng thượng kiết, vì thường thường đến; hạng kế gọi là nhuyển trung kiết, thường đến ở tại tâm; hạng ba gọi là tăng thượng kiết, thường đến ở tại tâm; và hạng bốn gọi là nhuyển trung kiết thỉnh thoảng mới đến.

Nếu người được nghe chính luận Phật-Pháp, thì dứt được hai món kiết sâu mà lợi; và hiểu rõ chính nghĩa Phật-Pháp thì chẳng những chẳng nãi hại mình mà cũng chẳng nãi hại kẻ khác nữa. Ngoại đạo tu giới tức là tự nãi hại thân, nếu lạc vào tà kiến tức hại kẻ khác nữa, vì cho rằng không có tội phước nghiệp nhân quả-báo gì cả. Nếu tu bố thí đi nữa thì cũng hại mình hại người, như trong các miêu thờ Trời sát hại biết bao nhiêu trâu dê. Nếu hiểu được nghĩa Phật pháp thì được lợi ích là chẳng hại mình và chẳng hại kẻ khác, như người được thiên-định tu hạnh từ-bi. Vậy nên cần phải học tập luận Phật-Pháp này. Lại như người học luận này, là nên cùng luận nhau, vì đã hiểu chính nghĩa vậy. Như trong kinh nói: “Nếu khi luận nghị, cần phân biệt là nên cùng luận hay chẳng nên cùng luận”. Nếu người chẳng trụ trong pháp trí-giả, trong xứ phi xứ, hoặc trong phân biệt và trong Đạo thì những người ấy đều gọi chẳng nên cùng luận. Mà trái lại với các món trên thời gọi là nên cùng luận. Chẳng trụ trong pháp trí giả: Là luận giả lấy chính-trí huệ khéo giải nghĩa thú, nhiên hậu mới chấp dụng. Như các phái Ni-Kiền-Tử họ tự nói: “Thầy ta là người nên tin”. Nhưng đó chỉ theo lời nói suông mà thôi. Chẳng trụ xứ-phi-xứ là chẳng trụ trong dụng nhân. Các ngoại đạo đối với hai món nhân là cộng nhân và dị nhân, nếu có người hỏi cộng nhân thì họ lấy dị nhân đáp, hoặc có người hỏi dị nhân, họ lại lấy cộng nhân đáp. Thế là chẳng trụ trong hai món nhân như vậy. Chẳng trụ trong phân biệt: là chẳng trụ trong thí dụ. Chẳng trụ Đạo là chẳng trụ đạo luận nghị. Như nói: Luận giả đừng thốt ra lời thô ác, đừng bỏ nghĩa tông, chỉ nên nói lời phương tiện thiệt lợi khuyến dụ khiến họ tỏ ngộ tự tâm vui mừng thì gọi là Thánh ngữ pháp. Trong đây nếu luận giả là người hiểu biết chính nghĩa Phật pháp mới nên cùng luận, kỳ dư đều chẳng phải. Lại có lối chẳng nên cùng luận nhau: Có lối nên quyết định đáp vấn mà lấy bất định đáp; nên phân biệt đáp vấn

mà lấy bất phân biệt đáp; nên hỏi gạn lại đáp vấn; mà lấy chẳng hỏi gạn lại đáp, nên bỏ đáp vấn mà lấy chẳng bỏ đáp. Cùng với các món trên trái lại thì gọi là nên cùng luận nhau. Nên định đáp vấn: Là duy có một nhân. Như Phật Thế Tôn người đời không sánh bằng. Cứ như đây mà suy rộng ra. Nên phân biệt đáp vấn: Là lại có các nhân duyên như chết rồi lại nối tiếp nhau. Nên hỏi gạn lại đáp vấn: Là như có người hỏi mình, mình hỏi lại khiến họ đáp. Nên bỏ đáp vấn: Là như pháp không có thật-thể, chỉ có giả danh; nếu họ hỏi pháp này là nhất hay là dị, là thường hay là vô thường thay, đó là nghĩa chẳng đáp vì duy có kẻ nào hiểu Phật pháp mới có thể biết được vậy thôi. Vậy nên phải cần học tập luận pháp này. Lại có ba hạng người: Chính-định, tà-định và bất-định. Người chính-định quyết vào Nê-Hoàn; người tà-định quyết chẳng vào Nê-Hoàn; kỳ dư gọi là bất-định. Nếu người năng hiểu nghĩa Phật pháp, thì quyết vào chính-định. Lại có bốn hạng người: Thuần tội, nhiều tội, ít tội và không tội. Thuần tội là như người chỉ có bất-thiện mà không có một pháp thiện; nhiều tội là nhiều ác ít thiện, ít tội là nhiều thiện ít ác; và không tội là chỉ có thiện-pháp mà không có bất thiện. Nếu người nào năng hiểu chính nghĩa Phật pháp quyết được vào hai hạng ít tội và không tội. Lại nữa, nếu người hiểu nghĩa Phật pháp thời chịu khổ có hạn, vì quyết sẽ được đến Niết-Bàn.

PHẨM TỨ PHÁP THỨ 16

Lại nữa, nếu học tập luận này được thượng nhiếp pháp. Như trong kinh nói: “Có bốn nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng lợi”. Bố thí là áo cơm các vật, đem các vật này bố thí để thu nhiếp chúng sinh, nhưng vẫn bại hoại. Ái ngữ là tùy ý nói năng, mà cũng có lỗi vì nhiếp lấy ý kẻ kia vậy. Lợi hành làm mình vì kẻ khác cầu lợi, như có cơ hội giúp họ thành sự, cũng bị hư hoại. Đồng lợi là như đi chung một thuyền, buồn vui vẫn đồng, cũng hoặc có khi hoại. Nếu người đem Pháp mà bố-thí, mà ái-ngữ, mà lợi-hành và đồng-lợi để thu nhiếp, chúng-sinh thời không thể hư hoại được vì đem pháp mà thu nhiếp là học tập luận này. Lại nữa, học tập luận này được thượng-y-chỉ. Như trong kinh nói: “Y pháp bất y nhân”. Có người tuy nói: “Tôi theo Phật mà nghe, hoặc theo chỗ vị đa-thức Tỳ-kheo mà nghe, hoặc ở trong đại chúng mà nghe, hoặc theo hầu bên vị Đại-đức trưởng-túc mà được nghe.” Chẳng nên tin người này mà liền lãnh thọ những lời nói của các vị kia. Nếu lời nói của các vị kia đem vào trong khế-kinh, chẳng trái với pháp-tướng, tùy thuận tỳ-ni nhiên hậu mới nên lãnh-thọ. Được đem vào trong khế kinh là vào trong liễu nghĩa khế kinh. Liễu nghĩa khế kinh là nghĩa thú chẳng trái với Pháp-tướng. Pháp tướng là tùy-thuận tỳ-ni. Tỳ-ni gọi là Diệt. Như quán pháp hữu-vi là Thường, là Lạc, là Ngã, là Tịnh thời chẳng Diệt được tham-sân-si thay. Nếu quán Pháp hữu-vi là vô thường, khổ, không vô ngã thời Diệt được tham thay. Biết được vô thường thay gọi là biết pháp-tướng. Vậy nên y pháp chẳng nên y người. Như nói y pháp thì đã tổng tất cả pháp. Vậy nên tiếp theo nói kinh liễu-nghĩa chớ chẳng y kinh chẳng liễu

nghĩa. Kinh liễu nghĩa tức là đệ tam y nghĩa là y nơi nghĩa, chẳng y nơi lời nói vậy. Nếu lời nghĩa này đã đem vào trong khê-kinh, chẳng trái với pháp-tướng, tùy-thuận tỳ ni, ấy là y chỉ. Y trí bất y thức: Thức gọi là biết sắc thấy các pháp. Như trong kinh nói: “Năng thức nên gọi là thức”. Trí gọi là thông đạt thật pháp. Như trong kinh nói: “Như thật biết sắc, thọ, tưởng, hành và thức cho nên nói là trí”. Như thật tức “Không”. Vậy nên thức có chỗ sở đắc, vì thế chẳng nên y vậy. Nếu y nơi trí tức là y nơi “Không”. Muốn thông đạt pháp thượng y chỉ đây, nên cần phải học tập luận này.

Lại như trong kinh nói: “Trời, người có 4 điều có thể tăng trưởng thiện pháp: 1- Trụ thiện xứ, 2- Y thiện nhân, 3- Tự phát chính nguyện, 4- Đòi trước đã trồng căn lành.” Trụ thiện xứ là ở trung quốc, được xa lìa năm nạn; Y thiện nhân sinh được gặp Phật ra đời; đòi trước đã trồng căn lành là chẳng bị đui, điếc, câm ngọng và các tật; tự phát chính nguyện là chính kiến, sinh chính kiến là nhờ theo học nghe Phật pháp. Vậy nên cần phải học tập chính luận Phật pháp này. Lại nữa, người nào tụng tập luận này, đối với trong mạng sống lâu mạng được đại kiên lợi nghĩa là thông đạt được lẽ chắc chắn. Như trong kinh nói: “Có bốn kiên pháp: Thuyết kiên, định kiên, kiến kiên, giải thoát kiên”. Thuyết kiên là như nói tất cả pháp hữu vi đều là vô thường, khổ, tất cả vô ngã, tịch diệt Nê-Hoàn thì gọi là thuyết kiên đây là đầy đủ Văn huệ; nhờ đây mà được Định, đây là đầy đủ Tư huệ. Lại nhờ Định này mới quán pháp hữu vi là vô thường, khổ thấy mới được chính kiến thì gọi là đầy đủ tu huệ. Được quả của ba món Huệ thì gọi là giải thoát kiên cố.

Lại như được học nghe chính-luận Phật pháp thời được đại-lợi. Như trong kinh nói bốn pháp Đại-lợi: “Gần gũi người lành, lắng nghe chính-pháp, tự chính nghĩ nhớ tùy-thuận pháp hành”. Nếu gần người lành thì được nghe chính-pháp, vì chính-pháp ấy ở nơi người lành. Nghe chính-pháp rồi thì sinh chính-niệm. Mới đem vô thường thấy chính-quán các pháp. Nhờ chính quán này, được tùy-pháp-hành là được vô lậu-kiên vậy. Lại được nghe luận này thì đủ bốn món đức-xứ. Là huệ đức-xứ, thật-đức-xứ, xả đức-xứ, tịch diệt đức-xứ. Nghe pháp sinh huệ là huệ đức xứ; nhờ trí huệ này thấy được chân-đế không là thật đức-xứ: Vì thấy chân không nên được lìa phiền não là xả-đức-xứ; vì hết phiền não tâm được tịch-diệt là tịch-diệt đức-xứ.

Lại nữa người được nghe chính luận Phật pháp thời trồng được bốn giống thiện-căn tùy-thuận Nê-Hoàn: Thường gọi là noãn-pháp, đánh-pháp, nhẫn-pháp, và thế-gian đệ-nhất-pháp. Vì nhờ khi đem vô thường thấy các hạnh quán ngũ âm sinh tùy-thuận Nê-Hoàn là hạ-thiện-căn, vì năng khiến tâm nóng nên gọi là noãn-pháp. Noãn-pháp tăng-trưởng thành trung-thiện-căn gọi là đánh-pháp. Đánh-pháp tăng-trưởng thành thượng-thiện-căn gọi là nhẫn-pháp. Nhẫn pháp tăng trưởng thành

thượng-thượng thiện căn gọi là thế-gian đệ-nhất-pháp. Lại có bốn món thiện-căn là: Thối-phần, trụ-phần, tăng-phần và đạt-phần. Lìa các thiên-định mà lễ kính đọc tụng, các căn lành này gọi là thối phần. Được các căn lành thiên định, gọi là trụ phần. Từ nghe nghĩ thấy sinh các căn lành gọi là tăng phần. Vô-lậu thiện-căn, gọi là đạt phần. Nếu được nghe Phật pháp thì hẳn lìa thối phần được ba phần căn lành sau.

PHẨM TỨ ĐẾ THỨ 17

Nếu người được nghe nghĩa Phật-Pháp thì năng khéo biết phân-biệt bốn Đế: Khổ-đế, tập-đế, diệt-đế, đạo-đế. Khổ-đế là ba cõi. Cõi Dục là từ A-Tỳ Địa-ngục đến cõi Tha-hóa tự-tại. Cõi sắc là từ cõi Phạm-thế đến cõi trời A-Ca-Ni-Tra. Cõi Vô-sắc là bốn vô-sắc. Lại có bốn sắc xứ là sắc, thọ, tưởng, hành. Các ngoại đạo hoặc cho thức nương nơi Thần mà tồn tại. Do đó nên Phật nói thức nương bốn chỗ này. Lại có bốn loài sinh: Noãn-sinh, thai-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh. Tất cả trời và địa ngục là hóa sinh. Ngạ quỷ thuộc hai món là thai sinh và hóa sinh. Kỳ dư gồm đủ bốn. Lại có bốn thứ thực: Là tuy-thực, xúc-thực, ý-tư-thực, thức-thực. Tuy thực là hoặc thô hoặc tế; Như cơm thấy là thô, dầu mỡ hương khí và các món uống là tế; Xúc-thực là lạnh nóng gió thấy. Ý-tư-thực là hoặc có người nhờ nghĩ muốn mà mạng được sống. Thức-thực là thân trung-âm và địa ngục, vì các chúng-sinh này không có thân sắc chất; những kẻ vào Diệt-tận-định, tuy không hiện-thức, mà thức vẫn tồn tại nên cũng gọi là thức-thực. Lại có sáu đạo: Thượng-tội là địa-ngục; trung-tội là súc-sinh; hạ-tội là ngạ-quỷ; Thượng-thiện là Thiên-đạo; trung-thiện là nhân-đạo; hạ-thiện là A-tu-la đạo. Lại có sáu món: Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Bốn món Đại nổi vây nhau trống không, có thức nương ở nơi trong, thường gọi là người. Lại có sáu xúc nhập: Mắt thấy sáu căn cùng với thức hòa hợp, gọi là xúc nhập. Lại có bảy chỗ thức ở; ở trong các chỗ này là vì sức điên đảo, thức tham vui nên ở đó. Lại đời có tám pháp: Là Lợi, suy, xung, cơ, hủy, dự, khổ và lạc. Người thế-gian quyết chịu các việc này nên gọi là thế pháp. Còn có chín chỗ chúng sinh ở. Chúng-sinh đều bởi sức điên đảo cho nên năng ở nơi đây. Lại có năm món để phân biệt các pháp: Là ngũ âm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên và 22 căn. Ngũ âm là nhãn sắc là sắc âm, nương đây sinh thức năng thủ tiền sắc gọi là thức âm; tức khi tâm sinh nghĩ tưởng nam, nữ kẻ oan người thân đều gọi là tưởng âm. Nếu phân biệt biết oan thân hay người chẳng phải oan thân, rồi sinh ba món thọ gọi là thọ âm. Trong ba món thọ này sinh ba món phiền não gọi là hành âm. Bởi việc này mà sinh ba món phiền não gọi là hành âm. Bởi việc này mà sinh khởi nhân duyên thọ thân gọi là ngũ thọ âm. Do bốn duyên thức mới được sinh là: Nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên. Lấy nghiệp làm nhân duyên, thức là thứ đệ duyên. Do thức thứ lớp sinh thức nên sắc và duyên duyên. Nhãn là tăng thượng duyên. Trong đây thức do hai nhân duyên mà sinh, chỗ gọi là nhãn sắc cho đến ý

pháp gọi là mười hai nhập. Trong đây thêm thức gọi là mười tám giới, nghĩa là nhân giới, sắc giới, nhân thức giới thủy, âm này và các pháp làm sao sinh được?

Ở trong mười hai thời cho nên gọi là mười hai nhân duyên. Trong đây vô-minh là phiền não, hành là nghiệp. Bởi hai nhân này thứ lớp sinh thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hai pháp này gọi này gọi là phiền não. Còn Hữu gọi là nghiệp. Lúc ban đầu lãnh-thọ thân-thức trong đời vị-lai, gọi đó là sinh. Kỳ dư gọi là lão-tử. Mười hai nhân duyên này nêu rõ có quá-khứ vị-lai và hiện-tại. Nhưng vì các duyên nương nhau sinh khởi nên không có chủ thể vậy. Lại vì sinh tử vãng-lai hoàn-diệt nên nói có hai mươi hai căn. Tất cả chúng-sinh, khi ban đầu thọ-thân lấy thức làm gốc. Thức này có sáu thứ: Từ nhãn thấy sinh nên gọi là sáu căn; chỗ gọi là nhãn căn cho đến ý-căn. Năng sinh sáu thức nên gọi là sáu căn. Có thể phân biệt tướng nam nữ căn. Có người cho rằng phần ít của thân-căn. Sáu căn này hoặc gọi là sáu nhập. Do sáu món này sinh sáu món thức nên gọi là sống lâu. Bởi nguyên do nào? Là sáu nhập, sáu thức này được nối nhau mà sinh nên gọi là sống lâu. Dứt nối nhau này nên gọi là chết. Vậy nên việc này gọi đó là mạng sống. Trong đây những gì làm căn? Chỗ gọi là nghiệp vậy. Vì do nghiệp nên sáu nhập sáu thức mới được nối nhau sinh. Ở trong mạng sống này nghiệp gọi là mạng căn. Nghiệp này từ các món lãnh thọ mà sinh. Các món thọ tức là lạc thủy năm căn. Do năm căn này sinh tham ái thủy tất cả phiền não và thân, khẩu nghiệp. Nghiệp nhân duyên này lại chịu lấy sinh tử, ấy là cấu pháp, năng khiến sinh tử nhân duyên nối nhau. Vậy thì lấy nhân duyên gì được sinh tịnh pháp. Quyết phải nhờ tín thủy. Tín thủy bốn pháp nhân duyên thành huệ. Huệ có ba thời là chưa biết, muốn biết, đã biết. Như khi tu tập hay ra làm việc gì, căn này đều là sai biệt của trí huệ. Đức Phật do sinh tử, vãng lai, hoàn diệt, cấu tịnh nên nói có hai mươi hai căn. Các pháp như vậy đều nhiếp thuộc về khổ đế. Kẻ nào năng biết này thì gọi khéo biết khổ đế.

Tập-đế là nghiệp phiền não. Nghiệp sang phẩm nghiệp sẽ nói. Phiền não cũng sang phẩm phiền não sẽ nói. Các nghiệp là phiền não là nhân duyên thọ thân sau, nên gọi là tập đế. Diệt-đế là cũng sang trong nhóm diệt-đế sẽ nói rộng hơn. Nghĩa là giả-danh-tâm, pháp-tâm, không-tâm. Diệt ba món tâm này nên gọi là diệt-đế. Đạo đế là 37 phẩm trợ Bồ-Đề pháp: Bốn món niệm-xứ, bốn chính-căn, bốn như-ý-túc, năm căn, năm lực, bảy Bồ-Đề phận, và tám thánh-đạo-phận. Bốn niệm-xứ: Là thân, thọ, tâm pháp. Trong chính-an-niệm và từ niệm sinh huệ, quán thân vô thường thấy rồi an trụ trong cảnh duyên, gọi là thân-niệm-xứ. Do niệm và huệ này lần-lữa càng thêm năng phân-biệt để lãnh-thọ, gọi là thọ-niệm-xứ. Và càng tăng thêm tâm thanh tịnh năng phân biệt, gọi là tâm-niệm-xứ. Năng đem chính-hành phân biệt các pháp, gọi là pháp-niệm-xứ. Bốn chánh căn: Là nếu ác pháp bất thiện đã sinh thấy có tội lỗi, vì muốn dứt nên mới sinh siêng năng tu tinh tấn, để dứt phương tiện tức là tri-kiến vậy. Do ác pháp bất thiện chưa sinh, vì muốn chẳng sinh mới sinh siêng năng

tu tinh tấn, để chẳng sinh phương tiện tức là tri kiến vậy. Do thiện pháp chưa sinh, vì muốn sinh mới sinh siêng năng tu tinh tấn. Vì ba lực thượng, trung, hạ phương tiện thứ lớp và bất thối chuyển. Bốn như ý túc: Là muốn trọn nên điều hạnh tam muội, nên tu như ý phần. Vì muốn sinh tam muội, gọi là dục tam muội. Muốn tinh tấn, tín, hỷ, ức niệm, an huệ, tư, xả hết thấy các pháp mầu nhiệm này cộng thành, gọi là điều hạnh thành tựu. Công đức tăng trưởng nên gọi là như ý túc. Vì muốn tăng trưởng gọi là tinh tấn. Đầy gọi là thứ hai. Có hành giả muốn có tinh tấn nên mới tu tập Định huệ. Được tâm tam muội, chỗ gọi là định vậy. Tư duy tam muội chỗ này gọi là huệ vậy. Năm căn là nghe pháp sinh lòng tin, gọi là tín căn. Tin rồi vì muốn dứt cấu pháp để chứng tịnh pháp nên mới phát khởi siêng năng tu tinh tấn, gọi là tinh tấn căn. Tu bốn niệm xứ, gọi là niệm-căn. Nhờ niệm căn thành tam muội, gọi là định-căn. Nhờ định sinh huệ, gọi là huệ căn. Năm căn này tăng trưởng có sức mạnh, gọi là ngũ lực. Tám thánh đạo phận: Là từ nghe sinh huệ năng tín năm âm là vô thường; khổ thấy gọi là chính kiến. Huệ này hoặc từ suy nghĩ mà sinh, gọi là chính tư duy. Do chính tư duy dứt các pháp bất thiện, tu tập các thiện pháp, phát sinh hạnh tinh tấn, gọi là chính tinh tấn. Từ đây mới lần lữa đi xuất gia, thọ giới được ba món đạo phận là chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Nhờ chính giới này làn thành niệm xứ và các món thiền định. Nhân nhờ niệm định này được như thật trí gọi là tám thánh đạo phận. Theo thứ lớp là như vậy. Và trong tám thánh đạo phận giới phải đứng đầu. Tại vì sao? Vì nghĩa trong phẩm giới định huệ là thứ lớp như vậy. Chính niệm, chính định, gọi là định phẩm. Tinh tấn thường đi khắp tất cả chỗ. Huệ phẩm là cận đạo nên sau mới nói. Huệ này có hai thứ, hoặc thô hoặc diệu. Thô là văn huệ tư huệ, gọi là chính tư duy. Diệu là tu huệ tức là vào trong Noãn Đảnh các pháp. Năng phá giả danh và pháp năm âm, gọi là chánh kiến. Do chính kiến này mà thấy năm âm diệt gọi là sơ nhập đạo. Từ đây lần được bảy pháp Bồ-Đề phận: Niệm Bồ-Đề phận là kẻ học nhân, nếu mất niệm thì khởi phiền não nên phải buộc mình ở chỗ lạnh. Mà buộc được niệm thì trước tiên là được chính-kiến, nên gọi là trạch pháp, vì chẳng bỏ trạch pháp gọi là tinh-tấn. Lúc tu tinh tấn, phiền não giảm mòn, tâm sinh vui mừng, nên gọi là Hỷ. Vì tâm vui nên thân được khoan khoái, nên gọi là khoái. Thân khoái được vui, vui thời tâm Định, Định này khó được nên gọi là kim cương định. Được quả không chấp đắm, dứt buồn vui thấy, thì gọi là Xả. Đây gọi là thượng hành, chẳng chìm đắm, chẳng bộc-phát tâm được bình-đẳng nên gọi là Xả. Bồ-Đề gọi là vô-học-trí. Tu bảy pháp này năng được Bồ-Đề, gọi là Bồ-Đề-phận.

Tu 37 phẩm này được bốn quả Sa-môn: Quả Tu-Đà-Hoàn là thông đạt được không-pháp; do không trí này năng dứt ba món gút. Quả Tu-Đà-Hàm là cũng tu đạo này được mỏng lãn phiền não ở trong cõi Dục, chỉ còn hai lần sinh tử nữa là xong. Quả A-Na-Hàm là dứt tất cả phiền não. Quả A-La-Hán là dứt tất cả phiền-

não. Nếu ai tu tập được chính luận Phật-Pháp này thời được thông đạt bốn Đệ; được bốn quả Sa-môn. Vậy nên cần phải tu tập chính luận Phật-Pháp này.

PHẨM PHÁP TỰ THỨ 18

Lại nữa kẻ học tập luận này thời thông đạt được các nhóm các pháp nên biết. Vì thông đạt nên tà-luận của ngoại đạo không thể uốn-dẹp được; và cũng năng mau diệt được phiền não; tự mình lìa khổ và cũng cứu độ được kẻ khác nữa. Các nhóm các pháp nên biết là pháp nên hiểu. Pháp nên biết: Pháp sắc, pháp vô sắc. Pháp khả thấy, pháp chẳng khả thấy. Pháp hữu-đôi, pháp vô-đôi. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp tâm, pháp phi tâm. Pháp tâm số, pháp phi tâm số. Pháp tâm tương ưng, pháp bất tâm tương ưng. Pháp tâm cộng hữu, pháp tâm bất cộng hữu. Pháp tùy tâm hành, pháp bất tùy tâm hành. Pháp nội, pháp ngoại. Pháp thô, pháp tế. Pháp thượng, pháp hạ. Pháp cận, pháp viễn. Pháp thọ, pháp phi thọ. Pháp xuất, pháp phi xuất. Pháp cộng phạm phu, pháp bất cộng phạm phu. Pháp thứ lớp, pháp phi thứ lớp. Pháp có thứ lớp, không không thứ lớp. Các pháp như vậy là đi từng đôi hai pháp. Lại có pháp đi bộ ba: Pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm bất tương ưng. Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại. Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp học, pháp vô học, pháp phi vô học. Pháp kiến đế đoạn, pháp tư duy đoạn, pháp vô đoạn. Các pháp như vậy là bộ ba. Lại có các pháp bộ tư: Pháp buộc cỡi Dục, pháp buộc cỡi sắc, pháp buộc cỡi vô sắc, pháp chẳng buộc. Lại có bốn đạo: Khổ khó tu đạo, khổ dễ tu đạo, vui khó tu đạo, vui dễ tu đạo. Lại có bốn ý vị: Xuất vị, ly vị, tịch diệt vị, chính trí vị. Lại có bốn chứng pháp: Tâm chứng pháp, niệm chứng pháp, nhãn chứng pháp, huệ chứng pháp. Bốn thọ thân, bốn nhập thai, bốn duyên, bốn tin. Bốn thánh chủng. Bốn ác hành. Như vậy thấy là loại bốn pháp. Năm ấm. Sáu chủng. Sáu hội nhập. Sáu ngoại nhập, Sáu sinh tính. Sáu hỷ hành. Sáu ưu hành. Sáu xả hành. Sáu diệu hành, Bảy tịnh. Tám phước sinh. Chín thứ lớp diệt. Mười thánh xứ. Mười hai nhân duyên. Các nhân các pháp như vậy đáng hiểu biết nhiều vô lượng vô biên không thể nói hết. Nên Tôi nay chỉ lược nêu cương yếu mà thôi.

Pháp nên hiểu là đệ nhất nghĩa đế vậy. Pháp nên biết là thế đế vậy. Pháp sắc là sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc vậy. Pháp vô sắc là tâm vô vô tác pháp vậy. Pháp khả kiến là sắc nhập vậy. Pháp hữu đôi là sắc pháp vậy. Pháp hữu lậu là nếu pháp ấy năng sinh các món lậu, như nhi A-La-Hán tâm giả danh pháp ấy vậy. Pháp hữu vi là do các duyên sinh khởi, tức là ngũ ấm vậy. Pháp vô vi là diệt sạch ngũ ấm vậy. Pháp tâm là năng duyên, Pháp tâm số là nếu thức được cảnh duyên tức thì thứ lớp sinh tướng thấy vậy. Pháp tâm tương ưng là thức được cảnh duyên thứ lớp chắc sinh khởi, như tướng thấy vậy. Pháp tâm cộng hữu là pháp và tâm đôi bên chung có, như sắc và tâm biết tương ưng hành ấy vậy. Pháp tùy tâm hành là nếu pháp có

tâm thời sinh, không tâm tâm chẳng sinh, như thân, khẩu vô tác nghiệp vậy. Pháp nội là sáu món nhập bên trong của thân thể vậy. Pháp thô tế là đối đãi với nhau mà có vậy; như quán ngũ dục sắc định là Tế: Quán vô sắc định, sắc định là Thô vậy. Pháp thượng hạ là cũng như vậy. Pháp cận viễn là hoặc dị phương cho nên xa, hoặc chẳng tương-tợ nên xa vậy, pháp thọ là từ thân sinh ra pháp vậy. Pháp xuất là pháp thiện vậy. Pháp cộng phạm phụ là pháp hữu lậu vậy. Pháp thứ lớp là từ cái khác mà thứ lớp sinh ra vậy. Pháp sắc là sắc cả thấy năm pháp vậy. Pháp tâm là như trước đã nói vậy. Pháp tâm bất tương ưng hành là vô-tác-nghiệp vậy. Pháp quá-khứ là pháp đã diệt rồi vậy. Pháp vị-lai là pháp sẽ sinh vậy. Pháp thiện là làm lợi ích các chúng-sinh và chân thật-trí vậy, cùng với pháp trên đây trái nhau gọi là bất-thiện pháp vậy.

Trái nhau với cả hai điều trên là pháp vô ký vậy. Pháp học là pháp kẻ học nhân vô lậu tâm vậy. Pháp vô học là pháp kẻ vô học nhân ở nơi đệ nhất nghĩa tâm vậy. Kỳ dư gọi là phi học phi vô học vậy. Pháp kiến Đệ đoạn là Tu-Đà-Hoàn đoạn được hiện tướng ngã mạn và từ đây sinh ra pháp vậy. Pháp tư duy đoạn là Tu-Đà-Hoàn, Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm đoạn được bất hiện tướng ngã mạn và từ đây sinh ra pháp vậy. Pháp vô đoạn là vô lậu vậy. Pháp buộc cỡi Dục là nếu pháp bị quả báo A-tì địa ngục cho đến cỡi trời tha-hóa-tự-tại vậy. Pháp buộc cỡi Sắc là từ cỡi Phạm-thế cho đến cỡi trời A-Ca-Ni-Tra vậy. Pháp buộc cỡi Vô sắc là bốn cỡi Vô sắc vậy. Pháp chẳng buộc là pháp vô lậu vậy. Khổ khó tu đạo là kẻ độn căn được Định để tu đạo vậy. Khổ dễ tu đạo là kẻ lợi căn được Định tu đạo vậy. Vui khó tu đạo là kẻ độn căn được Huệ để tu đạo vậy. Vui dễ tu đạo là kẻ lợi căn được Huệ tu đạo vậy. Xuất vị là xuất gia cầu đạo vậy. Ly vị là thân tâm xa lìa vậy. Tịch diệt vị là được thiên định vậy. Chính trí vị là thông đạt Tứ Đế vậy. Pháp niệm chứng là tứ niệm xứ vậy. Nhờ niệm xứ này nên năng sinh bốn món Thiên, gọi là thân chứng. Thông đạt tứ Đế, gọi là Huệ chứng. Bốn thân chịu là có kẻ tự hại mình mà kẻ khác không hại được; có kẻ bị kẻ khác hại mà mình chẳng tự hại; có kẻ tự hại, kẻ khác cũng hại mình được; có kẻ chẳng hại, kẻ khác cũng chẳng hại được. Bốn nhập thai, là kẻ chẳng tự niệm vào thai, cũng chẳng tự niệm trụ thai, xuất thai; có kẻ tự niệm vào thai trụ thai mà chẳng tự niệm xuất; có kẻ tự niệm vào thai, trụ thai, xuất thai. Vì tâm điên đảo tán loạn nên chẳng tự niệm nhớ; tâm minh chính chẳng loạn nên năng tự niệm nhớ.

Bốn duyên: Nhân duyên là: Sinh duyên, tập nhân, và y-nhân. Sinh nhân là nếu pháp khi sinh năng cùng làm nhân cho cái khác, như nghiệp làm nhân cho quả báo. Tập nhân là như tập luyện tham dục thì tham-dục ngày càng tăng-trưởng. Y-nhân là như tâm và tâm-số pháp nương sắc hương thấy bốn pháp này gọi là nhân duyên. Thứ đệ duyên là như tiền-tâm pháp diệt nên hậu tâm mới được thứ lớp sinh.

Duyên-duyên là như từ duyên sinh pháp, như sắc năng sinh nhãn thức. Tăng thượng duyên là pháp ấy khi sinh các pháp duyên khác giúp vậy.

Tự tín: Tin Phật là bậc chân trí đối với Đức Phật quyết định sinh tâm thanh tịnh, vì trí Phật đối với chúng-sinh là cao cả. Tin chân trí này tức là tin Pháp. Kẻ được trí này đối với tất cả chúng-sinh rất là đệ nhất, gọi là tín Tăng. Được giới Thánh sở ái tức là đem tâm thân tín chẳng gây các ác nghiệp, tự biết mình nhờ giới này năng tín Tam-Bảo, vì tin sức mạnh của giới nên gọi là tín giới.

Bốn thánh chủng: Nhờ bốn món thánh chủng này nên chẳng bị ưa muốn áo mặc làm ô nhiễm; chẳng bị những ưa muốn uống ăn nằm cho thân làm ô nhiễm nên gọi là bốn thánh chủng. Bốn ác hành là vì tham nên sân, vì sợ hãi nên si, nên bị đọa trong ác đạo vậy.

Năm ấm: Sắc-ấm là sắc thấy năm pháp vậy. Thọ-ấm là pháp năng duyên vậy. Tưởng-ấm là năng phân-biệt pháp giả-danh vậy. Hành-ấm là pháp năng sinh thân sau vậy. Thức-ấm là duy chỉ năng biết trần-pháp vậy.

Sáu chủng: Địa chủng: là sắc, hương, vị và xúc hòa hợp, tướng cứng nhiều gọi là địa chủng. Tướng ẩm ướt nhiều gọi là thủy-chủng. Tướng nóng nhiều gọi là hỏa-chủng. Tướng nhẹ nhiều gọi là phong-chủng. Không có sắc tướng gọi là không-chủng. Năng duyên pháp, nên gọi là thức chủng. Sáu nội nhập: Nhãn nhập là bốn đại hòa hợp làm chỗ nương cho nhãn thức gọi là nhãn nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập cũng lại như vậy. Ý nhập là tâm vậy. Sáu ngoại nhập: Sắc nhập là cảnh bị duyên của nhãn thức vậy. Thanh, hương, vị, xúc và pháp nhập cũng lại như vậy.

Sáu sinh tính: Là kẻ hắc tính năng tập luyện hắc pháp nhưng cũng tập luyện bạch pháp và hắc pháp nữa. Kẻ bạch tính cũng lại như vậy. Sáu hỷ hành là nương nơi lòng tham vậy. Sáu ưu hành là nương nơi lòng sân vậy. Sáu xả hành là nương nơi lòng si vậy. Sáu điều hành là thật trí huệ vậy. Bảy tịnh: Giới tịnh là giới luật nghi vậy. Tâm tịnh là được thiên định vậy. Kiến tịnh là đoạn được thân kiến vậy. Độ nghi tịnh là đoạn được gút nghi ngờ vậy. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là đoạn được giới thủ vậy. Hành tri kiến tịnh là tư duy đạo vậy. Hành đoạn tri kiến tịnh là vô học đạo vậy.

Tám phước sinh: Là người giàu sang trong loài người cho đến sinh ở cõi phạm thế. Được các vui phước báo trong đây là nhiều hơn hết, cho nên nói tám phước sinh vậy.

Chín thứ đệ diệt: Là vào được sơ thiên diệt ngôn ngữ; vào nhị thiên diệt được giác quán; vào tam thiên diệt hỷ; vào tứ thiên diệt hơi thở ra vào; hư không xứ diệt sắc

tướng; thức xứ diệt vô biên hư không tướng; vô sở hữu xứ diệt vô biên thức tướng; phi tướng phi tướng diệt vô sở hữu tướng; và vào diệt tận định diệt được thọ và tướng vậy.

Mười thánh xứ: Là Thánh-nhân đoạn năm pháp, thành sáu pháp, giữ một pháp, nương bốn pháp, dứt đế-giả-ngụy, bỏ các cầu mong, chẳng suy nghĩ đục vẩn, lia các thân hành, khéo được tâm giải thoát, khéo được huệ giải thoát, việc làm đã xong, và đơn độc không bạn bè. Đoạn năm pháp là đoạn năm phần thượng-kiết, được quả A-La-Hán, vì tất cả kiết đều dứt hết, nên tu sáu pháp diệu-hành; nhân thấy các tình thức đối với sắc thấy các trần cảnh chẳng buồn chẳng vui, cũng chẳng ngu si vậy. Giữ một pháp là buộc quán niệm nơi thân vậy. Nương bốn pháp là khát thực thấy tứ-y-pháp vậy. Lại có người nói: Nương bốn pháp là Thánh-nhân có pháp viễn ly, có pháp thân-cận, có pháp trừ diệt, có pháp nhẫn thọ. Thanh-tịnh trì giới, nên năng đạt thật tướng, gọi là dứt đế-giả-ngụy. Dứt tất cả kiến-hoặc gọi là được sơ quả. Bỏ các cầu mong là đục cầu, hữu-cầu và phạm hạnh cầu. Được Sơ quả nên mới biết các pháp hữu-vi đều là hư dối. Muốn bỏ ba món cầu, được kim-cương tam-muội rồi, mới bỏ việc học đạo; bấy giờ mới gọi là bỏ được hết các món cầu mong. Chẳng suy nghĩ đục-vẩn: Là diệt được sáu món giác thì tâm được thanh tịnh. Được mỏng lần ba món độc, chứng quả thứ hai: Diệt trừ được tham ái, chứng quả thứ ba, gọi là chẳng suy nghĩ đục vẩn. Lia các thân hành là trừ được mấy món kiết ở cõi Dục, được tứ thiên, gọi là lia thân-hành. Được tận trí, nên gọi là khéo tâm giải thoát. Được vô sinh trí, nên gọi là khéo được tâm giải thoát. Được vô sinh trí, nên được huệ giải thoát. Các bậc Thánh-nhân tâm an-trụ mười chỗ này, nên gọi là mười Thánh-xứ. Việc làm Phật-Pháp chắc chắn phải hết khổ, nên gọi là việc làm đã xong. Xa lia phạm phu và các bậc học nhân, gọi là không bạn bè. Tâm lia các pháp, an trụ rốt ráo “không”, nên gọi là đơn độc.

12 nhân duyên: Vô-minh là tâm theo giả-danh, bởi tâm điên-đảo này mới năng nhóm các nghiệp, gọi là vô-minh duyên hành. Vì thức theo nghiệp, nên năng thọ thân, gọi là hành-duyên thức. Sau khi thọ thân gọi là danh-sắc, lục-nhập, xúc, thọ. Các chi phần này tùy thời tăng trưởng. Khi lãnh-thọ các thọ, nương dựa giả danh nên năng sinh ái. Bởi ái sinh bao nhiêu phiền não, nên gọi là Thủ, Ái Thủ làm nhân-duyên cho Hữu, đây gọi là ba chi phần. Do các nghiệp nhân-duyên phiền não này, trong đời sau mới sinh; từ nhân-duyên sinh mới có già chết thấy. Trong đây như nói vô-minh và các hành-nghiệp là nói rõ có đời quá-khứ để khiến dứt chấp thường-kiến, biết từ vô-thủy sinh-tử qua lại, do nghiệp phiền não nhân duyên mà thọ thân. Như nói sinh-tử là nói rõ có đời vị-lai để khiến dứt chấp đoạn-kiến. Nếu chẳng được chân-trí thời sinh tử không ngăn mé, chỉ có quả-báo đau khổ. Như nói tám chi-phần chặn giữa là nói rõ pháp hiện-tại, chỉ do các duyên nối nhau mà sinh chức không có pháp chân thật. Trong đây vô-minh và các hành nghiệp là nhân-

duyên đời trước. Kết quả của nhân-duyên này là Thức, Danh, Sắc, Lục-nhập, Xúc và Thọ; do năm món nhân-duyên này mới sinh khởi Ái, Thủ và Hữu, là cái nhân đời vị lai; Kết quả của nhân-duyên này là Sinh, Lão và Tử. Nếu như lãnh thọ các món thọ, trở lại sinh Ái và Thủ. Vì vậy cho nên 12 chi phần này luân-chuyển vô cùng tận.

Năng được chân-trí thì chẳng nhóm các nghiệp; các nghiệp chẳng nhóm thì không có sinh. Sinh gọi là bắt đầu khởi thành. Nếu người nào học tập chính-luận này thì biết các pháp tự tướng đều trống không, chẳng nhóm các nghiệp; các nghiệp chẳng nhóm thì không có sinh; nên Lão, Tử, Ưu-bi, khổ-não đều dứt hết. Cho nên muốn tự lợi lợi-tha, chúng-sinh lần thành Phật-đạo.

Nếu kẻ muốn tiêu tự-pháp và diệt tha-pháp nên phải học tập luận này.

PHẨM THẬP-LUẬN TRƯỚC HỮU TƯỚNG THỨ 19

Hỏi: Kính ông trước nói rộng học tập các dị-luận, vì muốn luận nghĩa Phật-Pháp vậy. Những gì là dị-luận?

Đáp: Với trong ba tạng có nhiều các dị-luận. Những người ưa khi tranh luận: Chỗ gọi hai đời có, hai đời không. Tất cả có, tất cả không. Trung-âm có, trung-âm không. Tứ-Đế thứ lớp được, một thời được. Có thối, không thối. Kiết-sử cùng tâm tương-ung tâm bất tương-ung. Tâm tính bản tịnh, tính bản bất-tịnh. Đã thọ báo-nghiệp hoặc có, hoặc không. Phật tại Tăng số, bất tại Tăng số. Có người, không người. Có người nói pháp hai đời có, hoặc có người nói không.

Hỏi: Vì nhân-duyên gì nói có? Vì nhân-duyên gì nói không?

Đáp: Kẻ nói có là: Nếu có pháp với trong ấy sinh tâm, vì pháp trong hai đời năng sinh tâm vậy, thì phải biết là có.

Hỏi: Chính ông trước thường nói có tướng?

Đáp: Tính biết đi được chỗ nào, gọi chỗ đó là có tướng. Kẻ hỏi nạn rằng: Tính biết cũng đi đến chỗ không có chỗ. Tại vì sao? Vì như tin hiểu rồi quán, chẳng phải màu xanh mà thấy xanh. Lại như làm ra trò huyền cũng không mà thấy có. Lại như đem cái biết vào chỗ không có, nên gọi là vào Định vô-sở-hữu-xứ. Lại như đem ngón tay giụi vào mắt thì thấy hai mặt trăng. Lại như trong kinh nói: “Ta biết bên trong không tham dục”, cũng kinh nói: “Biết trong sắc tham dứt, gọi là sắc đoạn”. Lại như trong mộng không mà vọng thấy. Do các duyên có này biết cái biết cũng

đi đến chỗ không có chỗ. Chẳng nên có tính biết đi đến chỗ nào nên gọi chỗ đó là có.

Đáp: Không có tính biết đi đến chỗ không có chỗ. Tại vì sao? Vì cần nhờ hai pháp nhân-duyên, nên Thức mới được sinh. Một nương hai duyên. Như không có cảnh duyên mà Thức vẫn sinh thì cũng nên không có chỗ nương. Thức cũng được sinh. Vậy thì hai pháp kia vô dụng? Như vậy cũng không có giải-thoát, vì Thức thường sinh. Vậy nên biết Thức chẳng đến nơi không. Lại như vì có chỗ bị biết nên gọi là Thức. Nếu không chỗ biết thì Thức cũng không. Lại như nói Thức năng biết trần, nghĩa là nhãn thức biết sắc, cho đến ý thức biết pháp. Nếu nói có Thức nó không duyên-cảnh, thì Thức này có biết cái gì ư? Lại nếu, nói có Thức mà không duyên cảnh vậy là sai lầm. Như có người nói: Tôi cuồng nên tâm loạn, thế gian không có gì hết, mà tôi đều thấy có. Lại nếu biết không có gì hết, thì chẳng nên sinh nghi, vì có chỗ biết nên mới sinh nghi được. Lại như trong kinh nói: “Thế gian không có gì hết mà ta biết thấy ấy là vô lý vậy”. Lại nữa, lời nói người tự trái nhau, nếu không có gì thì biết cái chi ư? Lại như trong kinh nói: “Ba sự hòa hợp nên gọi là xúc”. Nếu pháp không có, thì hòa hợp cái chi? Lại biết không cảnh bị duyên thì làm sao thành được; nếu biết thì chẳng không, nếu không thì chẳng biết. Vậy nên không có tính biết không cảnh duyên. Lại như người nói câu: “Tính biết đi đến chỗ không có chỗ như tin hiệu quán màu chẳng phải xanh mà thấy xanh” ấy, là vô lý. Tại vì sao? Vì trong màu chẳng phải xanh này thiệt có tính xanh. Như trong kinh nói: “Trong cây này có tính tịnh.” Lại như lấy tướng xanh, do sức mạnh của tâm chuyên rộng ra, thời tất cả đều xanh, không một tướng nào chẳng xanh. Lại như kinh Huyền-Võng nói: “Có kẻ huyền-giả và vật để làm trò-huyền, thời với trong không phải là chúng-sanh, mà thấy giống chúng-sinh, cho nên gọi là huyền”. Lại như người nói câu: “Vì biết không có nơi chỗ, nên gọi là vào Định Vô-sở-hữu-xứ” ấy. Vì sức tam-muội, nên sinh vô tướng này chớ chẳng phải là không có vậy. Như thật có sắc hư hoại là không tướng. Lại vào trong tam-muội này vì pháp bị thấy ít, nên coi là không có; như muối ít nên gọi là không muối; huệ ít nên gọi là không huệ. Lại như nói: phi-hữu-tướng phi-vô-tướng-xứ. Trong đây tuy thật có Tướng, mà cũng nói phi-hữu phi-vô. Lại người nói: “Đem ngón tay giụi vào mắt, thấy hai trắng”. Thấy ấy mà chẳng nghĩ xét, nên cho một là hai. Nếu nhắm lại một mắt thì chẳng thấy hai. Lại như người nói: “Ta biết bên trong không tham dục” ấy. Vì người này thấy pháp ngũ cái trái nhau với thất-giác, nên liền sinh ý niệm rằng: Ta biết không tham dục, chớ chẳng phải biết không có vậy. Lại như người nói: “Biết trong sắc tham dục, gọi là sắc dục” ấy. Vì thấy chân-thật-huệ cùng với vọng-giải trái nhau, nên gọi là tham dục. Lại như người nói: “Trong mộng không mà thấy có” ấy. Vì trước đã từng thấy nghe nhớ nghĩ phân-biệt và đã tu tập nên trong mộng mới thấy; và do khí lạnh nóng cơ-thể thịnh nên tùy theo mộng mà thấy; hoặc do nhiều

duyên nên mộng; hoặc các Thiên-thần đến vì hiện mộng. Vậy nên trong mộng thấy có, chớ chẳng phải biết không vậy.

Kẻ hỏi nạn rằng: Ông nói: “Cần nhờ hai pháp nhân-duyên, thức mới được sinh” ấy. Việc này chẳng phải. Vì Đức Phật muốn phá thuyết Thần ngã nên mới nói hai pháp nhân-duyên sinh Thức, chớ chẳng phải tất cả vậy đâu. Lại như ông nói: “Vì có chỗ bị biết, nên gọi là Thức” ấy. Cái biết của Thức, pháp có thì biết có, không có thì biết không có. Nếu việc ấy không cậy vì không việc ấy, nên gọi là thấy không. Lại như ba tâm diệt, nên gọi là Diệt Đé. Nếu không có không tâm thì diệt cái gì ư? Lại như ông nói: “Nhân thức biết sắc cho đến ý thức biết pháp” ấy. Thức này chỉ năng biết pháp trần mà chẳng biện biệt là có hay không. Lại như ông nói: “Nếu có Thức biết, mà không cảnh duyên, vậy là sai lầm” ấy. Thời có cái biết, biết cái không có, như người bị bệnh cuồng thấy không có gì hết. Lại như ông nói: “Nếu biết không có gì hết, thời chẳng nên sinh nghi” ấy. Nếu nghi là có hay là không có, thời có cái biết không cảnh duyên vậy. Lại như ông nói: “Nhu trong kinh nói thế gian không có gì hết mà ta biết thấy, ấy là vô lý” ấy. Kinh này chẳng luận pháp tướng, hình như chẳng phải lời Phật nói. Hoặc tam muội như vậy, là vào tam muội chỗ thấy đều có, ấy là tam muội, nên nói như vậy. Lại như ông nói: “Lời nói ông tự trái nhau, , ,” ấy. Tôi nói: Duyên nơi không có, chẳng phải trái nhau vậy. Lại như ông nói: “Tâm, tâm-số-pháp năng duyên tất cả pháp” ấy. Duyên này là có tâm, tâm-số-pháp mà không có cảnh bị duyên; cũng có tâm, tâm-số-pháp không thể thật duyên, nên chẳng gọi là duyên. Lại nữa, vì thật tướng của các pháp, lia các tướng, nên chẳng gọi là duyên. Lại như ông nói: “Các pháp-trần là nhân-duyên Thức, nếu không có gì lấy gì làm nhân” ấy. Tức là lấy “Không có” làm nhân. Lại như ông nói: “Ba sự hòa-hợp, gọi là xúc” ấy. Nếu ba sự khá có được, thời có hòa-hợp, chớ chẳng phải tất cả chỗ đều có ba sự. Lại như ông nói: “Nếu biết chẳng không, nếu không chẳng biết” ấy. Nếu có cảnh duyên mà biết, cũng đồng lỗi này. Lại như ông nói: “Nhu trong cây có tịnh tánh” ấy. Việc này chẳng phải, vì có lỗi là trong nhân có quả vậy. Lại như ông nói: “Lấy tướng sanh chuyển rộng ra” ấy. Việc này chẳng phải. Vốn tướng sanh ít, mà thấy cả đại-địa tất cả đều là màu xanh, thời là vọng thấy. Như vậy, vì quán chút màu xanh mà có thể thấy cõi Diêm-phù-đề thấy đều màu xanh là chẳng phải vọng ư? Lại như ông dẫn câu: “Kinh Huyền-võng nói: Có kẻ huyền-giả và vật để làm thành trò Huyền, với trong không có chúng sinh mà thấy giống như chúng-sinh” ấy. Đây là việc chúng-sinh; việc này thật không có mà thấy thời là cái biết không có cảnh duyên vậy. Lại như ông nói: “Vì sức tam muội nên sinh vô tướng này, như thật có sắc hư-hoại là không” ấy. Nên sắc thật có mà hoại là không thì điên đảo. Lại như ông nói: “Thấy chẳng nghĩ xét” ấy. Việc này chẳng phải. Như người bị bệnh mắt, thấy giữa không trung có những tua. Kỳ thiệt không có. Lại như ông nói: “Thấy ngũ-cái trái nhau với pháp thất-giác liền sinh ý nghĩ: ta biết không dục” ấy. Pháp thất-giác khác, không tham dục cũng khác, mà

làm sao là một? Lại như ông nói: “Thấy chân thật huệ cùng với vọng giải trái nhau, gọi là tham đoạn” ấy. Vọng giải gọi là hư vọng quán. Vậy nên mới biết tham dục đoạn, nên sắc đoạn. Chân-thật-huệ là vô thường quán vậy. Lại như ông nói: “Trông mộng thấy thật” ấy. Việc này chẳng phải. Như mộng thấy nhà sập, mà thiệt nhà đâu có sập. Vậy nên có cái biết, biết cái không có. Chẳng nên cho tính biết đi đến đâu mà gọi là có tướng.

PHẠM VÔ TƯỚNG THỨ 20

Hỏi: Nếu đây chẳng phải tướng có, thời nay có người nói âm, giới, nhập là pháp nhiếp thuộc, lẽ phải là có.

Đáp: Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì người này nói pháp phạm-phu nhiếp-thuộc âm-giới-nhập, chẳng thuận với pháp-tướng. Nếu như vậy thời có người nói như các pháp vô-vi lẽ cũng phải có. Mà thật pháp ấy không có. Cho nên biết âm-giới-nhập các pháp nhiếp thuộc chẳng phải tướng có.

Hỏi: Như có người cho pháp hiện biết khá tin là hữu-sở-đắc, gọi là tướng có.

Đáp: Đây cũng chẳng phải tướng có, vì pháp khá tin này, quyết định phân-biệt chẳng khá nói được, cho nên có kinh nói nên y nơi trí, chớ chẳng nên y nơi thức, vì tính sở-đắc vậy; sắc thấy các trần bất khả đắc. Sau sẽ nói rộng. Vô-tướng này chẳng hoại, thời tướng hữu-sở-đắc làm sao thành lập được?

Hỏi: “Có” cùng với pháp hiệp lại nên gọi là Có.

Đáp: “Có” qua sau sẽ phá. Trong Có không Có cái Có nữa được làm sao Có cùng với pháp hiệp lại, nên gọi là Có được ư? Do nhân-duyên này, nên tướng Có quyết-định phân-biệt chẳng khá nói được. Nhưng vì thế-đế nên mới nói Có, chớ chẳng phải đệ-nhất-nghĩa đế.

Hỏi: Nếu vì thế-đế nên Có ấy, nay lại lấy thế-đế nên nói quá-khứ vị-lai là có hay không?

Đáp: Không. Tại vì sao? Nếu sắc thấy các âm ở đời hiện tại năng có sở-tác, khá được thấy biết. Như trong kinh nói: “Não- hoại là sắc tướng”. Nếu ở hiện-tại mà khá não- hoại, chớ chẳng phải quá-khứ vị-lai vậy, thì thọ thấy cũng vậy. Cho nên biết chỉ có năm âm hiện tại, chứ hai đời kia không có.

Lại nữa, nếu pháp vô tác thì không có tự-tướng, như lửa quá-khứ không thể đốt được, nên chẳng gọi là lửa. Thức cũng như vậy, nếu ở về quá-khứ không thể biết

được gì thời chẳng gọi là Thức. Lại nữa, nếu không nhân mà có, việc ấy chẳng phải lẽ. Pháp quá-khứ không nhân khá có. Vậy nên chẳng phải. Lại nữa, phàm những pháp bị có, đều do các nhân duyên mà sinh. Như có đất, có giống, nước thầy nhân duyên thời mộng rỗi sinh. Có giấy bút công người thì chữ được thành. Hai ba pháp hiệp lại thời có Thức sinh. Trong đời vị-lai Mộng, Chử, Thức thầy nhân-duyên chưa hội hiệp làm sao được có. Vậy nên hai đời kia không thể có được. Lại nữa, nếu pháp vị-lai mà có, thời là Thường, vì từ vị-lai đến hiện tại vậy; như từ một nhà đi đến một nhà thời không có vô thường. Vậy nên việc này không thể được. Lại như trong kinh nói: “Mất sinh không từ đâu đến, diệt đi không đến đâu.” Vậy nên chẳng nên phân-biệt quá-khứ vị-lai vậy. Lại nữa, nếu vị lai có nhãn, sắc, thức thời có kẻ hữu-tác, quá-khứ cũng vậy. Mà thật chẳng phải. Vậy nên biết không có pháp quá-khứ vị lai vậy. Lại như sắc quá-khứ vị lai có, thời nên có đôi có ngại. Mà thật chẳng phải. Vậy nên không có. Lại như cái bình thầy các vật vị-lai mà có ấy, thời thợ sứ thầy chẳng nên làm, mà hiện là có làm, chớ không phải có ở vị lai. Lại Đức Phật nói pháp hữu-vi ba tướng khá được: Sinh, diệt, trụ-dị. Sinh là nếu pháp trước không có mà nay hiện có làm; diệt là làm rồi lại không làm; trụ-dị là nối nhau nên trụ, biến khác nên gọi là dị. Ba tướng này là tướng hữu-vi đều có ở hiện tại, chớ chẳng phải quá-khứ vị-lai.

Thành-thật luận hết quyển 2

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 3

PHẨM NHỊ-THẾ HỮU THỨ 21

Hỏi: Thật có quá khứ vị lai. Tại vì sao? Nếu pháp này có, trong ấy sinh tâm, như pháp hiện tại và pháp vô vi. Lại như Phật nói Sắc tướng, cũng nói sắc quá khứ và vị lai; và nói có bao nhiêu sắc: hoặc nội hoặc ngoại, hoặc thô hoặc tế, hoặc quá-khứ vị-lai và hiện-tại, gọi chung là sắc-ấm. Lại nói: sắc quá-khứ vị-lai hãy còn vô thường, hưởng chi hiện-tại. Vô thường là tướng hữu-vi. Vậy nên phải nói có. Lại như hiện thấy từ trí sinh trí, vì tu tập vậy. Như từ bé lúa sinh hạt lúa. Vậy nên phải có quá-khứ. Nếu không quá-khứ, thời quả vô nhân. Lại như trong kinh nói: “Nếu quá-khứ sự thật mà có ích thời Phật cũng vẫn nói”. Lại như nói quán quá-khứ vị-lai tất cả vô-ngã. Lại ý-thức duyên vị-lai là nương ý quá-khứ, nếu không có quá-khứ thời thức nương chỗ nào? Lại như biết nghiệp nhân quá-khứ mới có quả báo vị-lai,

ấy là chính-kiến. Lại như Phật thập-lực biết các nghiệp-nhân quá-khứ vị-lai. Lại như Phật tự nói: “Nếu không có gây ra tội nghiệp quá-khứ, thì người này chẳng đọa các ác đạo”. Lại như kẻ học-nhân, nếu còn trong hữu lậu tâm, thời chẳng phải có tín thấy các vô lậu căn. Lại như các bậc Thánh-nhân chẳng nên quyết định ghi trước việc vị-lai. Lại nếu không quá-khứ vị-lai thời người đời chẳng nên ghi nhớ năm món trần. Tại vì sao? Vì ý thức chẳng biết năm món trần hiện-tại vậy. Lại như nói mười tám ý hành đều duyên quá-khứ. Lại nếu không quá-khứ, vị-lai, thời A-La-Hán chẳng nên tự xưng: “Ta được thiên-định”. Vì ở trong định không nói năng vậy. Lại như trong tứ-niệm-xứ, chẳng nên quán nội tâm nội thọ được. Tại vì sao? Vì hiện-tại chẳng được quán quá-khứ vậy. Lại cũng chẳng nên tu tứ chính-cần. Tại vì sao? Vì trong đời vị-lai không có ác pháp vậy; còn ba món kia cũng vậy. Lại như không có quá-khứ vị-lai, thời cũng không có Phật. Lại cũng chẳng nên có kẻ tu giới đã lâu và người mới tu. Vậy nên chẳng phải lẽ.

PHẨM NHỊ-THỂ VÔ THỨ 22

Đáp: Không có quá-khứ vị-lai. Tuy người nói “ Trong pháp có thời tâm sinh” ấy. Trước tôi đã đáp rằng Không pháp, tâm cũng có thể sinh được. Lại như người nói “Sắc tướng, sắc số, sắc khả tướng” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Quá-khứ vị-lai chẳng phải là sắc, vì không có não hoại vậy. Cũng không nên nói đó là tướng vô thường vậy; chỉ Phật tùy theo vọng tưởng phân biệt của chúng-sinh nên mới nói cái tên ấy thôi. Lại như người nói “trí sinh trí” ấy. Nhân cùng quả làm nhân duyên lẫn nhau rồi diệt, như hạt giống và mộng làm nhân cho nhau rồi diệt. Nên Phật cũng nói: Việc này sinh nên việc kia sinh. Lại như người nói: “Thật mà có ích thời Phật cũng nói” ấy. Phật nói việc này gốc ở khi hiện tại, chẳng phải Phật nói “cũng có”. Như nói quá khứ diệt hết thời biết không có. Lại như người nói “Quán vô ngã” ấy. Vì chúng-sinh đối với pháp quá-khứ vị-lai chấp hữu ngã, nên Phật mới nói như vậy. Lại như người nói “Đây là chính kiến” ấy. Là vì thân này khởi nghiệp, nghiệp này cùng quả làm nhân rồi diệt. Về sau lại tự chịu báo nên mới nói quả. Tóm lại, trong Phật-Pháp nói: Hoặc có, hoặc không đều là phương tiện, vì muốn chỉ rõ nghiệp tội phước nhân duyên vậy, chứ chẳng phải đệ-nhất nghĩa. Như vì nhân duyên nên nói có chúng-sinh, thì quá khứ vị lai cũng vậy. Như nói nương ý thức quá khứ ấy là nương phương tiện, chứ chẳng phải như người nương dựa nơi các vách trụ vậy; và cũng nói rõ là tâm sinh, chứ chẳng phải nương nơi thân mà sinh. Vì nhân tiền tâm nên hậu tâm mới được sinh. Nghiệp lực cũng vậy; Phật biết nghiệp này tùy diệt mà năng cùng với quả làm nhân, chứ chẳng nói quyết định biết như biết chữ trên giấy. Tội nghiệp cũng vậy, do thân này gây nghiệp, nghiệp này tuy diệt hết mà quả báo chẳng mất. Lại như người nói “chẳng nên có các vô lậu căn” ấy. Nếu kẻ học nhân đã được vô-lậu-căn, được lúc hiện tại, tuy quá khứ diệt, vị lai chưa đến, vì đã thành tựu rồi nên chẳng được nói là không. Lại như người nói “Thánh nhân chẳng

nên ghi trước việc vị lai” ấy. Là trí-lực Thánh nhân vậy, tuy pháp chưa có mà có thể huyền ký trước, như pháp quá khứ tuy đã diệt hết mà vì niệm lực nên có thể biết được. Lại như người nói “chẳng nên nhớ năm món trần” ấy. Vì là kẻ phàm phu si mê vọng niệm nên trước lấy tướng quyết định, về sau tuy đã diệt hết, mà còn sinh lòng nghĩ nhớ, vì pháp nhờ lẽ như vậy, chớ chẳng phải như nhớ lông rùa sừng thỏ... Mười tám món ý hành cũng lại như vậy, lấy sắc hiện tại, quá khứ tuy diệt, vẫn tùy theo mà nghĩ nhớ. Lại như người nói “chẳng nên tự xưng Ta được thiên định” ấy. Là Định được ở hiện tại, vì sức nghĩ nhớ nên tự nói “Ta được”. Lại như người nói “chẳng nên được quán nội tâm nội thọ” ấy. Có hai món tâm: Một là niệm niệm sinh diệt; hai là thứ lớp nối nhau. Dùng tâm hiện tại, quán tâm nối nhau, chớ chẳng niệm hiện còn. Lại như người nói “chẳng nên tu tập tứ chánh cần” ấy. Đề phòng nhân duyên ác pháp đời vị lai đồng thời cũng phát khởi nhân duyên thiện pháp đời vị lai. Lại như người nói “Thời không có Phật” ấy. Đức Phật là tướng tịch diệt, tuy còn hiện ở đời mà chẳng thuộc vào có hay không huống là khi đã diệt độ ư? Chúng sinh qui mạng với Phật cũng như người đời thờ phụng cha mẹ vậy. Lại như người nói “cũng chẳng nên có kẻ tu giới lâu mới” ấy. Chẳng vì thời gian mà giới có sai khác. Tại vì sao? Vì thời gian không thật, chỉ do các pháp hòa hiệp sinh diệt nên mới có thời gian. Vậy nên người đã nói bao nhiêu nhân đều chẳng phải lẽ.

PHẨM NHẤT-THIỆT HỮU VÔ THỨ 23

Luận giả nói: Có người nói tất cả các pháp có; hoặc có người nói tất cả pháp không có, Hỏi: Do nhân-duyên gì nên nói có. Do nhân-duyên gì mà nói không?

Đáp: Kẻ nói có là căn-cứ Phật nói mười hai nhập gọi là nhất thiết, ấy là nhất thiết có; địa, hỏa, phong, không, thời, phương, Thần và ý thấy các đà-la-phiêu, tức chỉ tất cả vật, số thấy các cầu-na, tức nương dựa. Nêu cử các nghiệp dưới đây cho rõ: Các pháp tổng tướng biệt tướng hòa hiệp và ba cư đế, và tính sẵn có thấy, cùng những việc trong thế-gian như sừng thỏ, lông rùa, chân rắn, mùi thơm muối, và màu sắc gió thổi, ấy gọi là không có. Lại như trong kinh nói: “Hư không không dấu vết, ngoại đạo không Sa-môn, phàm phu ưa hý luận. Như-Lai thời không có”. Lại như tùy theo chỗ thọ pháp, cũng được gọi là có. Như đà-la-phiêu thấy mười sáu sự, ấy là phái Ưu-Lâu Khê cho là có. Hai mươi lăm đế là phái Tăng Khê cho có. Mười sáu món nghĩa là phái Na-Da-Tu-Ma cho có. Lại nếu như có đạo lý năng thành xong sự việc, cũng được gọi là có, như mười hai nhập. Lại nữa, trong Phật-Pháp dùng phương tiện nên mới nói tất cả có, tất cả không, chớ chẳng phải đệ-nhất-nghĩa. Tại vì sao? Vì nếu quyết định có, tức đọa bên “thường”; nếu quyết định không, thời đọa bên “đoạn”. Rồi được hai bên ấy, mới gọi là Thánh-trung-đạo.

PHẨM CÓ TRUNG-ÂM THỨ 24

Luận giả nói: Có người nói có thân trung-âm, hoặc có người nói không có.

Hỏi: Do nguyên-nhân gì, nên nói có, do nhân-duyên gì mà nói không?

Đáp: Kẻ nói có là căn cứ Phật nói trong kinh A-Du-La-Na rằng: “Nếu khi cha mẹ giao hội, chúng trụ ở theo nơi nào đó liền đến nương vào trong ấy”. Vậy nên biết có trung-âm. Lại như kinh Hòa-Ta nói: “Nếu chúng-sinh sau khi bỏ thân này rồi, mà chưa thọ tâm sinh thân sau, trong khoảng trung-gian, Ta nói ái là nhân-duyên”. Ấy gọi là trung-âm. Lại như trong bảy thứ người thiện, có thân trung-hữu-diệt ấy. Lại như trong kinh nói: “Tạp khởi nghiệp, tạp thọ thân, và tạp sinh thế-gian”. Vậy nên biết có trung-âm. Lại như trong kinh nói Tứ-hữu: bốn-hữu, tử-hữu, trung-hữu và sinh-hữu. Lại nói Thất-hữu: Ngũ-đạo-hữu, nghiệp-hữu, và trung-hữu. Lại nói vua Diêm-La quở-trách tội nhân trung-âm mà biết túc-mạng chúng-sinh, nghĩa là chúng-sinh này sinh chỗ này; chúng-sinh kia sinh chỗ kia. Lại như trong kinh nói: “Dùng thiên-nhãn xem thấy các chúng-sinh khi chết khi sinh”. Lại nói chúng-sinh bị ám trói buộc nên từ thế-gian này đến thế-gian kia. Lại như người đời cũng tin có trung-âm; họ nói: Nếu người khi chết có thân tứ-đại vi-tế, ở từ âm này mà đi. Lại nếu như có trung-âm thời mới có đời sau; Nếu không có trung-âm, khi bỏ thân này rồi mà chưa thọ-sinh thân sau, thì khoảng thời-gian ấy lẽ là gián-đoạn.

Vì những lý do trên nên biết có trung-âm.

PHẨM KHÔNG TRUNG ÂM THỨ 25

Có người nói không có trung-âm. Tuy người dẫn trong kinh A-du-la-đa-na nói có trung-âm, việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu là Thánh nhân mà chẳng biết cái ấy là chi và từ đâu đi đến, thời không có trung-âm, nếu có tại sao lại chẳng biết? Lại như người dẫn câu trong kinh Hòa-Ta nói việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh này hỏi khác đáp khác: Hòa-Ta phạm chí này chấp thân khác thân khác nên mới đáp như vậy, là trung-âm trung-hữu, ngũ-âm. Lại như người nói “Có trung-hữu diệt” ấy. Là người này ở chặn giữa cõi Dục và cõi Sắc, thọ thân ở trong ấy diệt, cho nên gọi là trung-hữu diệt vậy. Tại vì sao? Vì như trong kinh nói “Nếu người chết, đi về chỗ nào, sinh về chỗ nào, ở vào chỗ nào”. Nghĩa này không khác. Lại như người nói “Tạp thọ thân, tạp sinh thế gian” ấy. Nếu nói thọ thân, nói sinh thế gian, nghĩa này chẳng khác. Lại như người nói “Tứ-hữu, thất-hữu” ấy. Kinh này không đúng, vì chẳng thuận với pháp tướng. Lại như người nói “vua Diêm-La quở trách ấy”. Đây là thân sinh hữu chớ chẳng phải trung-hữu vậy. Lại như người nói “Phật nhân trung-âm mà biết túc-mạng” ấy. Việc này chẳng phải lẽ; sức Thánh-trí là như vậy, tuy chẳng tương tục mà cũng có thể nghĩ biết. Lại như người nói “Dùng thiên-nhãn xem thấy khi chết khi sinh ấy. Muốn sinh gọi là khi sinh, sắp

chết gọi là khi chết, chớ chẳng phải trung-âm” vậy. Lại như người nói “chúng-sinh bị âm buộc, từ đây đến kia. Muốn chỉ cho biết có đời sau nên mới nói như vậy, chớ chẳng phải nói rõ có trung-âm”. Lại như người nói “khi chết có tứ đại vi tế ấy. Chỗ thấy biết của người đời chẳng thể tin được, vì đây chẳng phải dụng làm nhân”. Lại như người nói “nếu không có trung âm thì thời gian giữa phải gián đoạn ấy. Vì nghiệp lực vậy, người này sinh đâu, người kia sinh kia, như quá khứ vị lai tuy chẳng nói nhau mà có thể nghĩ nhớ được”. Vậy nên không có trung âm.

Lại nữa, trong túc-mạng trí nói: Biết người này chết ở đây sinh nơi kia, chớ chẳng nói trụ trong trung-âm. Lại nữa, Phật nói ba món nghiệp: hiện-báo nghiệp, sinh-báo nghiệp, và hậu-báo nghiệp, chớ chẳng nói có trung-âm báo nghiệp. Lại nữa, nếu trung-âm có xúc tức gọi sinh-hữu. Nếu không thể xúc, vậy thời không có, nên thọ-tưởng thấy cũng không. Như vậy có chỗ nào ư? Lại nếu như chúng-sinh thọ hình trung âm, tức gọi thọ sinh, như trong kinh nói: “Nếu người bỏ thân này thọ các thân khác, Ta nói là sinh, nếu chẳng thọ thân thì không có trung-âm.” Lại nữa, nếu trung-âm có thối, tức gọi là sinh. Tại vì sao? Vì cần trước sinh sau thối vậy. Nếu không thối, ấy gọi là thường. Và vì nghiệp lực nên mới sinh, thì dùng trung-âm làm chi? Lại nếu như trung-âm do nghiệp mà thành, tức là sinh-hữu; như nói nghiệp nhân-duyên, nếu chẳng do nghiệp thành, thời do đâu mà có? Cần phải đáp gấp.

Kẻ hỏi đáp: Tôi cho sinh-hữu có sai khác, gọi là trung-âm. Vậy nên không có các lỗi như trên. Người này tuy trung âm sinh, mà cùng với sinh-hữu khác. Năng khiến Thức đi đến trong Ca-la-lạ, (tức tinh cha huyết mẹ như giọt sữa đặc) đây gọi là trung-âm.

Luận chủ nạn rằng: Vì nghiệp lực năng khiến đến, chớ cần chi phải dùng phân biệt nói trung-âm ư? Lại tâm không chỗ đến, vì nghiệp nhân duyên nên mới từ nơi đây diệt mà sinh nơi kia vậy thôi. Lại như hiện thấy tâm bất tương tục sinh, như người chân đạp phải gai mà trong đầu biết đau; Thức nơi chân không có nhân duyên gì đến trong đầu, chỉ vì các duyên xa gần hòa-hiệp sinh tâm. Vậy nên chẳng cần phân biệt chấp có trung-âm.

PHẨM THỨ-ĐỆ THỨ 26

Luận giả nói: Có người nói tứ-đế thứ lớp thấy; lại có người nói nhất thời thấy.

Hỏi: Do nhân-duyên gì nên nói thứ lớp thấy? Lại do nhân duyên gì mà nói nhất thời thấy?

Đáp: Kẻ nói thứ lớp thấy, như trong kinh nói: “Nếu người thấy thế gian tập, liền diệt được chấp không. Thấy thế-gian Diệt, liền diệt được chấp có”. Phải biết Tập Diệt hai tướng khác nhau. Lại nếu như người nào năng biết được bao nhiêu tướng Tập đều là tướng Diệt, gọi là ly cấu đắc-pháp nhãn-tịnh. Lại nói, người trí huệ lanh lợi lần bỏ các điều ác, như thợ vàng năng dũa bỏ chất rét của vàng. Lại như trong kinh Lậu-tận nói: “Kẻ nào năng kiên thời được hết-lậu”. Hành giả chẳng hay tự biết chớ hằng ngày các lậu tiêu mòn, vì thường tu tập vậy nên được hết các lậu.

Lại nữa, Đức Phật nói: “Vớ trong các Đế, năng sinh nhãn trí minh huệ”. Trong khổ Đế cõi Dục có hai, hai cõi Sắc và Vô-sắc cũng có hai. Tập thấy cũng vậy. Lại trong kinh miệng Phật tự nói ra lần-lữa thấy đế, như người trèo thang thứ lớp mà lên. Vì các kinh này nên biết bốn Đế chẳng phải nhất-thời thấy được. Lại như các phiền não vớ trong bốn Đế, có bốn món tà-hành: là không-khổ, không-tập, không-diệt và không-đạo. Cho nên vô-lậu-trí cũng phải thứ lớp tu bốn món chính-hành. Lại nữa, hành giả cần định-tâm phân-biệt; đây là khổ, đây là nhân của khổ, đây là khổ-diệt, và đây là đạo-diệt-khổ. Nếu như trong một tâm thời làm sao quyết định phân biệt được như vậy.

Cho nên biết chẳng phải nhất thời thấy được vậy.

PHẨM NHẤT THỜI THỨ 27

Có người nói bốn Đế nhất-thời thấy chớ chẳng phải thứ lớp. Người nói: Thấy thế-gian Tập liền diệt chấp không. Thấy thế-gian Diệt liền diệt chấp có ấy. Thời hoại tự pháp, vì nếu như thế cũng chẳng cần 16 món tâm; 12 hạnh để được Đạo. Lại như người nói: Biết bao nhiêu tướng Tập đều là tướng Diệt thời đắc pháp-nhãn ấy. Nếu vậy thời phải dùng hai tâm mới đắc-đạo: Một là Tập tâm; hai là Diệt tâm. Nhưng đâu cần chỉ 16 món tâm vậy. Lại như người dẫn kinh lậu-tận nói: Kẻ năng tri kiến thời được hết lậu vậy. Lại như người dẫn kinh lậu-tận nói: Kẻ nào năng tri kiến thời được hết lậu ấy. Như vậy cần có tâm nhiều vô-lượng, chẳng những 16 tâm. Lại như người nói: miệng Phật tự nói ra lần-lữa thấy Đế, như kẻ trèo thang ấy. Tôi chẳng học kinh này, dù có cũng nên bỏ, vì chẳng thuận với pháp tướng vậy. Lại như người nói: Bốn món tà-hành ấy. Đối với năm ấm thấy cũng ưng tà-hành, tùy theo chỗ tà-hành, đều ưng sinh trí. Như vậy chẳng cần chỉ 16 món tâm mà đắc đạo. Lại như người nói nên định phân biệt ấy. Đối với sắc thấy cũng cần phân-biệt. Vậy nên chẳng cần có 16 món tâm vậy. Lại nữa hành-giả chẳng được các Đế, chỉ có một Đế, nghĩa là thấy Khổ diệt gọi là sơ-đắc-Đạo, vì thấy pháp thấy các nhân-duyên vậy. Hành giả từ pháp Noãn thấy lần-lữa thấy Đế diệt Đế, rốt sau mới thấy diệt Đế. Vậy nên gọi là Đắc-Đạo.

PHẨM THỐI THỨ 28

Luận giả nói: Có người nói A-La-Hán thối, hoặc có người nói chẳng thối.

Hỏi: Do nhân-duyên gì nói thối, do nhân-duyên gì lại nói chẳng thối?

Đáp: Nói thối: Như trong kinh nói: “Khi giải thoát, A-La-Hán vì năm nhân duyên bị thối”. Ưa làm việc, ưa đọc tụng, ưa xử đoán, ưa đi xa, và bị bệnh luôn. Như trong kinh nói có hai hạng A-La-Hán là thối-tướng và bất thối-tướng. Lại trong kinh nói: “Nếu Tỳ-kheo nào thối môn giải thoát thời có lẽ”. Lại như trong kinh nói: “Quán thân như chiếc bình, phòng ý như đô-thành; đem huệ chiến với ma; giữ phần thẳng không hoại”. Nếu không thối thời chẳng cần giữ thẳng. Lại có hai món trí: Tận-trí và vô-sinh-trí. Nếu tận-trí chẳng sinh lại thời dụng vô-sinh-trí làm chi? Lại như Ưu-Đà-Da khó được diệt tận-định, tức là nhân thối. người này tuy thối mà cũng được sinh về cõi Sắc.

Vì các duyên cơ này, nên biết có thối.

PHẨM BẤT THỐI THỨ 29

Có người nói Thánh-đạo bất-thối, chỉ biết thiên-định.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có hai hạng A-La-Hán, chỉ có thối-tướng, vì tất cả A-La-Hán với trong thiên-định đều có thối vậy?

Đáp: Thối sức tự-tại trong thiên-định, vì chẳng phải tất cả A-La-Hán đều được sức tự-tại.

Hỏi: Chẳng phải như Cù-Đề Tỳ-kheo sáu phen thối rồi bèn lấy dao tự sát. Nếu như thối thiên-định cần gì tự-sát? Vì trong Phật pháp quý hồ giải thoát, chớ chẳng quý thiên-định. Người ấy nương thiên-định này, sẽ được A-La-Hán đạo. Mà mất thiên-định này thời mất vô-lậu, chớ chẳng gây mới, đối với trong các Hữu, đều được nhàm lìa hẳn. Diệt sạch các kiết-sử không có sinh tướng lại. Ấy là các kẻ mạnh, in như đèn tắt lửa. Lại nói: Ví như đá núi, gió không thể động; kẻ mạnh như vậy, chê khen chẳng lay. Lại trong kinh nói: Ái sinh ái thủy; A-La-Hán này, nhờ hẳn gốc ái, do đâu sinh kiết? Lại nói: Chỗ gọi Thánh-nhân, rớt-ráo tận cùng ngăn mé, chỗ làm đã xong. Lại nói: Thánh-nhân tán diệt chẳng nhóm, phá rách chẳng dệt. Lại trong kinh nói: “Vô-minh là nhân-duyên khởi tham-sân-si”. A-La-Hán này, vô-minh diệt hẳn, làm sao sinh kiết. Lại trong kinh nói: Nếu các Học-nhân cầu Đạo Nê-Hoàn Ta bảo người này quyết chẳng buông-lung”. Nếu được hết lậu chẳng tái sinh nữa, vậy nên chẳng thối. Lại nói: Trí-giả khéo suy nghĩ, khéo lời nói, khéo thân nghiệp, chỗ

làm không lỗi. Lại nói: Tỳ-kheo vui hạnh chẳng buông lung, vì thấy lỗi buông lung, vậy là chẳng thối, gần-gũi Nê-Hoàn. Lại trong kinh nói: “Nai nương Đổng-nội, chim nương hư-không, pháp về phân-biệt, chân-nhân về Diệt”. Lại nữa, ba nhân-duyên sinh khởi các kiết sử: Tham dục chẳng dứt, cảnh sở-dục hiện-tiền, trong lòng sinh nghĩ bậy. A-La-Hán này tham dục đã dứt, tuy đối sở-dục mà chẳng sinh nghĩ bậy, cho nên chẳng khởi kiết.

Lại nói Tỳ-kheo tà-quán các pháp, nên khởi tam lậu. A-La-Hán này không có tà-quán, nên chẳng khởi các lậu. Lại trong kinh nói: “Nếu dùng Thánh-huệ biết rồi thì không có thối”. Như quả Tu-Đà-Hoàn không có thối. Lại A-La-Hán khéo tướng biết ba món thọ: Sinh-tướng, diệt-tướng, vị quá-xuất-tướng, cho nên chẳng khởi kiết. Lại nói: Tỳ-kheo nếu giới, định, huệ ba việc thành-tựu, thì chẳng thối-chuyên. Lại A-La-Hán dứt kiết đã sinh, chưa sinh khiến chẳng sinh. Lại trong kinh nói: “Thiệt-hành Thánh-nhân, quyết không có thối”. A-La-Hán đã chứng tứ-đế, các lậu diệt hết rồi nên gọi là kẻ Thiệt-hành. Lại nói thất-giác gọi là pháp bất thối. A-La-Hán đầy đủ thất giác, cho nên chẳng thối. A-La-Hán chứng được bất-hoại giải thoát, cho nên chẳng thối. Lại A-La-Hán với trong Phật-Pháp, được lợi kiên-cô, chỗ gọi bất hoại giải thoát. Lại như người chặt tay, nghĩ hay chẳng nghĩ, thường gọi kẻ chặt tay, A-La-Hán cũng vậy, đã dứt kiết-sử, nghĩ hay chẳng nghĩ, thường gọi là dứt. Lại trong kinh nói: “Tín thấy các căn lợi, gọi là A-La-Hán”. Kẻ lợi căn quyết không có thối. Lại A-La-Hán năng ở trong pháp vô-thượng đoan-ái, nên tâm khéo được giải thoát, rốt ráo diệt hết; ví như lửa cháy chỗ chưa cháy, cháy rồi chẳng trở lại cháy chỗ cũ. Tỳ-kheo cũng vậy, vì được thành-tựu 11 pháp nên quyết không có thối.

Hỏi: Có hai hạng A-La-Hán, ông đã dẫn kinh nói kẻ bất-thối.

Đáp: Đây là nói tông tướng, các kẻ Học-nhân quyết chẳng buông lung. A-La-Hán chẳng cần nói riêng tướng bất thối. Lại như Phật nói kệ: Thắng nếu sinh lại, chẳng gọi là Thắng; thắng mà hay sinh, ấy gọi là chân-thắng. Lại A-La-Hán sinh đã hết nên chẳng còn thọ thân lại. Kinh của người tuy nói A-La-Hán thôi pháp ưng được lại. Nếu như vậy thì khả pháp cũng ưng chẳng thối. Nếu như Tỳ-kheo năng khiến các tướng chẳng sinh, gọi là A-La-Hán, cho nên không có thối.

PHẨM TÂM TÍNH THỨ 30

Luận giả nói: Có người nói tâm tính bản tịnh, vì khách-trần, nên bất tịnh. Lại có người nói trái lại.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói bản tịnh, vì khách-trần, nên bất tịnh. Lại do nhân duyên gì mà nói trái lại?

Đáp: Kẻ nói trái lại cho rằng tâm tính chẳng phải bồn-tịnh vì khách trần nên bất-tịnh. Tại vì sao? Vì phiền não cùng tâm thường tương ưng mà sinh, chớ chẳng phải tương khách-trần. Lại ba món tâm: Thiện, bất thiện, và vô-ký. Tâm-thiện và vô-ký là chẳng phải cấu, như bất thiện tâm vốn tự bất tịnh, chẳng bởi khách trần vậy. Lại nữa, tâm này niệm niệm sinh diệt chẳng đợi phiền não, nếu phiền não chung sinh thì chẳng gọi là Khách.

Hỏi: Tâm là chỉ biết sắc thấy, nhiên hậu lấy tướng; từ tướng sinh các phiền não, rồi cùng với tâm làm bản, nên nói bồn tịnh.

Đáp: Chẳng phải vậy, Khi tâm và tâm số này đã diệt chưa có tướng bản. Khi tâm-diệt rồi bản thấm vào chỗ nào?

Hỏi: Tôi chẳng cho tâm niệm niệm diệt nên nói như vậy, mà cho tâm nối nhau nên mới nói ô nhiễm?

Đáp: Tâm nối nhau này thế-Đế mới có, chớ chẳng phải chân thật nghĩa. Đây chẳng nên nói. Lại thế-Đế cũng là nhiều lỗi: Tâm sinh đã diệt, chưa sinh thì chưa khởi, làm sao nối nhau. Vậy nên tâm tính chẳng phải bồn tịnh khách trần nên bất tịnh. Chỉ Phật vì chúng-sinh bảo tâm thường tại, cho nên nói bị khách trần làm ô nhiễm thời tâm bất tịnh. Lại Phật vì chúng-sanh biếng nhác, nên nghe tâm vốn bất tịnh, liền cho tính chẳng khá biến cải, thì chẳng phát tịnh tâm. Cho nên mới nói bồn-tịnh.

PHẨM TƯƠNG-UNG BÁT TƯƠNG-UNG THỨ 31

Luận giả nói: Có người nói tâm tương-ung với các sử; lại có người nói tâm chẳng tương-ung.

Hỏi: Do nhân-duyên gì nên nói tâm tương-ung; lại do nhân-duyên gì mà nói chẳng tương-ung?

Đáp: Kẻ nói tâm tương-ung, trong sử phẩm sau sẽ nói. Lại tham dục thấy các nghiệp phiền não, nghiệp này các sử tương-ung. Trong pháp của người tuy nói tâm chẳng tương-ung với sử, cùng với tâm tương-ung làm nhân cho gút buộc. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói do vô-minh, tà niệm, tà tư-duy thấy khởi tham thấy các gút, chứ không có kinh nào nói do sử sinh vậy. Trong pháp của người tuy nói lâu tập luyện gút buộc thời gọi là sử-sinh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì các nghiệp thân khẩu cũng có tướng lâu tập; đây chỉ nên có tự sử-tâm bất tương-ung hành, mà thật không có. Vì nếu như vậy thì các pháp đều từ nhân hiện tại mà sinh, không có nhân quá khứ. Vậy thời cũng chẳng cần từ nghiệp-

sinh báo; cũng chẳng cần từ ý sinh ý-thức vậy. Lại nữa, các sử này vì niệm niệm diệt thời do nhân nào sinh?

Hỏi: Chung nhau làm nhân mà sinh?

Đáp: Ấy cũng chẳng phải lẽ, vì nhân quả không được nhất thời hiệp lại vậy. Việc này ra sau trong thí dụ đèn sẽ nói. Cho nên chẳng nên nói các sử chẳng phải tâm tương-ung.

PHẨM QUÁ KHỨ NGHIỆP THỨ 32

Luận-giả nói: Đạo nhân Ca-Diếp-Bệ nói báo nghiệp đời quá-khứ chưa chịu thời có, các đời quá-khứ khác thời không có.

Đáp: Nghiệp này nếu mất là quá-khứ; quá-khứ nếu chẳng mất thời là thường. Mất là tên khác của quá-khứ. Mà vì mất rồi bị mất nữa, thời nghiệp này làm nhân cho quả-báo đã diệt, vì quả-báo ở sau khi sinh. Như trong kinh nói: “Vì việc này nên việc kia được sinh. Như khi sữa diệt làm nhân cho bơ. Thế thì cần gì phân biệt nghiệp quá-khứ ư? Mà nếu nói như vậy thời trong các nhân có lỗi, là vì sao không nhân mà Thức được sinh? Như thế thì không sữa làm sao có bơ? Nếu không có tứ-đại, thời thân khẩu các nghiệp nương đâu mà có? Nhưng lẽ như vậy, Tôi trước nói có quá-khứ có lỗi, kẻ kia nên đáp lại đi.

PHẨM BIỆN NHỊ BẢO THỨ 33

Luận-giả nói: Đạo nhân Ma-Hê-Xá-Bà nói Phật tại Tăng số.

Đáp: Nếu nói Phật tại trong tứ-chúng: Là hữu chúng, sinh-chúng, nhân-chúng và Thánh-nhân chúng, vậy thì chẳng lỗi. Nếu nói Phật tại trong Thanh-văn chúng, thế là có lỗi, vì do nghe pháp mà được giác ngộ gọi là Thanh-văn: và vì tướng Phật khác nên chẳng ở trong chúng này.

Hỏi: Phật đứng đầu Tăng, vì có người cúng thí Tăng.

Đáp: Thí này thuộc về bậc Tăng nào? Kinh này có chút lỗi. Vậy thì nên nói thí ấy thuộc về Phật Tăng.

Hỏi: Đức Phật bảo Cù-Đàm-Di rằng: “Đem áo này thí Tăng, tức cúng-dường Ta, mà cũng là cúng-dường Tăng”.

Đáp: Ý Phật nói đem ngữ ngôn vì cúng dường Ta, vật này cúng-dường Tăng. Như trong kinh nói: “Nếu người đi thăm kẻ bệnh, tức là thăm Ta”.

Hỏi: Có các người đã thành tựu Thánh-công-đức, như Xá-Lợi-Phất thấy đều ở trong Tăng số, Phật cũng như thế, vì đồng tướng vậy.

Đáp: Nếu đem đồng tướng thì những kẻ phàm-phu và phi-chúng-sanh số cũng vẫn có thể vào Tăng số được, mà đâu có được. Cho nên biết Phật chẳng thuộc vào trong Tăng. Và Phật chẳng vào Tăng-Yết-Ma tức xử đoán và cũng chẳng đồng các việc tăng-sự. Lại nữa, vì Tam-bảo riêng biệt, cho nên Phật chẳng ở trong Tăng.

PHẨM VÔ NGÃ THỨ 34

Luận giả nói Đạo nhân Độc tử nói có ngã. Ngoài ra đều nói không có.

Hỏi: Thuyết nào là thật?

Đáp: Pháp vô-ngã thật. Tại vì sao? Như trong kinh Phật bảo Tỳ-kheo rằng: “Chỉ vì danh tự, chỉ vì giả thi thiết, và chỉ vì hữu dụng, nên mới gọi là ngã mà thôi”. Bởi chỉ vì danh tự thấy, cho nên biết không có chân thật ngã. Lại như trong Kinh nói: “Nếu người nào không thấy khổ, thời người này thấy có ngã.” Nếu như thật thấy khổ thì chẳng còn thấy ngã. Nếu thật có ngã thì kẻ thấy khổ lẽ cũng thấy ngã. Lại nói: Thánh nhân chỉ vì tùy tục nên mới nói phô có ngã. Lại trong kinh Phật nói: “Ngã tức là động xứ” Nếu thật có thời chẳng gọi động xứ, như mắt có nên chẳng gọi động xứ. Lại như trong các kinh đều ngăn chấp ngã. Như Tánh Tỳ-kheo-ni bảo ma vương rằng: “Người gọi là chúng-sinh tức là tà-kiến”. Vì các nhóm hữu vi pháp đều là trống không không có chúng-sinh”. Lại nói: Các hành hòa hiệp nói nhau nên mới có tức là huyền-hóa đối gạt phàm phu, đều là kẻ oán giặc, như tên đâm vào tim, không có chắc thật. Lại nói: Vô-ngã, vô-ngã sở, vô chúng-sinh, vô nhân, chỉ là trống không. Tướng ngũ-âm sinh diệt bại hoại mới có nghiệp, có quả báo mà thôi, chớ kẻ tác giả bất-khả-đắc. Các duyên hòa hiệp nên mới có các pháp nối nhau. Vì các lý do này nên trong các kinh Phật đều ngăn chấp ngã. Cho nên không có ngã.

Lại như trong kinh giải nghĩa Thức: Sao gọi là Thức? Nghĩa là năng biết sắc cho đến biết pháp chớ chẳng nói biết ngã. Vậy nên không có ngã. Quân-Na Tỳ-kheo hỏi Phật rằng: Ai ăn, thức ăn chẳng? Phật đáp: “Ta chẳng nói có kẻ ăn thức ăn”. Nếu có ngã nên nói ngã ăn thức ăn. Vì chẳng nói cho nên biết không có ngã. Lại như nói kinh Bình-Sa-Vương nghinh Phật nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Các người xem những kẻ phàm-phu đuổi theo giả danh cho là có ngã. Trong ngũ âm này thật không có ngã và ngã sở”. Lại nói vì ngũ âm nên có các thứ tên: Là ngã, chúng-sinh, nhân, thiên thấy, như vậy vô lượng danh từ đều vì ngũ âm mà có. Nếu

có ngã thời lẽ nên nói nguyên nhân ngã. Lại như ông trưởng lão Phát-Ni-Ca bảo với ngoại đạo rằng: “Nếu người tà kiến không mà cho là có”. Phật muốn dứt tà mạn này chớ chẳng dứt chúng-sinh. Cho nên nói không ngã.

Lại như trong kinh Viêm-Ma-Già, ngài Xá-Lợi-Phất bảo với Viêm-Ma-Già rằng: “Người thấy sắc-ám là A-La-Hán chăng?”

Đáp: Chẳng phải.

Hỏi: Thấy thọ, tưởng, hành, thức là A-La-Hán chăng?

Đáp: Cũng chẳng phải.

Hỏi: Thấy ngũ-ám hòa-hợp là A-La-Hán chăng?

Đáp: Cũng chẳng phải.

Hỏi: Thấy lìa ngũ-ám là A-La-Hán chăng?

Đáp: Cũng chẳng phải nữa.

Xá-Lợi-Phất nói: Nếu như vậy thì xét tìm chẳng khá được, thì có nên nói A-La-Hán sau khi chết không có chăng?

Đáp rằng: Thưa Ngài Xá-Lợi-Phất! Tôi trước đã có ác-tà-kiến nay được nghe nghĩa này, tà kiến kia liền diệt”. Nếu như có ngã thời chẳng gọi là ác-tà. Lại trong tứ-thủ nói: “Ngã-ngữ-thủ. Nếu thật có ngã, nên nói ngã-thủ, như đục-thủ thủy, chớ chẳng nên nói ngã ngữ thủ. Lại như trong kinh Tỳ-ni nói: “Vớ trong tam-sư, nếu có Sư nào bất-đắc hiện-ngã hậu-ngã, Ta nói Sư này là Phật đấy”. Vì Phật là bất-đắc nên biết không có ngã. Lại trong vô ngã cho ngã-tướng là điên-đảo. Nếu trong ý người cho ngã-tướng trong ngã chẳng phải điên-đảo ấy là chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Phật nói: “Chúng-sinh thấy có bao nhiêu ngã, đều là thấy ngũ-ám đấy”. Vậy nên không có ngã. Lại nói chúng-sinh nghĩ nhớ bao nhiêu túc-mạng cũng đều là nghĩ ngũ-ám đấy. Nếu như có ngã cũng nên nghĩ-ngã, vì chẳng nghĩ nên biết không ngã. Nếu trong ý người bảo cũng có kinh nói nghĩ nhớ chúng-sinh, như vớ trong chúng-sinh nào đó. Ta gọi tên chúng-sinh đó. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Vì đây là thế-đế phân biệt, nên nói là thật nghĩ ngũ-ám, chớ chẳng phải nghĩ chúng-sinh. Tại vì sao? Vì ý thức nghĩ; ý-thức chỉ duyên nơi pháp. Vậy nên không có nghĩ nghĩ nhớ chúng-sinh. Lại như có người nói quyết định có ngã, thời vớ trong sáu món tà-kiến quyết đọa về một món. Nếu trong ý người bảo không ngã cũng là một thứ tà-kiến ấy, là chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì hai Đế vậy. Nếu đem thế-Đế nói không

ngã; đem đệ-nhất-nghĩa-đế nói có ngã, vậy là có lỗi. Ta nay nói đệ-nhất-nghĩa-đế nên không lỗi, thế-đế nên có. Vậy nên không lỗi. Lại Phật nói nhờ gốc ngã-kiến, như trong lời hỏi của vua Si-vương. Phật đáp: “Này Si-vương! Nếu người đem một lòng quán các thế-gian là trống không, thì nhờ được gốc ngã-kiến, chẳng còn thấy vua chết nữa”. Lại như các thuyết nói nhân duyên có ngã buồn vui các việc đều do ngũ-âm mà ra. Và vì phá các ngã-kiến nhân-duyên của ngoại đạo. Vậy nên không có ngã.

PHẨM HỮU-NGÃ VÔ-NGÃ THỨ 35

Hỏi: Ông nói Vô-ngã, việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong bốn món.

Đáp: Món thứ bốn là bỏ đáp: Nghĩa là người sau khi chết, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Nếu thật không ngã thì chẳng nên có lời bỏ đáp này. Lại như người nào nói không có chúng-sinh thọ thân sau ấy tức là tà-kiến. Lại trong mười hai bộ kinh, có kinh bản-sinh Phật tự nói lời: Vua Đại-Hỷ-Kiến kia tức là thân ta thuở xưa vậy. Có cái việc bản sinh như vậy. Ngũ-âm nay chẳng phải ngũ-âm xưa. Vậy nên có ngã từ xưa đến nay. Lại Phật nói nay mừng sau mừng làm lành hai đời mừng. Nếu chỉ có ngũ-âm, thì chẳng nên nói hai đời mừng. Lại trong kinh nói: “Tâm dơ nên chúng-sinh dơ; tâm sạch nên chúng-sinh sạch”. Lại như một người sinh thế-gian, nhiều người bị suy não; lại một người sinh thế-gian, nhiều người được lợi ích. Lại như gây nghiệp nhân lành hay chẳng lành đều nương nơi chúng-sinh chứ chẳng nương phi chúng-sinh-số. Lại nhiều chỗ trong kinh Phật tự nói: Ta nói có chúng-sinh năng thọ thân sau, và năng tự lợi mà chẳng lợi tha-thầy. Vì các lẽ ấy nên biết có ngã, ông trước tuy nói chỉ vì danh tự thầy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Là Phật chỉ vì ngoại-đạo nói là ngũ-âm riêng chấp có ngã tướng thường chẳng hoại. Muốn dứt tà-kiến này nên mới nói không ngã. Nay chúng tôi nói ngũ-âm hòa-hiệp, gọi đó là ngã nên không bị lỗi. Lại tuy nói: Ngã chỉ vì danh tự thầy, nên suy nghĩ kỹ lời nói này: Nếu chúng-sinh chỉ có danh tự ấy, thì như giết trâu đất chẳng bị tội sát nếu giết trâu thiệt cũng chẳng nên có tội. Lại như trẻ con đem vật danh tự cúng thí, đều có quả báo, người lớn đem thí cũng nên được báo mà thật chẳng có được. Lại chỉ danh tự nên không mà nói có ấy, Thánh-nhân nên có vọng ngữ sao? Vì thật ngữ mới gọi là Thánh-nhân chứ! Nên biết có ngã. Lại như Thánh-nhân thấy thật ngã mà tùy-tục nên nói có ngã ấy thì là thấy điên đảo, vì nói khác vậy. Lại như vì tùy-tục không mà nói có, thì chẳng nên lại nói thật nghĩa trong kinh là 12 nhân duyên, ba món giải thoát, và các pháp vô ngã thầy. Nếu người bảo có đời sau tùy mà nói có, trái lại người bảo không, cũng tùy mà nói không; và bảo muôn vật trong thế gian đều từ Tự-Tại-Thiên mà sinh. Các món kinh thơ tà-kiến như vậy, cũng đều nên tùy mà nói theo?

Các việc ấy đều chẳng nên. Vậy nên ông đã dẫn kinh đều bị tổng phá hết. Vậy nên chẳng phải không có ngã.

Đáp: Người trước nói vì bỏ đáp nên biết có ngã ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì đây là pháp bất-khả-thuyết. Qua trong món diệt-đế sau sẽ phân-biệt nói nhiều. Cho nên không có thật ngã. Và bất-khả-thuyết ấy, chỉ vì giả danh mà nói, chứ chẳng phải thật có vậy. Lại ngã trong pháp của người lấy sáu Thức mà biết, như trong kinh của người nói: Nhờ nhãn thấy sắc cho nên ngã hoại. Vậy thì cái bị biết của nhãn-thức là chẳng nên nói phi-sắc phi phi-sắc, thanh thấy cũng vậy. Lại nữa, nếu ngã là cảnh bị biết của sáu thức thời cũng với kinh trái nhau. Vì trong kinh nói: Năm tình-thức không thể thay đổi nhau mà lấy năm trần, vì chỗ chủ khác vậy. Nếu lấy được sáu thức mà biết ngã, thời sáu căn thay nhau dùng. Lại lời người đã nói trước sau vẫn trái nhau: Bị biết của nhãn-thức chẳng gọi là sắc. Lại người nói: “Vô-ngã là tà-kiến” ấy. Trong kinh Phật tự bảo các Tỳ-kheo rằng: “Tuy không có ngã, nhưng vì các hành nối nhau, mới nói có sinh tử. Ta dùng thiên-nhãn thấy các chúng-sanh khi sinh khi chết”. Cũng chẳng nói là ngã. Lại trong pháp của người có lỗi: trong pháp người nói: Ngã Bất-sinh. nếu bất-sinh thời không cha mẹ; không cha mẹ thời không có nghịch tội, cũng không có các tội tội nghiệp khác nữa. Vậy nên pháp người tức là tà-kiến. Lại người nói có bản-sinh ấy. Bởi ngũ-âm nên gọi là Hỷ-Kiến-vương, tức ngũ âm kia nối nhau, nên gọi là Phật. Cho nên nói Ta là vua kia. Trong pháp người Ngã là một, vậy chẳng nên phân-biệt. Lại người nói làm lành hai đời mừng ấy. Trong kinh Phật tự ngăn việc này, nói Ta chẳng nói có kẻ bỏ ngũ-âm này thọ ấm kia, chỉ vì ngũ-âm nối nhau chẳng khác, nên mới nói hai đời mừng. Lại người nói tâm dơ nên chúng-sinh dơ ấy. Do đó nên biết không có thật ngã. Nếu có thật ngã nên cùng với tâm khác, chẳng nên nói tâm dơ nên chúng-sinh dơ. Tại vì sao? Vì không thể kia dơ mà đây chịu vậy; chỉ vì giả danh nhân-duyên mới có dơ nên nói giả danh dơ. Vậy nên giả danh là ngã, chẳng phải chận thật vậy. Lại như pháp người nói Ngã chẳng phải ngũ-âm. Vậy thì chẳng sinh chẳng diệt, không có tội phước gì cả, có những lỗi như vậy. Chúng tội nói ngũ-âm hòa hiệp giả danh là ngã. Nhân ngã này vậy nên có sinh có diệt, và có cả tội phước nữa, chẳng phải là không có giả danh, nhưng chẳng phải thật vậy.

Lại như trước người nói “Ý muốn phá ngoại-đạo nên Phật nói không ngã” ấy. Đó là người tự vọng tưởng phân-biệt như thế, chớ y Phật chẳng phải vậy. Lại các thuyết nói có ngã đều là làm lỗi, như người nói ngoại-đạo rời ngũ-âm rời riêng chấp có ngã, người cũng như vậy. Tại vì sao? Vì ngũ-âm vô-thường mà ngã chẳng-khá nói hoặc thường hay vô-thường, tức là rời ấm. Lại nữa ấm có ba phần: Giới-định-tuệ; thiện, bất thiện, vô-ký; buộc dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới. Phân biệt như thế, ngã chẳng-khá được vậy, nên khác với ngũ-âm. Lại ngã là người, mà ngũ-âm chẳng phải người, thời là khác vậy. Lại ấm là năm, mà ngã là một, vậy nên ngã

chẳng phải âm vậy. Nếu mà có ngã, vì các duyên do này thì khác với ngũ-âm. Lại thế-gian không có một pháp nào mà chẳng-khá-nói một chẳng khá-nói khác, vậy nên không có pháp chẳng-khá-nói.

Hỏi: Như đốt và khá đốt, tức vật có thể đốt, chẳng được nói một, chẳng được nói khác. Ngã cũng như vậy?

Đáp: Đấy cũng là đồng nghi. Cái nào là đốt, cái nào khá đốt? Nên thứ lửa là đốt thứ khác là khá đốt, thời đốt khác với khá đốt. Nếu thứ lửa tức khá đốt, làm sao nói chẳng một? Nếu thứ khá đốt tức là thứ lửa; nếu rời thứ lửa, cũng đều chẳng đốt, nên mới gọi là đồng nghi. Nếu trong đốt, có khá đốt, như trong ngã có sắc, tức đọa thân kiến. Lại phải nhiều ngã, như lửa củi khác, lửa phân trâu khác; ngã cũng như thế, ngã nhân âm khác, ngã thiên âm khác, tức là nhiều ngã. Lại như đốt khá tốt ở trong ba đời; ngã và ngũ âm cũng phải như vậy, ở trong ba đời, như đốt và khá đốt. Vì là hữu-vi nên ngã và ngũ âm cũng phải là hữu-vi. Lại tuy người nói: Đốt và khá đốt chẳng một chẳng khác. Nhưng mắt thấy tướng khác ngã và ngũ âm cũng phải có khác. Lại ngũ âm mất, mà ngã chẳng mất, vì chết nơi đây, sinh đến nơi kia, có hai đời mừng vậy. Nếu tùy theo ngũ-âm có mất có sinh, thời đồng như ngũ âm chẳng được gọi hai đời mừng. Người dùng vọng tưởng phân biệt có ngã, được những lợi gì? Lại như các món trần không có một trần bị biết của cả sáu thức. Ngã mà người đã nói có thể sáu thức đều bị biết thời chẳng phải là sáu trần.

Lại chẳng nhiếp thuộc 12 nhập, thời chẳng phải các nhập. Chẳng nhiếp tứ-đế. Vậy nên, nếu nói có ngã tức là vọng ngữ. Lại trong pháp người nói pháp khá biết là năm pháp tạng quá khứ, vị lai, hiện tại, vô-vi và pháp bất-khả-thuyết. Ngã ở vào trong pháp thứ năm, thời khác với bốn pháp kia. Người muốn cho khác với bốn pháp trước mà chẳng phải thứ năm là không thể được. Như nói ngã là bị các lỗi này thì cần gì vọng tưởng phân biệt ngã làm chi u? Vậy nên trước người nói có câu: “Ngoại đạo rời ngũ âm rời riêng chấp có ngã, chúng tôi chẳng phải vậy.” Việc này chẳng phải lẽ. Lại trước người nói ngã chỉ giả danh nên nghĩ kỹ ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Lại trước người nói ngã chỉ giả danh nên nghĩ kỹ ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì là trong Phật-Pháp nói việc thế đế chẳng cần nghĩ kỹ. Lại người nói vọng ngữ thấy điên đảo, cũng lại như vậy. Lại như người nói: “Chẳng nên nói thật nghĩa trong kinh” ấy. Việc này nên nói, vì khiến cho biết đệ nhất nghĩa vậy. Lại người nói, nói chỗ thế gian, đều nên tùy ấy. Nếu nói từ Tự-Tại-thiên sinh muôn vật thấy là chẳng nên thọ; nếu có lợi ích, chẳng trái với thật nghĩa thế là nên thọ. Vậy không lỗi. Như trong thế đế năng sinh công đức, năng có lợi ích, như vậy nên thọ. Ra sau sẽ nói rộng. Lại người nói giết trâu đất thấy, không tội sát ấy. Giờ đây mới đáp: Nếu đối với các loài có tình thức, các âm nói nhau thời có nghiệp và

nghiệp báo; vớ trong trâu đất thấy không có việc như thế. Vậy nên phải biết ngũ âm hòa hiệp giả danh là ngã, chớ chẳng phải thật có vậy.

PHẨM SẮC-TƯỚNG TRONG SẮC LUẬN NHÓM KHỔ -ĐỀ THỨ 36

Hỏi: Trước ông nói sẽ nói luận thành-thật. Nay phải nói những gì là thật?

Đáp: Tứ-đế là thật. Là khổ, khổ nhân, khổ diệt, khổ diệt đạo. Năm thọ âm là khổ. Các nghiệp và phiền não là khổ nhân. Hết khổ là khổ diệt. Tám Thánh đạo là đạo diệt khổ. Vì muốn thành lập pháp ấy nên mới tạo luận này. Đức Phật cũng tự lập thành pháp này, vì muốn độ chúng-sinh nên đã nói tản mát ở nhiều chỗ. Lại Phật lược nói pháp-tạng có tám mươi bốn ngàn, trong ấy có bốn y, tám nhân, nghĩa này hoặc bỏ mà chẳng nói, hoặc có nói cũng chỉ lược thôi. Tôi nay muốn soạn tập có thứ lớp khiến nghĩa rõ ràng nên mới nói.

Hỏi: Ông nói năm thọ âm là khổ đế; những gì là năm?

Đáp: Sắc, thức, tướng, thọ và hành là năm âm. Sắc âm là tứ đại, và tứ-đại sở nhân thành pháp, cũng nhân tứ-đại sở thành, chung gọi là sắc. Tứ-đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong; do sắc, hương, vị và xúc nên thành tứ đại. Do tứ-đại này thành nhân thấy năm căn. Các món này chạm nhau nên mới có tiếng. Địa là sắc thấy nhóm họp cứng nhiều, nên gọi là Địa. Như vậy ướt nhiều gọi Thủy; nóng nhiều gọi là Hỏa; nhẹ động nhiều gọi Phong. Nhãn căn là chỉ duyên sắc và làm chỗ nương cho nhãn-thức, và khi đồng tánh chẳng nương, đều gọi nhãn-căn. Bốn căn kia cũng như vậy. Sắc là chỉ làm chỗ bị duyên cho nhãn thức, và khi đồng tánh chẳng duyên, gọi là Sắc, Hương, Vị, Xúc cũng vậy. Các món này chạm nhau nên có tiếng.

PHẨM SẮC DANH THỨ 37

Hỏi: Trong kinh nói các sắc bị có đều là tứ đại, và sở nhân thành tứ đại. Vì sao nói các bị có “đều là” ư?

Đáp: Nói bị có đều là, là quyết định nói sắc tướng, chớ không nói gì khác. Vì những kẻ ngoại đạo nói có Ngũ-đại. Vì muốn bỏ thuyết này, nên nói tứ-đại. Sở nhân thành tứ-đại: là tứ-đại giả danh nên mới có. Khắp đến nên gọi là Đại. Pháp không sắc không hình; vì không hình, nên không phương; vì không phương nên chẳng gọi là Đại. Lại vì thô hiện lên nên gọi là Đại tâm, tâm số pháp chẳng hiện, nên chẳng gọi là Đại.

Hỏi: Vì sao gọi Địa thấy pháp là sắc, mà chẳng gọi thanh thấy?

Đáp: Pháp có đối gọi là sắc, thanh thủy đều có đối nên cũng gọi là sắc, chớ chẳng phải như tâm pháp thủy. Có hình nên gọi là sắc; thanh thủy đều có hình nên cũng gọi là sắc. Ngăn ngại nơi chỗ, nên gọi là hình.

Hỏi: Sắc thủy chẳng phải đều có hình, thanh thủy mới không hình.

Đáp: Thanh thủy tất cả có hình; vì có hình, vì có đối, có ngăn ngại, nên bị vách ngăn thì chẳng nghe.

Hỏi: Nếu thanh thủy có ngăn ngại, thời lẽ chẳng dung thọ các vật, như vách ngăn nên không dung được gì.

Đáp: Vì thanh nhỏ nhiệm nên có thể dung thọ được, như hương vị thủy nhỏ nhiệm nên chung nung một hình, mà chẳng phòng ngại nhau. Vậy nên thanh thủy, vì có ngại có đối, nên đều gọi là sắc. Lại vì tướng nó khá nảo hoại, nên gọi là sắc. Bao nhiêu sự cắt đứt tàn hại thủy, đều nung nơi sắc; vì trái với sắc này, nên mới gọi là vô sắc định. Lại chỉ rõ nghiệp lành dữ đời sống trước, nên gọi là sắc. Lại cũng chỉ rõ tâm và tâm số pháp, nên gọi là sắc. Lại vì xung danh, nên mới gọi là sắc

PHẨM TỨ-ĐẠI GIẢ-DANH THỨ 38

Hỏi: Tứ-đại là giả-danh, nghĩa này chưa thành lập được vì có người tứ-đại là thật có?

Đáp: Tứ-đại giả-danh nên mới có. Tại vì sao? Phật vì ngoại đạo nên nói tứ-đại. Có các ngoại-đạo nói sắc thủy tức là đại, như phái Tăng-khê thủy. Hoặc nói rời sắc thủy là đại, như phái Vệ-thê-sư thủy. Cho nên kinh này quyết định nói nhân sắc thủy mới thành địa thủy các đại. Cho nên biết các đại là giả danh có. Lại như kinh nói địa-chủng là cứng và nung cứng. Vậy nên biết chẳng những cho cứng là địa. Lại người đời cũng đều tin các đại là giả danh có. Tại vì sao? Vì người đời nói thấy đất, ngửi đất, đụng đất và mùi đất. Lại trong kinh nói: “Địa khá thấy và có đụng chạm”. Lại vào địa thủy, tất cả trong vào, người ấy thấy sắc đất mà chẳng thấy cứng thủy. Lại người chỉ ra sắc đất, hương đất, vị đất, xúc đất; trong pháp thật có, không thể chỉ ra gì khác. Lại nghĩa tên đại là khắp cùng vậy, tướng này nói trong giả-danh, mà chẳng những trong tướng cứng. Lại nói đất ở trên nước là giả danh đất ở, chẳng những cứng ở. Lại nói chôn đại-địa bị đốt cháy tận diệt mà không có khói than là đốt giả danh địa, chẳng những đốt cứng. Lại vì sắc thủy nên tin có địa thủy, chẳng những cứng thủy. Lại trong thí dụ giếng nói nước cũng thấy cũng xúc, như ướm là nước thì chẳng có hai thứ được. Tại vì sao? Vì Phật nói năm tình-thức không thể thay nhau lấy trần cảnh. Cho nên Phật nói nước có tám công-đức; nhẹ-nhàng, mát-mẻ, mềm-mại, ngon-ngọt, trong-sạch, chẳng hôi, mỗi khi uống vào điều-hòa

khoan-khoái, và uống rồi không bình hoạn. Trong đây như nhẹ-mát-mềm đều thuộc về xúc-nhập, ngọn thuộc về vị-nhập, trong sạch thuộc về sắc-nhập, chẳng hôi là hương-nhập, đều-khoan và không bình là thể-lực của nước. Tám món hòa-hiệp này gọi chung là nước. Cho nên biết các Đại là giả-danh có. Lại pháp nhân-sở-thành đều là giả-danh không thật có vậy. Như trong kệ nói: Bánh thầy hòa-hiệp, nên gọi là xe; Năm-âm hòa-hiệp, nên gọi là người. Lại như A-Nan nói: Các pháp nhiều duyên thành, Ngã không quyết định chỗ. Lại như người nói: Cứng thầy là Đại. người ấy cho cứng thầy làm chỗ bị nướng cho sắc thầy. Vậy thì có nướng, có chủ chẳng phải là thật-pháp. Cho nên biết tứ-đại đều là giả-danh. Lại trong các pháp có mềm-mịn trơn láng thầy, đều là nhiếp-thuộc về xúc-nhập; cứng thầy bốn pháp có nghĩa gì đâu mà được độc-đắc là Đại? Lại nữa, một món mà có bốn chấp, đều có sai lầm. Vậy nên biết tứ-đại là giả-danh. Lại thật pháp hữu-tướng, giả danh hữu-tướng, và giả-danh sở-năng. Ra sau sẽ nói rộng. Vậy nên tứ-đại chẳng phải thật có vậy.

PHẨM TỨ-ĐẠI THẬT-HỮU THỨ 39

Hỏi: Tứ-đại là thật có. Tại vì sao? Vì trong A-Tì-Đàm nói: “Tướng cứng là địa-chủng, tướng ướt là thủy-chủng, tướng nóng là hỏa-chủng, tướng động là phong-chủng”. Vậy nên tứ-đại là thật có. Lại sắc thầy tạo sắc, do tứ đại sinh, giả danh có thời không thể sinh pháp được. Lại vì cứng thầy chỉ có tứ-đại, chỗ gọi cứng, nướng cứng là Địa. Vậy nên cứng thầy là thật đại. Lại như trong kinh Phật nói hai món: Cứng nướng cứng, ướt nướng ướt thầy. Vậy nên biết cứng là thật pháp, nướng cứng là giả-danh. Các Đại khác cũng vậy. Vậy nên cứng thầy là thật đại. Pháp nướng cứng vì tùy tục nên gọi là Đại thôi. Vậy nên mới có hai thứ Đại vừa thật vừa cũng giả-danh. Lại như trong A-Tì-Đàm nói: “Hình xứ là Địa, tướng cứng là Địa-chủng”. Các đại khác cũng như vậy. Lại trong kinh Phật nói: “Trong nhãn hình có bao nhiêu cứng là Địa; ướt và nướng ướt là Thủy; nóng và nướng nóng là Hỏa.” Hình thịt là Địa. Trong hình thịt này Phật nói có tứ-đại, thời phải biết cứng thầy là thật Đại, mà hình là giả-danh Đại. Lại Phật chẳng nói trong Phong có nướng, nên mới biết Phong là thật đại. Lại như người nói tứ-đại là giả-danh, thì rời tướng Đại, nếu nướng cứng gọi là Địa-chủng ấy thời Thủy nướng vật cứng, thủy tức là Địa? viên đất bùn nướng ướt, đất bùn tức là Thủy? Như người bị bệnh nóng, cả thân đều nóng, thân tức là Hỏa? Việc này chẳng phải lẽ. Vậy nên chẳng được nói nướng cứng là Địa-chủng, mà chỉ cứng mới là Địa-chủng. Các Đại khác cũng như vậy.

Lại nữa, tứ-đại chúng sinh, cho nên chẳng rời nhau. Như trong kinh nói: “Bao nhiêu sắc bị có, đều do tứ-đại tạo thành”. Nếu người nói tứ-đại là thật, thời chẳng rời nhau. Mà nếu tứ đại giả danh thời phải rời nhau. Tại vì sao? Vì các món sắc thầy nướng cứng, rời các món ướt thầy, như vậy thời trong nhãn hình không có tư-

đại thời cũng với khnh trái nhau. Ông muốn chẳng trái với kinh thời nên công nhận tứ-đại là thật. Trước ông nói: “Vì ngoại-đạo nên nói tứ-đại” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao. Vì các bọn ngoại đạo nói tứ-đại cùng với sắc thầy hoặc một hoặc khác. Chúng tôi nói thuộc vào xúc nhập một phần ít là tứ-đại. Vậy nên không bị lỗi. Lại chúng tôi nói hiện thấy cứng thầy là tứ-đại, chớ chẳng phải như người phái Vệ-thế-sư nói tứ-đại cũng có mà chẳng phải hiện thấy. Lại ông nói cứng và nương cứng ấy. Nghĩa nương có hai thứ, như trong kinh nói: Sắc nương sắc. Lại nói tâm nương đại-pháp. Trong nghĩa này nói cứng tức là nương cứng, mà không nói pháp nào khác. Nếu như vậy đâu có lỗi chi ư? Lại ông nói người đời đều tin, cho đến nước có tám thứ công-đức. Đó chỉ là tùy tục mà nói vậy thôi, chớ chẳng phải là thật đại. Lại ông nói pháp nhân-sở-thành, đều là giả danh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Nếu sáu nhập, hoặc nhân sáu xúc-nhập sở-thành-pháp”. Lại Tỳ-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: Nhân tứ-đại tạo thành sắc thanh tịch, đấy gọi là mắt. Như vậy thành mười hai món nhập. Lại ông nói có chủ có nương. Chúng tôi chẳng nói như thế, mà chỉ nói: Pháp trụ ở trong pháp thời. Lại ông nói: “Cứng thầy có nghĩa gì mà được độc đặc gọi là Đại” ấy. Cứng thầy có nghĩa là chỗ gọi tướng cứng năng gìn giữ; tướng nước năng thấm ướt; tướng lửa năng làm nóng; còn gió năng thành-tụ. Vậy nên tứ-đại là thật.

Thành thật luận hết quyển 3

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 4

PHẨM PHI-BỈ-CHỨNG THỨ 40

Đáp: Chẳng phải lẽ. Tứ-đại là giả danh. Người tuy dẫn trong A-Tỳ-Đàm nói tướng cứng là địa-chủng thầy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Phật tự nói cứng và nương cứng là Địa, chớ chẳng những tướng cứng. Vậy nên đấy chẳng phải chính nhân. Lại người nói sắc thầy do tứ-đại sinh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì sắc thầy do nghiệp phiền não, ăn uống, dâm-dục thầy mà sinh. Như trong kinh nói: “Mắt do đâu mà sinh? Do nghiệp mới sinh.” Lại nói tham vui nhóm nên sắc nhóm. Lại như A-Nan dạy Tỳ-kheo-ni rằng: “Thân chị là từ ăn uống mà sinh, từ ái mạn mà sinh, và từ dâm-dục mà sinh”. Cho nên biết sắc thầy, chẳng những tứ-đại mà sinh.

Hỏi: Sắc thấy tuy do nghiệp thấy sinh, mà tứ-đại cũng cần có dự một chút nhân chứ. Như nhân nghiệp nên mới có lúa, lúa này cũng nhờ hạt giống thấy mà sinh. Như vậy mắt thấy tuy do nghiệp sinh, mà tứ-đại cũng dự làm chút nhân.

Đáp: Hoặc có vật không nhân-duyên mà sinh, như khi Kiếp tận rồi; kiếp sơ, có trận mưa lớn, thời nước mưa này do từ đâu mà sinh? Lại như sở-dục của các Chư-thiên, nghĩ lên là được; như người ngồi thiền và những người đại công đức, sở dục tùy-ý. Các điều này đâu có duyên do gì, đâu phải chỉ nghiệp ư? Lại như sắc dứt nối nhau rồi lại sinh nữa, như người sinh về cõi vô-sắc, rồi sinh trở lại cõi-sắc, sắc này lấy gì làm gốc?

Hỏi: Tại sao có vật chỉ do nghiệp sinh, mà tại sao lại đợi trợ duyên bên ngoài mới sinh?

Đáp: Nếu có chúng-sinh nghiệp lực yếu nên phải nhờ hạt giống của các duyên trợ thành. Mà nếu nghiệp lực mạnh thì chẳng cần ngoại duyên. Và pháp ấy lẽ phải như vậy, hoặc có nghiệp hoặc có pháp, hoặc có sinh xứ, nhưng chỉ do nghiệp lực mà được, chớ chẳng cần ngoại duyên. Lại nếu cần nhân duyên, thời nên nói hạt giống làm nhân cho mộng thấy. Cần chi phải nói do cứng thấy sinh? Lại vì nghĩa gì mà do cứng thấy sinh sắc thấy mà chẳng do sắc thấy sinh cứng thấy ư? Lại nữa cứng thấy có sắc thấy chung cùng lại sinh, tại sao nói do cứng thấy có sắc thấy, mà chẳng do sắc thấy có cứng thấy? Lại pháp đồng thời sinh, thời không thể làm nhân cho nhau được, như hai sừng đồng sinh, chẳng được nói tả hữu làm nhân cho nhau.

Hỏi: Như đèn với sáng tuy đồng sinh, cũng nói sáng nhờ đèn, đèn chẳng nhờ sáng. Việc này cũng vậy?

Đáp: Đèn với sáng chẳng khác. Đèn do hai pháp hợp thành: mộc sắc, hai xúc. Sắc tức là sáng, vậy nên chẳng được nói khác với đèn. Ví-dụ này, người chẳng suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Sáng này từ đèn đi tản ở các chỗ. Vậy nên phải khác?

Đáp: Chẳng đi tản ở chỗ khác. Sắc sáng này hiện thấy trong tại đèn. Nếu đi chỗ khác, thì khi đèn tắt cũng vẫn còn thấy sáng mà thật chẳng thấy. Nên phải biết sáng này chẳng khác đèn vậy.

Hỏi: Lại có pháp đồng thời sinh cũng làm nhân quả cho nhau, như cái thức trong hữu đối lấy nhãn sắc làm nhân duyên chứ chẳng phải nhãn sắc lấy thức làm nhân duyên?

Đáp: Chẳng phải. Nhân thức lấy tâm thức làm nhân, lấy nhãn sắc làm duyên. Bởi tâm trước diệt rồi làm sao đồng sinh? Lại nếu pháp tùy sở nhân mà sinh tức là nhân thành, như tâm nhân nhờ tình trần mà có, tức là pháp nhân sở thành. Lại nữa, tứ-đại tức là tạo sắc, vì là nhân sở sinh vậy. Lại hiện thấy vật ở thế-gian do từ tợ nhân mà sinh, như do lúa sinh lúa, do bắp sinh bắp. Như vậy do đất sinh đất, chẳng sinh nước thủy. Cũng như do sắc sinh sắc. Cứ như thế thủy.

Hỏi: Cũng thấy có vật do từ nhân khác mà sinh; như trồng ngược lông trâu thời có bồ sinh, trồng sừng cỏ vĩ sinh?

Đáp: Tôi chẳng nói không do từ nhân khác mà sinh, chỉ nói trong tợ nhân cũng sinh được. Cho nên nói từ sắc thủy sinh sắc thủy, chẳng những từ tứ-đại sinh. Vậy nên không được nhất định nói sắc thủy từ tứ-đại sinh. Lại như người nói “Do cứng thủy chỉ rõ tứ đại. Vậy nên cứng thủy là thật đại” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì tướng cứng thủy quyết định khá dùng phân biệt bốn thứ mềm thủy chẳng nhất định. Hoặc ở trong nhiều cứng, hoặc ở trong nhiều món ướt. Cho nên không thể dùng phân-biệt các món ấy được. Các món khác cũng vậy. Lại với xúc cứng thủy phân biệt món nào gọi là mềm thủy. Tại sao? Nếu cho ướt cũng sinh được tính dẻo, mềm, trơn, láng; vì tướng cứng nhiều vậy nên cứng rắn, thô rít như thế thủy. Vậy nên chỉ dùng cứng phân biệt bốn món. Lại như trong kinh nói: “Vì nương cứng nên mới chỉ rõ tứ-đại sai khác”. Cho nên biếp pháp nương cứng gọi là địa-chủng, chớ chẳng những là tướng cứng. Cho nên nói tướng cứng là nhân thành địa. Lại với trong thành-địa, tướng cứng là thắng nhân, vậy nên riêng nói, các tướng khác cũng vậy. Lại do đặt danh tự có bao nhiêu cứng nương cứng đều gọi địa-chủng.

Hoặc lại có người chỉ nói tướng cứng là địa chủng. Vì múon phá nghĩa này nên Phật mới nói cứng nương cứng là địa chủng. Các đại khác cũng như vậy. Lại trong nhiều tướng cứng, vì cứng nhiều nên có hai thứ lời nói. Trong tất cả món nhiều đều có cứng thủy các xúc: Hoặc cứng nương cứng, gọi là địa-chủng; hoặc ướt nương ướt, gọi là thủy-chủng; hoặc nóng nương nóng, gọi là hỏa-chủng. Lại cứng là thắng nhân thành-địa, cho nên đối với trong ấy gọi là Địa-thành. Trong giả-danh nhân-duyên, có giả danh danh-tự, như nói ta thấy người chặt rừng. Lại như người nói có hai thứ lời nói. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu tùy mà nói chủng là thật ấy. Vậy thì mười hai nhập thủy chẳng phải là thật. Vậy nên nhân nhãn duyên sắc mới có nhãn thức sinh, vậy là chẳng phải thật, vì chẳng nói chủng vậy. Đây là tà luận. Lại như Phật vào hỏa-chủng-định, từ thân Phật phóng ra nhiều thứ sắc lửa; trong ấy thứ nào là hỏa-chủng? Do sắc thủy thành hỏa, chẳng những tướng nóng. Lại như Phật nói thân này là cái hòm nhỏ, trong đựng những tóc lông móng tay thủy. Như trong kinh nói: “Trong thân này có tóc lông móng tay thủy”. Do đó tóc lông móng tay là địa

chúng chớ chẳng phải lấy có hai thứ lời nói mà gọi là thật pháp. Lại trong kinh chủng-tử nói: “Nếu có địa-chủng mà không có thủy-chủng thì các hạt giống không thể sinh trưởng được”. Trong đây thứ nào là địa-chủng? Nghĩa là giả danh ruộng, chẳng những tướng cứng; thủy cũng giả danh, chẳng những tướng thứ. Lại một pháp mà hai thứ: Vừa thật vừa giả danh ấy không thể được. Vậy nên sắc thấy là thật. Lại nhãn thấy vì giả danh nên có các Đại cũng thật cũng giả danh ấy, thì cũng là tà luận.

Lại trong lục-chủng kinh Phật nói tóc lông móng thấy gọi là địa-chủng. Lại trong kinh tượng-bộ-dụ cũng nói tóc lông móng thấy là địa-chủng. Lại lấy nghĩa gì mà nói “chủng” là thật, mà chẳng nói “chủng” là giả-danh. Và nghĩa này chẳng phải chép ở trong kinh. Lại như người nói “Phật nói” trong nhãn hình có bao nhiêu cứng nương-cứng là Địa thấy” ấy Phật dùng lời này để chỉ rõ năm căn do tứ-đại mà thành. Hoặc có người nói do từ ngã sinh căn; hoặc bảo lia đại riêng có căn; hoặc nói các căn do các món tính sinh nghĩa là từ địa-đại sinh tĩ-căn thấy. Vì Phật muốn dứt các chấp này nên mới nói nhãn thấy các căn do tứ-đại hợp thành nên trong lông không có thật pháp. Lại do phân biệt mà thành giả-danh nhân-duyên, thì giả-danh cũng không có. Lại trong hình thục này có bốn phần cứng-nương-cứng thấy, Phật dùng lời này để chỉ trong các vật có là do từ tứ-đại mà sinh. Lại người nói “Phật chẳng nói trong Phong có nương, nên gọi là thật đại” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nhẹ trong phong là thắng tướng, chẳng phải nương pháp nhẹ; trong địa thấy nương pháp cứng thấy là thắng. Phong thời chẳng phải vậy. Lại nương pháp nhẹ ít nên chẳng nói. Lại như người nói: “Nếu nói tứ-đại là giả-danh thời rời tướng đại” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Như cứng nương-cứng do tứ-đại sinh, gọi là địa-chủng, chứ chẳng gọi vật khác đến nương nhau, như pháp khác tướng, thời chẳng gọi là nương, tức là rời nhau.

Hỏi: Sinh, thì tức chẳng gọi là nương, mà nương gọi là vật khác đến nương?

Đáp: Danh-tự là nương, chứ chẳng phải vật khác đến nương nhau, vì sinh pháp sai khác vậy. Như nói hư-không khắp đến, mà thật không đến đâu cả. Lại người nói tứ-đại chung sinh ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Như trong ánh sáng mặt trời, chỉ có sắc và khá được nhiệt-xúc, chớ không có pháp gì khác; trong ánh sáng mặt trăng, chỉ có sắc và khá được lãnh-xúc, cũng không có pháp gì khác nữa. Vậy nên chẳng phải trong tất cả vật đều có tứ-đại. Như có vật không có mùi vị như kim-cương thấy; có vật không hương như vàng bạc thấy; có vật không sắc như hơi ấm trong nhà thấy; có vật không nóng như mặt trăng thấy; có vật không lạnh như lửa thấy; có vật động nhau như gió thấy; có vật không động như tảng đá bằng vuông thấy. Như vậy hoặc có vật chẳng cứng; hoặc có vật chẳng ướt; hoặc có vật chẳng nóng; hoặc có vật chẳng động. Vậy nên tứ-đại chẳng phải chẳng rời nhau.

Hỏi: Vì nhờ nhân-duyên bên ngoài, nên tính các Đại phát ra: như vàng trong đá thấy có tướng chảy, chờ khi có lửa thì phát ra; trong nước có tướng cứng, nhờ lạnh thành đá nước; trong gió có tướng lạnh nóng, nhân khi nước lửa thì phát ra; trong cỏ cây có tướng động, khi có gió phát ra. Vậy nên trước sẵn có tự-tánh, rồi nương nhờ duyên ngoài mà phát sinh ra. Vậy nên biết tứ-đại không thể lìa nhau được. Nếu không sẵn có bản tánh thời làm sao phát ra được?

Đáp: Nếu như vậy trong gió hoặc có hương, hương lẽ phải ở trong gió, như hương ướp trong dầu, hương lẽ phải ở trong dầu. Việc này chẳng phải lẽ. Lại chẳng do các đại sinh ra tạo-sắc, như do ướt sinh ướt. Như vậy do sắc sinh sắc. Lại nếu chẳng rời nhau, thời trong nhân có quả, như đồng-nữ có con; trong đồ ăn có bất-tịnh thấy. Chúng tôi chẳng nói trong nhân có quả. Tuy trong sữa không bơ, mà bơ từ sữa sinh. Như vậy cần gì nhớ tướng phân-biệt bảo tứ-đại chúng sinh chẳng rời nhau ư?

PHẨM MINH BỔN TÔNG THỨ 41

Trước người nói: “Chúng tôi chẳng nói tứ-đại với sắc hoặc nhất hoặc dị, vậy nên không có lỗi” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì các ngoại-đạo muốn thành lập thuyết thần-ngã, nên lấy tứ-đại nhất dị làm ví-dụ. Nên Phật đối với trong giả-danh lấy tứ-đại làm thí dụ, mới nói nghĩa tứ-đại. Nếu chẳng phải như vậy thời chẳng nên nói. Người thế-gian đều tự nhiên biết địa thấy tứ-đại mà chẳng thấu rõ thật tính, vậy nên mới vì nói, mà chẳng nói cái tay thấy. Nếu cho cứng thấy là tứ-đại, thời có lợi-ích gì? Lại như người nói nghĩa nương có hai thứ cho các Đại là thật ấy. Việc này cũng chưa hiểu rõ. Phải biết nghĩa nương này nó khác, tức là giả-danh vậy. Lại người nói tùy tục ngôn thuyết chẳng phải là thật đại ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì hoặc trong kinh sách, hoặc người đời đều chẳng cho không nhân-duyên mà đó trong sắc thấy đặt ra tứ-đại danh-tự. Như người đời nói: Tôi thấy người. Với trong sắc thấy nói ra tên người, chứ chẳng phải không duyên có. Nếu không có duyên có miễn cưỡng đặt tên, vậy thì thấy ngựa nên nói là người, mà thật đâu phải vậy được. Lại vì có chỉ mà chẳng đổi trong tiếng nói là địa? Người đời thường nói tiếng đất trọn chẳng nói tiếng là đất. Nếu không duyên có mà miễn cưỡng đặt tên ấy, thì cũng đặt tiếng là đất được. Mà thật chẳng phải nói vậy được. Vậy nên sắc thấy bốn pháp là địa. Với trong địa phân, gọi Địa danh-tự; như sắc là nhân thành giả-danh, với trong đó gọi tên người; với trong cây gọi tên rừng; với trong Tỳ-kheo gọi tên Tăng. Như vậy trong pháp sắc thấy gọi tên tứ đại. Lại người nói sáu xúc-nhập, hoặc nhân sáu xúc-nhập sở-thành. Kinh này chẳng nhằm. Như trong pháp người, tạo sắc không sở năng sinh. Trong pháp tôi cũng vậy, với trong giả-danh lại không sở sinh. Vậy nên kinh này không nên có, hoặc có nên đổi nghĩa này đi. Lại người nói “Nhân tứ-đại tạo thanh-tịnh nên gọi là nhãn. Lại

tuy người nói “Pháp trụ trong pháp, không y không chủ” ấy. Tức là có y chủ, vì nghĩa trụ là nương, pháp bị nương là chủ. Lại người nói tướng cứng năng giữ, mà nhờ nhiều nhân-duyên khác nữa. Các món khác cũng như vậy. Vậy nên tứ-đại là giả-danh có.

PHẨM KHÔNG TƯỚNG CỨNG THỨ 42

Hỏi: Ông nói “Sắc thấy nhiều cứng thành Địa Đại. Vậy nên Địa thấy là giả-danh” ấy. Việc này hẳn phải lẽ. Tại vì sao? Vì pháp cứng còn không, huống là giả-danh Địa. Nếu viên đất bùn là cứng, viên đất bùn cũng tức là mềm. Vậy nên biết tướng cứng không nhất định. Lại vì ít nhân-duyên nên sinh tâm biết cứng, như vì trần hiệp thưa, gọi là mềm, hiệp dày gọi là cứng. Vậy nên không nhất định. Lại trong một pháp không có hai chạm xúc, khiến tâm này sinh biết thân cứng mềm không nhất định. Vì đối đãi nhau mà có như thấy bức vải khâm bạt la thời cho bức vải Đệp là mềm, mà thấy bức vải Đệp cho là bức vải khâm-bạt-la là cứng. Xúc pháp chẳng nên đối đãi nhau mà có. Lại tự thấy vàng đá, thời biết là xúc cứng, chẳng phải mắt khá được. Vậy nên không có cứng. Vì các nhân-duyên này nên các xúc mềm thấy cũng đều không có vậy.

PHẨM CÓ TƯỚNG CỨNG THỨ 43

Đáp: Thật có tướng cứng. Tuy người nói viên bùn là cứng, cứng viên bùn tức là mềm. Việc này chẳng phải lẽ. tại vì sao? Vì chúng tôi không cho có pháp thật viên đất bùn, chỉ các pháp hòa hiệp giả-danh viên bùn, nên không bị lỗi. Lại người nói vì nhân-duyên ít nên sinh tâm biết cứng. Việc này chẳng phải lẽ. Tôi đối trong vi trần hiệp dày, được thành tướng cứng, nên gọi là cứng; với trong chẳng dày, được thành tướng mềm. Vậy nên không lỗi. Nếu pháp thành được thời gọi là có. Người lại nói trong một pháp không hai chạm xúc ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tôi đối trong một pháp khá được nhiều xúc cũng cứng cũng mềm. Người lại nói “Cứng mềm đối đãi nhau nên không nhất định” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì như dài ngắn thấy do đối đãi nhau mà có. Lại như nếm vị đường phèn trắng, liền cho đường phèn đen là đắng; nếm vị ha-lê-lặc, lại cho đường phèn đen là ngọt. Nếu vì đối đãi nhau nên không có, thời vị cũng không.

Hỏi: Trong đường phèn đen có hai thứ vị vừa ngọt vừa đắng.

Đáp: Trong bức vải Đệp cũng có hai xúc, vừa cứng vừa mềm. Lại như nói thấy đá biết cứng, do trước kia đã có xúc nên nay so sánh biết: như thấy lửa biết nóng, nóng chẳng phải thấy được. Lại như người thấy vải khâm-bạt-la sinh nghi là cứng hay mềm? Vậy nên xúc chẳng phải mắt thấy được. Do đó nên có cứng thấy các xúc. Lại thật có cứng thấy. Tại vì sao? Vì năng khởi tâm phân biệt, nên không cứng làm

sao phân biệt được? Lại cứng năng cùng tâm làm duyên và cũng làm ra nghiệp khác nghĩa là đánh vát thảy, Lại với mềm ướt trái với nhau nên gọi là cứng. Lại chúng tôi hiện biết là cứng; trong sự hiện biết chẳng cần nhân duyên. Lại do thành việc thế-gian thời được gọi là cứng. Các món khác cũng như thế, cho nên biết có cứng.

PHẨM TƯỚNG TỨ-ĐẠI THỨ 44

Hỏi: Tôi đã biết có pháp cứng này, nhưng nay thấy vàng nóng thì chảy, nước lạnh thành băng. Vàng này do cứng nên thuộc đất, chảy nên thuộc nước?

Đáp: Mỗi pháp có tự tướng riêng. Như pháp cứng nương cứng là địa-chủng; như ướt nương ướt là thủy-chủng thảy.

Hỏi: Vàng cứng thời là tiêu chảy, nước ướt thời cứng-băng. Tại sao các Đại chẳng bỏ tự-tướng? Như trong kinh nói: “Tướng tứ-đại hoặc có thể biến đổi. Kẻ được tứ tín chẳng khá được gì khác?”

Đáp: Trong A-Tì-Đàm nói: Ướt là tướng nước. Hoặc có người nói: Chảy là tướng nước. Trong kinh nói: Thấm là tướng nước. Nên cho đàng nào nói trúng?

Đáp: Chảy, ướt, thấm đều là biệt danh của nước.

Hỏi: Chảy là hành nghiệp của nước, vì pháp bị thảy của mắt. Vậy nên chảy chẳng phải ướt thấm?

Đáp: Vì ướt thấm nên chảy, ướt nên chảy rút xuống. Vậy nên chảy tức là thấm, mà ướt thấm cũng là tướng nước, chảy là nghiệp nước.

Hỏi: Trong gió nói tướng nhẹ động. Nhẹ khác, động khác. Nhẹ là thuộc về xúc nhập, động thuộc về sắc động. Nay nên cho cả hai là pháp gió sao?

Đáp: Nhẹ là tướng gió; động là nghiệp gió. Tướng nghiệp hiệp lại nói.

Hỏi: Không có tướng động, vì các pháp niệm niệm diệt, nên chẳng nên chỗ khác. Vì có đến chỗ khác mới gọi là động. Đến, đi, động là đồng một nghĩa vậy?

Đáp: Tôi chỉ cho thế đế nên mới gọi là nghiệp, chứ chẳng phải Đệ-nhất-nghĩa. Nhờ pháp nhẹ này, chỗ khác pháp sanh được gọi là nghiệp. Lúc bấy giờ gọi là đi.

Hỏi: Tướng nhẹ không nhứt định. Tại vì sao? Vì đối-đãi mới có: như vật mười cân, đối với hai mươi cân là nhẹ, với năm cân là nặng?

Đáp: Pháp nặng, pháp lờng, nhờ tâm thấy các pháp đối đãi nhau mà có; như hoặc có pháp đối đãi nên dài; hoặc có pháp đối đãi nên ngắn. Tướng chung là nhờ tâm, nên mới có tướng riêng. Nếu pháp nhẹ vì đối đãi nhau nên không có, thì các điều này cũng lẽ đều không, mà đâu phải vậy. Vậy nên đối đãi nhau chẳng phải chính-nhân. Lại nhẹ chẳng phải đối đãi nhau nên có, vì không thể cân được nên có. Vật không thể cân được như gió trong dây phồng. Vậy nên chẳng phải đối đãi nhau mới có. Chỉ pháp nặng đối đãi nhau, vì không có vật nặng nào mà chẳng cân được.

Hỏi: Nếu chẳng cân được gọi là nhẹ. Vậy thì trừ nặng, còn các pháp sắc thấy, chẳng cân được, đều nên là nhẹ, mà đâu phải thế. Vậy nên ông đã nói chẳng phải là tướng nhẹ?

Đáp: Ý chúng tôi nói lìa sắc thấy, lại không pháp gì khác gọi là nặng. Pháp sắc thấy, hoặc có sinh tính cân được: Như cứng chẳng cứng, sức không sức, mới, cũ, mục chẳng mục, tiêu chẳng tiêu, to mềm thấy, đều chẳng lìa sắc thấy mà có tướng nặng. Cũng như thế, các sắc thấy này hoặc thuộc địa thủy thời cân được; hoặc thuộc phong hỏa thời cân chẳng được.

Hỏi: Nếu sắc nặng chẳng lìa sắc thấy ấy, pháp nhẹ cũng nên chẳng lìa sắc thấy mà có chứ?

Đáp: Nhưng lìa sắc thấy, không riêng có pháp nhẹ. Chỉ có sắc thấy hòa-hiệp là nhẹ.

Hỏi: Chẳng phải vậy. Muốn phân biệt nặng nhẹ, quyết dùng thân căn. Vậy nên nặng nhẹ chẳng phải sắc thấy?

Đáp: Như phân biệt cứng thấy, hoặc dùng mắt, hoặc dùng tai thấy. Vật cứng thấy này chẳng lìa sắc thấy. Nhẹ nặng cũng như thế. Tuy dùng thân căn, trong ấy lại không có tướng gì khác. Lại thân căn chẳng xúc chẳng sinh thân-thức; tướng nặng này tuy thân chưa xúc, mà cũng có thể sinh thức. Như vật nặng tuy dùng vật gói cầm mà cũng biết nó là nặng.

Hỏi: Chẳng phải với lúc bấy giờ biết là tướng nặng?

Đáp: Như người mặc áo tuy chẳng xúc nhau, nhưng cũng được biết họ có sức mạnh hay không. Nhẹ nặng cũng như vậy. Tại vì sao? Vì do các món xúc sinh các món biết nơi thân: như hoặc bởi đờ bám sinh biết cứng mềm; hoặc bởi cử động sinh biết nhẹ nặng; hoặc bởi nắm bắt sinh biết mạnh yếu; hoặc bởi xúc đối sinh biết

lạnh nóng; hoặc bởi vuốt xoa sinh biết rít trơn; hoặc bởi đê lẩn sinh biết cứng yếu; hoặc bởi cắt xéo, hoặc bởi roi gậy sinh biết khác thứ. Hoặc có thứ xúc thường ở trong thân, chẳng như lạnh nóng thấy từ bên ngoài đến, chỗ gọi là: Khoan khoái, mỗi-mệt, chẳng mỗi-mệt, hoặc bị bệnh, hoặc được lành, thân lợi thân độn, biếng nhác, nặng nề, mất tai mờ mịt; đau đầu bịnh chân; rên rỉ nhăn-nhó; đói khát, no nê; thèm muốn, chẳng thèm muốn; mờ ám thấy các món xúc, đều sinh biết khác nhau.

Hỏi: Nếu tướng nhẹ nặng tức trong các sắc thấy ấy, làm sao với trong sắc thấy đem thân thức duyên biết được?

Đáp: Chẳng phải trong các sắc thấy dùng thân-thức duyên biết chỉ trong xúc này, phần ít do thân-thức duyên, như cứng chẳng cứng thấy tuy ở trong các sắc thấy, hoặc dùng mắt thấy được biết. Lại như khoan khoái thấy là do các sắc thấy, nhưng cũng dùng thân-thức phân-biệt. Việc này cũng như vậy.

Hỏi: Nếu nhẹ nặng chỉ là xúc thời có lỗi gì, cần chi phải dùng phân-biệt các sắc thấy làm chi?

Đáp: Như người đòi nói lúa mới lúa cũ. Tướng mới cũ lẽ phải khác sắc thấy, mà thật chẳng phải. Chỉ sắc thấy mới sơ sinh gọi là mới. Nếu tướng mới này là tướng nặng của các sắc thấy thời làm sao chẳng phải ư?

Hỏi: Nếu các sắc thấy tức là nhẹ nặng thấy ấy. Là tướng nhẹ ở trong lửa gió, thời các sắc thấy nhẹ nhiều ưng gọi là gió.

Đáp: Tùy tướng nào nhiều tức gọi là Đại. Trong lửa cũng có tướng nóng nhẹ. Vì nóng nhiều nên gọi là lửa, chớ chẳng lấy nhẹ nhiều mà gọi là lửa được. Trong gió chỉ có nhẹ không nóng. Vậy nên chỉ lấy nhẹ mà gọi. Lại chúng tôi chẳng những lấy nhẹ gọi là gió, mà nếu nhẹ nặng làm nhân cho động, thời cũng gọi là gió. Như trong kinh nói: “Tướng nhẹ động gọi là phong”. Với trong đây tướng nhẹ là gió, động là nghiệp gió.

Hỏi: Gió năng làm sập núi. Nếu là vật nhẹ làm sao sập núi được?

Đáp: Gió bạo mà có sức mạnh, thế lực nó năng như vậy. Như hoặc có gió chi năng động cộng cỏ nhỏ; hoặc năng xô núi sập. Phải biết nghiệp dụng của gió là như thế.

Hỏi: Nay địa thấy các Đại đều là các sắc hương vị xúc, không sai khác ư?

Đáp: Bất nhất định. Như nói trong Địa có sắc hương vị xúc; hoặc chỉ có sắc xúc, như vàng bạc thấy. Hoặc nước có sắc hương vị xúc, hoặc có ba sắc, vị và xúc.

Hoặc trong lửa có sắc hương vị xúc, hoặc có ba thứ sắc hương xúc, hoặc chỉ sắc xúc. Trong gió hoặc có xúc không hương, hoặc có cả hương xúc. Vậy nên bất nhất định.

Hỏi: Phong xúc thế nào?

Đáp: Lạnh nóng cứng mềm yếu thấy các xúc; như tùy Đại nối nhau chẳng rời để biết, tức là Đại xúc.

Hỏi: Có Thầy thuốc bảo sắc gió là đen. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không có gọi lạnh là gió; như băng tuyết có lạnh mà chẳng gọi là gió bao giờ. Lại gió và lạnh tên khác. Tại vì sao? Vì như gió nóng và gió lạnh chẳng nóng, cũng gọi là gió. Vậy nên cần y theo các nhẹ gọi là gió. Lại không sinh pháp sắc xúc thấy gọi là gió, chứ chẳng phải lạnh là gió.

Hỏi: Nếu gió có sắc vị thì có lỗi chi?

Đáp: Sắc vị trong gió không thể có được. Nếu nói tuy có mà vì nhỏ nhiệm quá nên không thể biết được ấy, nhưng trong tâm cũng nên nhớ tướng phân biệt cho là có sắc vị ấy. Thời việc này cũng chẳng phải lẽ. Lại chúng tôi chẳng nói trong nhân có quả. Vậy nên nếu việc trong quả khá được, thời bất tất trong nhân trước có. Đây gọi là thành lập tứ đại thật.

PHẨM CĂN GIẢ-DANH THỨ 45

Hỏi: Mắt thấy các căn cùng tứ-đại là một hay khác?

Đáp: Do nghiệp nhân duyên tứ-đại thành mắt thấy các căn. Vậy nên chẳng khác tứ-đại. Lại Phật phân biệt mắt nói như thế này: “Hình thịt trong mắt có bao nhiêu cứng nung cứng gọi là địa chủng”. Vậy nên biết có căn tức là tứ-đại. Tại vì sao? Vì chia riêng cứng thấy ra lại không có mắt. Vì Phật muốn khiến người đời biết trông mắt trông không, nên mới nói như vậy. Nếu chẳng phải thế, lẽ phải trong mắt riêng có cứng thấy; hoặc trong cứng thấy riêng có mắt? Tùy có phân chia cứng thấy, cũng không ích gì. Vậy nên các căn chẳng khác tứ-đại. Lại như trong kinh Lục-chủng nói: “Sáu món là người”. Nếu các căn khác tứ-đại, thời mắt thấy chẳng gọi nhân-duyên thành người. Chỉ trong sáu món giả-danh là người. Bởi sắc thấy thành tứ-đại; thanh cũng là nhân duyên thành người.. Chỉ trong sáu món nhân duyên thành người. Cho nên biết các căn chẳng khác tứ-đại. Lại có Tỳ-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: “Bởi tứ-đại thành sắc, chẳng khá thấy mà có đối, đây là mắt”. Vậy nên biết chẳng khác tứ-đại. Tỳ-kheo này có lợi căn trí-huệ, nên

đôi với mắt thấy các căn rất sinh lòng nghi: người đời đều thấy biết sắc là mắt, cho đến cũng biết xúc là thân. Tỳ-kheo này với trong mắt thấy sinh nghi là có hay không? tại vì sao? Vì hoặc có các Luận sư nói năm tính là năm căn; hoặc nói một tính. Tỳ-kheo này muốn thử xem Phật-Pháp nói ra sao, nên mới hỏi Phật. Phật muốn chỉ rõ năm căn đều thuộc tứ-đại, nên mới đáp nói Tỳ-kheo rằng mắt này nhân tứ-đại sở thành sắc, chẳng khác thấy mà có đôi. Nếu pháp có thật thời chẳng phải nhân thành: Nhân pháp giả-danh, lại thành giả-danh, như nhân cây thành rừng.

Hỏi: Hoặc có người nói sắc thành tựu gọi là mắt. Sự thật thế nào?

Đáp: Hoặc thành-tựu hay chẳng thành-tựu, tứ-đại do nghiệp nhân mà sinh gọi là mắt thấy các căn. Nếu chẳng phải vậy, là nghi Tỳ-kheo này trong mắt thấy các căn trọn không thể dứt được. Tại vì sao. Là Phật vì nói mắt thấy các căn nhân tứ-đại tạo. Vậy nên Tỳ-kheo này biết mắt không có thật pháp. Cho nên biết mắt thấy chẳng khác tứ-đại. Lại nhiều chỗ Phật phân-biệt tứ-đại chỉ rõ mắt trông không vậy. Như nói dùng huệ chẳng hí luận ấy nghĩa là quán thân này phân-biệt sáu món: Cứng và nương cứng gọi là Địa thấy. Như vậy nhằm lia năm món, chỉ có một Thức. Cũng như trong kinh nói thí dụ giết trâu, dụ voi bước đi để phân biệt tứ-đại, lại không có mắt. Nếu riêng có mắt, lẽ nên phân biệt nữa. Lại như các vị Luận sư Hòa Ta thấy cũng đều nói như thế đó, vì không có lỗi vậy. Nên phải tin chịu.

Hỏi: Năm căn khác với tứ-đại. Tại vì sao? Vì mắt thấy nhiếp thuộc về nhãn đẳng nhập, tứ-đại nhiếp thuộc về xúc nhập. Lại mắt thấy là nội nhập, tứ-đại là ngoại nhập. Mắt thấy là căn, tứ-đại phi-căn. Lại mắt thấy là do tạo sắc thành-tựu, tứ-đại chẳng phải vậy. Cho nên biết các căn chẳng phải là tứ-đại?

Đáp: Tùy theo nhân duyên, tức nơi sự việc nên nói khác. Như tín thấy năm căn cũng gọi là hành ấm. Nên tứ-đại do nghiệp sinh nhiếp về nhãn đẳng cũng gọi là nội nhập, cũng gọi là căn. Lại tứ-đại tức là thành-tựu, như bánh thấy thành xe, bánh tức là xe. Việc này cũng vậy.

Hỏi: Chẳng phải vậy. Như tâm thanh tịnh gọi là tín. Tín khác với tâm, việc này cũng vậy?

Đáp: Chẳng phải vậy. Như nhờ ngọc thanh-thủy; thủy tức là nước trong sạch; trong sạch tức là nước. Như vậy được ngọc tín-châu, thời ao tâm trong sạch; tâm này sạch tức là tâm. Lại đối với trong luận này chúng tôi chẳng nói do tâm có lòng tin khác. Vậy nên thí dụ này chẳng nhằm vậy. Lại căn là giả-danh, với nhân thành giả-danh chẳng nói khác.

Hỏi: Cũng chẳng được nói một?

Đáp: Trong tứ-đại thành-tựu giả-danh là căn cũng chẳng gọi tứ-đại là căn. Cho nên biết các căn chẳng khác tứ-đại.

PHẨM PHÂN BIỆT CĂN THỨ 46

Hỏi: Trong các căn này Đại nào nhiều hơn?

Đáp: Không có đại nào nhiều?

Hỏi: Nếu các Đại đồng nhau, có sau có kẻ năng thấy sắc, có kẻ chẳng thấy?

Đáp: Đều do nghiệp sinh; do nghiệp sinh thuộc về mắt, sức tứ-đại năng thấy sắc, các căn kia cũng vậy.

Hỏi: Nếu do nghiệp sinh, có sao chẳng lấy một căn khắp biết các trần?

Đáp: Nghiệp này có năm món sai khác: Có nghiệp năng làm nhân thấy, như bố-thí đèn đuốc, được quả báo nhãn căn. Thanh thấy cũng vậy. Vì nghiệp sai khác, nên sức căn cũng khác.

Hỏi: Nếu là sức nghiệp, cần gì nhờ các căn; chỉ cần do sức nghiệp, thì thức năng lấy các trần?

Đáp: Chẳng phải vậy. Hiện thấy không căn thì thức chẳng sinh. Tại vì sao? Vì như kẻ mù chẳng thấy, kẻ điếc chẳng nghe. Trong việc hiện thấy nhân-duyên vô dụng. Đây chẳng phải nạn vấn vậy. Lại pháp lẽ là như vậy, nếu không các căn, thời thức chẳng sinh. Ngoại trừ tứ-đại thấy, không căn chẳng sinh. Pháp lẽ phải nhờ đây. Lại các căn còn là trang nghiêm thân chúng sinh nữa, cho nên do nghiệp mà sinh. Như vì nghiệp nhân-duyên được lúa, nên lúa sinh; mà cũng nhờ hạt giống rồi mộng, cọng, nhánh, lá thứ lớp mà sinh. Thì việc này cũng vậy.

Hỏi: Có sao tâm chẳng phải vậy? Như nhãn-thức lấy nhãn làm căn, cũng do diệt tâm thứ lớp; tâm chỉ lấy thứ lớp diệt tâm làm căn, lại không chỗ ở như nhãn thấy các căn, cần phải nói lý do?

Đáp: Nhất định có năm trần, nhất định có năm thức, tâm chẳng phải như vậy. Lại tâm pháp lẽ phải như vậy, chỉ do thứ lớp diệt tâm làm căn, lại chẳng cần thứ gì khác. Như pháp quá-khứ vị-lai tuy không mà ý năng duyên, tâm pháp cũng như thế. Việc này cũng như thế. Lại việc này cũng đồng với pháp người. Trong pháp người sắc thấy các trần, thức đợi căn mới sinh; đợi thứ lớp diệt tâm, ý thức mới sinh được.

Hỏi: Nếu ý-thức mà không căn ấy, thời nương vào chỗ nào?

Đáp: Nương thân tứ đại.

Hỏi: Cõi vô sắc lại nương ở đâu?

Đáp: Thức ở cõi vô sắc không chỗ nương. Pháp lẽ như vậy, không nương mà trụ. Tại vì sao? Vì căn sai khác, nên ý-thức năng biết có không. Nếu có sắc thì nương, không sắc cũng vẫn năng trụ. Lại các duyên hòa-hợp nên thức mới sinh. Như trong kinh nói: “Nhân ý duyên pháp thời ý thức sinh”. Đây nương chỗ nào đâu? Đâu phải như người nương vách thầy. Tất cả các pháp đều trụ tự tính.

PHẨM CĂN TỨ-ĐẠI ĐỒNG NHAU THỨ 47

Hỏi: Các ông ngoại-đạo nói năm căn do năm Đại sinh. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không phải vậy được. Tại vì sao? Vì hư không là không có vậy, việc này đã nói rõ. Vậy nên chẳng do năm Đại sinh được.

Hỏi: Các ngoại đạo nói trong mắt hỏa-đại nhiều. Tại vì sao? Vì giống nghiệp nhân vậy. Nhân bố-thí ánh sáng nên được quả-báo mắt. Như trong kinh nói: “Thí áo được sắc, thí ăn được sức, thí xe được vui và thí đèn được mắt.” Vậy nên trong mắt hỏa-đại nhiều. Lại mắt nhờ sáng mới hay thấy, rời sáng thì chẳng thấy. Cho nên biết hỏa đại nhiều. Lại lửa năng soi xa, vì trong mắt có ánh sáng nên năng xa đối sắc. Lại nói người chết mắt về lại mắt nhật. Cho nên nhật là bản tính. Lại mắt nhất định năng thấy sắc, vì sắc thuộc Hỏa nên thấy lại tự tính. Như thế hư không, Địa, Thủy và Phong thấy, tùy theo căn mà lệch nhiều. Người chết nhĩ căn trở về với hư không; tai nhất định năng nghe tiếng, tiếng thuộc hư không. Các căn khác cũng như vậy. Vậy nên các Đại trong căn, lẽ phải có nhiều ít?

Đáp: Người nói giống nghiệp ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì hoặc thấy có quả chẳng giống nghiệp nhân. Như nói bố thí ăn được năm việc quả-báo. Lại như trong mắt sáng nhiều, thời lẽ ra chẳng nhờ sáng bên ngoài như đèn đuốc thấy. Lại như vì mắt nhờ sáng bên ngoài nên gọi hỏa nhiều ấy. Thời trong tay thấy các căn, hư không thấy cũng nên nhiều, chẳng cần nhờ hư không bên ngoài thấy. Mà thật phải nhờ ngoài. Vậy nên lời người nói là phi nhân. Lại nước năng làm lợi ích mắt, như người rửa mắt, mắt liền sáng tỏ, thời lẽ phải nước nhiều? Lại hỏa năng làm suy mắt, như ánh sáng mặt nhật chẳng hạn. Nếu là tự tính, chẳng nên tự hại. Nên biết chẳng phải trong mắt hỏa nhiều vậy. Lại thiên nhãn lià sáng cũng năng thấy sắc. Vậy nên mắt chẳng phải thuộc hỏa. Lại ánh sáng trong mắt nguyệt cũng được thấy sắc. Nguyệt chẳng phải hỏa tính. Lại nhãn pháp năng như thế. Hoặc có

mắt đọi sáng mới năng thấy, có mắt chẳng đọi sáng vẫn thấy: Như mắt đợc nhân duyên hư không thấy tuy chẳng đến sắc mà năng thấy xa. Nhân pháp là như thế. Chẳng nên nhớ tưởng phân biệt gọi hỏa đại nhiều. Lại người nói lia sáng thời chẳng thấy ấy. Nếu lia hư không, nhớ nghĩ và sắc thời cũng chẳng thấy đợc. Vậy thời hư không thấy lẽ cũng đều nhiều? Lại chẳng phải tất cả mắt đều nhờ sáng bên ngoài, như loại chim cú-vọ, cú mèo thấy loại thú mèo chồn thấy chẳng nhờ ánh sáng bên ngoài cũng vẫn thấy đợc. Nên chẳng phải hỏa nhiều. Lại hỏa là soi sáng thường có tướng nóng, mắt đâu phải như vậy? Nếu người nói mắt có ánh sáng năng xa đỏi với sắc. Việc này đã bị phá, vì mắt không có ánh sáng vậy. Nếu nói trở về mặt Nhật thời mắt là thường? Lại Nhật thấy chẳng phải là căn, mắt làm sao về đợc. Lại như mặt Nhật chết thời Nhật căn và Nhật lại về chỗ nào? Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại nữa, khi ở trên trời chết, mắt về chỗ nào? Vì trên ấy không có mặt Nhật. Lại hư-không là vô-tác, thời chỗ đâu mà về? Lại các căn không đi, vì pháp hữu vi diệt từng niệm niệm một vậy. Lại như người nói “mắt nhất định năng thấy sắc, vì sắc thuộc hỏa trở lại thấy tự tính”. Việc này chẳng phải lẽ, vì là nhân vô dụng. Tiếng thuộc hư-không thấy cũng như vậy. Vậy người nói với trong năm căn các Đại lệch nhiều. Việc này đã bị phá.

Hỏi: Có luận sư nói: Mỗi căn mỗi tính, vì trong Địa nhiều cầu-na tức nương dựa. Có hương năng phát ra biết hương. Trong Thủy, Hỏa, Phong, vì có vị, sắc và xúc nên năng phát ra biết vị sắc xúc. Sự thật như thế nào?

Đáp: Tôi trước đã nói bất-nhất-định. Trong Địa có hương các vật khác cũng có. Vậy nên là phi nhân. Lại các Đại hiệp lại sinh, chẳng thấy có Địa là Thủy thấy. Nếu vì Địa có hương nên năng phát ra biết hương, lẽ cũng phát ra biết sắc thấy, vì trong Địa có đủ bốn cầu na vậy.

Hỏi: Hương chỉ là Địa vì có mũi thuộc Địa nên xúc là năng biết hương?

Đáp: Cầu-na trong địa chỉ là địa. Có mũi lẽ nên biết hết các thứ. Lại nước chỉ có xúc lạnh, lửa chỉ có xúc nóng, lẽ nên lấy lưỡi mắt năng biết, mà thật chẳng có vậy. Lại vì không có đà-la-phiêu tức địa thấy 9 món thời không có căn. Lại lực dụng các căn là cùng với trần hiệp lại mới sinh biết. Hòa hiệp đã bị phá thời không căn dụng. Vậy nên không có một tính là một căn.

PHẨM CĂN VÔ-TRI THỨ 48

Hỏi: Cắn căn là đến trần nên biết hay chẳng đến mà biết đợc?

Đáp: Chẳng phải cắn biết đợc. Tại vì sao? Vì nếu cắn năng biết trần thì nên đồng thời biết hết các trần, mà thật không thể đợc. Cho nên do Thức mới năng biết.

Trong ý người hoặc bảo “Căn đợi thức chung biết, vì căn chẳng rời thức mà biết” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì không có một pháp nào đợi các pháp khác mới có sở-tác vậy. Nếu mắt năng biết cần gì đợi thức. Lại như căn năng biết, thời cần nên phân biệt: Đây là căn-nghiệp, đây là thức-nghiệp.

Hỏi: Soi là căn-nghiệp, biết là thức-nghiệp?

Đáp: Đấy chẳng phải phân biệt được thế nào là soi. Trong pháp người Tai thấy các căn chẳng phải hỏa tính, nên chẳng hay soi được. Nếu các căn với thức như đèn nên các căn lại được có soi ấy, như đèn có soi lại có soi nữa. Như vậy vô cùng. Nếu lại không soi ấy chỉ căn năng soi; cũng nên không căn, chỉ thức năng biết. Vậy nên soi chẳng phải căn nghiệp. Lại căn chẳng phải năng biết; như đèn năng soi mà chẳng năng biết; quyết năng làm chỗ nương cho thức, mới gọi là căn nghiệp. Vậy nên chỉ thức mới năng biết chớ chẳng phải các căn vậy. Nếu có thức thời biết, không thức thời chẳng biết. Như có lửa thời nóng, không lửa thời không nóng. Phải biết do lửa có nóng.

Hỏi: Trong kinh nói: “Dùng mắt thấy sắc, chẳng nên lấy tướng. Tai thấy cũng vậy.” Cho nên biết mắt năng lấy sắc. Lại mắt thấy gọi là căn, nếu nó chẳng năng biết sao gọi là căn? Lại trong kinh nói: “Các Đệ-tử Ta, với việc nhỏ nhiệm năng biết như mắt xem thấy”. Nếu mắt chẳng năng thấy, thời các đệ tử Phật không thấy gì cả. Việc này không thể được. Vậy nên các căn nhất định năng lấy trần. Lại vì căn lấy trần do thức phân biệt; Vậy thì căn thức khác nhau?

Đáp: Trong kinh Phật tự nói: “Mắt là cửa vì làm cho thấy sắc vậy”. Vậy nên mắt chẳng thấy sắc được, vì mắt là cửa, thức ở trong thấy ra, mới nói mắt thấy.

Hỏi: Cũng nói ý là cửa, vì biết pháp vậy. Nên lấy ý làm cửa, mà nó chẳng phải biết sao?

Đáp: Ý cũng do thứ lớp diệt tâm làm cửa. Vậy nên Ý chẳng năng biết, ý-thức mới năng biết. Lại trong kinh Phật nói: “Mắt muốn sắc đẹp”. Mắt tức là sắc pháp vì không phân biệt, nên không phân biệt, nên thật chẳng biết muốn, thức mới là muốn vậy. Lại như Phật nói: “Sắc là bị biết của mắt”. Thức mới năng biết sắc, mắt thật chẳng biết. Lại người thế-gian, vì thế tục nên mới nói mắt hay thấy, tai hay nghe, Phật cũng nói theo. Tại sao? Chỉ sắc khá thấy, kỳ dự chẳng khá thấy. Phật cũng nói thấy lỗi tham dục thấy. Lại người đời nói hết thảy, Phật cũng nói theo. Như người nghèo cùng mà đặt tên là Phú-Quý, Phật cũng gọi theo. Ý Phật chẳng muốn tranh cãi với người đời, như Ma-già-la mẫu thầy. Vậy nên phải biết đó là tùy theo thế tục ngôn-ngữ, vậy nên Phật mới nói mắt thấy.

Hỏi: Vì sao người đời nói những lời như vậy?

Đáp: Tùy sở nhân mắt biết; với trong nhân này nói gọi là thấy. Như nói người kia thấy, người này thấy. Như nói người làm tội phước thấy, vì Đức Phật và các Thiên thần thấy. Như nói do mắt bên tả thấy, mắt bên hữu thấy. Lại nói do mặt trời sáng thấy, mặt trăng sáng thấy; hoặc hư-không thấy; hoặc xoay vào trong thấy, hoặc trong cửa nom ra thấy. Như trong việc nấu vật nói: Người này nấu, người kia nấu; hoặc nói lấy củ củi cây nấu, phân trâu nấu, dầu nấu, bơ nấu, lửa nấu, mặt trời nấu. Sự thật là lửa nấu, các vật kia nướng nhờ được tên vật thôi. Như vậy chỉ có thức năng thấy, mà mắt được hưởng tên. Lại đây là lời bất tận ngữ, lẽ phải nói do cửa mắt thấy sắc. Lại mắt là đồ dụng cụ của người, người là giả-danh tác giả cần có dụng cụ. Lại nhờ nhãn-thức mà thấy, gọi là mắt thấy: Như người ngồi trên giường cười gọi là giường cười. Lại vì mắt buộc nghiệp thức nên trong ấy nói thức nghiệp: Như tay chân thấy buộc ở nơi người, nghiệp ở trong người gọi là nghiệp tay. Lại nhãn thức làm nhân cho mắt, trong nhân nói quả: như nói người nào đó đốt xóm làng nào đó. Như nói ăn vàng, gọi vàng là mạng. Cỏ là trâu dê. Đều là trong nhân nói quả. Như vậy do mắt sinh thức, vì năng thấy sắc nên gọi là mắt thấy. Lại thức gần mắt thấy sắc bèn gọi mắt thấy; như lửa trâu gần nước bèn gọi trâu ở nước. Lại vì mắt nên mới phân biệt nhãn-thức. Vậy nên trong mắt giảm bớt nhãn thức nghiệp, như gây Bà-la-môn. Lại mắt năng thành nhãn thức, cho nên với trong ấy nói nhãn thức nghiệp, cũng như tổn hao của vật mà gọi người tổn hao; của vật tăng trưởng, mà gọi người tăng trưởng. Lại nhãn thức cùng với mắt hòa hiệp, cho nên năng thấy gọi là mắt thấy. Như cây cùng người mà năng đánh, gọi là cây người đánh. Như màu đen hiệp nhuộm áo, nên gọi là áo đen. Lại các pháp thay đổi nhau mà nói, như nói huệ nghiệp với trong thọ thấy. Lại nên nói do nhãn thức thấy sắc vì trong lời nói bớt vậy nên chỉ nói mắt thấy. Lại như vị được thạch tùy lãnh một tên.

Người nói nên chẳng năng thấy sao gọi là căn. Nay sẽ đáp: Mắt thấy năm pháp này hơn các sắc thấy nên gọi là căn.

Hỏi: Mắt thấy năm pháp cùng các sắc thấy là mười pháp này đều chẳng biết trần, như lìa mắt thấy thời thức chẳng sinh, hoặc lìa sắc thấy, thức cũng chẳng sinh, thời có gì gọi là hơn?

Đáp: Vì các căn nên thức có sai khác, gọi nhãn-thức nhĩ-thức thấy, như trống cùng dùi hiệp đánh mà có tiếng, vì trống thắng hơn nên gọi tiếng trống; như đất cùng lúa thấy hiệp mà sinh ruộng, vì lúa thắng hơn nên gọi ruộng lúa. Các thức cũng vậy. Tùy nơi chỗ nương, được tên sai khác, chẳng vì cảnh duyên mà hoặc gọi sắc-thức thời dễ sinh nghi: đây là nhãn-thức? hay là ý-thức? hay là ý-thức duyên-sắc? Lại trong căn có thức, trong trần không thức. Lại đối với trong mắt thấy sinh tâm ngã-

si. Lại chỗ bị thương của thức là căn chứ chẳng phải trần. Lại ở trong danh-số của tự thân là gọi căn cứ chứ chẳng phải gọi trần. Lại sở-dụng-cụ của người là căn chứ chẳng phải trần. Lại căn là chúng-sinh-số chứ chẳng phải trần. Lại căn chẳng thông lợi thời thức chẳng sáng tỏ; nếu căn thanh-tịnh thời thức sáng suốt. Lại vì các căn có thượng, trung, hạ, nên thức cũng tùy theo mà có sai khác. Vì các lý do này nên gọi là thắng hơn.

Lại căn là chẳng chung, chứ một trần khá được nhiều người chung sở-hữu. Lại căn và thức là một nghiệp quả báo, chứ trần chẳng phải như vậy. Lại căn là nhân, trần là duyên. Tại vì sao? Vì căn khác nên thức mới có sai biệt, chứ chẳng bởi trần vậy; Như giống là nhân, đất thầy là duyên, tùy giống khác nên mới có sai khác. Vì nhân thắng hơn duyên, nên được gọi là căn. Người dẫn nói “Đệ-tử ta với việc nhỏ nhiệm, như mắt xem thấy”. Đây là lời nói tùy tục. Vì người đời nói trong mắt thấy, nên mới nói như mắt xem thấy. Như Phật nói kệ: Minh-đạt gần trí, như lưỡi biết Vị; lưỡi tuy chẳng biết, chẳng đồng gạo bầu. Ý nói nương nơi lưỡi sinh thiệt thức nên mới nói lưỡi biết vị; nương nơi mắt sinh nhãn thức gọi là mắt thấy. Cho nên nói đệ-tử Phật như mắt xem thấy.

Người nói do căn lấy trần, nhờ thức phân-biệt. Việc này đã đáp, vì căn là vô tri vậy. Lại các người cũng chẳng nói căn suy nghĩ biết ngã có tướng sai khác. Vậy nên các căn không thể lấy trần. Lại biết của các người chẳng đợi căn sinh. Tại vì sao? Vì Đại và Ngã thấy, trước có căn mà sau sinh. Lại các Đại các Đế của các người, vì không Bôn-tính vậy, thời lẽ ra đều không có. Bôn-tính của pháp người, biết làm Đại thấy, bôn-tính là pháp không có. Việc này đã nói. Vậy thời không căn.

PHẨM CĂN HIỆP LY THỨ 49

Hỏi: Ông nói Thức năng biết chứ chẳng phải căn biết. Việc này đã thành. Nay vì là căn trần hiệp nên thức sinh, hay là ly mà sinh ư?

Đáp: Nhãn thức chẳng đợi đến mới biết trần. Tại vì sao? Vì trăng thấy vật xa, cũng khá thấy được; sắc trắng chẳng phải rời trắng mà đi đến. Lại nhờ trống và sáng nên thấy được sắc. Nếu mắt đến sắc thời chặn giữa trống không và sáng như mắt bị đắp miếng thuốc, thời mắt chẳng thấy được. Phải biết nhãn-thức chẳng đến mà biết. Nhĩ-thức hai thứ: hoặc đến nên biết hoặc chẳng đến mà cũng biết.; tai, tiếng kêu do đến nên biết, tiếng sấm chẳng đến mà cũng biết. Còn ba thứ kia đều đến căn mới biết. Tại vì sao? Vì hiện thấy ba thức này căn với trần hòa hiệp mới có thể biết được. Ý-căn vì không sắc nên không đến mà biết vì không chỗ nào chẳng đến.

Hỏi: Ông nói nhãn-thức chẳng đến mà biết. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong mắt có ánh sáng; ánh sáng này năng đi thấy sắc. Ánh sáng là vật lửa. Mắt do

lửa sinh. Vì lửa có ánh sáng vậy. Lại nếu chẳng đến năng thấy, sao chẳng thấy tất cả sắc u? Vì nhãn-quang đi bị có ngăn ngại chẳng khắp đến nên chẳng thấy tất cả. Lại trong kinh nói: “Ba việc hòa hiệp nên gọi là xúc”. Nếu chẳng đến làm sao hòa- hiệp. Lại vì năm căn đều là hữu-đối, bởi trần ngăn ngại nên gọi hữu-đối. Trong mũi hương trong lưỡi vị, trong thân xúc, trong mắt sắc và trong tai tiếng nên chẳng đến thời không ngăn ngại. Lại hiện tại biết sinh trong năm trần. Vậy nên năm thức đến mới năng biết. Nếu chẳng đến năng biết, cũng nên biết sắc quá-khứ vị-lai, mà thật chẳng biết. Lại do nhiều duyên hiệp lại nên biết mới sinh. Vậy nên nhãn-quang đi hiệp cùng trần, vì nhãn-quang đến sắc nên gọi là hòa-hiệp. Tiếng cũng vì đến tai nên mới nghe. Tại vì sao? Vì người ở chỗ xa, nói nhỏ thời chẳng nghe. Nếu tiếng như sắc chẳng đến mà biết, thời nói nhỏ tiếng, đáng lẽ cũng nghe được, mà thật chẳng nghe. Cho nên biết vì đến mới nghe, thời không có xa gần. Lại tiếng vì bị vách ngăn, thời chẳng nghe được. Nếu chẳng đến cũng nghe dù bị ngăn lẽ cũng nghe được. Lại tiếng nghe xa, thời chẳng rõ. Nếu chẳng đến mà nghe, thời không sai khác; Vì đến tai nên có sai khác. Cho nên biết tiếng tầm có đến nên mới nghe được. Lại tiếng thuận gió thời nghe rõ, nghịch gió chẳng rõ. Vậy nên biết có đến mới nghe được. Lại tiếng khá nghe trọn; nếu chẳng đến mà nghe, thời nghe chẳng trọn, như sắc chẳng đến mà thấy nên thấy chẳng trọn. Vậy mới biết tiếng chẳng đồng như sắc. Nếu chẳng đến vẫn nghe là đồng với sắc. Như sắc thấy được một phần, thứ khác cũng đợi có sáng mới thấy. Tiếng lẽ cũng như vậy, mà thật chẳng phải thế. Vậy nên chẳng đến chẳng nghe.

Ông nói tay thấy căn-trần chẳng đến mà biết. Việc này chẳng phải lẽ. Thanh, hương, vị và xúc, lẽ phải đi đến căn nếu khiến căn đi, việc này chẳng phải lẽ. Vì tai thấy căn không có ánh sáng, chỉ một hỏa-đại có ánh sáng vậy nên chẳng đi. Lại tiếng hoặc bị vật dày đục và nước thủy ngăn, tai cũng vẫn nghe được. Nếu căn có ánh sáng thì không thể như vậy được. Cho nên biết nhĩ-căn không có ánh sáng. Lại tai với trong tối cũng biết trần được. Nếu căn có ánh sáng thời tối không thể biết được. Lại như căn có ánh sáng thời tối không thể biết được. Lại như căn có ánh sáng, đợi phương mới biết, thấy được một phương, không thể đồng thời biết hết các phương; như người hướng về đông, thời thấy sắc phương đông, chẳng thấy các phương khác được. Lại nói ý năng đi, vậy nên đến trần mới biết được. Như trong kinh nói: “Tâm này riêng đi xa vời, ẩn tàng không hình”. Lại tâm này tản đi như ánh sáng mặt trời soi. Lại tâm này thường động, như cá mất nước. Lại tâm này vốn theo ý hành thấy. Vậy nên sáu trần đều đến mới năng biết?

Đáp: Người nói ánh sáng đi đến, việc này chẳng phải lẽ, Tại vì sao? Vì như người thấy xa thấy gốc cây trụ, nghi cho là người. Nên ánh sáng đến, đâu có sinh nghi. Lại như rất gần mắt thời chẳng thấy được, như mắt đập miếng thuốc thời đâu thấy được. Dù cho ánh sáng đi, vì rất gần nên cũng chẳng thấy gì được. Lại mắt rời sáng

thời không thể thấy, rất gần thời mất sáng. Lại nếu ánh sáng đến kia, có sao thấy vật lớn mà chẳng thấy vật nhỏ? Lại trong thấy sắc còn có phương hướng sai khác, nghĩa là sắc phương đông, phương tây, cũng có xa gần sai khác nữa. Nếu mắt đến mới biết, thời không sai khác. Tại vì sao? Vì trong hương, vị và xúc, không có sai khác kia mà. Vậy nên ánh sáng mắt chẳng đến mà biết. Lại ánh sáng mắt nếu đã thấy trước thì cần gì phải đi? Nếu trước chẳng thấy thời đi đến chỗ nào? Lại sắc gần sắc xa đồng thời đều thấy pháp đi lẽ không thể như vậy được. Cho nên ánh sáng mắt chẳng đi. Lại như ánh sáng đi, giữa đường lẽ phải thấy các sắc, mà thật chẳng thấy, nên biết chẳng đi. Lại ánh sáng đi, sáng ấy phải lìa thân, thời chẳng gọi là căn, như ngón tay dứt lìa thân, thời không còn cảm giác thân. Lại chẳng thấy có mắt nào hay bỏ chỗ nương của nó, vì không có giống loại thời chẳng phải chỗ nương. Lại ánh sáng mắt này không thể thấy gì thời là không có.

Hỏi: Mắt này có ánh sáng, nhưng vì bị ánh sáng mặt trời làm chói nên chẳng thấy, như các ngôi sao trong ánh sáng mặt trời không thể hiện được.

Đáp: Nếu như vậy ban đêm thời lẽ phải thấy chứ?

Hỏi: Sắc pháp cần nhờ sáng bên ngoài mới có thể thấy được đêm không có ánh sáng ngoài, sở dĩ không thấy.

Đáp: Nếu ánh sáng này ngày đêm đều chẳng khá được, vậy thời trọn không thấy rồi.

Hỏi: Mèo, chồn, chuột thấy và các loại trùng đi đêm, ánh sáng mắt nó khá thấy mà?

Đáp: Sắc khá thấy này trụ ở trong mắt mèo thấy, như sắc sáng trùng đom đóm là ở tại thân, chứ chẳng phải ánh-sáng vậy.. Lại như trùng đi đêm trong tối nó hay thấy mà người chẳng thấy được. Vậy thời chỉ các loài ấy có ánh sáng, các vật khác không có. Lẽ của pháp tự-nhiên là vậy. Lại người nói: “Nếu chẳng đến năng thấy, lẽ phải thấy tất cả sắc” ấy. Nếu sắc ở trong cảnh bị biết, thời là thấy được. Như trong kinh nói: “Nếu mắt chẳng hư, sắc ở cảnh biết, như vậy thì thấy”.

Hỏi: Thế nào gọi là cảnh biết?

Đáp: Tùy theo lúc sắc và mắt hiệp lại gọi là cảnh biết.

Hỏi: Nếu mắt chẳng đến, đâu có lúc hiệp?

Đáp: Việc này cũng đồng như người nói mắt đi đến sắc; hoặc có năng thấy, hoặc chẳng năng thấy: như mắt đi đến mặt nhật năng thấy vàng nhật mà chẳng thấy nhật

nghiệp. Tôi cũng nói như vậy; mắt tuy chẳng đi nếu sắc ở trong cảnh biết vậy là năng thấy, nếu chẳng ở cảnh biết thì chẳng thấy được.

Hỏi: Ánh mắt đi xa, vì thế lực cùng tốt nên chẳng thấy nhật nghiệp?

Đáp: Nếu vì thế cùng tốt, nên chẳng thấy nghiệp nhỏ ấy, chứ vàng nhật lượng to, tại sao chẳng thấy? Việc này chẳng phải lẽ. Lại nếu ánh sáng đến kia năng thấy ấy, có sao xa thấy vàng nhật mà chẳng thấy các làng nước gần Ba-liên-phát ư? Nếu trong ý người cho rằng các làng Ba-liên-phát thấy chẳng ở cảnh biết nên chẳng thấy ấy, thì tôi cũng cho mắt chẳng đến, cũng vì sắc chẳng ở cảnh biết cho nên chẳng thấy được.

Hỏi: Đã hiểu các sắc ở cảnh biết nên mới thấy. Nay tại vì sao thấy được và tại sao chẳng thấy được?

Đáp: Vì đời ngắn nên chẳng thấy, như sắc quá-khứ vị-lai; vì chói quá nên chẳng thấy, như ánh sáng mặt nhật che các ngôi tinh tú và các ánh sáng ngọc lửa thủy; vì chẳng hiển-hiện nên chẳng thấy được. Vì cõi hơn nên chẳng thấy, như mắt Sơ-thiên chẳng thấy mắt Nhị thiên. Vì tối ngắn nên chẳng thấy, như tối trong bình. Vì thân lực nên chẳng thấy, như thân các loài quý. Vì dày đục nên chẳng thấy như sắc bên kia núi. Vì xa nên chẳng thấy, như các thế giới; vì rất gần nên chẳng thấy, như tự nhắm mắt; vì thứ lớp chưa đến nên chẳng thấy, như vi-trần trong ánh sáng thấy được, ngoài sáng thì chẳng thấy. Vì nhỏ nhiệm nên chẳng thấy, như góc cây trụ giống người chẳng phân biệt được. Vì giống nhau nhiều nên chẳng thấy, như trộn một hạt gạo vào trong đồng gạo lớn; Và như một con chim bay vào trong bầy chim. Trái lại với trên thì gọi là ở trong cảnh bị biết.

Hỏi: Sao là gọi mắt hư?

Đáp: Gió, nóng, lạnh thủy các bệnh làm hư: Như vì gió hư mắt thời thấy các sắc xanh đen xoay quanh; nếu vì nóng hư mắt thời thấy các sắc vàng đỏ lửa hừng; nếu vì lạnh hư mắt thời thấy nước ao nhiều sắc trắng, nếu như nhọc hư mắt thời thấy các góc cây lay động; mệt mỏi hư mắt thời thấy sắc chẳng rõ. Dem tay dụi vào một mắt thời thấy hai trắng. Bị các loài Quỷ bắt thời thấy việc quái lạ. Vì sức tội nghiệp thời thấy ác sắc. Vì sức phước nghiệp thời thấy sắc tịnh diệu. Vì khí nóng hư mắt thì thấy các sắc đỏ hừng. Lại vì chúng-sinh được mắt chẳng hoàn-toàn nên thấy chẳng đầy đủ. Lại mắt sinh da mù che nên chẳng rấy. Hoặc căn mắt hư nên chẳng thấy. Đây gọi là mắt hư. Với trái lại trên, gọi là chẳng hư. Tai thủy các căn cũng cần theo nghĩa này mà phân biệt.

Hỏi: Đã hiểu năm trần ở trong cảnh bị biết mới biết được. Pháp trần thế nào gọi chẳng ở cảnh biết?

Đáp: Vì Bực trên nên chẳng biết, như tâm kẻ sơ-thiền chẳng biết pháp Nhi-thiền trở lên; vì căn thù-thắng nên chẳng biết, như tâm kẻ độn-căn chẳng biết pháp trong tâm kẻ lợi-căn: vì người thù thắng nên chẳng biết, như Tu-Đà-Hoàn chẳng biết pháp trong tâm Tu-Đà-Hàm. Lực có sai khác nên chẳng biết, như có ý-thức mà vô-lực đối với Pháp ấy, bởi vì ý-thức chẳng biết pháp này; như nhiếp-tâm thời ý-thức biết đối với pháp ấy, bởi vì ý thức chẳng biết pháp này; như nhiếp tâm thời ý thức biết được pháp; loạn tâm ý thức không thể biết được. Như ý-thức Bích-Chi-Phật biết được pháp, mà ý-thức Thanh-Văn không thể biết được; ý-lực Phật biết được pháp, mà ý-lực Thanh-Văn và Bích-Chi-Phật không thể biết được. Như pháp thượng phẩm, ý thức hạ phẩm không thể biết được. Lại vì pháp trần nhỏ nhiệm nên không thể biết được, như trong A-Tì-Đàm nói “Những tâm nào khá nghĩ? Nghĩa là trước đã từng trải dùng qua rõ ràng khá nghĩ. Chẳng phải chẳng dùng qua, như việc người chết sông”. Pháp trước đã có dùng là năng nghĩ, mà chưa từng dùng thời không nghĩ được. Thánh-nhân hoặc đã dùng qua, hoặc không từng dùng qua, thấy đều năng nghĩ biết, vì sức Thánh-trí vậy. Lại vì thắng trần nên biết như dùng tâm cõi sắc, biết pháp cõi Dục. Lại vì điên đảo ngăn nên chẳng biết, như thân kiêm duyên ngũ-âm chẳng thấy vô ngã, vô thường, khổ cũng như vậy. Lại vì sức mạnh ngăn nên chẳng biết như người độn-căn bị kẻ lợi căn ngăn, nên khiến tâm chẳng biết. Cùng với trên trái nhau, gọi là ở trong cảnh biết.

Hỏi: Thế nào gọi ý hư?

Đáp: Điên cuồng Quỷ bắt, kiêu-mạn, buông-lung, thất tâm, hoặc say rượu, hoặc bị thuốc mê muội loạn tâm. Hoặc có tham giận thấy các món phiền-não xí-thạnh, buông lung hư tâm, như thuật Bà-già, thợ bắt cá vậy; hoặc bị bệnh na-nhã-bà, năng phá hư tâm. Lại như già bệnh chết cũng năng phá hư tâm. Nếu tâm tại trong thiện pháp, hoặc chẳng ẩn-chìm trong vô-ký pháp, gọi là chẳng hư. Vì những nhân-duyên như vậy, dù có trần cảnh, cũng chẳng biết được. Cho nên người nói “Nếu chẳng đến năng thấy, có sao chẳng thấy tất cả sắc” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Lại người nói “Ba việc hòa hiệp nên gọi là xúc” ấy. Tùy theo khi căn biết trần, thời gọi là xúc, bất tất phải đến nhau. Tại vì sao? Vì ý-căn cũng ba việc hòa- hiệp. Trong ấy chẳng vì đến nhau, mới gọi là xúc. Lại người nói “Vì đến nhau, nên gọi hữu đối” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì đã nói chẳng phải tướng đối vậy. Lại người nói hiện tại sinh biết ấy.

Thức thứ sáu cũng có, nhưng chỉ biết hiện tại, như tha-tâm-trí. Lại người nói các duyên hiệp nên biết sinh ấy. Trong ý-căn thức sáu đã đáp. Nghĩa là tùy khi biết trần,

gọi là hòa hiệp, lại do ý duyên pháp, ý thức sinh. Lời nói ấy là chỉ cho biết trống không, vì chẳng đi đến vậy. Lại vì quyết định vậy, nên gọi là hòa hiệp. Nhân-thức chỉ nương mắt, chẳng nương gì khác cũng chẳng phải không nương, chỉ duyên sắc, chẳng duyên gì khác, cũng chẳng phải không duyên. Cho nên ý thức cũng là như vậy.

Thành Thật luận hết quyển 4

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 5

PHẨM THANH-VĂN THỨ 50

Người nói “Người ở chỗ xa, nói nhỏ thì chẳng nghe, nên biết tiếng đến tai” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như người nói: “Lời nói người ở chỗ xa do tiếng, có tiếng nói nhau chuyển nhỏ dần, lại chẳng sinh nữa, cho nên chẳng nghe”. Tôi cũng nói như thế. Tuy tai chẳng đến, tiếng nhỏ nên chẳng nghe. Lại như người nói: Nhân-quang tuy đến mà chỉ thấy vàng nhạt, chẳng thấy nhật-nghiệp. Tôi cũng nói như thế. Tuy tai chẳng đến, vì tiếng lớn nên nghe được, nhỏ thì chẳng nghe. Lại như người nói: “Nhân-quang tuy đi xa, nhưng không thể đến trăm ngàn vạn do-tuần. Tuy nắng thấy suốt sự ngăn ngại của thủy-tinh thủy, mà sự ngăn ngại của vách thủy thì chẳng thấy được. Và nắng thấy nhật mà chẳng thấy nhật-nghiệp”. Tai tôi cũng như vậy, tiền tuy chẳng đến, vì to nên nghe được, mà chẳng biện biệt cho kỹ. Lại người nói thuận gió thì rõ. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì không có ai nghịch gió mà nghe được. Như hương nghịch thì chẳng nghe. Tiếng cũng như vậy, nghịch gió lẽ chẳng nghe được chút ít mà thật nghe được. Vậy nên biết tiếng chẳng đến mà nghe. Nếu tiếng chỉ nghe được ít vì bị gió ngăn. Lại tiếng chẳng phải như hương bị gió thổi, cần gì phải phân-biệt gió thuận nghịch ư? Lại như người nói “Tiếng khá trọn nghe, cho nên biết đi đến, chẳng đồng sắc” ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì lẽ thanh pháp trọn nghe, sắc pháp chẳng phải vậy. Muôn vật đều có đồng tướng dị tướng; vậy nên biết trần là đồng, biết trọn chẳng trọn là dị, chẳng vì đến chẳng đến mà cho là dị. Lại như người muốn nghe trong cái Linh, với tiếng Linh khá nghe được. Tại sao mà biết? Như người muốn nghe trong cái Linh, thì phải đem tai đến Linh. Lại tiếng là nương đậu, vậy nên chẳng đi, vì các nghiệp nương đậu là vô-tác-nghiệp vậy.

Hỏi: Do tiếng nói nhau sinh tiếng nương đậu như sóng nơi nước, gọi là tiếng đi?

Đáp: Tiếng này cùng sóng dụ làm sao được? Vì tướng nước gió quạt động thì có sóng sinh, chớ ở trong tiếng lại có tiếng gì năng sinh tiếng khác? Nếu trong ý người bảo tiếng năng sinh tiếng khác ấy. Cớ sao chẳng tức nơi bốn xứ mà sinh cũng chẳng ở xứ khác sinh? Vì nước với nước đánh nhau mới có sóng sinh. Nếu nói rằng người là tạo tiếng, tai phải nói kẻ ấy. Mà thật chẳng phải. Cho nên biết tiếng chẳng nói mà đi. Lại như tiếng Linh chuyển dần nói nhau sinh. Vì cái linh chẳng phải không tiếng; như tiếng nói nhau sinh ấy. Nước lặng không sóng, như vậy do Linh có tiếng, Linh lẽ ra không tiếng, mà thật chẳng phải vậy. Cho nên biết tiếng ở trong Linh. Lại như vì nắm linh thời tiếng dứt mất, nên biết tiếng thường nương ở Linh. Nếu tiếng nương linh cũng lìa linh ấy. Thời khi nắm linh tiếng nương linh lẽ phải dứt mất, tiếng lìa linh lẽ phải còn. Lại hiện trong lời nói không phải như linh nói nhau sinh tiếng ấy. Lại trong tiếng có phương sai khác, nghĩa là tiếng phương Đông, phương Tây, cũng có tiếng gần tiếng xa. Nếu tiếng đến tai, thời không có việc sai khác này. Lại nêu tiếng đen, thời thiên nhĩ vô dụng. Tại vì sao? Vì tiếng nhiều trăm ngàn thế giới làm sao đến được. Lại như bắn tiếng, năng trúng chỗ tiếng; nếu tiếng đến tai, lẽ ra tai tự bị bắn. Nếu chẳng phải vậy, chẳng gọi bắn tiếng. Lại như tiếng xa gần khá đều nghe được. Lại vì tiếng niệm niệm diệt, nên chẳng sinh tiếng khác; chẳng có thấy pháp nào niệm niệm diệt năng sinh pháp khác được! Cho nên tiếng chẳng sinh tiếng khác. Như nghiệp niệm niệm diệt chẳng sinh nghiệp khác được. Tiếng cũng như vậy, niệm niệm diệt nên chẳng sinh tiếng khác. Nếu tiếng sinh tiếng khác, nghiệp lẽ cũng sinh nghiệp khác. Vậy thời nghiệp chẳng sinh nghiệp, lời nói này bị hoại. Lại trong pháp người tiếng với tiếng khác trái nhau; trái nhau vì đôi bên chẳng ở đồng chỗ; nếu tiếng với tiếng khác ở đồng chỗ, thời chẳng gọi trái nhau. Nếu chẳng ở đồng chỗ, thời tiếng trước diệt rồi, tiếng sau mới tự sinh. Vậy nên tiếng chẳng sinh tiếng khác. Lại tiếng là một pháp, làm sao năng sinh tiếng khác; chẳng thấy một vật mà có năng sinh.

Hỏi: Như hiệp là một, năng sinh thành vật. Tiếng cũng như thế, tuy là một pháp, mà năng sinh tiếng khác.

Đáp: Người thấy hiệp pháp là một, năng có sinh được tiếng cũng như thế ấy. Sắc cũng là một, lẽ ra phải sinh sắc khác. Hương Vị Xúc cũng như thế. Vậy thì đà-la-phiêu tức chủ vạn vật, hoặc có năm tính ba tính hai tính. Lại vì đồng nghiệp, nên tiếng với nghiệp đồng tướng: Như nói tuy tiếng câu-na diệt cùng với nghiệp đồng, như lấy ngón tay búng dao, con dao động gọi là nghiệp, tức cũng có tiếng động chẳng rời dao. Tiếng cũng như vậy, lấy tay nắm dao thời tiếng và động đều dứt. Cho nên biết nghiệp chẳng sinh nghiệp khác. Tiếng cũng chẳng lẽ lại sinh tiếng khác được. Nếu người phân-biệt: Do thế lực nghiệp ban đầu, lai sinh nghiệp sau.

Như vậy cũng do thể lực, tiếng đầu mà sinh, do thể lực đó sinh các nghiệp sau. Trong đây không có thể lực gì khác, do thể lực ấy sinh nghiệp nhân sau; nghiệp năng sinh thể lực, mà tiếng bất năng. Lại vì nghiệp diệt nên chẳng gọi nhân đà-la-phiêu. Tại vì sao? Vì nghiệp trước diệt rồi, đà-la-phiêu mới sanh. Tiếng cũng như vậy, tiếng trước diệt rồi tiếng sau mới tự sinh, tiếng sau lẽ chẳng có nhân. Nếu người hãy còn bảo tiếng trước sinh tiếng khác ấy. Thời tiếng chẳng gọi niệm niệm diệt. Tại vì sao? Vì khi sinh tiếng này, là đệ-nhất niệm; khi sinh tiếng khác là đệ-nhi niệm; tiếng khác sinh rồi là đệ-tam niệm; khi tiếng trước diệt là đệ-tứ niệm. Cho nên chẳng phải niệm niệm diệt vậy. Lại tiếng làm sao cùng tiếng khác trái nhau? Hay là như độc cùng với thuốc độc trái nhau, thuốc với bệnh trái nhau ư? Nếu chẳng như vậy, thời linh chẳng nên có hai tiếng. Như trong một niệm, linh có hai tiếng, thời trong ngàn niệm, cũng nên chỉ có hai tiếng. Lại như không có câu-na, đà-la-phiêu cùng lửa hiệp lại mới sinh, câu-na diệt, bản sắc đen lại sinh sắc đỏ. Tiếng cũng như vậy, tướng trước diệt rồi, tiếng khác lại sinh. Nếu chẳng phải vậy, lẽ trong cái linh một niệm có hai tiếng, mà thật không có hai. Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại nếu tiếng sinh tiếng khác ấy, thời chẳng tùy nhân. Mà thật do từ linh sinh tiếng, vậy tức là tùy nhân. Lại tiếng khác này lẽ ra chẳng phải là tiếng linh. Lại tiếng khác này quyết chẳng phải tiếng linh. Lại tiếng khác này quyết chẳng nên dứt, vì không nhân dứt vậy.

Hỏi: Do từ tiếng ban đầu này, chuyển sinh tiếng nhỏ dần, vậy nên mới có dứt?

Đáp: Vì sao chuyển sinh tiếng nhỏ dần? Phải chăng tùy thể đánh trúng; tùy trúng mới có tiếng đầu tiên, phần các tiếng thứ hai thứ ba thấy, cũng tùy đánh trúng sai khác mà có. Vì không nhân đánh vậy nên trúng thể thì đánh, vì trúng thể đánh vậy, thời tiếng chuyển nhỏ dần. Lại nếu nhân tiếng sinh tiếng khác ấy, cũng nên nhân sắc sanh sắc nước trong gương. Như thể trăng dưới nước, bóng tượng trong gương đều cứ gọi là sắc. Vậy thời kinh của vệ thế sư, tất cả đều bị hư bỏ. Lại các người nói do lia sinh tiếng. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì chẳng phải do tay lia sinh tiếng, mà hiệp mới có tiếng; dùng dao, tre thấy các phần đụng nhau, khi lia chạm nhau, vậy nên có tiếng. Lại chúng tôi chẳng nói hiệp sinh tiếng. Tại vì sao? Vì ngón tay hiệp với hư-không thời chẳng sinh tiếng. Nếu ngón tay chẳng chạm nhau cũng chẳng sinh tiếng, vậy nên chẳng do hiệp mà sinh tiếng. Chỉ do tứ-đại hoặc hiệp hoặc ly thời có tiếng sinh; như các Đại nghiệp thường còn, các Đại chẳng bỏ đi.

PHẨM VĂN-HƯƠNG THỨ 51

Hỏi: Ông nói hương đến mũi nghe. Đấy cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như tiếng khá nghe xa, hương ở chỗ xa cũng nên nghe được. Trong ý ông hoặc bảo do vật hương này nối nhau sinh hương-nhân; trong tiếng nối nhau đã nói lỗi ấy?

Đáp: Hương làm sao nghe được?

Hỏi: Phần nhỏ-nhiệm trong hoa đi, hương cũng nương nhờ mà đi theo?

Đáp: Không phải. Nếu hoa-phần đi, hoa-phần là sắc, lẽ phải khá thấy, mà thật chẳng thấy, nên biết chẳng đi.

Hỏi: Phần sắc hoa này vì nhỏ-nhiệm nên chẳng thấy?

Đáp: Hương cũng nhỏ-nhiệm nên chẳng nghe được.

Hỏi: Thế lực hương mạnh to nên nghe được, như vị hưng-cức trong bát canh, tuy chẳng thấy sắc, nhưng nghe được hương?

Đáp: Nay hiện thấy sắc theo hoa-phần cũng nghe được hương, phần nhỏ-nhiệm trong sắc, có sao chẳng thấy? Lại như đốt hoa hương nó tăng thêm, sắc chỉ có diệt cho nên hương chẳng phải hoa-phần. Lại nếu hương là hoa-phần, lẽ cũng chút nghe, mà thật chẳng nghe. Lại nếu hoa-phần đi, hoa-phần tổn giảm, mà thật chẳng giảm. Tại vì sao biết? Vì như một cái uất kim có hương thường bay đi, mà trọng lượng cũng vẫn đủ một cân như thường.

Hỏi: Vì bị tổn ít nên chẳng biết được, như nước trong bình rơi đi một giọt, nào có biết giảm?

Đáp: Nếu thường giảm, hoa cũng không còn hưởng là chẳng biết. Lại nếu hoa thường giảm thì chẳng thấy nghe được, vì thường giảm là Niệm niệm diệt. Vậy vì niệm niệm diệt nên lẽ sinh ra đà-la-phiêu khác, hưởng lại chẳng sinh cầu-na khác ư? Mà thật hoa này khá thấy nghe được. cho nên biết hoa phần chẳng đi.

Hỏi: Nếu chỉ hương đi, hương cũng phải hết, vì thường tổn vậy. Lại vì hương không phần nên lẽ phải hết cả.

Đáp: Chúng tôi cho hoa phần đi theo gió, cũng chẳng cho gió thổi hoa hương đi. Chỉ bởi hương trong hoa, lại sinh hương khác. Bởi gió hương này, lại sinh hương nữa, đi đến mũi nghe, cho nên không có lỗi kia. Tại sao mà biết? Như nghe hương trong mè chẳng phải hương của hoa-phần, vì đem hoa xông vậy. Nếu là hoa-phần, làm sao xông mè được? Nếu biết hương này chẳng phải ở hoa-phần. Lại hoa hương

này hoặc xoa hoặc bóp, hoặc để trong nóng, thời hương kia diệt mất. Nếu ở trong mè, thời chẳng mất được. Lại hoa hương này, chỉ ở trong dầu, chẳng ở trong cặn, nên chẳng phải hoa-phần. Lại hương này lâu còn trong mè, mà trong hoa chẳng còn lâu được. Nên chẳng phải hoa-phần.

Hỏi: Nếu chẳng phải hoa phần, là hương của vật gì?

Đáp: Là gọi hương mè, nhân hoa mà sinh, lia mè chẳng được. Như vậy nhân gió hoa hương, lại sinh hương khác, việc này đã rõ. Lại nữa, hoặc có gió nóng gió lạnh cảm giác được, mà sắc lửa nước trong ấy không thể thấy được. Nên phải biết trong gió lại sinh xúc khác, mà chẳng phải thổi phần nước lửa đi. Nếu cảm xúc nóng trong gió là thuộc lửa, xúc lạnh thuộc nước, xúc chẳng nóng, chẳng lạnh, thời phải biết thuộc đất. Như sắc nước lửa chẳng khá được ấy, thời sắc đất vì nhỏ-nhiệm nên cũng chẳng khá được. Nếu như vậy thời gió không có cảm-xúc, tức là có lỗi. Người ta cũng có thể nói rằng vì như gió hiệp với nước lửa nên mới có xúc lạnh nóng. Như vậy vì như gió hiệp với đất nên có xúc chẳng lạnh chẳng nóng. Trong đây không có nhân-duyên quyết định phần nào nước, phần nào lửa được theo gió mà đi, mà phần đất chẳng đi. Như trong kinh người nói có xúc, xúc thân mà chẳng phải là đất nước lửa. Cho nên biết gió là tướng chẳng thấy được. Vì lời nói này nên ba món xúc đối với gió hoặc là khách tạm hoặc chẳng phải khách. Tại vì sao? Vì ba món xúc này, nếu tướng chẳng thấy thời là gió. Lại trong ý người nếu cho rằng: Vì thấy có xúc lạnh nóng trong nước lửa là chẳng phải phần gió. Như vậy vì thấy có xúc chẳng lạnh chẳng nóng trong đất, lẽ cũng chẳng phải là phần gió. Nếu nước riêng thấy có xúc gió chẳng hiệp với đất, lẽ nên nói xúc này thuộc gió, mà thật trước chẳng thấy, làm sao được biết chẳng lạnh chẳng nóng chỉ là xúc gió mà chẳng phải phần đất ư? Lại chúng tôi cũng nói sắc hương vị xúc chỉ là vật đất chớ chẳng phải nước thủy mà có được. Ý người nếu cho rằng “Thấy trong nước thủy có sắc thủy ấy, vì cùng hiệp với đất, nên ở trong nước thủy thấy chẳng phải trong nước thủy có được, như tướng nóng trong nước”. Trong ấy không có nhân quyết định: Vì nước hiệp với lửa nên có tướng nóng, mà hiệp với đất thời không có tướng sắc thủy. Trước chẳng từng thấy riêng có nước thủy chẳng hiệp với đất; nên đã từng thấy ấy, thời nên nói sắc này thuộc nước, chớ chẳng phải thuộc đất. Lẽ cũng nên phân biệt nước thủy như vậy.

Hỏi: Tại sao trong gió sinh được hương khác, mà chẳng sinh được xúc sắc vị khác?

Đáp: Pháp giới lẽ vậy. Pháp có nhiều món bất khả tư nghì. Các vật khác sinh được xúc sắc vị: Như hoa xông mè sinh vị cay đắng; trái a-ma-lặc ngâm vào sữa, tức trở thành trái ngọt; yến chỉ xông hột ma-đầu-lâu-già thời sinh lá đỏ, màu xanh trộn với

thư hoàng thời thành sắc lục, sắc xanh đỏ hiệp lại biến thành sắc tía. Hết thủy như vậy với trong vật khác, sinh mùi sắc khác.

Hỏi: Ông nói trong gió lại sinh hương khác. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Như gió trong nhà nghe được hương xa. Lại hương ngược gió nghe được, như mùi ba-lê-chất-đa ở trên bếp trời. Cho nên biết trong gió chẳng sinh hương khác, chỉ nên nhờ nhân hương lại sinh hương khác.

Đáp: Do có hai thứ hương: Hoặc trong gió lại sinh hương gió, hoặc không gió thời nhân hương sinh hương. Đây có lỗi chi? Trước người nói vì hương khá nghe xa nên lẽ chẳng đến. Việc này chẳng lẽ. Tại vì sao? Vì chẳng đồng sắc vậy. Nếu chẳng đến mà nghe thời cùng đồng với sắc chẳng đến mà nghe. Lại như xa xem khói hương, thời chẳng nghe được, khi đến mới nghe. Cho nên biết chẳng đến chẳng nghe. Lại vì không có phép Thiên-tỹ, nên biết có đến mới nghe. Nếu chẳng đến mà nghe, lẽ phải có thiên-tỹ như thiên-nhãn vậy, nhĩ vậy.

PHẨM GIÁC XÚC THỨ 52

Hỏi: Xúc lẽ cũng chẳng đến mà biết được. Tại vì sao? Vì Nhật-xúc ở xa vậy.

Đáp: Nhật-xúc làm sao biết được?

Hỏi: Hỏa-phần từ bên mặt Nhật đi đến thân mới biết.

Đáp: Nếu từ mặt Nhật có hỏa-phần đi đến, khi Nhật lặn hỏa-phần lẽ phải còn, mà thật chẳng còn. Nên biết chẳng đến.

Hỏi: Mặt Nhật tuy lặn mà nóng hầy còn, vì xúc nên biết.

Đáp: Nếu như vậy, thời hỏa không sắc. Trong kinh người không có hỏa không sắc, ấy tức là lỗi.

Hỏi: Trong ấy có sắc nhỏ-nhiệm.

Đáp: Hỏa sắc nhiều mà xúc ít, như thấy sắc đèn mà chưa cảm-giác xúc được.

Hỏi: Xúc quyết định đến mới biết hay sao?

Đáp: Xúc quyết định đến mới biết. Tại vì sao? Vì như nhân hương trong gió, có hương khác sinh. Như vậy nhân mặt Nhật lại có hỏa sinh.

Hỏi: Xúc quyết định đến mới biết hay sao?

Đáp: Xúc quyết định đến mới biết. Tại vì sao? Vì như nhân hương trong gió, có hương khác sinh. Như vậy nhân mặt Nhật lại có hỏa sinh.

Hỏi: Nhật lặn sao chẳng thấy hỏa sắc?

Đáp: Hoặc có hỏa chỉ xúc mà không sắc, như khí nóng khi Nhật đã lặn; như người bị bỏng nóng hỏa nung nơi thân; như hơi ấm trong nhà khi hỏa đã diệt. Các nóng trong nước sôi lửa thảy, đều có xúc mà không sắc. Vậy nên hỏa hoặc có sắc không sắc, lẽ phải tin chịu.

PHẨM Ý THỨ 53

Người nói ý đi. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì ý niệm niệm sinh diệt, như gió như nghiệp; pháp mà niệm niệm diệt, thời không có tướng đi. Lại như ý đi ấy thời biết đã rồi đi, hay chẳng biết mà cứ đi? Hai lẽ đều chẳng phải. Nếu trước biết rồi lại cần gì phải đi; nếu chẳng biết mà cứ đi, thời là đi đến chỗ nào? Lại nếu tâm ở nơi mắt, làm sao lại đến nơi tâm được? Nếu tâm sinh nghĩ: Ta sẽ đến tai. Thời là nói nghĩ tai rồi. Nếu nói muốn nghe tiếng, tức là nó nghĩ tiếng. Nếu tâm ở nơi mắt chẳng sinh nghĩ được; ở các căn khác cũng vậy. Cho nên biết ý chẳng đi. Lại như người trước đã từng thấy thành-thị xóm làng thảy, nay nghĩ theo việc đã thấy thưở trước mà chẳng biết đến hiện tại nên biết ý chẳng đi. Lại nếu pháp mà đi lẽ phải trước gần sau xa, nhưng nay xa gần đều nghĩ, nên biết chẳng đi. Lại nếu pháp mà đi thì giữa đường lẽ phải biết các trần như người đi giữa đường biết sắc các vật, mà ý chẳng phải vậy. Lại như Tâm năng biết không, nghĩa là quá khứ, vị-lai, sừng thỏ, lông rùa, chân rắn, sắc đỏ gió, và mùi thơm muối thảy, cũng biết đều chẳng đi đến vậy. Nên biết chẳng đi. Lại nếu tâm duyên đến, thời chẳng nên có không biết, biết nghĩ, biết tà, mà thật vẫn có. Nên biết chẳng đi đến. Lại tâm duyên Nê-Hoàn, nếu mà tâm đi đến, thế là đem hữu vi đến trong vô-vi, vậy là chẳng được. Rồi từ vô vi lại vào trong hữu vi, ấy cũng chẳng được nữa. Lại nếu sinh tâm nghĩ có đời sau, tâm liền đến đời sau, thời thân này lẽ phải chết, chẳng còn sống lại được. Vậy nên chẳng đi. Lại tâm nghĩ vị lai, tức đến vị-lai, chẳng được đem phép hiện tại mà làm vị-lai vậy. Lại tâm nghĩ quá-khứ tức ở về quá-khứ, chẳng nên đem pháp quá-khứ và vị-lai mà làm hiện tại vậy. Nên biết chẳng đi. Lại do dục-tâm mà sắc mặt biến khác, tâm giận giữ thảy cũng vậy; nếu tâm đến chỗ khác, thời sắc mặt chẳng nên khác. Nên biết chẳng đi. Lại tâm đang ở trong cảnh duyên, gọi đó là thọ; ba món thọ này, hoặc khổ hoặc vui hoặc bình thường, nếu tâm đến chỗ khác, thời không có mấy món thọ này. Nên biết chẳng đi. Lại tâm nung nơi thân, như trong kinh nói: Tâm nung danh sắc. Nên chẳng rời thân đi đến chỗ khác. Lại thân hiệp với Thức nên gọi là thân; nếu tâm ở chỗ khác, thời thân không thức; cảnh hiệp với thức bèn gọi là có thức. Vậy nên chẳng đi.

Hỏi: Tâm trong mộng đi đến các phương?

Đáp: Chẳng phải. Như hành-vi mộng-tinh trong mộng và các việc thấy là đều do thân điên-đảo nghĩa là đi ở chỗ nào đó, mà thật chẳng đi. Lại hành-vi trong mộng đều là luống dối, như người mộng uống nước mà trọn chẳng trừ được khát. Lại mộng hành-dục thấy chẳng gọi là đọa. Cho nên biết trong mộng ý cũng chẳng đi. Lại tâm chỉ ở trong pháp đã từng thấy nghe hay biết chớ chẳng đi đến pháp nào khác. Nếu đi đến ấy lẽ cũng nên biết pháp khác.

Hỏi: Có ông Thần sai khiến ý năng đi đến các phương khác.

Đáp: Việc này ra sao trong phạm phá Thần sẽ rộng phân-biệt. Nên biết ý chẳng đi.

PHẨM CĂN BẤT-TỊNH THỨ 54

Hỏi: Các căn là định, hay là bất định?

Đáp: Thế nào gọi định, thế nào gọi bất định?

Hỏi: Do cảnh bị biết, và nhân của mắt thấy các căn. Đây gọi là định.

Đáp: Nếu như vậy căn chẳng phải định. Tại vì sao? Vì các căn chẳng phải cảnh bị biết và nhân của mắt thấy.

Hỏi: Tròng mắt lưỡi và thân, đem mắt thấy được; còn tai và mũi ở trong nên không thể thấy được.

Đáp: Người chết cũng có tròng mắt lưỡi thân mà thật không có căn.

Hỏi: Tròng mắt có hai thứ: căn và phi căn. Người chết diệt mắt căn có tròng, phi căn còn lại.

Đáp: Căn có tròng không thể thấy nó được. Cho nên chẳng phải bị được của mắt thấy. Như trong kinh nói: “Năm căn là sắc khá thấy mà có đối”. Nếu như khá thấy mà phân biệt được: Tròng mắt này là căn, tròng mắt này là phi căn.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Nhân tứ-đại-thành sắc thanh tịnh, gọi là năm căn”. Thế sao lại nói năm căn là sắc chẳng khá thấy mà có đối ư?

Đáp: Vì vậy nên đáng nghi. Nghiệp lực bất khả-tu-nghì. Vì nghiệp lực nên tứ-đại biến thành căn. Phật sợ các đệ tử cho năm căn này do từ nghiệp mà sinh, nên mới nói đây là sắc. Lại vì ngoại đạo nói năm căn từ ngã mà sinh; ngã tức chẳng phải có

sắc; lại nói năm căn biết lớn biết nhỏ, nên chẳng quyết định. Người này cũng cho vô sắc là căn, vậy nên Phật nói các căn là sắc, nhân sắc thấy thành; hoặc bảo nhân sắc thấy mà thành, lẽ phải khá thấy nên mới nói “Chẳng khá thấy”, cũng chẳng phải bị được của tai thấy các căn. Hoặc bảo nếu vậy thời lẽ ra không đối, cho nên nói “có đối”, vì đối với các trần vậy. Nếu sắc có hình có đối, đây gọi là thô sắc, chỉ bị thấy của mắt. Lại vì ngoại đạo nói: “Các số lượng: Nhất dị, hiệp ly, tốt xấu, tác nghiệp, tổng tướng biệt tướng, và đà-la-phiêu tuy chẳng phải sắc pháp, nhưng cũng là thấy được”. Cho nên Phật nói rằng: Với những trong ấy, chỉ có sắc thấy được mà thôi, kỳ dư chẳng gì thấy được. Ngăn ngại nơi tay thấy, gọi là có đối.

Hỏi: Nếu như vậy đều phải bị xúc?

Đáp: Tuy đều ngăn ngại, nhưng chẳng phải tất cả chỗ đều sinh; thân thức tùy mà sinh biết, nên phân biệt được các căn. Lại nữa, các căn thật chẳng quyết định. Tại vì sao? Vì pháp nếu quyết định, như tay lấy vật, duy một tay lấy chớ mắt năng thấy lớn nhỏ, nên chẳng quyết định. Lại như vật quyết định, đùng thời có tác hại, như đùng lửa thời cháy, đùng dao thời đứt, còn mắt xa mà năng thấy, nếu chẳng quyết định. Lại nếu pháp quyết định, thời ngăn pháp quyết định, như tay ngăn tay, mà mắt đối với trong thủy tinh, mây mù thấy, cũng chẳng ngăn ngại, nên chẳng quyết định. Lại căn nếu như quyết định, lẽ phải ở trong thân, vì ở trong thân nên tuy hiệp với ý, lẽ chẳng thấy trần cảnh bên ngoài, mà thật năng thấy, nên chẳng quyết định. Lại pháp nếu quyết định, thời số danh là năm căn, mắt tai mũi đều hai mà lưỡi cùng thân mỗi cái chỉ một cộng thành có tám, nên chẳng quyết định. Chỉ chỗ ở có nhất định, mà căn chẳng định vậy. Lại mắt tả thấy, mắt hữu cũng biết, chẳng phải thấy khác biệt khác, vì căn không tướng tả hữu, nên chẳng quyết định. Lại vì pháp căn trần hiệp chẳng khá được, nên không quyết định. Lại được quyết định thời pháp sắc thấy chẳng năng giác, mà được căn thời có giác, nên chẳng quyết định.

Hỏi: Ánh sáng mắt năng thấy lớn nhỏ và cũng năng đi xa thấy sắc không bị ngăn ngại, in như ánh sáng mặt Nhật lia thân năng thấy; ánh sáng của hai mắt này nhờ chỗ ở quyết định nên hiệp ánh sáng làm một, mới năng thấy sắc. Lại mắt là một, tai mũi ở tại trong, nên chẳng khá phân biệt. Vậy nên ông nói thấy khác biệt khác, lời này bị phá hoại. Lại Thần biết chứ chẳng phải căn, căn là sở dụng mà thôi. Lại ông nói pháp hiệp chẳng khá được ấy. Việc này đã đáp, nghĩa là ánh sáng mặt như thấy, tai thấy các căn, vì hòa hiệp kín, nên cũng chẳng khá được; như đường hiệp cây sát kín xem chẳng biết được vậy. Lại vì nhân Thần nên giác chẳng phải các căn; và căn do tứ đại mà thành, vì tứ-đại không giác nên các căn cũng không giác. Lại như bình nhân vi trần mà thành, vì vi trần không giác nên bình cũng không giác. Lại “chẳng biết” nói khác với trần, cho nên biết không có giác.

Đáp: Người nói vì ánh sáng đi, nên căn là quyết định. Người cho ánh sáng là căn, nhưng ánh sáng chẳng phải quyết định nên căn cũng chẳng quyết định. Lại ánh sáng này không có đoạn trước đã phá rồi. Lại người nói một mắt. Việc này chẳng phải lẽ. Một mắt thấy khác hai mắt thấy khác. Nếu hư một mắt thì thấy chẳng rõ ràng. Mắt tả hữu này trước đã đáp rồi.

Hỏi: Nếu một mắt năng thức ấy thì hai mắt lẽ chỉ cần một mắt, chứ dùng mắt thứ hai làm gì?

Đáp: Vì sông mũi ngăn cách nên chẳng được là một; dù không ngăn cách cũng chẳng được một, như các ngón tay thấy. Người nói là sử dụng của Thần. Việc này trước phá rồi. Thần chẳng dụng được. Ánh sáng mặt Nhật thấy, trước cũng phá rồi. Người nói hòa hiệp kín nên chẳng thấy. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì pháp nếu quyết định thì không hòa hiệp, vì thể khác nhau vậy, như hiệp cây tuy kín mà cũng vẫn thấy đường kẻ; căn trần hòa hiệp chẳng thấy như vậy. Người nói vì Thần nên giác. Phạm vô Thần sau sẽ nói. Người nói các đại thành căn. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nghiệp-lực biến đại làm căn nên có sai khác.

Hỏi: Căn là quyết định. Tại vì sao? Vì tứ-đại làm thành mà tứ-đại là quyết định nên căn cũng quyết định. Lại vì mắt thấy các căn là quyết định, nên đại thấy năng làm lợi ích. Lại đại biến làm căn, vì đại quyết định nên pháp bị biến cũng phải là quyết định. Lại đối căn có trần, đối trần có căn, nên chẳng quyết định, chẳng đối nhau được, lẽ như ý pháp. Nên biết quyết định. Lại người đòi đối với trông mắt thấy trong pháp quyết định gọi tên các căn. Lại căn biết năm món pháp quyết định, chẳng phải như ý thấy, nên gọi quyết định. Lại căn biết hiện lượng, nên gọi quyết định. Lại căn biết cảnh hiện có, ý biết cả cảnh không có, như biết quá khứ thấy. Lại căn trần hòa hiệp với sinh căn biết pháp, lẽ phải cho căn quyết định đôi trần quyết định. Cho nên biết quyết định.

Đáp: Người nói căn do đại thành gọi là quyết định ấy. Tuy đều do các đại mà có căn và phi căn, như vậy hoặc có quyết định hoặc chẳng quyết định. Người nói lợi ích. Lợi ích với biết, chứ chẳng phải giúp căn vậy. Lại nói đại biến thành căn. Biến cũng là biết, chứ chẳng lợi ích cho căn. Lại tứ-đại thanh-tịnh gọi là căn, nên chẳng quyết định. Người nói “căn trần đối nhau” cũng là ý, vì định căn là phi trí, nên các thứ kia đều là sai biết ý lực. Lại tuy nói sáu thức, nhưng cốt do ý-thức mới quyết liễu, như khi thấy tứ-đế hiện biết các pháp chính quán pháp tính đều do ý thức. Lại như vòng lửa xoay tròn, trò huyền hóa ánh hồng thành quách Càn-thát-bà đều là không mà vọng thấy có, thấy sắc cũng vậy. Vậy nên mắt thấy đều là tà duyên. Người nói: “Căn trần hiệp nên sinh biết”. Hoặc đến nên biết hay chẳng đến mà biết, đều trước đã đáp rồi.

PHẨM SẮC NHẬP TƯỚNG THỨ 55

Lại nói xanh vàng các sắc gọi là sắc nhập. Như trong kinh nói: Nhãn -nhập diệt sắc tướng rời, chỗ này cần biết.

Hỏi: Có kẻ nói nghiệp-lượng cũng là sắc nhập. Tại vì sao? Như trong kinh nói: đen trắng dài ngắn, thô tế các sắc?

Đáp: Hình thấy là sai biệt của sắc. Tại sao biết được? Vì nếu rời sắc thời chẳng sinh tâm biết hình lượng thấy. Nếu hình thấy khác màu, rời sắc cũng ung sinh tâm, mà thật chẳng sinh. Cho nên biết chẳng khác.

Hỏi: Trước sinh tâm biết sắc, sau mới sinh tâm biết hình. Tại vì sao? Vì tâm biết đen trắng vuông tròn chẳng đồng thời sinh?

Đáp: Vì các tướng dài ngắn đều duyên nơi sắc nên sinh trong ý thức, như trước thấy sắc nhiên hậu ý thức mới sinh nghiệp tướng nam nữ; cũng vì các pháp hữu-vi niệm niệm diệt nên không có diệt pháp nào chẳng đi, vì đi nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Đi gọi là thân nghiệp, nếu không đi thời không thân nghiệp?

Đáp: Vì danh tự thể-tục nên có thân nghiệp, chẳng phải đệ-nhất-nghĩa.

Hỏi: Nếu không thân-nghiệp trong đệ-nhất-nghĩa ấy. Trong đệ-nhất-nghĩa cũng không có tội phước. Vì không tội phước nên cũng không quả báo?

Đáp: Pháp khi khởi với chỗ khác, hoặc lợi người khác hay hại thành có tội phước, chẳng nên nạn vậy.

PHẨM THANH TƯỚNG THỨ 56

Hỏi: Vì sao chẳng nói nhân tiếng thành đại?

Đáp: Tiếng rời sắc thấy, sắc thấy chẳng rời nhau, vậy nên chẳng nói. Lại tiếng chẳng như sắc thấy thường nối nhau; lại cũng chẳng cùng sắc thấy đồng sinh. Lại cùng sắc thấy sinh khác. Tại vì sao? Vì sắc thấy sinh nhau lần lữa rồi mộng thứ lớp mà có, tiếng chẳng như vậy. Lại tiếng từ vật được tên, như nói tiếng bình, chẳng nói tiếng trong bình. Lại người hoặc nói thấy bình, hoặc nói thấy sắc bình, trước chẳng nói nghe bình, mà chỉ nói nghe tiếng bình. Lại vì đời trước chúng-sinh trồng nghiệp, nhân yên lặng. Nếu muôn vật đều có tiếng động, thời không lúc nào tạm lặng. Vậy nên tiếng chẳng phải nhân thành đại.

Hỏi: Vật đều có tiếng. Tại sao biết? Vì động thời tiếng phát, các đại thường động nhau, nên tất cả đều phải có tiếng?

Đáp: Chẳng phải muôn vật động nhau đều là nhân của tiếng. Tại vì sao? Vì mắt thấy hai ngón tay động nhau mà chẳng sinh tiếng được.

Hỏi: Trong ấy sinh tiếng, vì nhỏ nên chẳng biết?

Đáp: Chẳng sinh, cho đến tiếng nhỏ cũng chẳng nghe có. Nếu nói có tiếng, thời không hiện tín được. Người khác cũng có thể nói trong nước có tiếng, vì nhỏ nên chẳng nghe: Trong lửa có vị, trong gió trong không, đều có sắc thảy mà thật không có. Vậy nên chẳng phải tất cả động nhau đều năng sinh tiếng.

Hỏi: Người đời thường nói tiếng là cầu-na của hư không. Nay do đâu mà biết là tứ-đại sinh?

Đáp: Nay hiện thấy tiếng sinh từ tứ-đại, nên chúng tôi chỉ tin hiện thấy. Lại nói tiếng chuông tiếng trống, cho nên biết là tiếng chuông trống. Lại vì tứ-đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống. Lại vì tứ-đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống khác nhau. Lại như đánh đồng khí thời đều có tiếng động, tay nắm là đều dứt tiếng, nên phải biết đồ động tiếng cũng như thế. Lại sắp muốn có tiếng, tất chuẩn bị chất tượng tứ-đại. Nên biết tiếng tứ-đại mà sinh. Lại vì nghiệp nhân-duyên nên tiếng có sai khác, như tiếng chúng-sinh hoặc hay hoặc dở, chẳng nên vì nghiệp duyên mà sinh cầu-na hư không. Vậy nên chẳng phải. Lại vì nhân nhau. Nhân nhau ấy là tùy theo pháp nào đó nên mới có tức gọi là nhân. Như vậy nhân đại có tiếng, không thời không tiếng, như có lửa thời nóng, không lửa không nóng; phải biết do lửa có nóng; do đại sinh tiếng cũng lại như vậy. Như hư-không có nóng hư không vẫn tồn tại, mà khi nóng hoặc khi không. Phải biết hư không chẳng phải nhân của nóng, tiếng cũng như thế. Như có hư không có tiếng, hư không vẫn tồn tại, mà tiếng hoặc khi không có. Cho nên biết chẳng phải nhân. Lại tiếng là hư-không cầu na, đây không thể tin được, vì trong hiện sự trước chẳng thấy nhân của tiếng, với hư không cũng không lấy gì so sánh để biết, vì trong ấy không so sánh được. Lại trong các kinh thơ phần nhiều trái nhau, như vậy không một điều nào đáng tin, nên biết chẳng phải lẽ.

PHẨM HƯƠNG TƯỢNG THỨ 57

Hỏi: Hương Chiên-đàn thảy và các thứ hương hiệp lại, vì hương gốc khác nhau, nên các hương này lại sinh hương khác chẳng?

Đáp: Bởi hòa-hiệp nên sinh hương khác, như sắc xanh vàng trộn lại sinh sắc lục. Lại vì nhiều món nghiệp nhân duyên, nên sinh nhiều món hương.

Hỏi: Đệ tử phái Ưu-Lâu-Khê bảo hương chỉ là cầu-na của đại tức mùi nương, việc ấy thế nào?

Đáp: Không có đà-la-phiêu, việc này đã nói rõ, nên biết chẳng phải lẽ. Lại như người phái Vệ-thế-sư bảo: hàn-the, chì, thiếc, vàng, bạc và đồng thủy, đều là hỏa vật, mà trong ấy có hương. Cho nên biết chẳng phải chỉ địa mới có.

Hỏi: Hàn the các thứ hiệp cùng với địa, nên có hương?

Đáp: Chẳng phải khách hương. Tại vì sao? Vì trong các vật kia trước người chẳng nghe thấy hương ấy. Nếu đã từng nghe nên nói là khách, như trước nghe hương hoa, sau nghe trong áo, nên gọi là khách, mà hương hàn-the thủy chẳng phải như vậy. Vậy nên chẳng phải nhân. Lại hàn-the thủy lúc không hương chẳng nên nói là khách. Lại chúng tôi cũng có thể nói trong nước thủy không có sắc thủy, chỉ cùng đất hiệp nên mới có sắc thủy. Nếu người nói trong nước thủy tự có sắc ấy. Chúng tôi cũng nói trong hàn-the tự có hương. Lại như trong vật có pháp chẳng rời nhau, tức là hương của vật ấy. Lại trong nước thủy, nếu có hương, mà vì nhỏ nhiệm cho nên chẳng biết có, thời có lỗi gì? Như nói trong trăng có lửa, lửa quyết định nóng. Lại người nói hơi ấm trong nhà là do lửa diệt, còn thừa khí nóng nên có chút sắc; cũng nói trong nước nóng có chút tướng lạnh, hương trong nước cũng vậy. Trong ấy không có nhân quyết định nói nước không hương. Lại các đà-la-phiêu của người không tướng quyết định. Tại vì sao? Vì người tự nói: “Trong đất có hương, mà kim cương, pha lê thủy đốt thời biến khác, nên đều là vật của đất, mà đều không hương”. Lại người nói “tướng nước quyết định lạnh, tướng sữa thủy cũng như vậy, mà bơ thủy có hương, nên gọi là vật của đất”. Lại trăng thủy thật lạnh mà người nói là vật của lửa. Vì các cứ này, nên các đà-la-phiêu không có tướng quyết định. Vậy nên hương chỉ đất có, việc này chẳng phải lẽ; người cho hàn-the thủy là vật của lửa cũng chẳng phải nữa. Tại vì sao? Vì không có quyết định nóng vậy. Các đệ-tử phái Ưu-lâu-khê nói lửa quyết định nóng, mà hàn-the thủy không nóng.

Hỏi: Vật hàn-the thủy nóng ở trong quả, chẳng ở trong xúc?

Đáp: Bơ quả lạnh lẽ phải là vật của nước, mà người cho là quyết định của hương, nên gọi là vật của đất. Cho nên nói quả, chẳng gọi là dụng-nhân. Lại như trái Ha-Lê-Lặc, khi còn là quả quyết định nóng nên là vật của lửa, mà thật có hương, có năm vị nên chẳng gọi vật của lửa, vì nói quả chẳng phải nhân vậy. Hàn-the thủy chẳng phải vật của lửa; và tướng lửa nhẹ, hàn-the thủy nặng, sắc lửa trắng mà hàn-the thủy sắc khác. Lại hàn-the thủy với lửa không có đồng tướng có thể biết được là

vật của lửa. Lại hàn-the thay với lửa trái nhau. Tại vì sao? Vì gặp nóng là tiêu mất. Nếu là vật của lửa, gặp được lửa lẽ phải tăng thêm, mà thật chẳng tăng, nên chẳng phải vật lửa. Các người chẳng khéo suy nghĩ nên cho hương chỉ là vật của đất. Mà hương này là đều ở trong bốn món.

PHẨM VỊ TƯƠNG THỨ 58

Vị là ngọt, chua, mặn, cay, đắng và lạt thay; sáu vị này đều tùy theo vật mà sai khác, chẳng bởi tứ-đại lệch nhiều mà có. Như nói đất nước nhiều nên ngọt. Việc này chẳng phải lẽ. Vì như vị ngọt có vô-lượng sai khác. Nên phải biết vật sinh tự có sai khác hẳn.

Hỏi: Có ông thầy thuốc nói: chỉ có sáu vị. Việc ấy thế nào hiệp, hoặc ba hoặc bốn, như vậy nhiều vô-lượng, chẳng vì ngọt chua hiệp mà gọi vị ngọt chua. Ngọt chua hòa hiệp lại sinh vị khác. Như vậy nhiều vô-lượng. Lại vì tùy thế tục nên các vị sai khác, như người cho là ngọt, tức gọi là ngọt. Lại khi các vị chín đều tự nương nhau, như khi vị ngọt chín, hoặc ngọt hoặc biến khác, các vị khác cũng vậy. Vậy nên biết các pháp có sức như vậy, chứ chẳng phải chỉ có sáu mà thôi.

PHẨM XÚC TƯƠNG THỨ 59

Xúc là: cứng mềm, nặng nhẹ, mạnh yếu, lạnh nóng, rít trơn, khô ướt, khoái vui, mệt mỏi, chẳng mệt mỏi, bệnh hoạn, lành mạnh, thân lợi, thân độn, biếng nhác, tối tăm, nhúc đầu, tê thấp, rên rỉ, đói khát, no nê, thềm chua, chẳng thềm chua và mờ mịt thay.

Hỏi: Có kẻ nói xúc có ba thứ: lạnh, nóng, chẳng lạnh chẳng nóng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Với trong cứng thay mà sinh biết. Nếu lìa cứng thay thời không biết lạnh nóng.

Hỏi: Ưu-Lâu-Khê nói xúc vào đất là chẳng lạnh chẳng nóng, xúc gió cũng vậy, xúc nước lạnh, xúc lửa nóng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trước đã nói không có quyết định nghĩa là bơ thay định lạnh, hàn the thay không nóng. Lại trước nói ba xúc, nếu gió là khách, thời gió không có xúc riêng, nên không có tướng quyết định. Lại trong nước nóng tướng lạnh chẳng khá được, nên nước chẳng phải quyết định tướng lạnh.

Hỏi: Trong nước nóng tướng lạnh có ít vì lửa thắng nên chẳng biết Tại sao biết được? Vì nếu khi thế lửa hết thời nước trở lại như thường?

Đáp: Hàn-the thấy, bơ thấy vật cứng hiệp cùng lửa thời cháy. Nếu tướng cứng chẳng mất, mà có tướng chảy, thời tướng cứng tức là tướng chảy. Nếu mất tướng cứng mà có tướng chảy, ấy là xúc lạnh diệt rồi lại sinh xúc lạnh, như xúc đất là chẳng lạnh chẳng nóng, khi hiệp cùng lửa, xúc hoặc chẳng mất thời chẳng gọi chín biến. Nếu mất xúc này, lại sinh xúc khác. Như thế thời xúc lạnh mất rồi lại sinh xúc lạnh. Như vậy các cầu na trong nước cũng ung chín biến. Người nói tráo trở có lỗi. Lại sinh pháp trái nhau, nên phải biết các tướng vô thường như lửa hiệp thời tướng cỏ thấy diệt mất. Nếu bảo xúc nóng che xúc lạnh ấy, người ta cũng có thể nói tướng sữa chẳng mất, chỉ bị tướng bơ che. Nên không thể được. Nếu người bảo chẳng thấy sữa thành lại sữa. Vậy thì không có chính kiến. Tại vì sao? Vì từ trong vô-thủy sinh tử đến nay, vật gì mà chẳng bị lửa đốt cháy! Lại cũng tìm thấy được trong lòng đất có bùn đen. Phải biết đó cũng do chín biến mà có lại. Như vậy thời xúc lạnh mất, lại sinh xúc lạnh. Hoặc có vật hiệp cùng với lửa nên sắc đen diệt mất, sinh lại sắc đen; sắc đỏ mất, sinh lại sắc đỏ. Như vậy xúc lạnh diệt rồi, lửa sinh lại, ấy có lỗi chi? Lại như người phái Vệ-thê-sư nói: Chỉ có đất có tướng chín biến, trong nước thấy không có. Mà các ông thầy thuốc nói, nếu uống thuốc nóng thời được kết quả khác. Nếu trong nước nóng sắc thấy chẳng mất, đâu có quả khác. Cho nên biết nước thấy cũng có chín biến. Như vì lửa đốt vật cháy mất bản tướng, nên mới có tướng khác. Vậy nên biết vật có tướng khác, nước cũng như vậy. Lại các tướng này trái nhau nên vô thường, như nước năng diệt lửa, lửa năng tiêu nước; sức lửa không vật gì chẳng làm tiêu, huống là hiệp với nước mà xúc lạnh chẳng diệt? Vậy nên kinh Vệ-thê-Sư nói nước quyết định lạnh. Việc này chẳng phải lẽ.

PHẨM LẬP VÔ SỐ TRONG THỨC LUẬN NHÓM KHỔ ĐẾ THỨ 60

Tâm-ý-thức thể một mà danh khác. Nếu pháp năng duyên ấy gọi là tâm.

Hỏi: Nếu vậy thời thọ-tướng-hành thấy và các tâm-số pháp, cũng gọi là tâm? Vì đều năng duyên vậy?

Đáp: Thọ tướng hành thấy đều là tên sai biệt của tâm. Như trong Đạo phẩm nói một “niệm” có năm tên: niệm xứ, niệm căn, niệm lực, niệm giác chính và niệm tinh tấn thấy cũng như vậy. Lại một vô lậu huệ mà có khổ tập trí thấy nhiều tên sai khác. Lại trong một Định pháp mà cũng gọi là thiền, giải thoát trừ nhập. Như vậy tâm một, chỉ vì theo thời nên có tên sai khác. Cho nên biết chỉ là nhất tâm. Tại vì sao? Vì như trong kinh nói: “Người này tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, vô-minh lậu được giải thoát”. Nếu riêng có tâm-số, lẽ phải nói tâm-số được giải thoát. Lại trong kinh nói: “Phật, nếu biết chúng-sinh tâm vui mừng, tâm mềm mại, tâm đều hòa kham nổi được giải thoát, nhiên hậu mới vì nói pháp-tứ-chân-đế”. Trong đây chẳng nói tâm số. Lại trong kinh nói: “Vì tâm dơ nên chúng-sinh dơ, lại

vì tâm sạch nên chúng-sinh sạch”. Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo vào trong tứ thiên được tâm thanh tịnh bất động, nhiên hậu như thật biết khổ-thánh-đế, tập-diệt-đạo đế”. Lại trong 12 nhân duyên nói hành duyên thức. Lại nói sáu món là người. Lại nói nhẹ nhõm dễ chuyển không gì bằng tâm. Lại trong kinh nói: “Kẻ sứ đến chủ trong thành tấu bày sự thật, tấu rồi trở về.” Chủ tức là tâm. Lại nói trong có thức-thân mà chẳng nói có tâm-số. Lại nói vì ba món hòa-hiệp nên gọi là xúc. Nếu có tâm-số thì chẳng gọi là ba, mà thật nói ba. Vậy nên biết chỉ có tâm, không riêng có tâm-số.

PHẨM LẬP HỮU SỐ THỨ 61

Hỏi: Tâm khác, tâm-số pháp khác. Tại vì sao? Vì tâm và tâm-số pháp chung tương ưng vậy. Nếu không có tâm-số thì không có tương ưng, mà thật có tương ưng. Cho nên biết có tâm-số pháp. Trong ý ông, nếu bảo tâm cùng tâm khác tương ưng. Việc này chẳng lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Tâm đi riêng, đi xa, ẩn kín, không hình.” Trong đây chỉ ngăn đồng tính, tuy cùng tâm-số chung đi, nhưng cũng gọi là đi riêng. Như nói Tỳ-kheo ở riêng, tuy có loài trùng thú, nhưng vì không đồng loại nên cũng gọi ở riêng một mình. Cho nên biết tâm chẳng cùng tâm khác tương-ưng, mà thật có tương-ưng. Vậy nên biết có tâm-số. Lại tâm nhiếp thuộc về bảy giới một nhập một ám, còn tâm-số nhiếp thuộc một giới một nhập ba ám. Lại tâm làm chỗ nương ở cho tâm-số. Như trong kinh nói: “Tâm-số pháp này đều nương tâm hành”. Lại nếu không tâm-số thì không ngũ-âm, vậy là không thể được. Lại hai tâm này sinh khác nhau: Do từ hai sinh tâm; từ ba sinh tâm-số. Như trong kinh nói: “Nhân nhãn duyên sắc sinh nhãn-thức, ba việc hòa-hiệp gọi là xúc; xúc nhân duyên sinh thọ”. Lại nói: “Danh-sắc nhóm nên thức nhóm; xúc thọ nhóm nên thọ nhóm”. Lại tâm số pháp tương ưng với chỗ bị nương, vì đồng chung một cảnh duyên. Ở trong một đời tâm chẳng phải như vậy, vì là sai khác. Vậy nên biết tâm khác tâm số pháp khác. Lại trong tứ-y nói: Y trí chẳng y thức. Trí nếu là thức, làm sao nói y? Cho nên biết trí chẳng phải thức vậy. Lại Phật nói tâm-số pháp. Như nói từ tâm sinh, nương ở nơi tâm thì gọi là tâm-số. Lại Phật chẳng nói nghĩa này là duy độc có tâm là không có tâm số. Người khác cũng có thể nói chỉ có tâm-số mà không có tâm.

Nếu ông đem danh-tự để phá tâm-số, thì tôi cũng đem danh-tự mà phá lại tâm. Lại vì chỗ sở-tác khác, nên tướng các pháp khác, như nước năng thấm ướt, lửa năng đốt cháy. Như vậy thọ thấy vì sở-tác khác nên biết có tướng khác. Lại trong các kinh đều nói: Trong tâm sinh giác. Nên biết tâm-số khác với tâm. Vì chẳng lẽ trong tâm tự sinh tâm vậy. Lại như nói vì tâm dơ nên chúng-sinh dơ; tâm sạch nên chúng-sinh sạch. Nếu chỉ là tâm, thì không nhân đâu mà có dơ sạch; người này

chẳng bởi vô-minh nên dơ, huệ-minh nên sạch, lẽ tự dơ tự sạch ấy thời không thể được. Vậy nên có tâm-số pháp.

PHẨM PHI VÔ-SỐ THỨ 62

Tuy người: Nói năng duyên pháp gọi là tâm, tâm sai khác gọi là số, như trong Đạo phẩm nói. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Tướng tâm khác, tướng tâm-số khác”. Năng liễu biệt là tướng Thức; cảm giác khổ vui là tướng Thọ; biết riêng là tướng Tưởng; khởi tác là tướng Hành. Cho đến biết tâm khác, tâm-số cũng khác. Người nói tâm được giải thoát. Việc này chẳng phải lẽ. Vì trong các kinh đều nói rời vô-minh, nên huệ được giải thoát, chẳng những nói tâm được giải thoát. Lại vì tâm thẳng nên chỉ nói tâm. Lại vì người đời phần nhiều đều biết tâm, mà chẳng biết đến tâm-số pháp, nên Phật nói tâm nhiều hơn. Lại trong kinh Phật có lời bất-tận ngữ, chính là lời này vậy. Lại như trong kinh nói: “Các người Tỳ-kheo! Năng dứt một pháp, Ta bảo đảm các người được đạo A-Na-Hàm”. Chỗ gọi là tham dục, mà thật chẳng phải chỉ riêng dứt tham dục. Việc này cũng vậy. Tâm vui mừng thấy đều lấy đây đáp. Người nói trong ngoài hai pháp. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Nói ngoài có danh sắc, tức nói tâm số, vì nhiếp từ ngoài vào nên gọi là ngoài. Lại trong đây Phật nói ba món: Trong có thức thân, tức nói thức với căn; ngoài có danh sắc, tức là nói trần. Người nói có thức-thân. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Trong kinh này nói: “Tất cả tướng ngoài, tức là tâm-số”. Người nói ba món hòa hiệp gọi là xúc. Việc này chẳng phải lẽ. Xúc với thọ thấy làm nhân cho tâm-số, vậy nên riêng nói.

PHẨM PHI HỮU SỐ THỨ 63

Đáp: Người nói vì tương ưng nên có tâm số pháp. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì các pháp đi riêng (ra sau sẽ nói rộng) nên không có tương ưng. Tâm này đi riêng, cũng lấy đây mà đáp, chẳng phải ngăn đồng tính mà ngăn tâm số pháp. Người nói nhiếp thuộc khác, nên có tâm-số. Kẻ làm ra kinh này, tự lập danh tự, chớ trong kinh Phật chẳng nói nhiếp nhau. Vậy nên chẳng phải. Người nói y xứ ấy. Như ý-thức người y nơi tâm, chẳng phải vì y mà bèn gọi là tâm số. Như vậy tâm y nơi tâm chẳng được gọi tên khác. Người nói không ngũ-âm ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tôi cho vì tâm sai khác nên có khi gọi là thọ, có khi gọi là tưởng thấy. Người cho tâm số riêng là ba âm. Tôi cũng cho tâm riêng là ba âm. Người nói sinh khác. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nếu tâm với tâm số pháp chung sinh, sao còn nói “hai sinh tâm, ba sinh tâm số”. Nếu chỉ nói tâm thời còn có lý. Tại vì sao? Vì người này khi trước nói biết, sau mới nói tưởng thấy. Người nói tương ưng duyên đời, nên biết có khác. Việc này trước đã phá rồi, không tương ưng vậy. Người nói y trí chức chẳng phải y thức ấy. Tôi nói tâm có hai thứ: Một gọi là trí, hai gọi là thức;

cho nên tâm y trí, chẳng y thức vậy. Người nói Phật nói y tâm sinh pháp gọi là tâm số ấy. Tâm sinh ra pháp gọi là tâm số, vì tâm do tâm sinh nên gọi là tâm số.

Người nói Phật cũng chẳng nói không tâm số ấy. Tôi cũng chẳng nói không tâm số pháp, nhưng chỉ nói vì tâm sai biệt nên gọi là tâm số. Lại nói có đạo lý, thời chẳng khá nói cũng gọi là nói; nếu không đạo lý dù có nói cũng như chẳng nói. Vậy nên chẳng khá lấy “nói” làm nhân. Lại chúng tôi sẽ nói nghĩa sanh tự tâm tâm số pháp. Vì nhóm khởi thân đời sau, vì tương đồng với tâm, nên cũng gọi là tâm. Lại tâm với tâm số vì đều do tâm sinh, nên gọi là tâm số. Nếu người nói chỉ có tâm-số-pháp, thời người ấy cần phải thuyết minh danh nghĩa của tâm-số-pháp, mà thật chẳng khá thuyết được. Vậy nên phi-nhân. Người nói sở-tác khác với tâm sinh giác, đều lấy đây mà đáp. Tại vì sao? Vì tôi cho tâm sai biệt nên nghiệp sở-tác khác, rồi cũng trong tâm sinh tâm, gọi là tâm sinh giác. Người nói dơ sạch không nhân. Việc này chẳng phải lẽ. Tuy không có tâm-số pháp, mà có dơ sạch. Lại vì không tướng khác nên không có tâm-số pháp. Tại vì sao? Vì người cho tâm tương-ung nên gọi là tâm-số, mà pháp tương-ung không có (Ra sau sẽ nói rộng) cho nên chẳng do tâm riêng có tâm-số pháp.

PHẨM MINH VÔ SỐ THỨ 64

Người nói tướng khác nên có Tâm-số. Việc này chẳng phải lẽ Tại vì sao? Vì hoặc thức hoặc giác là các tướng đồng không có sai biệt. Như tâm thức sắc, tức gọi là giác, cũng gọi là tướng thấy. Như người đời nói người thức người này tức gọi là biết; do cảm thọ khổ vui cũng tức là biết. Nên phải biết thức tức là thọ tướng. Nếu các pháp này có định tướng khác nhau, nay cần phải nói, mà thật chẳng nói được, nên biết không có tướng khác. Người nói huệ được giải thoát. Việc này chẳng phải lẽ, vì không duyên do vậy. Tùy theo tâm có nhiễm cũng có vô-minh; tâm này trong nhóm nhiễm và vô-minh đều cùng tương-ung với nhau. Nếu nói vô-minh làm dơ huệ, nhiễm làm dơ tâm ấy, thời không có duyên do. Như vậy vì lìa vô-minh nên huệ được giải thoát. Vì lìa nhiễm-dơ nên tâm được giải thoát, cũng đều không không duyên do. Lại gọi kinh này là bất liễu-nghĩa. Như trong kinh nói: “Vì lìa ba món lậu nên tâm được giải thoát”. Cho nên biết cũng do lìa vô-minh tâm được giải thoát. Nếu như nói do lìa nhiễm tâm được giải thoát, lời này là ngăn đoạn. Nếu do lìa nhiễm nên tâm được giải thoát, là rốt ráo đoạn. Nếu do từ nhiễm nên tâm được giải thoát; từ vô-minh nên nên huệ được giải thoát. Vậy thời do lìa giận dữ thấy là cái vật gì được giải thoát, việc này cần phải đáp. Nên phải biết lìa tâm không được giải thoát, cho nên chỉ có tâm. Người nói vì tâm thù-thắng nên chỉ nói tâm ấy. Tâm có nghĩa là gì mà thù-thắng còn huệ thấy các pháp lại không có? Người nói người đời phần nhiều biết tâm, nên chỉ nói tâm ấy. Người đời cũng Thức nhiều khổ vui, cần nên nói thọ thấy.

Người nói có các kinh ấy. Cớ sao chẳng chỉ tâm-số, mà chỉ nói tâm. Người nói chỉ đoạn một pháp, lời này có lý, vì Phật tùy chúng-sinh nào phiền não nhiều hơn, hoặc thường che nơi tâm, mới nói một pháp này, vì đoạn được pháp ấy, thời các pháp kia tự đoạn. Vậy nên phi nhân. Người nói vì nói danh tướng tức là nói tâm-số. Người tự nhớ tướng phân-biệt, chứ kinh này chẳng nói nghĩa ấy. Nếu người tự sinh nhớ tướng phân biệt, sao chẳng nói bởi danh tướng nên nói tâm duyên, thời có lý. Người nói xúc và thọ thấy làm nhân cho tâm-số. Lời nói này bị nhiều lỗi, vì đều là pháp tương-ung mà nói xúc làm nhân thọ thấy, chứ chẳng phải thọ thấy làm nhân cho xúc có các lỗi như vậy. Cho nên biết chỉ có tâm, mà không riêng có tâm-số.

PHẨM VÔ TƯƠNG-UNG THỨ 65

Không có pháp tương ung. Tại vì sao? Vì không có tâm-số pháp thời tâm tương ung với cái gì? Lại các tướng thọ thấy chẳng được đồng thời. Lại nhân-quả chẳng cùng lúc. Thức là nhân của tướng thấy các pháp. Pháp này chẳng phải đồng có một thời, nên không có tương ung. Lại Phật nói trong pháp nhân-duyên thâm sâu; vì việc này sinh nên việc kia được sinh. Lại như hạt giống, mộng, cây, nhánh, lá, hoa và trái thấy, hiện thấy nhân-quả lần lữa nhau. Cho nên thức thấy cũng cần thứ lớp mà sinh. Nếu ý người bảo tham thấy các phiền não cùng sắc chung nhau nên đồng sinh ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì sắc không có tính liễu tri, nên chẳng phải năng duyên. Còn tâm và tâm-số có duyên có liễu-tri, cho nên một thời chẳng được đồng có, vì không có nhiều liễu tri vậy. Lại do một thân gọi là chúng-sinh, vì một liễu tri vậy. Nếu trong một niệm có nhiều tâm-số pháp, thời có nhiều liễu-tri, vì có nhiều liễu-tri nên lẽ phải nhiều người, việc ấy không thể được. Cho nên trong một niệm không có các pháp thọ thấy. Lại cớ sao sáu thức chẳng cùng sinh một lúc.

Hỏi: Các thức đều đợi thứ lớp duyên sinh, nên chẳng một lúc?

Đáp: Bởi các chi ngăn nên duyên một thứ lớp mà thứ lớp chẳng được sinh sáu thức ư? Phải biết nhân trước quả sau thứ lớp sinh vậy. Lại trong kinh nói: “Mắt thấy sắc chẳng thấy tướng”. Lấy tướng tức là nghiệp của tướng. Nếu như Phật cho nghiệp thức mà ngăn nghiệp tướng, thời phải biết hoặc có thức mà không tướng. Nếu người lấy tướng, là thấy này đã lấy, thời chẳng phải còn khi thấy, cho nên biết thức thấy thứ lớp mà sinh. Lại trong kinh nói: “Mắt thấy sắc rồi tùy theo vui suy nghĩ”. Trong đây cũng trước nói nghiệp thức sau nói thọ thấy. Lại trong kinh nói: “Thấy cái thấy thấy”. Cho nên biết chẳng phải tất cả tâm đều có thọ thấy. Lại bởi tướng nắm thức. Việc này khá rõ. Tại vì sao? Vì nếu người với trong nhãn-thức không thể lấy tướng kể oan, người thân và tướng kể chẳng oan thân, thì là không tướng, cũng không buồn vui, vì không phân biệt vậy. Hoặc có người nói: “Trong đây cũng không có tham thấy các phiền não”. Cho nên biết không suy nghĩ; Vì năng tìm cầu

thân đời sau, nên gọi là suy nghĩ. “Việc này ra sau sẽ nói” cho nên biết năm thức cũng không suy nghĩ vậy. Lại các người nói năm thức không thể phân biệt. Trong đây làm sao mà có giác quán? Vì suy nghĩ phân biệt trước thô sau tế, nên gọi là giác quán. Lại nếu trong năm thức có giác quán ấy, như nói muốn ta biết người, là gốc đều do nghĩ giác mà sinh. Vậy thời khi giác không muốn, khi biết làm sao có giác? Cho nên phải công nhận chịu năm thức không tưởng, không giác, không quán. Tại vì sao? Vì trong năm thức không có phân biệt là trai hay gái, cũng không phân biệt thọ thấy, thời trong đây phân biệt những gì?

Lại các người nói: “Năm thức thứ lớp sinh ý thức, vì năm thức không phân biệt vậy”. Nếu trong năm thức có phân biệt ấy cần gì thứ lớp sinh ý thức u? Lại giác quán chẳng phải sinh trong một tâm niệm, vì thô tế trái nhau vậy. Thí như rung linh tiếng đầu là giác, các tiếng tiếp sau là quán. Dụ kia cũng vậy. Nếu trong năm thức có giác quán ấy, cần nói hành nghiệp nó, mà thật chẳng nói được. Nên phải biết tâm và tâm-số pháp thứ lớp mà sinh. Lại si và huệ trái nhau chẳng lẽ cùng có đồng lúc, thì làm sao trong một niệm có cũng biết, cũng chẳng biết. Lại trong một tâm niệm chẳng dung có hai nghi. Tại vì sao? Vì hoặc cây trụ hoặc người chẳng được hiện hành trong một tâm niệm, vì tâm nghiệp không có sức ấy vậy. Lại có người nói trong tâm-số pháp nhớ duyên đi đời quá-khứ. Thì tâm hiện tại làm sao có được? Lại như nghĩ người này là bạn tri thức của ta, vì đã từng làm lợi ích cho ta; nghĩ rồi sinh vui. Việc ấy thế nào ở trong một tâm niệm? Lại muốn, chẳng muốn làm sao ở trong một tâm-niệm? Như trong kinh nói: “Nếu các Tỳ-kheo vui muốn Pháp Ta, thời Pháp tăng-trưởng, nếu chẳng vui muốn thời pháp tổn giảm.” Làm sao có được một tâm niệm? lại như trong một tâm niệm có tâm-số pháp thời pháp làm lộn. Tại vì sao? Vì với trong một tâm có: biết chẳng biết, nghi chẳng nghi, tin chẳng tin, tinh tấn, biếng nhác... Có các lỗi như vậy. Lại tất cả tâm-số nên đều ở trong một tâm, vì do cái gì ngăn, mà khổ vui tham giận thấy chẳng ở trong một tâm? Nếu người bảo vì khổ vui thấy trái nhau nên chẳng ở trong một tâm ấy. Thời biết và chẳng biết thấy cũng trái nhau, nên lẽ ra cũng chẳng ở trong một tâm? Nên không tương-ung.

Lại trong kinh thất Bồ-Đề phận Phật thứ lớp nói tâm-số pháp: “Nếu Tỳ-kheo tu tứ niệm xứ; bấy giờ mới tu tập niệm Bồ-Đề phận được; tâm ở trong niệm, chọn lựa các pháp; vì chọn lựa các pháp nên sinh tinh-tấn; vì nhờ sức tinh-tấn nên năng nhóm pháp lành, tâm sinh mừng trong sạch; vì tâm mừng nên được khoan-khoái; vì được khoan-khoái nên tâm nhiếp; vì tâm nhiếp nên được định; vì được định nên năng bỏ tham buồn”. Vì bỏ tham buồn, nên mới biết tâm-số thứ lớp mà sinh. Lại trong Bát-đạo-phận cũng thứ lớp nói: “Nếu được chính-kiến, thời từ chính-kiến sinh chính tư-duy cho đến chính-định”. Lại trong kinh thứ lớp Phật bảo A-Nan rằng: “Người trì-giới tâm chẳng nên nguyện muốn không lo buồn, ăn năn; Vì tâm

pháp người tri-giới là không lo buồn ăn năn; kẻ không lo, buồn ăn năn chẳng cần nguyện muốn nên tâm được vui tươi; tâm không lo, buồn ăn năn pháp ứng vui tươi; vui tươi thời tâm mừng; tâm mừng thời thân được khoái; thân khoái thời thọ vui; thọ vui thời tâm nhiếp; tâm nhiếp thời được thật trí; được thật-trí thời nhàm lìa; nhàm lìa thời giải thoát”. Nên mới biết tâm pháp thứ lớp mà sinh.

Lại trong kinh Bát-đại-nhân-giác cũng thứ lớp nói: “Nếu Tỳ-kheo tu thiếu dục thời tri-túc; tri-túc thời xa lìa; xa-lìa thời tinh-tấn; tinh-tấn thời chính-nghĩ-nhớ; chính-nghĩ-nhớ thời tâm nhiếp; tâm nhiếp thời được huệ; được huệ thời dứt hí luận”. Lại trong kinh Thất-tịnh cũng thứ lớp nói: “Giới-tịnh là tâm-tịnh; tâm-tịnh là kiến-tịnh; kiến-tịnh là độ-nghi-tịnh; độ-nghi-tịnh là đạo phi-đạo tri-kiến tịnh; đạo phi-đạo tri-kiến tịnh là hành tri-kiến tịnh; hành tri-kiến tịnh là hành-đoạn tri-kiến tịnh”. Lại trong kinh Nhân-duyên cũng thứ lớp nói: “Nhân mắt duyên sắc mới sinh si phần nghĩ nhớ bậy” Trong đây si là vô-minh. Chỗ sở cầu của kẻ si tức là ái; chỗ sở-tác của kẻ-ái là nghiệp. Tất cả là như thế.

Lại trong kinh Đại-nhân cũng thứ lớp nói Ái đứng đầu trong chín pháp: “Nhân ái sinh cầu, nhân cầu nên được, nhân được nên so sánh, nhân so sánh nên sinh nhiễm, nhân nhiễm nên tham đắm, nhân tham đắm nên lấy, nhân lấy sinh lòng tham rít, nhân lòng tham rít nên giữ-gìn, nhân giữ-gìn nên mới có roi gậy tranh kiện là bao nhiêu khổ-não”. Lại trong pháp Tu-Đà-Hoàn cũng thứ lớp nói: “Nên gần gũi người lành được nghe chánh-pháp, vì nghe chánh-pháp nên năng sinh chánh-niệm, nhờ nhân-duyên chánh-niệm năng tu hành Đạo” Lại trong kinh nói: “Nhân nhãn duyên sắc sinh nhãn-thức, ba món hòa hiệp nên gọi là xúc”. Nếu nói tâm và tâm-số pháp sinh cùng một lúc ấy, thời không có ba món hòa hiệp. Nếu nói mỗi mỗi sinh riêng thời có ba món hòa-hiệp. Vì các duyên có trên đây nên không có tương-ung.

PHẨM HỮU TƯƠNG-UNG THỨ 66

Hỏi: Có pháp tương-ung. Tại vì sao? Vì như người thấy thọ là Thần, thức là tâm nương vào đó, vì có tương-ung vậy. Tương-âm thấy cũng như thế. Nếu không tương-ung, do đâu có thế? Lại trong kinh người nói: “Bởi nhãn duyên sắc sinh nhãn-thức; ba món hòa-hiệp sinh xúc, chung sinh thọ, tưởng, hành thấy”. Với trong pháp này có nhiều thứ tên, chỗ gọi chúng-sinh, trời, người, trai, giá, lớn, nhỏ các tên như thế đều bởi các âm. Nếu nói tâm và tâm-số pháp thứ lớp sinh ấy. Thời nhân hai âm. Có người, chẳng nên nhân năm âm. Tại vì sao? Vì chẳng khác nhân các âm quá-khứ vị-lai mà gọi là người. Ông nói hiện tại không có năm âm ấy, làm sao nói nhân năm âm gọi trời người thấy. Mà trong đây nhân các âm, chứ chẳng những hai âm vậy. Cho nên năm âm có tên chúng-sinh. Lại trong kinh nói có lối tương-ung nghĩa là có căn trí tương-ung tín. Lại trong kinh nói: Xúc tức cùng thọ

tưởng tư đồng sinh. Lại nói năm chi nhánh Sơ-thiền. Cũng nói thọ thủy là chỗ thức trụ. Nếu thức không tương ưng làm sao thức trụ trong pháp thọ thủy được? Trụ này gọi là trụ-nương dựa. Tại vì sao? Vì chẳng nói thức là chỗ thức trụ vậy. Lại trong kinh nói: Tâm cùng pháp này đều từ tâm sinh, rồi nương đậu nơi tâm. Lại nói tâm chúng-sinh trong đêm dài bị tham giận thủy làm dơ bẩn. Nếu không tương-ưng làm sao dơ được! Lại vì tâm và tâm-số pháp tính yếu ớt, nên nương nhau mới duyên được, dụ như bó tre nương nhau mới đứng vững. Lại trong kinh nói: “Khi tâm rung động chẳng nên tu ba món giác là: Trạch pháp, tinh-tấn và hỷ, vì lại thêm động vậy. Mà nên tu ba món giác-ý là: Khoái, định và xả, vì ngăn phát động vậy. Còn món Niệm năng khắp đều-hòa . Nếu tâm nhất chìm thời chẳng nên tu ba món giác là: Khoái, định và xả, vì thêm lui chìm vậy. Cần nên tu ba giác là: Trạch-pháp, tinh-tấn và hỷ, vì năng tâm phát khởi vậy. Niệm năng khắp đều-hòa. Lại có Luận-sư nói: Nên đồng thời tu tập pháp trợ Bồ-Đề, chẳng được lìa nhau. Cho nên biết có tương ưng.

PHẨM PHI TƯƠNG-ƯNG THỨ 67

Người nói thấy thọ là Thần. Việc này chẳng phải lẽ. Kẻ phạm phu si-hoặc, quấy sinh thấy ấy chẳng năng phân biệt đây là thọ, đây là thức nương ở. Người này, nếu năng phân biệt như thế cũng có thể vào được lý “Không”. Người này thấy tâm tương-tục chẳng phân-biệt được, chỉ lấy lời nói, nên mới nói như vậy, là lời si-hoặc chẳng khá tin vậy. Người nói nhân các ám nên gọi là người ấy. Là nhân năm ám nối nhau gọi là người, nên nói là các ám. Như người đời nói: Người vui, người khổ và người chẳng vui khổ; chẳng phải đồng thời có ba thọ ấy các ám cũng vậy. Người nói có căn trí tương-ưng tín. Trong kinh cũng nói các việc tương-ưng: như nói hai Tỳ-kheo tương ưng với trong một việc làm. Lại nói óan tương-ưng là khổ, ân-ái chia lìa là khổ. Trong pháp của người sắc không tương-ưng. Mà đây vì thế tục, nên cũng gọi tương-ưng. Trí tín cũng vậy. Tín năng tin vô thường thủy; huệ tùy tâm hiểu rõ, chung thành một việc, nên gọi tương-ưng. Người nói do xúc liền có thọ thủy chúng-sinh. Việc này chẳng phải lẽ. Thế-gian có việc tuy có chút trái nhau, cũng gọi là đồng chung, như nói với đệ-tử chung đi; cũng như nói Vua Đảnh-Sinh, sinh tâm nghĩ, liền đến trên trời. Việc này cũng vậy. Kẻ phạm phu khi thức đến cảnh duyên, quyết thứ lớp sinh thức, kế thức sinh tưởng; kế tưởng sinh thọ; kế thọ sinh nghĩ, rồi nghĩ và buồn mừng thủy từ đây sinh tham, giận, si. Cho đến nói liền sinh. Người nói năm chi nhánh Sơ-thiền. Trong bực thiền này có năm chi, chẳng phải nhất thời, như cõi Dục có ba món thọ. Tại vì sao? Vì trước nói pháp, sau nói bực vậy. Lại giác-quán chẳng tương ưng nhau được, trước đã đáp rồi. Người nói thức xứ ấy. Trong kinh này nói thức duyên xứ, chẳng nói y xứ. Tại sao biết được? Tức trong kinh này nói thức duyên sắc vui thắm nên mới trụ. Người tuy nói thức duyên thức trụ. Thời lẽ phải có năm thức xứ. Việc này chẳng phải lẽ. Tại

vì sao? Là vì khi thức chút biết, thức biết việc rồi tâm mới sinh tướng thấy; rồi trong ấy khởi ái, do nhân duyên khởi ái mới nói là thức-xứ. Vậy nên chẳng nên nói thức là thức xứ. Lại trong thất thức-xứ cũng nói thức là thức-xứ. Lại nên cần suy nghĩ kinh này, đừng chỉ cheo lời nói, như nói tin năng qua sông, là lời nói bất tận. Mà thật nhờ huệ mới qua được. Việc này cũng cần như vậy.

Người nói tâm-số pháp nương nơi tâm. Việc này chẳng phải lẽ. Tâm trước biết việc sau sinh tướng thấy. Lại trong kinh nói: “Thọ thấy nương tâm”. Chứ chẳng phải như bức vẽ nương nơi vách mà gọi là tâm-số nương tâm. Người nói tâm-số nương nhau như bó tre ấy. Cùng các kinh trái nhau. Vì tại sao tâm-số nương tâm, mà tâm chẳng nương tâm-số? Nếu người bảo: Vì tâm sinh trước lớn nên tâm-số pháp phải nương nhờ, thời là thành lập nghĩa của tôi rồi, vì tâm khi sinh không có tâm-số pháp vậy. Người nói vì phiền não nhiễm tâm nên biết có tương-ung. Đấy không đạo lý gì cả. Nếu tâm trước sạch mà bị tham thấy đến làm nhiễm dơ, tức là tịnh pháp khá dơ, thời hại cho pháp tướng. Cũng như trước có nói tâm tính vốn sạch mà bị khách trần đến làm dơ, vì tâm sạch nên chúng-sinh sạch. Vậy thời chúng-sinh cũng cần tương-ung? Nếu chúng-sinh chẳng tương-ung được, thời tham thấy cũng chẳng tương-ung được. Vì hiện hành trong tâm nối nhau sinh uế thấy tâm dơ các nối nhau, nên mới nói nhiễm-tâm. Như nói từ nhiễm-tâm được giải thoát. Trong tâm nối nhau này, nếu tịnh tâm sinh được gọi giải thoát. Việc này cũng vậy. Như mây mù thấy tuy chẳng tương-ung với mặt trời trắng, nhưng cũng có thể làm mờ. Tham thấy cũng vậy, tuy chẳng tương-ung với tâm, nhưng cũng năng làm mờ bản. Lại vì khói mây mù thấy năng che trời trắng nên gọi là mờ. Tham thấy cũng vậy, năng chướng tịnh tâm nên gọi là dơ.

Hỏi: Mây mù trời trắng chỉ trong một giây lát, chớ phiền não với tâm chẳng phải như vậy, nên dụ này chẳng nhằm.

Đáp: Vì đồng ngăn ngại vậy, việc này đã thành, nên không có lỗi, phiền não này năng làm dơ tâm tương-tục, nên gọi là nhiễm. Người nói tâm-số từ tâm sinh rồi nương chung nơi tâm ấy. Việc này trước là đáp. Người nói tâm và tâm-số pháp tính yếu ớt ấy. Vì niệm niệm diệt, nên gọi yếu ớt, chứ chẳng phải giúp nhau mới năng hành nơi cảnh duyên. Nếu giúp nhau thời lẽ ra được chút dừng trụ lại, mà thật chẳng thấy có. Nếu có sức giúp nhau, cần gì phải tương-ung? Người nói bảy giác ý hợp nhau. Lời này tùy thời nên tu ba giác, chẳng phải trong một niệm. Như Xá-Lợi-Phất nói: “Tôi với bảy giác, tự tại năng vào”. Nếu tâm lay động bây giờ nên tu khoái thấy ba giác. Lại Phật cũng nói giác pháp thức lớp. Người nói đồng thời tu Bồ-Đề phận. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu đồng thời tu 37 phẩm thời nên đồng thời tu hai món tín và năm niệm thấy. Nếu ý người bảo tùy được chỗ tu tức là ly-tu. Lại tùy theo kẻ khác tu được như Nhị-thiền thấy, nên gọi là bất ly. Lại đồng thời 37

phẩm thời không đạo lý. Tại vì sao? Vì trong một niệm không thể tu được nhiều pháp như vậy.

PHẨM ĐA-TÂM THỨ 68

Hỏi: Đã biết không có riêng tâm-số, cũng không có tương ưng nữa. Nay tâm này là một hay là nhiều? Có người bảo tâm là một, mà tùy sinh nên nhiều?

Đáp: Nhiều tâm. Tại vì sao? Vì biết gọi là tâm, mà sắc biết khác, hương thấy biết khác, cho nên nhiều tâm. Lại nhãn thức sinh khác, nghĩa là đợi ánh sáng, hư không và các duyên, nhĩ thức chẳng phải vậy. Ba thức trần đến mới sinh; ý thức do nhiều duyên sinh. Cho nên biết chẳng phải một. Lại thức biết trần tướng thường như vậy, thời làm sao lại biết món trần khác? Nếu nhiều tâm sinh thời mới có thể biết được nhiều; như tà chính biết khác, hoặc quyết định hoặc nghi ngờ, hoặc lành, chẳng lành, hoặc cũng lành cũng chẳng lành đều biết sai khác. Trong điều lành lại có thiên định giải thoát và bốn vô lượng, thần thông thấy khác. Trong điều chẳng lành cũng có tham dục, giận dữ, ngu si thấy khác. Trong điều lành chẳng lành cũng có khứ lai thấy khác. Có biết năng khởi thân nghiệp khẩu nghiệp. Có khởi oai nghi, hoặc hiệp hoặc ly, bởi thứ lớp duyên tăng thượng, mỗi mỗi sai khác, nên các tâm cũng khác.

Lại sạch chẳng sạch các món thọ sai khác, nên tâm cũng khác. Lại sở tác sai khác nên tâm có khác. Lại sạch chẳng sạch tâm tính đều khác; nếu tâm tính sạch thời chẳng bị dơ, như ánh sáng mặt nhật vốn trong sạch quyết chẳng dơ được. Nếu tính chẳng sạch chẳng khá khiến sạch, như lông nhỏ của những thú tính đen đều chẳng khá khiến trắng. Mà trong bố thí thấy thật có tịnh tâm. Trong pháp sát-sinh thấy thật có bất tịnh-tâm. Cho nên tâm chẳng phải một. Lại tùy các thọ khổ vui sai khác, nên tâm cũng chẳng phải một; như nói Tỳ-kheo dùng thức để biết việc gì đó, nghĩa là biết khổ vui và chẳng khổ vui. Lại nếu tâm là một, thời một thức nên năng lấy tất cả trần. Mà nói nhiều tâm ấy, là tùy căn sinh thức, vậy nên không thể lấy tất cả trần. Nếu tâm là một, thời vì cái gì ngăn mà chẳng lấy tất cả trần được? Cho nên biết nhiều tâm. Lại pháp khá bị lấy khác, nên năng lấy cũng khác. Như người nói hoặc tự biết tâm mình, làm sao tự biết tự thể được? Như mắt chẳng tự thấy, dao chẳng tự cắt, ngón tay chẳng tự xúc, nên tâm chẳng một. Lại trong kinh Hào dụ nói: “Thí như khi đột bỏ một nhánh liền vịn lấy một nhánh khác”. Tâm cũng như thế, sinh diệt mới luôn. Lại nếu tâm là một, mà nói có cả sáu thức, thời lời này bị hoại. Lại trong kinh nói: “Thân hoặc trụ mười năm, mà tâm, niệm niệm sinh diệt”. Lại nói: “Phải quán trụ tâm vô thường”. Tâm này mà nói là trụ, vì nối nhau niệm niệm chẳng dừng. Lại như một nghiệp khá lấy lần thứ hai, thức cũng như vậy, chẳng

trùng tại duyên cảnh. Lại như lửa cỏ chẳng dòi được đến củi. Như vậy nhãn thức chẳng đen trong tai. Cho nên biết có nhiều tâm.

PHẨM NHẤT-TÂM THỨ 69

Hỏi: Tâm là một. Tại vì sao? Như trong kinh nói: “Tâm này đêm dài bị tham thảy làm do”. Nếu tâm khác ấy, chẳng gọi là do. Lại trong kinh Anh-lạc nói: “Nếu tâm thường tu tín, giới, thí, vãng và huệ, thời chết sinh lên”. Lại trong kinh thiên nói: “Kẻ được sơ-thiền, vì tâm đều hòa mềm mại, nên có thể từ sơ-thiền đến đệ-nhi-thiền”. Lại trong Tâm-phẩm nói “Tâm này thường động, như cá mất nước, vậy nên các người phải phá quân ma”. Nên biết tâm một, động ở đây chạy đến kia. Lại trong Tạp-tạng Tỳ-kheo nói: “Trong hang năm cửa, khi đột nháy múa, khi chút đứng yên, đừng cho như xưa”. Nên biết một tâm, ở trong hang thân năm căn cửa cửa động, nay tức là xưa, cho nên mới nói: “Đừng cho như xưa”. Lại nói tâm này đi khắp như ánh sáng mặt nhật soi. Kẻ trí năng trị, như móc trị voi. Nên biết tâm là một, chạy rộng duyên trong các cảnh. Lại vì vô-ngã, nên tâm mới khởi nghiệp, vì tâm là một nên năng khởi các nghiệp, rồi chịu quả-báo; tâm chết tâm sống, tâm buộc mở, vốn tự chịu lấy. Tâm năng nghĩ nhớ, nên biết tâm một. Lại vì tâm là một, nên năng tu nhóm, nếu niệm niệm diệt, thời không sức nhóm. Lại Phật-Pháp là vô-ngã, vì tâm một nên gọi tướng chúng-sinh. Nếu tâm nhiều thời chẳng phải chúng-sinh. Lại tá thấy hữu biết, chẳng lẽ thấy khác biết khác? Cho nên biết tâm một, tự thấy tự biết,

PHẨM PHI ĐA TÂM THỨ 70

Ông tuy nói sắc thảy biết khác. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu tâm là một, làm nhiều thứ nghiệp, như một người ở trong nhà năm hướng, khắp chỗ lấy trần, tức tâm này trụ ở trong mắt, đợi các duyên sáng thảy mới năng thấy sắc. Như tức người này, ở chỗ khác đợi bạn cũng tức tâm này chỗ biết sai khác. Như tức người này, trước là kẻ biết, sau lại kẻ không biết. Như vậy biết tà lại là biết chính. Như tức người này, trước là kẻ tịnh, sau lại bất-tịnh. Như vậy biết nghi ngờ tức là biết quyết-định. Như tức người này, trước là kẻ nghi, sau lại kẻ quyết định. Là tâm bất thiện tức lại là thiện, cũng là vô-ký. Như người này, hoặc nghĩ thiện, hoặc nghĩ bất-thiện, hoặc nghĩ vô-ký. Tức tâm này năng tác oai-nghi đến đi sai khác. Như tức người này, làm các hành nghiệp đi đến các oai-nghi. Như vậy tịnh-tâm tức là bất-tịnh; bất-tịnh tức là tịnh. Như tức người này trước là thanh-tịnh, sau lại bất-tịnh. Tức tâm này tương-ung với vui, sau lại tương-ung với khổ. Như tức người này trước là người vui, sau lại là người khổ. Cho nên nói tâm một dùng làm nhiều nghiệp. Ông nói một thức chẳng lấy sáu trần nên chẳng phải một tâm. Việc này chẳng phải lẽ. Tôi cho vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Nếu thức trụ trong

mắt, chỉ năng lấy sắc mà chẳng lấy trần khác, các thức khác cũng vậy. Ông nói năng lấy và bị lấy khác. Việc này chẳng phải lẽ. Tâm pháp năng biết tự-thể; như đèn tự soi các vật; như người tính toán cũng năng tự toán, và toán cho kẻ khác. Như vậy tâm một năng biết tự-thể, cũng biết kẻ khác. Ông nói dụ con khi. Việc này chẳng phải lẽ. Như một con khi đột bỏ đi một nhánh lại liền vịn lấy một nhánh khác, Tâm cũng vậy bỏ một cảnh duyên, lại lấy một duyên. Bao nhiêu lời ông đã nói: năng tự khởi nghiệp, tự chịu quả báo đều đã chung đáp. Tại vì sao? Vì nếu tâm khác ấy, thời lẽ phải: làm khác, chịu khác, chết khác, và sống khác, có các lỗi như thế. Cho nên biết một tâm.

Thành Thật luận hết quyển 5

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 6

PHẨM PHI NHẤT TÂM THỨ 71

Đáp: Người nói tâm một, bị tham thấy làm dơ luôn. Việc này chẳng phải lẽ. Với trong tâm nối nhau luôn thấy là một tướng. Như nói gió chiều qua tức là gió sáng nay. Sông ngày nay tức sông ngày xưa. Đèn mai nay tức là đèn hôm qua. Như cái rừng rụng gọi là tái sinh, vì giống nhau ấy nên gọi là tái sinh. Như vậy tâm khác, vì nối nhau luôn, nên bảo là một tâm. Người nói nghĩ nhớ ấy. Người hoặc tự nghĩ bản-tâm, nếu bản tâm đến nay còn nghĩ việc gì? Lại làm sao sẽ đem tâm này mà nghĩ tâm này? Không có một trí nhớ nào năng biết tự-thể. Nên chẳng phải một tâm. Người nói tu nhóm. Nếu tâm thường một, tu sao được ích? Nếu có nhiều tâm thời hạ, trung, thượng thứ lớp nối nhau sinh, nên mới có tu nhóm. Người nói tâm là một tướng. Nếu tâm là một tướng, tức đây là thường, thường tức chân-ngã. Tại vì sao? Vì nay làm sao làm thường một chẳng biến nên mới cho là một. Như rót nước nối nhau luôn, trong tâm làm cho là một. Như kẻ bệnh mắt thấy đùm tóc cho là một; nếu với việc này kẻ có thể phân biệt thời biết kia lại khác. Lại kẻ thâm trí năng biết tâm khác. Tại vì sao? Vì các vị Phạm-Vương thấy ở trong con mê-muội thốt nói như vậy: Thân này vô thường, mà tâm-thức này là thường. Như các vị Phạm-Vương thấy mà hãy còn mê-muội, huống chi người khác mà chẳng mê đắm thường ư? Cho nên phải khéo suy-nghĩ các pháp duyên-sinh, thời nghĩ điên-đảo kia mới dứt. Người nói tả thấy hữu. Vì là trí-lực nên thấy khác biết khác, như người này làm thơ nhiều người khác năng biết. Lại như các người đã được là Thánh-nhân

năng biết: Những việc vị-lai chưa sinh, chưa có mà Thánh-trí năng biết. Lại việc quá-khứ không nghĩ nhớ, nên biết chưa đến chưa có mà trí-lực năng biết. Việc này ra sau sẽ nói rộng.

PHẨM MINH ĐA-TÂM THỨ 72

Người nói tâm một dùng làm nhiều nghiệp. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì chính lấy nghĩa rõ biết là tâm. MÀ rõ biết sắc khác rõ biết thanh khác, tâm tâm sao một được? Lại như nghiệp tay cầm bình thời chính tay này chẳng cầm được vật khác nữa. Như vậy vì tùy tâm nào lấy sắc, thời chính tâm ấy chẳng còn nghe tiếng được. Lại nhãn thức này lấy nhãn căn làm chỗ nương, lấy sắc làm cảnh duyên; hai món này là vô thường niệm niệm sinh diệt, thời nhãn thức làm sao tránh khỏi niệm niệm diệt được? Ví như không cây bóng đâu có được! Như vậy vì nhãn sắc niệm niệm diệt, nên chỗ bị nương để sinh thức cũng niệm niệm diệt; pháp mà niệm niệm diệt không có sức đi. Lại trước đã có các lời đáp trong ý phẩm, nên ý chẳng đi. Tuy người nói thực trụ trong mắt, đợi sáng năng thấy, như tức người này năng thấy nghe thấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nay trong Luận này tìm thật nghĩa của pháp, còn người là giả-danh chẳng nên đem làm dụ. Lại nếu cần tìm tướng người, thời tôi nói các âm là người, cũng nói nhiều biết biết nghi ngờ thấy, khác với nhiều biết quyết định; chẳng nên đem nhiều biết nghi ngờ mà cho là nhiều biết quyết định. Như vậy tất cả. Người nói vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Việc này chẳng phải lẽ. Căn là nhân-duyên sinh thức. Nếu thức là một, thời nhiều căn để làm gì? Người đem Đền, Toán làm dụ. Dụ này chẳng đúng. Như vì chẳng soi đốt đèn mà thể đèn chẳng phải chẳng soi, nên chẳng tự soi, nhờ đèn mà thể đèn chẳng phải chẳng soi, nên chẳng tự soi, nhờ đèn phá tối, nhãn-thức được sinh; nhãn-thức sinh rồi cũng năng thấy đèn và bình thấy các vật. Lại người toán số, năng biết sắc mình, cũng biết sắc kẻ khác, nên gọi biết nhau. Người nói nghiệp thấy. Trong lời nạn nghiệp thấy đã đáp rồi, nên nay không lỗi. Lại nếu tâm thường một thời không nghiệp không báo. Tại vì sao? Chính vì tâm và chỗ bị nương là nghiệp. Nếu tâm là một, đâu có nghiệp báo? Buộc mở thấy đều như thế. Lại người nói làm khác chịu khác. Đây cũng chẳng phải lẽ. Vì các âm nối nhau luôn, chẳng phải một, chẳng phải khác, mà nói các nghiệp thấy, chứ chẳng phải chân thật nghĩa vậy. Với trong âm nối nhau mà nói kia đây thấy các danh tự thời không lỗi. Cho nên biết có nhiều tâm.

PHẨM THỨC TẠM TRỤ THỨ 73

Hỏi: Đã rõ biết nhiều tâm. Nay các tâm là niệm niệm diệt hay là có trụ chút thời? Có người nói: Tâm trụ chút thời. Tại vì sao? Vì rõ biết sắc thấy vậy. Nếu niệm niệm diệt, thời không thể rõ biết được. Cho nên chẳng phải chẳng trụ. Nếu niệm

niệm diệt thời quyết chẳng biết được các pháp sắc thấy. Tại vì sao? Vì như điện sáng tạm trụ còn chẳng rõ biết được, huống là niệm niệm diệt mà rõ được u? Nay thật có rõ biết nên mới biết các thức chẳng phải niệm niệm diệt. Lại nhãn-thức nương nhãn-căn duyên sắc, hai món này chẳng khác, thức cũng chẳng khác. Lại tâm đủ năng lực lấy xanh thấy các màu sắc, nên biết chẳng phải niệm niệm diệt. Nêu ý ông bảo vì nói nhau luôn, nên mới năng quyết rõ ấy. Cũng chẳng phải lẽ. Vì nếu mỗi tâm chẳng năng quyết rõ, thì dù cho nói nhau luôn cũng chẳng rõ biết được. Như một người mù chẳng năng thấy sắc, thời nhiều người mù cũng chẳng thấy gì. Nếu ông lại bảo: Như mỗi mỗi sợi chỉ không thể buộc voi, nhóm lại nhiều sợi thì được. Như vậy một tâm không thể quyết rõ, mà nói nhau thời được ấy. Đây cũng chẳng phải lẽ. Vì trong mỗi mỗi sợi chỉ đều có chút sức mạnh, hòa hiệp thời có thể. Tâm trong một niệm không có chút sức mạnh rõ biết. Cho nên biết chẳng phải niệm niệm diệt. Lại nên tâm niệm niệm diệt ấy, thời các hành nghiệp quá-khứ vị-lai đều thành vô dụng, vì có chút thời gian ngắn tạm trụ, nên mới năng khiến hữu-dụng. Vậy nên biết tâm chẳng phải niệm niệm diệt. Tuy là vô thường cần có chút trụ.

PHẨM THỨC VÔ-TRỤ THỨ 74

Đáp: Người nói vì tâm có rõ biết, nên chẳng phải niệm niệm diệt. Việc này chẳng phải lẽ. Vì sức các tướng tại tâm có khả năng quyết rõ, chứ chẳng vì trụ lại vậy. Nếu chẳng phải vậy, thời đối với trong việc tiếng tăm không thể quyết rõ được. Tại vì sao? Vì hiện thấy việc này niệm niệm diệt, mà thật có quyết rõ. Cho nên biết chẳng vì tạm trụ mà năng rõ. Lại chính vì biết rõ là tâm, như rõ xanh tức chẳng phải rõ vàng; Vậy nên dù cho tạm trụ đi nữa, rõ xanh cũng không thể rõ biết vàng được. Lại khi rõ xanh khác, khi rõ biết chẳng phải xanh khác. Một pháp chẳng nên hai thời, là pháp với thời cùng lúc, thời với pháp cũng vậy. Lại nhận lấy có hai cách: một là quyết rõ, hai là chẳng quyết rõ. Nếu thức chẳng niệm niệm diệt, thời tất cả nhận lấy đều nên quyết rõ. Tôi cho là tùy thức sinh nhiều nói nhau, thời nhận lấy mới rõ ràng. Nếu ít nói nhau ấy là chẳng rõ. Lại thức lấy trên hoặc chậm hoặc nhanh tâm chẳng nhất định. Người nói nương cảnh duyên chẳng khác. Nghĩa này đã thành; sắc niệm niệm diệt, nên nương duyên cũng khác. Người nói tâm đủ năng lực ấy. Thức năng khắp lấy thân-phần, nên gọi là đủ lấy. Vậy nên không có một thức năng khắp lấy. Tại vì sao? Vì chưa lấy đầy đủ tâm đã tùy diệt, thời đâu được có tâm năng lấy tất cả? Người nói tác nghiệp vô dụng. Việc này chẳng phải lẽ. Như đèn tuy niệm niệm diệt nhưng có tác dụng soi; các nghiệp và gió tuy niệm niệm diệt, cũng năng lay vật. Thức này cũng thế. Lại như đèn thấy tuy niệm niệm diệt, cũng khá lấy được. Thức cũng như thế, tuy niệm niệm diệt, cũng năng lấy được.

Lại nữa, các tâm ý thức đều niệm niệm diệt. Tại vì sao? Vì xanh thấy các màu nhóm hiện tại trước mặt mà năng mau sinh diệt, nên biết chẳng trụ. Lại người hoặc khi sinh lòng tự bảo: một lúc năng lấy các cảnh. Nên thức chẳng trụ. nếu thức tạm trụ, thời người kia không thể sinh tâm nghĩ làm này. Tại vì sao? Vì như giống rễ nối nhau mới có tạm trụ, nên người đối với trong ấy chẳng sinh tâm làm cho là mộng cây thấy đồng thời mà có. Nên biết thức niệm niệm diệt. Lại như người thấy cái bình liền sinh nhớ bình, vì thấy rồi mới sinh nhớ, nên niệm niệm diệt. Lại nếu các thức chẳng niệm niệm diệt, thời nên một trí cũng tà cũng chính: như thấy lấy người nhận người này cũng tức nhận lấy chẳng phải người. Như vậy lấy nghi ngờ cũng tức lấy, quyết định vậy thời không được. nên biết niệm niệm diệt. Lại các phân biệt, các nhân duyên, nên biết niệm niệm diệt. Lại tướng tiếng tăm nối nhau niệm niệm diệt, với trong đó sinh biết. Cho nên mới biết tâm niệm niệm diệt.

PHẨM THỨC CÂU SINH THỨ 75

Hỏi: Đã rõ tâm niệm niệm diệt. Nay các thức là đồng thời sinh hay là thứ lớp sinh? Có ông Luận-sư nói thức đồng thời sinh. Tại vì sao? Vì có người đồng thời năng lấy các trần như người thấy bình cũng nghe tiếng nhạc; mũi ngửi, hoa thơm, miệng cũng ngậm vị thơm; gió quạt xúc thân, cũng suy nghĩ âm điệu khúc hát. Cho nên biết đồng thời năng lấy các trần. Lại nếu một thức ở trong thân năng khắp lấy khổ vui. Vậy thời đem một nhãn thức cũng năng lấy các cây. Việc này không thể. Vì làm sao một thức đều biết rễ, cọng, nhánh, lá, hoa và trái? Cho nên biết nhiều thức đồng thời đồng sinh khắp lấy các xúc. Lại trong nhiều thứ màu sắc đồng thời sinh biết, mà biết xanh tức chẳng phải biết vàng. Cho nên biết đồng thời nhiều thức đồng sinh. Lại trong các thân phần năng mau sinh biết, khi lấy một phần tức năng khắp lấy. Lại trong Phật-Pháp không có hữu phần, chẳng khá một thức khắp lấy các phần. Cho nên biết đồng thời năng sinh nhiều thức khắp lấy các phần.

PHẨM THỨC BÁT CÂU SINH THỨ 76

Đáp: Người nói các thức đồng thời đều sinh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì thức đợi nghĩ mới sinh. Như trong kinh nói: “Nếu nhãn nhập chẳng hoại, sắc-nhập hiện trong cảnh; mà nếu không nghĩ năng sinh thức, thời nhãn-thức chẳng sinh”. Cho nên biết các thức vì đợi nghĩ vậy, chớ chẳng phải đồng thời sinh. Lại tất cả pháp sinh đều thuộc nghiệp nhân, vì tâm mỗi mỗi sinh nên quả báo địa ngục thấy chẳng phải đồng thời chịu. Nếu biết tâm đồng sinh, lẽ ra đồng chịu quả báo một lúc, mà thật không được. Nên biết các thức chẳng phải một thời sinh. Lại thức năng mau lấy cảnh, như vòng lửa quay tròn, vì quay nhanh nên chẳng thấy ngăn mé. Các thức cũng vậy, vì thời gian trụ ngắn nên chẳng phân-biệt được. Lại các thức nếu đồng thời sinh thời tất cả pháp sinh đều nên một niệm một thời đồng sinh, có gì

ngăn ngại? Vậy thời tất cả pháp sinh chẳng cần công hạnh, chẳng cần tạo nghiệp công-đức vẫn được giải thoát? Việc này chẳng khá được. Cho nên biết các thức chẳng phải một thời sinh. Lại thân bị tâm khiến, nếu các tâm đồng sinh thời thân bị tan nát, vì các tâm đi lại một thời sinh vậy, mà thật thân chẳng hư. Nên biết các thức chẳng phải một thời sinh. Lại mắt thấy vật bên ngoài như giống, rễ, mộng thấy và sơ thai như giọt sữa đặc, lát thịt mỏng và bào-thai thấy sắc, rồi đến hình hài: thiếu, trắng, lão thứ tự mà có, tâm cũng phải như vậy.

Lại như trong kinh nói: “Nếu khi thọ vui, thời hai thọ kia diệt: chỗ gọi khổ thọ và chẳng khổ vui thọ. Như vậy thấy”. Nếu thức đồng thời sinh thời phải sinh ba món thọ cùng một lúc, mà thật đâu phải vậy. Nên biết các thức chẳng một thời sinh. Lại vì trong một thân một tâm sinh vậy, nên gọi là một người; nếu thức đồng sinh thời một thân phải nhiều người mà thật đâu phải. Vậy nên trong một thân chẳng cùng sinh một lúc. Lại nếu thức cùng sinh, thời phải một thời biết, biết tất cả pháp. Tại vì sao? Vì trong mắt có vô-lượng trăm ngàn thức sinh, cho đến trong ý cũng đều như thế. Như vậy thời phải biết tất cả pháp, mà thật đâu phải. Nên biết các thức chẳng một thời sinh?

Hỏi: Các thức có sao cần thứ tự sinh?

Đáp: Vì một thứ lớp duyên, nên mỗi mỗi thức sinh.

Hỏi: Có sao chỉ có một thứ lớp duyên?

Đáp: Pháp lẽ như vậy. Như một thân một ý của người, Tôi cũng như vậy, một ý một thứ lớp duyên. Như mộng thuộc hạt giống, cần phải thứ lớp sinh mộng, mà chẳng sinh cộng thấy. như vậy pháp nào tùy thuộc tâm, cần phải kê tâm đó mà sinh, chẳng sinh các pháp khác. Lại tướng thức quyết định vậy, mỗi mỗi khởi diệt thứ lớp thuộc nhau, như tướng lửa và nóng. Vậy nên các thức cần thứ lớp sinh.

PHẨM TƯỚNG ẨM TRONG NHÓM KHỔ ĐỂ THỨ 77

Hỏi: Pháp gì là tướng?

Đáp: Vì lấy tướng giả pháp nên gọi là tướng. Tại vì sao? Vì như trong kinh nói: “Có người tướng nhiều, có người vô-lượng tướng, vô-sở hữu-tướng, mà thật không có các pháp nhiều ít thấy này, nên biết tướng là lấy tướng giả-pháp. Tướng này phần nhiều ở trong điên-đảo mà nói: như nói, với trong vô thường điên đảo tướng thường; trong khổ điên-đảo tướng vui; trong vô-ngã điên-đảo tướng ngã; trong bất-tịnh điên-đảo tướng tịnh. Cũng nói trong tín-giải quán tất cả nhập thấy. Người vì tướng ba món sai khác lấy cảnh duyên nghĩa là kẻ oan, người thân và kẻ oan thân.

Người ấy với trong cảnh này thứ lớp sinh ba món thọ; rồi thọ sinh ba món độc, nên tướng có lỗi. Vì tướng có lỗi, nên Phật dạy cần dứt. Như nói: mắt thấy sắc đừng lấy tướng. Nên biết lấy tướng giả-pháp, gọi là tướng.

Hỏi: Lấy giả-pháp là tướng?

Nghĩa này chẳng phải. Tại vì sao? Vì tướng này năng dứt phiền não kia mà. Như trong kinh nói: “Vi khéo tu vô thường tướng, nên năng dứt được tất cả nhiễm cõi Dục, nhiễm cõi Sắc, và nhiễm cõi vô-sắc, tất cả hý-động, ngã mạn và vô-minh”. Cho nên biết chẳng phải lấy giả-pháp là tướng. Lấy giả-pháp là tướng thì lẽ chẳng dứt được các phiền não kia?

Đáp: Đây thật là Huệ mà lấy tướng gọi tên. Như nói kẻ thọ giả với tất cả được giải thoát. Cũng nói dùng ý dứt tất cả phiền não. Lại như nói dùng nghiệp chẳng đen chẳng trắng năng hết các nghiệp. Cũng nói tín năng qua sông; nhất tâm qua biển; tinh tấn trừ khổ, huệ năng sinh thanh tịnh. Mà thật dùng huệ mới được qua, chứ chẳng phải dùng tín thầy. Như vậy trí huệ mà lấy tướng gọi tên. Lại trong kinh nói: “Lấy Huệ làm dao”. Như nói Thánh Đệ-tử dùng gươm trí huệ năng dứt gút phiền não. Cho nên biết trí huệ năng dứt gút, chẳng phải là tướng. Lại trong 37 phẩm thánh đạo chẳng nói tên của tướng nên chẳng dứt gút. Lại trong kinh nói: “Tri giả kiến-giả năng được hết lậu, chứ chẳng phải kẻ bất tri-kiến. Lại trong tam vô-lậu căn nói: Vì tri dục tri căn, tri căn tri dĩ căn. Đều lấy tri mà gọi tên. Lại Phật nói: Huệ là huệ-phẩm, giải thoát tri kiến phẩm. Lại nói không thiên nào chẳng trí, không trí nào chẳng thiên. Lại trong kinh thứ lớp nói kẻ trì tịnh-giới thời tâm chẳng ăn năn, cho đến nhiếp tâm được như thật trí... Lại Pháp-tri thầy đều lấy huệ mà gọi tên. Lại trong tam học, huệ học rất hơn hết. Cũng nói trí-huệ cụ-túc giải thoát tri-kiến cụ-túc. Lại trong thất tịnh nói đạo-tri-kiến-tịnh... Lại Phật gọi là Chính-tri Nhất Thiết Pháp vậy, nên gọi là Vô-thượng Trí-huệ. Tướng không nói như vậy. Lại lý phải dùng huệ dứt các phiền não, chẳng phải dùng tướng vậy. Tại vì sao? Như kinh Đại-nhân duyên nói: “Nếu nghĩa nào đã đem vào trong khế kinh, mà chẳng trái với pháp-tướng, và tùy thuận với Luật, nghĩa ấy nên lấy”. Lại nói với trong chính nghĩa bỏ riêng lời tùy nghĩa ra; với trong chính ngữ bỏ riêng nghĩa tùy-ngữ ra. Cho nên trong kinh tuy nói Vô thường tướng thầy năng dứt các gút mà lý phải là huệ. Lại nói vô-minh làm gốc phiền não, vì lìa vô-minh nên huệ được giải thoát. Cho nên lý lấy huệ dứt các phiền não.

Hỏi: Ông nói các tướng lấy tướng giả-pháp. Cái gì là tướng

Đáp: Có người lấy giả-pháp làm tướng, giả-pháp có năm thứ: Một quá khứ, hai vị-lai, ba danh-tự, bốn là tướng và năm là người. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao?

Vì người nhân ngữ ám mà thành, tướng không phải để thành nhân nguyên. Cho nên chẳng phải giả danh.

Hỏi: Vậy thì nghĩa của tướng thế nào?

Đáp: Cảnh duyên tức là tướng. tại sao biết được? Như nói sư tử chúa loài thú, đứng bên này bờ sông, lấy tướng bờ bên kia, rồi băng dòng mà qua; nếu chẳng có tướng biểu trước thì trở lại bờ này, đến chết chẳng bỏ đi. Trong kinh này lấy cây cỏ thụ thủy làm tướng. Lại nói Tỳ-kheo nêu tướng, trong ấy cũng lấy áo thủy làm tướng. Lại nói Đức Thế Tôn hiện tướng như vậy. Lại quan Tể-tướng nhân khi vua ăn, nên mới lấy tướng thềm khát. Lại nói sớm mai là tướng mặt trời mọc. Lại nói ba tướng: chỗ gọi là nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng. Trong ấy tức lấy nhiếp thủy làm tướng. Tùy nghi pháp nào, buộc tâm nơi cảnh duyên, ấy gọi là nhiếp tướng. Trong ấy tức lấy năm pháp làm tướng. Cho nên biết chẳng lấy giả-pháp làm tướng cũng chẳng phải nhiếp thuộc hành-âm. Lại Xá-Lợi-Phất lấy, diện mạo các tướng của Phú-Lâu-Na. Lại trong kinh nói mắt thấy sắc chẳng lấy tướng. Lại trong Pháp-ân nói: “Nếu Tỳ-kheo tự thấy đoạn sắc thanh các tướng, Ta chưa nói người này được thanh-thịnh tri-kiến”. Vì những cứ này nên biết duyên tức là tướng, chẳng giả-pháp vậy.

Hỏi: Duyên chẳng phải tướng. Tại vì sao? Vì Vô-tướng tam muội cũng có duyên vậy. Lại nói thấy sắc rồi chẳng lấy tướng. Nếu duyên là tướng, làm sao lấy sắc mà chẳng lấy tướng?

Đáp: Tướng có hai thứ: Có tướng có lỗi, có tướng không lỗi. Vì ngăn tướng lỗi, nên mới thấy sắc mà chẳng lấy tướng. Vô tướng ấy, duyên cũng có lỗi (trong Diệt-đế sau sẽ nói rộng) Nghĩa là diệt ba món tâm, nên gọi vô-tướng. Kẻ hành giả mới nhập đạo chẳng phải tất cả tướng đều là lỗi vậy. Nếu lấy nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng thủy, Vậy là không lỗi. Lại Niết-Bàn gọi vô pháp, vậy nên chẳng nên nạn. Như nói nêu lấy pháp tướng, chẳng phải là ô nhiễm, mà lấy giả-danh tướng, thời sinh phiền não. Tại vì sao? Vì lấy tướng sai khác oan, thân thủy nên sinh buồn, vui thủy. Do đó năng sinh các lỗi tham, giận thủy. Vậy nên biết lấy tướng giả-pháp, đây gọi là Tướng vậy.

PHẨM THỌ-TƯỚNG TRONG N HÓM TH Ọ LUẬN KHỔ-ĐỂ THỨ 78

Hỏi: Thế nào là thọ?

Đáp: Khổ, vui, chẳng khổ vui.

Hỏi: Sao gọi là khổ, sao gọi là vui, và sao gọi là chẳng khổ vui?

Đáp: Ba món thọ này không có tướng quyết định. Tại vì sao? Vì như tức một việc, hoặc thêm ích thân tâm, hoặc làm tổn giảm, hoặc đều trái cả hai?

Đáp: Cảnh duyên ấy bất định, chứ chẳng phải thọ bất định. Tại vì sao? Vì tức như một thứ lửa, hoặc khi sinh vui hoặc khi sinh khổ, hoặc khi sinh chẳng khổ vui. Từ duyên sinh thọ thời là quyết định: Tức một việc này vì tùy thời vậy, nên hoặc làm nhân cho vui; hoặc làm nhân cho khổ; hoặc làm nhân cho chẳng vui khổ.

Hỏi: vì lúc nào mà duyên này làm nhân cho khổ vui thấy?

Đáp: Tùy năng khổ, với trong lúc đó thời sinh tướng vui, như người bị lạnh bức, bấy giờ xúc nóng là năng sinh tướng vui.

Hỏi: Xúc nóng này quá nhiều lại năng làm khổ, đâu là vui. Nên biết thọ vui cũng không có?

Đáp: Vì thế-tục danh-tướng nên mới có thọ vui, chẳng phải nghĩa chân-thật. Tùy người này khi ưa xúc nóng cũng là thêm ích; lại ngăn được khổ trước, bấy giờ trong ấy thời sinh tướng vui. Nếu lia khổ trước, thời xúc nóng này chẳng hay làm vui. Nếu lia khổ trước, thì xúc nóng chẳng năng làm vui, nên chẳng phải thật có.

Hỏi: Ông nói chỉ vì danh-tướng nên có vui. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh Phật tự nói ba thọ, nếu thật không vui, làm sao nói ba thọ. Lại nói sắc nếu quyết định khổ, thời chúng-sinh đời trong đó chẳng sinh tham đắm. Lại nói những gì là ý vị trong sắc? Chỗ gọi vì nhân sắc năng sinh vui mừng. Lại nói Lạc-thọ phi sinh vui, khi trụ cũng vui, mà khi hoại là khổ; khổ thọ: Khi sinh khổ, khi trụ cũng khổ, mà khi hoại là vui; bất khổ bất lạc thọ: Chẳng biết khổ mà cũng chẳng biết vui. Lại lạc-thọ là phước báo; khổ thọ là tội báo. Nếu thật không lạc thọ, thời cõi Sắc, cõi Vô-sắc lẽ chẳng có thọ. Mà thật chẳng phải vậy. Lại nói trong lạc-thọ tham khiến, nếu không có lạc-thọ tham sai khiến chỗ nào? Chẳng nên nói khổ thọ tham khiến. Cho nên biết thật có thọ vui?

Đáp: Nếu thật có thọ vui lẽ nên nói ra tướng thế nào là vui, mà thật không thể nói được. Phải biết chỉ vì trong khổ có sai khác, gọi là tướng vui mà thôi. Tất cả thế-giới, từ dưới đại-địa-ngục lên đến cõi hữu-đỉnh, đều là tướng khổ, bị nhiều khổ bức-bách với trong khổ ít sinh tướng vui ấy thôi. Như người bị khổ nóng bức, thời lấy xúc lạnh làm vui. Cho nên trong các kinh đều nói như vậy, không có ngại gì.

Hỏi: Cũng thế nói tất cả thế-gian đều là vui, vì với trong ít vui, mà sinh tướng khổ. Nếu chẳng phải vậy, cũng không được nói với trong ít khổ, sinh tướng là vui vậy?

Đáp: Khổ thọ tướng thô, nên chẳng nên cho ít vui là khổ. Lại vui dù ít, cũng chẳng phải tướng bức-bách. Tại vì sao? Vì chẳng thấy có người thọ chút vui mà đưa tay lên hô to. Lại lạc-thọ cũng ít lần gọi là tướng dịch-diệt, in như Thượng-địa càng tịch diệt lần lần. Vậy nên nói trong ít vui sinh tướng khổ ấy, chỉ có lời này: Phạm phu ngu-nhân, với trong ít khổ, quấy sinh tướng vui thời có đạo-lý.

PHẨM HÀNH-KHỔ THỨ 79

Các thọ đều khổ. Các vật áo cơm thấy đều là nhân khổ, chẳng phải là nhân vui. Tại sao biết được? Vì hiện thấy áo cơm tăng quá mức, thời khổ cũng tăng lên, nên gọi là nhân khổ. Lại đau tay các khổ có thể chỉ tướng được, mà tướng vui chỉ không được. Lại áo cơm các vật đều vì để trị bệnh, như người chẳng khát uống chẳng sinh vui. Lại người bị khổ bức bách, đối với khổ khác, mà sinh tướng vui, như người sợ chết cho hình phạt là vui. Lại roi gậy dao xà-mâu, các nhân duyên khổ đều là quyết định, mà các nhân vui chẳng phải vậy. Lại vì tất cả đồ cần dùng rớt-ráo là khổ, nên phải biết trước có, sau rồi mới hiểu, như guốc mòn lần. Lại với trong nữ sắc thấy trước sinh tướng vui. Lại nhớ tướng bấy mới thấy tội lỗi của nó. Lại nữ-sắc thấy đều là nhân-khổ khô héo tiêu mòn sinh các bệnh hoạn. Cho nên biết chẳng vui vậy. Lại khi ly-dục đều xả duyên này. Nếu là thật vui làm sao lại xả u? Lại người tùy việc sinh vui, về sau cũng tức việc ấy lại sinh tâm khổ. Nên biết chẳng phải vui. Lại thân là ruộng khổ, chẳng phải ruộng vui, như trong đám ruộng đồng, lúa mạ khó trồng, mà cỏ lát dễ sinh; như vậy thân-điên các khổ dễ nhóm, mà vui hư khó sinh. Lại người đối trong khổ trước, khởi sinh vui điên đảo, sau sinh tham đắm. Vui nếu chút thật chẳng gọi là điên-đảo. Như Thường, Ngã, Tịnh tìm chút thật cũng không có, Lạc cũng như thế, vì đều là điên đảo vậy. Lại người với trong việc khổ cực, mà sinh lòng vui như gánh nặng trở vai. Nên biết không vui. Lại trong kinh Phật nói: “Phải quán vui là khổ; quán khổ như tên đâm vào tim; quán chẳng khổ chẳng vui là vô thường niệm niệm sinh diệt”. Nếu quyết định có vui, chẳng nên quán khổ, phải biết phạm-phu nhận khổ làm vui. Vậy nên Phật nói kẻ phạm-phu tùy chỗ sinh tướng vui, người nên quán khổ. Lại ba món thọ này đều nhiếp trong khổ-đế. Nếu thật là vui tại sao nhiếp vào trong khổ-đế? Lại khổ là chân thật, mà tướng vui hư vọng. Tại sao biết được? Vì tâm quán khổ năng dứt các gút, chẳng phải lạc tâm vậy. Nên biết đều khổ. Lại tất cả muôn vật đều là khổ nhân, giống như kẻ oán tặc. Có hai thứ oán tặc: Hoặc năng làm khổ tức thì; hoặc trước tuy có chút thiện, sau lại hại người. Muôn vật cũng vậy, hoặc trước bèn sinh thiện, hoặc sau trở lại làm hại. Nên biết đều khổ. Lại chúng-sinh “muốn được” không nhàm, như uống nước mặn chẳng đã khát, nên khổ. Lại “không muốn” tìm cầu thứ gì, mới gọi là vui, tìm cầu nên gọi là khổ. Chẳng thấy trong thế-gian có kẻ nào không cầu. Nên biết không vui.

PHẨM HOẠI KHỔ THỨ 80

Hỏi: Ông tuy đem nhiều nhân duyên để thuyết-minh khổ, mà người đời hầy còn tham vui, tùy được sở-dục cho là vui?

Đáp: Việc này trước đã đáp. Vì kẻ phàm phu điên-đảo nên với trong khổ nhận là vui. Lại bị ngu si làm hại thì làm sao tin được! Tuy được sở dục cũng nên quán là khổ. Tại vì sao? Vì đầy đều bị vô thường, đến khi hoại hư là sinh khổ. Như trong kinh Phật nói: “Người Trời yêu sắc ưa sắc tham sắc, sắc ấy khi hư hoại sinh cầu khổ rất lớn; thọ tướng hành thức cũng lại như vậy”. Vì đều bị hư hoại nên phải biết cũng đều là khổ. Lại người thọ vui hư-vọng, bèn sinh lòng tham đắm; vì nhân duyên tham đắm, mới sinh các lỗi giữ-gìn thay. Nên phải quán vui là khổ, rất hơn quán khổ vậy. Lại vui là làm cửa cho khổ vào, vì lòng tham vui, nên từ ba món độc khởi các nghiệp bất thiện, do đó đọa cá địa ngục thấy chịu các khổ não. Nên phải biết đều bởi vui làm cội gốc cho khổ. Lại tất cả hiệp hội đều là tướng biệt ly; khi ly chỗ sở-ái, chịu các khổ rất nặng nề, chẳng phải chẳng bởi ái sao? Nên biết hưởng điều vui rất khổ hơn là chịu điều khổ. Lại sinh ra đồ dụng cụ vui đều vì để mà dôi gạt chúng-sinh khiến đọa các khổ, như thú đồng ăn phải bả độc, như cá nuốt mồi, đều bởi tự rước lấy tại hại vậy. Vật vui cũng thế, nên phải quán khổ. Lại với trong lạc thọ, vì được chút ý-vị, nên bị tội lỗi nhiều vô-lượng, in như chim cá được vị rất ít mà bị hoạn nạn rất nhiều. Nên phải quán khổ. Lại lạc thọ là chỗ sinh phiền não. Tại vì sao? Vì tham thân nên mới muốn đồ cần dùng; vì nhân duyên muốn nên giận dữ thấy các phiền não thứ tự mà sinh.

Lại lạc-thọ là cội gốc sinh tử. Tại vì sao? Vì nhân vui sinh ái. Như trong kinh nói: “Ái là gốc của Khổ”. Lại tất cả chúng-sinh có bao nhiêu sự tạo-tác không phải chẳng vì vui. Nên gọi gốc khổ. Lại lạc thọ khó bỏ hơn gông cùm. Lại trong sinh tử bị tham vui trói buộc. Tại vì sao? Vì tham vui nên chẳng thoát sinh tử. Lại lạc-thọ này thường hay sinh khổ: khi cầu khổ vì muốn; khi mất khổ vì nhớ; khi được cũng khổ vì không nhàm, như biển cả nuốt các dòng sông, đầy cũng là khổ. Lại lạc-thọ là nhân chẳng mỗi mệt. Tại vì sao? Vì chúng-sinh khi tìm nhân vui dù trải qua gian nan nguy hiểm đến đâu cũng cho là vui, nên tâm chẳng mỗi mệt. Vậy nên kẻ trí cần phải quán khổ. Lại lạc thọ là nhân khởi các nghiệp. Tại vì sao? Vì tham vui nên năng khởi nghiệp thiện, vì tham vui hiện-tại nên khởi nghiệp bất-thiện; cũng là tất cả nhân để thọ thân. Tại vì sao? Vì lấy vui để sinh ái; ái nên mới thọ thân. Lại lạc-thọ với Niết-Bàn trái nhau. Tại vì sao? Vì chúng-sinh tham-dắm vui sinh tử, nên chẳng vui Niết-Bàn. Lại kẻ chưa ly-dục ưa lạc-thọ này; bởi ưa nên sinh khổ. Nên biết lạc-thọ là gốc các khổ. Lại trong kinh nói hai cầu khó dứt: Một là cầu được; hai là cầu sống. Cầu theo ý muốn các thứ, ấy gọi là cầu được; cầu được sống để hưởng các thứ món kia, ấy gọi là cầu sống. Hai món cầu này, đều lấy

lạc-thọ làm gốc. Cho nên kẻ Trí nên dứt những điều khó dứt, nghĩa là năng như thật quán tướng lạc-thọ. Lại đấm vị-lạc thọ cũng năng làm như-nhốp kẻ chưa được ly dục; Bực đại-trí-nhân-tâm cho là khó dứt lắm hơn khổ-thọ. Lại đấm vị lạc-thọ làm nhân cho tham thấy, nếu không có lạc-thọ, thời không có tham. Lại lạc-thọ đấm vị chân-trí năng dứt. Tại vì sao? Vì các trí thế-gian cần lấy đấm vị bực-trên, mới năng xả bực dưới. Nên biết lạc-thọ khó bỏ lắm hơn khổ-thọ. Lại tâm chúng-sinh buộc ở chỗ sinh, cho đến loài súc-sinh cũng vẫn tham tiếc sắc thân, nên phải biết đều vì đấm vị lạc-thọ vậy. Nên cần phải quán lạc-thọ là khổ.

PHẨM BIỆN TAM-THỌ THỨ 81

Hỏi: Đã biết tất cả điều khổ. Nay vì sai khác nào nên có ba thọ?

Đáp: Tức một khổ-thọ, vì thời-gian sai khác nên có ba thứ: Năng nảo hại gọi là khổ; Nảo-hại rồi lại cầu khổ khác để ngăn khổ trước; Vì mong cầu nên khổ lớn kia được chút nghỉ ngừng, bây giờ gọi là vui; buồn vui chẳng phân biệt, chẳng mong chẳng cầu, bây giờ gọi là chẳng khổ chẳng vui.

Hỏi: Chẳng khổ chẳng vui chẳng gọi là thọ. Tại vì sao? Vì khổ vui cảm giác được, mà chẳng khổ vui, cảm giác không thể được vậy?

Đáp: Người này vì ba thứ xúc cảm xúc là: xúc khổ, xúc vui và xúc chẳng khổ chẳng vui; vì có nhân nên phải biết có quả. Như người rất nóng gặp được xúc lạnh là cảm giác vui; mà bị xúc nóng là cảm giác khổ; được xúc chẳng lạnh chẳng nóng, cảm giác chẳng khổ chẳng vui. Cho nên biết có thọ chẳng khổ chẳng vui này. Ý người hoặc cho trong xúc chẳng khổ chẳng vui, chẳng năng sinh thọ. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì người cảm giác xúc chẳng nóng chẳng lạnh này, cảm biết được cảnh sở duyên, tức gọi là thọ, thế nào nói không có được? Lại cảnh duyên có ba hạng người sai khác: oan, thân và chẳng phải oan thân. Với người thân sinh vui, với người oan sinh buồn, với người chẳng oan thân sinh chẳng vui buồn. Cho nên biết do tướng sai khác mới có ba thứ thọ này. Vì duyên sai khác nên khởi ba món tướng này. Lại duyên có ba thứ: Làm ích, làm tổn, hoặc điều trái lại với trên. Có vui, chẳng vui, có đều trái lại với trên. Cũng có chỗ tham, chỗ sân chỗ si. Có mừng, chẳng mừng, có đều trái lại với trên. Có phước quả, tội quả, có bất động quả. Trong các duyên này tùy sinh ba thọ. Cho nên biết có thọ chẳng khổ chẳng vui này. Lại chỗ khá vừa lòng gọi là lạc-thọ; mà chỗ trái nghịch với lòng gọi là khổ-thọ; chẳng nghịch chẳng thuận gọi là chẳng khổ chẳng lạc-thọ. Lại tám pháp của thế gian: được mất, hủy dự, khen chê, khổ vui, kẻ phạm phu đối với mất thấy bốn pháp là trái nghịch với tâm; đối với được thấy bốn pháp cho là vừa ý. Chắc phải cần có

kẻ ly-dục Thánh-nhân năng bỏ cả hai, bỏ gọi là thọ chẳng khổ chẳng vui. Vậy nên chẳng phải không có thọ ấy vậy.

Hỏi: Nếu vì nhân-duyên xúc thấy nên có ba thọ ấy, thời tất cả tâm hành đều gọi là thọ. Tại vì sao? Vì có bao nhiêu tâm hành ở tại trong thân, đều là khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui?

Đáp: Như thế tất cả tâm-hành đều gọi là thọ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Mười tám ý hành”. Trong đây chỉ là một ý có mười tám thứ sai khác là: Sáu hỷ hành, sáu ưu-hành, sáu xả hành. Vì tướng sai khác nên có: Khổ phần, lạc phần, xả phần. Nên biết tất cả tâm-hành không chẳng phải là thọ vậy. Lại trong kinh nói: “Các thọ đều khổ”. Nên biết tâm-hành tại trong thân đều là khổ. Lại nói nếu sắc sinh tức là khổ sinh. Tại sao sắc gọi là khổ? Vì nhân của khổ vậy. Nên biết cảnh duyên và các căn đều năng sinh khổ. Vậy nên tất cả tâm hành đều gọi là thọ. Vì hành khổ nên tất cả các hành cần phải quán là khổ; là ba thứ khổ, đều từ các duyên hòa hợp mà sinh, vì niệm niệm diệt nên Thánh-nhân quán khổ. Vậy nên tất cả tâm hành đều gọi là thọ.

Hỏi: Các thọ vô lậu cũng là khổ sao?

Đáp: Cũng khổ, Tại vì sao? Vì các thọ của bậc vô-lậu Thánh-nhân cũng thứ tự xả; từ sơ thiên trở đi cho đến chứng nhất thiết diệt đều là có khổ. Lại vui hữu-lậu-thiền và vui vô lậu thiền đâu có khác gì? Tùy hữu-lậu-thiền vì nhân nào đó nên khổ; vô-lậu các thiền cũng bởi khổ này. Lại như Thánh-nhân trụ tâm vô-lậu rất nhàm tất cả, nên sinh tâm vô lậu thời sinh nhàm chán, như lông mi đâm vào mắt; kẻ phàm phu chẳng biết đều lấy khổ làm vui. Thánh-nhân Trí rất mầu nhiệm nên nhàm lìa cõi Hữu-đỉnh, lăm hơn các kẻ phàm phu nhàm ghét cõi Dục vậy, nên khổ vô-lậu dụ với hữu-lậu. Lại các bậc Thánh-nhân được tâm vô lậu, chỉ hướng về Niết-Bàn. Tại vì sao? Vì bấy giờ người này thấy rõ tất cả của pháp hữu-vi, nên vô lậu thọ là vui, thời nên vui mừng, chẳng nên lại sinh tâm hướng về Niết-Bàn.

Hỏi: Nếu các tâm hành đều gọi là thọ ấy, thì làm sao còn riêng có các tâm pháp thấy?

Đáp: Tức trong một thọ duyên này hành tướng khác nên có sai khác, các tâm-pháp thấy cũng hành duyên khác, chỉ khi thức duyên, hành này gọi là tâm. Các việc này như trước đã nói là tất cả pháp, khi ở trong thân, vì có lợi-ích thấy các sai khác vậy nên gọi là thọ. Lại phần nhiều vì tâm năng khởi phiền não, bây giờ gọi là thọ. Như trong kinh nói: “Trong lạc-thọ tham khiến; trong khổ-thọ sân khiến; trong chẳng khổ chẳng lạc-thọ là vô-minh sai khiến”. Vậy nên trong cảnh duyên tướng phân-biệt mừng thấy các pháp gọi là thọ. Tại vì sao? Vì khi ấy năng sinh các phiền não vậy.

Hỏi: Nếu trong mỗi mỗi thọ đều bị ba phiền não ấy sai khiến, tại sao quyết định nói trong lạc-thọ tham khiến?

Đáp: Trong khổ-thọ chẳng lẽ tham khiến? Si khiến tất cả chỗ vì sức mạnh nó vậy. Với trong khổ sinh tưởng vui, vì chẳng thấy biết việc nên bị khổ mới sinh sân. Vì thọ khổ chẳng khổ chẳng vui vì-tế nên chẳng giác biết tham sân. Tại vì sao? Vì người này với trong ấy chẳng sinh tưởng khổ vui gì cả, vì chẳng thấy biết việc nên chỉ sinh si nó khiến mà thôi. Lại với trong duyên chẳng khổ vui, hoặc tham sân chẳng hiện hành, nên phạm phu với trong ấy bảo là cảnh duyên mình năng thắng. Vậy nên Phật nói người chẳng thắng duyên này đâu, chỉ vì chưa giác biết nên tham sân chẳng hiện hành đó thôi. Như trong kinh nói: “Phạm phu với trong sắc bị có, sinh lòng xả, đều nương ở sắc. Nếu thắng duyên này với ngã tăng ích, hoặc làm tổn giảm, trở lại sinh tham hoặc sân”. Nên biết chưa thắng nổi cảnh duyên. Lại thọ chẳng khổ chẳng vui tưởng nó tịch diệt, như Định vô sắc. Vì tịch-diệt nên phiền não hiện hành nhỏ nhiệm, phạm phu với trong đó sinh tưởng là giải thoát. Vậy nên Phật nói trong ấy có vô-minh sai khiến. Lại vì chưa giác được cảnh duyên nên khổ vui chưa liễu-đạt. Nếu biết khổ vui trong duyên này thời minh-liễu được; bấy giờ mới sinh tham hoặc sân.

Hỏi: Nếu giác được duyên này thời sinh tưởng khổ vui. Vậy nên chỉ cần có thọ khổ vui?

Đáp: Người này có khi với trong duyên ấy tâm chẳng sinh vui chẳng sinh khổ. Vậy nên chẳng những chỉ có khổ vui vậy, như trước đã nói đều là khổ mà có ba thứ sai khác.

Hỏi: Ông nói giác biết duyên này lại sinh tưởng vui. Làm sao giác biết chẳng khác lấy vô-minh giác biết?

Đáp: Người ấy với trong duyên này, vì trước lấy tướng, nên với trong duyên này, hoặc vô-minh khiến, hoặc tham sân sai khiến.

Hỏi: Chỉ với trong khổ vui sinh si. Như trong kinh nói “Người này với trong các thọ, chẳng như thật biết Tập, Diệt vị-quá-xuất thủy, vì chẳng biết nên với trong chẳng khổ chẳng vui nói là vô-minh-sử sai khiến”. Vậy nên chỉ với trong khổ vui khởi vô-minh-sử, chẳng phải trong chẳng khổ chẳng vui?

Đáp: Kinh này tự nói với các thọ chẳng như thật biết Tập, diệt vị thủy, nên trong chẳng khổ chẳng vui vô-minh-sử sai khiến.

Hỏi: Tuy có lời này, nhưng trong nghĩa ấy chẳng phải lẽ. Vì tại sao với khổ vui, mà chẳng biết Tập, Diệt thấy, nên trong thọ chẳng khổ chẳng vui vô-minh sử khiến. Tại vì sao? Vì với trong các việc mà chẳng biết các việc khiến. Vậy nên kinh ấy nên nói như vậy: Người này với trong thọ chẳng khổ chẳng vui, vì chẳng biết Tập thấy nên bị vô-minh-sử trong thọ chẳng khổ chẳng vui, nó sai khiến. Còn nếu trong thọ chẳng khổ chẳng vui, vô-minh chẳng khiến?

Đáp: Người này với trong thọ chẳng khổ chẳng vui sinh ba thứ tâm, vì tịch-diệt tướng, bất khổ bất lạc tướng, nên sinh tâm chẳng khổ chẳng vui. Nếu đem tà trí lấy tướng thời sinh tâm vui; nếu lấy lạc vị bực trên thời sinh tâm khổ. Vậy nên trong kinh nói nhiều lời về các món thọ Tại vì sao? Vì tất cả các thọ đều bị vô-minh sai sử; món thọ bất khổ bất lạc này vì tùy thời nên có ba món sai khác. Lại nếu chưa thông đạt được tập-đề khổ thấy, bấy giờ với trong khổ thọ sinh tướng vui, cũng sinh tướng chẳng khổ chẳng vui. Vậy nên mới nói: Vì chẳng biết các thọ Tập thấy nên bị vô-minh-sử sai sử. Nhưng trong thọ chẳng khổ chẳng vui nhiều bị vô-minh-sử sai sử hơn.

PHẨM VẤN-THỌ THỨ 82

Hỏi: Trong kinh nói: “Người này khi thọ lạc-thọ, như thật biết ta thọ lạc-thọ này”. Như-thật biết thọ là gì ư? Thọ quá-khứ vị-lai chẳng khá được, thọ hiện tại thọ chẳng được tự biết?

Đáp: Kinh này y nói người thọ, vậy nên không lỗi. Lại vui thấy các thọ đến tại nơi thân, do ý năng duyên, nên cũng không lỗi. Lại với trong lạc-cụ nói ra tên vui thấy; thế-gian cũng có trong nhân nói quả vậy. Lại người này trước thọ lạc-thọ, sau mới lấy tướng, nên gọi khi lạc-thọ như thật biết.

Hỏi: Vì cho kẻ thọ-giả nên gọi là thọ, hay thứ khả-thọ mới gọi là thọ? Nếu cho thọ-giả gọi là thọ, thời thọ và vui thấy khác nhau. Mà trong kinh nói lạc thọ khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Nếu cho thứ khả-thọ gọi là thọ, ai là kẻ thọ thứ ấy? Vì thọ mới gọi là thọ?

Đáp: Đối với trong cảnh duyên nói vui, như nói nửa khổ nửa vui. Vậy nên vì giác biết cảnh duyên, nên gọi là thọ vui. Lại chúng-sinh thọ thọ này, nên gọi khả-thọ là thọ.

Hỏi: Chúng-sinh chẳng gọi là thọ, vì trong kinh nói thọ là thọ?

Đáp: Danh nghĩa là như vậy, mà có tướng thời có tác. Trong giả-danh có tướng là khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui ở tại thân, thời tâm năng giác, nên nói thọ là thọ.

Hỏi: Trong kinh nói trong các thọ phải quán thuận-thọ. Kẻ hành-giả bây giờ, tại sao sinh tướng khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui? Người này bây giờ chẳng đều sinh khổ tướng ư?

Đáp: Người ấy chưa được tất cả đều khổ, chỉ nghĩ nhớ ba món thọ.

Hỏi: Nếu dùng ý thức tu tứ-niệm-xứ, thì làm sao nói thân là vui?

Đáp: Với trong tất cả thọ cần buộc niệm như vậy: Thân này vui, tâm này vui. Lại vì khi tu niệm-xứ, trong thân sinh tướng vui, buộc niệm trong ấy, nên gọi là thân vui.

Hỏi: Nếu tất cả thọ đều là tâm-pháp, có sao nói thân thọ?

Đáp: Vì ngoại đạo nên nói như vậy. Ngoại đạo bảo các thọ nương Thần, nên Phật nói các thọ nương ở thân tâm.

Hỏi: Thứ nào là thân thọ?

Đáp: Nhân năm căn sinh ra thọ, đấy gọi là thân thọ. Nhân căn thứ sáu sinh ra thọ, đấy gọi là tâm thọ.

Hỏi: Thọ này thế nào gọi dơ gọi sạch?

Đáp: Các món phiền não gọi dơ. Vì bị phiền não này sai khiến thọ, nên gọi là dơ, mà chẳng bị phiền não khiến thọ, thời gọi là sạch.

Hỏi: Tại sao khổ-thọ gọi là sạch?

Đáp: Người nào thọ khổ-thọ để dứt phiền não, đấy gọi là sạch. Lại vì khổ-thọ cùng phiền não trái nhau, nên gọi là sạch.

Hỏi: Đã nói dơ sạch, có sao lại nói nương tham, nương xuất; tham tức phiền não, xuất tức là sạch?

Đáp: Trước đã tóm tắt nói dơ, nay lại riêng nói tham là nhân của dơ. Như trong kinh nói: “Có mừng dơ, có mừng sạch, có mừng ở trong sạch.” Mừng dơ là bởi ngũ-dục mà sinh mừng; mừng sạch là mừng sơ-thiền; mừng sạch ở trong sạch là mừng nhị-thiền. Nếu thọ chỉ vì Nê-Hoàn, đấy là nương xuất vậy. Nên lại nói.

Hỏi: Trong năm căn có bao khổ-thọ lạc-thọ đều phân làm hai, mà trong bất-khổ lạc-thọ lại chẳng vậy ư?

Đáp: Buồn mừng vì cần tướng phân-biệt mới sinh, khổ vui bất tất do tướng phân-biệt. Còn thọ bất-khổ-lạc tướng phân-biệt nhỏ-nhiệm, nên chẳng phân làm hai.

Hỏi: Trong đệ-tam-thiền ý-thức thọ được những gì nên gọi là vui, mà chẳng gọi là mừng ư?

Đáp; Thứ vui này sâu dày khắp đủ cả thân lẫn tâm nên gọi là vui. Còn mừng chỉ năng khắp tâm, mà chẳng năng khắp thân. Nên trong tam-thiền Phật y mừng sai khác nói thân thọ vui.

Hỏi: Trong ba thọ này món nào năng sinh phiền não sâu dày?

Đáp: Có ông Luận-sư nói lạc-thọ năng sinh. Tại vì sao? Vì như trước đã nói các nhân-duyên bất-hoại nên thọ các khổ lớn. Lại có ông Luận-sư khác nói khổ thọ năng sinh. Tại vì sao? Vì chúng-sinh bị khổ bức bách, nên mới cầu vui mà khởi nhiều phiền não. Lại nhiều thứ vui mà chút khổ năng thắng, như người khi hưởng đầy đủ ngũ-dục mà bị ruồi muỗi cắn phải thời liền sinh cảm giác khổ. Vui sắc thấy ngũ-dục chẳng phải như vậy. Lại như vui sống còn trăm cậu con, chẳng bằng khổ chết một đứa. Lại trong sinh-tử tướng khổ-thọ nhiều, mà lạc-thọ chẳng phải vậy. Tại vì sao? Vì có nhiều chúng-sinh ở ba-ác-thú, mà ít sinh về trời người. Lại chẳng cần gia công tự nhiên bị khổ, mà gia công cầu vui có khi được chẳng được, in như trong ruộng bỏ cỏ lát tự sinh mà mạ lúa chẳng phải vậy. Lại bởi khổ-thọ khởi nghiệp trọng tội. Tại vì sao? Vì trong khổ-thọ có sân sai khiến. Như trong kinh nói: Sân là tội nặng. Lại có ông Luận sư khác nữa nói: Thọ chẳng khổ chẳng vui năng sinh. Tại vì sao? Vì trong ấy có si-sử, si là cội gốc tất cả phiền não. Lại thọ này nhỏ-nhiệm vì phiền não trong đó khó mà giác biết vậy. Lại thọ này là bản-tính của chúng-sinh, khổ vui là khách. Lại thọ này khắp ba cõi, hai thọ kia chẳng phải vậy. Lại thọ này là nhân sống lâu, vì tham thọ này nên được sống lâu tám muôn đại kiếp để chịu tướng khổ các ám. Lại thọ ấy với Nê-Hoàn trái nhau. Tại vì sao? Vì trong ấy làm sinh tướng tịch-diệt, tướng Nê-Hoàn., nên chẳng còn năng được chân thật Nê-Hoàn. Lại thọ này nhờ thánh-đạo nên năng được qua, như nói nhờ ly-tính mà được giải thoát. Khổ-thọ lạc-thọ nhờ thế-gian đạo cũng năng được qua. Lại thọ này tội ngăn mé sinh tử mới đoạn khi nào đoạn tương-tục. Vậy nên năng sinh phiền não sâu dày.

PHẨM NGŨ THỌ CĂN THỨ 83

Hỏi: Lạc căn ở chỗ nào? Cho đến xả-căn ở chỗ nào ư?

Đáp: Khổ lạc tại thân, tùy chỗ được thân cho đến tứ-thiền; còn ba căn kia ở tâm, tùy chỗ được tâm, cho đến cõi hữu đỉnh.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Trong sơ-thiền diệt ưu-căn, trong tam-thiền diệt hỷ căn, trong tứ-thiền diệt lạc-căn, trong Diệt-tận-đỉnh mới diệt xả-căn”. Vậy nên lời ông nói chẳng phải lẽ?

Đáp: Nếu người tín kinh này ấy là khổ căn lẽ phải ở tại sơ-thiền. Mà trong pháp người, sơ-thiền thật không có khổ-căn. Vậy nên kinh này chẳng đáng tin vậy.

Hỏi: Thâm tu pháp lành trong cõi Sắc và Vô-sắc lẽ không ưu khổ sao?

Đáp: Ba cõi đều khổ. Trong hai cõi trên tuy không khổ thô-khêch, cũng có khổ nhỏ nhiệm. Tại vì sao biết được? Trong tứ-thiền nói có bốn oai nghi. Đã có oai nghi, lẽ đều có khổ. Lại cõi sắc có mắt tai thân thức; trong thức này có bao nhiêu thọ, gọi là khổ vui. Do một oai nghi cầu một oai nghi khác, nên biết có khổ. Lại trong kinh hỏi: “Trong sắc có khí vị gì? Chỗ gọi bởi sắc sinh vui sinh mừng. Trong sắc có những lỗi gì? Chỗ gọi có bao nhiêu sắc là tướng vô thường, khổ, bại hoại”. Vì cõi Sắc có sắc nên có tâm đắm vị, có tâm tội lỗi, cho nên biết có khổ vui. Lại có kẻ hành giả với các thiền-định cũng tham cũng bỏ: quyết dùng nhân-duyên lạc thọ nên tham; nhân duyên khổ thọ nên bỏ. Nên biết có khổ vui vậy. Lại Phật nói tiếng thầy là chông gai của sơ-thiền; giác quán là gai nhị thiền, cho đến có tướng-thọ là gai của phi-tướng phi-vô-tướng xứ. Gai là nghĩa của tên khổ. Nên biết tất cả có khổ. Lại tất cả ngũ-âm đều gọi là khổ. Chính vì não hại là khổ, như cõi Dục vì chịu não hại nên khổ; hai cõi trên cũng có chịu não hại, tại sao chẳng khổ? Như cõi Dục nói có bệnh thầy tám hành nghiệp; cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng đồng nói tám hành nghiệp, tại sao không khổ? Lại cõi sắc nói yếm sáng có hơn kém, nên biết nghiệp cõi sắc cũng có sai khác; vì nghiệp sai khác nên quyết phải có bị nghiệp báo khổ. Lại trong kinh nói trong ấy có các phiền não ganh ghét thầy. Như có Phạm-Thiên Chúa bảo các vị Phạm kia rằng: Chính nơi đây là Thường, các người đừng đến Sa-môn Cù-Đàm. Cũng có Phạm-Thiên đến nạn hỏi Phật. Lại trong kinh nói, vào đệ-tứ-thiền mới dứt pháp bất thiện. Lại trong kinh cũng nói trong ấy có phiền não tà kiến. Các phiền não này tức là bất thiện, lẽ phải bị khổ báo, tại sao không khổ? Lại có ông luận sư nói tất cả phiền não đều là bất thiện. Trong ấy làm sao không có khổ thọ ư.

Lại trong kinh nói: “Các người trời yêu sắc, vui sắc, tham sắc và đắm sắc”. Các người trời này vì yêu, vui, tham, đắm sắc, vậy nên sắc ấy khi bại hoại thời sinh sầu khổ, cho đến thức cũng như thế. Nếu biết tất cả kẻ chưa ly-dục đều có buồn mừng. Lại ái duyên sinh mừng, ly ái duyên này, quyết sinh buồn rầu. Phạm phu vô trí đâu có sức gì gặp được ái-duyên mà chẳng sinh mừng, mất chẳng sinh buồn? Như trong kinh nói: “Duy kẻ đắc đạo, khi mạng sắp chung, không hiện sắc buồn mừng”. Nên biết tất cả phạm phu, buồn mừng thường bám theo. Lại Phật nói: “Chẳng buồn

chẳng mừng một lòng tu xả, đấy nên là công-đức La-Hán”. Lại sáu xả-hành duy Thánh sở-hành chẳng phải phàm phu vậy. Phàm phu hoặc khi tu xả đều vì chưa năng biết kiến-duyên vậy. Như trong kinh nói: “Kẻ phàm phu với trong sắc, có bao xả tâm, đều nương dựa sắc, tham sắc chẳng rời”. Nên biết phàm phu không có xả tâm vậy. Lại trong kinh nói: “Trong lạc thọ tham khiến”. Nếu kia không có lạc thọ thì lòng tham sai khiến chỗ nào? Ý người hoặc bảo: Trong bất khổ bất lạc thọ tham sử mới khiến sai. Trong kinh không chỗ nào nói thế. Lại trong bực trên càng vui tịch-diệt, thân tâm càng nhẹ nhàng. Như nói vị trời này một lần ngồi ngàn kiếp. Nếu khổ thời hành giả với các oai nghi chẳng đứng lâu được. Như trong kinh nói: “Ngồi yên bảy ngày hưởng vui giải thoát”. Lại trong ấy khoái vui đệ nhất. Như trong kinh nói: “Kẻ khoái mới hưởng vui”. Nên biết trong tất cả Bực đều có vui vậy. Ý người hoặc bảo: Khoái khác, thọ vui khác. Việc này chẳng phải lẽ. Vì có bao nhiêu lợi ích đến nơi thân thời gọi là vui. Vậy nên khoái vui chẳng khác thọ vui.

Hỏi: Nếu cõi trên quyết định có khổ, vui, buồn và mừng, làm sao cùng với kinh Thiên thuận nhau?

Đáp: Kinh ấy trái hại với pháp-tướng nếu bỏ đi có lỗi chi? Lại trong ấy lạc-hành tịch-diệt chẳng hiển lộ, chẳng năng phát khởi tham giận thô kệch. Vậy nên nói là không khổ vui. Lại trong ấy khổ vui nhỏ nhiệm chẳng rõ: không có các thứ khổ về đao, gậy; các thứ buồn râu về mắt kẻ thân. Vậy nên gọi không buồn mừng. Như nói cõi Sắc không lạnh không nóng. Trong ấy cũng có tứ đại, làm sao mà nói không lạnh không nóng được ư? Như nói chúng-sinh ở tam thiên một thân một tướng. Trong ấy cũng có yển sáng sai khác. Như nói nếu kẻ hành-thiền chẳng năng khéo trừ ngũ nghi, giỡn cợt thời yển sáng chẳng trong. Lại như người thiếu trí gọi là không trí. Lại như người đời vì trong thức ăn ít mặn cho là không mặn. Như vậy trong kia buồn mừng chẳng hiển hiện, nên gọi là không có. Lại các người nói trong ấy không giác. Trong kinh Phật nói tướng làm nhân duyên cho giác. Trong ấy có tướng mà tại sao không giác? Nên phải biết giác-pháp cho đến cõi hữu-đỉnh vẫn còn là thô-giác, nên mới nói vào nhị-thiên mới diệt được.

Vậy nên trong hai cõi trên cũng có khổ vui thay.

- Hết thọ-ấm.

Thành Thật luận hết quyển 6.

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỀN THỨ 7

PHẨM TƯ LUẬN HÀNH-ÁM. TRONG NHÓM KHỔ-ĐỀ THỨ 84

Trong kinh nói Tư là Nghĩ, là hành ám.

Hỏi: Những gì là nghĩ?

Đáp: Nguyện cầu là nghĩ. Như trong kinh nói: “Nghĩ thấp cầu thấp và nguyện thấp.

Hỏi: Vì có chi biết “Cầu” gọi là nghĩ?

Đáp: Như trong kinh nói: “Vì khởi làm nên gọi là hành”. Thọ-ám khởi làm ấy gọi là cầu. Như trong kinh nói: “Khởi làm đều nương nơi ái”. Lại trong kinh nói: “Như một bó lúa mạch để giữa đường ngã tư, sáu người đến đập, có người thứ bảy lại đến đập nữa. Ý các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Làm mềm như chưa? Mềm rồi Bạch Thế Tôn! Phật dạy: Người si cũng vậy. Thường bị sáu món xúc-nhập đánh đập. Khi bị đập như vậy là nghĩ thân sau, ấy là đến mềm như”. Phải biết cầu tức là nghĩ. Lại nói ý nghĩ ăn nên quán như đồng lửa. Sao đem lửa mà dụ? Vì người này cầu thân sau; thân sau như lửa, vì thường sinh các khổ vậy. Lại trong kinh nói: “Ngã tức là chỗ động, cũng là hý-luận, tác khởi nương nơi ái; tùy chỗ có ngã thời có động nghĩ hý-luận, tác khởi nương ái”. Nếu pháp tác khởi, thì phải biết cầu tức là nghĩ. Lại nói nếu trẻ nít tập lòng lạnh từ nhỏ có thể khởi ác nghiệp, vì nghĩ ác nghiệp chẳng? Không thể, Bạch Thế Tôn!” Nghĩa này cầu muốn là gây nghiệp. Lại nói nghiệp là nghĩ, nghĩ rồi. Nghĩ trong đây là ý nghiệp, nghĩ rồi thân và khẩu nghiệp. Nghĩa là nghĩ rồi gọi là cầu rồi. Lại trong kinh Hòa-Lợi nói: “Ni-Kiền-Tử dứt thọ nước lạnh, mà thọ nước nóng; khi sắp chết cầu nước lạnh trọn chẳng được mà chết, sinh ý mong lên trời”. Vậy thời vì nghĩ lạnh nên sinh. Nên biết cầu tức là nghĩ.

Hỏi: Ông nói cầu là nghĩ ấy. Đây là tướng của ái, chứ chẳng phải nghĩ vậy. Tại vì sao? Vì trong kinh hữu nhân hữu duyên nói: “Sở cầu của người si tức là ái vậy.” Lại trong kinh đại-nhân nói: “Bởi ái nên mới cầu thấy”. Lại trong kinh nói: “Kẻ khổ nhiều cầu, kẻ vui chẳng cầu”. Lại nói nếu người muốn hành ngũ-dục. Muốn tức là cầu... Lại nói ái nhân duyên nên lấy. Trước cầu sau lấy, cầu tức là ái. Vậy nên ông cho cầu là nghĩ ấy. Cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh Hòa-Lợi nói: “Chẳng nghĩ mà gây nghiệp, thời nghiệp ấy chẳng nặng”. Chẳng nghĩ là chẳng biết trước. Thế-gian cũng cho biết là nghĩ, như nói kẻ Trí là thế nào? Là năng làm

việc này; ai là kẻ có nghĩ, sẽ làm việc này. Nghĩa của lời này là kẻ Trí. Nên biết, biết tức là nghĩ?

Đáp: Nguyên gọi là nhóm. Nguyên một phần của muốn nên gọi là nghĩ; như người nguyên nói: Đồi sau tôi sẽ được thân như thế.

Hỏi: Nếu nguyên là phần muốn nghĩ ấy. Thời không có nghĩ vô lậu. Lại nghĩ là nhân của ái. Như trong kinh nói: “Nếu biết thấy ý nghĩ ăn, tức là biết thấy dứt ba món ái.” Nên biết nghĩ là nhân ái?

Đáp: Người nói không có nghĩ vô lậu. Tôi cũng chẳng nói có nghĩ vô lậu. Tại vì sao? Vì hành tướng khởi làm, nên gọi là nghĩ. Pháp vô lậu không có tướng khởi làm; nên nghĩ là khởi làm, chẳng phải Diệt-Pháp vậy. Lại người nói nghĩ là nhân ái. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nghĩ là quả của ái, cũng là một phần của ái, chẳng phải nhân ái vậy. Vì quả dứt nên nói nhân dứt nghĩa là ý nghĩ ăn dứt nên ba ái dứt. Hành thấy các nhân-duyên đều lấy đây mà đáp. Nên biết ái phần là nghĩ. Ái có hai thứ: có nhân có quả: Nhân gọi là ái, quả gọi là cầu. Cầu tức là nghĩ.

Hỏi: Nếu lúc nhân gọi ái, tác quả gọi nghĩ, thời nghĩ chẳng phải ái phần vậy. Tại vì sao? Vì nói pháp ở nhân tướng khác, ở quả tướng khác. Nên biết nghĩ chẳng phải ái phần. Như trong kinh hữu-nhân hữu-duyên nói: “Sở cầu của người si tức là ái, chỗ sở-tác của kẻ ái tức là nghiệp”. Vậy nên nghĩ tùy nghiệp tướng nên khác với ái. Lại như do tham sinh cầu. Cầu tức là nghĩ. Vậy nên tham ái là nhân của nghĩ?

Đáp: Tôi trước đã nói ái phần là nghĩ; ái phần tức là ái, chỉ ái mới khởi gọi là tham; tham rồi gọi là cầu. Lại người nói nguyên ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nguyên là một phần của nghĩ. Trước nguyên gọi nghiệp, sau nghiệp hồi -hương.

Hỏi: Nghĩ với ý là một hay là khác.

Đáp: Ý tức là nghĩ. Như trong Pháp-Cú nói: “Ác tâm việc làm lời nói đều chịu quả khổ. Thiện tâm cũng như vậy”. Nên biết ý tức là nghĩ. Nếu ý chẳng phải là nghĩ, cái gì là ý-nghiệp? Ý nghiệp là ý-hành trong cảnh duyên. Vậy nên nghĩ tức là Ý. Tuy đã nói tổng-tướng nói ý-hành là nghĩ, mà nghĩ ấy phần nhiều nói ở trong thiện và bất thiện. Nghĩ này có lắm nhiều phần: Nếu người vì chúng-sinh kia cầu thiện cầu ác, bấy giờ gọi nghĩ; nếu việc cầu chưa được, bấy giờ gọi cầu; nếu cầu thân sau, bấy giờ gọi nguyên. Nên biết một món nghĩ mà dùng nhiều thứ tên để gọi.

Thức ở trong duyên gọi là xúc. Vì ba món hòa hợp gọi xúc, đấy chẳng phải tướng của xúc. Tại vì sao? Vì căn chẳng đến duyên. Vậy nên căn, duyên chẳng phải hòa hợp, vì ba món này năng lấy duyên nên gọi là hòa-hợp.

Hỏi: Riêng có tâm-số pháp gọi là xúc. Tại vì sao? Vì trong Thập nhị nhân duyên nói: Xúc nhân-duyên thọ. Lại nói xúc làm nhân cho thọ-tướng-hành thủy. Nếu pháp không có, làm sao làm nhân? Nên biết có tâm-số pháp này gọi là xúc. Lại trong Lục-lục kinh nói có nhiều lục-xúc. Lại trong kinh nói: “Nên quán vô-minh các xúc”. Nếu nói các nhân thành giả-pháp, chẳng cần lại riêng nói giả-pháp. Lại trong kinh có hai thứ xúc: Một ba món hòa-hợp xúc; hai ba món hòa-hợp nên xúc. Nên biết xúc có hai thứ: Một có tự-thể; hai là giả-danh. Như nhật-châu và phân trâu, ba món khác với lửa, nguyệt-châu khác với nước, đất thủy khác với mộng. Như vậy xúc khác với mắt thấy có lỗi gì sao? Lại như các Tỳ-kheo hòa-hợp chẳng khác các Tỳ-kheo; các âm hòa hợp chẳng khác các âm; hai cây hòa hợp chẳng khác hai cây; hai tay hòa hợp chẳng khác hai tay; các bệnh hòa-hợp chẳng khác các bệnh. Xúc cũng như vậy, chẳng khác mắt thấy lại có lỗi gì?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm năng lấy duyên, bấy giờ gọi là xúc. Vậy nên, khi tâm làm nhân sinh thức, nhiên hậu thọ thủy các pháp mới sinh. Trong Lục-tục kinh cũng nói bấy giờ gọi là xúc. Thật là có đạo-lý. Lại chúng tôi không công nhận hai món xúc ấy. Thường nói ba món hòa hợp gọi là Xúc. Dù cho có hai món xúc ấy, cũng nên bỏ hẳn kinh ấy đi, vì trái với pháp-tướng vậy. Vậy nên dẫn kinh ấy là phi-nhân. Lại nếu xúc này khác nhau như nước lửa ấy, thì làm cũng ung khác mà thật chẳng thấy riêng có khác với làm. Vậy nên biết xúc này chẳng khác với ba món kia. Lại nếu xúc là tâm-số thời cùng với tâm số khác nhau. Tại vì sao? Vì xúc là các tâm-số duyên mà xúc, chứ chẳng phải xúc duyên nên sinh khác, nên chẳng phải tâm-số pháp.

Hỏi: Vì xúc thù-thắng nên xúc duyên, tâm-số chẳng phải xúc duyên; xúc như thọ duyên ái chẳng phải ái duyên thọ?

Đáp: Xúc có thắng-tướng gì mà các tâm số không có, cần nói tướng nó ra? Mà thật nói chẳng được. Vậy nên phi nhân. Thọ là thời trước, ái là thời sau, nên thọ duyên ái, phi ái duyên thọ. Lại nếu xúc là tâm-số pháp riêng cần nói tướng nó, mà thật không thể nói được, phải nên biết chẳng khác. Lại Phật với trong pháp cũng có nói tên xúc như nói: Nếu có khổ-não đến xúc thân người. Lại nói: thọ-lạc xúc chẳng buông lung, thọ khổ xúc chẳng giận dữ. Với trong các thọ này là nói danh tự của xúc. Lại Phật nói với con quỷ lông mình nhọn như tên rằng: Xúc ngươi nhám rít chẳng nên lại gần thân. Lại như người đời nói xúc lửa là vui, cũng nói xúc là ăn, cũng nói tay xúc. Các việc trên đây đều do trong việc sở-tri nơi thân thức mà nói

danh-tự của xúc. Lại các chỗ khác nói kẻ mù chẳng xúc sắc. Cũng đối với trong duyên sắc thấy mà nói danh tự của xúc. Xúc này vì lợi nói chẳng nhất định, nên chẳng phải riêng có tâm số pháp. Nếu nói xúc là tâm số thời với xúc tương trái nhau. Tại vì sao? Vì Phật nói ba món hòa hiệp nên gọi là xúc. Nên biết thật không riêng có tâm số pháp. Lại như nói pháp đến nơi thân đều gọi là xúc. Lại tùy năng cùng với thọ thấy làm nhân cho tâm số, bấy giờ mới gọi là Xúc.

PHẨM NIỆM THỨ 86

Tâm tác-phát gọi là niệm, vì niệm này là tương tác-phát nên niệm niệm mới hay sinh lại tâm khác. Lại nói niệm tương năng thành xong công việc. Như trong kinh nói: “Nếu nhãn-nội-nhập sắc chẳng hư-hoại, ngoại nhập là hiện tiền, mà trong ấy không có niệm hay sinh tâm khác, thời nhãn-thức chẳng sinh.

Hỏi: Biết của các thức đều do niệm-lực sinh khởi phải không?

Đáp: Không phải. Tại vì sao? Vì các thức sinh biết bất tất quyết định: Hoặc do sức tác-phát mà sinh, như cưỡng trừ dục thấy; hoặc do sức của căn mà sinh, như cưỡng trừ dục thấy; hoặc do sức của căn mà sinh, như kẻ tỏ mắt năng thấy từng đầu sợi lông; hoặc do sức của căn mà sinh, như kẻ tỏ mắt năng thấy từng đầu sợi lông; hoặc do sức duyên nên sinh, như xa thấy ánh sáng đèn mà chẳng thấy xao động; hoặc do khéo tập nên sinh, như nghề nghiệp tinh xảo thấy; hoặc do chăm lấy tướng nên sinh, như đắm say nơi sắc; hoặc do pháp tự phải sinh, như thiền-định trong thời kiếp tận; hoặc do thời tiết nên sinh, như chúng-sinh ác tâm bị đoán-mạng; hoặc do chỗ sinh nên sinh như tâm trâu dê thấy; hoặc tùy thân lực nên sinh, như tâm nam nữ thấy; hoặc tùy năm tháng nên sinh như tâm tiểu nhi thấy; hoặc do mỗi mệt nên sinh, hoặc do nghiệp lực nên sinh, như kẻ thọ các món dục; hoặc do Định lực nên sinh, như buộc tâm một chỗ là tăng thêm trí hiểu biết; hoặc do quyết định nên sinh, như thứ-vô-ngại-đạo quyết sinh giải thoát; hoặc do lâu chán nên sinh, như chán mùi cay đắng thời nghĩ thêm ngon ngọt; hoặc tùy ưa vui nên sinh, như đối với sắc thấy; hoặc thích xem sắc, mà chẳng ưa nghe tiếng, với màu xanh đỏ thấy cũng vậy ; hoặc do mềm-mại nên sinh, như lông đâm vào mắt thời sinh khổ tâm mà đâm vào nơi khác thời chẳng vậy; hoặc do hết khổ nên sinh, như chữa lành bệnh mắt thời ăn mới biết ngon; hoặc do dứt chướng nên sinh như diệt trừ đờn dục thấy, thời mới biết nó là tội lỗi; hoặc lần lửa nên sinh, như nhân hạ mà sinh trung, nhân trung mà sinh thượng; hoặc tùy chỗ nghiêng nặng mà sinh.

Hỏi: Nếu tất cả biết thức đều do thứ lớp thuộc nhau có sao lại nói: “Không năng sinh tâm niệm khác” ư?

Đáp: Vì ngoại đạo vậy. Các ngoại đạo nói vì Thần ý hiệp nên biết của thức mới sinh. Vì muốn phá thuyết ấy, nên mới chỉ rõ các biết của thức đều thuộc lớp duyên, nên nói lời như vậy. Nếu người không năng sinh tâm nghĩ khác, thời biết của thức chẳng sinh. Tại vì sao? Vì thứ lớp duyên vậy, thời biết của thức có nhân, mỗi mỗi mới sinh. Lại tùy chỗ nghiêng nặng mà mỗi mỗi mới thức sinh biết, như đốn cây, cây thường ngã về phía nghiêng nặng. Lại như trước đã nói các thức chẳng phải sinh đồng thời. Vì những duyên có ấy mà biết các thức mỗi mỗi theo thứ lớp mà sinh. Lại các thức-pháp phải là theo thứ lớp mà sinh, chớ chẳng đợi Thần-ý hòa hiệp, như ngoại vật mộng, cây, nhánh, lá, hoa và trái thứ lớp mà sinh. Nội pháp cũng như vậy, biết của mỗi mỗi thức thứ lớp mà sinh. Niệm ấy có hai thứ: Một chính hai tà; chính là thuận-lý, như nói chính-vấn chính-nạn, ấy là nên đáp, vì nạn vấn có lý. Lại như hỏi thật tướng các pháp, tính vô thường thấy, ấy gọi là chính. Lại tùy sở năng thành nên gọi là chính. Cho nên biết tùy-thuận đạo niệm chân-thật niệm thấy gọi là chánh niệm. Lại tùy khi người nghĩ gọi là chính niệm, như người đa-dục quán bất-tịnh là nghĩ niệm-chính; khi tâm mờ nhìn thời phát-khởi-tướng lên là chính-niệm. Mà trái lại với trên đây gọi là tà-niệm. Chính-niệm năng sinh tất cả công-đức mà tà-niệm khởi tất cả phiền não.

PHẨM DỤC THỨ 87

Tâm có điều cần dùng ấy gọi là muốn. Tại vì sao? Vì kinh nói muốn-muốn. Vì cần dùng các điều muốn nên gọi muốn-muốn. Lại trong kinh nói: “Muốn là gốc của Pháp”. Vì muốn tìm nên được tất cả Pháp, nên gọi gốc của Pháp. Lại nói: “Nếu các Tỳ-kheo lăm muốn Pháp Ta, thời pháp lâu còn”. Nếu chăm một lòng cần dùng gọi là lăm muốn. Lại trong như-ý-túc nói: “Dục tam-muội, tinh-tấn tam-muội, tâm tam-muội, tư-duy tam-muội”. Tùy tâm chỗ dùng gọi là muốn. Đây là muốn Pháp, nhờ tinh-tấn giúp tu tập Định-huệ do nhờ dùng bốn món này đều được gọi Như-ý-phần. Lại nói người muốn bay đi. Lại có một vị Tỳ-kheo thường ưa đọc-tụng. Vị này tu thiền chứng được A-La-Hán, nên chẳng đọc tụng nữa; có vị Trời hỏi rằng: Người thường ưa tụng, nay sao chẳng tụng nữa? Tỳ-kheo đáp: Trước kia tôi chưa ly-dục nên phải cần muốn kinh thơ, nay đã lìa ba cõi nên chẳng cần dùng nữa. Có bao nhiêu kinh sách, thiền-định, trí-tuệ đều do Thánh-nhân nói ra, ấy là pháp đáng bỏ. Nên biết cần dùng là nhân của muốn, vì cần dùng nên mới tham các món muốn, nên gọi là tham dục.

PHẨM HỖ THỨ 88

Tâm muốn ưa vui ấy gọi là mừng. Như nói chúng-sinh tính loại theo nhau: Vui ác theo ác, ưa lành theo lành, ấy gọi là ưa mừng.

Hỏi: Tính chẳng phải gọi là mừng. Tại vì sao? Vì Phật b iết chúng-sinh nhiều thứ tính, tính ấy là trí-lực; biết nhiều món mừng, dực là trí lực. Cho nên biết tính ưa mừng đều khác.

Đáp: Tu lâu nhóm họp tâm thời gọi là tính, tùy tính sinh ưa mừng. Vậy nên biết lâu nhóm tâm gọi là tính-trí-lực. Trí tùy tính sinh ưa mừng, gọi là dực-trí-lực. Nên nói chúng-sinh tùy tính theo nhau lâu nhóm ác tâm, thời ưa mừng điều ác; lâu nhóm thiện tâm, thời vui mừng điều thiện, như lúc lạnh ưa nóng. Đây là nhân duyên hiện tại chẳng phải theo tính sinh, ấy là tính ưa mừng sai khác.

PHẨM TÍN THỨ 89

Quyết định là tướng Tín.

Hỏi; Quyết định là tướng-huệ. Quyết định gọi là dứt nghi, đây gọi tướng huệ?

Đáp; Tự mình chưa thấy pháp theo lời dạy của Hiền-Thánh, tâm mới được thanh tịnh. Đây gọi là tin.

Hỏi: Nếu vậy là tự thấy pháp rồi chẳng cần tin nữa?

Đáp: Phải. A-La-Hán mới được gọi là kẻ bất tín. Như trong Pháp-cú nói: “Kẻ bất-tín, kẻ bất tín ân gọi là bực Thượng-nhân”. Lại trong kinh nói: “Bạch Thế Tôn Tôi với trong việc này theo lời Phật mà tin”. Nếu tự thấy pháp tâm được thanh tịnh, ấy gọi là tin. Trước nghe pháp, sau dùng thân chứng, khởi nghĩ như vậy: Pháp này chân-thật chắc-chắn chẳng luống dối, thời tâm được thanh-tịnh, ấy gọi là tin. Ở trong tứ-tín: Ví như có người bệnh, trước tin lời Thầy, rồi uống thuốc lành bệnh, nhiên hậu đối với Thầy sinh tâm thanh tịnh, ấy gọi là tin. Tín này có hai thứ: Một từ si sinh, một từ trí sinh. Kẻ từ si sinh là chẳng nghĩ lành dữ, như đối với chỗ bợn ác sư Phú-Lan-Na thấy sinh tịnh-tâm; kẻ từ trí sinh là như trong tứ-tín nói đối với Phật thấy sinh tịnh-tâm. Tín này ba thứ: Thiện, bất thiện, vô-ký.

Hỏi: Bất thiện tín này tức là phiền não. Pháp bất tín trong đại-địa chẳng phải là tín vậy?

Đáp: Chẳng phải pháp bất tín. Tín này là tịnh tướng, bất thiện tín ấy cũng là tịnh tướng. Nếu chẳng phải vậy thời bất-thiện-thọ chẳng nên gọi thọ, mà thật chẳng phải vậy. Nên mới có ba thứ sai khác. Nếu như lòng tin ở căn số tùy-thuận giải thoát; ở 37 phẩm trợ đạo thời quyết định là thiện.

PHẨM CÀN THỨ 90

Tâm phát hành động đây gọi là cần. Thường nương các pháp hoặc nghĩ nhớ hoặc định, trong ấy phát động một lòng thường hành đây gọi là cần. Cần có ba thứ: thiện, bất thiện và vô ký. Nếu tại trong tứ-chính-cần đây gọi là thiện, kỳ dư chẳng gọi là thiện. Nếu hành giả tin: Bất thiện là tội lỗi, thiện pháp là lợi ích, nhiên hậu sinh siêng năng để dứt bất thiện, và nhóm pháp thiện vậy. Cho nên kê tín-cần mới nói tinh-tấn-cần. Cần này khi vào trong pháp lành gọi là tinh tấn, vì năng làm gốc cho tất cả việc lợi ích. Nhờ tinh tấn, vì năng làm gốc cho tất cả việc lợi ích. Nhờ tinh tấn này giúp cho các pháp nghĩ nhớ thấy mới năng được đại quả, như lửa gặp được gió đốt cháy càng nhiều.

PHẨM ƯC THỨ 91

Biết cảnh từng trải qua từ trước ấy gọi là nhớ. Như trong kinh nói; “Đã trải qua lâu xa năng nhớ chẳng quên”. Đây gọi là nhớ.

Hỏi: Nhớ này ở trong ba đời. Tại vì sao? Vì trong kinh nói nhớ tất cả đều là nên phải. Lại nhớ này ở tại tứ-ức-xứ. Tứ-ức-xứ này cũng duyên ba đời. Mà tại sao chỉ nói quá-khứ ư.

Đáp: Đây nói “đều là nên phải” chẳng những ba đời. Nếu tâm rung động, lạng chìm thời nhớ theo hai chỗ, ấy gọi khắp đi. Người nói tứ-ức-xứ duyên ba đời ấy. Trong ấy huệ-năng duyên hiện tại, chẳng phải là nhớ. Vậy nên đức Như-Lai trước nói tên nhớ, hiệu thời nói là huệ.

Hỏi: Tại sao một thức trải qua biết, lại một thức khác năng nhớ?

Đáp: Pháp nhớ nó như vậy, với trong pháp tự nói nhau sinh diệt, liền sinh thức khác trở lại tự năng duyên. Lại pháp tri-thức lẽ như vậy: thức khác trải qua, thức khác năng biết, như nhãn-thức biết sắc, ý thức năng tri. Lại người khác đã dùng qua người khác nữa năng biết, như các vị Thánh-nhân cho đến túc mạng của tâm thân thừa này đã từng trải qua, nhờ sức nhớ nên biết.

Hỏi: Nếu biết cảnh đã trải qua từ trước gọi là nhớ ấy. Nay pháp các thức đều nên gọi nhớ. Tại vì sao? Vì pháp ấy cũng đi cảnh đã trải qua từ trước?

Đáp: Các thức pháp cũng gọi là nhớ. Như Phật bảo Tát-già-Ni-Diên Tử rằng: “Người nhớ bốn-sự phải đáp đi”. Lại nói: Nếu nhớ việc giỡn vui từ trước thời phiên não phát sinh. Nên các thức pháp nhớ việc trước, nên cũng gọi là nhớ. Nhớ này do lấy tướng mà sinh, tùy pháp nào đó rồi lấy tướng thời nhớ sinh. Khác đi thời chẳng sinh. Định huệ trong phẩm định huệ sẽ nói.

PHẨM GIÁC QUÁN THỨ 92

Nếu tâm thường thường sinh khởi tản đi, đây gọi là giác. Lại trong tản tâm, cũng có thô, tế. Thô gọi là giác, vì chẳng sâu nhiếp nên gọi thô-tâm. Như trong kinh nói: “Phật nói Ta đi có hạnh giác-quán”. Vậy nên sơ-thiền chưa sâu nhiếp được, nên gọi là hữu giác-quán. Tản tâm nhỏ yếu thời gọi là quán. Bởi hai pháp này ở khắp ba cõi. Vì tướng thô, tế của tâm này vậy. Lại tâm tán loạn gọi là giác quán, vì tướng này ứng tất cả chỗ. Lại việc chưa hiện biết phải dùng tỉ-trí mới biết: Nghĩ lường nên vậy hay chẳng nên vậy, đây gọi là giác. Vậy nên nghĩ lường việc chưa hiện biết nên có tên chính giác và tà giác. Liệt phân biệt nghĩ lường thì gọi là chính-kiến. Ba món biết này là: Tà-giác là suy nghĩ điên đảo rằng trong vô thường là thường thấy; chính giác chưa được chân-trí nhớ tướng so sánh mà biết, kẻ hành giả này ở trong đạt-phần thiện-căn, đây gọi là Nhẫn. Như vậy các điều thuận đạo so sánh biết, gọi là chính giác. Trong ấy, nếu xa liệt nhớ tướng phân-biệt gọi là hiện tại tri. Với trong giác này suy nghĩ so tính: Nhờ nhân-duyên này nên như vậy, nhân-duyên kia nên chẳng như vậy, đây gọi là quán.

Hỏi: Có thuyết cho rằng giác quán ở trong một tâm. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không phải. Tại vì sao? Vì các người tự nói dụ như đánh linh, tiếng đầu là giác, các tiếng ngân sau là quán. Lại như dụ sóng nước; thô là giác, tế là quán. Là vì thời gian và phương hướng khác, nên chẳng phải ở một tâm. Lại năm thức không phân-biệt nên không có giác-quán.

PHẨM DƯ TÂM SỐ THỨ 93

Nếu chẳng làm lành, hoặc làm lành bất-chính gọi là buông-lung; không riêng có một pháp gọi là buông lung vậy. Lúc nào tâm làm gọi là buông lung. Trái lại với trên đây gọi là chẳng buông-lung. Nén tâm làm lành gọi là chẳng buông-lung, cũng không có pháp riêng. Lại tâm chạy theo bất-thiện gọi là buông-lung; thuận theo pháp lành gọi là chẳng buông-lung. Kẻ có căn lành thời chẳng có tham, sân và si: lấy nghĩ lường làm đầu, năng không tham đắm gọi là chẳng tham; lấy từ bi làm đầu, chẳng sinh giận dữ gọi là chẳng sân. Lấy chính kiến làm đầu, chẳng làm lộn gọi là chẳng si. Không riêng có một pháp gọi là chẳng tham. Có người nói không tham gọi là chẳng tham. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì không tham gọi là không pháp. Không pháp làm sao làm nhân cho pháp? Không sân không si cũng như thế. Lại cùng với ba bất thiện căn trái nhau nên chỉ nói ba. Kiêu mạn thấy cũng ưng là bất-thiện-căn, vì lược bớt nên chỉ nói là ba bất-thiện-căn. Trong phẩm bất thiện sẽ nói. Vô-ký-căn: có người nói có bốn là: Vô ký, ái kiến, mạn và vô-minh. Lại có người nói có ba là: Ái, vô-minh và huệ. Đây chẳng phải Phật nói. Tùy tâm vô-ký

mà nhân duyên nào sinh, thời gọi nhân-duyên ấy là vô-ký-căn. Lại vì nghiệp thân khẩu phần nhiều từ tâm vô ký sinh khởi. Vô ký tâm gọi là vô-ký-căn. Khi tâm hành năng khiến thân tâm yên tĩnh, diệt trừ được thô-trọng, bấy giờ gọi là khoan khoái. Khi tâm hành gọi nhiều tên xấu: Như với trong các thọ tâm hành chẳng rõ cũng gọi là xấu; trong các Thiền liả khổ vui mặc cho tâm hành gọi là xấu; trong thất giác chẳng chìm chẳng động, tâm hành bình-đẳng gọi là xấu; liả buồn mừng được tâm bình-đẳng gọi là xấu; trong tứ vô-lượng liả tâm ghét yêu gọi là xấu. Như vậy tùy nhiều món pháp trái nhau thời có vô-lượng tâm-số sai khác.

PHẨM BÁT TƯƠNG ƯNG HÀNH THỨ 94

Tâm bất tương-ung hành là: Đắc, bất-đắc, vô-tướng-định, diệt tận định, vô tướng xứ, mạng căn, sinh, diệt, trụ, dị, lão, tử, danh chúng, cú chúng, tự chúng và phạm phu pháp thủy.

Đắc là các pháp thành tựu vì chúng-sinh nên mới có được. Chúng-sinh thành tựu năm âm thân đời hiện tại gọi là được. Lại trong đời quá-khứ nghiệp lành chẳng lành quả báo chưa chịu, chúng-sinh đã thành tựu pháp này. Như trong kinh nói: “Người này thành tựu pháp lành và cũng thành tựu pháp chẳng lành”.

Hỏi: Có người nói: thành tựu nghiệp thân khẩu lành chẳng lành đời quá-khứ, như người xuất gia thành tựu giới-luật nghi đời quá-khứ. Việc này thế nào.

Đáp: Đều đã thành tựu. Tại vì sao? Trong kinh nói: “Nếu người làm tội phước tức là đã có hai việc thường bám theo nơi thân, như bóng theo hình”. Lại trong kinh nói: “Họa phước bất-hủ, nghĩa là năng được quả báo”. Nếu chẳng thành tựu nghiệp tội phước thời của nên đắc quả, thời mất các hành nghiệp.

Hỏi: Luật nghi quá-khứ chẳng ưng thành tựu. Tại vì sao? Vì ông đã nói pháp quá-khứ diệt, vị-lai chưa có, hiện tại chẳng năng thường có thiện tâm. Thì làm sao thành tựu giới luật nghi được ư?

Đáp: Người này thành tựu giới luật nghi hiện tại, chẳng phải quá-khứ. Như bởi hiện ô nhiễm nên nhiễm. Như vậy lấy giới hiện tại nên gọi là trì giới, chứ chẳng lấy quá-khứ. Nhưng vì trước đã thọ mà chẳng xả, nên gọi thành tựu quá-khứ.

Hỏi: Có ông luận sư nói; Chúng-sinh thành tựu tâm-thiện bất thiện trong đời vị-lai. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng thành tựu. Tại vì sao? Vì chưa tác nghiệp mà đã được quả vậy. Vậy nên vị-lai chẳng thành tựu. Đây gọi là được là không riêng có tâm bất tương ung

pháp gọi là được. Với đầy trái nhau gọi là chẳng được. Cũng không riêng có pháp chẳng được vậy.

Vô-tướng-định: Đây không có pháp nhất định. Tại vì sao? Vì phạm-phu chẳng năng diệt tâm và tâm-số-pháp (ra sau sẽ nói). Tâm và tâm-số-pháp này nhỏ nhiệm khó giác biết được, nên gọi là vô-tướng. Vô-tướng xứ cũng như vậy. Diệt-tận-định Tâm diệt không còn hành nữa nên gọi là diệt tận, không có pháp riêng giống như Nê-Hoàn. Mạng-căn: Vì nghiệp nhân-duyên nên năm âm nối nhau gọi là mạng: mạng này lấy nghiệp làm gốc nên gọi là mạng-căn. Sinh năm âm còn đời hiện-tại gọi là sinh; xả đời hiện-tại gọi là diệt. Nối nhau nên trụ: Trụ này biến khác nên gọi là trụ-dị, chẳng phải riêng có pháp gọi là sinh-trụ-diệt. Lại trong nghĩa Phật-Pháp sâu thẳm, nghĩa là các duyên hòa hợp mới có pháp sinh. Cho nên không có pháp nào năng sinh pháp khác. Lại nói nhân-sắc thấy làm nhân duyên cho nhân-thức. Trong ấy không nói có sinh, cho nên không sinh không có lỗi gì. Lại nói sinh thấy pháp đồng thời sinh. Nếu pháp đồng thời sinh tức diệt. Trong ấy sinh thấy dùng làm gì ư? Việc này cần suy nghĩ. Lại trong 12 nhân-duyên Phật tự nói nghĩa sinh: Các chúng-sinh nơi nơi sinh, thọ các âm gọi là sinh. Vậy nên trong đời hiện-tại trước tiên được các âm gọi là sinh. Cũng nói năm âm lui mất gọi là chết. Cũng nói các âm suy hoại gọi là già. Không riêng có pháp già chết.

Danh chúng: Do chữ sinh danh, như nói người nào đó theo chữ thành nghĩa gọi là cú. Các chữ gọi là chữ. Có người nói có các danh cú tự là tâm bất tương ưng hành. Việc này chẳng phải lẽ. Vì pháp này nhiếp vào trong thanh tịnh pháp.

Hỏi: Pháp phạm phu và tâm bất tương ưng hành. Việc ấy thế nào?

Đáp: Phạm phu pháp chẳng khác phạm phu. Nếu riêng có phạm phu pháp, cũng ưng thọ riêng có cái bình pháp thấy. Lại số lượng, nhất dị, hiệp ly, hảo xứ, thấy pháp đều nên riêng có. Trong ngoại kinh thư nói: bình khác, pháp bình khác; nhân bình pháp mới biết là bình sắc khác, sắc pháp khác. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì pháp gọi là tự-thể. Nếu người bảo phạm phu pháp khác, thời sắc tự không có thể, cần đợi sắc pháp mới có. Việc này chẳng phải lẽ. Vậy nên bởi người chẳng nghĩ kỹ nên mới nói riêng có phạm phu pháp. Có các luận sư học ngoại điển nên mới tạo luận A-tì-đàm nói riêng có phạm phu pháp thấy. Cũng có các luận sư nói riêng có như: pháp tính, chân tế, nhân duyên thấy các vô vi pháp vậy. Nên cần suy nghĩ kỹ lý này, đừng chỉ theo văn tự.

- Hết nhóm khổ đế.

PHẠM NGHIỆP TƯỚNG TRONG NGHIỆP-LUẬN NHÓM TẬP ĐỀ THỨ

Luận giả nói: Đã nói xong Khổ-Đế, nay sẽ nói Tập-Đế. Tập-Đế là: Các nghiệp và phiền não. Nghiệp này có ba thứ: Thân-nghiệp, khẩu-nghiệp và ý-nghiệp. Thân-nghiệp là: Thân sở-tác gọi là thân-nghiệp. Nghiệp này là ba món đoạt mạng thấy là bất-thiện; khởi nhinh lễ bái thấy là thiện; nhỏ có thấy là vô-ký.

Hỏi: Nếu thân ra làm gọi là thân-nghiệp ấy. Thời bình thấy các vật cũng ung là thân-nghiệp, vì thân nó cũng có tác dụng vậy?

Đáp: Bình thấy là quả của thân-nghiệp, chứ chẳng phải là thân-nghiệp, vì nhân-quả khác vậy.

Hỏi: Chẳng nên có thân-nghiệp. Tại vì sao? Vì thân ra động-tác gọi thân-nghiệp, mà hữu vi pháp niệm niệm diệt, nên chẳng ung có động-tác.

Đáp: Việc này trong phẩm niệm niệm diệt đã đáp, nghĩa là pháp khi sinh ở các chỗ khác tổn hại hoặc lợi ích cho kẻ khác, gọi đây là thân-nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thời thân tức là thân-nghiệp, vì sinh các chỗ khác, nên chẳng phải thân ra làm gọi là thân-nghiệp?

Đáp: Thân là dụng-cụ tác-nghiệp. Thân khi sinh ở các chỗ khác nhóm hợp tội phước gọi là nghiệp. Vậy nên thân chẳng phải nghiệp vậy.

Hỏi: Nhóm tội phước là vô tác, còn các thân-tác thế nào?

Đáp: Khi sinh thân ở các chỗ có bao nhiêu tạo-tác gọi là thân-tác.

Hỏi: Thân này ra làm hoặc thiện hoặc bất-thiện mà thân chẳng vậy. Vậy nên chẳng phải thân làm?

Đáp: Vì tâm-lực nên khi sinh thân ở chỗ khác năng nhóm nghiệp. Vậy nên hoặc nhóm thiện, bất-thiện, chẳng những là thân, mà khẩu-nghiệp cũng như vậy, chẳng những âm thanh-ngôn ngữ cũng lấy tâm-lực tùy âm thanh ngôn-ngữ mà nhóm thiện ác gọi là khẩu-nghiệp. Ý-nghiệp cũng vậy, nếu tâm quyết định: Ta giết chúng-sinh này. Bây giờ nhóm tội phước cũng như vậy.

Hỏi: Như do thân khẩu iêng có nghiệp; ý với ý nghiệp là tức hay là khác?

Đáp: Hai món: Hoặc ý tức là ý-nghiệp hoặc do ý sinh nghiệp: Như ý quyết định giết chúng-sinh là bất-thiện, mà cũng là ý-nghiệp. Nghiệp này năng nhóm tội thắng hơn nghiệp thân khẩu. Nếu tâm chưa quyết định, là ý này cùng với nghiệp khác.

Hỏi: Đã biết tác tướng do tác mà sinh. Nhóm nghiệp khác, cái nào là tướng?

Đáp: Đây tức gọi là vô tác.

Hỏi: Chỉ thân khẩu có vô-tác, ý không có vô-tác sao?

Đáp: Không phải: Tại vì sao? Vì trong ấy không có nhân-duyên, nên chỉ nghiệp thân khẩu có vô-tác, mà ý không vô-tác. Lại trong kinh nói hai thứ nghiệp: “Hoặc nghĩ, hoặc nghĩ rồi”. Nghĩ tức là ý nghiệp; nghĩ rồi hai thứ: do nghĩ nhóm-nghiệp và nghiệp thân khẩu, ý nghiệp rất quan trọng, (ra sau sẽ nói) do trọng nghiệp nhóm gọi là vô tác, vì thường nối nhau sinh, nên biết ý-nghiệp cũng có vô tác.

PHẨM VÔ-TÁC THỨ 96

Hỏi: Pháp gì gọi là vô-tác?

Đáp: Nhân tâm sinh tội phước, ngủ mê, chết ngất thảy, những khi ấy thường sinh. Đây gọi là vô-tác. Như trong kinh nói: “Nếu trồng cây gây vườn rừng, đào giếng, bắt cầu cống thảy. Người này ra làm phước ngày đêm thường tăng-trưởng”.

Hỏi: Có người tác nghiệp hiện khá thấy: Như bố-thí, lễ bái, sát-sinh hại mạng thảy là phải có; còn vô tác nghiệp vì chẳng khá thấy nên không có. Nhờ biện-minh cho nghĩa này?

Đáp: Nếu không có vô-tác, thời không có pháp lìa sát-sinh thảy.

Hỏi: Lìa gọi là bất-tác, bất-tác thời vô pháp, như người khi chẳng nói, thời không có pháp chẳng nói sinh; như khi chẳng thấy sắc cũng không có pháp chẳng thấy?

Đáp: Nhân lìa sát-sinh thảy được sinh lên trời. Nếu không pháp làm sao làm nhân?

Hỏi: Chẳng vì lìa nên sinh trời, mà vì lòng lành vậy?

Đáp: Không phải. Trong kinh nói: “Người tinh tấn tùy theo sống lâu được phước nhiều”. Vì tùy theo phước nhiều nên được hưởng thiên-lạc lâu dài. Nếu chỉ có lòng lành làm sao năng có nhiều phước? Vì người ấy chẳng năng thường có lòng lành vậy. Lại nói trồng cây thảy, phước đức ngày đêm tăng-trưởng. Lại nói trì-giới kiên-cố. Nếu không có vô-tác. Làm sao mà nói phước thường tăng trưởng và trì-giới kiên-cố? Lại phi tác tức là sát-sinh, tác thứ lớp sát-sinh pháp mới sinh nhiên-hậu bị tội sát; như người dạy giết, tùy thời gian dạy, kẻ dạy bị tội sát. Cho nên biết có vô-tác. Lại ý không có giới-luật-nghi. Tại vì sao? Vì người tâm ở trong bất thiện vô-ký,

hoặc vô tâm, cũng gọi trì-giới. Nên biết, bấy giờ có vô-tác. Bất-thiện luật-nghi cũng như vậy.

Hỏi: Đã biết có pháp vô-tác chẳng phải tâm. Nay nó là sắc, hay là tâm bất-tương-ung-hành?

Đáp: Đây là nhiếp về hành-âm. Tại vì sao? Vì tướng tác khởi gọi hành, vô-tác là tác khởi vậy. Sắc là tướng não-hoại chẳng phải tướng tác khởi.

Hỏi: Trong kinh nói: Sáu món nghĩ gọi là hành âm, mà chẳng nói tâm bất-tương-ung-hành?

Đáp: Việc này trước thuyết-minh rồi, nghĩa là có tâm bất-tương-ung với tội phước.

Hỏi: Nếu vô-tác là sắc-tướng thời có lỗi gì?

Đáp: Năm pháp sắc thanh hương vị và xúc, vì chẳng phải tính tội phước, nên chẳng lấy sắc tính cho là vô-tác. Lại Phật nói: Sắc là tướng não-hoại. Trong vô-tác này tướng phiền não tìm chẳng khá được, nên chẳng phải sắc tính.

Hỏi: Vô-tác là tính thân khẩu nghiệp; thân khẩu nghiệp tức là sắc?

Đáp: Vô-tác chỉ gọi là thân khẩu nghiệp, mà thật chẳng phải thân khẩu ra làm, vì bởi thân khẩu mà ý-nghiệp mới sinh, nên mới nói thân khẩu ý-nghiệp-tính. Lại hoặc chỉ do ý sinh vô-tác, thời vô-tác này làm sao gọi sắc tính được? Lại trong cõi vô-sắc cũng có vô-tác. Trong vô-sắc làm sao có sắc ư?

Hỏi: Làm những gì năng sinh vô-tác?

Đáp: Do thiện bất thiện tác nghiệp năng sinh vô-tác, chứ chẳng phải vô ký, vì sức nó yếu ớt vậy.

Hỏi: Từ khi làm thời gian bao lâu sinh vô-tác?

Đáp: Từ đệ nhị tâm sinh. Tùy tâm thiện ác mạnh thời năng trụ lâu. Nếu tâm yếu thời trụ chẳng lâu, như thọ giới một ngày trụ một ngày, thọ giới trọn đời trụ trọn đời.

PHẨM CỐ BẤT CỐ THỨ 97

Hỏi: Trong kinh nói: “Cố-tác nghiệp bất cố-tác nghiệp.” thế nào là cố ý tác và bất cố ý tác ư?

Đáp: Trước đã biết mà cứ làm gọi là cố-tác, trái lại gọi là bất-cố-tác.

Hỏi: Nếu bất-cố-tác chẳng gọi là nghiệp?

Đáp: Có nghiệp ấy, chỉ tâm cố làm thì nghiệp có quả-báo. Lại tâm quyết định làm nghiệp gọi là cố; tâm chẳng quyết định làm gọi là bất-cố. Như nói lỡ lời gọi là bất cố, chẳng lỡ lời gọi cố. Như trong kinh nói: “Người có tội lỗi, ta phải trách mắng; nếu nói lỡ lời thì ta chẳng trách? Hỏi như vậy ba lần”. Nếu trước không tâm làm mà làm như người khi đi dẫm phải hại trùng, đây gọi là bất cố. Nghiệp bất-cố này, vì chẳng nhóm, nên chẳng năng sinh quả-báo. Nghiệp có bốn thứ: có làm chẳng nhóm, có nhóm chẳng làm, có cũng làm cũng nhóm, có chẳng làm chẳng nhóm. Làm mà chẳng nhóm: Như làm sát-sinh thấy nghiệp, sau liền sinh ăn năn; làm bố thí thấy nghiệp, về sau lòng cũng ăn năn; và tâm làm nghiệp rồi sau chẳng nhớ, ấy gọi là làm chẳng nhóm. Nhóm chẳng làm như kẻ khác làm sát sinh thấy mà lòng mình sinh vui mừng; họ làm bố thí thấy lòng cũng vui mừng. Cũng làm cũng nhóm: Như tự làm sát-sinh thấy tội, bố thí thấy phước, tự sinh lòng vui mừng. Chẳng làm chẳng nhóm: Cũng chẳng làm cũng chẳng sinh mừng. Với trong đây, cũng làm cũng nhóm, nghiệp ấy quyết định chịu quả-báo”. Vậy nên nghiệp làm nhóm, hoặc đời hiện chịu báo, hoặc đời sau chịu báo, hoặc sau đời sau nữa chịu báo.

Hỏi: Nếu nghiệp có tác nhóm quyết định chịu báo ấy, thì không giải thoát?

Đáp: Nghiệp tuy cố tác, nhưng vì được chân trí nên chẳng còn nhóm nữa, ví như rang giống chẳng năng sinh lại.

Hỏi: Trong kinh Giêm-lượng Phật nói: “Có người tạo báo nghiệp địa ngục mà đời hiện chịu nhẹ?”

Đáp: Nếu trọng ác nghiệp mà đời hiện nặng chịu nhẹ, có sao chẳng năng khiến cho hết sạch đi ư? Nếu người chẳng năng cụ tu chân trí, thì ác nghiệp được cơ hội trả báo, nên đời hiện tại ít chịu quả báo.

Hỏi: A-La-Hán tuy cụ tu chân trí mà cũng chịu ác báo?

Đáp: Sâu tu pháp lành thì ngăn được chẳng lành. Vậy nên, nếu người ở trong trăm ngàn đời tu nhóm giới thấy các nghiệp lành, thì nghiệp chẳng lành chẳng năng sinh khởi được chính như các Đức Phật là bậc Nhất-Thiết-Trí. Còn những người khác chẳng năng như vậy, nên nghiệp bất thiện được cơ hội. Nên A-La-Hán tuy cụ túc chân trí, nhưng vì túc nghiệp đời trước nên cũng phải chịu ác báo.

Hỏi: Trong kinh cũng nói Phật cũng bị hủy báng thấy nghiệp báo bất thiện?

Đáp; Phật là bậc Nhất-Thiết-Trí, không còn ác nghiệp báo vì đã dứt tất cả cội gốc pháp bất thiện rồi. Nhưng chỉ vì thần thông vô lượng nên phương tiện thị hiện vì Phật sự bất khả tư nghì. Như trong kinh Tăng-nhất A-Hàm nói có năm việc bất-khả-tư-nghì. Nghiệp có hai thứ: Định báo và Bất-định-báo. Định báo nghiệp: Hoặc nhiều hoặc ít quyết sẽ chịu quả báo, bất định nghiệp: là có thể khiến tiêu hết.

Hỏi: Thế nào gọi định báo nghiệp và bất định báo nghiệp?

Đáp: Trong kinh nói tội ngũ-nghịch là định-báo nghiệp.

Hỏi: Chỉ tội ngũ nghịch là nghiệp-định-báo, còn các tội khác có không?

Đáp; Trong các nghiệp khác cũng có phần ít định báo, nhưng không thể chỉ ra được. Hoặc vì sự trọng nên quyết định báo, như đối với Phật và đệ tử Phật, hoặc cúng-dường, hoặc khinh-hủy, hoặc vì tâm trọng nên có định báo, như người vì có tâm trối giết hại trùng kiến, nặng việc giết người. Những nghiệp như vậy thầy quyết định có quả-báo.

Hỏi: Nếu tội ngũ-nghịch khá khiến mỏng bớt ấy, tại sao chẳng hay khiến cho tiêu hết đi?

Đáp: Cái lẽ của tội pháp này nó như vậy, không thể làm tiêu hết được. Như Tu-Đà-Hoàn dù cho giải đãi mấy nữa cũng chẳng đến tám lần thọ-sinh. Lại tội ngũ-nghịch vì bền chắc nặng nề nên không thể làm tiêu hết được. Như trong phép Vua kẻ bị trọng tội, khá được giảm-khinh, chứ không được trắng án.

PHẨM KHINH TRỌNG TỘI THỨ 98

Hỏi: Trong kinh nói có tội nghiệp nhẹ nặng. Nhẹ nặng là thế nào?

Đáp: Nếu nghiệp nặng bị quả báo a-tì địa-ngục, gọi là tội nặng.

Hỏi: Những nghiệp gì nặng bị quả báo ấy?

Đáp: Như hành nghiệp phá Tăng quyết chịu báo này. Tại vì sao? Vì chia lìa ngôi Tam-bảo, khiến Tăng-bảo lìa Phật-bảo cũng phá Pháp bảo nữa. Lại vì đó mà sinh tà-kiến hạng nặng nên nặng sinh khởi nghiệp này. Cũng rất ganh, giận Phật, nên khởi nghiệp này. Cũng lâu nhóm ác tính, rất tham lợi dưỡng, nên khởi nghiệp này. Lại người này nói phi pháp là pháp phải thời, ngăn nhiều chúng-sinh tu các pháp lành, nên gọi trọng tội.

Hỏi: Chỉ có tội phá Tăng bị báo A-tì địa-ngục, còn các tội khác?

Đáp: Các nghiệp khác cũng có. Như nói không tội phước, cúng dường cha mẹ và các người lành không có quả báo. Những tà kiến này cũng bị quả báo ấy. Lại khiến kẻ khác đọa vào tà-kiến này, vì khiến nhiều chúng-sinh tạo các ác nghiệp nên cũng bị báo ấy. Lại năng trước tác các kinh thơ tà-kiến như vậy, như bọn Phú-Lan-Na thầy và các ông sư tà-kiến, vì hại chính-kiến, nên mở đường nhân-duyên cho nhiều chúng-sinh làm ác. Lại tội hủy báng Hiền-Thánh cũng bị quả báo ấy, như nói một phía hông tám muôn bốn ngàn năm chịu khổ. Lại như trong kinh Pháp-Cú nói:

“Thánh sống lâu vì pháp,

Đem pháp ấy giáo hóa.

Độn căn nương ác kiến

Trái nghịch lời như vậy,

Như tre gai sinh trái,

Thời tự hại thân hình,

Người này đọa địa ngục,

Đầu thòng chân chống lên,

Kẻ ác tâm ác khẩu,

Vì bài báng Hiền Thánh.

Người này đọa mười vạn

Địa-ngục Ni-la-phù,

Ba sáu vạn địa-ngục,

Và năm A-phù-đa.”

Lại sát sinh thầy, nếu sự trọng, tâm trọng, tội này cũng đọa vào địa ngục a-tì; trái lại với trọng. đây gọi là khinh, nghĩa là ở trong địa ngục nhỏ bị nướng trên lửa nướng thầy; súc sinh, ngựa quỷ và trong người trời chịu quả báo chẳng lành, ấy gọi là tội nhẹ.

PHẨM ĐẠI TIỂU LỢI NGHIỆP THỨ 99

Hỏi: Trong kinh nói: Có đại tiểu lợi nghiệp. Những gì là đại lợi nghiệp?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào năng đến quả Chính-Đẳng-Chính-Giác cao tốt, đây gọi là tối-đại-lợi nghiệp. Nghiệp kê là năng được quả Bích-Chi-Phật Đạo. Nghiệp kê nữa là được quả Thanh-Văn Đạo. Nghiệp thứ tư là được quả báo cõi Hữu-đánh, mạng sống đến tám muôn đại kiếp, đây là nghiệp báo tối đại trong sinh tử. Đến nghiệp thứ năm là được quả báo cõi vô-sở-hữu-xứ mạng sống được sáu muôn kiếp. Cứ như vậy lần lượt thứ lớp cho đến cõi Phạm-thế mạng sống nửa kiếp. Kế đến cõi trời tha-hóa tự-tại trong cõi Dục hưởng thiên-số muôn sáu ngàn năm cho đến cõi tứ-thiên-vương hưởng thiên số năm trăm năm. Như vậy trong loài người từ cõi tứ-thiên trở xuống đều theo nghiệp mà thọ quả báo. Như vậy súc-sinh, nga-quỷ, địa-ngục cũng có tiểu lợi nghiệp.

Hỏi: Những nghiệp nào năng được quả bực Chính-Đẳng Chính-Giác cao tốt?

Đáp: Bồ-thí thấy đầy đủ sáu pháp ba-la-mật, thời năng được quả Chánh-Đẳng Chánh-Giác cao tốt. Rồi từ nghiệp lành này thứ lớp càng mỏng lần được Bích-Chi-Phật Bồ-Đề; càng mỏng lần nữa được Thanh-Văn Bồ-Đề. Nếu tu tăng lên bốn vô-lượng tâm thời được sinh về cõi hữu-đánh. Tu bốn vô-lượng thứ lớp mỏng dần, kế là sinh về bực dưới. Tu bốn vô-lượng càng nhỏ mỏng nữa và tùy nhân-duyên giới-định nên sinh cõi Sắc. Vì nhân-duyên tu bồ-thí trì giới tu thiện nên sinh cõi Dục. Nghiệp bồ thí thấy này tùy theo phước-điền dày mỏng nên mới có sai khác. Như đối với trong phước-điền chư Phật mà tu, thời là rất hơn hết. Kế là đối với trong phước-điền Bích-Chi-Phật, thấy mà tu, thứ lớp càng ít dần.

Hỏi: Trí-đức phước-điền hơn, hay Đoạn-đức phước-điền hơn?

Đáp: Nếu trí năng đạt pháp-tướng nghĩa là rất ráo không, thời Trí ấy hơn. Tại vì sao? Vì như Đức Phật do trí nên với trong hàng đệ-tử Phật là hơn, chứ chẳng do Đoạn vậy. Như trong tạp-bảo-tạng nói: Nếu quét đất phòng Tăng rộng bằng một cõi diêm-phù-đề, chẳng bằng quét tháp Phật một chỗ bằng chừng một bàn tay”. Lại tất cả trí-huệ đều vì để đoạn vậy. Như các vị Bồ-Tát ở lâu trong sinh-tử đều vì khéo đoạn. Khéo đoạn: Nghĩa là dứt gút mình và dứt gút chúng-sinh. Các gút này đều nhờ trí dứt dần. Nên biết huệ phước-điền đối với đoạn đức là hơn.

Hỏi: Như Tu-Đà-Hoàn lợi căn, Tu-Đà-Hoàn độn căn, hai phước điền này bực nào cao hơn?

Đáp: Lợi-căn hơn, chẳng phải độn căn vậy.

Hỏi: Lời ấy nhằm chẳng lẽ. Như trong kinh nói: “Cúng dường trăm Tu-Đà-Hoàn, chẳng bằng cúng-dường một Tu-Đà-Hàm”. Lại nói: “Cỏ lát hại lúa; tham dục ướ tằm, vậy bố-thí người vô-dục, phải được phước nhiều”. Tu-Đà-Hàm bá độ trước mỏng dần, Tu-Đà-Hoàn thời chưa, làm sao nói hơn được?

Đáp: Kinh này gọi là bất liễu-nghĩa. Tại sao biết được? Cũng tức nơi kinh này nói: “Thí cho loài súc sinh được lợi gấp trăm”. Mà thật thí cho quạ chim thấy được quả báo thắng thí cho người ngoại đạo có năm thân-thông. Vậy nên kinh này phải biện biệt nghĩa lại, kinh này theo số nhiều nên mới nói như vậy, trừ trí-huệ. Lại Tu-Đà-Hoàn vì trí-lực nên tuy thọ các dục mà cũng gọi phước-điền, chẳng phải đoạn dục phạm phu cho đến kẻ năng được Định cõi hữu-đảnh. Lại trí đa-văn ở trong đạt phần còn hơn chứ chẳng Định hữu-đảnh ở phần bất thông-đạt. Lại Ngài Di-Lặc Bồ-Tát tuy chưa chứng Phật quả, nhưng cũng được các vị A-La-Hán lễ kính. Lại như kẻ chỉ năng phát suông tâm Bồ-Đề lên được La-Hán cung kính: Như có một Sa-di quảy mang áo bát đi theo vị A-La-Hán; Sa-di này bỗng phát tâm vô thượng Bồ-Đề, vị A-La-Hán liền lấy áo bát lại tự quảy lấy và đi theo sau Sa-di. Như trong thí dụ nói rộng. Cho nên biết trí-huệ phước-điền là hơn hết.

Thành Thật luận hết quyển 7

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 8

PHẨM TAM-NGHIỆP THỨ 100

Hỏi: Trong kinh nói ba nghiệp: thiện, bất-thiện, và vô-ký. Những nghiệp gì là thiện?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào đó năng cho kẻ khác việc tốt nghiệp ấy là thiện. Thiện-nghiệp này do pháp bố-thí, trì-giới lòng từ mà sinh, chứ chẳng phải do tắm rửa tẩy.

Hỏi: Sao gọi là tốt?

Đáp: Khiến kẻ khác được vui, ấy gọi là tốt. Cũng gọi là thiện, cũng gọi là phước.

Hỏi: Nếu khiến kẻ khác được vui gọi là phước ấy. Khiến kẻ khác bị khổ, lẽ ra đắc tội? Như thầy thuốc châm đốt khiến bệnh nhân sinh khổ, lẽ là đắc tội?

Đáp: Thầy thuốc châm đốt là vì cho vui nên chẳng đắc tội.

Hỏi: Nếu vì cho vui là được phước ấy. Như dâm vợ người ta, khiến họ sinh vui, cũng nên được phước?

Đáp: Dâm-dục gọi là quyết định bất-thiện. Nếu người khiến kẻ khác làm pháp bất-thiện, thời đây là khổ chẳng phải vui vậy. Vui gọi là nay vui, sau vui, chứ chẳng phải chút vui hiện-tại, vì bởi chút vui này mà về sau bị khổ lớn.

Hỏi: Có người dùng nhân-duyên ăn uống khiến kẻ khác sinh vui, hoặc ăn uống chẳng tiêu khiến người kia chết mất, thời kẻ cho ăn này bị tội hay được phước?

Đáp: Người này hảo tâm cho ăn, không có ác tâm, nên chỉ được phước đức mà chẳng bị tội.

Hỏi: Dâm vợ kẻ khác ấy cũng lại như vậy. Chỉ vì khoái nên cũng bị tội, và được phước?

Đáp: Việc này trước đã đáp. Nghĩa là dâm dục, quyết định bất-thiện, vì sinh khổ lớn vậy. Lại trong bố-thí ăn uống có phần phước đức. Tại vì sao? Vì kẻ được ăn uống bất tất đều chết. Chúng-sinh đều vì lòng tham-nhiễm mà hành dâm-dục, hoàn toàn chẳng phải nhân phước, làm sao được phước?

Hỏi: Có người vì sát-sinh nên lợi ích cho nhiều người, người phá giặc thời quốc-gia khỏi tại họa. Như giết thú dữ thời lợi nhân-dân. Các việc này nên dùng sát-sinh mà được phước chẳng? Hoặc có người dùng nhân-duyên trộm cướp mà cúng-dường cha mẹ; nhân-duyên dâm-dục sinh con cái tốt; nhân-duyên vọng-ngữ hoặc cho mạng sống lâu; hoặc do ác khẩu thảy khiến người ta được lợi. Đây đều là thuộc về thập-ác, làm sao do đây mà được phước ôi!

Đáp: Người này được phước mà cũng bị tội: Vì lợi kẻ khác nên được phước; vì hại kẻ khác nên bị tội.

Hỏi: Thầy thuốc này trước cho người khổ, sau khiến được vui, có sao chẳng bị tội và được phước, mà chỉ được phước ư.

Đáp: Thầy thuốc ấy, vì thiện-tâm mà châm đốt, không có ác ý. Nếu hành nghiệp vì thiện ác nên khởi, thời tội phước đều được.

Hỏi: Sát thảy đều là được phước. Tại vì sao? Vì nhân-duyên sát được việc sở-dục: Như vì vua giết được giàu sang; vì nhân-duyên phước nên được tùy ý sở-dục, làm

sao sát-sinh mà chẳng gọi là phước? Lại người năng sát thời được tiếng khen. Mà tiếng khen là điều vui của người đời; mà điều vui của người đời là quả-báo phước đức. Lại vì sát, nên được mừng vui; mà mừng vui cũng là quả-báo phước đức. Lại trong kinh thơ nói: Nếu nghịch trận bị chết, được sinh lên trời. Như bài kệ nói: Nếu người chiến trận bị chết, thời gái trời giành làm chồng. Lại nói: Tuy người lành giàu-sang, vì giặc mà xông ra trước năng sát thời không bị tội, chẳng sát là bị tội. Lại kinh Thế-pháp nói: Có bốn hạng người: Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Bốn hạng người này đều có pháp riêng. Bà-la-môn có sáu pháp; Sát-lợi bốn pháp; Tỳ-xá ba pháp và Thủ-đà-la một pháp. Sáu pháp là: 1- Tự là miếu trời; 2- Làm thầy thờ Trời; 3- Tự đọc kinh Vi-đà; 4- Cũng dạy kẻ khác; 5- Bồ thí; 6- Lãnh của thí. Bốn pháp là: 1- Tự làm miếu Trời mà chẳng được làm thầy; 2- Theo kẻ khác chịu học kinh Vi-đà mà chẳng được dạy người; 3- Bồ thí chẳng được lãnh thí; 4- Bảo giữ nhân-dân. Ba pháp là: 1- Làm miếu Trời mà chẳng được làm thầy; 2- Tự học kinh Vi-đà mà chẳng được dạy người; 3- Tự bồ thí mà chẳng được lãnh của ai. Một pháp là: Lo cung cấp ba hạng người trên mà thôi. Như hạng Sát-lợi vì bảo giữ nhân-dân nên có quyền đoạt mạng sống kẻ khác chỉ có phước mà không tội. Lại kinh Vi-đà nói sát sinh được phước, chỗ gọi lấy lời thần chú trong Vi-đà đọc mà giết dê, dê chết sinh về trời. Kinh Vi-đà là một tín điều của thế gian. Cũng kinh ấy lại nói: Nếu thật kẻ nào đáng chết mà giết họ là không tội, như những ông Tiên ngũ-thông hay chú nguyện giết người. Không thể nói Thần-Tiên mà có tội được. Thời tội nhân làm sao năng thành được việc này. Cho nên biết sát-sinh được phước. Lại người hoặc có tâm-lực năng đoạt mạng sống được phước, mà thí cho mạng sống đắc tội, như người đem thiện tâm mà sát sinh vì muốn khiến được vui làm sao có tội? Như những kẻ hàng thịt nuôi dưỡng trâu dê, tuy thí mà vẫn phải tội. Như vậy trong việc trộm thầy cũng có phước đức?

Đáp: Người nói sát-sinh đều được sở-dục nên gọi phước ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì do phước-đức nên được tùy ý sở-dục. Sở-dục ấy việc phải vin lấy sát-sinh mà được. Tại vì sao vậy? Vì do đời trước tạo phước bất-tịnh vậy. Như trong kinh nói: “Cướp đoạt sát hại được của dùng làm bồ thí, khiến cho kẻ khác buồn khóc và bất -tịnh-thí, thí như vậy thầy gọi là bất-tịnh. Cần do ác duyên mới được quả báo”. Lại người này do đời trước có phước mà cũng có nghiệp duyên sát-sinh, vậy nên nay thân nhờ sát mới hưởng quả báo. Cũng có chúng-sinh phải đền của, mạng nên do sát hại mà được toại sở-dục. Lại chẳng phải tất cả chúng-sinh đều nhờ sát-sinh mà được giàu sang, như người đời nói: Người ấy bạc phước, làm nhiều công, mà không được quả. Tiếng khen, mừng vui cũng lại như vậy, đều nhờ phước-đức nhân-duyên nên được tiếng khen, được thân mạng và vui sướng. Chỉ vì phước ấy bất-tịnh nên mới do sát mà được.

Hỏi: Su tử, hổ-lang thầy được thân mạnh đều từ tội sinh, dọa-xoa, la-sát thầy được vui thân cũng do tội sinh?

Đáp: Việc này như trước đã đáp. Cũng do phước bất-tịnh nên nhờ tội duyên mà được. Như trong kinh sách của người nói: Nếu nghịch trận bị chết, thời được sinh lên trời. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì kinh ấy là lấy lời tà-ngữ dụ dỗ người ngu, khiến họ nỗ lực. Tại sao biết được? Vì cần do phước sinh phước, do tội sinh tội. Trong ấy trọn không có phước-nhân, thời do đâu mà được phước quả? Người nói bốn hạng chúng-sinh đều tự có pháp riêng. Hạng Sát-lợi vì họ người nên giết không tội ấy. Việc này cũng như phép gia-truyền, như những kẻ hàng thịt thầy đòi đòi gia-truyền thường phải sát sinh mà cũng chẳng khởi tội. Hạng Sát-lợi cũng vậy, tuy là vương pháp, nhưng cũng phải đắc tội. Nếu Sát-lợi vì vương-pháp nên sát-sinh không tội, thời những kẻ thợ thịt, thợ săn kia cũng ung không tội? Chỉ hạng Sát-lợi đem lòng thương xót vì dân mà trừ hoạn, thời nhờ đây mà được phước. Nếu trừ lý do trên, mà đoạt mạng sống của kẻ khác, thời đây là có tội. Như người cướp đoạt của cải người khác để nuôi cha mẹ mình, thời người này cả tội lẫn phước đều phải thọ.

Hỏi: Người nào trộm cướp về nuôi cha mẹ người ấy chẳng nên đắc tội. Như kinh thế pháp nói: “Nếu thiếu ăn bảy ngày, theo thú-đà-la mà cướp lấy thời không tội; nếu mạng đói muốn chết, thời được quyền theo Bà-la-môn mà lấy”. Người ấy tuy do ác-nghiệp để nuôi sống mạng, nhưng chẳng gọi là người phá giới, vì lý do cấp nạn vậy, giống hư-không bụi đất chẳng làm dơ được. Người này cũng vậy, chẳng dơ vì tội?

Đáp: Tức trong pháp Phạm-Chí nói: “Nếu khi cướp đoạt, tài chủ đến kiện, bấy giờ Phạm-Chí cần phải so sánh: Giả sử công đức của tài chủ chẳng bằng thời nên giết đi. Tại vì sao? Vì Phạm-Chí ta là kẻ thắng nhân có thể dùng nhiều phương pháp sám hối mà trừ diệt tội này. Nếu công đức đôi bên ngang nhau, thời tự giết giết người kỳ tội cũng đồng đều, vì đây là trọng tội khó mà trừ diệt vậy. Nếu tài chủ đức thắng hơn, thời nên tự xả thân, vì đây là trung tội, chẳng khá trừ vậy”. Phân biệt như vậy, với trong việc kẻ giết kẻ cướp đoạt cũng nên như vậy. Lại nói dùng sinh hoạt ác-nghiệp trong ấy vì có ác-nghiệp thời làm sao gọi là phước? Người nói người xông ra trước thời không tội, chẳng giết là đắc tội. Lời này đã bị phá hoại. Tại vì sao? Vì nếu kẻ tiền-nhân đức hơn, mình nên xả thân. Nếu là không tội ấy, có sao phải như vậy ư? Người nói kinh Vi-đà nói sát-sinh được phước. Lợi nói này như trước đã đáp, là giết thời không phước... Người nói người thật đáng chết, giết không tội ấy. Vậy thời giết những kẻ ác, trộm cũng ung không tội? Lại tất cả chúng-sinh đều là tội nhân, vì khởi tác nghiệp để chịu lấy ấm thân vậy. Vậy thì sát sinh không đắc tội ấy. Việc này không thể được.

Hỏi: Nếu chúng-sinh tự tạo sát duyên đời trước, nay có bị giết tại sao đắc tội. Nghiệp cướp trộm thầy cũng đều như vậy?

Đáp: Nếu như vậy thời không có tội phước. Tại vì sao? Vì người ấy tự tạo sát duyên đời trước, nên sát nói không tội, thời lia sát-sinh cũng không có phước-đức. Như vậy bố-thí kẻ khác lẽ cũng không có phước, vì kẻ thọ thí đã tự tu thí nghiệp từ đời trước, nay tự được quả-báo. Mà thật không thể chẳng có tội phước. Nên phải biết chúng-sinh tuy tự tạo sát nghiệp, mà kẻ sát-giả cũng vẫn đắc tội, vì khởi lòng tham sân si các phiền não vậy. Các phiền não này gọi là tà-điên-đảo; sinh tâm tà-đảo còn đáng bị tội huống chi cố ý khởi nghiệp ư? Bởi đó mà khiến sinh tử vô cùng tận. Nếu chẳng như vậy, thời khi mà các vị Thần-Tiên khởi các phiền não tham sân thỷ, lẽ chẳng liền bị mất thần-thông. Nếu đấy chẳng phải tội lỗi lại cùng với pháp gì trái nhau mới gọi là phước-đức? Phải biết chúng-sinh tuy tự tạo sát duyên đời trước, nhưng sát-giả vẫn phải có tội. Tuy người nói tội nhân vô sở năng thành. Việc này chẳng phải lẽ. Vì hạng Chiên-đà-la thỷ cũng có thể dùng chú-thuật để giết người. Tiên-nhân cũng vậy, vì ác tâm nên tùy theo lời chú nên vẫn năng thành tội. Lại vì phước lực của người bị giết nên năng thành; vì cướp đoạt mạng nên bị tội. Người nói hoặc có tâm-lực do đoạt mạng sinh phước, thí mạng đắc tội. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì cần do tâm-lực và phước nhân-duyên nên mới đắc phước, chứ chẳng những chỉ do tâm. Nếu đem thiện tâm dâm vợ nhà Thầy, giết Bà-la-môn nên được phước không? Những người biên-địa ở các xứ an-tức thỷ đem tâm phước đức dâm mẹ, chị chùng có phước chẳng? Cho nên biết do nhân-duyên phước, mới có phước đức sinh, chứ chẳng phải chỉ tâm vậy. Cướp trộm thầy cũng lại như vậy. Nên biết sát thầy đều là bất thiện. Lại sát thầy chẳng làm lợi cho kẻ khác nên gọi là bất thiện, tuy với đời hiện này được chút vui chốc lát, nhưng đời sau chịu khổ rất lớn, vì hại tổn kẻ khác nên gọi là tướng bất thiện. Lại hiện thấy có nhiều chúng-sinh gây những điều sát thầy cũng nhiều ở trong tam-đồ và nhân-đạo chịu các khổ não. Nên phải biết khổ-não là kết-quả của sát thầy, vì quả giống nhân vậy. Lại trong ba ác-đạo tội khổ rất dữ dội. Cho nên biết vì nhân-duyên sát thầy mà sinh vào trong ấy.

Hỏi: Trong người, Trời cũng như vậy. Các Trời cũng thường cùng chiến với A-tu-la, giết hại lẫn nhau; trong loài người cũng dùng hàm hào, thuốc độc, và lưới giết hại chúng-sinh?

Đáp: Trong Người, Trời có pháp lia sát thầy, mà trong ba ác đạo không có. Phải biết trong ấy, tội khổ rất lắm. Lại trong loài người bởi nhân-duyên sát thầy nên mất những lợi vui sống lâu thỷ: Con người thời thượng-cổ có thọ-mạng vô-lượng yển sáng từ thân phóng ra, sáng như mặt trời trắng, bay đi tự-tại; đất đều tự nhiên sinh vật tùy-ý, gạo nếp tự nhiên sinh. Nhưng đều bởi phạm tội sát thầy, nên mới mất

việc như vậy. Về sau, đến khi con người thọ mạng chỉ còn mười tuổi, lại càng mất: như bơ, dầu, đường phèn và lúa nếp, bắp thảy, tất cả đều không có. Nên biết sát thảy là nghiệp bất thiện. Lại nếu như lia sát thảy được vui trở lại: Thọ mạng tăng thêm như thọ niên đến tám muôn tuổi và các sở-dục tùy ý. Nên biết sát gọi bất-thiện. Lại như hiện nay, Châu Uất-đơn-Việt tự nhiên có gạo bắp, áo do cây sinh đều nhờ lia sát thảy vậy. Tóm tắt lại nói: Chúng-sinh có bao nhiêu tất cả vui sướng đều do lia sát thảy mà sinh. Cho nên biết sát thảy là nghiệp bất thiện vậy. Lại pháp sát là những người lành đã bỏ: Như các Đức Phật, Bồ-tát, Duyên-Giác, Thanh-văn và bao nhiêu những bậc người có công-đức, thảy đều bỏ lia. Nên biết nó là bất thiện.

Hỏi: Sát sinh thảy này, người lành cũng cho, như trong kinh Vi-đà nói: Vì cúng Trời nên cho phép sát dê?

Đáp: Đây chẳng phải là người lành. Người lành là thường cầu lợi vui cho kẻ khác, tu lòng từ-bi, bình đẳng với kẻ oan, người thân. Những người như vậy, họ đâu có sát sinh? Người ấy do lòng tham sân đục vẫn nên tự tạo kinh này để cầu sinh lên trời. Chứ rủa chúng-sinh kia, nhờ phước lực mới năng thành việc này. Lại sát thảy này, kẻ được giải thoát chẳng bao giờ làm. Nên biết bất thiện.

Hỏi: Những kẻ được giải thoát cũng chẳng làm các việc khác nữa, như ăn quá trưa thảy việc này cũng nên là bất thiện sao?

Đáp: Việc ấy là nhân duyên sinh tội, nên người lành cũng bỏ. Nếu pháp không lỗi chẳng nên bỏ lia. Quá trưa ăn thảy năng hại hạnh tu, vậy nên cũng bỏ. Có pháp vì thể tính bất-thiện nên bỏ, như giết trộm thảy; có pháp vì nhân duyên bất thiện nên cũng bỏ, như uống rượu, ăn quá trưa thảy. Nên biết sát sinh thể tính bất-thiện. Lại kẻ sát sinh bị nhiều người ghét như sư tử, hổ-lang, các đũa oán tặc và kẻ hàng thịt thảy. Nếu vì pháp nhân-duyên này mà bị nhiều người ghét gớm đâu chẳng phải bất thiện? Lại nếu kẻ bất sát được nhiều người thương, như các vị Hiền-Thánh tu hạnh từ-bi. Nên biết sát là bất thiện.

Hỏi: Có kẻ sát sinh vì sức mạnh mẽ nên được người ưa, như người vì Vua giết các đũa oán giặc thời được vua yêu mến?

Đáp: Vì nhân-duyên nên chẳng phải mến cho lắm. Như nói nếu người đem ác-nghiệp khiến cho lòng chúa vui mừng, nếu khi chúa sinh lòng chán ghét, trở lại nghi người này. Nếu họ đem ác sự mà sinh nghi làm sao gọi mến? Lại những kẻ làm điều bất thiện là tự chẳng thương mình huống chi kẻ khác ôi. Nên biết sát sinh là pháp bất thiện. Lại pháp sát thảy là đánh hại trời buộc thảy các nhân khổ-não, nên biết bất-thiện.

Hỏi: Pháp bắt sát thầy cũng có khổ nhân, như Vua ra lệnh cho người phải giết giặc, nếu chẳng giết chắc bị Vua hại?

Đáp: Nếu vì chẳng giết bèn bị hại ấy. Vậy thì các kẻ chẳng giết đều bị hại chết? Người này vì tự trái lệnh Vua vậy. Nếu vua biết thâm tâm người này chẳng giết, thòi chẳng gia-hại mà lại cúng-dương nữa. Vậy nên biết giết thầy là nhân-duyên khổ, chẳng phải chẳng giết thầy. Lại kẻ hành sát, đều khi sắp chết ăn-năn. Nên biết bất-thiện. Lại trong các việc giết thầy nên bị người khác chẳng tin, với trong đồng bọn còn chẳng tin nhau, huống chi người lành. Lại kẻ hành sát thầy người lành bỏ xa, như những kẻ hàng thịt, thợ săn thầy. Lại những kẻ hành sát thầy chẳng gọi người vui, kẻ hàng-thịt, thợ săn thầy trọn đời chẳng nhờ nghề nghiệp ấy làm được sang trọng. Lại người lành gắng công bỏ lìa sát thầy, nếu chẳng phải bất thiện, có sao gắng công cần cầu bỏ lìa? Lại hiện thấy sát thầy có quả-báo chẳng vừa lòng. Phải biết đời sau cũng bị quả-báo khổ. Lại nếu sát thầy chẳng phải bất thiện ấy, lại có pháp nào gọi bất-thiện ư?

Hỏi: Nếu pháp sát thầy là bất thiện ấy, thòi không có thân người đẹp, Tại vì sao? Vì không có lúc nào chẳng sát-sinh, như những lúc đi đến, chân cất lên dẫm xuống, hằng thường giết hại những chúng-sinh nhỏ-nhiệm. Cũng thường vì ý tưởng của mình mà lấy vật của kẻ khác, cũng tùy tự tưởng mà nói láo. Vậy nên chắc không có thân đẹp?

Đáp: Cố ý làm thòi bị tội, chứ chẳng phải cố ý vậy. Như trong kinh nói: “Thật có chúng-sinh, với trong đó sinh tâm tưởng chúng-sinh, có tâm muốn giết, giết rồi bị tội giết”. Trộm thầy cũng như vậy.

Hỏi: Như người ăn độc, cố hay chẳng cố đều năng chết người. Lại như sa hằm lửa biết cùng chẳng biết đều năng cháy người. Dẫm gai thầy cũng như vậy. Phải biết sát-sinh cố hay chẳng cố đều phải bị tội?

Đáp: Dụ này chẳng trúng. Độc cốt để giết hại thân nên chết, còn tội phước do tâm, làm sao đem ví được. Lại lửa gai thầy, nếu chẳng cảm giác, chẳng hay sinh khổ. Vậy nên dụ này chẳng trúng. Nếu không biết thòi chẳng cảm giác đau, có biết mới có cảm giác. Như vậy nếu không cố tâm, thòi tác nghiệp chẳng thành, cố tâm thòi thành, dụ này mới trúng. Có cố thòi có tội; chẳng cố thòi không. Các nghiệp đều do tâm sai khác, nên có thượng có hạ, nếu không cố tâm làm sao có thượng có hạ?

Như thầy thuốc với chẳng phải thầy thuốc, đều làm cho bệnh nhân sinh khổ, nhưng vì tâm lực nên có tội phước sai khác. Lại như con nắm vú mẹ thòi chẳng bị tội, vì không nhiễm tâm vậy. Nếu nhiễm tâm mà nắm thòi bèn có tội. Nên phải biết tội phước đều do tâm sinh. Lại nếu chẳng cố tâm mà có tội ấy, thòi những người được

giải thoát cũng có chẳng cố mà não hại chúng-sinh lẽ phải bị tội, thời không có người giải thoát, vì lẽ các tội nhân không được giải thoát vậy. Lại nếu chẳng cố mà có tội phước, thời một hành nghiệp phải là thiện và bất-thiện. Như người làm phước nghiệp làm giết chúng-sinh, thời nghiệp này cũng tội mà cũng phước? Việc này chẳng phải lẽ. Phải biết chẳng cố, thời chẳng nên có tội có phước gì cả. Lại nếu vô-tâm mà có nghiệp báo ấy, thì làm sao phân biệt được đây là thiện, đây là bất thiện và kia là vô-ký ư? Nên đều do tâm mới có sai khác này: Như có ba người đồng đi quanh Tháp” Một vì nhớ công đức Phật; hai vì trộm cắp; ba vì đi dạo mát. Tuy thân nghiệp là đồng mà có thiện, bất thiện và vô ký sai khác. Phải biết do ở tâm. Lại có nghiệp quyết định có quả-báo; có nghiệp chẳng quyết định có quả-báo. Có nghiệp thượng, trung, hạ. Có quả-báo đời hiện tại, quả-báo đời sau, và quả-báo sau các đời sau nữa thấy. Nếu chẳng do tâm mà được tội phước thì làm sao mà có sai khác như vậy? Lại nếu lia tâm có nghiệp, thời là phi chúng-sinh-số cũng nên có tội phước, như gió xô sập núi não hại chúng-sinh gió phải có tội; nếu thổi hoa thơm bay đến chùa Tháp, bèn nên được phước, ấy chẳng thể được. Cho nên biết lia tâm không có tội phước vậy. Lại có ngoại đạo nói: “Tu pháp đoạn thực nằm trên tro, đất, chông gai thây, gieo mình xuống vực sâu, nhảy vào lửa, tự sa thân xuống gộp thây, dùng những nhân duyên khổ ấy, mới có phước đức”. Có kẻ trí nạn lại rằng: “Nếu như vậy thời chúng-sinh ở địa ngục thường đốt nướng, loài nga-quỷ bị đói khát, loài côn trùng hay bay vào lửa; loài cá trạch ở nước, heo, dê, chó thây thường nằm trên phân đất. Các loài này thây cũng nên được phước?” Kẻ ngoại đạo kia đáp rằng: “Cần do cố tâm chịu đựng khổ não này thời có phước đức, chứ chẳng phải cố tâm mà được vậy”. Địa ngục thây chẳng phải chịu khổ đốt t hảy. Nếu chẳng cố tâm mà có phước ấy, thời trong địa ngục thây cũng nên có phước? Có những lỗi như thế. Nếu chẳng cố tâm mà có tội và phước, thời đời không có người lành. Tại vì sao? Vì ở trong bốn oai nghi thường giết chúng-sinh. Việc này không thể được. Phải biết chẳng cố tâm, thời không tội phước. Lại không được sinh về chỗ đẹp, vì thường bị tội vậy. Mà thật có các vị Phạm-vương và các thân tuyệt đẹp, nên biết nghiệp không cố tâm là không tội phước. Lại trong pháp của các người ăn thức ăn bất-tịnh, thời đều có tội. Nếu suy nghĩ cho kỹ, tất cả đồ uống ăn đều là bất tịnh, ăn thức ăn bất-tịnh đều phải đắc tội. Như vậy đựng đến rượu thây, thời chẳng phải Bà-la-môn. Nếu chẳng thấy nghe, đem tịnh tâm mà ăn, bèn không tội ấy. Phải biết lia tâm, thời không tội phước gì cả. Lại với việc cúng trời, đem phước tâm nên mới giết dê, khiến dê sinh lên trời. Vì phước tâm mà giết nên có phước đức. Nếu chẳng phải vậy, tất cả sát sinh đều được phước mà cũng bị tội. Lại như Bà-la-môn nói: “Hoặc có khi trộm cướp mà không tội. Như thiếu ăn bảy ngày được theo Thủ-đà-la mà lấy; nếu đói mạng gần chết thì theo Bà-la-môn mà lấy. Cũng muốn sanh con đẹp nên tà dâm không tội”. Nếu chẳng vì cố tâm, thời chẳng nên có các việc sai khác như trên. Nên biết, nếu người chẳng cố tâm ác ý mà cho kẻ khác uống độc, do đâu đắc tội? Nếu cố tâm cho người chắt độc, độc trở lại làm lành bệnh, thời ung

đắc phước? Như bô thí cho người ăn, món ăn ấy chẳng tiêu, khiến người phải chết, vậy là đắc tội sao? Nếu chẳng cố tâm mà có tội phước ấy là pháp lộn xộn. Lại người đời, tất cả việc đều tin nơi tâm, như tức một lời nói năng sinh vui hoặc giận. Đánh đập thầy cũng như vậy. Nên biết các nghiệp đều do nơi tâm. Lại ý nghiệp rất hơn hết (qua phẩm sau sẽ nói) nên biết các nghiệp tại tâm. Lại như người trí huệ tuy ở nơi ngũ dục mà chẳng bị đắc tội, đều là nhờ sức của ý. Tại vì sao? Vì kẻ trí thấy sắc chẳng khởi tâm tưởng bậy, nên không lỗi đắm sắc. Thanh thầy cũng như vậy. Nếu chẳng khởi tưởng bậy mà có lỗi ấy, thời tất cả thấy nghe, lẽ đều có lỗi. Vậy thời ý nghiệp vô dụng. Kẻ trí lấy trí huệ làm đầu, tuy thọ ngũ dục mà chẳng tham đắm; ngũ dục tuy tồn tại, vì tâm nhàm chán nên có thể chẳng đắm nhiễm, đây chẳng phải là sức ý nghiệp ư? Vậy nên chẳng có không cố tâm mà đắc tội phước.

Hỏi: Ông nói tướng thiện và bất-thiện là tổn hại hay lợi ích cho kẻ khác. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu người tự đem vật dưỡng thân mà làm phước nghiệp người ấy tự ăn cũng vẫn có phước đức. Lại tháp chùa phi chúng-sinh số tưới quét cũng đắc phước. Lại lễ kính thầy đối với kẻ khác vô ích. Chỉ tổn hại công đức kẻ khác chẳng nên có phước. Lại chẳng những phát tâm nên có phước đức mà tùy đem áo cơm lợi ích cho người khác bấy giờ mới có phước. Như vậy thời kẻ tu từ-bi, lẽ chẳng có phước. Lại như tháp chùa thầy phi chúng-sinh-số, hoặc đoạt của hại vật, hoặc làm hư nát, lại chẳng có tội. Lại chẳng hiện trước mặt mà ác khẩu mắng người ta, lẽ chẳng có tội, vì họ chẳng nghe, đâu tổn giảm chi mà tội. Lại đối với người khác, chỉ sinh ác tâm mà chẳng khởi thân khẩu, đâu có hại gì, ấy lẽ đều chẳng đắc tội. Lại hoặc tự chửi mình và giết thân mình, hoặc tự tà hành cũng hoặc khi đắc tội. Vậy nên tướng thiện và bất thiện, chẳng những tổn hại hay lợi ích kẻ khác.

Đáp: Người nói tự đem đồ dưỡng thân có phước ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu tự cúng-dường cho mình có phước ấy, thời không có người khác đáng cúng-dường. Mà thật kẻ cầu phước đức cúng-dường cho người khác. Lại tùy tự mình phước lại càng mỏng, nên biết tự vì mình chẳng nên có phước. Lại người nói tự ăn là làm phước nghiệp. Nếu tự dưỡng thân là lợi ích cho kẻ khác. Đây là do nơi tâm mới năng sinh phước đức, chứ chẳng phải do tự mà được phước vậy. Người nói Tháp chùa phi chúng-sinh tưới quét cũng được phước ấy. Người này nghĩ công đức Phật đối với trong chúng-sinh là bậc cao cả. Vậy nên tưới quét. Việc này cũng do chúng-sinh nên được phước vậy..

Hỏi: Phật đã diệt độ, chẳng gọi chúng-sinh. Như trong kinh nói: “Phật chẳng có, chẳng phải không, cũng chẳng phải có không, cũng chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không”. Làm sao gọi là chúng-sinh được?

Đáp: Nếu đã diệt độ chẳng gọi chúng-sinh, người ấy nghĩ Phật khi chưa diệt-độ mà vì cúng dường, vậy nên được phước. Như người tế cha mẹ là nghĩ khi còn sống; nếu chẳng như vậy, chẳng gọi cúng-dường cha mẹ. Việc này cũng vậy. Người nói lễ kính thầy với kẻ khác vô ích. Việc này chẳng phải lễ. Tại vì sao? Vì lễ kính thầy, có nhiều lợi cho kẻ khác, là khiến cho kẻ kia sang trọng được người khác cung kính, ấy gọi lợi ích. Cũng khiến người khác theo học cung kính, ấy gọi phước đức. Lại những khi lễ kính kẻ khác, tự mình phá được thói ngạo mạn, vì phá được một phần bất-thiện, nên được nhiều lợi ích, cũng để hiển dương công đức của kẻ khác. Lễ kính thầy có những lợi ích như vậy. Lại người nói lễ kính thầy tổn công đức kẻ khác. Việc này chẳng phải lễ. Vì đem hảo-tâm mà lễ kính, chẳng phải như ngoại đạo vì muốn làm tổn kẻ kia mà hành lễ kính. Lại như bố-thí, nếu kẻ kia ăn uống chẳng tiêu, họ cũng tổn công-đức. Vậy thì bố-thí cũng chẳng nên có phước. Nên khi lễ kính thầy cần phải suy nghĩ kỹ, có phước thời làm. Như trong kinh nói: “Có một Tỳ-kheo ở trong nhà tắm, đem tay thoa thân kẻ khác. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Kẻ cúng dường này là A-La-Hán, kẻ thọ cúng dường là người phá giới. Các người nên học”. Không nên đem sự tử cúng dường chồn mèo thầy, người nói chẳng những phát tâm mà được phước ấy. Tâm là gốc tất cả công đức, như người làm lợi mình và người, lợi đời này và đời sau, đều lấy thiện tâm làm gốc; như người làm tổn mình và người, tổn hại đời này và đời sau, đều do bất thiện tâm làm gốc. Lại người tu lòng từ, lấy quả báo từ-tâm làm lợi ích cho tất cả: Nghĩa là gió mưa phải thời, nhật nguyệt tinh tú chẳng sai thường độ, nước đại-hải chẳng tràn ngập, lửa đại-hỏa chẳng đốt cháy, làm được báo chẳng ưa mến; chính-thân mà làm được quả-báo ưa mến. Chẳng nói có báo thứ ba. Lại quả-báo phước đức thời được ưa mến như ý muốn, mà quả-báo tội lỗi trái lại với trên. Lại khổ, vui là quả-báo tội, phước. Chẳng khổ chẳng vui cũng là quả-báo thiện hành. Vậy nên biết vô-ký không có quả-báo.

PHẨM TÀ HẠNH THỨ 101

Đức Phật nói ba tà hạnh: Thân tà-hạnh, khẩu tà-hành, ý tà-hạnh. Thân tạo-tác ác nghiệp gọi là thân tà-hành. Tà-hành này có hai thứ: Một nhiếp thuộc vào mười bất-thiện-đạo, như giết, trộm, tà dâm; hai chẳng nhiếp, như roi, gậy, trói buộc, tự đâm vợ thầy và bất-thiện-đạo trước sau ác nghiệp.

Hỏi: Sát sinh thầy này là ba nghiệp bất-thiện, chỉ là tính thân nghiệp ư?

Đáp: Tội sát gọi sát bất-thiện nghiệp. Tội này thân cũng có thể tạo, tùy đem thân mình sát hại chúng-sinh. Khẩu nghiệp cũng có thể tạo, tùy đem lời dạy bày khiến người sát chúng-sinh; hoặc đem tâm phù chú mà sát cũng có thể tạo được, như có người phát tâm mà năng khiến kẻ khác chết. Tội trộm, dâm cũng như vậy. Chỉ tự

làm thì bị tội đầy đủ. Lại thân nghiệp bất-thiện, hoặc lấy thân làm tướng, hoặc lấy khẩu làm tướng, hoặc phát tâm thời kẻ khác biết, lấy nhân-duyên này cũng tạo được tội sát thủy. Nhưng phần nhiều là do nhân tạo tác, nên gọi chung là thân-nghiệp. Khẩu-tà-hành, cũng như vậy. Khẩu gây ra ác nghiệp gọi khẩu-tà-hành. Trong đây cũng có hai thứ: Như khi có người quyết định hỏi, mà mình hiện trước mặt dối họ là nhiếp về bất-thiện đạo; kỳ dư thời chẳng nhiếp. Tà-kiến thâm sân thủy là ý-tà-hành.

Hỏi: Tại sao trong mười bất-thiện-đạo nói tà-kiến? Trong ba bất-thiện-căn nói si?

Đáp: Tà kiến là tên khác của si. Si này tăng trưởng bền chắc gọi là tà-kiến. Si lại không có tướng riêng, chỉ lấy điên đảo tham đắm, nên gọi là Si.

Hỏi: Trong kinh nói: “Các tà hành được quả-báo bất-ái, chính hành được quả-báo ái”. Tướng ái và bất ái này chẳng quyết định; như tức một sắc, mà có ái và bất ái. Vậy nên cần biện minh tướng ấy?

Đáp: Vui là tướng ái. Như trong kinh nói: “Phước báo gọi là vui”. Khổ là tướng bất ái. Như trong kinh nói: “Các người đối với tội, phải sinh lòng sợ hãi, vì đây là nhân duyên khổ vậy”.

Hỏi: Nếu vui là tướng ái ấy. Vậy thì heo chó thủy, ăn phần uế lấy làm vui, là quả phước đức sao?

Đáp: Là phước quả bất tịnh. Như nghiệp kinh nói: “Nếu phi thời thí, bất-tịnh thí, tâm khinh khi, tâm đục vẩn mà bố thí nơi phi Phước-điền”. Thí như vậy thủy thời được quả-báo ấy.

Hỏi: Như trong kinh nói chính hành được ái-báo. Tại sao lại nói do nhân-duyên chính hành được sinh lên trời?

Đáp: Có những kẻ tà hành cũng được sinh lên trời; hoặc báo sinh trời là quả-báo tà hành. Nên trong kinh lại nói nhân duyên chính hành mới sinh về nơi ấy. Lại tà hành chính hành năng được thân hai đường thiện ác khác nhau. Khi thọ thân rồi ở trong đó chịu những khổ vui: Như nhân duyên tà hành ở trong ác đạo chịu khổ; nhân-duyên chính hành thời được hưởng vui Trời Người.

PHẨM CHÍNH HÀNH THỨ 102

Thân làm điều lành gọi là thân chính-hành. Khẩu, Ý cũng như vậy. Liệt sát-sinh thủy ba nghiệp bất-thiện gọi là thân-chính-hành. khẩu liệt bốn lỗi gọi là khẩu chính

hành. Ý lia ba bất-thiện gọi là ý-chính-hành. Ba món này nhiếp thuộc về Luật nghi. Chỗ khác gọi: Giới, định vô-lậu luật-nghi. Lại bao nhiêu lễ kính, bố-thí thấy là thiện-thân-nghiệp, đều gọi thân chính-hành. Chỗ khác gọi nói lời thật mềm-dịu thấy đều gọi khẩu chính-hành. Ý nghiệp chẳng tham thấy đều gọi ý-chính-hành. Gọi chung là tam-chính-hành.

Hỏi: Ngoại đạo, Thần-Tiên không có quả báo được giải thoát giới, người này năng được giới luật nghi chăng?

Đáp: Các ngoại đạo ấy từ nơi tâm sinh giới-luật-nghi, mà cũng gọi giới khẩu-thọ. Lại các người kia thấy cũng năng được nhiếp thuộc về chính-hành giới-luật-nghi. Như loài người thọ mạng chỉ còn mười tuổi mà nhờ thọ pháp bất-sát thời để con thọ mạng được hai mươi tuổi.

Hỏi: Trong kinh nói: Chính-hành, tịnh-hành và tịch-diệt-hành. Có sai khác gì không?

Đáp; Có ông Luận sư nói: Kẻ phạm phu tu lành nơi thân khẩu, ý nghiệp gọi là chính-hành. Kẻ học-nhân đã đoạn gút nên tức nơi chính-hành này gọi là tịnh-hành. Bực vô-học-nhân đoạn gút, vì từ không gút sinh lời nói, nên gọi là tịch-diệt-hành. Lại vô-học-nhân rớt-ráo chẳng khởi nghiệp bất-thiện nên gọi là tịch-diệt-hành. Như nói: Thân, khẩu, ý đều là tịch-diệt-hành. Lại có người nói ba món hành này nghĩa đồng mà tên khác. Chỉ đẹp nơi chất-trực nên gọi là chính; lia các phiền não nên gọi là tịch; lia các bất-thiện nên gọi là tịch-diệt. Nên tuy có ba tên mà nghĩa chẳng khác.

Hỏi: Có ông Luận sư nói chỉ có tâm là tịch-diệt-hành chứ chẳng phải nghĩ. Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Ba món hành này đều do nơi tâm. Tại vì sao? Vì lia tâm không có nghĩ, cũng không có nghiệp thân khẩu nữa.

Hỏi: Trong kinh nói: “Người thấy chính hành được trọn nên, thời là thấy trời”. Nếu thấy thiên-số chẳng phải tất cả kẻ chính-hành đều sinh lên trời, có sao sqđ nói như vậy?

Đáp: Vì nói thiên-số nên việc này đã rõ. Những kẻ chính-hành tuy bất-tất sinh lên trời, nhưng nếu sinh về chỗ sang trọng, thời với trời tương-tự, nên mới nói thấy thiên-số. Các kẻ chính-hành đáng lẽ đều sinh lên trời mà hoặc bị các duyên phá hoại, vậy nên chẳng sinh; chỗ gọi là tà-chính-tạp-hành, vì tà-hành mạnh hơn nên chẳng được sinh lên trời. Như trong kinh Phật nói với A-Nan rằng: “Ta thấy có

người tu ba chính-hành mà sinh vào ác-đạo”. Là người ấy quả-báo tà-hành đời trước đã chín mùi, nay tuy tu chính-hành vì chưa đầy đủ vậy. Lại có người khi sắp lâm-chung sinh khởi tâm tà-kiến, nên bị đọa ác-đạo; còn những kẻ tà-hành sinh về chỗ lành cũng như vậy. Cho nên pháp phàm phu chẳng nên tin vậy. Nên phải biết tùy theo nghiệp-lực mạnh nên thọ sinh có sai khác.

PHẨM KÊ NGHIỆP THỨ 103

Hỏi: Kinh nói có ba thứ nghiệp: Nghiệp buộc cõi Dục; nghiệp buộc cõi Sắc; nghiệp buộc cõi Vô-sắc. Nghiệp nào là thế nào?

Đáp: Nếu nghiệp từ địa-ngục đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại ở trong ấy chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Dục; từ cõi Phạm-thế đến cõi trời A-ca-ni-tra, chịu báo trong ấy gọi là nghiệp buộc cõi Sắc; từ hư-không-xứ đến phi hữu tướng, phi-vô chịu báo tướng, trong ấy gọi là nghiệp buộc cõi vô-sắc.

Hỏi: Nghiệp vô-ký và nghiệp bất-định báo, chẳng ở trong ba thứ này sao?

Đáp: Nghiệp này và quả-báo đều là buộc ở cõi Dục. Tại vì sao? Vì pháp này là nghiệp quả-báo cõi Dục vậy.

Hỏi: Pháp cõi Dục, chẳng phải tất cả đều là quả-báo, vậy nên chẳng phải?

Đáp: Tất cả pháp ở cõi Dục đều là nghiệp-báo buộc ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu như vậy thời ngoại-đạo tà-luận cho rằng tất cả lãnh-thọ khổ vui đều là nghiệp nhân-duyên đời trước. Lại nghiệp quả-báo đời trước là thiện, bất-thiện có báo chẳng có báo. Lại công phu tinh-tấn vô sở dụng, nếu đều là nghiệp-báo lại cần gì nhọc công ư? Và nếu các phiền não và nghiệp đều là nghiệp-báo, thời không giải thoát được, vì nghiệp-báo chẳng tiêu hết vậy?

Đáp: Người nói ngoại đạo tà luận, việc này chẳng trúng. Vì ngoại đạo nói như vậy: “Khổ vui tốt xấu chỉ là nghiệp quả-báo đời trước”. Vậy thời chẳng cần nhân duyên hiện tại. Mà thật thấy muôn vật từ hiện tại duyên sinh, như hạt-giống chẳng hạn. Nên chẳng được nói tất cả đều từ nghiệp nhân duyên đời trước. Lại do nhân do duyên muôn vật mới được sinh, như lấy hạt giống làm nhân, đất, nước, thời gian, không gian thấy làm duyên. Nhân thức lấy nghiệp làm nhân, nhân sắc thấy làm duyên.. Vậy nên chẳng đồng với tà luận ngoại đạo. Người nói nghiệp quả-báo đời trước. Việc này chẳng phải lẽ. Vì hiện thấy do quả mới có quả khác nối nhau sinh, như do lúa sinh lúa. Như vậy do báo sinh báo, đâu có lỗi chi? Lại như người ân tạt

bất năng nam, và sự dâm dục của loại chim sẻ, chim uyên ương thảy, sự giận dữ của loại rắn độc thảy, phải biết đều là nghiệp quả báo đời trước.

Hỏi: Nếu từ báo sinh báo vậy là vô cùng?

Đáp: Tôi nói ba thứ nghiệp báo: Thiện, bất thiện và vô-ký. Từ thiện và bất thiện sinh báo vô-ký chẳng sinh, nên chẳng phải vô cùng, như từ lúa sinh lúa; ở trong ấy từ hạt giống sinh mộng, chẳng từ bắp thảy sinh. Như vậy từ quả báo thiện và bất thiện mới có quả-báo khác sinh chẳng từ vô-ký báo mà sinh. Người nói chẳng cần nhọc công ấy. Tuy từ nghiệp sinh báo nhưng cần phải gia công nhiên hậu được thành. Như nhờ được nghiệp lúa mới có lúa sinh, nhưng cần phải có giống thảy, vậy mới được thành. Người nói không có giải thoát. Việc này chẳng phải lẽ. Được chân trí là ác nghiệp diệt hết, cũng như rang giống chẳng còn sinh được, nên không bị lỗi không giải thoát. Lại các pháp có sinh ra đều lấy nghiệp làm gốc. Nếu không có nghiệp làm gốc làm sao năng sinh. Lại sinh của muôn pháp đều có định phân, như pháp này quyết từ thân người này sinh, mà chẳng ở thân các người khác. Nếu không có nghiệp làm gốc, thì làm sao quyết định sự sai khác vậy.

Hỏi: Nếu pháp chỉ từ nhân mà sinh, như từ đậu sinh đậu có lỗi gì?

Đáp: Việc này cũng lấy nghiệp làm gốc, vì nghiệp nhân duyên được đậu, nên mới có từ đậu sinh đậu. Tại sao biết được? Là thời kỳ thượng-cổ người ta tu hạnh lành, nên nếp gạo tự sinh, nên biết nghiệp là gốc mới có đậu sinh đậu.

Hỏi: Vậy thì chúng-sinh-số vật từ nghiệp đời trước mà sinh?

Đáp: Chẳng phải phi-chúng-sinh-số vật cũng lấy nghiệp làm gốc. Tất cả chúng-sinh có quả-báo cộng-nghiệp, nghĩa là được chỗ ở, nhờ nghiệp nhân duyên nên có đất thảy; nhờ nghiệp nhân duyên sáng nên có mặt trời trăng thảy. Nên phải biết vật sinh đều lấy nghiệp làm gốc. Tại vì sao? Vì là đời trước đều có sở do của sức bố-thí, trì-giới thảy, vậy nên cũng từ nghiệp thảy sinh.

Hỏi: Nếu pháp vô-lậu cũng từ nghiệp sinh, đây cũng gọi pháp bị ràng buộc, vậy thì không được. Vì lẽ trong kinh nói có thọ pháp chẳng bị buộc mà!

Đáp: Pháp vô-lậu lấy chân-trí làm nhân, lấy nghiệp làm duyên, vì sức lớn mạnh nên gọi là chẳng buộc.

Hỏi: Nghiệp nào chi quả-báo cõi Dục? Nghiệp nào chịu quả-báo cõi Sắc, và cõi vô-sắc?

Đáp: Nếu ở trong ba cõi Dục, Sắc, vô-sắc khởi mười nghiệp bất thiện, thời chịu quả báo cõi Dục.

Hỏi: Nếu ở trong cõi Sắc, Vô-sắc cũng có thể khởi mười nghiệp bất thiện chăng?

Đáp: Trong ấy có thể khởi nghiệp bất thiện. Như trong kinh nói trong kia có tà kiến. Tà-kiến chẳng phải bất thiện sao?

Hỏi: Tà kiến ở trong ấy là vô-ký chẳng phải bất-thiện vậy?

Đáp: Chẳng phải vô-ký. Tại sao biết được? Vì trong kinh Phật nói: “Tà kiến là nhân khổ-não”. Người tà-kiến khởi ra những nghiệp thân, khẩu và ý, có bao nhiêu tạo tác đều là quả-báo khổ, in như trái mướp đắng toàn tứ đại đều là một vị đắng. Như cõi Dục tà-kiến bất-thiện; cõi Sắc và vô-sắc cũng lấy tướng này nên cũng gọi là bất thiện, vì tướng đồng nhau. Như Phạm-thiên Bà già bảo các Phạm kia rằng: Các người đừng đến Cù-Đàm sa môn Phật, Ta ở đây có thể độ thoát cho các người,” là khởi tâm khẩu bất thiện ở tại cõi Sắc. Lại có các Phạm-thiên ở cõi kia nạn hỏi Phật. Có các việc như vậy. Lại người ở cõi Sắc, Vô-sắc bảo: Đây là Nê-Hoàn. Đến khi mạng chung thấy âm-thân ở cõi Dục, Sắc liên sinh tà kiến bảo: Không có Nê-Hoàn. Rồi bài báng Pháp vô-thượng vậy. Làm sao chẳng phải bất thiện ư? Vì những việc này nên biết trong ấy có nghiệp bất thiện.

Hỏi: Nếu ở trong ấy nghiệp bất-thiện, nghiệp này bị buộc chỗ nào?

Đáp: Nghiệp bất thiện này thời chịu quả-báo cõi Dục, vì buộc ở cõi Dục vậy. Nghiệp thiện có ba bậc: thượng, trung, hạ. Nghiệp hạ chịu quả-báo cõi Dục; trung, chịu quả-báo cõi Sắc; thượng chịu quả-báo cõi Vô-sắc. Lại có người nói: “Nghiệp lành chịu báo ở cõi Sắc là nhiếp thuộc về tứ-thiền; chịu báo cõi vô-sắc là nhiếp thuộc về tứ-vô-sắc định. Kỳ dư tâm tán loạn khởi nghiệp thời chịu quả-báo ở cõi Dục”.

Hỏi: Tại sao trong ấy khởi nghiệp lành mà chịu quả-báo cõi Dục?

Đáp: Như trong đây nhiếp tâm khởi nghiệp lành, thời trong kia chịu báo; như vậy trong kia tán tâm khởi nghiệp lành, thời trong đây chịu báo. Lại như cõi Sắc, vô-sắc khởi nghiệp chẳng lành thời ở trong cõi Dục chịu báo. Nghiệp lành trong kia cũng như thế.

Hỏi: Nếu ở cõi Sắc, vô-sắc chẳng năng khởi nghiệp lành buộc về cõi Dục?

Đáp: Trong ấy không có nhân-duyên này. Nếu ở cõi Dục năng khởi nghiệp lành cõi Sắc, Vô-sắc. Mà ở cõi Sắc, Vô-sắc lại chẳng năng khởi nghiệp lành cõi Dục sao! Lại các người nói: “Ở trong cõi Sắc năng sinh tâm vô-ký cõi Dục”. Nếu năng sinh tâm vô-ký, tại sao chẳng năng sinh thiện tâm ư? Lại trong kinh Phật bảo Thủ-Thiên-Tử rằng: “Phải niệm trụ-tâm thọ thô tướng”. Thô-tướng tức là tâm buộc cõi Dục. Người này tùy đem thiện-tâm nghe pháp lễ Phật, đều là buộc tâm ở cõi Dục. Nếu chẳng như vậy chẳng gọi thô-tướng. Lại trong ấy cầu niệm tài phước. Như nói: “Bạc Đức Thế Tôn! Tôi đối với ba việc không nhàm nên mạng chung trong đây sinh về cõi trời Vô-nhiệt”. Nghĩa là chiêm bái Phật, nghe Pháp, và cúng-dường Tăng. Cầu niệm tài phước là buộc tâm về cõi Dục. Lại trong đây có kẻ niệm Phật thấy mà chẳng cầu tài phước nên phải biết có thiện buộc về cõi Dục.

PHẨM TAM BÁO-NGHIỆP THỨ 104

Hỏi: Trong kinh Phật nói ba thứ nghiệp-báo: Hiện-báo, sinh-báo, hậu-báo. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Nếu thân này gây nghiệp tức thân này chịu, gọi là hiện-báo; đời này gây nghiệp đời sau chịu báo, gọi là sinh báo; đời này gây nghiệp quả sau các đời sau nữa mới chịu báo, gọi là hậu-báo, vì qua sau đời sau nên gọi là hậu.

Hỏi: Báo nghiệp thân trung âm ở chỗ nào mới chịu?

Đáp: Hai chỗ chịu: Nghiệp trung âm thứ lớp ở chỗ sinh báo chịu, vì sinh có sai khác nên gọi có trung-âm; nghiệp các trung-âm khác ở chỗ hậu-báo chịu.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này là báo quyết định hay đời quyết định?

Đáp: Có người nói: “Báo định: Nghiệp định-báo quyết định đời hiện chịu báo. Hai thứ kia cũng vậy”. Tuy có thuyết này, nhưng nghĩa ấy chẳng trúng. Tại vì sao? Vì nếu như vậy chẳng những ngũ-nghịch gọi là định báo mà trong lục-túc A-tỳ-đàm cũng nói ngũ nghịch là định báo. Lại trong kinh Giêm-lượng cũng nói bất-định. Có nghiệp phải chịu quả-báo địa ngục mà người này vì tu thân giới tâm huệ nên có thể chịu quả-báo đời hiện này. Vậy nên ba thứ nghiệp cần phải là đời quyết định, vì báo nghiệp đời hiện bất tất đời hiện này chịu. Nếu chịu thời nên hiện chịu chứ chẳng phải các chỗ khác. Hai thứ nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Trong nghiệp gì năng thọ hiện báo?

Đáp: Có người nói nghiệp nhàm mau hiện chịu báo, như đối với Đức Phật các vị Thánh-nhân và cha mẹ thầy mà khởi nghiệp thiện, ác là hiện chịu ngay quả-báo.

Nếu nghiệp chẳng nặng mà nặng thời là đời sau chịu báo, như ngũ-nghịch thầy; vừa nặng vừa nặng, thì sau đời sau mới chịu, như nghiệp Vua Chuyển-Luân hoặc nghiệp Bồ-tát. Lại có người nói: Ba thứ nghiệp này tùy nguyện quả-báo. Nếu nghiệp nguyện đời nay thọ tức là hiện-thọ, như bà Mạc-Lợi phu nhân đem phần ăn của mình cúng dường Phật, nguyện được làm phu nhân cho Vua đời hiện. Hai nghiệp kia cũng như vậy. Lại tùy nghiệp nào chín thời thọ trước.

Hỏi: Nghiệp quá-khứ sao gọi là chín?

Đáp: Đầy đủ tướng nặng, thế gọi là chín.

Hỏi: Vả có một niệm khởi nghiệp, một niệm kế thọ báo không?

Đáp: Không có được! lẩn lữa rồi mới thọ, như hạt giống lẩn lữa sinh mộng, nghiệp pháp cũng như vậy.

Hỏi: Như những người còn ở trong thai, khi ngủ mê và điên cuồng thầy, có thể nhóm nghiệp không?

Đáp: Những trường hợp như vậy, hễ có nghĩ thời năng nhóm nghiệp, nhưng chẳng đầy đủ.

Hỏi: Nếu lia đất cõi Dục này có thể khởi nghiệp cõi Dục này không?

Đáp: Người có ngã tâm đều nhóm nghiệp ấy, nếu lia ngã tâm thời không nhóm lại.

Hỏi: A-La-Hán cũng kính lễ tu phước thầy, nghiệp này tại sao chẳng nhóm?

Đáp: Vì tâm chúng-sinh nên các nghiệp mới nhóm. A-La-Hán không ngã-tâm nên các nghiệp chẳng nhóm. Lại A-La-Hán tâm vô-lậu, mà kẻ vô-lậu tâm chẳng nhóm các nghiệp. Lại trong kinh nói: “Dứt nghiệp tội phước gọi là A-La-Hán”. Người này chẳng nhóm nghiệp tội phước và nghiệp bất-động, chịu nghiệp cũ đã xong, nghiệp mới chẳng tạo.

Hỏi: Bực học-nhân có nhóm các nghiệp không?

Đáp: Cũng chẳng còn nhóm. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Người này phá tan các nghiệp chẳng nhóm chẳng chứa, diệt hết thầy”. Có ông Luận-sư nói: Kẻ học nhân này có ngã-mạn, nên cũng nhóm các nghiệp, nhưng nhờ sức vô-ngã-trí, nên bất tất chịu báo.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này ở chỗ nào tạo được?

Đáp: Tất cả chỗ trong ba cõi đều tạo được.

Hỏi: Nghiệp bất định có hay là không?

Đáp: Có. Nếu nghiệp hoặc hiện báo, hoặc sinh-báo, hoặc hậu-báo, đây gọi là bất-định. Nghiệp như vậy nhiều.

Hỏi: Nếu biết ba thứ nghiệp này được lợi gì?

Đáp: Nếu năng phân-biệt ba thứ nghiệp này thời sinh chính kiến. Tại vì sao? Vì hiện thấy có kẻ làm ác mà hưởng giàu sang. Kẻ hiền thiện lại chịu khổ. Đối với việc như vậy hoặc sinh tà kiến cho rằng thiện ác không có quả-báo. Nếu được biết ba nghiệp này sai khác như vậy, thời sinh chính kiến. Như nói kệ rằng:

“Làm ác thấy vui,

Vì ác chưa chín;

Đến lúc ác chín,

Tự thấy chịu khổ.

Làm thiện thấy khổ,

Vì thiện chưa chín

Đến khi thiện chín,

Tự thấy hưởng vui”.

Lại kinh Phân biệt đại-nghiệp nói: “Kẻ bất-đoạn-sát được sinh lên trời”. Người này nếu đời trước có phước, nên khi mạng chung phát thiện-tâm mạnh-mẽ năng biết như vậy thời sinh chính kiến. Vậy nên cần biết tướng ba thứ nghiệp.

PHẨM TAM THỌ BÁO NGHIỆP THỨ 105

Hỏi: Trong kinh Phật nói ba thứ báo nghiệp: Báo vui, báo khổ và báo nghiệp chẳng khổ chẳng vui. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Thiện-nghiệp được báo vui; bất-thiện-nghiệp bị báo khổ, nghiệp bất động được báo chẳng khổ chẳng vui; nghiệp này bất tất quyết định chịu, nếu chịu thời chịu báo vui, chẳng phải khổ thấy. Hai nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Các nghiệp này cũng được báo Sắc, tại sao chỉ nói Thọ thôi?

Đáp: Trong các quả-báo Thọ là rất hơn hết. Thọ là thật-báo, Sắc thấy là như đồ dụng-cụ. Lại trong cảnh duyên nói Thọ, như nói lửa khổ lửa vui; hoặc trong nhân có quả, như người thí-thực gọi là thí năm món lợi. Cũng như nói ăn tiền thấy.

Hỏi: Từ cõi Dục đến trong tam-thiên được thọ quả-báo chẳng khổ chẳng vui sao?

Đáp: Được thọ.

Hỏi: Do nghiệp-báo nào?

Đáp: Là nghiệp-báo hạ-thiện. Nghiệp Thượng-thiện thời thọ báo vui.

Hỏi: Nếu như vậy, tại sao nói trong đệ tứ-thiên và vô-sắc định ư?

Đáp: Kia là tự địa. Tại vì sao? Vì trong ấy chỉ có một thứ quả-báo này mà không có thọ nào khác, vì là tịch-diệt vậy.

Hỏi: Có người nói buồn chẳng phải nghiệp báo. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tại sao chẳng phải ư?

Hỏi: Buồn chỉ lo tưởng phân-biệt mà sinh, nghiệp báo chẳng phải là tưởng phân-biệt vậy. Lại nếu buồn là nghiệp-báo thời nghiệp-báo nhẹ, nên chẳng phải báo vậy. Lại buồn này khi ly-dục là dứt, mà nghiệp báo khi ly-dục chẳng dứt. Vậy nên biết buồn chẳng phải nghiệp báo?

Đáp: Người nói buồn do tưởng phân-biệt sinh nên chẳng phải báo ấy. Vui cũng là Nghiệp-báo. Vui này có hai thứ: một vui, hai mừng. Mà vui mừng cũng do tưởng phân-biệt sinh, lẽ chẳng nên gọi là báo? Người nói thời nghiệp-báo nhẹ. Buồn này nặng hơn khổ. Tại vì sao? Vì buồn là người ngu, những kẻ hữu-trí họ không buồn, vậy nên khó trừ, cũng năng thâm sinh phiền não. Lại trong tứ-bách-quán nói: Tiểu nhân thân khổ, quân-tử tâm ưu. Lại buồn lo này phải cần đem trí mới dứt được; thân khổ khi vui cũng năng trừ được. Lại buồn năng sinh khổ-não trong ba đời, chỗ gọi ta trước có khổ, nay khổ sẽ khổ nữa. Lại buồn là chỗ trụ-xử của các phiền não. Như trong kinh nói là chỗ ở của phiền não. Nên nói mười tám món ý-hành, bởi

trong năm thức chẳng sinh phiền não vậy. Lại trong kinh nói: “Buồn là hai mũi tên, vì chịu khổ hai lần vậy như người bị hai mũi tên đâm vào một chỗ thì chịu khổ gấp đôi”. Như vậy người ngu bị khổ bức bách lại càng thêm buồn lo, nên thân tâm khổ-não lắm hơn khổ thường vậy. Lại kẻ ngu thường buồn lo. Tại vì sao? Vì người ấy ân-ái trái lìa, oán tắng hội hợp, cầu chẳng được thấy, nên thường lo buồn khổ-não. Lại buồn này do hai nhân sinh: Một do mừng sinh, hai do buồn sinh. Như mất vật sở-ái là do mừng sinh, như trong kinh nói; “Đức Phật hỏi vua Ba-Tu-Nặc rằng: Người yêu mến nước Ca-thi-kiều-tát-la không?” Lại nói : “Chư Thiên vui sắc, tham sắc, sắc này nếu hoại, thời sinh buồn khổ”. Đây gọi là mừng sinh. Do buồn sinh: Do việc ghét mà sinh, cũng do ganh-ghét thấy sinh. Kẻ chưa ly-dục ganh ghét thấy các món kiết thường nào-hại nơi tâm. Như nói kẻ thiên-nhân nhiều kiết bủn-xỉn, ganh-ghét. Lại nhiều chúng-sinh bởi chộc tức kẻ khác nên bị quả-báo buồn khổ, như nói tùy trồng giống sinh quả. Nên biết buồn là nghiệp-báo. Người nói khi ly-dục dứt nên chẳng phải báo ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tu-Đà-Hoàn chưa ly dục cũng dứt được báo địa ngục thấy. Có thể cho báo địa ngục thấy là chẳng phải quả-báo nặng ư? Cho nên không thể cho ly dục dứt, bèn gọi là chẳng phải quả-báo.

Hỏi: Báo-nghiệp chẳng khổ chẳng vui gọi là bất-động. Nghiệp này là lành lẽ phải thọ báo vui, có sao lại thọ báo chẳng khổ chẳng vui?

Đáp: Thọ này bất-động mới là thật vui, vì tịch-diệt nên gọi chẳng khổ chẳng vui. Lại trong kinh nói: Trong lạc-thọ tham sai khiến. Lòng tham trong ấy ở thọ trong ấy sai khiến nên biết là vui vậy.

PHẨM TAM CHƯƠNG THỨ 106

Hỏi: Trong kinh nói ba chương: Nghiệp chương, phiền não chương, báo chương. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Nếu các nghiệp phiền não và báo, năng ngăn Đạo giải thoát, nên gọi là chương.

Hỏi: Năng chương pháp gì?

Đáp: Tu thiện thí, giới đề hồi hướng cho ba cõi, đây hay bị ngăn Đạo. Lại báo nghiệp quyết định chịu đày cũng bị ngăn. Như trong kinh nói: “Nếu người này quyết định nhóm chịu báo nghiệp, thời chẳng vào chính vị”. Đây gọi là nghiệp chương. Lại nếu người phiền não dày nhậm tăng lên thường ở nơi tâm, là phiền não chương. Lại như người phiền não chẳng trừ khiến được, như những người bất năng nam thấy, tướng dục, cũng gọi là phiền não chương. Lại ở chỗ do tội ác sinh

như địa ngục thay, và tùy những chỗ sinh không thể tu Đạo được đều gọi là báo chướng.

Hỏi: Có người trước chẳng hiểu rõ hết kẻ tiền nhân, chẳng biết họ là kẻ lành, thời chẳng bố thí, vì nghĩ rằng: “Người kia, nêu bởi ta thí là được điều kiện gây các việc ác, thời ta có liên đới một phần trách nhiệm”. Như Phạm-chí thấy người xuất gia. Vậy nên các người xuất-gia, chẳng nên bố thí vì họ gây tân nghiệp bị buộc và ngăn ngại giải thoát vậy?

Đáp: Chẳng phải vậy. Vì kẻ khác làm tội phước với ta chẳng can hệ. Tại vì sao? Vì trong nhân duyên tội phước có nhiều tội lỗi. Tại vì sao? Như chúng-sinh là nhân-duyên sát, nếu không chúng-sinh lấy chi mà sát? Vậy thời kẻ chết lẽ phải có tội. Lại như kẻ giàu là nhân-duyên trộm. Sắc đẹp là nhân-duyên tà-dâm. Người khác là nhân-duyên nói dối thay. Ngụy xưng thay là nhân-duyên lường gạt. Kẻ mua lẽ cũng có tội? Lại kẻ thọ làm nhân-duyên cho kẻ thí lẽ cũng được phước. Như người đạo giếng ao thay, kẻ dùng nước lẽ đều được phước? Vậy thời chẳng cần tự làm phước-đức. Mà thật chẳng phải vậy. Vậy nên trong nhân-duyên chẳng phải có tội phước. Lại phước phần của kẻ thọ giả lẽ phải tiêu hết, thời người ấy chẳng theo kẻ khác mà thọ thí. Tại vì sao? Vì đem phần phước đức của mình mà đổi lấy đồ uống ăn vậy. Lại kẻ thí giả nhiều tội mà ít phước. Tại vì sao? Vì đâu có bao nhiêu kẻ Bà-la-môn hay làm lành; phần nhiều đem tâm tam độc vẫn-đục chìm-đắm trong ngũ-dục, chẳng siêng tu hành. Vậy nên kẻ thí-giả lẽ phải tội nhiều mà phước ít. Lại các Phạm-chí thấy tự xưng là kẻ hiện nhân tu hành pháp lành. Mà sự thật những người ấy không thể nhiếp tâm chính quán các pháp thiên-định. Nếu là thiên-định, thời khó điều phục được tâm. Vậy nên kẻ thí-giả thí cho người chưa ly-dục lẽ phải bị tội nhiều? Lại như người cúng dường cha mẹ, cung cấp cho vợ con, thân bằng quyến thuộc bè-bạn đều ưng bị tội, thời không có người được phước phần. Mà thật chẳng phải vậy. Vậy nên tội phước chẳng ở trong nhân-duyên. Lại pháp trì giới thay cũng lợi cho kẻ khác, vì người này chẳng sát sinh nên thí mạng sống cho tất-cả thời kẻ trì-giới bị phần đại tội? Vì chẳng sát nên kẻ tiền nhân được sống lâu làm các điều ác, ác ấy đều là lẽ phải kẻ trì giới chịu một phần như vậy thì kẻ cầu phước đều bèn phải sát-sinh, chứ chẳng nên trì giới? Lại như người thuyết-pháp khiến cho kẻ khác tu phước, nhờ nhân duyên tu phước về sau được giàu sang; giàu sang thời kiêu-ngạo, buông-lung; ngạo lung thời gây các việc ác; các ác này kẻ thuyết-pháp đều phải có phần trách nhiệm? Lại nhân-duyên thì khiến người khác giàu, vì nhân-duyên giàu gây làm các tội cũng ưng là kẻ thí phải chịu một phần. Vậy thì Phạm-chí chỉ thọ mà chẳng thí, cũng chẳng nên thí cho ai. Mà nay Phạm-chí chỉ thọ mà chẳng thí nên biết đây là tà đạo. Lại như các vị vua đứng như pháp mà trị dân cũng ưng có tội? Lại như con làm tội, cha mẹ phải có trách nhiệm, vậy thì lẽ chẳng nên sinh con? Lại như thầy thuốc giỏi chữa lành bệnh lẽ cũng phải

tội, vì kẻ được sống sẽ làm nhiều tội vậy. Lại trời mưa phải thời nuôi lớn ngũ cốc
lẽ ra trời cũng đắc tội, vì cứu sống và nuôi nhiều chúng-sinh ác vậy. Lại kẻ thí ăn lẽ
cũng bị tội, vì kẻ ăn hoặc chẳng tiêu vật ăn khiến chết mất mạng; và những người
chưa ly-dục vì đắm say thực vị, nên kẻ thí-giả lẽ cũng bị tội. Vậy thì thí-giả thường
phải buộc thọ giả lập lời thề rằng: Nay ăn vật ăn của ông quyết chẳng làm ác, nhiên
hậu mới cho. Nếu chẳng làm vậy thời thí giả mất cả hai mặt.

Hỏi: Trong kinh cũng nói: “Nếu Tỳ-kheo ăn cơm, mặc áo của thí-chủ, vào vô-
lượng thiên-định, nhờ nhân-duyên này nên thí-chủ ấy được phước vô-lượng”. Nếu
nhờ nhân-duyên này mà được phước ấy, thì tại sao chẳng bị tội ư?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo thọ dụng cơm áo của thí-chủ, vào vô-lượng thiên-định. Là
phước bố-thí của thí-chủ tự được tăng-trưởng, chứ chẳng được phước thiên-định,
như ruộng tốt nên thu hoạch nhiều, mà ruộng xấu thời thu được ít. Như vậy ruộng
Phước-điền tốt thời trả báo cho thí-chủ được phước nhiều, mà phước-điền xấu thời
phước ít, chứ chẳng phải do thọ giả làm phước làm tội mà thí-giả chịu ảnh hưởng.
Vậy nên chẳng bởi tội phước nhân-duyên mà bị tội hay được phước. Kẻ kia tuy là
nhân-duyên, mà tội phước phải do tự mình khởi ra ba nghiệp.

Hỏi: Người chưa ly-dục tâm chẳng tự-tại quyết có tham đắm, nên người xuất gia
chẳng phải tu thí.

Đáp: Nếu như vậy thời người xuất-gia trì-giới thấy đều có phước đức, đầy cũng
nên bỏ. Nhưng đừng hồi-hướng về ba cõi mà phải vì Nê-Hoàn. Lại chỉ nên xa lìa
phiền não các nghiệp bất-thiện. Tại vì sao? Vì các nghiệp này khi nhân, còn có thể
đề phòng, mà đến khi quả không thể làm gì hơn được! Vậy nên các Đức Phật
thường đối trong khi nhân nói pháp giáo-hóa, chẳng phải như Vua Diêm-Vương
đến khi quả mới giáo-hóa bằng lối quở trách.

Hỏi: Trong ba nghiệp chương này món nào nặng hơn?

Đáp: Có người nói báo chương nặng hơn, vì chẳng giáo-hóa được vậy. Có người
nói bởi tùy người nên tất cả đều nặng.

Hỏi: Món nào có thể chuyển được?

Đáp: Đều có thể khiến diệt được. Nếu có chuyển, ấy chẳng gọi là chương vậy.

PHẨM TỨ NGHIỆP THỨ 107

Hỏi: Trong kinh Phật nói bốn thứ nghiệp: Báo nghiệp đen đen, báo nghiệp trắng trắng, báo nghiệp đen trắng đen trắng, và vô báo nghiệp chẳng đen chẳng trắng vì diệt hết nghiệp vậy. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Báo nghiệp đen đen: Tùy bởi nghiệp nào đó sinh về chỗ não như A-tỳ địa ngục và các chỗ khổ não không báo lành, như súc-sinh nga-quỷ một phần ít. Cùng với đây trái nhau, tức nghiệp thứ hai. Tùy bởi nghiệp nào đó sinh về chỗ không khổ não, như hai cõi Sắc, Vô sắc và cõi Dục người Trời một phần ít, đen trắng lẫn lộn, tức nghiệp thứ ba. Tùy bởi nghiệp nào đó sinh về chỗ khổ não chẳng khổ não, như địa ngục súc-sinh nga-quỷ Người Trời một phần ít. Nghiệp thứ bốn gọi là vô lậu vì hay diệt hết ba nghiệp. Nếu nghiệp hai đời bị quở: Nay quở, sau quở: Người này bị tội đọa ở chỗ tối đen, không có tiếng tăm, nên gọi là đen. Lại hai đời khổ não: nay khổ sau khổ nên gọi là đen.

Hỏi: Nghiệp này thứ nào năng sinh về chỗ thuần khổ não?

Đáp: Tâm nối nhau làm ác, không có ăn năn, không có điều lành để tiêu diệt nghiệp ác, đây gọi năng sinh chỗ thuần khổ não. Lại đem tà-tâm gây các ác; Lại đối với người trọng gây ác, chỗ gọi cha mẹ và các người lành; lại đối với chúng-sinh làm ác không sót chút lòng thương: như giết chúng-sinh, hoặc cướp hết của vật, hoặc nhốt nơi lao ngục mà chẳng cho ăn, hoặc đánh khảo nặng nề khiến không còn chút vui. Các nghiệp như thế sinh về chỗ khổ thuần túy. Nghiệp báo trắng trắng: Như người thuần nhóm các lành, không có chẳng lành. Thế lực hai nghiệp này rất to, các nghiệp khác không hơn được: Như khi chịu nghiệp báo đen thì chẳng dung báo trắng khi chịu nghiệp báo trắng thì chẳng dung báo đen. Tại vì sao? Vì tất cả chúng-sinh đều nhóm lành, chẳng lành sức nghiệp ngăn nhau, nên chẳng được đồng chịu cùng lúc. Như hai người cùng kéo giành một vật ai mạnh lôi trước. Nghiệp thứ ba báo yếu ớt, vì lành, chẳng lành lẫn lộn vậy nên chịu báo cùng thay nhau mà hơn vậy.

Hỏi: Có người nói: Nếu chẳng lành chịu báo ác đạo, đây gọi là nghiệp thứ nhất. Lành buộc ở cõi Sắc, gọi nghiệp thứ hai. Trong cõi Dục buộc người trời chịu nghiệp báo lẫn lộn đây gọi nghiệp thứ ba. Mười bảy bậc học tư trong Vô ngại Đạo, gọi là nghiệp thứ tư. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Đức Phật tự nói tương các nghiệp này: Nếu người khởi gây tội nơi thân-khẩu-ý, thì sinh về chỗ khổ não, thân chịu khổ não, và chịu lấy các món chịu đều chẳng như ý-muốn. Cho nên tùy khiến chúng-sinh về chỗ thuần khổ, đây gọi nghiệp thứ nhất. Cõi Sắc và vô sắc thời thuần hưởng vui Trời người cõi Dục cũng có kẻ thuần hưởng vui như trong kinh nói: “Có người vui cũng có sáu món xúc, người trong

cảm giác các món trần, không chẳng tùy ý”. Đây là nghiệp thứ hai. Gây nghiệp đen trắng lẫn lộn, là nghiệp thứ ba. Tất cả nghiệp vô-lậu là hết các nghiệp, vì trái nhau vậy, chứ chẳng phải mười bảy bậc học tư gọi là nghiệp thứ tư.

Hỏi: Vô lậu thật trắng, có sao gọi là chẳng trắng?

Đáp: Tướng trắng này khác chẳng đồng trắng của nghiệp thứ hai. Trắng này rất hơn, vì không đối đãi nhau vậy. Như nói vị Chuyển-luân Thánh Vương thành tựu trong sạch hơn mắt Người Trời. Thật mắt người này hơn các người khác nên gọi là hơn người. Nghiệp này cũng vậy, hơn các nghiệp trắng khác nên nói chẳng trắng. Lại có người nói: Lẽ phải nói gọi báo nghiệp chẳng phải đen trắng, đây thời không lỗi. Lại Nê-Hoàn chẳng gọi phải trắng. Vậy nên nghiệp này phải gọi chẳng phải trắng. Lại cũng phải nói chẳng phải trắng chẳng phải đen. Tại vì sao? Vì Nê-Hoàn gọi Vô-pháp. Nghiệp này là Nê-Hoàn nên gọi chẳng đen chẳng trắng. Lại người đời quý trọng nghiệp lành hữu lậu, nên gọi là trắng. Và nghiệp thứ tư năng bỏ nghiệp này, nên gọi chẳng trắng. Lại nghiệp này không có tướng đen nên cũng không có tướng trắng khá được. Lại báo trắng nên nghiệp gọi cũng trắng. Nghiệp này không báo nên chẳng gọi trắng.

PHẨM NGŨ-NGỊCH THỨ 108

Thân kẻ sau chịu quả-báo nên gọi không-hở. Nếu đời hiện này chịu thời khổ não nhẹ, báo ít; vì nghiệp ấy nặng vậy, nên theo thứ lớp mau đọa vào địa ngục A-tì. Ngũ-nghịch: Bởi Phước-Điền đức trọng, nên gọi là nghịch. Chỗ gọi ác-tâm: Phá tăng, đâm thân Phật chảy máu, giết A-La-Hán, giết cha và mẹ. Vì chẳng biết ơn dưỡng-dục, nên gọi là nghịch. Nghịch tội này chỉ trong đạo làm người năng sinh khởi, chẳng phải trong các đạo khác, vì người có hiểu biết đặc-biệt vậy.

Hỏi: Giết Thánh-nhân khác có bị tội nghịch không?

Đáp: Kẻ giết Thánh-nhân phần nhiều đọa địa ngục, nếu giết A-La-Hán chắc chắn phải đọa địa ngục. Nếu người đánh Phật mà chẳng chảy máu cũng bị trọng tội, vì cố tâm muốn hại Thế-Tôn vậy.

Hỏi: Nếu người gây một nghịch tội thời đọa địa ngục, hoặc gây hai ba cũng một thân đều chịu báo chẳng?

Đáp: Vì tội này nhiều nên lâu chịu khổ nặng. Ở trong ấy chết rồi lại sống lại trong đó.

Hỏi: Trong tội phá Tăng tại sao mà nặng?

Đáp: Nếu pháp quấy biết pháp quấy, pháp phải biết pháp phải, tâm khởi như vậy thời gọi là nặng. Nếu phi pháp bảo là pháp, pháp bảo là phi pháp, là chẳng như trước. Lại như người ở chỗ Phật mà phá Tăng, tự xưng là Đại-sư đáng cao cả trong trời người, đây cũng là nặng.

Hỏi: Nếu chẳng phải Thánh-nhân, phạm phu có thể phá sao gọi trọng tội?

Đáp: Vì ngăn ngại chính-pháp nên gọi trọng tội.

Hỏi: Pháp phá Tăng là thời gian bao lâu?

Đáp: Pháp chẳng cửu-trụ, chẳng trải qua một đêm. Trong ấy, các vị Phạm-Vương, các chư Thiên, các vị Đại-đệ-tử như ngài Xá-Lợi-Phất thầy, liền hòa-hợp trở lại. Có người nói năm trăm vị Tỳ-kheo này, đời trước vì nhân-duyên ngăn thiện-căn đấng Đạo của kẻ khác nên nay bị quả-báo này. Lại nhân tâm phạm phu vội vã nên dễ có thể phá-hoại, như chỉ chứng được “thế gian không vô-ngã tâm” còn chẳng thể phá được, huống chi bực vô-lậu ư! Vì ác-dục ở nơi lòng, nên mới gây nhân-duyên phá Tăng. Vậy nên kẻ cầu phước cần phải bỏ ác dục.

Thành Thật luận hết quyển 8

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 9

PHẨM NGŨ-GIỚI THỨ 109

Đức Phật nói Ưu-bà-tắc có năm giới

Hỏi: Có người nói cụ-thọ thời được giới-luật-nghi. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tùy thọ nhiều ít đều được luật-nghi. Nhưng món lấy có năm.

Hỏi: Lìa trói buộc thầy có sao chẳng gọi là giới, mà chỉ nói bất-sát thầy ư?

Đáp: Đây là bà con quyến thuộc vậy.

Hỏi: Có sao chẳng nói dứt dâm, mà chỉ nói chẳng tà dâm?

Đáp: Vì kẻ áo trắng còn ở thế-tục khó thường lìa vậy. Lại như tự dâm vợ bất-tất đọa các ác thú, như Tu-Đà-Hoàn thấy cũng còn hành pháp này. Vậy nên chẳng nói trọn dứt dâm-dục.

Hỏi: Lìa hai lưỡi thầy, cố sao chẳng gọi là giới?

Đáp: Điều này nhỏ nhiệm, khó giữ gìn được. Lại hai lưỡi thầy là một phần của nói dối, nếu nói “Các lời nói dối” là đã nói chung cả rồi

Hỏi: Uống rượu là thật tội sao?

Đáp: Chẳng phải. Tại vì sao? Vì uống rượu chẳng làm não-hại chúng-sinh, chỉ làm nhân sinh tội. Nếu người uống rượu thời mở cửa bất-thiện. Vậy nên, nếu dạy uống rượu thời đắc tội một phần, vì năng ngăn các thiện-pháp và thiên-định thầy vậy như trồng các thứ cây ăn trái, quyết làm vách rào ngăn. Như vậy bốn pháp kia là thật tội, lìa là thật phước. Vì là giữ-gìn vậy, nên mới kiết-giới rượu này.

PHẨM LỤC NGHIỆP THỨ 110

Nghiệp có sáu thứ. Sáu thứ báo nghiệp là: Địa ngục, súc-sinh, nga-quỷ, người, trời và bất định.

Hỏi: Thứ này là thế nào?

Đáp: Báo nghiệp địa ngục là như trong phần lâu thán của bộ lục túc a-tì-đàm nói rộng. Lại tội sát sinh thầy đều là địa ngục. Như trong kinh nói: “Kẻ ưa sát-sinh, sinh trong địa ngục; nếu được làm người thời chịu quả-báo chết yểu. Cho đến tà-kiến cũng như vậy”.

Hỏi: Đã biết mười bất-thiện-đạo chịu báo địa ngục và cũng sinh về trong súc sinh, nga quỉ và nhân đạo. Mà ông chỉ nói sinh về trong địa ngục và người. Nay phải nói riêng nghiệp nào chỉ chịu báo địa ngục?

Đáp: Tức tội nghiệp này, rất nặng là chịu báo địa ngục, nhỏ nhẹ chịu báo súc sinh thầy. Lại nếu đầy đủ ba thứ tà hành thời là địa ngục, còn các nghiệp khác chẳng đầy đủ thì làm súc sinh thầy. Lại cố ý gây trọng tội thời là địa ngục. Lại người phá giới phá kiến, gây các ác nghiệp thời là địa ngục. Lại thâm tâm làm ác, tâm hoại, hành hoại, người này gây ác nghiệp thời là địa ngục. Lại gây nghiệp bất thiện vì giúp bất thiện thời là địa ngục. Lại như đối với Hiền-Thánh gây nghiệp bất thiện thời là địa ngục. Lại khởi nghiệp bất thiện, rồi tu nhóm bất thiện, về sau ngợi khen khoái lạc chẳng muốn bỏ lìa, thời là địa ngục. Lại đem tâm ghét giận để gây tội

nghiệp, thời là địa ngục; nếu gvi của cải thời còn chịu báo thù nữa. Lại đem tâm tà kiến khởi nghiệp bất thiện, thời là địa ngục. Lại kẻ phá giới gây ra tội nghiệp, thời là địa ngục. Lại kẻ không hổ trên gây ra tội nghiệp, thời là địa ngục. Lại người ác tính gây ra tội nghiệp, thời là địa ngục, ví như đất ướt mưa ít cũng thành bùn. Lại kẻ thường làm bất thiện gây ra ác nghiệp, thời là địa ngục. Lại nếu không duyên có cấp nạn mà gây ác nghiệp thời là địa ngục. Lại nếu người chẳng được chút ít không vô ngã, vì thâm nhiễm đắm vậy, gây ra tội nghiệp, thời là địa ngục. Lại nếu người chẳng tu thân giới tâm huê gây ra ác nghiệp, thời là địa ngục. Lại nếu người phạm phu gây ra tội nghiệp thời là địa ngục. Tại vì sao? Vì người này chẳng biết các pháp; âm, giới, các món nhập và mười hai nhân duyên thấy; vì chẳng biết nên việc chẳng làm vẫn làm, nên làm mà chẳng làm, lời chẳng nên nói mà vẫn nói, nên nói mà chẳng nói; điều chẳng nên nghĩ vẫn nghĩ nên nghĩ mà chẳng nghĩ; người này gây ra tội nghiệp tuy ít nhưng cũng là địa ngục.

Lại nếu chẳng thấy lỗi trong bất-thiện, là người này năng khởi tội nghiệp nặng, chịu quả-báo địa ngục. Lại nếu người làm tội mà chẳng nương nơi lành, thời là địa ngục, như người mắc nợ chẳng nương cậy Vua, thời chủ nợ dễ đòi. Lại nếu người nghiệp lành yếu ớt gây ra tội ít cũng là địa ngục, như trong thân người nhiệt-lực kém ít, ăn phải món ăn khó tiêu, thời chẳng tiêu được. Lại nếu người chỉ làm bất thiện, không lộn chút thiện nghiệp, thời là địa ngục, như người làm giấc nặng nhẹ đều bị trói. Lại nếu bỏ lià tất cả căn lành, như khi voi chiến ra trận chẳng giữ tiếc cái đầu, người ấy gây tội thời là địa ngục. Lại nếu hành tiểu pháp, chịu học hỏi tiểu-sur, người ấy gọi tội-lỗi, thời là địa ngục, như kẻ bần-tiện bị mắc nợ, bị kẻ giàu lôi kéo. Lại nếu người thường thương dưỡng bất-thiện, như mắc nợ ngày một đẻ lời, chính như hành nghiệp của những kẻ hàng thịt, thợ săn thấy, thời là địa ngục. Lại nếu che dấu tội-lỗi, thời là địa ngục, như ghẻ chảy mủ. Lại nếu bất thiện nó ở lâu trong lòng người, chẳng năng mau dứt, thời là địa ngục, như bị trị thuốc độc liền năng giết người. Lại như người tự làm bất thiện, cũng đem dạy người khác, vì mở nhiều cửa đau khổ cho chúng-sinh, thời là địa ngục, như các ông quốc-vương và nhiều người bạn tri-thức làm ác-tà-hạnh khiến nhiều người học theo, như bọn Phú-Lan-Na thấy. Lại nếu gây ra nghiệp hại nhiều chúng-sinh, như đốt rừng thấy, lại dạy nhiều người khác, khiến họ sa vào phi-pháp, như thợ săn thấy. Lại nếu người dùng ác nghiệp làm nghề sanh sống, như làm đầu sở đảng giấc cướp, thợ thịt, thợ săn thấy. Lại người phá giới rớt-ráo, gây ra tội nghiệp, thời là địa ngục; đến chết chẳng bỏ nên gọi là rớt-ráo, như bài Kệ nói:

Người rớt-ráo phá giới

Như giây mây quán cây;

Thân người ấy gây ác,

Khiến kẻ oán toại nguyện.

Lại vô sự mà nổi giận dữ, vì tâm giận dữ này mà gây tội nghiệp thì là địa ngục. Nếu hữu sự mà giận thì tội chẳng đến như vậy. Lại vì giận khởi nghiệp là gút nặng, thì là địa ngục. Như trong kinh nói: Giận là tội nặng mà dễ trừ diệt. Lại nếu ác-tâm thành-tính, thì là địa ngục; nếu vì nhân-duyên mà khởi tội nghiệp thì là yếu nhẹ. Lại như người buông lung gây ra ác nghiệp, thì là địa ngục. Nếu được bạn tri-thức ủng hộ thì được sinh lên trời, như chủ hàng thịt tên Tá-Bà khi mạng sắp lâm chung thì được ngài Xá-Lợi-Phất đến tại chỗ, người ấy liền đưa ác nhãn ra xem Xá-Lợi-Phất, mà chẳng hay làm gì được, liền hô lên rằng: Lại trước đây chút. Rồi bèn thở dài và thấy sắc hào quang của Ngài Xá-Lợi-Phất rực rỡ, bèn sinh lòng nghĩ rằng: Người này hơn ta, chẳng nên giết vậy. Liền đem tịnh tâm xem lên xem xuống Xá-Lợi-Phất bảy phen như vậy. Nhờ nhân-duyên ấy mà được bảy phen sinh lên trời, bảy phen sinh trong đạo người. Về sau tu chứng được quả Bích-Chi-Phật. Lại như Ương-Quật-Ma-La đã gây nhiều tội nghiệp còn muốn toan giết mẹ, vì nhờ Đức Phật là vị Thiện-Tri-Thức tối-cao, nên liền được giải thoát. Lại như kẻ thí việc dùng hầm lửa, cơm độc, muốn Phật trúng độc và hại Phật. Phật là vị Thiện-Tri-Thức, nên cũng được giải thoát. Những người như vậy tuy có ác nghiệp mà chẳng đọa địa ngục, cho nên mới nói: Nếu người buông lung gây ra ác nghiệp, thì là địa ngục. Lại nếu dứt mất căn lành chẳng còn chữa được, như Điều-Đạt thầy, giống như bệnh nhân tướng chết đã hiện, người ấy gây tội, thì là địa ngục. Lại nếu người chẳng thường làm lành, đến khi mạng sắp chết lòng lành khó sinh, người này tâm ăn-năn nên đọa địa ngục. Lại nếu đến khi chết khởi tâm tà-kiến, người này bởi trước lấy bất-thiện làm nhân, tà-kiến làm duyên, nên đọa địa ngục. Như vậy có nhiều các nghiệp quả-báo địa ngục. Lại có ông luận-sư nói: “Tất cả bất-thiện đều là nhân duyên địa ngục”. Như trong kinh nói: “Phật bảo Tỳ-kheo rằng: Các người đã thấy chúng-sinh thân tà-hành, khẩu tà-hành, ý tà-hành ấy. Phải biết bèn là thấy người trong địa ngục”.

Hỏi: Đã biết báo nghiệp địa ngục. Còn báo nghiệp súc-sinh, thế nào là thế nào?

Đáp: Nếu người thiện chẳng thuần, khởi ra nghiệp bất-thiện, nên đọa súc sinh. Lại kiết-sử hừng-thịnh nên đọa súc-sinh: Như dâm-dục thịnh nên mới sinh về trong loại chim sẻ chim cắp và uyên-ương thầy; giận dữ thịnh nên sinh về trong loại rắn, rít, bò cạp loài có nọc độc thầy; ngu si thịnh nên sinh về trong loài heo dê thầy; kiêu ngạo nên sinh về trong loài sư tử, beo cạp thầy; múa nhảy thịnh nên sinh về trong loài vượn khỉ thầy; Ganh ghét thầy nên sinh về trong loài chó thầy. Như vậy trong các loại phiền não khác thịnh, nên sinh về trong nhiều loài súc sinh khác. Nếu kẻ

có chút phần bố thí, tuy sinh trong súc sinh cũng được hưởng vui, như kim-sí, rồng, voi ngựa thầy. Lại khẩu nghiệp báo nhiều đọa súc sinh, như người bất tri bất tín nghiệp quả-báo, nên mới khởi các thứ khẩu nghiệp, như nói: “Người ấy nhẹ nhẩy in như vượn khi” thời sinh trong loài vượn khi; như nói tham ăn như quạ, nói lời như chó sủa, sợ hãi như heo dê, tiếng tăm như lừa hí, đi như lạc đà, tự cao như voi, hung như trâu hoang, dâm như chim sẻ, sợ như chồn mèo, nịnh hót như dã-can, hung tợn như dê đen, nhiều như lông trâu. Sinh khởi ác-khẩu-nghiệp như vậy thầy, nên phải theo nghiệp mà chịu quả-báo. Lại chúng-sinh vì tham vui nên phát nhiều thứ thệ nguyện, như vui dâm-dục thời sinh trong loài chim sẻ thầy; nếu nghe các loài rồng, chim kim-sí thầy có thể lực, nên nghiệp sinh trong các loài ấy. Lại như trong kinh nói: “Nếu chết ở chỗ chật hẹp, nguyện được ở chỗ rộng rãi, thời sinh trong loài chim; nếu chết vì khát, cầu nước nên được sinh trong nước; chết vì đói, tham ăn nên sinh trong chuồng tiêu thầy”. Lại từ ngu si khởi nghiệp nhẹ yếu, vì lẩn lộn, nên sinh trong các loài bò-chết, rận, chí, trùng, kiến thầy. Lại nếu dạy người khác khiến đọa trong tà-pháp thời sinh chỗ không trí, mù từ trong bụng mẹ, mù đến chết làm côn trùng trong thầy chết. Lại gây nghiệp lẩn-lộn, nên sinh trong súc sinh. Như trong kinh nói: “Các súc-sinh tùy nhiều thứ tâm, được nhiều thứ hình”. Lại nếu khởi nghiệp ung ăn cỏ, như người vọng ngữ, tự chú thệ rằng: Nếu ăn món ăn này khiến tôi ăn cỏ. Hoặc tôi ăn đất. Như vậy thầy. Lại nếu người ác khẩu mắng lời: Người sao chẳng ăn cỏ, ăn đất. Người ấy tùy lời mà thọ sinh ăn cỏ ăn đất thầy. Lại người tu bất tịnh-thí, thời bị quả báo ăn cỏ thầy. Lại nếu người mắc nợ chẳng trả đọa trong các loài: trâu, dê, cheo, nai, lừa, ngựa thầy để đền nợ xưa. Nghiệp như vậy thầy đọa trong súc-sinh.

Hỏi: Đã biết báo-nghiệp trong súc-sinh, còn nghiệp nào đọa trong loài quỷ đói?

Đáp: Đói với ăn uống sinh tiếc tham, nên bị đọa quỷ đói.

Hỏi: Nếu người có vật của mình chẳng cho ai, có sao bị tội.

Đáp; Người tiếc tham này, nếu có người theo xin, vì lòng tham tiếc thời sinh giận ghét. Do tội này nên sinh trong quỷ đói. Lại người tiếc tham này nếu có người theo xin có mà nói không, vì vọng ngữ nên đọa trong quỷ đói. Lại người này lâu nay tu nhóm lòng keo rít, thấy kẻ khác được lợi thời sinh lòng ganh ghét, nên đọa quỷ đói. Lại người tiếc tham này, thấy kẻ khác tu thí thời ghét giận thí chủ, rồi nói: đưa xin này vì quen được vật, nên chắc sẽ lại đến theo ta xin. Lại đã từ lâu xa tu nhóm lòng keo rít, nên đã tự chẳng thí lại ngăn người khác thí nữa. Lại nếu có của vật công cộng như Tăng vật trong chùa và vật của Bà-la-môn trong thiên-miêu! có người độc quyền lẩn tiếc chẳng muốn thí cho người khác nên đọa vào quỷ đói. Lại nếu người vì cướp đoạt phá hoại đồ uống ăn của kẻ khác, nên sinh về chỗ không có vật

uống ăn. Lại nếu người không có phước bố-thí, nên tùy chỗ sở sinh bị quả-báo không được gì cả mà còn bị trách mắng là nghiệp ăn mày, nên ở trong ấy chịu khổ. Lại kẻ tham tiếc này thấy người đói khát, không lòng thương tưởng, nên sinh về chỗ thường đói khát. Như nhờ lòng từ-bi được sinh lên trời; như vậy bởi lòng giận hờn, nên sinh trong ác-đạo. Lại tham đắm thân thuộc, ưa vui chỗ ở nên đọa vào loài chim ca-lăng-già thấy. Sinh trong quỷ đói, vì tham ái làm nhân-duyên sinh vậy. Như vậy thấy, như trong kinh nghiệp-báo nói rộng nhiều.

Hỏi: Đã biết ba ác báo nghiệp, còn do nghiệp gì nên sinh trong đạo người trời?

Đáp: Nếu bố-thí, trì giới tu thiện nghiệp thấy, bực thượng sinh trời, trung, hạ sinh trong người. Lại kẻ lợi căn thời sinh trong người, vì năng tu pháp người nên gọi là người. Lại nghiệp lành lẫn-lộn nên sinh trong người; nghiệp này có thượng trung hạ, nhất tâm bất nhất tâm, tịnh bất tịnh thấy. Tại sao biết được? Vì người có nhiều phẩm cách sai khác bất đồng vậy. Như trong kinh nói: “Sát sinh thời đoản mạng; trộm cướp thời nghèo túng, tà dâm thời gia thất bất trinh-lương; nói dối thời thường bị bài-báng; đâm thọc thời dòng họ chẳng hòa; ác khẩu thời thường nghe tiếng dữ; lời thêu dệt thời người chẳng chịu tin; tham ganh thời nhiều dâm-dục; giận dữ thời nhiều ác-tính; tà kiến thời nhiều ngu si; kiêu mạn thời sinh làm kẻ bần hèn; tự-cao thời sinh lùn thấp; ganh ghét thời không uy đức; tham lẫn thời nghèo lạnh; giận dữ thời thân xấu xí; nã hại người thời nhiều tật bệnh; tạp tâm bố-thí thời thềm mỹ vị bất mỹ, bố-thí thời thềm vị bất mỹ, bố-thí phi-thời thời chẳng được quả vừa ý; nghi hối thời sinh ở biên địa; tu bất-tịnh-thí thời từ việc khổ mới được quả-báo; phi đạo hành dâm thời thân hình bất-nam. Trong nhân đạo có nghiệp bất thiện lộn lạo như vậy thấy. Thiện nghiệp thời trái lại với trên, như chẳng sát thời mạng được sống lâu thấy. Trong nhân-đạo có nhiều thứ bất-đồng nhau như vậy thấy, cho nên biết là nghiệp báo lẫn-lộn. Lại vì nguyện nên sinh trong nhân đạo. Lại người chẳng ưa buông lung, cũng chẳng nhiều dục, mà ưa thích trí-huệ, phát nguyện muốn được nhân thân, thời sinh trong nhân đạo. Lại nếu người ưa vui cúng dường cha mẹ và các bậc tôn-trưởng, cũng biết cúng dường Sa-Môn, Bà-la-môn thấy vui làm sự nghiệp, cũng ưa vui tu phước đức, thời sinh nhân-đạo; ở trong nhân-đạo, hoặc tu nhân duyên tịnh nghiệp, thời sinh về Bắc Câu-lô Châu. Lại nếu người nhàm ghét ruộng vườn nhà cửa và các ngã-sở sai khác, thời cũng sinh Bắc-Câu-Lô Châu. Lại nếu, người tu chính-hành bạch-nghiệp chẳng nã hại người khác nếu được của để mà bố thí, cũng chẳng tham đắm, tự trì giới hạnh lại chẳng phá các giới quyền thuộc trước sau, thời sinh đến Bắc-Câu-Lô-Châu Làm điều lành nhỏ yếu, thời sinh về Tân-Ngưu-Hóa-Châu. Lại nhỏ mà chẳng bằng đều trên, thời sinh về Đông-Thắng-Thần-Châu. Thiện báo nghiệp: là giới, thí lành thanh-tịnh bực thượng nên sinh về trời. Lại nếu người được một phần trí-huệ, uôn-dẹp được các món gút, nên sinh lên trời. Lại cũng tùy tạp nghiệp nên có sai khác, như đã nói

trong phần nhân-đạo. Lại vì nguyên vậy, như nghe nói nhân-duyên hưởng vui trên trời, rồi ra làm nghiệp lành nguyên vãng-sinh, như trong bát-phước sinh xứ đã nói. Nếu tu từ-bi hỷ-xả thời sinh cõi Phạm Thế cho đến cõi Hữu-Đảnh; trong ấy phẩm loại thiên-định có sai khác, nên quả-báo cũng sai khác; như chẳng khéo dứt ngu-ngữ điệu-hý thấy, thời yển sáng nơi thân người này đực, nếu khéo thời dứt thời yển sáng trong sáng. Lại thượng thiện-nghiệp-báo thời sinh lên trời, được các món sở-dục, nghĩ là liền được. Nếu lia sắc-tướng thời được vô-sắc-định, sinh vô-sắc xứ. Như vậy thấy gọi là thiện-báo-nghiệp. Bất-định-báo nghiệp: nghiệp hạ-thiện bất-thiện nghiệp này chịu quả-báo: hoặc trong địa ngục, nga-quỷ, súc sinh, người, trời.

Hỏi: Trong bốn đạo kia khá được thiện-nghiệp-báo, còn địa ngục thì sao?

Đáp: Như trong địa ngục nhỏ tạm nghỉ ngơi, như từ địa ngục lửa tự thoát ra, xa thấy rừng cây lòng mừng chạy đến trong rừng ấy, gió mát cây động, dao gươm rơi xuống bấy giờ tạm vui; hoặc thấy sông mặn tưởng là thanh thủy, vội chạy thẳng đến cũng được chút vui. Như vậy thấy là phần thiện nghiệp báo trong địa ngục. Đây gọi là bất định báo nghiệp.

PHẨM BẢY BẤT THIỆN LUẬT-NGHI THỨ 111

Bảy bất-thiện luật nghi là: giết, trộm, tà-dâm, đâm thọc, ác khẩu, nói dối, lời thêu. Nếu người với bảy việc này, hoặc đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ, đều gọi là người bất-thiện luật-nghi.

Hỏi: Những gì thành-tựu bất-thiện luật-nghi?

Đáp: Thành-tựu giết, bất-thiện luật nghi là những kẻ hàng thịt, thợ săn thấy. Thành-tựu trộm là trộm cướp thấy. Thành-tựu tà-dâm là phi đạo hành-dâm và dâm-nữ thấy. Thành-tựu nói dối là những con hát thẳng nhảy múa thấy. Thành-tựu đâm thọc là ưa sàm-báng và độc tụng những kinh sách nhí nhảm, cấu hiệp quốc sự thấy. Thành-tựu ác khẩu là quỷ ngục-tốt thấy, cũng dùng ác khẩu tự sinh sống thấy. Thành-tựu lời thêu là hiệp tập những ngôn từ khiến người cười chơi thấy. Có người với Vua, Tể-tướng trị việc Vua, thường thành-tựu bất-thiện luật-nghi này. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu người gây tội nối luôn nhau chẳng dứt, đây mới gọi thành-tựu bất-thiện luật-nghi, chứ vua thấy chẳng phải vậy.

Hỏi: Làm sao được bất thiện luật nghi này?

Đáp: Tùy khi làm ác nghiệp mà được.

Hỏi: Là do giết một chúng-sinh được luật nghi này, hay do tất cả chúng-sinh mà được?

Đáp: Do tất cả chúng-sinh mà được. Như người trì giới đối với tất cả chúng-sinh mà được thiện-luật-nghi. Bất-thiện luật-nghi cũng như vậy. Như tùy giết chúng-sinh được hai thư vô tác: một nhiếp về tội giết; hai nhiếp về bất thiện luật nghi.

Hỏi: Bất thiện luật nghi này thành tựu thời gian bao lâu?

Đáp: Cho đến khi chưa được xả-tâm thời thường thành-tựu?

Hỏi: Như người do tâm hạ duyên được bất-thiện luật-nghi, như tâm được tham thảy; người ấy thường thành tựu như vậy, hay là lại được nữa ư?

Đáp: Tùy tâm tùy phiền não nhân duyên, lại được bất-thiện luật nghi này nữa, vì trong niệm niệm thường được đối với tất cả chúng-sinh được khởi bảy món: bảy món này có thượng trung hạ nên lại có hai mươi một món. Như vậy trong mỗi niệm thường đối bên tất cả chúng-sinh mà được.

Hỏi: Bất thiện luật nghi này làm thế nào bỏ được?

Đáp: Tùy khi thọ thiện luật nghi là bỏ được, khi chết cũng bỏ. Lại phát thâm tâm từ ngày nay chẳng còn tái phạm bấy giờ cũng bỏ. Có ông Luận sư nói khi nào chuyển căn là bỏ. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì những kẻ bất năng nam cũng được thành tựu. Trong luật Tỳ-Ni cũng nói: Nếu Tỳ-kheo chuyển căn chẳng mất luật nghi. Nên phải biết chẳng vì chuyển căn mà bỏ được.

Hỏi: Trong năm Đạo, chúng-sinh trong Đạo nào thành tựu bất thiện luật nghi?

Đáp: Chỉ Nhân-Đạo thành tựu, chẳng phải các đạo khác. Có người nói sư tử hồ lang thầy thường đem ác nghiệp sinh sống cũng ưng thành tựu.

PHẨM BẢY THIỆN LUẬT-NGHI THỨ 112

Bảy thiện-luật-nghi là chẳng giết cho đến chẳng nói lời thù dật.

Hỏi: Đối với phi-chúng-sinh-số có được thiện luật-nghi này không?

Đáp: Nhưng cần phải nhân nơi chúng-sinh. Thiện luật-nghi này có ba thứ: Giới luật-nghi, thiện luật-nghi, và định luật-nghi?

Hỏi: Vì sao chẳng gọi vô-lậu luật-nghi?

Đáp: Vô-lậu luật-nghi nhiếp trong hai món sau, nên chẳng nói riêng. Có ông Luận-sư nói: “Lại có đoạn luật-nghi” nghĩa là khi lìa cõi Dục được thiện luật-nghi, vì dứt phá giới thấy các điều ác nên gọi là đoạn. Mà thật tất cả luật-nghi đều nhiếp thuộc trong ba món.

Hỏi: Các ngoại-đạo được giới Luật-nghi này không?

Đáp: Được vì người này cũng nhờ thân tâm lìa các ác vậy, nên vị Giới sư dạy bảo: Người từ ngày nay chẳng nên khởi giết thấy các tội.

Hỏi: Các đạo chúng-sinh khác có được giới luật-nghi này không.

Đáp: Trong kinh nói các loại rồng thấy cũng năng thọ giới tu một ngày. Nên biết phải có.

Hỏi: Có người nói có những kẻ bất-năng-nam không được giới luật-nghi này. Việc ấy thế nào?

Đáp: Giới luật-nghi này do tâm mà được sinh; kẻ bất năng-nam cũng có thiện tâm tại sao chẳng được!

Hỏi: Thế sao chẳng cho làm Tỳ-kheo?

Đáp: Vì người này kiết-sử sâu dày khó mà đắc đạo vậy. Lại người này chẳng ở trong Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, vậy nên chẳng cho. Lại trong ấy cũng có ngăn các người khác nữa, như lé mắt thấy. Người ấy cũng được thiện-luật-nghi này.

Hỏi: Trong Tỳ-kheo ngăn kẻ nghịch tội, kẻ tặc-trú và kẻ làm ô-úế Tỳ-kheo-ni thấy chẳng cho làm Tỳ-kheo. Nhưng các người ấy cũng có thiện-luật-nghi chứ?

Đáp: Những người ấy nếu là thế-gian hoặc được thiện luật-nghi, như chẳng ngăn những người ấy tu bố-thí từ-bi các pháp lành. Như vậy nếu có thế-gian giới luật-nghi, đâu có lỗi gì. Nhưng vì người ấy bị ác nghiệp làm dơ cũng ngăn Thánh Đạo nữa, vậy nên chẳng cho xuất-gia.

Hỏi: Là do chúng-sinh có thể giết thấy mà được thiện luật-nghi hay là với tất cả chúng-sinh mà được?

Đáp: Đều đối với tất cả chúng-sinh mà được. Nếu chẳng phải vậy, thì luật nghi có giới hạn, mà có giới hạn là chẳng đầy đủ. Lại luật nghi ấy có thể tăng giảm; thế là đồng với pháp của Ni-Kiền-Tử nghĩa là trong phạm vi một trăm do tuân chẳng nên

giết thầy, có các lỗi ấy. Vậy nên luật-nghi không có phân biệt. Nếu có người nói: Ta đối với kẻ này lia giết, mà kẻ này chẳng lia ta, Người ấy chẳng được luật-nghi này. Có ông luận-sư nói: Nếu phân biệt bồ thí tu từ tâm thầy cũng có phước đức. Giới cũng như vậy, như giữ một giới cũng được phước một giới. Như vậy đối với một chúng-sinh cũng được luật nghi.

Hỏi: Giới luật-nghi này có hai thứ: một trọn đời; hai một ngày đêm. Trọn đời: Như giới Tỳ-kheo, Ưu-bà-tắc. Một ngày đêm: Như thọ tám giới một ngày đêm, việc ấy thế nào?

Đáp: Việc ấy vô định: hoặc một ngày một đêm, hoặc chỉ một ngày, hoặc chỉ một đêm; hoặc nửa ngày, hoặc nửa đêm. Tùy lúc khăm năng lãnh thọ được. Xuất gia thời chỉ nên trọn đời. Nếu nói: Tôi chỉ thọ một tháng hay hai tháng, hoặc chỉ một năm thời chẳng gọi được pháp xuất-gia. Năm giới cũng như vậy.

Hỏi: Nếu được thiện-luật-nghi trở lại phá mất luật-nghi chẳng?

Đáp: Chẳng mất. Chỉ vì bất thiện pháp làm dơ luật-nghi này.

Hỏi: Chỉ đối chúng-sinh hiện-tại giới luật-nghi hay là chúng-sinh ba đời mà được?

Đáp: Đều phải đối chúng-sinh ba đời mà được. Như người cúng dường đáng Chí-Tôn quá-khứ cũng có phước-đức. Luật-nghi cũng như vậy. Vậy nên tất cả các Đức Phật đồng một giới-phẩm. Luật-nghi này nhiều vô-lượng, như đối với một chúng-sinh được khởi bảy món, như do thiện căn bất tham thầy mà khởi, cũng do tâm thượng-trung-hạ mà khởi, nên có nhiều thứ. Như một người với tất cả chúng-sinh cũng như vậy, trong mỗi niệm thường được, nên có vô-lượng.

Hỏi: Giới luật-nghi, thời gian bao lâu mới được?

Đáp: Có người thọ giới một ngày, là sơ luật-nghi; tức ngày thọ giới Ưu-bà-tắc, là luật-nghi thứ hai; tức ngày xuất-gia làm sa-di, là luật-nghi thứ ba; tức ngày thọ giới Cụ-túc là luật-nghi thứ tư; tức ngày thiền định, là luật-nghi thứ năm; tức ngày được vô-sắc-định, là luật-nghi thứ sáu; tức ngày được vô-lậu, là luật nghi thứ bảy. Tùy chỗ được đạo quả lại được luật-nghi nữa, mà những luật-nghi đã được từ trước chẳng mất. Chỉ thứ nào thắng hơn thì được tên gọi. Như vậy là phước đức càng tăng thêm, vì giới luật nghi này đối với tất cả chúng-sinh trong mỗi niệm thường được. Cho nên nói: giới luật-nghi một ngày này, bốn của báo lớn chẳng bằng một trong mười sáu phần. Thiền luật-nghi, vô-lậu luật-nghi tùy tâm hành, mà giới luật nghi chẳng tùy tâm hành.

Hỏi: Có người nói khi nhập định có thiền luật-nghi, mà xuất định thì không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Xuất nhập thường có cả. Vì người này được thật chẳng gây ác pháp và trái nhau với phá giới, thường chẳng làm ác, thiện tâm càng thù thắng, nên phải thường có.

Hỏi: Như thiền trong cõi vô-sắc không pháp phá giới, thì lấy gì trái nhau mà gọi là thiền luật-nghi?

Đáp: Lẽ phải như vậy. Các Tiên, Thánh đều được thiền-luật-nghi. Nếu phải lấy trái nhau với phá giới nên mới có luật nghi ấy, thì chỉ do nên não hại chúng-sinh mới được thiền luật-nghi. Có những lỗi như vậy, cho nên chẳng phải lẽ.

PHẨM TÁM GIỚI TRAI THỨ 113

Tám giới trai gọi là Ưu-bà-ta nhà Tần dịch là thiện-túc, là người ấy tâm hành lìa được phá giới một đêm nên gọi là thiện-túc.

Hỏi: Tại sao chỉ nói lìa tám việc ấy ư?

Đáp: Đây là tám cửa. Nhờ tám pháp này lìa tất cả ác. Trong ấy bốn pháp là thật-ác; uống rượu là cửa của ác; ba pháp kia là nhân-duyên buông-lung. Người này lìa năm món ác là phước nhân-duyên; lìa ba món kia là đạo nhân-duyên. kẻ thế-gian phần nhiều thiện pháp yếu ớt, chỉ có thể khởi đạo nhân-duyên nhờ tám pháp này mà trọn nên pháp ngũ-thừa.

Hỏi: Tám phần trai-giới chỉ nên thọ đầy đủ, hay thọ được phần nào thì thọ?

Đáp: Tùy sức năng giữ. Có người nói pháp này chỉ trai giới một ngày đêm. Việc này chẳng phải lẽ. Tùy thọ giới nhiều ít, hoặc có thể nửa ngày cho đến một tháng, đâu có lỗi chi? Có người nói cần phải theo kẻ khác mà thọ. Ấy cũng chẳng nhất định. Nếu khi không người truyền thì chỉ tâm niệm miệng nói: Tôi giữ tám giới. Giới này có năm món thanh-tịnh: 1- Tu thập-thiện đạo; 2- Dứt các khổ trước sau; 3- Chẳng bị ác tâm não-hại; 4- Cần nghĩ nhớ giữ gìn; 5- Hồi hướng về Niết-Bàn. Năng được trai giới như vậy, thì bốn kho báu lớn chẳng kịp một phần; phước báo Thiên-Vương cũng không kịp nữa. Đế-thích nói kệ, Phật quả rằng nếu người lậu-tâm mới nên nói kệ này. Lời kệ:

“Lục-trai tháng thân-túc;

Vâng tu tám giới pháp,
Người này được phước đức,
Thời cùng tôi ngang nhau.”

Nếu ngày trai người nào thọ trai giới thời phước như Đê-Thích. Vì thọ trai pháp này phải lìa quả-báo Nê-Hoàn, nên những người lậu-tận mới nên nói kệ này. Trong phép thọ trai pháp, có bị trói buộc, gông cùm đều được tháo xả; cũng dứt được tất cả nhân-duyên bất-thiện, nên gọi là thanh-tịnh.

Hỏi: Vị Chuyển-Luân Thánh- vương muốn thọ trai-pháp này, nhờ ai truyền dạy cho?

Đáp: Đại-Đức Thiên-Thần là kẻ đã từng yết kiến Phật dạy cho khiến thọ.

PHẨM TÁM CHỨNG NGŨ THỨ 114

Tám thứ lời nói: Bốn thứ bất tịnh; bốn thứ tịnh. Bốn thứ bất-tịnh là: Nếu người thấy nói chẳng thấy; chẳng thấy nói thấy; chẳng thấy tự bảo thấy, hỏi thì nói chẳng thấy; thấy tự bảo chẳng thấy, hỏi thì nói thấy. Như vậy là sự trái ngược tâm cũng trái ngược, nên gọi bất-tịnh. Bốn thứ tịnh là: Nếu thấy nói thấy, chẳng thấy nói chẳng thấy; thấy tự bảo chẳng thấy, hỏi thì nói chẳng thấy; chẳng thấy tự bảo thấy, hỏi thì nói thấy. Sự thật tâm cũng thật, nên gọi là tịnh. Nghe hiểu biết cũng như vậy.

Hỏi: Thấy, nghe, hiểu, biết có sai khác gì không?

Đáp: Có ba thứ tin: Thấy gọi tin hiện-tại; nghe gọi tin lời Hiền-Thánh; biết gọi là sánh biết; hiểu gọi là phân-biệt. Là ba thứ tin-huệ. Ba thứ huệ này, hoặc đều là thật, hoặc đều là trái ngược. Kẻ thượng-nhân chẳng khởi bất-tịnh, chỉ nói lời tịnh-ngũ. Vậy nên sử dụng của kẻ hạ-nhân thời gọi bất-tịnh; sử-dụng của thượng-nhân mới gọi là tịnh. Có người nói trong nghĩa này, các người chính-trí đều gọi là Thượng vì chẳng những kẻ Đắc đạo mà người phạm-phu cũng có tịnh ngữ.

PHẨM CHÍN NGHIỆP THỨ 115

Chín thứ nghiệp: Nghiệp buộc cõi Dục có ba thứ: Tác, vô-tác, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác. Nghiệp buộc cõi Sắc cũng vậy. Cõi vô-sắc hai thứ và nghiệp vô-lậu. Nghiệp do thân khẩu gây ra gọi là tác. Bởi tác nên mới nhóm các tội phước thường bám theo, đây là pháp tâm bất-tương-ưng gọi là vô-tác. Cũng có vô-tác chỉ

do tâm sinh. Chẳng phải tác chẳng phải vô tác; tức là ý; ý tức là nghĩ, nghĩ gọi là nghiệp. Vậy nên nếu ý tìm cầu thân sau, đấy gọi là ý-nghiệp, cũng gọi là nghĩ. Nghĩ nhớ thân sau nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thời không có nghĩ vô-lậu?

Đáp: Nếu cho đấy là nghĩ, thời nghĩ vô-lậu vậy.

Hỏi: Vô-tác này tuy từ thân sinh, mà phải có nhiều ít sai khác chứ?

Đáp: Tất cả thân phần đều khởi tác nghiệp, thời nhân đấy nhóm nhiều vô-tác được quả-báo lớn.

Hỏi: Vô-tác này ở chỗ nào?

Đáp: Thể của nghiệp đạo quyết định nhóm vô-tác. Tác hoặc có hoặc không các món khác thời phải đợi tâm. Nếu tâm mạnh thời có, tâm yếu thời không. Lại vô-tác này cũng từ nguyện mà sinh, như người phát nguyện: tôi cần phải bố-thí hoặc xây tháp cất chùa. Người ấy quyết định được vô-tác.

Hỏi: Vô-tác này thời gian bao lâu mới được, thời gian bao lâu mới mất?

Đáp: Tùy việc sở-tác tồn tại, như tạo lập vườn tược tháp chùa thầy; thí tùy vật thí chẳng hư, bấy giờ thường còn. Lại tùy tâm chẳng dứt, như người phát tâm: Ta nên thường làm việc này. Hoặc hội đồng hoặc cúng áo. Như vậy thầy việc ở nơi tâm chẳng dứt, bấy giờ thường được. Lại tùy mạng chưa qua đời, như người thọ giới xuất-gia, bấy giờ thường được.

Hỏi: Có người nói chỉ trong cõi Dục do tác sinh vô-tác mà trong cõi Sắc thời không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Hai cõi đều có cả. Tại vì sao? Vì chư Thiên ở cõi Sắc cũng năng thuyết-pháp, kính lễ Phật và Tăng. Những người như vậy thầy, tại sao chẳng do tác-nghiệp sinh vô tác ư? Lại có người nói ẩn mất trong vô-ký, nên không có vô-tác. Việc này chẳng phải lẽ. Ẩn mất trong vô-ký là phiền não nặng. Phiền não này nhóm họp, thời gọi là sử, nhưng ẩn mất trong vô-ký thời không có vô-tác Tại vì sao? Vì tâm ấy mềm quặt, chẳng năng khởi nhóm, như hoa có thể ướp dầu mè chứ chẳng có cây thầy. Có người nói: “Vượt lên trên cõi phạm thể không có tâm năng khởi tác-nghiệp. Tại vì sao? Vì có giác quán mới năng khởi khẩu nghiệp, kia không có giác-quán, chỉ dùng tâm Phạm-thể năng khởi khẩu-nghiệp”. Việc này chẳng phải lẽ. Chúng-sinh tùy nghiệp thọ thân, nếu được sinh lên bực trên, thời chẳng được dùng

báo trong cõi Phạm-thế. Cho nên biết dùng tâm từ cõi mình năng khởi khẩu-nghiệp. Lại người nói kia không giác-quán, ra sau sẽ nói có.

Hỏi: Thánh-nhân dứt gút chưa hết năng khởi tác-nghiệp không?

Đáp: Thánh-nhân chẳng hay khởi nghiệp thật-tội.

Hỏi: Tiếng tâm chúng-sinh như chó thấy có phải khẩu-nghiệp chẳng?

Đáp: Tùy không ngôn-từ phân-biệt, nhưng vì do tâm khởi nên cũng gọi là nghiệp. Lại như hiện-tướng: hoặc hiệu-lệnh, hoặc tiếng đàn sáo thấy, đều gọi khẩu nghiệp. Nghiệp thân-khẩu này cần có ý-thức mới năng khởi, chứ chẳng phải các thức khác. Vậy nên người có tự thấy thân nghiệp, tự nghe khẩu-nghiệp, vì ý-thức sinh khởi nghiệp nối nhau chẳng dứt nên tự thấy nghe.

MƯỜI BÁT THIỆN ĐẠO THỨ 116

Trong kinh Phật nói mười bát-thiện nghiệp-đạo là sát-sinh thấy. Năm ấm hòa-hợp gọi là chúng-sinh, vì dứt mạng sống này nên gọi là sát-sinh.

Hỏi: Nếu năm ấm ấy thường diệt từng mỗi niệm lấy gì mà sát?

Đáp: Năm ấm tuy mỗi niệm diệt mà trở lại nối nhau sinh, vì dứt nối nhau nên gọi là sát-sinh. Lại vì người ấy có cố tâm sát, nên bị tội-sát.

Hỏi: Vì dứt năm ấm hiện-tại mà gọi là sát hay sao?

Đáp; Trong năm ấm nối nhau có tên chúng-sinh, vì phá-hoại nối nhau này nên mới gọi sát-sinh, chứ chẳng bởi trong mỗi niệm diệt có tên chúng-sinh.

Hỏi: Có người nương quan-cự-pháp sát hại chúng-sinh; hoặc vì sức mạnh ép bức sát chúng-sinh, tự bảo không có tội. Việc ấy thế nào?

Đáp: Lẽ cũng bị tội. Tại vì sao? Vì người ấy đầy đủ nhân-duyên sát tội. Do bốn duyên bị tội sát-sinh: một có chúng-sinh; hai biết là chúng-sinh; ba có tâm muốn sát; bốn dứt mạng sống nó. Người ấy đủ bốn nhân này làm sao mà không tội?

GOI LÀ TRỘM: Nếu vật ấy thật thuộc quyền người này mà cướp trộm đấy gọi là trộm. Trong ấy cũng có bốn thứ nhân duyên: một vật này thật thuộc người khác; hai biết là thuộc người khác; ba có tâm cướp trộm; bốn cướp trộm lấy xong.

Hỏi: Có người nói của vật tàng kín là thuộc của vua, nếu lấy vật ấy thời đắc tội với vua. Việc ấy thế nào?

Đáp: Bất luận vật gì trong đất, chỉ vật trên mặt đất thuộc vua. Tại vì sao? Vì như ông Cấp-Cô-Độc thấy là Thánh-nhân mà cũng lấy vật ấy, nên biết không tội. Lại như tự nhiên được của chẳng gọi trộm cướp.

Hỏi: Nếu tất cả muôn vật đều là cộng-nghiệp mà sinh, thời trộm cướp tại sao bị tội?

Đáp: Tuy do cộng-nghiệp nhân mà sinh, nhưng nhân có mạnh yếu, như người nghiệp-nhân có sức mạnh. Lại siêng năng gia công thời vật ấy mới thuộc quyền sở hữu.

Hỏi: Nếu người cướp lấy ruộng nhà của vật thầy của tháp, chùa, chúng Tăng thời đắc tội với ai?

Đáp: Tuy Phật và Tăng đối với vật không tâm ngã-sở, nhưng cũng do đó mà đắc tội, vì vật này nhất định thuộc Phật-Tăng. Hơn nữa với trong kinh ấy sinh ác tâm hoặc cướp hoặc trộm, vậy gọi là đắc tội.

GỌI LÀ TÀ DÂM: Nếu hành-dâm với kẻ chẳng phải vợ thời gọi là tà-dâm. Lại tuy là vợ mà hành-dâm chỗ phi đạo cũng gọi là tà-dâm. Lại tất cả nữ-nhân đều có người giám-hộ, như cha mẹ, anh em, người chồng, dâu con thầy. Nữ nhân xuất gia được vua thầy làm giám hộ?

Hỏi: Hành dâm với Đĩ là kẻ chẳng phải vợ, thế nào có phải tà-dâm không?

Đáp: Là vợ thời gian ngắn. Như trong luật có nói: Đây là vợ thiếu thời, cho đến lấy một sợi tóc ngắn vậy.

Hỏi: Nếu nữ-nhân không chủ, tự đến cầu xin làm vợ, việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu thật không chủ mà đối trước công chúng đúng như pháp đến cầu ấy, thời chẳng gọi tà-dâm.

Hỏi: Nếu người xuất-gia lấy vợ miễn tà-dâm chăng?

Đáp: Không miễn được. Tại vì sao? Vì không có pháp này vậy. Pháp người xuất-gia là thường lia dâm-dục. Nhưng tội nhẹ hơn phạm vợ người khác.

VỌNG NGŨ: Nếu thân khẩu ý gạt chúng-sinh khác, khiến nói hiểu hư dối, gọi là vọng-ngũ. Phật vì trọng tội nên nói trong chúng định hỏi là vọng-ngũ. Cho đến khi một người hỏi cũng gọi vọng-ngũ, đâu cần nhiều người ư? Lại tùy chỗ muốn gạt người thời đắc tội với người ấy. Nếu người bảo với người khác rằng tôi đã nói với kẻ nào đó việc như vậy. Việc tuy chẳng thật mà chẳng gọi là vọng-ngũ. Lại vọng-ngũ tùy ý tưởng. Nếu thấy tướng không thấy, hỏi thời nói chẳng thấy, là không bị tội vọng-ngũ. Như trong luật Tỳ-Ni đã nói.

Hỏi: Nếu người, việc điên-đảo chẳng thấy nói thấy, tại sao chẳng phải vọng-ngũ?

Đáp: Tất cả tội phước đều do tâm sinh; người ấy với trong việc chẳng thấy mà sinh tưởng thấy, vậy nên không tội. Như với trong thật chúng-sinh tưởng không chúng-sinh, trong phi-chúng-sinh tưởng chúng-sinh, thời chẳng bị tội sát.

Hỏi: Như thật có chúng-sinh, sinh tưởng chúng-sinh là bị tội-sát. Như vậy nếu thấy sinh tưởng thấy, thời lẽ chẳng tội; chẳng phải chẳng thấy tướng thấy mà được không tội?

Đáp: Sinh tội là do tâm, do chúng-sinh. Vậy nên tuy có chúng-sinh mà tướng không chúng-sinh thời chẳng bị tội, vì vô tâm vậy. Nếu không chúng-sinh mà tướng có chúng-sinh, vì chúng-sinh không nên cũng chẳng bị tội. Nếu có chúng-sinh tướng có chúng-sinh, vì đã đủ nhân-duyên nên mới bị tội sát-sinh. Nếu với trong việc thấy sinh tưởng chẳng thấy, hỏi thời chẳng thấy; người ấy nghĩ tưởng điên-đảo, nên chẳng dối chúng-sinh, tuy là việc điên-đảo, nhưng cũng gọi là thật. Nếu với trong việc chẳng thấy mà sinh tưởng thấy, hỏi thời nói chẳng thấy, người ấy tưởng điên-đảo dối gạt chúng-sinh; việc tuy chẳng điên đảo, nhưng cũng gọi vọng ngữ.

ĐÂM-THỌC: Nếu người muốn chia lìa kẻ khác nên khởi khẩu nghiệp, gọi là đâm thọc. Nếu không cố tâm chia lìa, mà người kia nghe tự hoại, thời chẳng đắc tội. Nếu đem thiện-tâm giáo-hóa khiến lìa người ác, tuy là chia lìa, nhưng cũng chẳng đắc tội. Nếu chẳng bởi kiết-sử trước tâm tuy là miệng nói cũng chẳng đắc tội.

ÁC-KHẨU: Nếu người đem khổ ngôn mà không có lợi-ích chỉ muốn não hại kẻ khác, gọi là ác khẩu. Nếu vì long lân-mẫn muốn làm lợi ích, nên phải khổ ngôn, thời không có tội. Như vô sự mà gia hại thời có tội. Y theo phương-pháp châm cứu chữa bệnh, tuy khổ mà chẳng phải tội. Khổ ngôn cũng vậy, chư Phật, Hiền-Thánh cũng vì việc ấy, nên như nói: “Người là người ngu si!” thấy. Lại nếu không kiết sử trước tâm, tuy là khổ ngôn mà chẳng gọi là tội, như người ly dục thấy. Nếu vì thiện tâm, với trong khổ ngôn mà khởi phiền não là lập tức đắc tội.

LỜI THÊU: Như chẳng phải thật ngữ nghĩa bất chính nên gọi là lời thêu. Lại tuy là thật ngữ vì phi thời, nên cũng gọi lời thêu. Lại tuy thật và phải thời, vì tùy thuận suy não không lợi ích, nên cũng gọi lời thêu. Lại tuy lời thật và phải thời cũng có lợi ích nhưng vì nói nghĩa lý không đầu đuôi, chẳng thứ tự, nên cũng gọi lời thêu. Lại vì si thấy các phiền-não tán tâm mà nói, gọi là lời thêu. Thân ý bất chính cũng gọi nghiệp nói thêu dệt, chỉ đa phần do khẩu tác, cũng tùy thể tục mà nói, nên gọi là lời thêu, còn ba khẩu nghiệp kia lời thêu đều lẫn lộn không thể rời nhau: Như vọng ngữ mà chẳng khổ ngôn, cũng chẳng chia lìa thời có hai thứ: Lời dối và lời thêu; nếu là lời dối cũng muốn chia lìa, mà chẳng khổ ngôn thời có ba thứ: Lời dối đâm thọc và lời thêu; nếu lời dối lời khổ cũng muốn chia lìa, thời đủ bốn thứ. Nếu không lời dối, lời khổ cũng chẳng chia lìa, nhưng lời phi thời, lời vô ích, lời vô nghĩa, thời chỉ là lời thêu. Lời thêu này nhỏ nhiệm khó mà lìa được, chỉ có chư Phật mới có thể dứt tận gốc. Vậy nên chỉ có chư Phật độ xung Thế-Tôn, vì nói là tin chịu, kỳ dư không ai sánh kịp được.

Hỏi: Đã nói bảy thứ nghiệp-đạo, cần gì lại nói ba ý nghiệp?

Đáp: Có người bảo: tội phước chỉ cần do thân khẩu, chứ chẳng phải do tâm. Vậy nên mới nói tâm mà cũng là nghiệp đạo. Lại ba thứ này ý-nghiệp có ức mạnh, nên thân khẩu mới khởi ác nghiệp. Ba thứ này tuy đều quan trọng, nhưng vì ý-nghiệp nhỏ nhiệm nên phải nói ở sau. Mặc dù tất cả phiền não năng khởi ác nghiệp, mà chỉ ba thứ này làm não-hại chúng-sinh nhiều hơn, nên mới gọi là bất-thiện nghiệp-đạo. Nếu lòng tham mức trung, hạ chẳng gọi nghiệp-đạo. Lòng tham này tăng thượng sâu đậm của kẻ khác khi có phương-tiện muốn não hại là năng khởi nghiệp thân khẩu, cho nên tham ganh là nghiệp đạo. Giận si cũng vậy. Lại nếu nói si tức đã nói tất cả phiền não. Trong đây chỉ vì năng khởi nghiệp thân khẩu xâm hại chúng-sinh. Nên nói ba thứ.

Hỏi: Tại sao gọi si là tà-kiến?

Đáp: Si có nhiều thứ sai khác. Tại vì sao? Vì chẳng phải tất cả si đều là bất thiện. Nếu si càng thêm lên trở thành tà-kiến, thời gọi bất-thiện nghiệp-đạo. Tất cả bất-thiện đều do ba cửa này: Như người vì tài lợi nên khởi nghiệp bất-thiện. Như vì kim tiền tà sát chúng-sinh. Hoặc vì sân nên sát như sát oán-tặc. Hoặc có chẳng vì tài lợi, cũng chẳng giận dữ, chỉ vì sức si chẳng biết phải quấy nên giết chúng-sinh.

Hỏi: Trong kinh nói ác đạo nhân duyên có bốn thứ hành: Do tham, do giận, do khùng-bố và do si nên đọa các ác đạo. Nay trong đây tại sao chẳng nói do khùng-bố khởi ác nghiệp?

Đáp: Bồ là nhiếp vào trong si. Nếu nói do bồ tức là do si. Tại vì sao? Vì kẻ trí cho đến gặp phải nhân-duyên mất mạng vẫn chẳng khởi ác nghiệp. Lại việc này trước đã đáp. Nghĩa là phiền não tăng-trưởng năng khởi nghiệp thân khẩu, bấy giờ gọi bất-thiện-đạo. Vì ba thứ này phân nhiều khởi bất-thiện vậy.

Hỏi; Tại sao gọi là nghiệp đạo?

Đáp: ý tức là nghiệp; đi ở trong ấy nên gọi là nghiệp-đạo. Trước đi trong ba món sau; sau đi trong bảy món trước. Ba nghiệp là đạo, chứ chẳng phải nghiệp; bảy nghiệp cũng nghiệp cũng đạo.

Hỏi: Cũng có roi, gậy và uống rượu thấy các nghiệp bất-thiện, tại sao chỉ nói mười mấy thứ ấy?

Đáp: Mười tội này nặng nên riêng nói. Lại roi, gậy thấy đều là phụ thuộc trước sau. Uống rượu chẳng phải thật tội cũng chẳng làm hại người khác, dù cho có hại người khác đi nữa cũng chẳng phải chỉ rượu vậy.

Hỏi: Bất thiện-đạo này là ở chỗ nào?

Đáp: Đều ở trong năm đạo. Chỉ Bắc Câu-Lô-Châu không tà dâm; do ba việc khởi bởi tham dục mà thành, kỳ dư ba việc khởi cũng bởi ba việc mà thành.

Hỏi: Thánh-nhân năng khởi bất thiện nghiệp không?

Đáp: Cũng khởi ý bất thiện nghiệp, chứ chẳng khởi thân khẩu. Lại trong ý-nghiệp cũng chỉ khởi sân-tâm chứ chẳng khởi sát tâm.

Hỏi: Trong kinh nói bực học-nhân rửa người rằng: Tiêu-diệt, khiến người dứt giống. Việc ấy thế nào?

Đáp: Cũng có kinh nói A-La-Hán rửa. Là người lậu tận, dứt gốc phiền não hay chẳng móng tâm, huông là rửa u. Nói học-nhân rửa cũng như vậy. Lại Thánh-nhân đối với nghiệp bất-thiện được bất tác luật nghi thì làm sao còn tác bất thiện? Lại vị Thánh nhân chẳng đọa ác đạo, nếu năng khởi bất thiện, thời lẽ phải đọa.

Hỏi: Nếu các Thánh-nhân đời nay chẳng gây nghiệp bất-thiện, nên đọa ác đạo, chứ trong đời quá khứ có nghiệp bất-thiện tại sao chẳng đọa?

Đáp: Tâm Thánh nhân này Trung-thật khi trí sinh, các ác đạo nghiệp đều bị yếu ớt, in như giống hư không còn mọc được. Lại ba độc có hai thứ: Thứ năng gây ác đạo,

thứ chẳng năng gậy, Thánh nhân đã dứt trọn. Vì nghiệp phiền não, nên được thọ thân; Thánh-nhân tuy có các nghiệp phiền não mà chẳng đầy đủ, vậy nên chẳng đọa. Lại người này nương đại thế lực, chỗ gọi Tam-bảo năng tiêu trừ đại ác, như người nương vua, chủ nợ chẳng dám làm rầy. Lại người này trí huệ sáng bén năng tiêu ác nghiệp, như nhiệt lực trong người thịnh nên năng tiêu món ăn khó tiêu. Lại người này có nhiều phương tiện: hoặc niệm chư Phật, hoặc niệm từ-bi các nghiệp lành, nên được thoát khỏi các ác, như kẻ gian tặc nhiều phương kế, nương các chỗ hiểm nạn thời không thể làm gì được. Lại vì Thánh-nhân này đã được đạo giải thoát, như con ngưu-vương đi, như chim nương hư không. Lại vì suốt đêm tu tập các pháp lành, nên chẳng đọa ác đạo. Như trong kinh nói: “Nếu người thường tu thân-giới tâm huệ, thời quả báo địa ngục đời hiện có thể chịu nhẹ”. Lại như kệ nói:

Tu lòng từ bi,

Không lường không ngại;

Có các nghiệp nặng,

Chỗ chẳng hay kịp.

Lại Thánh-nhân này tâm bất thiện-nghiệp chẳng năng bền chắc, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Lại Thánh-nhân này nghiệp lành sâu xa, như rễ cây hoàn-thù-la. Lại Thánh-nhân này nhiều thiện ít ác. Ác ít mà ở trong thiện nhiều thời không có sức mạnh, như gieo xuống sông Hằng một lượng muối không thể làm hoại vị nước được. Lại Thánh-nhân này giàu của tín thầy, như người nghèo cùng vì một đồng tiền mà bị tội; kẻ giàu sang tuy được trăm ngàn cũng chẳng đắc tội. Lại vì vào Thánh-đạo nên được cao sang, như kẻ sang trọng tuy bị tội mà chẳng vào lao ngục. Lại như cọp beo chó dê lợn lớn giành nhau, con lớn đắc thắng. Lại Thánh-nhân này tâm ký-túc ngủ nơi Thánh-đạo, các tội ác đạo chẳng thể hại được, như vua ngủ nhà trống, kẻ oán không thể vào được. Lại Thánh-nhân này đi chỗ tự đáng đi, nên tội nghiệp ác đạo chẳng làm gì được, như cái ví dụ chim bồ-cắt. Lại Thánh-nhân tâm buộc tứ-niệm-xứ, nên nghiệp các ác đạo chẳng làm gì được, như bình tròn đã để vào đai. Lại đủ hai món kiết mới vào ác đạo theo nghiệp chịu báo; Thánh-nhân dứt được một món, nên chẳng đọa ác đạo. Lại người này thường hưởng quả-báo nghiệp lành, nên các nghiệp ác-đạo chẳng làm gì được. Lại như trong phẩm Lục-nghiệp trước đã nói nghiệp tương địa ngục. Thánh-nhân không nhân-duyên chẳng đọa ác đạo.

PHẨM MƯỜI THIỆN ĐẠO THỨ 117

Mười thiện-nghiệp-đạo: Chỗ gọi là lia sát cho đến chính-kiến là mười điều nhiếp thuộc vào trong giới-luật-nghi. Một thời được nhiếp về thiên vô-sắc luật-nghi; cũng một thời được lia gọi là thiện-nghiệp-đạo tức là vô-sắc.

Hỏi: Các phước lễ kính bố-thí thầy là thiện-nghiệp-đạo, tại sao chỉ nói lia là nghiệp đạo?

Đáp: Vì lia là hơn hết. Mười món nghiệp này đối với thí thầy là hơn. Tại vì sao? Vì bố-thí thầy được phước-báo chẳng kịp bằng trì giới. Như đến khi con người chỉ còn mười tuổi, nhờ nhân-duyên lia giết mà thọ mạng được tăng lên. Lại mười nghiệp bất-thiện là thật-tội, nên lia được gọi là thật phước. Lại ba món thiện-nghiệp sau là góc các thiện, vậy nên các thiện bố-thí thầy đều nhiếp trong nghiệp-đạo. Lại nghiệp đạo này có lia roi gây thầy, vì trước sau hiệp nói, nên tất cả các thiện đều nhiếp vào trong ấy.

PHẨM QUÁ-HOẠN THỨ 118

Hỏi: Nghiệp chẳng lành có những tội lỗi gì?

Đáp: Do nghiệp chẳng lành nên bị chịu các khổ địa ngục. Như trong kinh nói: “Vì nhân-duyên sát-sinh nên đọa địa ngục; nếu được sinh trong nhân đạo, thì chịu quả báo chết yểu.” Như vậy cho đến tà-kiến. Lại vì nhân-duyên nghiệp chẳng lành, nên chịu khổ não lâu như địa ngục A-tì trải vô-lượng năm mà mạng sống lâu chẳng cùng tận. Lại chúng-sinh có tất cả bao nhiêu điều ác bại hoại suy não, đều bởi nghiệp chẳng lành. Lại chưa từng thấy chẳng lành mà có lợi ích lớn, như những kẻ hàng thịt, thợ săn thầy, trọn chẳng nhờ nghiệp ấy mà được sang trọng. Hoặc trong ý người bảo: Vì nhân-duyên phá giặc mà được giàu sang. Việc này trong phẩm tam-nghiệp trước đã đáp. Lại kẻ làm việc chẳng lành, bị chịu quả trách và chịu phần khổ não. Lại khiến kẻ khác phải ra làm việc ác, gọi là hung bạo. Vậy nên cần phải lia nghiệp chẳng lành này. Lại trong kinh nói giết có năm lỗi: “Người chẳng tin dùng; bị mang tiếng ác; xa lánh gần ác; khi chết sinh hối; sau đọa ác đạo”. Lại nhân duyên sát sinh, vui ít khổ nhiều. Lại hạnh nghiệp chẳng lành ngầm nhiễm làm dơ tâm con người, chứa nhóm lâu đời đời khó mà chữa được. Lại kẻ làm điều chẳng lành, từ tối vào tối trôi lăn vào tam đồ hẳn không ngày ra khỏi. Lại kẻ làm chẳng lành, uống chịu một đời người, như vào núi Tuyết tìm thuốc mà lấy phải cỏ độc, ấy là rất ngu?

Như vậy nhờ mười đạo lành này mới được làm thân người nhưng chẳng làm lành đã là một phúc lớn, huống chi khởi gây ác nghiệp! Lại kẻ làm chẳng lành tuy tự yên thân mà thật chẳng tự yên được; tuy tự hộ thân mà thật chẳng phải tự hộ. Vì khởi nghiệp nhân-duyên tự não-hại lấy vậy. Lại người này yêu-đãi thân in như kẻ

oán-tặc tự làm khổ vậy. Lại nếu làm chẳng lành là mình gây giặc cho bản thân, huống chi kẻ khác ư? Lại làm nghiệp chẳng lành, nay tuy chẳng hiện quả-báo mà đã mắc phải. Vậy nên tuy ít cũng chẳng khá chẳng tin; như chất độc tuy ít có thể hại người; như nợ tuy ít lần lần sinh lãi tức. Lại làm ác với người ta, họ thường chẳng quên. Vậy nên gây nghiệp tuy lâu xa mà chẳng khá chẳng tin. Lại kẻ làm chẳng lành gọi là mất vui, nghĩa là vì làm chẳng lành nên mất quả vui người trời. Chẳng vui điều đáng vui là kẻ ngu lắm vậy. Lại kẻ làm chẳng lành là bị khổ dữ dội, đáng thương: đời hiện tâm bị ăn-năn các khổ; đời sau chịu khổ ác đạo. Lại quả-báo của nghiệp chẳng lành dù bay lên hư không, hay lặn dưới nước cũng không chỗ trốn thoát được, như chiếc gươm vàng bay theo Phật. Lại tất cả nghiệp chẳng lành đều do si mà sinh khởi, vậy nên có kẻ trí-giả họ chẳng nên tùy theo. Lại trong kinh nói: “Buông lung như kẻ oán, năng hại các pháp lành, nên chẳng đáng theo”. Lại nghiệp chẳng lành, chư Phật, Bồ-tát các vị ứng-chân Thánh-Hiền, ngũ-thông Thần-Tiên và những kẻ mình đạt tội phước không ai chẳng quả mẫn, vậy nên chẳng nên gây. Lại hiện thấy kẻ ác tâm hừng-thịnh thời ý-chí mờ tối rối loạn buồn bực đau khổ, nên sắc mặt biến khác, người chẳng muốn thấy, huống là khởi nghiệp thân khẩu. Vì các duyên do này, nên biết nghiệp chẳng lành có tội lỗi nhiều vô-lượng.

Thành Thật luận hết quyển 9

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 10

PHẨM TAM-NGHIỆP THỨ 119

Trong ba nghiệp, nghiệp nào nặng hơn: thân nghiệp? khẩu nghiệp, hay ý-nghiệp ư?

Hỏi: Có người nói hai nghiệp thân khẩu nặng, chứ chẳng ý-nghiệp vậy. Tại vì sao? Vì nghiệp thân khẩu định thật vậy, như tội ngũ nghịch đều bởi thân khẩu gây nên. Lại thân khẩu năng thành xong việc, như người sinh lòng muốn giết chúng-sinh này, cần đem thân khẩu năng thành việc ấy, chẳng những ý-nghiệp gây được tội sát sinh; cũng chẳng phải chỉ phát tâm xây chùa tháp mà được phước đức tốt lành vậy. Lại nếu không có thân khẩu, chỉ ý nghiệp thời không quả-báo, như người phát tâm rằng ta phải bố-thí, mà thật chẳng thí cho, thời không thí phước. Lại chẳng những tùy nghiệp mà việc được thành xong, như người phát nghiệp mở hội Đại-thí, mà

thật chẳng thí, thời không hội phước; vậy thời nghiệp báo lộn xộn. Lại trong Luật Tỳ-ni, ý không phạm tội. Nếu ý nghiệp là trọng đại tại sao chẳng phạm? Nếu phát tâm bèn được phước ấy, thời phước dễ được, tại sao hành giả bỏ nghiệp dễ này mà tu thí thấy là những hạnh nghiệp khó tu ư? Lại nếu như vậy ấy, thời phước vô tận, như người chỉ phát tâm suông trọn không đâu thì chỗ sử dụng làm sao cho hết được ư? Vì tài vật có hạn nên phước mới có thể hết. Lại chẳng những phát tâm mà có thể làm tổn hại hay lợi ích cho kẻ khác, như chúng-sinh đói khát cần phải cơm nước, chứ đâu phải tâm nghiệp năng trừ được. Lại việc suy lợi người đòi rất lắm, vì tâm nhẹ nhõm khó chế-phục được nên không điều ác nào chẳng khởi, nên đã chịu việc suy hại nặng nề, nếu phát thiện tâm muốn gây phước nghiệp, thời đã được đại-lợi, vậy là quá dễ lắm. Lại nếu ý-nghiệp là lớn muốn phát tâm sát sinh thời đọa địa ngục. Như vậy tuy lâu tu nhóm giới thấy đâu có ích chi! Lại tu trì giới thấy các công-đức lành không có an ổn. Tại vì sao? Vì chỉ một khi phát tâm liền bị tội vậy. Lại trong kinh nói: “Nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước”. Vì dứt phiền não thô nên tâm được Định. Lại nếu phát dâm tâm là dâm rồi, lẽ phải phạm giới; nếu phát mà chẳng gọi là dâm, thời lia dâm tâm này lại có pháp gì gọi là dâm ư? Lại có bao nhiêu sinh khởi tác nghiệp đều do thân khẩu, chẳng phải do ý nghiệp, như gạt kẻ khác tất do khẩu nghiệp mới bị tội vọng ngữ. Lại như trước đã nói đủ bốn món nhân-duyên mới bị tội sát-sinh là: có chúng-sinh, có tâm tưởng chúng-sinh, có tâm muốn sát, dứt mạng sống nó. Do bốn việc thành tội, nên phải biết chẳng do ý nghiệp là trọng. Lại như Phật nói: Như tiểu nhi tập lòng Từ từ nhỏ, hay khởi ác nghiệp, nghĩ ác nghiệp ư? Nên biết chỉ là thân khẩu nghiệp ác, chứ chẳng phải ý-nghiệp?

Đáp: Người nói nghiệp thân khẩu, chẳng phải nghiệp ý ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Trong kinh Phật nói: “Tâm làm gốc các pháp”. Tâm cao tốt, tâm dẫn đường, tâm nghĩ thiện ác. Tức nói tức làm. Cho nên biết ý nghiệp là trọng. Lại ý có sai biệt nên nghiệp thân khẩu mới có sai biệt, như thượng, trung hạ thấy; lia tâm không có nghiệp, quyết phải chịu báo”. Lại nói bảy thứ tịnh phước; ba thứ chỉ dùng ý-nghiệp. Bảy tịnh phước này, với phước của là hơn. Lại lòng Từ là ý-nghiệp, nên kinh nói từ tâm được quả báo lớn. Như kinh nói: “Xưa, Ta lên bảy tuổi, nhờ tu tập lòng từ nên ở trong bảy đại-kiếp, chẳng trở lại thế-gian này”. Nên biết ý-nghiệp là trọng. Vì trọng nên mới có thể che khắp tất cả thế-gian. Lại ý-nghiệp là trọng, như quả-báo ý-nghiệp nên sống lâu được tám muôn đại-kiếp. Lại thể-lực ý-nghiệp thắng hơn nghiệp thân khẩu, như kẻ tu lành khi mạng sắp chết sinh lòng tà-kiến, thời đọa địa ngục; người làm chẳng lành khi sắp chết khởi tâm chính-kiến, thời sinh lên trời. Nên phải biết ý-nghiệp là trọng đại. Lại trong kinh nói: “Vớ trong các tội, tà kiến rất nặng”. Lại nói: “Nếu người được thế-gian thượng chính-kiến, tuy qua lại trong sinh tử cho đến trăm ngàn năm trọn chẳng đọa ác đạo”. Lại sức ý nghiệp thù thắng hơn nghiệp thân khẩu, như trong kinh Hòa-lợi nói: “Ngoại-đạo

Thần-tiên một khi nổi giận lên, liền diệt nước Na-La-Vu-Đà” Như Đản-đặc thấy các chỗ hiểm nạn đều do Tiên-nhân nổi giận gây nên. Lại ý-nghiệp có thể mau được quả-báo, như trong kinh nói: “Nếu người này nay chết lập tức vào địa ngục, lập tức sanh lên trời, như chiếc gươm thoán-mâu lìa khỏi tay”. Lại ý nghiệp này chứa nhóm như bản cho đến đọa vào a-tì địa ngục; chứa nhóm pháp lành sạch cho đến được Nê-Hoàn. Lại tâm có quả-báo nên thân khẩu mới có quả-báo, vì nghiệp bất-cố không có quả báo vậy. Lại chẳng lìa ý-nghiệp mà có báo-nghiệp thân khẩu, như ý nương nơi thân khẩu làm lành hay chẳng lành, gọi là thân khẩu nghiệp. Lìa thân khẩu nghiệp, thời ý-nghiệp có quả báo; mà lìa ý-nghiệp thân khẩu không quả-báo. Cho nên biết ý-nghiệp là trọng đại, chứ chẳng phải nghiệp thân khẩu.

Người tuy nói thân khẩu nghiệp định-thật, như tội ngũ-nghịch đều do thân khẩu gây nên, nên gọi nặng ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nghĩ nặng, sự nặng nên nghiệp mới nặng, chẳng phải thân khẩu nặng nên nặng. Lại vì tâm quyết định nên nghiệp mới định-thật; như chỉ dùng tâm-lực vào ngôi chính-pháp, cũng vì tâm-lực nặng đủ nghịch-tội. Nếu kẻ vô tâm dù giết phải cha mẹ cũng không bị nghịch-tội. Nên biết thân khẩu vô-lực. Người nói thân khẩu nặng xong việc ấy. Cũng chẳng phải lẽ. Vì việc rồi gọi là xong: Như cướp mạng sống kẻ khác rồi đã mới bị tội sát sinh, chẳng phải khi khởi nghiệp thân khẩu; khi rồi việc còn phải cần dùng đến tâm-lực nữa, cho nên chẳng phải thân khẩu vậy. Người nói chỉ phát tâm suông không quả-báo ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Như trong kinh nói: “Phát tâm mạnh nên lập tức sinh lên trời, lập tức vào địa ngục”. Làm sao nói ý-nghiệp không quả-báo ư? Người nói chẳng những nhờ nguyện năng thành sự ấy, ấy cũng chẳng phải lẽ. Vì có người thâm phát thiện tâm được phước thắng hơn đại-thí-hội. Người nói ý không phạm tội, ấy cũng chẳng phải. Nếu phát ác tâm bị tội tức thì. Như Phật nói có ba thứ tội: Thân-khẩu-ý. Nên biết chỉ phát ác tâm chẳng được không tội, chỉ chẳng kiết-giới vì khó hành –trì vậy; thô-tội trì-giới ngăn được, tế-tội thiên-định tẩy mới trừ được. Người nói tội phước dễ ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Bởi người tâm-lực yếu nên bỏ việc dễ, làm làm việc khó, như Từ-tâm tẩy được phước rất nhiều, chẳng phải bố-thí được như vậy. Chỉ vì chúng-sinh trí-lực yếu ớt tu ý-nghiệp Từ-bi tẩy không nổi, nên mới tu bố-thí tẩy, đem các thứ hương hoa và dụng-cụ cúng-dường, vì tịnh tâm khó được vậy. Người nói phước vô tận ấy. Cũng lấy đây mà đáp. Người này nếu có trí lực thời năng được pháp lành vô tận. Người nói ý-nghiệp không làm tổn ích. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nghiệp thân khẩu đều do ý-nghiệp dẫn đường nên chẳng gọi là thắng. Vì tùy theo sức tự khởi được mới gọi là thắng. Lại các điều lợi ích đều do tu Từ vậy; nên được mưa thuận gió hòa trăm giống lúa được mùa màng, như thời đại kiếp-sơ, gạo nếp tự sinh; đến khi con người thượng-thọ chỉ còn mười tuổi điều phước ấy đều mất hết, làm sao nói từ-tâm không lợi ích ư.

Lại kẻ tu lòng Từ năng trừ hết gốc nghiệp chẳng lành; Vì nghiệp chẳng lành nên có các điều suy-não, làm sao nói tu lòng Từ không có đại-lợi ích? Nếu tất cả chúng-sinh tu Từ-tâm đều sinh chỗ lành; tất cả thọ dụng tự nhiên mà có, chẳng cần gia công. Cho nên biết từ-phước là sâu dày hơn hết. Lại, hoặc khi vì lòng Từ bố-thí lợi ích chúng-sinh, hoặc chỉ do lòng Từ mà lợi ích. Lại kẻ tu lòng Từ, nếu chúng-sinh xúc phạm đến thân, phần hoặc vào trong bóng thân đều được an lành vui vẻ. Nên phải biết từ-phước đối với thí-phước thấy đều thù thắng hơn hết. Người nói suy lợi rất lắm. Trước đã đáp việc ấy rồi nghĩa là ý-lực tổn hại hoặc lợi ích chúng-sinh, nên biết ý-nghiệp là trọng đại. Người nói lâu nhóm giới thấy không ích gì ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì ý-tịnh nên trì-giới mới tịnh. Nếu ý bất-tịnh giới cũng bất-tịnh, như trong kinh thất-chương-dâm nói. Lại giới thanh-tịnh được quả-báo lớn, như trong kinh nói kẻ trì giới sở nguyện tùy ý, là vì giới tịnh vậy. Lại nếu thanh tịnh trì-giới, thời tâm được yên ổn, chứ chẳng phải pháp nào khác vậy. Người nói nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước. Việc này chẳng phải lẽ. Vì lành nhỏ-nhiệm mới được quả-báo lớn, như ý nghĩ trong thiên-định. Người nói, nếu phát dâm-tâm bèn ung phá giới. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu người ý-nghiệp chẳng tịnh thời giới cũng chẳng tịnh. Lại lẽ được tội phước khác, mà phép kiết-giới khác. Người nói khởi ra tác nghiệp do thân khẩu ấy. Đều là tổng đáp rồi. Nghĩa là nghiệp thân khẩu pháp khác, ý nghiệp pháp khác. Nghiệp thân khẩu cần do tác thành, như đo bốn nhân duyên thành tội sát-sinh, vì chẳng lìa tâm nghiệp vậy. Lại thế-gian chúng-sinh cho nghiệp thân khẩu là ác, mà ý-nghiệp chẳng như vậy. Lại ý-nghiệp chẳng gia hại với người, cũng chẳng khá có được. Lại trước đã nói tướng tội phước vì bởi tướng này nên chỉ gây ý-nghiệp là quan-trọng. Chứ chẳng phải thân khẩu vậy.

PHẨM MINH NGHIỆP-NHÂN THỨ 120

Luận-giả nói: Đã lược nói các nghiệp. Nghiệp là nhân-duyên thọ thân, thân là bản-tính khổ nên phải diệt trừ. Muốn diệt thân này phải dứt nghiệp-nhân, vì nhân diệt nên quả cũng diệt theo, như nhân hình có bóng, hình diệt thời bóng diệt. Vậy nên, nếu muốn diệt khổ phải siêng năng tinh-tấn dứt nghiệp nhân này.

Hỏi: Do nghiệp thọ thân việc này cần hiểu rõ. Tại vì sao? Hoặc có người nói: thân do bà-la-già-đề sinh; có người nói: Do Tư-Tại-Thiên sinh; hoặc nói do đại-nhân sinh; hoặc nói do tự-nhiên sinh. Vậy nên phải nói lý do tại sao biết do nghiệp mà sinh?

Đáp: Việc này đã dùng nhiều thứ nhân-duyên phá rồi. Phải biết do nghiệp thọ thân. Lại muôn vật có nhiều thứ tạp loại, nên biết nhân cũng sai khác, như thấy lúa bắp thấy khác, biết giống chẳng đồng. Thời Tự-Tại thấy vì không sai khác, nên phải

biết chẳng phải nhân. Nghiệp vì có vô-lượng sai khác, nên mới thọ nhiều thứ thân khác nhau. Lại các kẻ thiện-nhân đều tin bởi nghiệp nên thọ thân. Tại vì sao? Vì những người này thường tu các pháp lành, thí, giới, nhẫn nhẫn; lia sát-sinh thấy các pháp chẳng lành. Nên biết do nghiệp thọ thân. Lại nếu bởi nghiệp thọ thân thời là có thể trở lại được chân-trí, dứt tà-trí. Vì tà-trí dứt, nên tham sân thấy các phiền não đều dứt; vì các phiền não dứt, nên nghiệp nặng khởi thân sau cũng dứt. Ấy gọi là có thể trở lại. Trong nhân Tự-tại thấy thời chẳng trở lại được, vì Tự-Tại thấy chẳng dứt được vậy. Nên biết do nghiệp thọ thân. Lại hiện thấy quả cùng nhân giống nhau, như do bắp sinh bắp, do lúa sinh lúa. Như vậy do nghiệp chẳng lành được báo chẳng ưa; do nghiệp lành được quả-báo ưa. Trong nhân Tự-tại thấy không có lỗi giống nhau này. Vậy nên nghiệp là gốc của thân, chứ chẳng phải Tự-Tại-Thiên thấy. Lại nay hiện thấy muôn vật đều do nghiệp sinh, vì ác nghiệp nhân nên bị chịu đánh, bắt, trói, nhốt, roi, gậy chết thấy các khổ; thiện nghiệp nhân được hưởng ngợi khen, lợi dưỡng thấy vui sướng. Kẻ tùy-ý nói lời ái ngữ, thời được hưởng quả-báo tùy-ý, nên biết do nghiệp thọ thân, chẳng phải Tự-Tại thấy. Lại người đời tự biết muôn vật do nghiệp nhân sinh nên khởi làm các sự nghiệp cấy lúa mạ, và cũng tu thí-giới-nhẫn thấy các nghiệp phước đức, không ai ngồi yên mà trông ông Trời Tự-Tại ban sở-dục cho mình. Nên biết do nghiệp được quả-báo.

Lại như những người tuy nói do Tự-Tại mà họ cũng phải nương nhờ các sự nghiệp nghĩa là tự khổ thân và thọ trai pháp thấy. Nên biết lấy nghiệp làm nhân. Lại nếu việc chẳng hiện có, phải theo kẻ khác mà thọ nghĩa là chỗ sở hành của Thánh nhân; tất cả Thánh Hiền nhờ giới thấy các pháp lành. Nên biết vì do nghiệp nhân mới có thể-gian pháp vậy. Nếu lia giới thấy cũng không có Thánh-nhân; nếu không Thánh giáo thời hành nghiệp trái lỗi vậy. Nên biết do nghiệp thọ thân. Lại tu giới thấy các nghiệp lành, nên năng thành các việc thần thông biến hóa. Nên biết lấy nghiệp làm nhân. Lại địa ngục thấy trong các ác thú, sân não thấy nhiều, nên biết do sân não thấy mà có các ác thú, như thấy quả trên cây biết cây là nhân. Nên biết nghiệp là gốc của thân. Lại trong ác đạo do sức mạnh của si thấy, nên phải biết phiền não là nhân ác đạo, vì tất cả bất thiện đều do si vậy. Lại sinh các ác đạo thời nhiều, mà sinh về chỗ lành thời ít: mắt thấy kẻ giết thấy ác hành nhiều, kẻ thiện hành ít. Nên biết việc giết thấy là nhân ác đạo. Lại việc giết thấy bị người lành quở bỏ chẳng làm, vì người lành biết giết thấy chắc chắn có quả-báo, nên mới quở bỏ chẳng làm. Nếu biết không quả-báo tại sao mà bỏ? Lại tâm của các người lành nếu khởi ác tức tức siêng năng dứt, vì sợ ác báo vậy. Nên phải biết giết thấy chắc chắn có ác báo. Nếu chẳng phải vậy, lẽ ra tùy ý tung hoành đều là vui sướng thời: Chúng-sinh ăn được giết ăn; của người ta cứ cướp; vợ người ta cứ dâm, cũng đều vui sướng cả. Vì sợ khổ báo đời sau nên mới xa lia các việc ấy. Nên biết do nghiệp có thân. Lại tu tập chính trí nên dứt hết nghiệp hữu lậu thời chẳng thọ thân. Nên biết nghiệp là cội gốc. Lại A-La-Hán tuy có các nghiệp hữu-lậu, vì tu chính trí nên

nghiệp chẳng nhóm. Nên biết nghiệp là nhân thọ thân; vì nhân của thân diệt nên thân cũng diệt theo. Lại vì nhờ biết tứ-đế nên nhờ tứ-đế mà phiền não hẳn chẳng sinh khởi lại nữa. Vì chẳng khởi nên không có thân. Kẻ trí giả suy nghĩ như vậy, nên muốn biết tứ-đế. Nên biết nghiệp là nhân của thân. Lại nếu nhân-duyên chẳng đủ thời chẳng thọ thân, như đất khô giống hư thời tất cả mộng chẳng mọc được. Như vậy đất thức xứ mà không có nước ái thủy thấm nhuần hột giống nghiệp, vì bị chân trí làm hư thân sau là mộng thời chẳng sinh nảy; Kẻ Trí-giả vì biết việc này nên muốn làm thô đất thức-xứ, hư hột giống nghiệp, nên mới siêng năng gia công tinh-tấn. Vậy nên biết nghiệp là nhân duyên thọ thân. - Hết nghiệp luận.

NHÓM TẬP-ĐẾ PHẨM TƯỚNG PHIÊN-NÁO TRONG LUẬN PHIÊN NÁO THỨ 121

Luận-giả nói; Đã nói các nghiệp, các phiền não, nay sẽ nói làm dơ tâm gọi là phiền não.

Hỏi: Sao gọi là dơ?

Đáp: Nếu tâm năng khiến sinh tử nối nhau luôn, đây gọi là dơ. Sự sai khác của tâm dơ là: tham, sân, si thấy, tâm dơ này gọi là phiền não: cũng gọi pháp tội, cũng gọi pháp lui, cũng gọi là pháp ẩn chìm, cũng gọi là pháp nóng và cũng gọi là pháp ăn-năn. Có các tên như thế. Tâm dơ bản này tu nhóm gọi là sử, chẳng những tâm dơ khi sinh gọi là sử. Phiền não là: tham, sân, si, nghi, kiêu-mạn và năm món kiến. Do mười món sai khác này nên mới có chín mươi tám món sử. Tham là mừng vui ba cõi, cũng mừng vui vô-hữu, đây gọi là tham. Như trong kinh nói: “Dục-ái, hữu-ái, vô-hữu-ái”. Vô hữu gọi là Đoạn-Diệt. Chúng-sinh bị khổ ép ngặt, nên muốn diệt ám-thân cho “Vô” là vui.

Hỏi: Mừng vui là tướng thọ, chứ chẳng phải tướng tham. Như trong kinh nói nghĩa nay mừng, sau mừng. Là nói đời nay thọ vui, sau cũng thọ vui. Lại nói nghĩa này buồn sau buồn. Là nói đời này chịu khổ, đời sau cũng chịu khổ. Lại như trong lời Trời hỏi rằng có con thời mừng. Phật đáp: Có con thời lo. Như thế các việc?

Đáp: Tham là một phần của mừng. Như trong kinh nói: “Thọ làm nhân-duyên cho ưa vui, trong thọ tam sai khiến trong đoạn-thực có mừng có tham, mừng hết nên tham cũng hết”. Nên biết tham là một phần của mừng. Vậy là không lỗi. Tại sao biết được? Như trong kinh nói: “Tập Đế: Nghĩa là khao-khát vậy”. Khát là thế nào: Nghĩa là muốn được thân sau là khát. Hành tướng ra sao? Nghĩa là nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ.

Hỏi: Nếu nói muốn được thân sau là tướng khao-khát ấy. Tại sao nói nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ?

Đáp: Lại còn có tướng khao-khát. Như nói: Muốn được đủ thứ là nói tướng chung; muốn được thân sau là nói tướng riêng. Người ly-dục cũng có muốn được các thứ khi khát muốn được nước thầy, đây chẳng phải nhiếp vào tập-đế. Nếu nương dựa lòng tham muốn được thân sau, khao khát này mới gọi là nhiếp vào tập-đế.

Hỏi: Nếu như khao-khát cũng là mừng, tham cũng là mừng tại sao nói nương dựa lòng tham?

Đáp: Mới sinh gọi khát, tăng-trưởng gọi là tham, nên nói nương dựa. Như trong kinh nói: “Ưa buộc thế gian”. Vậy nên mừng tức là tham. Lại trong kinh nói: “Diệt trừ tham buồn các pháp bất thiện”. Trong ấy tham tức là mừng, buồn tức là giận. Như nói giận là buồn thời biết cũng nói mừng là tham. Vậy như trong mười tám ý hành, chẳng nói phiền não, mà chỉ nói các món thọ. Nên biết phần mừng là tham. Lại kẻ phàm phu lìa tham không thể thọ vui; lìa giận không thể thọ khổ, lìa si không thể thọ chẳng khổ chẳng vui. Tại sao biết được? Trong thọ thứ ba nói: “Người phàm phu với trong thọ này, chẳng biết tập nhân, chẳng biết diệt trừ, chẳng biết ý-vị chẳng biết tội lỗi, chẳng biết xuất ly; nên với trong thọ chẳng khổ chẳng vui bị vô-minh-sử sai khiến”. Người phàm phu ấy thường chẳng biết năm pháp này, nên thường đối với trong thọ chẳng khổ chẳng vui bị vô-minh sử sai khiến. Vô-minh sử tức là tính “chẳng biết” của thọ hành vậy. Như phàm phu tâm hành khổ vui cũng tức là tham giận. Lại như bắt đầu đến nơi tâm gọi là thọ; thêm lớn rõ ràng gọi là phiền não. Lại tâm mềm xuống gọi là thọ; cũng tức tâm ấy tăng lên gọi là phiền não.

PHẨM THAM TƯỚNG THỨ 122

Luận giả nói: Tham này trong chín món gút thông buộc cả ba cõi gọi là ái. Với trong bảy gút phân làm hai thứ: tham-dục và hữu-dục. Tại vì sao? Vì có người đối với hai cõi trên sinh tướng giải thoát. Vậy nên Phật mới nói chỗ ấy gọi là “Có”. “Có” gọi là sinh, nếu không tham thời chẳng sinh. Vậy nên riêng nói hữu-tham, chẳng những dục-tham là phiền não, diệt hết dục tham gọi là giải thoát. Nên Phật mới nói: Thiên trong vô sắc cũng có hữu tham. Phật chỉ rõ trong ấy có trói buộc nhỏ nhiệm. Vậy nên nói tham này, ở trong mười đường chẳng lành và trong bốn trói buộc gọi là tham-dục. tham-dục mà gọi là dục, vì muốn được vật của kẻ khác. Ở trong năm món che và trong hạ-phần-kiết gọi là dục-dục. Dục-dục mà gọi là dục, vì ở trong ngũ-dục; trong ba bất-thiện-căn gọi là tham bất-thiện-căn; tham bất-thiện-căn là năng sinh trưởng các pháp bất thiện. Tham này, nếu tham phi-pháp gọi

là ác tham, như trộm cướp vật của kẻ khác, cho đến lấy vật của Tháp, chùa, Tăng-chúng; hoặc chúng-sinh chưa chết mà muốn ăn thịt; hoặc muốn đâm mẹ, chị, em gái, vợ của bực Thầy, người xuất-gia và vợ của mình mà đâm chỗ phi-đạo, đều gọi là ác tham. Như vật của mình mà chẳng muốn nói cho, thời gọi là xan, xan tức là tham. Nếu thật không công đức, mà muốn khiến người ta bảo có, gọi là ác dục. Nếu thật có công đức, nếu muốn người ta biết gọi là phát-dục. Nếu muốn được nhiều thí nhiều vật, gọi là đa-dục. nếu muốn được thí ít, vật ít, mà tìm lấy thứ tốt không nhàm gọi là bất tri túc. Nếu lăm chấp dòng dõi, gia thuộc, danh sắc, của giàu, trẻ trai, trường thọ thầy, gọi là kiêu-dật. Nếu tham bốn vật cúng-dường, gọi là tứ ái. Lại tham này có hai thứ: một dục tham, hai cụ-tham. Lại có hai thứ: một ngã-tham, hai ngã-sở-tham. Một duyên-nội, hai duyên-ngoại. Tham hai cõi trên một bề duyên bên trong. Lại có năm thứ: một tham sắc, hai tham hình; ba tham xúc; bốn tham uy-nghi ngôn-ngữ; năm tham tất cả. Lại tham sắc, thanh, hương, vị, xúc gọi là tham ngũ-dục. Lại với sáu món xúc sinh ái gọi là tham lục-trần. Lại tham ở trong ba món thọ: trong lạc thọ có tham muốn được, có tham giữ gìn; trong khổ thọ có tham chẳng muốn được, có tham muốn mất; trong bất-khổ bất lạc thọ có tham ngu si. Lại tham này có chín phần, như trong kinh đại nhân nói: “Bởi ái nên tìm theo sự sở dục”.

Như người bị việc này làm khổ thời tìm việc khác, như nói kẻ vui chẳng cầu, kẻ khổ nhiều cầu. Tham này tăng trưởng gọi là cầu. Khi cầu, nếu được gọi là đắc. Ưa nhân được thời trừ tính là nên lấy hay chẳng nên lấy. Nếu tâm quyết định gọi là nhân trừ tính nên ưa muốn: nhân ưa muốn nên tham đắm, tham đắm gọi là tham-ái. Nhân-duyên tham đắm nên lấy; lấy gọi là thọ, nhân thọ sinh bủn-xỉn; nhân bủn-xỉn nên giữ gìn nhân giữ gìn nên mới sắm đủ thứ roi, gậy, dao, xà-mâu thầy. Đây gọi là chín phần. Lại có chín phần nữa, là tham tùy thời nên mới có thượng-trung-hạ: hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng, thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Lại thế-gian chia tham này làm mười thứ: một như khi thấy sắc đẹp đầu tiên móng tâm nói ngầm “được” hai kế đó sinh muốn; ba phát-nguyện; bốn nghĩ nhớ; năm theo bất chước động-tác; sáu quên xấu hổ; bảy thường ám ảnh trước mắt; tám buông lung; chín điên cuồng; mười ngất chết. Đây gọi là tướng tham.

PHẨM THAM NHÂN THỨ 123

Hỏi: Làm sao sinh tham ấy?

Đáp Như với trong cảnh duyên nữ sắc thầy sinh nghĩ nhớ bậy: hoặc sắc, hoặc hình, hoặc xúc, hoặc điệu bộ nói năng là sinh tham dục. Lại nếu chẳng giữ gìn các cửa mắt tai thời sinh tham dục. Lại như với việc ăn uống chẳng biết tiết-lượng là sinh

tham dục. Lại gần gũi nữ sắc thời sinh tham dục. Lại hưởng các thú vui thời sinh tham-dục. Lại vì ngu si nên sinh tham dục như vói trong bất-tịnh tướng là tịnh. Lại bởi ác-tri-thức nên sinh tham dục, như đem khăn nhơ nhớp mà gói áo sạch-sẽ. Lại vì cộng sự với người đa-dục, nên sinh tham-dục. Lại đối với thân thọ thấy bốn pháp sinh nghĩ nhớ lộn ngược là bị tham-dục lôi kéo, như bình tròn không đai, như hoa không xoắn sâu. Lại như biếng-nhác chẳng siêng tu hành thời tham-dục dễ sinh được. Lại đi chỗ phi-hành-xứ, thời bị tham xâm lấn nghĩa là chỗ dâm-nữ, quán rượu, hàng thịt thấy, như ví-dụ chim bồ-cắt. Lại quán bất-tịnh thấy chưa có thể phá hoại được cảnh duyên thời tham dục đặc thế. Lại từ lâu xa đến giờ, thường quen tham-dục, nên thành tham-sử, vậy thời dễ sinh. Lại với cảnh duyên nữ sắc thấy ưa thủ-tướng, thủ-liễu. Thủ-tướng: nghĩa là lấy các tướng tay, chân, mặt, mắt, lời nói, giọng cười, xem nhắm và kêu khóc thấy. Thủ liểu: nghĩa là phân biệt trai gái hình trạng sai khác. Như vậy, lấy, lấy rồi nghĩ nhớ phân biệt thời sinh tham-dục. Lại tâm nghĩ lường yếu ớt nên cứ chạy theo cảnh duyên không thể ngăn chặn được, thời sinh tham dục. Lại nếu sinh tham dục nhẫn chịu chẳng bỏ, thời ngày càng lớn lần thêm: từ hạ sinh trung; từ trung sinh thượng. Lại với trong tham dục chỉ thấy say đắm mùi lợi lạc mà chẳng biết tội lỗi, thời sinh tham dục. Lại vì thời tiết nên sinh tham dục, như mùa xuân thấy. Lại vì nơi chỗ nên sinh tham-dục, như có địa-phương từ xưa nay nhiều thói dâm-dục. Lại tùy theo thân lực, nên sinh tham dục, như tuổi trẻ, không bệnh hoạn và đòi nuôi sống đầy đủ. Lại vì lực năng nên sinh tham-dục, như uống thuốc thấy. Lại được tịnh diệu tùy ý ngũ-dục thời sinh tham dục: nghĩa là thấy sắc đẹp hoa ao, vườn rừng, sum mậu xanh tươi, nước suối chảy mát-mẽ, mây hữu tình bay lơ lửng, ánh điện sáng lung linh, gió quạt mùi thơm bay đến; hoặc nghe tiếng kêu áo-não hòa nhau của các giống chim muông, và nữ-nhân trang điểm mềm dịu nhu-mì âm-thanh thanh-thót, bộ điệu nói năng thấy. Lại vì nghiệp nhân-duyên nên sinh tham-dục, như kẻ thanh tịnh thí thời hay ưa mừng tịnh diệu ngũ-dục, mà kẻ tội nhân thời ưa bất tịnh. Lại vì từng loại nên sinh tham dục, như người dục người. Lại thân đắm giả-danh thời sinh tham dục; người này đối bên trong sinh tướng sĩ-phu bên ngoài sinh tướng nữ-lưu và áo mặc, kẻ oan, người thân các tướng. Lại vì tâm chưa được không Định nên trong thấy chúng-sinh, ngoài thấy sắc thấy thời sinh tham dục. Lại nếu tham-sử chưa diệt hết, ái duyên hiện tiền với trong ấy sinh nghĩ nhớ bậy bạ. Những nhân-duyên như thế thấy là sinh tham dục.

PHẨM THAM QUÁ THỨ 124

Hỏi: Tham dục có những lỗi gì nên muốn dứt ư?

Đáp: Tham dục thật khổ, Phàm phu điên-đảo quấy sinh tướng vui. Kẻ-trí thấy khổ, thấy khổ thời phải dứt. Lại thọ dục không nhàm, như uống nước mặn, càng uống

càng khát; vì càng khát thì làm sao được vui? Lại vì thọ dục nên các ác nhóm đồng và có dao gậy thầy đều bởi tham dục vậy. Lại trong kinh nói: “Tham tội nhẹ mà khổ bỏ”. Vì đối với giận dữ nên gọi là tội nhẹ, kỳ thật là nặng. Lại tham làm nhân-duyên cho thân sau, như nói ái làm nhân-duyên cho tử, cho đến nhóm một đồng đại khổ. Lại nói khổ làm nhân cho ái. Lại nói Tỳ-kheo cần phải suy nghĩ kỹ càng: Có bao nhiêu các điều khổ do đâu mà có? Phải biết đều lấy thân làm nhân-duyên, thân nhân nơi ái. Lại nói trong đoạn-thực có mừng có tham, vậy nên thức sinh trong ấy. Phải biết ái làm nhân-duyên thọ thân. Lại tham này thường đi trong bất tịnh, như nữ-nhân thầy. Thân tâm nữ-nhân là bất-tịnh, như cục phân bọc chất màu hay làm ô ứ, như rắn độc hay cắn hại. Lại tham dục này thường đi trong si, như trong kinh nói: “Ví như chó gặm xương khô dính máu: vì nước mồm thấm vào, nên tưởng cho là ngon. kẻ tham cũng như vậy, với trong dục không ý vị, vì sức tà trái ngược nên cho là hưởng vị”. Lại như khúc thịt thầy bày thứ ví dụ. Hoặc có người bảo với trong việc trong quá-khứ vị-lai mà sinh tham dục nên vui ít khổ nhiều. Tại vì sao? Vì như hưởng giàu sang thì ít, mà lúc tán hoại thì nhiều. Lại kẻ ái dục là bởi vui nên chịu đủ các thứ khổ: nghĩa là khi tìm cầu khổ, khi giữ gìn khổ, khi thọ dụng cũng khổ luôn; như cây lúa, buôn bán, chinh chiến, sĩ tiến thầy. Khi tìm cầu là khổ. Khi giữ gìn lo sợ mất mát nên khổ, hiện còn không nhàm nên khổ. Lại đoàn tụ vui yêu ít, chia lìa khổ lắm nhiều. Cho nên biết tham dục có nhiều tội lỗi. Lại như Phật nói ái dục có năm thứ tội lỗi: một ý vị ít mà lỗi nhiều; hai các gút hừng thịnh; ba đến chết không nhàm; bốn bị Thánh mắng bỏ, năm không ác nào chẳng gây.

Lại tham dục này thường khiến chúng-sinh thuận theo giòng sinh tử, mà xa lìa Nê-Hoàn. Có các tội lỗi như thế nhiều vô-lượng. Nên phải biết tham-dục là nhiều tội lỗi. Lại sinh các phiền não đều bởi tham-dục, như tham thân nên khởi các phiền não về thân. Lại chẳng nhỏ gốc ái-sử thời thường hằng bị khổ, như chẳng chặt cây độc-thọ thời thường hại người. Lại tham năng khiến chúng-sinh mang gánh gánh nặng. Lại trong kinh nói: “Tham ái là giây, như hai trâu đen trắng tự chẳng buộc nhau, chỉ bởi giây buộc. Như vậy mắt chẳng buộc sắc, sắc chẳng buộc mắt, tham-dục ở trong ấy buộc”. Nếu cảnh duyên là buộc, thời không ai được giải thoát. Lại trong kinh nói: “Chúng-sinh bị vô-minh che khuất và gút-ái trói buộc, qua lại trong sinh tử không có ngăn mé”. Lại trong kinh nói: “Tham dứt nên sắc dứt, cho đến Thức cũng dứt”. Tham này nhờ quán vô thường thầy mới dứt được. Dứt được tham-dục này thời tâm được giải thoát. Sắc tham dứt thời không sắc; Không sắc thời khổ dứt, cho đến Thức cũng như thế. Cho nên biết tham-dục là trói buộc bền chắc hơn hết. Lại tham-dục nó ác như kẻ giặc mà chúng-sinh chẳng thấy biết, lại tham-dục thường dạo đi bên trong cửa, mềm-mại đẹp đẽ nên gọi là thâm-ác. Lại tâm chúng-sinh ưa khởi tham-dục, cho đến loại muỗi, kiến cũng đều ở trong uống ăn, dâm-dục mà khởi. Lại tham-dục này nhiều thứ nhân-duyên năng buộc lòng

người, nghĩa là cha mẹ, anh em, chị em vợ con và của cải thầy. Lại chúng-sinh vì tham-dục ăn uống, dâm-dục che tâm nên mới năng thọ sinh; nếu tham muốn thiên-định thời sinh cõi trên. Lại tham-dục này năng làm hòa-hiệp: tất cả sở-lạc của thế-gian đều khác nhau, mà tham-dục làm hòa-hợp lại, in như cát được nước trộn vào là dính nhau lại. Lại trong sinh tử lấy tham-ái làm khí-vị, như nói “Trong sắc đắm vị”. Nghĩa là bởi sắc sinh: hoặc mừng hoặc vui. Nếu không tham thời chẳng có khí-vị, chẳng khí-vị thời có thể mau dứt sinh-tử. Lại tham-dục này trái nhau với giải thoát. Tại vì sao? Vì chúng-sinh vì bởi tham đắm dục-lạc, thiên-định lạc nên chẳng vui muốn giải thoát. Lại tùy dứt được một phần tham, tức được biến thành một phần vui, như nói: “Tùy chỗ lìa dục lần lượt vui sâu sắc”. Lại nói: “Nếu muốn được các vui, phải bỏ tất cả dục”. Bỏ tất cả dục nên được rốt ráo thường vui. Nếu muốn được đại-lạc, phải bỏ rời thiểu-lạc. bỏ rời thiểu lạc nên năng được vô-lượng lạc. Lại nói “Kẻ trí không riêng có lời vui gì khác, bằng lìa lòng tham-ái”. Tùy lòng lìa tham-ái thời diệt được các khổ não. Lại tham-dục này làm hư thiện-pháp. Tại vì sao? Vì kẻ nặng tham đắm thời chẳng đoái hoài giới-luật, dòng-dõi, giáo-pháp, uy-nghi, danh-dự, chẳng lĩnh thụ lời giáo-hóa, chẳng thấy sự suy hoạn, chẳng coi tội phước ra gì, như cuống như say chẳng biết tốt xấu; cũng như kẻ mù chẳng thấy phước lợi. Như nói “Tham-dục chẳng thấy lợi; tham-dục chẳng biết phân-biệt phải trái, in như đui mù vô-trí, vì chẳng diệt trừ tham-dục vậy”.

Lại nói “tham dục là biển cả, không bờ cũng không đáy, sóng mòi xoáy vận sâu, ác-trùng, quỷ La-sát; các hiểm nạn như thế, không ai quá khỏi được; chỉ nương thuyền tịnh giới nhờ sức gió chính kiến; Phật là vị đại thuyền sư, năng chỉ dẫn đường chính, như nói mà tu hành, kẻ ấy mới qua được”. Lại trong các phiền não không có tướng nhớ phân biệt khí vị nào bằng tham dục. Lại tham-dục này là khó dứt, như trong kinh nói: Hai món muốn khó dứt: một muốn được; hai muốn sống lâu”.

Hỏi: Tham-dục có những lỗi như thế, làm sao biết được tướng của kẻ tham dục?

Đáp: Người nhiều tham-dục là ưa vui nữ sắc và hoa hương, chuỗi anh lạc, ca nhạc, múa hát; thường đến nhà dâm nữ nhóm họp, ăn uống; ưa tụ họp đông đảo và các đồ dụng cụ múa giỡn; ưa đem lời ái ngữ, tâm thường vui mừng, sắc diện tươi hòa, lệ ý hỏi han, ngậm cười nói năng, khó giận dễ vui, tâm nhiều lân mẫn, thân thể lạnh lẽo, tính tình tháo vát, tự chấp chặt bản ngã. Những tướng như thế gọi là tướng nhiều tham-dục. Tướng này cùng với tính trói buộc đều thuận nhau, vậy nên khó dứt. Lại tất cả tham-dục rốt ráo đều khổ. Tại vì sao? Vì những việc tham ái được kia chắc chắn phải ly tán tất có buồn khổ, như nói “Người Trời đều vui sắc, tham sắc, ưa sắc, đắm sắc; khi sắc này hoại thời tâm ăn năn buồn rầu. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế cả”. Lại trong các kinh Phật nói nhiều ví dụ để quở tham dục

này nghĩa là: nặng hại huệ mạng, nên nói là độc; ở tâm thời xốn nên gọi là gai; năng dứt căn lành nên gọi là dao; năng đốt thân tâm nên gọi là lửa; năng sinh các khổ nên gọi là oán; từ trong tâm sinh ra nên gọi là giặc bên trong; vì khổ nhỏ nên gọi là rễ sâu; năng nhớp danh dự gọi là đất bùn; ngăn trở đường lành gọi là vật chướng ngại; đâm vào bên trong đau nhức nên gọi là tên đâm tim; sinh nảy các ác nên gọi là rễ chẳng lành; chảy rót vào biển sinh tử nên gọi là sông; trộm cướp của lành nên gọi là tặc. Tham-dục có những tội lỗi như thế nhiều vị-lai. Vậy nên cần phải dứt.

PHẨM ĐOẠN THAM THỨ 125

Hỏi: Tham-dục có những lỗi như vậy sẽ làm sao dứt?

Đáp Lấy bất-tịnh quán thấy mà ngăn, vô thường quán thấy mà dứt.

Hỏi: Có người giác tỉnh vô thường nên càng tăng tham dục, việc ấy làm sao?

Đáp: Nếu người năng biết tất cả vô thường thì không tham-dục, Như trong kinh nói: “Khéo tu tưởng vô thường nên có thể phá hoại được tất cả tham dục. tham sắc, tham vô sắc, tất cả hí-trạo, kiêu-mạn và vô-minh”. Lại nếu người năng thấy thế-gian e đều khổ, khổ bởi nhân-duyên tham, thì tham này dứt. Lại nếu người thường nghĩ: ta chắc phải chịu khổ sinh-lão-bệnh-tử, thì tham này dứt. Lại như được tịnh-lạc thì bỏ lạc bất-tịnh, như được sơ-thiền thì bỏ dục-ái. Lại thấy lỗi của tham-dục là năng dứt được. Lỗi như trước đã nói. Lại vì đa văn thấy trí-huệ tăng trưởng nên năng dứt tham-dục vì tính trí-huệ phá phiền não vậy. Lại nhờ nhân-duyên lành đầy đủ, thì tham-dục dứt, nghĩa là tịnh trì-giới thấy, và mười một nón Định-cụ, trong Đạo Đế sau sẽ nói. Lại sắc-trí thấy, pháp-trí thấy ác phương tiện. Đức Phật là Vị Đại-y, các bạn đồng học là những kẻ sai khiến chính-pháp là thuốc, tự như nói mà làm cho đúng, thì bệnh tham-dục dứt: như có người biết bệnh và ba việc ấy đầy đủ là bệnh lành tức thì.

Hỏi: Như trong kinh nói dùng bất-tịnh quán để trừ tham dục. Tại sao nói bất-tịnh thấy và vô thường thấy?

Đáp: Tất cả Phật-pháp đều vì phá các phiền não. Nhưng đều có thắng-lực riêng: trước tiên dùng bất-tịnh quán để ngăn tham-dục, sau mới lấy vô thường mà dứt. Lại bất-tịnh để trừ thô-tham-dục, đầy được nhiều người biết chứ tham-sử vi-tế nên phải nhờ vô thường mới dứt được. Lại chỉ trong một kinh đó nói như thế, chứ trong các kinh khác cũng nói các pháp khác cũng năng dứt. Nhân-duyên như thế thì tham-dục dứt.

PHẨM SÂN NHUẾ THỨ 126

Luận-giả nói tướng giận dữ là: Như giận người này muốn khiến nó diệt mất, nhờ khiến kẻ khác trối đánh giết hại, nhất quyết từ bỏ hẳn chẳng muốn thấy. Giận này gọi là ba-la-đề-già Dịch là giận hạng nặng. Có thứ giận chỉ muốn đánh đập người khác gọi là vi-hân-bà: Dịch là giận hạng trung. Có thứ giận chẳng muốn bỏ rời như bởi ghét, yêu vợ con mà sinh, gọi là câu-lự-đà; Dịch là giận hạng nhẹ. Có thứ giận thường ngấm dơ tâm, gọi là ma-xoa: Dịch là chẳng trả thù. Có thứ giận ở mãi nơi tâm chẳng bỏ, cần muốn trả thù, gọi là: ưu-bà-na-ha; Dịch là trả thù. Có thứ giận gấp cháp một việc nhiều lời khuyên nhủ quyết chẳng muốn bỏ, như sư tử muốn qua sông, nhắm lấy tướng bên kia bờ, cho đến chết chẳng lui, gọi là ba-la-đà-xá: Dịch là cháp-chặt. Có thứ giận thấy người ta đắc lợi, tâm sinh ganh ghét, gọi là y-sa. Có thứ giận thường ưa giành kiện, tâm khẩu cương cường, gọi là tam-lam-ba: dịch là giận giành. Có thứ giận, hoặc sư-trưởng dạy dỗ mà nghịch chống lại, gọi là đầu-hòa-già: Dịch là trái chống. Có thứ giận như được việc chút ít chẳng vừa lòng thời tâm sinh bối rối tác hại, gọi là a-sần-đê: Dịch là chẳng nhịn. Có thứ giận nói lời chẳng mềm mại thường hay nhấn-nhó chẳng hay hòa sắc mặt, nói năng cướp ý trước, gọi là a-bà-cật-lược: Dịch là chẳng vui lòng. Có thứ giận đối với kẻ đồng-trụ thường hay mắng chửi, gọi là a-tảo-la-triêm: Dịch là chẳng thuận hòa. Có thứ giận dùng thân-khẩu-ý xúc não kẻ đồng-học, gọi là thắng kỳ: Dịch là xúc hại. Có thứ giận thường hay bần hãn và chê bai sự vật, gọi là đấng-đơn-na-tha: dịch là khó tính. Hai thứ giận này, hoặc nhân chúng-sinh hoặc chẳng nhân chúng-sinh: Nhân chúng-sinh gọi là trọng tội. Lại có thượng, trung, hạ chia riêng chín phẩm. Lại nhân chín món phiền não chia riêng làm chín. Vô sự nổi giận ngang ấy là thứ mười.

Hỏi: Giận này làm sao sinh được?

Đáp: Từ việc chẳng vừa ý khổ-não mà sinh. Lại vì chẳng năng chính biết tính khổ-thọ nên sinh giận dữ. Hoặc từ quả mắng roi đánh thảy mà sinh. Hoặc đồng sự với người ác mà sinh giận dữ, như hàng thịt, thợ săn thảy. Hoặc vì nhờ trí-lực yếu ớt nên sinh giận dữ như cành nhánh cây bị gió làm lay. Hoặc nhóm giận dữ cho đến nổi thành tính thời sinh giận dữ.. Hoặc từ trong dòng hàng thịt, thợ săn và loài rắn độc mà lai sinh làm người thời sinh giận dữ. Hoặc ưa nhớ lỗi của kẻ khác nên sinh giận dữ, như trong chín thứ não đã nói. Hoặc tùy thời tiết nên sinh giận dữ, như đến khi người chỉ còn mười tuổi thảy. Hoặc bởi loài giống nên sinh giận dữ, như loài rắn độc thảy. Hoặc bởi địa phương nên sinh giận dữ, như nước khương cù thảy. Lại như trước đã nói nhân duyên sinh tham, cùng với tham trái nhau thời sinh giận dữ. Lại cháp ngã-tâm kiêu-mạn hùng thịnh và say sưa tài vật, các nhân-duyên như thế thảy, thời sinh giận dữ.

Hỏi: Giận này có những tội lỗi gì?

Đáp: Trong kinh nói giận là tội nặng nhất. Vì đối với tham dục nên gọi là dễ nguôi. Mà thật là khó gỡ, chỉ chẳng bằng tham lâu theo bám nơi tâm. Lại giận làm hại hai mặt: trước đốt hại nơi mình, sau mới đốt hại nơi người. Lại giận quyết định là địa ngục, vì do giận khởi nghiệp đa phần đọa địa ngục vậy. Lại giận năng phá hoại phước lành, nghĩ là thí-giới nhẫn ba pháp này đều do lòng Từ thấy mà sinh; giận cùng với lòng Từ trái nhau nên gọi là năng phá hoại, lại do giận khởi nghiệp đều bị tiếng xấu. Lại do giận khởi nghiệp về sau tâm phải ăn năn. Lại kẻ hay giận hờn, không có lòng lân mẫn, nên mang danh là kẻ hung bạo, vì chúng-sinh đã thường khổ mà lại gia-hại vì giận, như ghê như lửa. Lại trong kinh tự nói lỗi của giận là kẻ nhiều giận hình sắc xấu xí, khi nằm ngủ, khi thức dậy chẳng yên vì tâm thường sợ hãi; bị người khác chẳng tin thấy.

Hỏi: Người nhiều giận dữ có những tướng ra sao?

Đáp: Tâm khẩu cương cường thường chẳng vui vẻ, mặt mày nhăn nhó, điệu sắc chẳng hòa, khó mà gần gũi dễ nổi xung khó giải khuây, thường hay giận hờn ngầm, ưa những cãi cọ; hay sửa sang binh khí, kết bè đảng với bạn ác; lại ganh ghét người lành; là con người thô kệch chẳng suy nghĩ kỹ, ít khi biết hổ thẹn. Có những điều như thế gọi là tướng giận dữ. Các tướng này đều vì ganh ghét kẻ khác mà sinh, vậy nên cần phải dứt.

Hỏi: Phải làm thế nào mà dứt?

Đáp; Phải thường tu Từ-Bi Hỷ-Xả thời giận dữ dứt. Lại phải thấy tội lỗi của giận dữ thời mới dứt được. Lại được chân trí thời giận dữ dứt. Lại phải nhờ sức nhẫn nhục là giận dữ mới dứt được.

Hỏi: Sao gọi là sức nhẫn?

Đáp: Nếu có thể nhẫn các khổ quả mắng do kẻ khác là người này được phước báo, pháp lành, cũng chẳng nên bởi chẳng nhẫn mà sinh hung ác. Đây gọi là sức nhẫn nhục. Lại kẻ tu nhẫn gọi là Sa-Môn, vì nhẫn nhục là cửa đầu tiên vào Đạo vậy. Pháp Sa-Môn là: xung chẳng trả xung; mắng chẳng trả mắng; đánh chẳng đánh lại. Lại như Tỳ-kheo năng nhẫn thời đúng với pháp xuất gia. Lại kẻ giận dữ chẳng phải phép xuất gia. Phép xuất gia là nhẫn nhục mới phải. Lại nếu Tỳ-kheo hình mạo khác tục mà tâm còn giận dữ, thời đồng với thố phi sở nghi. Lại như kẻ tu nhẫn nhục thế là đã đủ công đức Từ-bi. Lại kẻ tu nhẫn nhục năng thành tự lợi. Tại vì sao? Vì những kẻ giận dữ muốn não hại người, mà chính là tự hại: đem hết thân khẩu để gia ác cho người, mà tự mình đã bị ác quá hơn trăm ngàn. Nên biết giận là tự tổn

hại nặng nhất. Vậy nên kẻ trí muốn khiến mình, người đều được khỏi đại-khổ và đại tội, cần phải tu nhẫn nhục.

Hỏi: Làm sao năng nhẫn nổi những khổ quả trách mắng chửi?

Đáp: Nếu người khéo tu vô thường rõ thấu các pháp niệm niệm sinh diệt; kẻ mắng, kẻ bị mắng đều diệt từng niệm, trong ấy có chỗ nào đáng sinh giận dữ? Lại khéo tu không tâm mới có thể nhẫn-nhục được. Nên nghĩ như vậy: Các pháp “thật không” ai là kẻ mắng? ai là kẻ bị mắng? Lại sự việc nêu thật, thời nên nhẫn-nhục: vì ta thật có lỗi, tiền nhân kia thật lời. Thế sao giận được? Nếu sự chẳng thật, thời kẻ kia tự phải bị quả báo vọng ngữ, ta dính gì mà giận? Lại nếu nghe mắng ác, phải nghĩ như vậy: tất cả thế gian đều theo nghiệp chịu báo, ta xưa chắc đã gây nghiệp nhân mắng này, nay nên đền trả. Làm sao giận được? Lại nếu nghe mắng ác, tự phải xét lỗi mình: Do nghiệp thọ thân thân là đồ đưng khổ, nên phải chịu mắng. Lại kẻ tu nhẫn-nhục nên suy nghĩ như vậy: “Muôn vật đều do nhiều nhân duyên sinh; khổ mắng ác này, là do nhĩ thức, ý thức và tiếng tăm thấy mà sinh. Ta với trong ấy tự có hai phần, kẻ kia duy có tiếng tăm, vậy thời tội ta nhiều hơn. Tại sao mà giận? Và vì ta với tiếng tăm này chấp lấy tướng phân biệt, nên sinh phiền não tức là ta lỗi”. Lại kẻ nhẫn nhục chẳng nên bắt lỗi kẻ khác. Tại vì sao? Vì tội tham sân si này chẳng phải lỗi của chúng-sinh mà do tâm chúng-sinh bệnh phát sinh ra vậy, nên chẳng được tự tại, như thầy chữa quý, chữa kẻ mắc quý, chỉ nên giận quý mà chẳng nên giận bệnh-nhân. Lại người này vì siêng tu tinh tấn ham nhóm pháp lành nên chẳng chấp lời kẻ khác. Lại nghĩ nhớ các Đức Phật, các Hiền-Thánh hãy chẳng khỏi bị mắng: như xảo-ma Bà-la-môn thấy mắng Phật nhiều điều; như Xá-Lợi-Phất thấy bị Bà-la-môn gia hạp các thứ hủy-nhục, huống chi chúng ta là hạng người bạc phước ư? Lại nghĩ như thế này: Thế gian nhiều ác mà chẳng cướp được mạng ta đã là rất may huống chi đánh mắng? Lại nghĩ thế này: các thứ mắng ác này với ta không khổ dễ nên nhẫn chịu. Như Phật dạy Tỳ-kheo dẫu cho cưa sắt xẻ mình, cũng nên nhẫn chịu, huống chi mắng chửi thời chúng nghiệm rõ ràng, càng thêm nhàm lìa, bởi ác tu thiện. Lại người này phải biết chẳng nhẫn-nhục sau chịu khổ báo, mới nghĩ như vậy: thà chịu khinh mắng, khỏi đọa địa ngục. Lại người này nặng ô lòng hổ-trên. Ta là kẻ đại nhân đệ tử Đức Thế Tôn, là kẻ tu Đạo làm sao mà khởi thân khẩu là nghiệp chẳng đáng khởi ư? Lại được nghe Bồ-tát tu nhẫn nhục và Đệ-Thích thấy mà được quả nhẫn-lực. Vậy nên phải tu nhẫn.

PHẨM VÔ MINH THỨ 127

Luận giả nói chạy theo giả-danh gọi là vô-minh. Như nói phàm phu theo tiếng tăm Ngã. Trong ấy thật không có Ngã và ngã-sở, chỉ các pháp hòa hiệp giả gọi là

Người; phàm phu chẳng phân biệt được nên sinh ngã-tâm. Ngã-tâm sinh tức là vô-minh.

Hỏi: Trong kinh Phật nói chẳng biết đời quá-khứ thầy gọi là vô-minh. Tại sao chỉ nói ngã-tâm ấy?

Đáp: Với trong quá-khứ này thầy vì nhiều người sai lầm, nên mới nói trong ấy chẳng biết gọi là vô-minh. Lại trong kinh giải thích nghĩa Minh là có chỗ hiểu biết mới gọi là minh. Biết những pháp gì? Là sắc ấm vô thường, như thật nói biết vô thường. Thọ, tưởng, hành thức các ấm vô thường, như thật biết vô thường. Cùng với Minh trái nhau gọi là vô-minh. Vậy thời bất minh “như thật” nên gọi vô-minh.

Hỏi: Nếu bất-minh như thật gọi vô-minh ấy. Gỗ đá thầy các pháp lẽ phải gọi vô-minh? Vì bất minh như-thật vậy.

Đáp: Chẳng phải vậy. Gỗ đá vô-tâm chẳng phân-biệt được đời quá-khứ thầy, vì vô-minh phân-biệt được nên chẳng đồng gỗ đá.

Hỏi: Vô-minh gọi là vô pháp, như người mắt chẳng thấy sắc không có pháp chẳng thấy. Vậy nên chỉ Minh không có, nên gọi là vô-minh, chứ không có pháp riêng vậy?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nếu không có vô-minh thời đối trong năm ấm vọng chấp có người, và trong ngôi đá sinh tướng là vàng bạc ấy, là gọi thứ gì? Vậy nên phải biết tính tà phân-biệt gọi là vô-minh, chứ chẳng phải vì mình không có mà gọi là vô-minh vậy. Lại từ vô-minh nhân-duyên mới có các hành thầy nối nhau mà sinh; nếu là vô pháp thời làm sao sinh được!

Hỏi: Nếu chẳng phải mình gọi là vô-minh ấy. Nay chỉ trừ minh, tất cả các pháp đều là vô-minh. Vậy nên chẳng vì một pháp gọi là vô-minh?

Đáp: Vô-minh này là nói trong tự tướng, chứ chẳng nói các pháp. Như nói bất thiện tức là nói thể bất thiện, chứ chẳng nói vô ký. Vô-minh cũng vậy. Tuy mang hình người, mà không có đức hạnh người, nên mới gọi chẳng phải người. Như vậy minh này tuy có phân-biệt mà chẳng năng thật biết nên mới gọi vô-minh. Gỗ đá chẳng phải vậy.

Hỏi: Nếu nói vô-sắc, vô đối, vô-lậu, vô-vị đều là các lỗi nói, tại sao vô-minh chẳng phải như thế?

Đáp: Hoặc có lý này, nhưng trong bất thiện thầy thời chẳng như vậy.

Hỏi: Có người nói chỉ bởi mình không có nên gọi vô-minh, như trong nhà không ánh sáng nên gọi là tối?

Đáp: Thế-gian có hai lối nói: Hoặc sáng không có nên nói là không sáng; hoặc sáng bậy cũng nói là không sáng. Sáng không có nên nói là không sáng ấy: Như thế gian nói mù chẳng thấy sắc, điếc chẳng nghe tiếng. Sáng bậy cũng nói là không sáng ấy: Như đêm thấy cây trụ sinh tưởng người; thấy người tưởng là cây trụ Lại người chẳng năng thật biết được như vậy nên gọi là chẳng biết. Lại tà-tâm gọi là phiền não; các hành nghiệp nhân-duyên này vì A-La-Hán đã dứt nên không có vô-minh làm nhân-duyên cho các hành. Nếu chẳng phải mình gọi vô-minh ấy. Nay A-La-Hán không minh trong Phật pháp, lẽ phải gọi vô-minh? Nếu có vô-minh thời chẳng phải A-La-Hán. Nên phải biết riêng có thể tính vô-minh tức là tà tâm vậy. Tà-tâm này là vô-minh phân ra tất cả phiền não. Tại vì sao? Vì tất cả phiền não đều là tà-hành vậy. Lại tất cả phiền não che khuất tâm người, đều là đui mù. Như nói tham-dục chẳng thấy pháp tham-dục chẳng thấy phước. Kẻ nang thọ tham này đều gọi là đui mù. Sân si cũng như vậy. Lại từ tất cả phiền não sinh các hành-nghiệp, nên trong kinh nói từ vô-minh sinh hành. Nên biết tất cả phiền não đều là vô-minh. Lại kẻ chẳng thấy “không” thường có vô-minh, vì bản vô-minh là nhân-duyên các hành. Lại vì tà-minh nên nói vô-minh. Kẻ thừa thấy “không” thường là tà-minh. Nên biết vô-minh phân ra tất cả phiền não.

Hỏi: Làm sao sinh vô-minh?

Đáp: Nếu nghe, nghĩ tà-nhân thời sinh vô-minh, như cho có đà-la-phiêu, có hữu-phân-giả, có tinh-thần, các pháp niệm niệm chẳng diệt, không có thân đời sau, tiếng tăm và Thần là thường, cỏ cây thảy có tâm; rồi muốn thành lập những tà-chấp như thế, thời sinh vô-minh. Hoặc do tà-nhân nên sinh vô-minh là: gặng-gũi bạn tà-ác, chăm nghe tà pháp, rồi nghĩ tà và làm tà. Vì bốn tà-nhân ấy nên sinh vô-minh. Lại nhân-duyên sinh các phiền não khác, đều là nhân sinh vô-minh. Lại do nhân vô-minh nên sinh vô-minh, như từ bắp sinh bắp, từ lúa sinh lúa. Như thế từ chấp của chúng-sinh, thời sinh vô-minh. Lại trong kinh nói: “Từ tà niệm nhân-duyên mà sinh vô-minh”. Tà niệm tức là biệt danh của vô-minh, nghĩa là thấy có người, trước tâm sinh người, sau nghĩ rõ ràng, nên gọi là vô-minh; hai trước sau này giúp nhau sinh nhau, như từ cây sinh trái, từ trái lại sinh cây.

Hỏi: Vô-minh có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả suy-não đều bởi vô-minh. Tại vì sao? Vì từ vô-minh sinh tham thảy các phiền não; từ phiền não khởi nghiệp bất thiện; từ nghiệp mới thọ thân. Nhân-duyên thọ thân, mới bị các thức suy-não. Như trong kinh nói: “Vô-minh che khuất

gút-ái trói buộc, chịu các hữu-thân”. Lại trong kinh Sur tử hửu nói:”Các lấy, đều do vô-minh làm gốc”. Lại nói kệ”

Có bao chỗ tội ác

Đời nay hoặc đời sau,

Đều vô-minh làm gốc,

Nên từ tham dụ khởi

Tất cả lỗi phiền não

Đều bởi vô-minh có,

Vì từ vô-minh sinh

Tất cả phiền não vậy.

Lại phàm phu vì vô-minh nên chịu thân ngũ-âm này là: Bất-tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã; kẻ Trí có đâu chịu các khổ này! Lại vì nhờ chính-tư-duy nên năng xả ngũ-âm, như trong kinh nói: “Nếu biết ngã tâm là tà điên-đảo, thời chẳng còn điên-đảo, thời chẳng còn sinh”. Nên biết bởi vô-minh nhân-duyên nên bị trói buộc. Minh nhân-duyên nên được giải thoát. Lại thế gian chúng-sinh vì vô-minh nên tham cầu chút khí vị mà chẳng thấy nhiều tội lỗi, như phù du tự gieo mình vào lửa, như cá nuốt mồi câu. Chúng-sinh cũng vậy, hiện tham chút khí-vị mà chẳng đoái nhiều tội lỗi ngày mai. Lại kinh điển ngoại đạo đã sinh tà kiến nói không có tội phước thấy, đều là vô-minh. Lại các kiến khởi nghiệp phần nhiều đọa địa ngục; tà-kiến đều bởi vô-minh mà sinh. Lại Đức Phật là đấng Thế-Tôn, là bậc Nhất-Thiết-Trí là vị Đại-sur ba cõi, là kẻ Chân-Tịnh tu hành và các Thánh Đệ-Tử thấy. Mà các bọn ngoại đạo chẳng phân-biệt được, như viên ngọc châu bảo bị đưa mù bỏ-xa. Đấy đều là lỗi vô-minh vậy. Lại tất cả chúng-sinh có bao việc suy-não bại hoại thấy, đều bởi vô-minh; có tất cả lợi ích thành tựu tăng trưởng đều nhờ minh-mẫn. Nếu tăng trưởng vô-minh rất ráo quyết đọa a-tì địa ngục. Như kiếp sơ con người chẳng biết khí vị là hư vọng, mới sinh tham-đắm, nên mất sắc-lực thọ mạng các thọ mạng các việc tốt thấy. Nên phải biết đều bởi vô-minh mà bỏ mất các điều lợi. Lại vô-minh này duy chân trí mới dứt được, chứ tham thấy bất lực. Lại trong tâm tham không có tham, mà vô-minh có mặt trong tất cả tâm; và những người chẳng tu huệ là vô-minh thường ở trong tâm. Lại trong các phiền não vô-minh rất mạnh, như trong kinh nói vô-minh tội nặng cũng khó giải trừ.

Lại vô-minh là cội rễ của mười hai Nhân-duyên, nếu không có vô-minh thì các nghiệp chẳng nhóm chẳng thành. Tại vì sao biết được. Các vị A-La-Hán không có tướng chúng-sinh, vì không vô-minh nên các nghiệp chẳng năng nhóm thành. Nghiệp chẳng nhóm nên Thức thấy các chi phần chẳng sinh lại được. Nên mới biết vô-minh là gốc của các khổ. Lại hiện thấy tham đắm thân bất-tịnh này cũng đối với trong vô thường sinh tướng là thường, in như nắm tay không để đổi trẻ nít; cũng như huyễn sư năng hiện trò huyễn để gạt người khiến họ thấy đất là vàng. Lại người tục nói: đũa ngu hiện có thể gia thêm tội mà cũng có thể dùng lời nói gạt. Thế-gian cũng vậy, mắt thấy bất tịnh mà để cho nó bị gạt. Lại các tâm pháp niệm niệm diệt hết, vì lấy tướng nên mới sinh. Sắc diệt hết rồi, vì si nên lấy tướng: với trong Thanh thấy cũng lại như vậy. Vậy nên khó mà giải trừ. Đây là lỗi vô-minh.

Hỏi: Người nhiều vô-minh có những tướng gì?

Đáp: Người này với chỗ đáng sợ chẳng sợ, chỗ đáng vui chẳng vui; ganh ghét người lành, ưa vui kẻ ác; ngược lấy ý người, thường ưa chống trái, chấp cứng việc bậy, thiếu lòng hổ trên, chẳng kẻ hiềm nghi; chẳng hay vui người, mình cũng khó vui, chẳng hay gần ai, ai cũng khó gần; ngu hể không hiểu, ưa mặc áp nhóp, ưa vào chỗ tối, và chỗ bất tịnh; tự cao tự đại, hay khinh dễ người chẳng cần đạo lý, tự khoe công đức; lỗi chẳng biết lỗi, lợi chẳng biết lợi; chẳng ưa sạch sẽ, cũng chẳng uy nghi; vụng về nói năng, thường hay hờn giận hờn; lấy trộm pháp người, mà sâu tham đắm; học tụng khó đắc, đắc rồi dễ mất; dẫu có sở đắc, chẳng giải nghĩa nổi; dẫu có giải nghĩa, thời giải bậy bạ. Những tướng như thế đều bởi vô-minh. Nên biết vô-minh có vô lượng tội lỗi, vậy nên phải dứt.

Hỏi: Làm sao dứt được?

Đáp: Khéo tu chân trí thời nó dứt mất.

Hỏi: Biết âm giới thủy cũng gọi là chân trí. Tại sao trong kinh nói thuốc vô-minh là, hoặc nhân-duyên, hoặc quán nhân-duyên?

Đáp: Các bọn ngoại đạo đối với nhân trong sự vật hiểu lầm; vì hiểu lầm trong nhân, nên nói Trời Tự-Tại thấy tạo ra thế-gian. Vì lầm nhân trong sự vật, nên mới nói có đà-la-phiêu có hữu phần thủy. Quán pháp nhân-duyên, thời hay sai lầm này dứt.

Hỏi: Nhân duyên gọi là thuốc trị vô-minh. Tại sao nói hai thứ?

Đáp: Vì muốn thu nhiếp hết các trí. Nếu quán âm, giới, nhập thủy cũng phá được vô-minh. Nhưng nặng nhất là vô-minh nên gọi tà-kiến. Tà-kiến nhờ nhân-duyên mới dứt, nên nói hai thứ. Tham san cũng như thế. Lại thế-gian đối với danh-tự

trong bình thấy sai lầm: như nghe tên cái bình thời sinh nghi: Tức sắc thấy là bình hay là rời sắc thấy lại riêng có bình? Như vậy nghi tức ngũ âm là người hay rời ngũ âm lại riêng có người? Nếu tâm quyết định thời đọa hai bên nghĩ là Đoạn và Thường. Thân tức là Thần, hay thân khác Thần khác cũng như vậy. Nếu người biết bình do các duyên sinh, nhân sắc, hương, vị, xúc mà thành. Như vậy sắc thấy các âm là người; có thể hiểu như thế thời năng bỏ là “bởi danh-tự sinh ngu si” Danh tự này năng che khuất thật nghĩa các pháp, như trong kinh Thiên-Văn nói: “Danh thặng tất cả pháp, không có gì hơn được”. Do một pháp danh tự này tất cả các pháp đều tùy theo. Lại nói: “Thấy thế-gian Tập thời dứt được chấp không thấy thế-gian Diệt thời dứt được chấp có”. Lại nói: “Vì các hành nối nhau luôn nên mới nói ngũ-âm sinh tử”. Đây đều là tội lỗi vô-minh, quán Nhân-duyên thời dứt. Lại trong kinh nói “Nếu người thấy Nhân-duyên là người ấy tức đã thấy pháp”. Nếu thấy Pháp tức là thấy Phật. Như vậy nếu người năng dứt do-danh sinh-si, là người này mới thật thấy Phật, chẳng theo ai học. Vậy nên phải nhờ chính-trí thời hết vô-minh. Vì chính nhờ biết pháp nhân-duyên nên mới năng được chính-trí. Lại được nói tám muôn bốn ngàn trong pháp-tạng có bao nhiêu trí-huệ đều để diệt trừ vô-minh vì vô-minh làm cội rễ tất cả phiền não và giúp cho tất cả phiền não. Nhân-duyên như vậy thời dứt được vô-minh.

PHẨM KIÊU-MẠN THỨ 128

Hỏi: Đã nói ba phiền não là cội rễ sinh tử. Lại còn có gì nữa không?

Đáp: Có. Gọi là khinh-mạn.

Hỏi: Khinh-mạn là thế nào?

Đáp: Do tà-tâm tự cao gọi là mạn. Mạn này có nhiều thứ: như mình ở bậc thấp mà tự cao thì gọi là mạn. Ở bậc ngang mà chấp bậc ngang cũng gọi là mạn, vì trong ấy chấp tướng tà tâm ta hơn vậy. Ở ngang hàng mà tự cho cao hơn gọi là đại-mạn. Ở bậc hơn mà tự-cao gọi là mạn mạn. Đối với trong ngũ-âm chấp lấy ngã-tướng, gọi là ngã-mạn. Ngã-mạn có hai thứ: thị-hiện tướng và bất thị-hiện tướng. Thị hiện tướng là ngã-mạn của phàm phu: nghĩa là chấp sắc là ngã; hay chấp hữu-sắc là ngã; chấp sắc trong ngã; chấp ngã trong sắc. Cho đến Thức cũng như vậy. Vì hiện ra hai mươi phần này nên gọi là thị-hiện tướng. Bất thị-hiện-tướng là; Kế học-nhân ngã-mạn, như trưởng-lão Sai-Ma-Già nói: “Chẳng nói sắc là ngã, chẳng nói thọ, tướng, hành, thức là ngã; chỉ trong ngũ-âm có: ngã-mạn, ngã-dục, ngã-sử”. Chưa dứt hết gọi là ngã-mạn. Nếu chưa được các quả công-đức Tu-Đà-Hoàn thấy, mà tự cho là đã được, gọi là Tăng-thượng-mạn.

Hỏi: Tăng-thượng-mạn có những lỗi gì?

Đáp: Về sau sẽ lo buồn. Như trong kinh nói: “Nếu Tỳ-kheo nói ta dứt nghi được Đạo, liền phải hiện tiền thuyết nhân-duyên thắm sâu và pháp xuất thế-gian. Nếu Tỳ-kheo này thật chẳng được Đạo, khi nghe pháp ấy thời sinh hối nã”. Vậy nên phải siêng dứt tăng-thượng-mạn này. Lại người tăng-thượng-mạn, các Đức Phật Thế-Tôn có tâm Đại Từ-Bi hãy còn bỏ xa chẳng vì nói pháp. Vậy nên phải dứt. Lại người tăng-thượng-mạn, vì trụ ở trong pháp tà kiến, nên không có thật công-đức, in như kẻ buôn ngọc đi sâu vào trong biển-cả, mà tham thứ ngọc giả ngụy châu. Người này cũng vậy, vào trong biển cả Phật pháp, được chút vui Thiền, bảo là chân Đạo mà sinh tham đắm. Lại người tăng-thượng-mạn, khi về tuổi già sắp chết chẳng kham thọ Đạo. Nên phải siêng cầu chân thật trí-huệ. Lại người tăng-thượng-mạn tự mất lợi ích mà tăng thêm ngu si, vì thật chưa được mà tưởng cho là được vậy. Vì vậy mà chẳng nên tự dối gạt lấy mình, phải xa tránh bỏ lia. Nếu người đại-thắng mà cho là chẳng bằng chút, gọi là bất như mạn. Người này tự cao và tự hạ mình xuống. Nếu người không đức mà tự-cao gọi là tà-mạn. Lại lấy ác pháp tự cao cũng gọi là tà-mạn. Nếu đối với người lành và bực đáng trọng, mà chẳng chịu lễ-kính gọi là ngạo mạn. Những tướng như thế gọi là kiêu-mạn.

Hỏi: Làm sao sinh mạn?

Đáp: Vì chẳng biết thật tướng các âm và sinh kiêu mạn. Như trong kinh nói: “Nếu người dùng vô thường sắc và tự nghĩ: Là thượng, là trung, là hạ?” Chính vì người ấy chẳng biết như thật tướng vậy – Cho nên Thức cũng như thế. Nếu biết âm tướng thời không kiêu mạn, như trâu ý đôi sừng nên sinh bạo mạn, nếu trừ đôi sừng thời chẳng còn gì mà bạo. Thân là bất tịnh, chín lỗ chảy nhớt, có đâu kẻ Trí ý đó mà tự cao! Nhờ những nhân-duyên niệm thân như vậy, thời không kiêu mạn. Lại kẻ Trí biết tất cả chúng-sinh hoặc nghèo hoặc giàu, hoặc sang hoặc hèn, đều lấy xương thịt gân mạch, năm tạng, phần ướp lại mà thành thân; đều có sinh-lão-bệnh-tử buồn rầu khổ não; cũng có tham sân thấy các phiền não, tội phước thấy các nghiệp, và địa ngục thấy các phần ác-đạo. Làm sao mà khởi kiêu mạn. Lại thấy nội ngoại tâm do nhân nguyên sinh, đều niệm niệm diệt, thời không kiêu mạn. Tại vì sao? Vì chạy theo tướng nên sinh kiêu mạn, nếu không có tướng khởi mạn chỗ nào? Lại kẻ trí huệ, như thật có giới các công-đức, thời chẳng sinh mạn. Tại vì sao? Vì giới thấy các công đức đều vì để làm tiêu hết các phiền não này vậy. Nếu không công đức, có đâu kẻ-trí, với trong việc không có, mà khởi kiêu mạn. Lại quán tướng vô thường thấy thời diệt kiêu mạn. Có đâu kẻ trí, lấy vật vô thường khô, bất tịnh mà sinh kiêu-mạn?

Hỏi: Kiêu-mạn có những lỗi gì?

Đáp: Từ kiêu-mạn có thân, từ thân sinh tất cả khổ. Như trong kinh Phật nói: “Nếu đệ-tử Ta kẻ nào chẳng năng như-thật biết tướng kiêu mạn, thời Ta thọ-ký cho sẽ sinh về chỗ nào đó, vì còn thừa kiêu mạn chẳng dứt vậy”. Lại tất cả phiền não đều tùy theo mà lấy tướng ngã là tướng lớn nhất trong các tướng. Nên biết là từ mạn có thân. Lại kiêu-mạn tức là si-phần. Tại vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo là ta năng thấy. Lại kiêu-mạn này sinh chẳng cần đạo-lý. Tại vì sao? Vì tất cả thế-gian đều vô thường, khổ, vô-ngã làm sao bởi đó mà sinh kiêu-mạn. Vậy nên đối với tham sân si rất không có đạo-lý. Lại từ mạn khởi nghiệp vừa nhậm vừa nặng, vì tham đắm sâu sắc, mà từ tham khởi nghiệp chẳng được như vậy. Lại vì sức mạnh kiêu-mạn nên tham thấy mới hùng thịnh: tức tham này được dòng dõi thấy thời kiêu-mạn thêm lớn hùng thịnh. Lại nhân-duyên ngã-mạn bị sinh vào nhà thấp hèn cũng sinh trong loài sư-tử hổ-lang. Do nhân-duyên này mà đọa địa ngục. Kêu mạn có những tội lỗi như thế nhiều vô lượng..

Hỏi: Tướng thế nào gọi là nhiều kiêu-mạn?

Đáp: Người ấy chỗ chấp bền chắc khó mà nói chuyện với họ: Không lòng cung-kính, ưa hoành-hành tự-đại, tự-đại khó dạy, ít khi sợ hãi, có được chút ít tự cho là nhiều, ưa khinh dễ người. Những lỗi này rất khó trừ. Cho nên kẻ có Trí rất chẳng nên phạm kiêu-mạn

PHẨM NGHI THỨ 129

Luận giả nói nghi là đối với trong thật pháp tâm chẳng quyết định bảo: Có giải thoát hay không giải thoát ư? Có lành chẳng lành hay không ư? Có Tam-bảo hay không ư? Đấy gọi là nghi.

Hỏi: Như thấy cây trụ sinh nghi là cây hay người? Thấy cục đất sinh nghi là cục đất hay chim cáp? Thấy tổ ong sinh nghi là tổ ong hay quả diêm phù? Thấy rắn sinh nghi là rắn hay khúc dây? Thấy dã mà sinh nghi là ánh sáng hay nước? Những nghi như vậy nhân nhãn thức mà sinh. Nghe tiếng sinh nghi là tiếng chim công hay người nhái? Ngửi nghe mùi sinh nghi là thơm hoa ưu-bát hay thơm hòa hợp? Nếm vị sinh nghi là vị thịt hay vị giống như thịt? Chạm xúc sinh nghi là lụa dây hay lụa chín? Ý thức thời nhiều thứ sinh nghi: như nghi pháp này có đà-la-phiêu hay chỉ cầu-na? Có thân hay không có thân. Những nghi như thế, phải là nghi chăng?

Đáp: Nếu cây trụ, người thấy sinh nghi thời chẳng phải phiền não, vì đấy không thể làm nhân-duyên cho thân sau; lại vì người lậu tận cũng khởi nghi ấy vậy.

Hỏi: Nghi ấy làm sao sinh?

Đáp: Như thấy nghe biết hai món pháp, nên sinh nghi. Tại vì sao? Vì trước thấy hai vật đứng: một cây hai người; sau mới xa thấy người với vật ngang nhau thời sinh nghi là cây hay là người? Đất thấy cũng như thế. Hai món nghe: như nghe nói có tội phước đời sau, cũng nghe nói không có, vậy nên sinh nghi. Hai món biết: như trời mưa lớn nên nương rãnh nhảy nước; hoặc khi đắp đập, nước nương cũng nhảy tràn; như trời muốn mưa kiên tha trúng di-cư, hoặc người đào giếng cũng mang trứng tránh đi. Như chim công kêu người có thể nhái được. thật sự khá thấy như cái bình; chẳng thật sự cũng khá thấy như vòng lửa quay tròn; thật sự chẳng khá thấy như rễ cây dưới đất và nước; chẳng phải sự thật cũng chẳng khá thấy như cái đầu thứ hai, cái tay thứ ba. Như thế thấy hai món pháp thấy, nghe, biết nên mới sinh nghi. Lại chẳng xét kỹ khi thấy nên sinh nghi, như thấy xa thấy tám nhân-duyên. Lại hai tin nên sinh nghi: Như có người nói có đời sau; lại có người nói không có. Tin cả hai người nên mới sinh nghi. Lại đối với trong việc ấy khả nghi, cho đến chẳng thấy tướng khác, vậy nên sinh nghi. Nếu thấy tướng khác thời không nghi.

Hỏi: Thấy tướng khác là thế nào?

Đáp: Thấy nghe biết quyết định thời không có nghi. Với trong Phật-pháp tùy khi đem thân chứng pháp thật-tướng mới rõ ráo không nghi. Như Bồ-tát khi ngồi chốn Đạo-tràng thuyết-pháp tinh-tấn, Bà-la-môn chứng được thâm pháp hiện-tiên các duyên thấy biết tiêu hết và xé rách lưới nghi tức thì. Lại nếu được trí-huệ có đạo-lý thời nghi này dứt, như kẻ trí nghe nói Hành làm nhân-duyên cho Thức, liền quyết định biết rõ vô-thỉ sinh tử như thế thấy.

Hỏi: Nghi có lỗi gì?

Đáp: Nếu kẻ đa nghi, tất cả sự nghiệp thế-gian và xuất thế-gian đều chẳng thành tựu được. Tại vì sao? Vì người nghi không thể khởi phát sự nghiệp gì cả, nếu phát khởi cũng yếu ớt, nên chẳng thành tựu. Lại trong kinh nói: “Nghi là gốc nảy mụn nơi tâm, giống như ruộng hoang nhiều gốc nảy mụn nên dị-thỏa kỳ-hoa cũng không sinh được, huống là các giống lúa nếp” Tâm cũng như vậy, vì rễ nghi phá hoại, nên đối với trong việc tà còn chẳng quyết định được, huống năng quyết định việc chính. Lại Đức Phật gọi nghi là nhóm tối. Nhóm tối có ba thứ: Nhóm tối quá-khứ, nhóm tối vị-lai, nhóm tối hiện-tại. Nhóm tối này sinh chỗ các ngã kiến. Lại người này dù được định tâm cũng là tà-định. Nếu lìa Phật-pháp thời không thể nói là kẻ chính-định được. Lại nhiều chúng-sinh hoài-nghi chí-tử, như nói A-Tra-già-la thấy là ngũ-thông tiên-nhân mà phải ôm nghi đến chết. Lại kẻ nghi này, nếu tu phước-đức thí thấy, hoặc không quả-báo, hoặc ít được báo. Tại vì sao? Vì các phước nghiệp này đều từ nơi tâm khởi. Mà tâm người này thường bị nghi làm đục vẩn, nên

không phước lành. Lại trong kinh nói: “Lòng nghi tu bố-thí là chịu quả-báo sinh ở chốn biên-địa”. Tại vì sao? Vì kẻ đa nghi này bất năng nhất tâm, tùy khi tay đưa cho, chẳng hay sinh các tâm cung-kính, nên được lĩnh chút quả-báo sinh ở chốn biên địa, như tiểu quốc-vương Ba-da-tuy thầy.

Hỏi: Không có nghi này đâu. Tại vì sao? Vì nghi là tâm-số-pháp, mà các tâm-số-pháp là niệm niệm sinh diệt. Nếu “thị” thì chẳng phải phi; nếu “phi” cũng chẳng phải thị. Vì trong nhất tâm chẳng được có thị lẫn phi. Vậy nên biết không có?

Đáp: Tôi chẳng nói trong niệm niệm có nghi. Tâm chẳng quyết định nối liền nhau gọi là nghi. Bây giờ tâm chẳng quyết định rõ ràng là cây trụ hay là người; tâm này nối liền nhau vì chẳng tin nên tâm vẫn đục. Cũng bởi tà kiến nên chẳng tin. Khi nghi hoặc có hoặc không. Chẳng tin này có hai thứ: Một từ nghi tâm sinh; hai từ tà kiến sinh là nặng. Tin cũng có hai thứ: một từ chính kiến sinh; hai từ nghe sinh. Từ chính kiến mà sinh thời tin bền chắc; từ nghe mà sinh thời sinh chẳng được như vậy.

Thành Thật luận hết quyển 10

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 11

PHẨM THÂN KIẾN THỨ 130

Ngã tâm trong ngũ âm gọi là thân-kiến. Vì thật không có ngã nên mới nói duyên lấy ngũ-âm. Ngũ-âm gọi là thân; với trong ấy thấy sinh, biết rồi chấp, gọi là thân kiến. Với trong không có ngã mà lấy tướng ngã, nên gọi là kiến-chấp.

Hỏi: Với trong ngũ-âm đặt hẳn danh tự là ngã đâu có lỗi gì? Như chiếc bình thầy các vật đều có tự tướng, trong ấy không lỗi, ngã cũng như vậy. Lại nếu nói lìa âm riêng có ngã, đấy mới là có lỗi?

Đáp: Tuy chẳng lìa âm nói ngã, đấy cũng có lỗi. Tại vì sao? Vì các bọn ngoại đạo nói ngã là thường, vì đời nay khởi nghiệp, đời sau chịu quả-báo vậy. Nếu nói như vậy ngũ-âm lẽ phải là thường. Lại nói ngã ấy vì ngã là một. Vậy thời ngũ-âm tức phải là một? Đây là có lỗi. Lại ngã tức là lỗi Tại vì sao? Vì ngã-tâm nên mới có

ngã-sở. Bởi có ngã-sở nên khởi ra tham sân thảy tất cả phiền não. Cho nên biết ngã-tâm là chỗ sinh phiền não. Lại người này tuy chẳng lìa ám nói ngã, vì lấy tướng ám nên chẳng tu không-ly. Vì chẳng tu không lý nên sinh phiền não. Do phiền não sinh nghiệp, do nghiệp sinh khổ. Như vậy sinh tử nối nhau luôn chẳng dứt. Lại người này vì chấp ngã nên không thể thô phân-biệt được thân đầu mắt tay chân huống chi năng phân biệt được các âm, vì đã thọ ngã làm một, ngã là thường vậy. Nên chẳng phân-biệt được thời làm sao năng vào không-ly? Lại nếu chấp-ngã thời sợ Nê-Hoàn, vì cho ngã sẽ không có vậy. Như trong kinh nói: “Phàm phu nghe đạo lý “không vô ngã” sinh sợ hãi rất lớn, vì ngã sẽ không có nên đều không được gì hết”. Kẻ phàm phu mà như vậy thì cho đến tham cầu tâm thân con dã-can bị bệnh hủ, cũng chẳng dùng Nê-Hoàn. Nếu được không trí thời chẳng còn sợ gì. Như kinh Ưu-ba-tư-na nói: “Người thanh tịnh trì giới, khéo tu bát-thánh-đạo đến khi mạng chung lòng dạ vui mừng như phá vỡ đồ đựng chất độc”.

Nếu nói có ngã tức đọa tà-kiến. Nếu ngã là thường thời khổ vui chẳng biến đổi. Nếu chẳng biến thời không tội phước. Nếu ngã là vô thường, thời không có đời sau, tự nhiên giải thoát cũng không tội phước. Cho nên biết thân-kiến là tội nặng nhất vậy. Lại kẻ thân kiến gọi là rất si. Tất cả phàm phu đều bởi thân-kiến loạn-tâm sâu đắm hữu-ngã, nên bị qua lại sinh tử. Nếu thấy vô-ngã thời dứt qua lại.

Hỏi: Nếu ngũ âm là vô-ngã, tại sao chúng-sinh với trong ấy sinh ngã-tâm?

Đáp: Hoặc nghe danh tướng người trời trái gái, vì tưởng phân-biệt nên sinh ngã-tâm. Và cũng bởi phi-nhân tợ-nhân nên sinh ngã-tâm. Chỗ gọi nếu không có ngã ấy, ai chịu khổ vui, uy-nghi ngôn-ngữ, khởi nghiệp tội phước và chịu quả-báo thảy ư? Lại từ vô thủy sinh tử lâu nhóm ngã-tướng thành thói quen rồi bị nó sai khiến, như tướng cái bình thảy nên sinh ngã tâm. Lại vì với trong các thọ âm mà sinh ngã-tâm, chứ chẳng phải trong bất thọ vậy. Nghĩa là chỗ năng sinh ngã-tâm, vì trong ấy có ngã. Tại vì sao? Vì chẳng phải tất cả chỗ đều sinh được ngã-tâm vậy. Lại vì ngu si nên ninh ngã-tâm, in như người mù nhặt được sành đá thảy liền sinh tưởng là vàng ngọc. Lại người này chưa được không trí phân biệt vì si nên thấy có ngã, như trong những huyền, mộng, thành càn-thát-bà và vòng lửa quây tròn thảy mà sinh tưởng có thật.

Hỏi: Hiện thấy sắc thân tóc lông móng thảy các phần đều khác. Kẻ trí có sao cho đó là ngã?

Đáp: Có người thấy thân như hạt bắp, hạt cải thảy trụ ở trong tâm; Thần Bà-la-môn trắng; Thần Sát-Lợi vàng, Thầy Tỳ-Xá đỏ và thân của Thủ-đà-la đen. Lại trong sách Vĩ-đà nói: “Khi minh sơ, thân của các Đại-trượng-phu sắc như ánh sáng mặt

trời nếu người biết Thần này thời năng vượt qua sinh tử, lại không còn đường nào khác. Tiểu nhân thời thần nhỏ, đại-nhân thời thần lớn, trụ ở trong hang thân”. Lại người tọa-thiền được tướng quang minh, mới thấy Thần ở trong thân như sợi chỉ trong lòng hạt tịnh-châu. Những người chấp sắc như thế thấy là kẻ suy nghĩ cạn nói: thọ là ngã, vì trong cây đá thấy không có thọ, nên mới biết thọ tức là ngã. Kẻ suy nghĩ bực trung nói: Tướng là ngã, vì khổ vui tuy có lỗi, nhưng hãy có tướng ngã tâm vậy. Kẻ suy nghĩ kỹ nói: Hành là ngã, vì tướng cái bình thấy tuy có lỗi, nhưng còn có nghĩ ngã tâm vậy. Kẻ nghĩ kỹ càng sâu sắc hơn nói: Thức là ngã, vì biết, nghĩ cũng còn thô nghĩ này tuy có lỗi, nhưng còn có liễu biệt được ngã tâm vậy. Lại với trong ngũ-âm sinh ngã-tâm, người này chẳng năng phân biệt được thọ thấy các âm. Với trong sắc, tâm hòa hợp sinh ngã tướng; như với trong sắc thấy bốn pháp tổng sinh tư tướng cái bình, vì sắc thấy sai biệt nên có hai mươi phần thấy sắc là ngã. Tại vì sao? Vì sắc là pháp bị ngã rõ biết và là chỗ nương của thọ thấy; các thọ thấy này buộc ở nơi sắc. Vậy nên gọi là sắc là ngã. Có người thấy sắc ở trong thọ thấy, vì thọ thấy là pháp bất liễu-biệt vậy nên bị sắc nương dựa, như hư-không chẳng liễu-biệt nên bị đất thấy nương dựa. Như vậy hai mươi phần đều do mà sinh.

Hỏi: Tại sao trong mắt thấy chẳng nói ngã phần?

Đáp: Cũng có. Như trong kinh nói: “Nếu người nói mắt là ngã, thời chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì mắt là sinh diệt mắt là ngã, thời ngã cũng sinh diệt”. Lại mắt thấy đều có tướng riêng; nếu nói mắt là ngã, tai thấy chẳng phải ngã, thời là chẳng được. Nếu tai thấy là ngã thời một người có nhiều ngã. Vì trong sắc thấy có sai khác vậy, nên được nói sắc là ngã mà chẳng phải thọ thấy.

Hỏi: Nếu nói vô-ngã cũng là tà-kiến. Việc ấy thế nào?

Đáp: Có hai đế-lý: Nếu nói đệ-nhất-nghĩa-đế mà có ngã là bị tà-kiến; nếu nói thế-đế mà không ngã cũng bị tà-kiến. Nếu nói thế-đế nên có ngã, đệ-nhất-nghĩa-đế nên không ngã, thế nên chính-kiến. Lại đệ-nhất-nghĩa-đế nên nói không; thế-đế nên nói có, thời chẳng đọa kiến-trung. Lìa lời có, không như vậy đều thông. Như cọp tha con, nên mồm nặng con bị thương, mồm nhẹ con rơi mất. Như vậy nếu quyết định nói có ngã, thời đọa thân-kiến; quyết định nói không ngã, thời đọa tà-kiến. Lại thái quá và bất cập hai đều có lỗi: Nếu định nói không ngã, thế là thái quá; nếu định nói có ngã, thời là bất cập. Nên trong kinh nói: “Cần phải bỏ hai bên”. Nếu đệ-nhất-nghĩa-đế nên nói không; thế-đế nên nói có, gọi là bỏ hai bên đi giữa trung-đạo. Lại Phật-pháp là bất-khả tranh thắng. Nếu nói đệ-nhất-nghĩa-đế nên không, thời kẻ-trí chẳng hơn; nếu nói thế-đế nên có, thời phạm phu chẳng tranh. Lại Phật-pa là thanh tịnh trung-đạo phi-thường phi-đoạn. Đệ-nhất-nghĩa-đế không, nên phi thường, Thế-đế có nên phi đoạn.

Hỏi: nếu pháp đệ-nhất-nghĩa-đế nên không, lẽ phải là không hẳn, vì sao lại nói thế-đế nên có?

Đáp: Tất cả thế-gian có bao nhiêu lời nói là: Nghiệp và nghiệp báo, hoặc trói hoặc cởi mở thấy đều do si mà sinh. Tại vì sao? Vì ngũ-âm là trống không, như trò huyền, như ánh lửa nối nhau mà sinh vậy; vì muốn độ kẻ phàm phu, nên mới tùy thuận nói có, nếu chẳng nói vậy là phàm phu mê muội hoặc đọa vào đoạn diệt. Nếu chẳng nói các âm thời chẳng giáo hóa được, vì tội phước thấy nghiệp hoặc trói hoặc mở, đều chẳng thành lập được. Nếu phá được những lời si này thời tự năng vào được không lý. Bấy giờ không còn các tà-kiến. Vậy nên kế sau nói đệ-nhất-nghĩa-đế. Như ban đầu dạy quán thân để phá tướng nam nữ; kế đó lấy tóc lông móng thấy phân chia thân tướng chỉ có ngũ âm. Sau rút mới lấy không tướng để diệt tướng ngũ âm. Diệt tướng ngũ âm gọi là đệ-nhất-nghĩa-đế. Lại nếu nói thế-đế nên có, thời chẳng cần phải nói đệ-nhất-nghĩa không có. Lại trong kinh nói: “Nếu biết các pháp không có tự-thể tính, thời năng vào không lý”. Nên biết ngũ-âm cũng không có. Lại đệ-nhất-nghĩa không, trong kinh nói: “mắt thấy, vì đệ-nhất-nghĩa-đế nên không có; thế-đế nên có”. Trong kinh đại không nói: “Nếu nói đây là già chết hoặc nói người này già chết như ngoại đạo nói thân tứ là Thần. Hoặc nói thân khác Thần khác. Sự nghĩa là một, mà tên gọi khác”. Hoặc nói thân tức là Thần, thân khác Thần khác, là chẳng phải kẻ phạm hạnh. Nếu ngăn “người này già chết” tức nói vô ngã. Nếu ngăn “đây là già chết” tức phá lão tử, cho đến vô-minh. Cho nên biết trong đệ-nhất-nghĩa không có lão tử thấy. Nói sinh làm duyên cho lão tử, đều vì thế-đế nên mới nói, gọi là trung đạo. Lại trong kinh La-Đà nói: “Đức Phật bảo La-Đà rằng: Sắc tán hoại phá vỡ khiến diệt chẳng còn hiện, cho đến thức cũng như thế”. Như vách đá thấy, vì chẳng thật nên có thể phá khiến chẳng còn hiện. Các âm chẳng hiện cũng vì đệ-nhất-nghĩa nên không có. Tùy các âm tướng tồn tại thời ngã tâm rốt ráo chẳng đoạn, vì nhân-duyên chẳng diệt vậy; như cây tuy đã bị đốn chặt, đốt cháy, cho đến thành tro than, như tư-tướng cây hầy còn ám-ảnh. Nên tro than này bị gió thổi, nước trôi, tướng cây mới chịu diệt. Như vậy, nếu phá vỡ tán hoại diệt tướng ngũ-âm, bấy giờ mới gọi là không tướng cụ-túc. Lại trong kinh nói: “La-Đà người phá vỡ tán hoại, chia chẻ chúng-sinh, khiến chẳng hiện còn”. Trong kinh này nói ngũ-âm vô thường chúng-sinh trống không. Trong kinh trước nói ngũ-âm tán diệt ấy là pháp không.

PHẨM BIÊN KIẾN THỨ 131

Nếu các pháp hoặc đoạn hoặc thường, đây là biên-kiến, nghĩa là chấp chênh-lệch một bên. Có ông Luận-Sư nói: “nếu người nói ngã hoặc đoạn thường đây là biên-kiến, chứ chẳng phải tất cả pháp. Tại vì sao? Vì hiện thấy các vật bên ngoài có đoạn-diệt, nên trong kinh nói: “Thấy có, gọi là thường, thấy không, gọi là đoạn”.

Lại thân tức là Thần gọi là đoạn-kiến, thân khác Thần khác gọi là thường-kiến. Lại chết rồi bất tác gọi là đoạn-kiến; chết rồi tác lại gọi là thường-kiến; chết rồi cũng tác cũng bất-tác, trong ấy chỗ có tác-giả gọi là thường; chỗ-bất-tác-giả gọi là đoạn: phi-tác phi bất-tác cũng như vậy.

Hỏi: Điều thứ tư này chẳng nên gọi kiến chấp?

Đáp: Vì người này đối với trong thế-đế cũng không có Người và Pháp nên gọi là kiến-chấp. Thường, vô thường; biên, vô biên thấy bốn câu cũng như vậy. Lại trong kinh nói: “Sáu xúc nhập diệt hết, mà còn có cái “khác” tức là thường, không còn cái “khác” tức gọi đoạn. Lại nếu chấp ngã trước tác, sau sẽ tác nữa gọi là thường-kiến; chấp ngã trước chẳng tác, sau cũng chẳng tác nữa, gọi là đoạn kiến. Lại kinh tà-kiến nói: “Thân người có bảy phần: đất, nước, lửa, gió, khổ, vui, thọ-mạng; nếu khi chết, tứ-đại quy về gốc, căn quy về hư-không”. Lại nói: “Lấy dao búa giết chúng-sinh chứa thịt thành đồng, thời không tội sát-sinh, gọi là đoạn-kiến”. Và kinh Phạm-Võng nói đó là tướng đoạn-kiến. Nếu nói có kẻ tác-giả đời sau tức kẻ ấy là thọ-giả, gọi là thường-kiến.

Hỏi: Đoạn và thường-kiến sinh thế nào?

Đáp: Tùy theo bởi nhân-duyên nào đó nói: Chết rồi khởi trở lại nhân-duyên ấy nữa, nên mới sinh thường-biên-kiến. Tùy bởi nhân-duyên nào đó nói: chết rồi chẳng khởi nhân-duyên ấy nữa, nên sinh đoạn-diệt-kiến.

Hỏi: Kiến này làm sao dứt được?

Đáp: Chính nhờ tu tập không quán thời không có ngã-kiến. Vì không ngã-kiến nên không có chấp hai bên nữa. Như trong kinh Viêm-Ma già nói: “Nếu mỗi ám chẳng phải là người, thời hòa-hiệp lại cũng chẳng phải người, mà ly ra cũng chẳng phải người. Hiện tại như vậy chẳng khá được, làm sao mà nói A-La-Hán chết rồi bất tác?” Vậy nên biết người chẳng khá được. Vì người chẳng khá được nên ngã-kiến và đoạn-thường-kiến cũng không.

Lại thấy các pháp do nhiều duyên mà sinh, thời không chấp hai bên. Lại như nói: Thấy thế-gian nhóm, thời dứt chấp không; thấy thế-gian diệt, thời dứt chấp-có. Lại vì hành trung đạo, nên diệt cả hai bên. Tại vì sao? Vì thấy các pháp nối nhau sinh luôn, thời dứt đoạn-kiến; thấy niệm niệm diệt thời dứt thường-kiến. Lại nói ngũ-âm phi-tức âm là người, cũng phi-ly-âm là người. Cho nên biết chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì năng được thân khác nên chẳng được nói là một; vì đều là chúng-sinh nên chẳng được nói là khác. Lại ngũ âm nối nhau mới có chúng-sinh chết sống. Trong ấy chẳng được nói tức nơi đó; vì chỉ nối nhau luôn khác vậy;

cũng chẳng được nói khác, vì trong nối nhau kia có thể nói một vậy. Lại nói: Vì từ âm này đến âm khác nhau, nên chẳng được nói thường; do sức nhân-duyên nối nhau sinh nên chẳng được nói đoạn.

PHẨM TÀ KIẾN THỨ 132

Nếu thật có pháp mà sinh tâm cho là không đầy gọi tà-kiến. Như nói không có tứ đế, Tam-bảo thầy. Trong kinh nói: “Tà-kiến là: Không thí, không thờ, không đốt, không lành, không dữ, không có nghiệp-bất lành dữ; không đời nay, không đời sau; không cha mẹ; không chúng-sinh thọ sinh thế-gian; không A-La-Hán chính-hành chính-trí, và tự mình rõ thấu chứng đời này đời sau; biết ta sinh tử đã hết, phạm-hạnh đã thành, sở-tác đã xong. Từ thân này trở đi không còn thân nào khác. Thí: là vì lợi-tha nên mới cho; Thờ: là những lời lẽ trong sách Vĩ-Đà do Trời mà có nên phải thờ; Đốt: là ở trong miếu thờ Trời đốt vật hương tô thầy; Lành: là năng được ba món ái-quả nghiệp lành; Dữ: là được ba món nghiệp dữ chẳng ái-quả; Nghiệp-báo lành dữ: là lành dữ đời nay danh tiếng thầy và quả-báo đời sau thân Trời thầy. Đời nay: là hiện tại; Đời sau: là vị lai; Cha mẹ: là kẻ năng sinh; Chúng-sinh thọ sinh: là từ đời nay đến đời sau; A-La-Hán: là kẻ hết phiền não nghĩa là không có những việc mà gọi là tà-kiến. Lại chúng-sinh dơ sạch, có biết thầy, không biết thầy đều không nhân-duyên. Lại không sức không mạnh và quả-báo này thầy, gọi là tà-kiến. Như vô thường tướng là thường; khổ tướng là vui; bất-tịnh tướng là tịnh; vô-ngã, tướng là ngã; phi thắng, tướng là thắng; tịnh-đạo tướng là phi tịnh-đạo; phi tịnh-đạo, tướng là tịnh-đạo; trong không tướng có, trong có tướng không. Những tâm trái ngược như thế thầy, trong luận A-Tì-Đàm gọi là ngũ-kiến. Trong Phạm-Võng có sáu mươi hai kiến, đều gọi tà-kiến.

Hỏi: Tà-kiến này làm sao sinh?

Đáp: Bởi si nên sinh. Nhiễm đắm phi-nhân và tợ-nhân, nên mới sinh tà-kiến. Lại vì sau nhiễm đắm nhân vui nên bảo không khổ. Lại mất đạo-lý chân-không nên nói không khổ, vì cho không kẻ chịu khổ vậy. Như nói muôn vật trong thế-gian không nhân không duyên. Hoặc nói nhân nơi Trời Tự-Tại thầy chứ chẳng nhân nơi ái. Đầy gọi là không Tập. Tùy bởi nhân-duyên nào đó nói không Nê-Hoàn; hoặc nói Nê-Hoàn bằng một cách khác. Đầy gọi là không Diệt. Nếu không đạo Nê-Hoàn thời đến chỗ nào? Hoặc nói lại có đạo giải thoát khác là dứt tham thầy. Đầy gọi là vô-Đạo. Không Phật: là người này nói: các pháp nhiều vô-lượng mà làm sao một Người có thể biết hết được ư? Hoặc là nghĩ như vậy: Phật là bậc cao sang trong loài người, vì không người nào bằng, nên biết không Phật. Không hết phiền não, nên gọi không Pháp. Không kẻ chính-hành được Pháp này, nên gọi không Tăng. Bởi bố-thí chẳng được hiện-quả nên gọi không bố-thí. Lại có kinh sách nói không

bổ-thí. So sánh mà biết cũng chẳng quyết định: Thế-gian có kẻ ưa bổ-thí mà lại nghèo cùng; kẻ tham lam mà được giàu sang. Do những nguyên nhân này nên nói không thí không thờ, không đốt cũng như vậy.

Nếu đem lửa đốt vật thành tro, trong ấy có những quả gì? Không lành dữ, không nghiệp báo lành dữ: Như nói Thần là thường thời không lành dữ, Nếu Thần vô thường thời không đời sau: vì không đời sau nên không lành dữ, không nghiệp báo lành dữ. Không đời nay: là chia chẻ các pháp, chung qui đều không có gì cả. Không đời sau: là tùy bởi chết rồi chẳng tác nhân duyên nghĩa là không đời sau. Không cha mẹ: là cũng đem từng phần chia chẻ khiến cho tiêu hết. Lại nói như do cục phân sinh trùng, cục phân dĩ nhiên chẳng phải cha mẹ con trùng. Lại thân phần đầu thấy, chẳng phải tức thân phần cha mẹ. Lại các pháp niệm niệm diệt, thời lấy gì làm cha mẹ? Không chúng-sinh thọ sinh: là vì pháp chúng-sinh không có, nên đời nay hãy không, huống là năng thọ thân đời sau. Lại duy nghĩ mà nói: thời chúng-sinh này là thân này hay là chẳng phải thân này? Nếu là thân này, thời mắt thấy thân này chôn làm đất; đốt thành tro; trùng ăn là thành phân nên không thọ sinh. Nếu là chẳng phải thân này thời có hai thứ: hoặc tâm, hoặc lia tâm. Nếu là tâm, thời tâm pháp niệm niệm sinh diệt chẳng trụ, huống chi đến thân đời sau. Nếu lia tâm, thời chẳng chấp ngã; với trong tâm kẻ khác hãy chẳng chấp ngã, huống là chỗ vô tâm. Vậy nên không kẻ thọ sinh. Không A-La-Hán: là người này thấy mọi người đói cầu ăn, lạnh cầu ấm, nóng cầu mát, hủy hại thời giận, kính nuôi thời mừng, nên không kẻ hết phiền não được. Lại kinh sách hoặc nói không A-La-Hán, do đó vin lấy kinh này nên sinh tà-kiến. Dơ sạch thấy không nhân-duyên: là người này thấy pháp dơ tự nhiên mà sinh. Và có thứ dơ tự thể nó dơ, nên mới nói vô nhân. Biết thấy không biết thấy cũng như vậy. Không sức không mạnh: là tất cả chúng sinh đều nhờ nhân-duyên hoặc có người nói ông Trời Tự-Tại mới có sở tác. Lại thấy chúng-sinh thuộc nghiệp nhân-duyên chẳng phải ông Tự-Tại, nên nói không sức mạnh và quả-báo này. Vô thường tướng thường: là tùy đem nhân-duyên nào đó để phá niệm niệm diệt, nhờ nhân-duyên ấy nên sinh thường kiến. Lại nói các pháp khi diệt lại thành vi-trần; hoặc nói trở về bản-tính. Lại các pháp tuy diệt, vì nhớ tướng, nên có thể chịu khổ vui, mới sinh tướng là thường. Lại nói Thần là thường, âm thanh cũng thường. Vì những duyên có này nên sinh tướng thường. Khổ: là kẻ ưa vui tùy đem nhân-duyên nào đó, bảo là có vui như trong phẩm tam-thọ trước đã nói. Do nhân-duyên này, nên sinh tướng vui. Bất tịnh tướng tịnh: là vì nhiễm đấm thân, nên mắt thấy bất tịnh mà sinh tướng tịnh. Hoặc nghĩ như vậy: ta được nhân tướng thấy thân này chẳng tịnh, mà có chúng-sinh cho đó là tịnh. Do những nhân-duyên như thế nên sinh tướng tịnh. Vô-ngã tướng ngã: là thấy ám nói nhau sinh, mới nhận lấy một tướng cho đó là ngã. Lại như trước đã nói nhân duyên sinh thân kiến. Vì những nhân-duyên này, nên sinh tướng ngã. Chẳng hơn tướng hơn: là người này đối với trong các thầy ngoại đạo Phú-Lan-Na thầy mà sinh thắng hơn.

Lại Phạm-Vương tự nói: “Ta là Đại-Phạm-Thiên-Vương kẻ tạo ra muôn vật”. Như thế thấy. Có người nói: Nếu người hưởng vui ngũ dục đầy đủ, đây là pháp hơn hết. Lại nói, nếu người ly dục vào sơ-thiền cho đến tứ-thiền, đây là pháp rất hơn hết. Lại nói hiện thấy chúng-sinh trong thế-gian Bà-la-môn là cao cả, chứ chẳng phải hiện thấy trời trong chúng-sinh là cao tốt. Đây là chẳng hơn tưởng hơn. Hơn tưởng chẳng hơn: là trong tất cả chúng-sinh Phật là rất thù thắng, mà có người đối với Phật chẳng sinh tưởng hơn mà lại nói như thế này; là dòng sát-đế-lợi, lại là mới học Đạo không mấy ngày. Lại còn bảo: những lời trong Phật-pháp chẳng khéo đẹp, vẫn từ phiền phức trùng-điệp chẳng bằng sách Vi-Đà, đây chẳng gọi là hơn. Trong chúng Tăng có bốn hạng người, vậy nên chẳng hơn. Như thế thấy với trong hơn sinh tưởng chẳng hơn.

Trong phi tịnh-đạo tưởng tịnh-đạo: Như người nói lấy tro nước tẩy rửa người khiến cho trong sạch. Lại nói xong hết sinh tử gọi là thanh tịnh đạo. Lại chỉ tham đắm trì-giới, phạm hạnh, cúng dường Trời thấy. Cũng nói: Do Trời Tự-Tại nên được thanh tịnh. Hoặc nói tiêu hết bản nghiệp khổ hạnh, gọi là thanh tịnh. Lại mỗi khi muốn tắm rửa cho sạch phải đọc chú ngữ trong sách Vi-đà, nhiên hậu mới ăn uống, gọi là thanh tịnh đạo. Dùng các thứ tà đạo như thế thấy mà được giải thoát, chứ chẳng dùng bát-chính-đạo cho là thanh-tịnh-đạo. Trong có sinh tưởng không: Như trong pháp thế-đế có mà nói là không. Trong không sinh tưởng có: Như nói có đà-la-phiêu, có hữu-phần-giả, cũng nói có cầu-na số-lượng thấy cũng nói tổng tướng biệt tướng và chứa nhóm; cũng nói thế-tính thấy vô vật là có. Những nhân-duyên như thế thấy sinh tâm trái ngược, đều gọi là tà-kiến. Với trong tà-kiến này đặc-biệt bốn thứ kiến, thừa bao nhiêu điều nặng cũng đều gọi tà-kiến.

Hỏi: Tà-kiến này làm sao mà dứt?

Đáp: Trong kinh Phật nói chính kiến năng tiêu tà-kiến.

Hỏi: Làm sao sinh chính kiến?

Đáp: Như thấy, nghe, so sánh biết, chính quyết định là chính-kiến sinh. Lại khéo tu chính-định, thời sinh chính kiến. Như kinh nói nhiếp tâm năng như thật biết, chứ chẳng phân tán tâm vậy.

Hỏi: Tà-kiến này có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả tội lỗi suy não đều bởi tà-kiến. Vì người ấy bảo: Không tội phước và nghiệp-báo lành dữ. Nên hiện tại họ không có các việc lành đẹp hưởng là đời vị-lai. Người phá lành dữ như vậy gọi là dứt gốc lành! Quyết định sẽ đọa a-tì địa ngục, như trong A-tì-đàm-lục-túc nói giết người này tội nhẹ hơn giết loại trùng kiến. Lại

người tà-kiến này làm như nhóp côi đời, vì làm nhiều điều tổn giảm chúng-sinh nên lối sống của họ như cây độc-thọ sống làm náo hại vậy. Lại người này khởi ra nghiệp thân-khẩu-ý đều là ác báo. Như trong kinh nói: “Người tà-kiến khởi ra nghiệp thân khẩu ý, nguyện muốn nghĩ nhớ, đều là ác báo, như trồng giống bầu đắng, giống câu-xa độc, quyết hại giống cây chu-mạn-đà”. Trong ấy có bao địa, thủy, hỏa, phong chướng đều là vị đắng, vì trồng giống đắng vậy. Như vậy người tà-kiến các tâm-vương, các tâm-số-pháp, vì tà-kiến nên đều bị ác báo. Vậy nên người này dù có làm bố-thí thấy quyết không có quả-báo tốt, vì trước đã bị tâm tà-kiến làm hư hoại vậy. Người này gây ra những bất-thiện đều là thêm lên, vì chứa nhóm ác tâm đã lâu đời vậy. Lại nhờ giới-pháp mới có thể ngăn phi-pháp mà người này không có thiện ác nên không thể cấm kỵ họ được, nên rất là buông lung hoành hành những điều bất-thiện, quyết định phá vỡ hai pháp trong trắng là hổ với trên, nên cùng với loài súc-sinh không khác! lại nếu người nói không thiện ác, là trong tâm người ấy thường ôm bất thiện. Lại người này không có nhân-duyên năng thọ thiện-pháp. Tại vì sao? Vì người ấy chẳng hay gần-gũi người lành, chẳng nghe thiện-pháp ác tâm dễ khởi, thiện-tâm khó sinh. Vì dễ khởi ác nên không nhân-duyên thiện. Như vậy dồn chứa thời dứt mất thiện-căn. Lại người tà-kiến này gọi là ở chỗ nạn xứ, như chúng-sinh trong địa ngục chẳng kham đắc Đạo. Nếu người này, dù sinh ở trung-quốc, đầy đủ sáu căn, năng phân biệt tốt xấu, nhưng cũng chẳng kham đắc Đạo. Lại người tà-kiến này không ác nào chẳng gây, chẳng kiêng cử nhẹ nặng. Lại họ gây chút bất-thiện cũng đọa địa ngục, vì nặng tội tâm khởi nghiệp này vậy, như trong phẩm Nghiệp giải thích nghiệp địa ngục. Vì những nhân-duyên này mà người ấy gây ra nghiệp đều là địa ngục. Lại người này chẳng hay hết nghiệp tội ác, vì pháp bất-thiện thường ở trong tâm vậy. Lại người này lần-lữa trong địa ngục khó được giải thoát. Tại vì sao? Vì người dứt căn lành trong khi căn lành chưa nối nhau quyết chẳng ra khỏi địa ngục; lại vì người này tà-kiến ở luôn trong tâm, thời căn lành làm sao sinh nối nhau lại được? Lại người tà-kiến gọi là bất-khả-tri, in như bệnh nhân mà tướng chết đã xuất hiện, dù có vị lương y cũng không trị được! Người này cũng vậy, vì không còn chút lành vậy. Cho đến các Đức Phật cũng chẳng cứu được. Vậy nên quyết phải đọa A-tì địa ngục

PHẨM NHỊ-THỦ THỨ 133

Đôi với trong chẳng phải thật sự sinh tâm quyết định: Chỉ đây là sự-thật, kỳ dư đều là vọng-ngữ. Đây gọi là kiến-thủ. Và như trước đã nói trong pháp chẳng hơn mà quyết định sinh tưởng cho là hơn, cũng gọi kiến-thủ.

Hỏi: Kiến-thủ có những lỗi gì?

Đáp: Người này được ít công-đức, rồi cho là tự-mãn. Lại người này ủng nhọc công-phu. Tại vì sao? Vì người ấy với trong việc phi-thiện mà sinh tướng là diệu-thiện, rồi siêng năng tinh-tân bởi nhân-duyên này về sau tâm sinh ăn-năn. Lại người này bị kẻ trí chê cười, vì với trong chẳng hơn mà sinh tướng là hơn vậy. Lại nếu người chẳng hơn mà cho là hơn, là tướng ngu-si, in như kẻ mù đối với người sành ngói mà sinh tướng là vàng bạc, bị kẻ sáng mắt cười cho xấu hổ. Kiến-thủ có những lỗi như thế.

Như những người bỏ trí-huệ mà dùng giới tắm rửa tẩy mong được thanh-tịnh, gọi là giới-thủ.

Hỏi: Vậy thì chẳng cần giới mà được thanh-tịnh sao?

Đáp: Nhờ trí-huệ giới mới thanh-tịnh vì trí-huệ là căn-bản.

Hỏi: Giới-thủ có những lỗi gì?

Đáp: Thuyết ra lỗi kiến-thủ, và lấy việc tầm thường cho là mãn túc tẩy, đều là lỗi ấy. Lại nhân-duyên giới-thủ ủng chịu các khổ nghĩa là chịu lạnh nóng, nằm trên tro đất, gốc cây, chông gai tẩy; gieo mình xuống vực thẳm, nhảy vào lửa, tự nhào đầu xuống hồ sâu tẩy. Thì đời sau cũng chịu quả-báo khổ kịch liệt, Như trong kinh nói: “Trì giới trâu, nếu thành-tựu thời trở làm trâu, mà chẳng thành được thời đọa địa ngục”. Lại người này là hạng người từ tối vào tối, vì thọ pháp này đời hiện bị khổ, đời sau cũng khổ nữa. Lại người này bị tội rất nặng. Tại vì sao? Vì lấy phi pháp cho là pháp, rồi hủy hoại chân-pháp, và cũng bài báng những kẻ tu chính-pháp nữa, khiến nhiều chúng-sinh trái bỏ chân-tịnh-pháp, đọa trong vòng tội lỗi vậy. Vì chất chứa nhiều đại tội, nên bị quả-báo a-tì địa ngục. Thà chẳng tu còn hơn, chớ chẳng nên tu tà-đạo. Tại vì sao? Vì nếu từ trước chưa tu để khiến tu Đạo, chứ tu tà hư tâm, nên khó vào chính Đạo. Lại tuy là kẻ oán tặc chẳng hay khiến người suy não như sinh tà-kiến. Tại vì sao? Vì oán tặc chẳng hay làm ô uest người như chạy theo tà-kiến, chịu tu các tà giới ngoại đạo: Trần hình không hổ, xoa tro đất lên mình và nhổ tóc tẩy vậy. Lại người tà-kiến đều mất tẩy lợi vui thế-gian: hiện tại mất vui ngũ dục; vị lai mất vui sinh về cõi lành và vui Nê-Hoàn, nếu người cầu vui mà bị khổ, cầu giải thoát mà bị trói buộc, thì chẳng gọi là cuồng ư! Tại vì sao? Vì nhân-duyên thí một bữa ăn còn khá được sinh lên trời. Mà người này tu tà hạnh dù cho thí cả thân mạng vẫn không lợi ích gì!

PHẨM TÙY PHIÊN-NĂO THỨ 134

Tâm nặng nề muốn nhắm mắt gọi là nghi. Tâm nhiếp liả thức tỉnh gọi là ngủ. Tâm tản duyên các trần gọi là trạo động. Tâm ôm gút lo gọi là ăn năn, chỗ gọi chẳng

nên làm mà làm, nên làm mà chẳng làm. Tâm chiều uốn giả-dối lành gọi là khúc. Tâm dua dọc cầu thành sự gọi là gạt. Tự tác ác chẳng biết xấu gọi là không trên. Làm bậy giữa công chúng chẳng biết xấu chẳng e ngại gọi là không hổ. Tâm chạy theo bất thiện gọi là phóng-dật. Thật không công đức mà tỏ muốn khiến người ta nhận có gọi là trá. Hiện tướng kỳ lạ vì cầu lợi dưỡng, dùng lợi-khẩu làm cho đẹp lòng người gọi là tham-dục. Vì muốn được vật của người, nên hiện tướng muốn được, như nói vật này tốt lắm, gọi là hiện tướng. Nếu vì muốn hủy nhục người này, nên ngợi khen người kia, như nói: “Thân phụ của người tịnh-tiến, người chẳng bằng vậy”, gọi là nói động mé. Nếu đem của thí đã được đề cầu của thí nữa, như nói: đây là vật thí do người nào đó mới cúng; những lối như thế gọi là dùng lợi để cầu lợi. Nếu người có bệnh ưa ngủ, gọi bệnh xung đầy mắt. Nếu được chỗ tốt đầy đủ nhân-duyên hành đạo, mà thường buồn rầu, gọi là bất hỷ. Nếu người hay uốn mình, thân chẳng điều thích, vì nhân-duyên ngủ nghỉ, gọi là uể oải. Nếu người chẳng biết điều hòa ăn uống nhiều ít, gọi là thực-bất-điều. Nếu bất kham tinh tiến, gọi là thoái tâm. Nếu các vị tôn trưởng có lời dạy bảo, mà chẳng kính sợ, gọi là chẳng tôn kính. Ưa vui kẻ ác, gọi là ưa bạn ác. Những điều như thế gọi là tùy-phiền-não. Vì tùy-tòng mà sinh phiền não vậy.

PHẨM BẤT-THIỆN-CĂN THỨ 135

Ba bất-thiện-căn là tham, sân và si.

Hỏi: Những kiêu-mạn thấy lẽ cũng là bất-thiện-căn, tại sao chỉ nói ba món ấy ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều do ba phiền não này; còn mạn thấy cũng là si phần nên chẳng nói rộng. Lại ba món phiền não này phần nhiều ở trong tâm chúng-sinh, mạn thấy chẳng phải vậy. Lại tham là bất-thiện-căn của sân, vì trái với sở-tham thời tùy đó mà sinh sân. Còn si làm gốc cho cả hai. Tại vì sao? Vì nếu người không si thời chẳng tham sân. Lại trong kinh nói mười-bất-thiện-nghiệp có ba món do tham-sân-si mà sinh chứ chẳng nói do mạn thấy mà sinh. Lại chỉ có ba món thọ, chứ không có món thứ tư; trong ba thọ này bị ba phần phiền não kia sai khiến; nếu riêng có mạn thấy thời sai khiến ở trong món thọ nào? Việc này thật chẳng nói được. Nên phải biết ba món này là gốc gác các phiền não.

Hỏi: Tại sao trong lạc-thọ bị tham sai khiến?

Đáp: Vì hiện thấy ở trong ấy sinh. Như trong kinh nói: “Người được lạc-xúc sinh mừng, khổ-xúc chẳng mừng”. Người này với trong các thọ: tập, diệt, vị, quá và xuất vì chẳng như thật biết vậy, nên với trong thọ chẳng khổ chẳng vui, bị vô-minh-sử sai khiến. Tại vì sao? Vì người này bị buộc trong cõi vô-sắc các ám nói nhau, chẳng như thật biết, nên đối với trong ấy sinh tưởng tịch-diệt, hoặc tưởng

giải thoát, hoặc tưởng chẳng khổ chẳng vui, hoặc tưởng ngã. Vậy nên mới nói trong thọ chẳng khổ chẳng vui sinh si.

Hỏi: Các món sử này là ở trong pháp mà sai khiến, hay là ở trong chúng-sinh mà sai khiến?

Đáp: Nhân pháp mà sinh tâm chúng-sinh; tùy tâm chúng-sinh mà lãnh các món thọ; tùy các món thọ tham thấy các phiền não sai khiến. Nên biết nhân pháp sinh sử rồi sai khiến chúng-sinh. Tại sao biết được? Vì nếu chúng-sinh chưa dứt sử này thời bị nó sai khiến; trái lại là chẳng còn khiến nữa. Nếu như trong pháp mà sai khiến, thời pháp là thường có, lẽ ra phải thường sai khiến, vì thường chẳng nên dứt vậy. Lại phi chúng-sinh-số lẽ cũng có sai khiến. Nếu như vậy thời như vì người sai khiến thời cái vách thấy cũng có sai khiến; vì người biết nên vách thấy lẽ cũng có biết. Việc này thật không thể được. Lại như vậy thời không A-La-Hán, vì người khác có sử, nên mình cũng có sử.

Hỏi: Sử này chưa dứt thời sai khiến, mà dứt rồi chẳng khiến?

Đáp: Hai món sử: một cảnh duyên sử; hai tương-ung sử. Sử này hoặc dứt, hoặc chẳng dứt, tức là cảnh duyên và tương-ung; tại sao nói dứt thời chẳng khiến? Nếu như vậy, lẽ phải nói tướng sử thứ ba? Vì không thể nói được, nên phải biết không có vậy. Lại sử năng duyên cõi khác mà chẳng sai khiến, nên biết chỉ sai khiến trong chúng-sinh, chứ chẳng phải trong pháp vậy.

Hỏi: Hai món sử một cảnh duyên hai tương-ung. Các sử của chúng-sinh này, chẳng phải cảnh duyên, chẳng phải tương-ung, làm sao mà sai khiến được?

Đáp: Việc này trước đã đáp: Các sử nhân pháp mà sinh và sai khiến chúng-sinh. Như trong A-tì-đàm thân-trung nói: “Chúng-sinh cõi Dục có bao nhiêu món sử sử thấy?”. Nếu chẳng sai khiến chúng-sinh làm sao có những câu hỏi như thế?

Hỏi: Nếu sử nó sử chúng-sinh, trong kinh lại nói trong lạc-thọ tham sử, thời trái nhau?

Đáp: Đây là lời nói bất-tận. Nên phải nói đủ là: trong lạc-thọ sinh tham rồi sai khiến chúng-sinh.

Hỏi: Tham này cũng nhân sắc thấy mà sinh, cứ sao trong ấy chỉ nói nhân lạc-thọ mà sinh?

Đáp: Bởi nghĩ nhớ phân-biệt vui mừng thấy, nên tham mới sinh, chứ chẳng phải chỉ do sắc thấy mà sinh.

Hỏi: Nhân khổ-thọ cũng sinh tham, như nói kẻ vui chẳng cầu, kẻ khổ nhiều cầu. Cớ sao chỉ nói do lạc-thọ sinh?

Đáp: Chẳng vì khổ thọ nên sinh tham. Người này bị khổ làm bức ngặt, nên với trong lạc-thọ sinh tham.

Hỏi: Trong bất-khổ bất-lạc-thọ, cũng bị tham-sử sai khiến, cớ sao chỉ nói trong lạc-thọ?

Đáp: Người này cho bất-khổ bất-lạc-thọ là vui nên sinh tham, cho nên nói trong lạc-thọ tham sai khiến, vì trong ba món thọ này ba phiền não sai khiến, nên chỉ nói có ba.

Thành Thật luận hết quyển 11

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 12

PHẨM TẠP PHIÊN-NÃO THỨ 136

Hỏi: Trong kinh nói ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô-minh lậu. Các lậu thứ nào là thế nào?

Đáp: Trong cõi Dục trừ vô-minh, còn tất cả phiền-não là Dục-lậu. Cõi Sắc và Vô sắc hữu lậu cũng như thế. Vô-minh trong ba cõi gọi là vô-minh-lậu.

Hỏi: Các lậu tăng trưởng thế nào?

Đáp: Vì pháp từ hạ, trung, thượng lần lửa tăng-trưởng. Lại được sắc thấy thắng duyên, nên các lậu tăng trưởng.

Hỏi: Ba lậu này tại sao nói bảy lậu?

Đáp: Thật lậu có hai thứ: Thấy Đạo-ly mà dứt là các lậu căn-bản; suy nghĩ mà dứt là quả của các lậu. Năm nhân-duyên giúp cho lậu hợp lại thành bảy, tức là phiền-não. Đức Phật tùy theo nghĩa nên nói: ba lậu, bốn lưu, bốn phược, bốn thủ, bốn kiết thảy.

Hỏi: Bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô-minh-lưu. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Trừ-kiến và vô-minh, còn tất cả phiền-não cõi Dục, gọi là Dục lưu. Hữu-lưu cõi Sắc và Vô-sắc cũng như thế. Các món kiến gọi là kiến-lưu, vô-minh gọi là vô-minh-lưu.

Hỏi: Trong lưu, có sao riêng nói Kiến-lưu, mà trong Lậu chẳng nói?

Đáp: Ngoại đạo phần nhiều bị kiến-chấp làm trôi nổi, vậy nên trong Lưu riêng nói. Vì hay nổi chìm nên gọi là Lưu; vì hay trôi buộc ba cõi nên gọi là phược.

Hỏi: Bốn thủ: dục-thủ, kiến-thủ, giới-thủ, và ngã-ngữ-thủ. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Vì vô-ngã nên chỉ lấy lời nói gọi là ngã ngữ thủ. Nếu người có ngã kiến, tức sinh chấp hai bên, là ngã hoặc thường hoặc vô thường. Nếu quyết định nói vô thường thời tham lấy ngũ-dục, vì cho không có đời sau nên đắm nhiễm vui hiện tại. Nếu quyết định nói thường, kẻ độn căn thời lấy trì giới mong được vui đời sau; kẻ có chút lợi-căn thời nghĩ như vậy: “Nếu Thần là thường thời khổ vui không biến đổi”. Vì cho không tội phược nên mới sinh tà-kiến. Như thế chỉ bởi ngã ngữ mà sinh bốn món thủ.

Hỏi: Bốn kiết: Tham ganh thân kiết, giận giữ thậ kiết, giới thủ thân kiết, và tham trước lấy đây là thật thân kiết. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Tham lán vật của kẻ khác mà họ chẳng cho thời sinh tâm giận dữ, mới dùng e đến roi gậy thảy, đây là cội rễ đấu tranh của người tại gia; cũng gọi là tùy-lạc-biên, tức theo bên vui. Nếu người trì giới muốn giới này được thanh tịnh nên bảo: đây là thật, kỳ dư là vọng ngữ, Kiến chấp này thùy theo. Đây là cội rễ tranh cãi của người xuất gia; cũng gọi là tùy-khổ-biên, tức theo bên khổ. Ngũ-âm gọi là thân. Bốn món kiết này cần phải thân khẩu mới thành, nên gọi là thân kiết. Lại có người nói bốn pháp này năng trôi buộc sinh tử nên gọi là kiết.

Hỏi: Năm món che: tham dục, giận dữ, ngủ nghỉ, trạo-hối và nghi, việc ấy thế nào?

Đáp: Người tham đắc các món dục, nên giận dữ bám theo. Như trong kinh nói: “Do ái sinh giận dữ và ganh ghét thảy các phiền-não; roi gậy thảy các nghiệp, đều

bởi tham-dục mới sinh”. Người này thân và tâm bị tham giận làm hư hoại. Nhiều việc mệt nhọc thời muốn ngủ nghỉ; người này mới ngủ nghỉ một chút thời tham giận lại đến nữa làm tán loạn nơi tâm. Tâm chẳng được thiên-định, nên chạy rong theo cảnh ngoài, nên mới sinh trạo-hí. Người mà nghiệp bất-tịnh thời tâm thường lo lắng ăn-năn. Vì tán tâm và hối tâm nên tâm thường sinh nghi ngờ: Có giải-thoát hay chăng? Như Vương-Tử bảo A-Di-La-Việt Sa-di.

Hỏi: Sao gọi là che?

Đáp: Tham dục, giận dữ hay che khuất Giới-phẩm. Trạo hối hay che Định-phẩm. Ngủ nghỉ hay che Huệ-phẩm. Có người vì muốn trừ che này nên nói đây là thiện, đây là bất thiện. Người ấy với trong đó sinh nghi là có hay là không? Nghi này thành tựu năng che ba Phẩm trên. Vì sức mạnh của năm món này che khuất ba pháp kia, nên được độc đặc danh là Che. Có hai món che sức yếu, nên phải hợp hai pháp mới thành. Lại hai che này nhân-duyên cùng sinh, vậy nên hợp lại mà nói. Năm pháp nhân-duyên ngủ nghỉ: nặng mí mắt, chẳng vui, uôn mình, ăn chẳng điều, tâm lui chìm. Nhân-duyên: trạo hối bốn pháp: là biết bà con xóm làng, biết cõi nước, biết chẳng chết, và nghĩ nhớ việc giỡn vui nói cười đã trải qua, gọi là sinh nhân. Vì thuốc trị cũng đồng, nên ngủ nghỉ cũng cũng lấy Huệ làm thuốc; trạo hối lấy Định làm thuốc. Vì che khuất cũng đồng nên hai món hợp lại che. Năm pháp này hoặc là che hoặc chẳng phải che; bất-thiện-buộc về cõi dục gọi là che, kỳ dư chẳng gọi là che. Năm món kiết hạ-phần là tham dục, giận dữ, giới thủ. Vì đọa xuống nên gọi là hạ phần. Như tri-nguru-giới thành thời làm trâu, mà bất thành thời vào địa ngục. Nghi ngăn ngại ly-dục, thân kiến, bốn món căn bản, đây gọi là năm. Lại vì tham giận nên chẳng khỏi cõi Dục; thân kiến: chẳng ra khỏi chấp ngã-tâm; giới chẳng ra khỏi hạ pháp; nghi: chẳng ra khỏi phạm phư. Lại vì tham dục và giận dữ nên chẳng vượt khỏi cõi Dục. Nếu vượt quá bị kéo lại. Còn ba món kia chẳng vượt khỏi phạm phư, nên gọi là hạ phần. Năm món thượng phần là trạo hí phá hoại thiên-định, nên tâm chẳng tịch diệt. Trạo hí này tùy lấy tướng kiêu-mạn mới sinh; tâm lấy tướng này từ vô-minh mà sinh, nên mới có nhiễm cõi Sắc, nhiễm cõi Vô-sắc. Năm món kiết này bậc học nhân gọi nó là đi lên, nên gọi thượng phần. Năm món kiết này đối với trong tâm kẻ học nhân mà nói, chứ chẳng vì phạm phư.

Hỏi: Cớ sao trạo-hí ở trong cõi Sắc, vô-sắc mà nói là kiết, mà cõi Dục chẳng nói?

Đáp: Trong kia không có thô phiền-não, nên trạo-hí rõ rệt. Lại trạo-hí này có sức phá Định, nên gọi là kiết. Dứt được thượng-phần này thời được giải-thoát; và có người với trong cõi Sắc và Vô-sắc sinh tướng giải-thoát. Vì muốn ngăn lằm này, nên mới nói có thượng-phần kiết. Năm món Xan: trụ-xứ-xan, gia-xan, thí-xan, xung-tán-xan, và pháp xan. Trụ-xứ-xan: là chỉ mình ta ra vào chỗ này, chẳng cho

người khác. Gia-xan: là chỉ mình ta ra vào nhà này, chẳng cho ai cả; dầu có ai ở trong đây ta là hơn họ; Thí-xan: là ta ở trong đây độc-đắc của bố-thí, chẳng cho ai hết, dầu có ai nữa, đừng cho hơn ta.; Xung-tán-xan; là chỉ khen ngợi mình ta, đừng khen ai hết; dầu có khen ai cũng đừng hơn ta; Pháp xan: là chỉ độc nhất mình ta biết nghĩa mười hai bộ kinh, và biết sâu sắc nghĩa bí-mật mà chẳng nói cho ai hết.

Hỏi: Năm món xan tham này có những lỗi gì?

Đáp: Trụ-xú ấy thấy là cộng-hữu của nhiều người. Người này đã từng bỏ nhà mình, đến ở chỗ cộng-hữu lại sinh tâm keo rít bủn xỉn là tệ phiền-não. Lại người ấy đối với trong pháp giải-thoát trọn không có phần. Tại vì sao? Vì người ấy trong pháp cộng-hữu hãy còn chẳng xả được, huống chi năng xả được tự thân ngũ-âm ư? Lại người này sinh đọa ngã quý thấy các chỗ ác. Lại người này vì lợi dưỡng che tâm, thời kiêu-mạn, khinh dễ các người lành, nên đọa địa ngục. Lại vì phá-hoại kẻ khác bố-thí, nên dầu tái-đắc nhân-thân là bị nghèo cùng. Lại vì xan tâm làm dứt mất công đức kẻ thí, và vật thí kẻ thọ, nên bị trọng tội. Nếu xan lẫn pháp thì bị tội báo đui mù thấy, chỗ gọi mù từ trong bụng mẹ và sinh vào chỗ nhiều kẻ oán, chẳng được tự-tại; lại mất Thánh-thai, là kẻ oán tặc ba đời mười phương của các Đức Phật. Thường qua lại sinh tử làm kẻ ngu-si người lành tránh xa. Vì xa lìa người lành nên không điều ác nào cũng gây. Ác có ba thứ: ác ác, đại ác, và ác trong ác. Ác ác: là giết, trộm thấy. Đại ác là tự giết mình, cũng dạy người tự giết. Tự keo rít cũng dạy người rít. Ác trong ác là tự lẫn pháp cũng dạy người lẫn pháp.

Người này lẫn Pháp khiến nhiều người đọa vào ác. Cũng là diệt-Đạo Phật-Pháp. Như trong kinh nói trụ-xú-xan có năm lỗi: Vị thiện Tỳ-kheo chưa đến chẳng muốn đến; đã đến thời nhăn nhó chẳng vui; nghĩ muốn khiến đi; cất dấu thí vật của Tăng; các thí vật của chư Tăng sinh tâm ngã-sở. Gia-xan có năm: Vì tham đắm nhà cửa nên cộng đồng buồn vui với kẻ thế gian; dứt việc làm phước của kẻ thế-gian; dứt kẻ thọ giả được của thí; vì dứt hai điều này nên sinh làm con quỷ ở trong chuồng tiêu nhà ấy. Thí-xan có bốn lỗi: thường thiếu thốn vật nuôi sống, phá hoại lợi hại người, mắng nhiếc người lành, tâm thường ô m lo buồn. Khen-ngợi-xan-tham có năm lỗi: nghe khen người khác tâm thường vẩn-đục; trong trăm trăm ngàn đời thường không tịnh-tâm; hủy nhục người lành, tự cao thân mình; diềm thấp người ta; khiến thường mang tiếng xấu. Lại tất cả xan-tham chung có những lỗi này: chứa nhóm nhiều vật, sợ hãi đại chúng, ganh ghét nhiều người, tâm thường vẩn-đục, thân thường cô độc, sinh vào nhà nghèo hèn. Như thế nhiều vô lượng và tội lỗi năm món xan-tham. Năm món tâm trông: nghi Phật, nghi Pháp, nghi giới và nghi giáo hóa, hoặc có Tỳ-kheo được Phật và các vị Đại-nhân khen ngợi, người này liền đem ác-khẩu sàm-báng, châm-chích. Đây gọi là năm món. Nghi Phật: Khởi nghĩ như vậy: Phật là lớn hay Phú-Lan-Na thấy là lớn? Nghi pháp; Phật Pháp là hơn hay

giới kê-cầu thầy của ngoại đạo là hơn? Nghi giáo hóa: dạy phép đếm hơi thở thầy là năng đến Nê-Hoàn hay chăng? Sàm báng châm-chích; là đem tâm giận dữ không chút kính nể mà xâm hại người lành. Người này bị năm pháp ấy làm bại hoại tâm, chẳng kham trông các căn lành, nên mới gọi tâm trông.

Hỏi: Người ấy vì sao đối với Phật thầy sinh nghi?

Đáp: Người này bất năng đa văn, vậy nên sinh nghi. Nếu những kẻ đa-văn thời nghi ngờ mỏng ít. Và người này ngu-si vô-tri chẳng biết phân biệt Phật-pháp và dị pháp, vậy nên sinh nghi. Lại người này đối với Phật-Pháp, chẳng năng được ý-vị, vậy nên sinh nghi. Lại chẳng học chẳng đọc các sách Vi-đà mà chỉ nghe người khen ngợi rồi sinh tâm quý-trọng. Lại người này đời đời tà-nghi nặng nề, vì tâm thường vẩn-đục nên đối với Phật thầy sinh nghi, như kẻ thị giả của Đức Phật tên Tô-Na-Sát-Ba-La. Lại người này cùng với nhiều người tà-kiến cộng đồng sự nghiệp, nên họ khiến sinh nghi, lại người này vì đọc-tụng Vi-già-đà-hòa-la-na thấy các kinh tà-kiến, nên chính-trí-huệ bị hồng, vậy nên sinh nghi. Lại người này với các pháp-nghĩa ưa sinh tà-niệm, chẳng năng lãnh được ý của kẻ tác giả kinh điển, vậy nên sinh nghi. Lại người này thủy chung chẳng năng được công-đức tự lợi. Vì những duyên có này nên đối với Phật thầy sinh nghi. Năm món tâm trói: Nếu người vì chẳng lìa thân dục nên sinh tham đắm. Thân chẳng lìa năm món dục nên tham đắm dục. Lại cùng với những người tại-gia xuất gia hòa hợp, đối với trong Thánh-ngữ-nghĩa tâm chẳng vui mừng; được chút lợi sự tự cho là đủ. Bốn món trói trong đây bởi tham dục mà khởi. Nếu người vì chẳng lìa nội thân-dục nên đối với ngoại cảnh, trong Sắc thấy sinh đắm nhiễm, vậy nên ưa cùng đông người ồn náo hòa hợp. Vì ưa ồn náo nhiệt nên với trong Thánh-ngữ-nghĩa chỉ cho pháp tịch-diệt, tâm chẳng ưa vui. Vậy nên đối với tri-giới đa-văn và thiền-định thấy được chút ít lợi-sự tự cho là đủ. Vì tham đắm chút lợi-sự này nên bỏ mất đại-lợi. Kẻ trí chẳng nên tham đắm lợi nhỏ mà tổn hại lớn. Người này nếu lìa tám nạn thì còn bị nạn nan-đắc nhân-thân. Vậy nên cần phải nhất-tâm siêng-năng tinh-tiến. Lại pháp phàm phu chẳng khá tin vậy. Nếu lìa cụ-túc nhân-duyên này, hoặc có duyên thừa thời trọn chẳng còn năng vào được Thánh-Đạo. Lại chẳng tham tiểu lợi thời năng được quả-báo xuất gia; đến khi lâm chung cũng chẳng ăn-năn; cũng được lợi mình lợi người. Lại người này với trong công-đức hãy chẳng tham đắm hưởng là ác-pháp, nên mới gọi là chính-hành. Lại làm mỗi phàm-phu không thể thâm nhiễm được.

Hỏi: Lỗi phàm-phu là thế nào?

Đáp: Trong kinh nói: “Kẻ phàm phu cần lấy hai mươi pháp tự uốn dẹp nơi tâm. Nên nghĩ vậy: “1- Ta chỉ hình-thức ăn mặc khác với kẻ tục; 2- Trọn không sở đắc; 3- Ta sẽ vì bất thiện mà chết mất; 4- Và sẽ đọa vào biển rất sợ hãi; 5- Sẽ phải đến

chỗ sợ sệt; 6- Chẳng biết chỗ không sợ; 7- Cũng chẳng biết Đạo-Pháp; 8- Chẳng được thiên-định; 9- Hằng chịu khổ thân; 10- Khó lia tám nạn; 11- Kẻ oán tặc thường đuổi theo; 12- Các đường đều mở chưa thoát đường ác; 13- Thường bị vô lượng các tà-kiến trói buộc; 14- Vội tội ngũ-nghịch chưa thể đề phòng; 15- Vô thủy sinh tử chưa có ngăn mé; 16- Chẳng gây thì chẳng được tội phước; 17- Thiện ác thay thế nhau chẳng được; 18- Chẳng tu pháp lành quyết không an ổn; 19- Đã gây lành dữ trọn chẳng tiêu mất; 20- Ta sẽ vì chẳng điều phục để đến chết”. Đây là hai mươi pháp chẳng thể ô nhiễm được. Lại việc đáng làm kẻ này đã làm xong, nên tâm chẳng ăn-năn. Nếu là kẻ tham đắm thời chẳng năng thành pháp tại-gia và xuất-gia. Vậy nên chẳng nên tham đắm tiểu lợi. Bảy món sử:

Hỏi: Các phiền-não sao gọi là sử?

Đáp: Trong sinh tử nối nhau thường đeo bám theo chúng sinh, nên gọi là sử. Giống như bà nữ-mẫu thường theo tiểu-nhi; như bệnh sốt rét chưa khỏi; như mắc nợ ngày càng sinh lãi; như chuột độc chưa trừ; như tướng đen tẩm sắt nóng; như mộng hột lúa; như tự ký giấy ở tó; như kẻ đoán sự chứng nhân; như trí-huệ lẫn chứa; như nghề-nghiệp thường tập; như lửa đèn thường nối nhau. Cứ như thế thứ lớp nối nhau luôn mà tăng-trưởng nên gọi là sử.

Hỏi: Sử này tương-ung với tâm hay chẳng tương-ung?

Đáp: Tương-ung với tâm Tại vì sao? Vì đã nói tham thảy là sử-tướng. Các sử-tướng này cùng với mừng tương-ung. Nếu với lòng mừng chẳng tương-ung. Việc này chẳng phải lẽ. Vì mừng này hoặc ở trong lạc-thọ gọi là tham-sử. Lại tham là đắm nhiễm. Mà trong tâm chẳng tương-ung thời không nghĩa đắm nhiễm. Nên biết các sử cùng với tâm tương-ung.

Hỏi: Chẳng phải thế. Các sử chẳng phải tương-ung với tâm. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Tiểu nhi dâm tâm hãy không có hướng năng dâm dục mà cũng bị dục-sử sai khiến”. Lại nói chẳng nghĩ chẳng phân biệt cũng có duyên thức trụ vậy. Lại trong kinh nói: “Khi dứt thân kiến các sử đều dứt hết”. Lại Thánh đạo và phiền-não chẳng được đồng thời. Vậy nên Thánh-đạo sinh, thời tâm bất tương-ung sử dứt. Nếu chẳng phải như vậy, thời Thánh-Đạo dứt những gì? Lại nếu không tâm nào chẳng tương-ung với, thời phạm phu, học nhân hoặc khi ở tâm thiện, tâm vô-ký lẽ phải là A-La-Hán? Lại sử là nhân trói buộc; bị trói thời sử hưng thịnh vậy. Cho nên biết các sử chẳng tương-ung với tâm. Lại nếu người ở trong tâm thiện, vô-ký cũng gọi có sử; nếu kẻ vô tâm chẳng tương-ung với sử, có sao gọi có sử được? Vậy nên biết các sử chẳng tương-ung với tâm?

Đáp: Chẳng phải vậy. Người nói tiểu-nhi không dục cũng có tham-sử. Việc này chẳng phải lẽ. Tiểu-nhi chưa được thuốc trừ tham, tham dục chưa hết, nên bị tham sử sai khiến, như người bệnh vì quý, tuy khi chưa phát hiện, cũng gọi người bệnh quý. Tại vì sao? Vì bệnh nhân chưa được chú-thuật, thuốc men để trừ bệnh chứng vậy. Cũng như bệnh sốt bốn ngày một độ, tuy hai ngày chẳng phát, cũng gọi là người bị bệnh sốt; cũng như hạch chuột chưa trừ lạnh, nên khi nghe tiếng sấm thời phát hiện. Như vậy chẳng luận trong tâm nào, chưa được thuốc trừ sử đều gọi là chẳng dứt. Các câu hỏi khác cũng như đã chung đáp. Người nói chẳng nghĩ, chẳng phân biệt cũng có duyên thức trụ ấy. Cũng vì chưa dứt sử vậy. Người nói thân-kiên cùng sử đều dứt ấy. Người cho trói là tương ưng với tâm khi chưa sinh cũng dứt. Sử cũng như vậy, tuy khi Thánh-Đạo không có, cũng gọi là dứt, vì được pháp trái nhau vậy. Người nói Đạo với phiền-não chẳng đồng thời ấy. Cũng chưa dứt nên nói năng có. Người nói phàm-phu, học-nhân hoặc ở tâm thiện, vô-ký lẽ phải là A-La-Hán ấy. A-La-Hán đã dứt người này vì chưa dứt vậy, như người chẳng thọ pháp đoạn-nhục, tuy chẳng ăn thịt, nhưng chẳng gọi là kẻ đoạn-nhục. Lại có vô-minh tà-niệm, tà tư-duy thấy nên phiền-não nào chưa dứt thời sinh. A-La-Hán vì không nhân này, nên chẳng đồng mọi người. Lại người nói bị trói thời sử hưng. Thịnh việc này chẳng phải lẽ. Các phiền-não vì từ pháp hạ, trung, thượng nên hưng-thịnh, chứ chẳng phải bị trói vậy. Người nói người ở tâm thiện, vô-ký gọi có sử ấy. Cũng vì chưa dứt nên gọi có sử. Vì những duyên do này nên mới tham thấy các sử chẳng phải chẳng tương-ưng. Tám tà-đạo, tà-kiến cho đến tà-định, vì chẳng như thật biết, hiểu biết trái ngược nên gọi là tà-kiến cho đến tà-định.

Hỏi: Chính mạng với tà-mạng chẳng lia nghiệp thân khẩu. Có sau nói riêng?

Đáp: Kẻ xuất-gia khó dứt tà-mạng, vậy nên phải nói riêng. Tà-mạng: Là dùng dối gạt thấy năm pháp năng được lợi dưỡng, nên gọi tà-mạng. Tóm tắt lại mà nói: Các người xuất gia đều chẳng nên làm nghiệp nuôi sống như những việc sứ-giả cho Vua, buôn bán, thầy thuốc thầy, và chẳng nên lấy tiền gạo thầy của chúng-sinh. Nếu lấy đều gọi tà-mạng. Lại trong Luật cấm lấy đầy làm kế tự-hoạt, đều gọi là tà-mạng. Như trong kinh nói Ưu-bà-tắc chẳng nên buôn-bán năm thứ.

Hỏi: Lấy gì nuôi sống?

Đáp: Đúng như pháp xin cầu. Lấy đầy sinh sống chẳng nên tà-mạng. Tại vì sao? Vì tâm bất-định thời hủy hoại thiệu pháp bất kham tu Đạo vậy. Lại kẻ hành-đạo nên nghĩ như vậy: Vào trong Phật-Pháp vì mục đích tu Đạo, chẳng vì sinh sống. Vậy nên kẻ vui thiện-pháp nên tu tịnh-mạng. Lại Tỳ-kheo nên an-trụ trong pháp Tỳ-kheo, nếu làm tà-mạng thời chẳng phải pháp Tỳ-kheo.

PHẨM CỬU-KIẾT THỨ 137

Ái thầy chín món gút.

Hỏi: Tại sao trong các món kiến riêng nói hai món thủ?

Đáp: Giới-thủ khó lia khỏi, in như khúc gỗ nổi trôi vào trong dòng nước xoáy, khó mà giải-thoát ra được. Người này cũng vậy, họ nghĩ như vậy: Tà nhờ trì-giới này sẽ sinh lên trời. Vì lẽ ấy nên họ đành chịu nhào xuống vực sâu, gieo mình vào lửa, tự nhào đầu xuống vực cao thấy nhiều thứ hành khổ. Lại người thế-gian đối với trong giới-thủ chẳng thấy lầm lỗi, nên Phật nói là gút. Lại có thể nương giới thủ này có thể bỏ tám chính-đạo. Lại đây chẳng phải chính-đạo, nên gọi tùy-khổ-biên. Lại giới-thủ là trói kẻ xuất-gia; các dục trói kẻ tại-gia. Lại kẻ giới-thủ tuy có tu các pháp xuất-gia, mà luống không được gì cả. Lại kẻ giới thủ nay chẳng được vui, sau chịu đại-khổ, như trì-nguru-giới thành thời làm trâu, bại thời đọa địa ngục. Lại bởi giới-thủ này có thể hủy-báng chính-đạo và kẻ tu chính-đạo. Lại giới-thủ là chỗ các ngoại đạo sinh khởi kiêu mạn; họ khởi nghĩ như vậy: Ta nhờ pháp này năng thắng mọi người. Lại vì giới-thủ nên 69 phái đều có pháp sai khác nhau. Lại giới-thủ là thô dễ thấy nên nhiều chúng-sinh tu; Đạo trí huệ màu-nhiệm khó thấy, nên người đời chẳng biết tu để được lợi ích. Lại kiến-chấp này năng lôi kéo lòng người, nên những kẻ ngu-si phân nhiều tu pháp này. Lại đây gọi là trọng-ác-kiến. Vì nghịch với chính-đạo mà hành phi-đạo vậy. Sở dĩ kẻ kiến-thủ tham đắm tà-pháp chẳng bỏ lia được là vì sức mạnh của nó vậy. Lại vì sức kiến-thủ nên gút càng thắt chặt thêm.

Hỏi: Trong kinh Đê-Thích vấn, vì sao chỉ nói Người Trời còn hai gút xan và tật.

Đáp: Hai món phiền-não này là bỉ-ôi tệ lậu lắm. Tại vì sao? Vì thấy các chúng-sinh đời khát khổ-não, vì lòng bủn-xỉn nên chẳng hay thương xót cứu giúp; thấy kẻ nào đắc thắng cũng sinh tâm ganh ghét, lòng ôm nóng nảy. Vì những lý-do này nên đọa vào chỗ nghèo hèn, xấu-xí không chút oai đức. Lại vị Thích-Đề-Hoàn-Nhân hai gút này nặng nhiều hằng đến làm não tâm, nên Phật vì nói. Lại hai gút này là nhân-duyên trọng tội. Tại vì sao? Vì bởi hai gút này mà khởi trọng ác-nghiệp vậy. Lại trong ba món độc, tham giận nặng khởi trọng tội: Tham giận thịnh nên mới khởi hai gút này. Lại hai gút này năng não hại nam nữ. Lại khó bỏ lia. Tại vì sao? Vì nếu thâm tu thiện tâm mới có thể dứt hẳn tính ganh ghét; thâm tu bố thí nhiên hậu dứt hết lòng bủn-xỉn. Vì chẳng thấy nghiệp báo mà năng xả trọng vật đó là việc rất khó, như người thấy con đắc thắng việc hơn mình, lòng còn khó mừng, huống là kẻ địch. Vì hai gút này nương hai tính ghét ưa, nên rất khó trừ dứt. Vì những lý-do này nên Phật nói riêng.

PHẨM TẠP-VẤN THỨ 138

Luận giả nói: Tất cả phiền-não phần niều nhiếp thuộc trong mười món sử, vậy nên phải nhân nơi mười sử mà tạo luận. Mười sử: tham, giận, mạn, vô-minh, nghi và năm món kiến.

Hỏi: Mười phiền-não đại-địa pháp này, chỗ gọi chẳng tin, biếng nhác, nhớ bậy, tán tâm, vô-minh là phương tiện, tà-niệm, hiểu bậy, giỡn cợt, buông-lung. Pháp này thường chung cùng với tất cả tâm phiền-não. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trước đã phá tương-ung, chỉ tâm pháp mỗi mỗi sinh vậy nên chẳng phải lẽ. Lại đây là phi-đạo-lý. Tại sao biết được? Hoặc có tâm bất-thiện cùng tín bất-thiện chung; hoặc có tâm bất-thiện mà không tín. Tinh-tiến thấy cũng như vậy. Cho nên biết chẳng phải tất cả trong tâm phiền-não có mười pháp này. Lại người nói ngu-ngi và trạo hí ở trong tất cả tâm phiền-não, cũng chẳng phải lẽ. Nếu tâm mê chìm, bấy giờ mới có ngu ngi, chứ chẳng phải ở trong tâm trạo-hí. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Trong cõi Dục có mười phiền-não. Cõi Sắc và vô-sắc trừ sân, còn dư thừa tất cả. Việc này thế nào?

Đáp: Trong ấy cũng có ganh ghét thấy. Tại vì sao biết được? Trong kinh nói có vị Phạm-Vương bảo các Phạm-chúng rằng; “Các người đừng đến Cù-Đàm Sa-môn, các người chỉ ở đây với Ta tự sẽ được hết ngần mé già chết”. Đây là ganh ghét. Vì có ganh ghét nên phải có giận dữ. Lại kinh nói Phạm-Vương nắm tay Tỳ-kheo khiến ra khỏi chúng Tăng, rồi bảo rằng: Tỳ-kheo! Ta cũng chẳng biết tứ-đại ở chỗ nào diệt hết không còn. Như vậy đem tâm dua dọc gạt các Phạm-chúng đây gọi là dua dọc. Như nói ta kẻ tôn quý tạo ra muôn vật. Đây là kiêu mạn buông-lung. Những điều như vậy, trong ấy cũng có những ác phiền-não, nên phải biết cũng có bất thiện. Có ông Luận-sư nói: Nếu tham phụ mẫu và Hòa-thượng, A-Xà-Lê thấy gọi là thiện tham; tham của vật người khác thấy gọi là bất-thiện tham; chẳng làm tổn ích người khác gọi là vô-ký tham. Giận pháp bất-thiện và ác-tri-thức thấy gọi là giận lành; nếu giận thiện-pháp và chúng-sinh gọi là giận chẳng lành; nếu giận vật phi chúng-sinh gọi là giận vô-ký. Nếu nung ngạo-mạn để dứt ngạo mạn gọi là mạn lành; khinh chúng-sinh gọi là khinh chẳng lành. Vô-minh thấy cũng như thế. Lại có Luận-sư khác nói: Nếu như thiện chẳng gọi phiền-não.

Hỏi: Thân-kiến ở cõi Dục phải gọi vô-ký. Tại vì sao? Vì nếu thân-kiến là bất-thiện thì tất cả phàm phu đều sinh ngã-tâm, chẳng khá khiến đều đọa địa ngục, nên gọi vô-ký. Việc ấy thế nào?

Đáp: Thân-kiến là căn-bản của tất cả phiền-não, làm sao gọi vô-ký được! Lại người này đọa là vì người khác nói có Thần-ngã, bây giờ làm sao được gọi vô-ký? Biên-kiến cũng như thế.

Hỏi: Nếu chuyển người tà-kiến sang đọa vào trong Nghi, người này là bất-thiện chẳng?

Đáp: Người ấy chẳng phải là bất-thiện. Tại vì sao? Vì tà đọa trong nghi chẳng vào tà-kiến.

Hỏi: Có người nói tất cả phiền-não buộc cõi Dục năng khiến Dục-hữu nổi nhau; buộc cõi Sắc và vô-sắc cũng như thế. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chỉ Ái năng khiến các Hữu nổi nhau, vì trước mừng rồi sau mới sinh vậy. Lại nói Ái là nhóm khổ; cũng nói ái ưa uống ăn tham dục thầy nên tùy theo chỗ mà thọ-sinh. Trong tà-kiến thầy không có nghĩa như vậy. Tuy trong kinh nói khinh-mạn nhân-duyên sinh. Cũng trước mạn sau ái nên mới sinh. Giận cũng như thế. Cho nên biết đều bởi ái nên các Hữu nổi nhau.

Hỏi: Trong các phiền-não có mấy thứ thấy đạo-lý dứt, mấy thứ suy nghĩ dứt?

Đáp: Tham, sân, mạn và hai món vô-minh, thấy đạo-lý và suy nghĩ dứt; kỳ dư sáu món chỉ thấy đạo-lý là dứt.

Hỏi: Kẻ học-nhân cũng có ngã-tâm. Nếu biết chẳng thị-hiện tướng đó thôi, vì học-nhân một phần thân-kiến chưa dứt?

Đáp: Đây là mạn chẳng phải kiến; kiến là tướng thị-hiện.

Hỏi: Có người nói bủn-xỉn, ganh ghét, hời tiếc, dua dục thầy chỉ suy nghĩa dứt. Việc ấy thế nào?

Đáp: Đây đều là pháp đi đôi, cũng chẳng thấy đạo-lý và suy nghĩ dứt. Tại vì sao biết được? Như Ni-Kiền-Tử thầy vì thấy đệ-tử Phật được cúng-dường nên sinh tâm ganh ghét. Tâm ganh ghét này thấy Đạo thời diệt. Nên biết lý thấy Đạo-lý là dứt ngay. Có người từ trước đối với đệ-tử Phật, sên tiếc chẳng thí vì được thầy đạo nên bèn năng cúng thí. Sên tiếc này thấy đạo là dứt. Như Tô-Na-Sát Đa-La thầy, hời tiếc cũng thấy đạo là dứt. Như Tu-Đà-Hoàn nhân-duyên đọa địa ngục thầy và thọ thân đời thứ tám, dua dục thầy cũng thấy đạo-lý mới dứt.

Hỏi: Các phiên-não có mấy thứ thấy khô-Đế dứt, mấy thứ thấy Tập, Diệt, Đạo đế dứt, và mấy thứ suy nghĩ dứt?

Đáp: Trước đã nói thấy đạo-lý dứt sáu sử. Bốn món, thấy khô-Đế dứt, thấy Tập, Diệt, Đạo đế dứt. Kỳ dư bốn sử năm món.

Hỏi: Thân-kiến, biên-kiến chỉ thấy khô-Đế dứt; giới-thủ hai món, thấy Khô thấy Đạo dứt. Việc ấy thế nào?

Đáp: Các phiên-não thật khi thấy Diệt đế mới dứt. Vậy nên thân kiến thấy chẳng phải chỉ thấy Khô-Đế mà dứt được. Lại thân-kiến đối với bốn Đế hiểu sai lầm: ngũ-âm vô thường do nhân-duyên sinh, ngã chẳng phải vô thường, chẳng do nhân sinh; ngũ-âm có diệt mà ngã không diệt. Đạo-đế cùng với ngã kiến là pháp trái nhau. Vậy nên tham kiến bốn món bị dứt. Biên-kiến cũng bốn món dứt. Tại vì sao? Vì hành-giả thấy khô đế do tập-đế sinh thời dứt đoạn-kiến. Kiến-chấp do Đạo-đế được dứt, thời dứt thường kiến. Giới thủ cũng có bốn món: có nhân có quả, vậy nên khi thấy khô-đế biết giới này là khổ, chẳng nhờ đây mà được thanh-tịnh. Phải là thấy khô-đế mới dứt. Biết giới này là nhân khổ, chẳng nhờ đây mà được tịnh. Phải là thấy Tập-đế mới dứt. Vì tà-kiến bài báng Nê-Hoàn: Cho rằng nhờ kiến chấp này được tịnh. Phải là thấy diệt-đế mới dứt. Bởi đây mà bài-báng Đạo. Phải là thấy đạo-đế mới dứt. Như kiến-thủ nương tà-kiến nên có bốn món, giới-thủ cũng như thế.

Hỏi: Nếu như vậy thời chẳng gọi 98 món sử?

Đáp: Các sử tùy bực mà dứt, chẳng tùy cõi nên chẳng hạn số 98.

Hỏi: Tham, mạn và trừ tà-kiến còn bốn biến kia đều tương ứng với ba căn, trừ khô-căn ưu-căn; giận dữ cũng tương ứng với ba căn, trừ lạc-căn hỷ-căn; vô-minh tương-ung với năm-căn; tà-kiến, nghi tương ứng bốn căn, trừ khô căn; giận, che dấu tội, xan ganh chẳng tương ứng với ưu-căn. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Trước đã phá không có tương ứng vậy. Ra sau sẽ nói. Trong năm Thức không có phiên-não vậy. Lại trong pháp người tham tương-ung với hỷ-căn, mà xan chẳng phải như vậy. Đây là không lý do, vì xan là một phần tham vậy. Như vậy kiêu mạn chẳng cùng tương ứng với ưu-căn cũng không lý do. Vậy nên biết chỗ lập luận của các người đều tự nhớ tưởng phân-biệt.

Hỏi: Có người nói thấy khô-đế dứt được năm món kiến; nghi và tham, sân, mạn chẳng tương-ung với vô-minh. Và tập đế dứt được tà-kiến, kiến thủ; nghi và tham,

sân, mạn chẳng tương ưng vô-minh. Đấy gọi là sử biến khắp, kỳ dư chẳng phải khắp. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tất cả biến khắp. Tại vì sao? Vì tất cả đều chung nhân duyên nhau vậy. Lại đối với trong tà-kiến của mình sinh tâm tham, chỗ gọi không khổ cho đến không Đạo. Tham đắm kiến-chấp này mà lấy làm tự-cao; nếu nghe nói khổ thời sinh ghét giận. Lại tham này năng duyên diệt-đế, sân cũng năng ghét giận Nê-Hoàn; cũng lấy Nê-Hoàn sinh tâm tự cao. Đạo cũng như vậy. Phải biết các sử khác cũng có năng biến khắp. Lại phiền-não buộc cõi Dục năng duyên cõi Sắc, như bởi tham nên mừng, bởi sân nên oán-ghét; vì lấy pháp kia tự cao, cũng lấy đó cho là hơn, chẳng phải chỉ cõi Dục vậy. Như phiền-não cõi Dục năng duyên cõi Sắc; phiền-não kiến thấy cõi Sắc cũng năng duyên cõi Dục. Cõi Vô sắc cũng như vậy. Lại phiền-não này đều có thể có tướng chung tướng riêng. Tại vì sao? Vì tham cũng năng có tướng chung nhiệm như cả bốn thiên hạ. Lại như kinh Trường-Trảo nói: “Tất cả nhữn là tham, tất cả bất-nhữn là sân”. Cũng lấy phiền-não này tự-cao, vì phiền-não này đều năng khởi nghiệp thân khẩu vậy. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Sinh tâm thấy biết như vậy, nói việc như vậy.” Nghĩa là có Thân thấy. Lại tất cả phiền-não này do trong Thức thứ sáu, trong năm thức kia không có. Tại vì sao? Vì tướng đi trong thức thứ sáu, nên tất cả phiền-não đều do tướng mà sinh. Nếu chẳng phải như vậy, thời thân-kiến thấy lý-ưng ở trong năm thức. Tại vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo “ta năng thấy”. Nghi nạn thấy cũng như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói sáu ái-chúng. Tại sao nói trong năm thức kia không phiền-não?

Đáp: Như sáu ý-hành đều đi trong ý-thức. Chỉ nhờ mắt thấy mở cửa và dẫn đem, nên mới gọi sáu ý-hành. Việc này cũng vậy. Lại trong ý-thức có bao phân biệt nhân-duyên, mà trong năm thức kia không có. Nên biết trong năm thức kia không phiền-não vậy.

PHẨM ĐOẠN QUÁ THỨ 139

Hỏi: Có người nói các phiền-não có chín bậc: hạ, trung, thượng; hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng; thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Trí cũng có chín bậc. phiền-não này trước đoạn thượng thượng, sau cùng đoạn hạ hạ. Đem trí hạ hạ đoạn phiền-não thượng thượng; cho đến đem trí thượng thượng đoạn phiền-não hạ hạ. Việc ấy thế nào?

Đáp: Dùng tâm nhiều vô lượng đoạn các phiền-não. Tại vì sao? Trong kinh Phật nói: “Vì như kẻ thợ khéo, tay cầm cán rìu, mắt thấy chỗ ngón mẫn, tuy hằng ngày chẳng hay phân biệt mòn hết bao nhiêu; nhưng khi mòn hết nốt mới hay là mòn hết. Tỳ-kheo cũng vậy, khi đang tu Đạo, tuy chẳng phân biệt biết ngày nay diệt được

hết bao nhiêu phiền-não, ngày hôm qua diệt hết bao nhiêu; nhưng đến khi diệt hết nốt mới biết là hết”. Cho nên biết phải dùng vô-lượng trí diệt mới hết các phiền-não chứ chẳng phải tám hay chín gì cả.

Hỏi: Nương dựa Định nào, diệt những phiền-não này?

Đáp: Nhờ bảy chỗ y-xú diệt được phiền-não. Như trong kinh Phật nói: “Nhờ sơ-thiền lậu hết, cho đến nhờ vô-sở-hữu xứ hết lậu”. Lại là bảy chỗ nương này cũng có thể hết lậu, như trong kinh Tu-thi-ma nói là bảy chỗ nương cũng hết lậu. Cho nên biết trong Định cõi Dục cũng được hết lậu.

Hỏi: Thấy Đạo-lý phiền-não mới đoạn, chứ chẳng cần nương Định vô sắc mà đoạn, vì lẽ hành-giả này hoại sắc-tướng rồi vậy?

Đáp: Việc này trước đã đáp rồi, nghĩa là vô-sắc-Định năng duyên sắc.

Hỏi: Vì là trước từ sơ-thiền rồi thứ lớp liả dục đến nhị-thiền thấy là đồng thời hay sao?

Đáp: Cần phải thứ lớp, vì liả sơ-thiền muốn sinh nhị-thiền thấy vậy.

Hỏi: Trong cõi Dục cũng có thứ lớp sao?

Đáp: Các phiền-não diệt từng mỗi niệm nên cũng cần thứ lớp. Như những người ở các cõi trời diệm-ma, khi ôm nhau thì thành dâm dục; Trời đầu suất nắm tay nhau thành dục; trời hóa-lạc miệng nói với nhau thành dục; trời tha-hóa-tự-tại xem nhau là thành dâm dục. Nên biết phiền-não cõi Dục cũng lần lữa mới dứt hết. Có người nói: Nhờ phước đức nhân duyên mà sinh về trong ấy, chứ chẳng phải nhờ dứt phiền-não, vì chỗ sở-dục được diệu vậy, nên mới có sai khác. Lại do căn đàn-dộn nên ôm nhau mới thành dục; căn mãnh lợi lần nên xem nhau là thành dục.

Hỏi: Có người nói phiền-não suy nghĩ bị đoạn là lần lữa đoạn: Trước đoạn buộc cõi Dục, sau đoạn buộc cõi Sắc và Vô sắc. Còn thấy Đạo-lý bị đoạn là đồng thời đoạn.. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tùy theo thấy Đạo-lý mà đoạn, nhưng thật tất cả phiền-não, thấy Diệt-đế mới đoạn. Việc này trước kia đã nói. Chỗ gọi thấy Đế phiền-não mới đoạn, như thân kiến thấy đều là khi thấy Diệt-đế mới đoạn. Từ Noãn-pháp trở đi, nhờ tu quán tướng ngũ-âm vô thường thấy mới đoạn phiền-não, thấy Diệt-đế mới hết.

Hỏi: Quán Khổ buộc cõi Dục năng dứt gút cõi Dục. Tập cũng như vậy. Như cõi Dục cho đến phi-tướng phi phi-tướng xứ cũng như vậy. Quán Diệt cõi Dục năng dứt gút cả ba cõi. Đạo cũng như vậy. Việc ấy thế nào?

Đáp: Diệt-trí năng dứt phiền-não. Vậy nên lời người nói chẳng phải lẽ.

Hỏi: Trong kinh nói vì quán ngũ-ám vô thường thấy, nên được quả Tu-Đà-Hoàn, cho đến quả A-La-Hán. Sao ông nói chỉ quán Diệt-đế là dứt phiền-não?

Đáp: Trí quán ngũ-ám này sinh diệt hợp lại mà quán nên năng dứt kiết-sử. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo quán sắc này là sắc tập, là sắc diệt”. Lại còn nói: thấy pháp biết pháp thời dứt phiền-não. Mới biết là thấy Diệt-đế nên dứt hết các phiền-não. Lại ngũ-ám là ở trong khổ sinh các phiền-não, nếu thấy ngũ-ám diệt cho là tịch-diệt yên ổn. Như vậy là đầy đủ khổ-tướng. Cho nên biết thấy các ám-diệt, thời phiền-não hết. Như nói vì các pháp không thể tính, nương một xả tâm mà dứt, không thể tính tức diệt. Nếu hành giả thấy sắc không thể tính, thời đến thức cũng không thể tính, thời được xa lìa sâu-sắc. Lại ba môn giải-thoát đều duyên Nê-Hoàn, vì môn giải-thoát này năng dứt phiền-não, không còn phương-tiện nào khác hơn. Nên biết chỉ vô-vi duyên Đạo năng dứt phiền-não mà thôi. Vậy nên người đã nói phương-pháp phiền-não. Việc ấy chẳng phải lẽ.

Luận giả nói: Các phiền-não có vô-lượng môn phân biệt như vậy thấy, xin kẻ cầu giải-thoát cần phải biết cho. Tại vì sao? Vì biết đây là buộc là lỗi nên được giải-thoát; như người biết kẻ oán nên mới xa lìa được; như biết đường hiểm nên mới tránh được. Phiền-não cũng như vậy. Lại phiền-não buộc rất là chặt-chẽ lắm hơn Vua Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A-Tu-La buộc; cho nên chúng-sinh ở cõi hữu-đỉnh cũng vẫn thường bị phiền-não buộc. Vậy nên cần biết nó là tội-lỗi. Lại chúng-sinh, cho đến cõi hữu-đỉnh vẫn lui đọa trở lại, là vì đều chẳng năng thấy biết lỗi phiền-não vậy. Lại vì chẳng dứt gút nên sinh tăng thượng-mạn: tự cho mình đã dứt. Về sau nghi hối. Vậy nên cần biết lỗi các phiền-não, đừng cho nó gạt. Lại nếu chúng-sinh bỏ lìa vui tịnh-diệu Nê-Hoàn, lại tham vui dục-lạc hèn tẻ. Hễ có vui ấy đều do lỗi các phiền-não. Nếu dứt các phiền-não thời được đại lợi. Nên cần biết lỗi các phiền-não. Lại pháp mà ngăn giải-thoát tức là phiền-não. Nếu chẳng dứt phiền-não quyết không nhân-duyên giải-thoát. Tại vì sao? Vì các phiền-não là nhân-duyên có thân; tùy phiền-não có thân, tùy thân có khổ. Vậy nên kẻ cầu lìa khổ, cần phải siêng-năng tinh tiến dứt các phiền-não.

PHẨM MINH NHÂN THỨ 140

Hỏi: Phiền-não làm nhân-duyên cho thân, việc này cần phải thuyết minh. Tại vì sao? Vì có các ngoại-đạo chẳng tin lẽ ấy: hoặc nói thân này không nhân không

duyên, in như cỏ cây tự nhiên mà sinh; hoặc nói muôn vật là do đấng Tự-Tự-Tại và các Trời thấy mà sinh; hoặc nói muôn vật từ thể-tính mà sinh; hoặc vi-trần hòa hợp mà sinh. Có những lối lập-luận đại khái như thế, nên cần phải thuyết-minh?

Đáp: Từ nghiệp có thân lẽ này trước đã thành lập. Nghiệp ấy do phiền-não mà sinh nên mới lấy phiền-não làm nhân-duyên sinh thân.

Hỏi: Tại sao biết bởi phiền-não mà có nghiệp?

Đáp: Tùy tâm giả-danh gọi là vô-minh. Tâm giả danh ấy năng nhóm các nghiệp, cho nên biết nhân-duyên phiền-não mới có nghiệp. Lại A-La-Hán các nghiệp chẳng nhóm nên chẳng thành tựu, cho nên biết các nghiệp do phiền-não mà thành. Như trong kinh Phật nói: “Nếu người được minh bỏ lìa vô-minh; người ấy năng khởi tội nghiệp, phước nghiệp và bất động nghiệp chăng? - Bạch Đức Thế Tôn! Không vậy.” Lại không có nghiệp vô-lậu, nên biết chỉ tùy giả danh năng khởi các nghiệp. Tâm vô-lậu chẳng tùy giả-danh nên chẳng khởi nghiệp. Lại kẻ học nhân không hành, như kinh nói: “Học nhân Hoàn mà chẳng hành; Diệt mà chẳng tác.” Tác tướng là hành, hành gọi là nghiệp. Lại vì tâm vô-lậu chẳng phải tướng là hành, nên không có nghiệp vô lậu. Vậy nên tất cả nghiệp thọ thân đều bởi phiền-não mà sinh. Lại kẻ dứt phiền-não chẳng còn thọ sinh. Nên biết có thân đều bởi phiền-não.

Hỏi: Tất cả chúng-sinh đều là không phiền-não, sau khi sinh mới khởi, như người khi sinh không răng, về sau mới mọc?

Đáp: Chẳng phải vậy. Kẻ có phiền-não tùy có những tướng nghĩa là khi mới sinh ra hiện có tiếng oa oa thảy. Nên biết đều cùng với phiền-não cộng sinh. Lại hiện thấy chúng-sinh phần nhiều sinh trong chuồng tiêu thảy chứ chẳng sinh trên đá bàn thạch. Phải biết vì tham đắm hương vị thảy nên mới sinh vào trong ấy. Cho nên biết do phiền-não mà sinh.

Hỏi: Trong địa ngục thảy chẳng nên sinh được. Tại vì sao? Vì không người nào tham vui trong địa ngục thảy vậy?

Đáp: Chúng-sinh vì sức mạnh ngu-si, nên ở trong tâm điên-đảo mà sinh khi sắp chết xa thấy địa ngục lầm cho là hoa ở ao do đó tham đắm, nên sinh vào trong ấy. Như trong kinh nói: “Nếu người ở trong chỗ chật hẹp ồn ào mà chết thời muốn được chỗ rộng rãi là sinh trong loài chim. Nếu kẻ chết vì khát là sinh làm loài trùng trong nước. Nếu kẻ chết vì lạnh thời sinh trong địa ngục nước đá lạnh. Nếu tham đắm dâm-dục sinh trong loài chim sẻ. Tham đắm ăn uống thời sinh làm loài trùng trong thân chết”. Lại bởi vì chỗ tham đắm nên gây các ác. Vì các ác nhân-duyên bắt buộc chịu lấy quả-báo. Lại vì tham đắm thân nên các nghiệp năng sinh

quả-báo. Tại vì sao? Vì sức mạnh ngu si tham đắm thân mình, nên sinh các phiền-não kiêu-mạn thấy. Do đấy năng nhóm thành nghiệp; vì nghiệp nên vào trong các đạo.

Hỏi: Nếu vì nhân-duyên phiền-não mới có thân. Kẻ dứt phiền-não, lẽ ra ngũ-âm chẳng còn nối nhau được?

Đáp: Thân này gốc do phiền-não mới sinh; phiền-não tuy hết, nhưng vì thế lực nên thân vẫn còn chẳng dứt liền. Như lấy gậy quậy bánh xe, tuy tạm bỏ gậy, nhưng bánh xe vẫn còn chạy chẳng ngừng.

Hỏi: Nếu vì thế lực phiền-não nghiệp trước nên mới có thân. Những kẻ dứt phiền-não, cũng vì thế lực phiền-não nghiệp trước nên cũng lẽ ra thọ thân?

Đáp: Cần phải lấy tướng nên thức năng trụ. Người này hết thế lực nghiệp trước; nay khéo tu môn vô-tướng giải-thoát nên chẳng thọ thân sau. Lại như các hột giống ở trên hòn đá nóng chẳng sinh nảy được. Như vậy lấy lửa trí-huệ mà làm nóng các thức-xú thời giống thức chẳng sinh, là dứt nối nhau đời sau. Lại vì các hành nhân-duyên chẳng đầy đủ nên chẳng còn nối nhau nữa. Như trong kinh Phật nói: “Thức là hột giống, nghiệp hành là ruộng, tham ái là nước vô-minh là che đậy. Vì nhân-duyên này nên thọ thân sau”. A-La-Hán duyên này chẳng đủ nên không có thân sau”. Phải biết nhân duyên phiền-não mà thọ sinh. Lại kẻ không phiền-não, có tâm biết khổ thấy. Nay những kẻ thọ sinh chẳng thấy có những tâm này. Nên biết kẻ không phiền-não chẳng năng thọ sinh.

Hỏi: Tu-Đà-Hoàn thấy có tâm biết khổ thấy mà khi sinh cũng chẳng thấy có?

Đáp: Các vị A-La-Hán sức trí-huệ mạnh, tất cả phiền-não chẳng năng thắng nổi, nên khi mạng sắp chết ngăn được thọ sinh. Tu-Đà-Hoàn thấy trí lực chẳng bằng, nên chẳng phải đem mà so sánh. Lại người nói như rằng về sau lần lần mọc, phiền-não cũng vậy. Việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì các vị A-La-Hán dùng trí-huệ vô-lậu đã đốt cháy phiền-não, nên chẳng còn thọ sinh nữa, như hột giống bị rang chẳng còn mọc được. Lại hiện thấy đời nay do phiền-não sinh thân, như do tham-dục mà thân sắc biến khác, giận dữ cũng vậy. Nên biết ngũ-âm thân đời sau cũng do từ phiền-não mà sinh.

Hỏi: Cũng thấy do uống ăn do nhân-duyên thấy sinh có ngũ-âm, mà sao chẳng gọi uống ăn là nhân-duyên thọ thân?

Đáp: Uống, ăn nung nhờ tâm mà năng sinh sắc thấy. Phiền-não chẳng phải như vậy. Lại vì không chỗ nung để sinh sắc thấy. Nên biết phiền-não là nhân-duyên

thọ thân. Lại hiện thấy chim sẽ thảy đa dục; rắn độc thảy đa sân; loại heo thảy đa ngu. Nên phải biết các chúng-sinh ấy chắc chắn đời trước đã nhóm họp dâm-dục ấy thảy các phiền-não, nên mới sinh vào trong các loại ấy.

Hỏi: Sinh-xứ lẽ là vậy. Nhưng chẳng phải trước đã nhóm họp nhân-duyên phiền-não?

Đáp: Nếu như vậy thời dâm-dục thảy vô nhân, việc này không thể được. Nên phải biết do từ trước nhóm họp nhân-duyên nên mới có. Lại tham sân thảy phiền-não hùng-thịnh thời gây sát các tội. Vì tội này nên hiện chịu các khổ roi gây trói buộc. Phiền-não, nếu mỏng thời được trì-giới tu thiện, làm các điều lành thảy. Nhờ giới thiện này hiện được vui tiếng khen lợi dưỡng thảy, như đời hiện này suy bại lợi-lạc đều bởi phiền-não. Nên biết đời sau sẽ cũng như thế.

Hỏi: Nếu bảo phiền-não mà có thân, thời không có sinh tử qua lại tại vì sao? Vì phiền-não thịnh nên đọa ác trong đạo. Thân đã chịu tội: phiền-não càng tăng, hẳn không nhân giải-thoát. Như thế không thể được sinh chỗ lành. Nếu thân hưởng phước là phước lại tăng lên thời chẳng còn sinh lại chỗ ác. Như vậy thời không có sinh tử qua lại?

Đáp: Người ấy tuy đọa chỗ ác, thoảng hoặc được thiện tâm; tuy sinh chỗ thiện hoặc khởi ác tâm, vậy nên sinh tử qua lại chẳng dứt. Lại tùy tham thảy phiền-não giảm ít, theo đó mà được sinh chỗ tốt; tùy tham thảy nhiều, theo đó mà sinh chỗ xấu; như heo chó thảy. Kẻ tùy phiền-não giảm sinh chỗ tốt, như vì phiền-não giảm sinh chỗ tốt, như phiền-não mỏng nên năng tu bố-thí, trì giới thảy phước sinh cõi trời Lục-Dục, vì dứt tâm dục nên mới được vui thắng Thiên. Vì sắc nhiệm nên được vui thắng Định. Mở hết tất cả gút thời được Vô tỷ Nê-Hoàn. Nên biết thân này bởi phiền-não mà có. Lại hiện thấy chúng-sinh quốc độ tội tệ, và những người ác nung ở những chỗ tội tệ đều do tham đắm. Nên biết chỗ ở chúng-sinh ở trong sinh tử cũng do tham đắm, như loại trùng nga tham sắc sáng nên bị đèn đốt cháy thân. Tham đắm ấy chẳng do trí sinh. Tại vì sao? Vì nga kia chẳng biết lửa đèn là khổ-xúc nên mới gieo mình vào. Như vậy chúng-sinh bị khổ thân sau, đều bởi vô-minh nhân-duyên tham ái nên mới sinh, như cá nuốt mồi câu; hươu nai chạy theo tiếng nhái của thợ săn, đều bị tham đắm nên mới gây ra nạn chết chóc. Lại như người vì tham đắm nên đi đến phương xa lạ mà chẳng năng hồi hương. Nên biết đều bởi phiền-não nên mới sinh. Lại như cây chẳng nhờ rễ tham là cây khổ thường còn. Như Đức Phật : “Rễ cây chẳng nhờ, dù có chặt gốc cây vẫn sinh chồi; tham sử đã nhờ, thường thường chịu khổ”. Lại thân này là bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô-ngã; tự chẳng bởi vô-minh, có đâu kẻ trí mà tham suy-khổ này, giống như với kẻ mù có thể đem áo nhớp mà gạt là áo quý báu. Như vậy bị vô-minh làm mù, thời

năng chịu tội lỗi ngũ âm bất tịnh. Lại bởi ngã tâm nên thọ thân tuy khổ mà chẳng năng bỏ rời. Nếu không có ngã tâm, thời năng xa lìa. như Ngài Xá-Lợi-Phất nói: “Kẻ thanh tịnh trì giới đắc Đạo khi chết vui mừng, như phá vỡ bát thuốc độc.

Nên biết phiền-não nhân-duyên mà có thân. Lại có kẻ vì vô-trí nên tham đắm thân này, như lấy chiếc hòm nhỏ sơn vẽ đưng đầy đồ bất tịnh, khi mà chưa khai nắp, thời thấy khá ưa vui, nhưng khi dỡ ra toàn là mùi hôi thúi. Lại như rắn độc nằm đầy trong nhà tối, khi đèn chưa soi là sinh lòng vui đắm, mà khi thấy là bỏ chạy tức tốc. Chúng-sinh cũng vậy, tùy có vô-minh thời vui thế-gian nếu khi sáng mắt là tâm lìa nhàm ngao-ngán. Như vậy tham ái là căn bản thọ thân. Tại vì sao? Vì tham ái nên cầu. Cầu có hai thứ: dục cầu, hữu cầu. Cầu các dục hiện tại gọi là dục cầu; lại cầu thân sau gọi là hữu cầu. Nên biết tham-ái là gốc thọ thân. Lại nếu tham đắm ngũ âm tức sinh thân-kiến. Bảo rằng: “Ngã này là ngã ngũ-thủ tức lấy.” Nhân món thủ này mà sinh ba món thủ khác. Thủ làm nhân-duyên Hữu, tức có; hữu làm nhân-duyên Sinh, nên biết phiền-não là căn bản của thân. Lại thân này đều khổ. Với khổ thân này sinh tưởng điên-đảo là vui. Do vui điên đảo này sinh ái điên đảo; vì ái điên-đảo này mà năng thọ thân sau. Nên biết nhân-duyên tham ái mới có thân. Lại thân này nhờ nhân duyên ăn nên mới sống còn. Tham ăn vật thô “đoạn-thực” nên chẳng vượt khỏi cõi Dục. Như trong nghiệp-phẩm nói tham hương vị nên sinh trong chuồng tiêu thụ. Vì tham đắm xúc “xúc-thực” nên sinh trong bào-thai. Vì tham đắm xúc ấm mát, nên sinh trong trứng, chỗ ướt. Đều chẳng vượt khỏi cõi Dục. Nhân ba món xúc này mà sinh ba món thọ, nên mới nói xúc làm nhân-duyên thọ. Ý-tư-thực cũng như vậy. Phát nguyện muốn được thân đời sau: “Ta sẽ làm việc này”, Không thấy biết Thức là gốc tham ái của ăn “thức-thực” nên có thể gây thành thân sau. Bốn cách ăn như vậy đều do tham-ái. Tất cả chúng-sinh đều nhờ ăn mà sống còn, nên biết ái làm nhân-duyên cho sinh. Lại tứ sinh: sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh bằng ướt, và sinh bằng biến hóa. Vì ái dâm-dục nên do trứng sinh và do thai sinh. Tham hương vị thấy nên do chỗ ẩm-ướt sinh. Tùy chỗ sở-ái nên khởi nghiệp nặng nề thời chịu hóa sinh.

Nên biết lỗi sinh sai khác đều bởi tham-ái. Lại bốn thứ thọ thân: Có năng tự giết mà kẻ khác chẳng năng giết, như thế thấy bốn thứ đều do tham ái sai khác nên mới có. Nên biết tham ái là nhân-duyên có thân. Lại bốn-thức-xúc: Tùy-sắc mà thức trụ, y-sắc, duyên-sắc, lấy mừng làm thắm nhuần thọ, tưởng, hành cũng như vậy. Mà chẳng nói thức là thức-xúc, vì khi thức tỉnh là không phiền-não vậy. Vậy nên biết phiền-não nhân-duyên có thân. Lại mười hai pháp nhân-duyên đều bởi vô-minh. Tại vì sao? Vì tâm giả-danh gọi là vô-minh. Nhân vô-minh này mới khởi nghiệp hành: phước hành, tội hành và bất động hành. Muốn an lạc chúng-sinh gọi là phước hành; làm khổ não chúng-sinh gọi là tội hành; nhiếp tâm từ-bi thấy gọi là bất-động-hành. Tùy theo các hành nghiệp này mà thức trụ thân đời sau. Nương

thức sinh danh sắc, lục-nhập, xúc, thọ. Bốn chi này là quả-báo phiền-não nghiệp đời trước. Trở lại nhân-ái này sinh. Ái, Thủ và Hữu là nghiệp phiền-não năng sinh Sinh, Lão và Tử thấy đời sau. Như vậy mười hai hữu-phần nối nhau, đều lấy vô-minh làm gốc. Nên biết phiền-não nhân-duyên có thân. Lại sinh tử vô-thủy. Tại sao biết được? Trong kinh nói: “Từ nghiệp nhân-duyên mới có mắt thấy các căn. Bởi ái có nghiệp, bởi vô-minh nên có ái. Vô-minh bởi nhớ nghĩ tà; nhớ nghĩ tà, trở lại nhân mắt duyên lấy sắc từ si mà sinh vậy”. Cho nên biết sinh tử luân-chuyển không đầu.

Nếu nói nhân đấng Trời Tự-Tại thấy thời chẳng có vô-thủy, việc này không thể được. Nên biết phiền-não nhân-duyên có thân. Lại diệt hết phiền-não thời được giải-thoát. Lại thân chúng-sinh nhiều thứ tạp loại. Nếu nhân Tự-Tại thấy lẽ ra chẳng tạp. Vì nghiệp phiền-não có nhiều thứ nên thân cũng chẳng một. Lại hai mươi căn, nhân sáu căn sinh sáu thức. Trong ấy nam nữ căn. Các pháp này nối nhau chẳng dứt nên gọi là mạng. Mạng này lấy gì làm căn? Chỗ gọi là nghiệp vậy. Nghiệp này nhân nơi phiền-não. Phiền-não nương thọ, nên lấy năm thọ làm căn. Như vậy sinh tử lần lữa nối nhau. Nương tín thấy các căn thấy dứt nối nhau kia. Như vậy hai mươi căn qua lại sinh tử. Nên biết đều bởi phiền-não có thân. Lại kẻ cầu giải-thoát mới sinh những phẩm: Giới-Định-Huệ, giải-thoát, giải-thoát-tri-kiến. Dùng những pháp này để làm gì? Để đều vì diệt các phiền-não. Kẻ Trí thấy lợi-ích ấy nên mới nương các phẩm này. Nên biết nhân-duyên phiền-não có thân. Lại có phiền-não thứ lớp diệt hết: Diệt ba gút được quả Tu-Đà-Hoàn; mỏng lần tham-dục thấy được quả Tu-Đà-Hàm; diệt hết gút cõi Dục được quả A-Na-Hàm. Trong các thiên-định cũng như vậy: thứ lớp tất cả đều thời chứng được quả A-La-Hán. Như vậy tùy theo các phiền-não thứ lớp diệt nên thân cũng lần diệt theo. Nếu thân do Trời Tự-Tại thấy thời chẳng ưng lần diệt. Nên biết nhân-duyên phiền-não có thân. Lại phiền-não tham thấy các người thiện đều cần dứt hẳn, vì chắc sẽ thấy nhân-duyên tham thấy đời này đời sau bị việc suy hại, vậy nên cầu dứt. Nếu chẳng như vậy thời chẳng cầu dứt. Như những người nói thân nhân Trời Tự-Tại thấy, mà người ấy cũng cầu dứt tham dục thấy. Nên biết tham dục thấy là nhân-duyên có thân. Lại kẻ trí dùng trí huệ mà giải-thoát. Nên biết vì do vô trí nên phải bị trói. Nên biết nhân-duyên phiền-não có thân. Lại Đức Phật nói trong các kinh: “Diệt hết tham mừng mới được chính giải-thoát? Tại vì sao? Vì mắt, sắc thấy chẳng gọi là trói tham mừng mới gọi là trói. Vì phá tham mừng, nên tâm được chính giải-thoát”. Chính giải-thoát nên tâm mới năng vào Nê-Hoàn. Nên biết nhân-duyên phiền-não có thân. Lại dùng không, vô tướng, vô tác mà được giải-thoát. Nên biết nhân-duyên phiền-não có thân. Tại vì sao? Vì quán các pháp trống không tức không có tướng khá được; vì diệt tướng nên chẳng nguyện muốn thân sau. Vậy nên dùng “không” làm môn giải-thoát. Trái lại kia là bị trói. Vì những các lẽ trên nên biết do phiền-não mà có thân. Việc này thuyết-minh đã rõ. Hết nhóm Tập-Đế.

Thành Thật luận hết quyển 12

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 13

TRƯỚC PHẨM LẬP GIẢ-DANH TRONG NHÓM DIỆT ĐẾ THỨ 141

Luận-giả nói diệt ba món tâm gọi là Diệt-Đế; là giả-danh tâm-pháp-tâm, không-tâm.

Hỏi: Lấy gì diệt ba tâm ấy?

Đáp: Tâm giả-danh hoặc dùng nhân-duyên trí đa-văn mà diệt; hoặc dùng nhân-duyên trí suy-nghĩ mà diệt. Pháp-tâm ở trong pháp Noãn thấy dùng không-trí mà diệt. Không-tâm vào Diệt-tận-định mà diệt; hoặc khi vào vô-dư Nê-Hoàn dứt nối nhau là diệt.

Hỏi: Sao gọi giả-danh?

Đáp: Bởi các ấm mới có phân-biệt, như bởi ngũ-ấm nói có người; bởi sắc, hương, vị, xúc mới nói có cái bình thấy.

Hỏi: Tại sao lấy đó cho là giả-danh?

Đáp: Trong kinh Phật nói: “Nhu trục bánh xe hòa-hợp nên gọi là chiếc xe. Các ấm hòa-hợp nên gọi là người”. Lại như Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các pháp vô thường, khổ, không, vô-ngã; do nhiều nhân-duyên mà sinh, không tính quyết định. Chỉ có danh-tự, chỉ có nghĩ nhớ và chỉ có tác dụng”. Bởi ngũ-ấm này mà sinh nhiều thứ tên nghĩa là chúng-sinh, người, trời, thấy. Trong kinh ấy ngăn pháp thật có, nên nói “chỉ có danh”. Lại Phật nói hai đế: chân-đế và tục-đế. Chân-đế là sắc thấy pháp và Nê-Hoàn. Tục-đế là chỉ có giả-danh không có tự thể. Như sắc thấy nhân-duyên thành bình; ngũ-ấm nhân-duyên thành người.

Hỏi: Nếu trong đệ-nhất-đế không có thể-đế cần gì phải nói?

Đáp: Thế-gian chúng-sinh thọ dụng thế-đế. Tại sao biết được? Như nói về lửa cũng tin chịu. Các Đức Phật, Hiền-Thánh muốn cho thế-gian lìa giả-danh, nên mới có thế-đế tức tục-đế. Như trong kinh Phật nói: “Ta chẳng tranh với thế-gian, mà thế-gian tranh với Ta”. Vì kẻ-Trí không cần tranh cãi vậy. Lại người thời thượng cổ vì muốn dùng sự vật, nên khi muốn vật sinh là lập ngay danh-tự, chỗ gọi là bình thầy. Nếu chỉ thẳng pháp ấy thời chẳng khá dùng được. Nên nói thế-đế. Lại nếu nói ra hai Đế thời Phật-Pháp thanh tịnh: Vì đệ-nhất-nghĩa-đế nên kẻ-Trí chẳng hơn được: Vì thế-đế nên người ngu chẳng tranh cãi. Lại nói hai Đế thời chẳng đọa đoạn, thường, chẳng đọa tà-kiến và bên khổ bên vui, nghiệp quả-báo thấy đều mới thành lập được. Lại thế-đế là căn bản giáo hóa của các Đức Phật, như bố thí trì-giới được quả-báo sinh chỗ lành. Nếu lấy pháp này điều hòa tâm mềm mại mới kham thọ đạo giáo, nhiên-hậu vì nói đạo-lý đệ-nhất-nghĩa. Như vậy Phật-Pháp ban đầu chẳng gập sâu giống như biển cả lần lần càng sâu. Nên nói thế-đế. Lại nếu năng thành tựu được đạo trí huệ, mới có thể vì nói thật pháp. Như Phật nghĩ rằng: “Tỳ-kheo La-Hầu-La nay đã năng thành-tựu được đạo trí-huệ, sẽ vì nói thật-pháp”. Ví như mứt ung đã chín muối, phá đi thời dễ mà chưa muối thời khó. Như dùng trí thế-đế khiến tâm điều hòa mềm mại, nhiên hậu mới lấy trí đệ-nhất mà phá hoại. Lại trong kinh nói: “Trước biết phân-biệt các pháp, nhiên hậu mới biết Nê-Hoàn”. Kẻ hành-giả trước biết các pháp là giả danh có, hay là chân-thật có? Nhiên hậu năng chứng Diệt-Đế.

Lại các phiền-não trước thô sau tế, thứ lớp mới diệt hết: như lấy các tướng tóc lông. Sau mới lấy không-tướng mà diệt tướng sắc thấy, như lấy nệm tháo nệm. Nên nói thế-đế. Lại nhờ thế-đế nên được thành lý trung-đạo. Tại vì sao? Vì ngũ-âm nối nhau sinh nên chẳng đoạn; niệm niệm diệt nên chẳng thường. Lìa đoạn ấy gọi là trung-đạo. Như trong kinh nói: “Thấy thế-gian nhóm thời diệt chấp-không; thấy thế-gian diệt thời diệt chấp-có”. Vì có thế-đế nên mới có thể thấy nhóm thấy diệt. Nên nói thế-đế. Lại vì thế-đế nên Phật-Pháp đều thật-nghĩa là có ngã không ngã các môn: Nếu vì thế-đế nên nói không ngã không lỗi; vì đệ-nhất-nghĩa nên nói không ngã cũng thật. Lại vì thế-đế nên có lời nạn mà để riêng không đáp, nếu đứng về thật-pháp thời đều có thể đáp. Lại nếu thật có chúng-sinh là rất si-mờ. Nếu nói thật không cũng đọa si-mờ. Tại vì sao? Vì hai chấp có, không, này thời đọa đoạn thường. Khiến các hành-giả được ra khỏi bên có, lại đọa bên không. Nếu không có thế-đế do đâu được ra khỏi? Lại nếu người chưa được trí-huệ chân-không, mà nói không có chúng-sinh thế là tà-kiến, vì không chúng-sinh chịu sinh tử vậy, nên gọi tà-kiến, Nếu được không-trí nói không chúng-sinh vậy là không lỗi. Như trong kinh nói: “A-La-Hán Tỳ-kheo-ni hỏi ác-ma rằng: ngươi lấy gì cho là chúng-sinh? Chỉ đồng ngũ-âm trống-không thật không có chúng-sinh”. Lại nói thân ngũ-âm này nối nhau trống-không, không có gì cả, như trò huyền, như biến hóa đối gạt phạm

phu, gọi là oán là tặc, như mũi tên, như mọt ung; khổ, không, vô-ngã, chỉ là tướng sinh diệt bại hoại.

Hỏi: Đều là tâm không có gì cả, mà có sao gọi là tà-kiến, hoặc gọi đệ-nhất-nghĩa?

Đáp: Nếu người chưa sinh trí huệ chân không, vì có ngã-tâm nên nghe nói vô-ngã liền sinh sợ hãi. Như Đức Phật nói: “Nếu người phạm phu nghe không, vô-ngã, chẳng còn làm nữa, thời rất kinh sợ”. Cho nên biết chưa được không trí, vì có ngã-tâm nên sợ hãi. Nê-Hoàn thế là tà-kiến. Được chân-không-trí biết xưa nay “không” thời không e sợ. Lại người này chưa được chân không mà thấy không có gì thời đọa ác kiến nghĩa là đọa kiến tà-kiến. Nếu người ấy trước nhờ thế-đế nên biết có ngã, tin nghiệp quả-báo. Về sau quán tướng các pháp vô thường sinh diệt, dần dần chứng được Diệt, không còn ngã-tâm thời diệt tham-tâm. Nếu nghe nói không có gì, thời không tội lỗi. nên nói thế-đế. Lại có ngoại đạo báng Phật: Cù-Đàm Sa Môn phá chân-thật Thần. Vậy nên Phật nói: “Ta dùng thế-đế nói có chúng-sinh; ta biết rõ trong chính-kiến nói rõ chúng-sinh qua lại sinh tử. Đây gọi là chính-kiến”. Chỉ phạm phu vì tà-niệm nên với trong thật không chúng-sinh mà nói là thật có. Nên chỉ phá tà niệm này mà chẳng phá chúng-sinh, như những vật bình thấy vì giả-danh mà nói: Trong ấy chẳng phải thấy sắc là bình; chẳng rời sắc thấy riêng có bình. Như vậy chẳng phải sắc thấy các ám là chúng-sinh; cũng chẳng rời sắc thấy ám riêng có chúng-sinh. Như thân sắc thấy hơn giả-danh. Như vậy lấy diệt tướng hơn sắc thấy, lấy ví-dụ phiền nghĩa dễ hiểu: Ví như đèn vẽ cũng gọi là đèn, mà thật không tác dụng gọi là đèn. Như vậy tuy nói có bình, mà chẳng phải thật có; tuy nói ngũ-âm mà chẳng phải đệ-nhất-nghĩa.

PHẨM TƯỚNG GIẢ-DANH THỨ 142

Hỏi: Vì sao biết vật bình thấy giả-danh mà có chẳng phải chân thật?

Đáp: Trong giả-danh chỉ ra tướng, trong chân thật không chỉ tướng được. Như nói sắc này là “sắc bình” chẳng nói được là “sắc sắc”; cũng chẳng nói được là thọ thấy sắc. Lại đèn vì dụng-cụ sắc năng soi, dụng-cụ xúc năng đốt, thật pháp chẳng thấy như vậy. Tại vì sao? Vì Thức chẳng vì khác dụng-cụ thức; thọ cũng chẳng gì khác dụng-cụ thọ. Cho nên biết có dụng-cụ là giả-danh có. Lại nhân pháp khác mà thành tên giả-danh có, như nhân sắc thấy thành hình, thật pháp chẳng nhân pháp phác mà thành. Tại vì sao? Vì như thọ chẳng nhân pháp khác mà thành. Lại giả-danh có nhiều sở-năng, như đèn năng soi năng đốt. Thật-pháp chẳng thấy như vậy. Tại vì sao? Vì như thọ không thể vừa thọ vừa thức. Lại danh-tự chiếc xe ở trong bánh trục thấy. Mà danh-tự sắc thấy chẳng ở trong vật. Có sai khác như thế. Lại bánh trục thấy là nhân-duyên thành xe; trong ấy không có danh-tự xe. Vậy thời nhân-

duyên xe không có pháp xe, mà chỉ nhờ đẩy thành xe. Nên biết xe là giả-danh. Lại vì danh-tự sắc thấy được nói sắc thấy, mà danh bình thấy chẳng được nói bình thấy. Cho nên biết bình thấy là giả-danh. Lại có trong giả-danh tâm động chẳng định; như người thấy ngựa: hoặc nói ngựa, hoặc nói thấy đuôi ngựa, hoặc nói thấy thân ngựa, hoặc nói thấy da, hoặc nói thấy lông. Hoặc nói nghe tiếng đàn tranh, hoặc nói nghe tiếng đàn huyền. Hoặc nói ngửi hoa, hoặc nói ngửi mùi thơm hoa.

Hoặc nói ném bơ, hoặc nói ném vị bơ. Hoặc nói đụng người, hoặc nói đụng thân người, hoặc nói đụng cánh tay người, hoặc nói đụng tay người, hoặc nói đụng ngón tay người, hoặc nói đụng đốt ngón tay. Ý-thức đối với trong chúng-sinh thấy động: bảo thân là chúng-sinh, tâm là chúng-sinh. Sắc thấy là bình, rời sắc thấy có bình. Như vậy thấy trong thật-pháp tâm định chẳng động. Chẳng được nói tôi thấy sắc cũng thấy tiếng thấy. Lại trong pháp khả-tri thấy chẳng khá nói “cũng gọi là có” vì đây là giả danh có. Tại vì sao? Vì pháp sắc thấy chẳng gọi trong khả-tri thấy chẳng khá nói. Lại như pháp sắc thấy tự tướng khá nói mà bình thấy tự tướng chẳng khá nói. Nên biết là giả-danh có. Hặc có thuyết nói tướng giả-danh là tướng ở các chỗ, chẳng ở trong giả-danh. Như trong kinh nói: “Nghịch là trí-giả, tướng bất trí-giả”. Nếu thân-khẩu-ý nặng khởi thiện nghiệp gọi là trí-giả. Mà thân-khẩu-ý khởi bất thiện nghiệp gọi là bất trí-giả, thân-nghiệp khẩu-nghiệp nương tứ đại, ý-nghiệp nương tâm. Ba sự này tại sao gọi là trí-giả bất trí-giả? Cho nên biết giả-danh không có tự tướng. Lại tướng giả-danh tuy ở các chỗ cũng chẳng phải một, như nói người chịu khổ não như mũi nhọn đâm vào tâm não hoại là sắc tướng. Lại thọ là thọ tướng, cũng đối với trong người mà nói. Như Đức Phật nói: “kẻ trí kẻ ngu đều chịu khổ vui mà kẻ-Trí với trong khổ vui chẳng sinh tham giận lấy nhiều ít thấy”. Tướng là Tướng-tướng, cũng đối với trong người mà nói. Như nói tôi thấy ánh sáng, thấy sắc tác khởi là Hành-tướng, cũng với trong người mà nói. Như nói người này khởi tác phước-hành, cũng khởi tội-hành và bất-động-hành. Thức là thức-tướng, cũng với trong người mà nói, như nói kẻ-Trí biết pháp như lưỡi ném vị. Vậy nên nêu ở các chỗ mà nói cũng có nhiều tướng là tướng giả-danh. Tướng Sắc thấy chẳng ở các chỗ, cũng không nhiều tướng. Lại nếu pháp bị tất cả môn sử sai khiến là giả-danh có, thật-pháp chẳng bị sử sai khiến, vì các sử sai khiến người vậy. Lại trong giả-danh không sinh biết, mà với trong sắc thấy trước sinh biết, nhiên hậu do tà-tâm phân biệt nói: tôi thấy bình thấy. Lại biết trong bình cần đợi sắc thấy. Tại vì sao? Vì nhân sắc, hương, vị, xúc mới gọi là bình. Mà biết trong thật-pháp lại không cần đợi gì cả. Lại trong giả-danh sinh nghi, như nghi là cây trụ, hay là con người? Mà trong sắc thấy chẳng sinh nghi là sắc hay là thanh.

Hỏi: Trong sắc thấy cũng có nghi là có hay là không?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nếu thấy sắc quyết chẳng nghi là thanh. Lại vì các nhân-duyên khác nên mới nghi có sắc không sắc, như nghe nói sắc không mà lại thấy sắc thời sinh nghi nói là có hay là không. Nếu thấy được Diệt-đế thời nghi này mới dứt.

Hỏi: Trong Diệt-đế cũng có nghi là có diệt hay là không diệt?

Đáp: Trong sở chấp sinh nghi chứ không phải là Diệt-đế. Như nghe chấp có diệt, cũng không chấp không, với trong ấy sinh nghi là có hay là không. Người này bấy giờ chẳng thấy Diệt-đế. Tại vì sao? Vì kẻ thấy Diệt-đế không có nghi kia. Nên biết chỗ sinh nghi là giả-danh có. Lại với trong một vật lại sinh nhiều nhận-thức, đây là giả-danh có, như bình thấy. Trong thật-pháp chẳng có như thế. Tại vì sao? Vì trong sắc chẳng sinh tai thấy các thức. Lại bị nhiếp thuộc nhiều nhập là giả-danh có, như bình thấy. Vậy nên có người nói giả-danh có bốn nhập sở-nhiếp. Thật-pháp chẳng được nhiếp-thuộc nhiều nhập. Lại nếu không tự-thể mà năng có tác dụng là giả-danh có. Như nói người tác mà thể người và thể nghiệp thật chẳng khá được. Lại có bao nhiêu phân-biệt là kẻ oan người thân thấy, đều là giả-danh chứ chẳng phải thật-pháp mà có. Tại vì sao? Vì nếu chỉ thẳng ở trong pháp sắc thấy thời chẳng sinh tướng kẻ oan người thân gì cả. Lại đi lại thấy, dứt hư thấy, đốt nát thấy có bao nhiêu tác sự, đều là giả-danh chẳng phải thật-pháp mà có Tại vì sao? Vì thật-pháp chẳng khá đốt, chẳng khá hư vậy. Lại tội phước đều giả-danh có. Tại vì sao? Vì sát sinh thấy là tội; mà lia sát sinh thấy là phước, đều chẳng phải thật có. Lại giả-danh có đối đãi nhau mới thành như đây kia, nhẹ nặng, dài ngắn, lớn nhỏ, thầy trò, cha con và sang hèn thấy. Thật-pháp không có đối đãi mà thành. Tại vì sao? Vì sắc chẳng đợi các vật khác để thành thanh thấy. Lại chẳng nhờ không mà phá là giả-danh có như nương cây phá rừng nương rễ gốc phá cây, nương sắc thấy phá rễ gốc. Nếu lấy không mà phá là thật-pháp có. Như sắc thấy cần lấy không mà phá. Lại tùy không hành-xứ là giả-danh có. Tùy vô-ngã hành-xứ là thật-pháp có. Lại có bốn lối lập luận: một là nhất; hai là dị; ba là bất khả thuyết; bốn là không. Bốn lối luận này đều có lầm lỗi. Nên biết bình thấy là giả-danh có. Nhất: sắc, hương, vị, xúc tức là bình; dị lia sắc thấy riêng có bình; bất khả thuyết: chẳng khá nói sắc thấy là bình, hay lia sắc thấy riêng có bình; không là không có bình này. Bốn lối lập luận này đều chẳng phải lẽ. Cho nên biết bình là giả-danh.

PHẨM PHÁ NHẬT THỨ 143

Hỏi: Nhất thấy đây bốn lối lập luận có lỗi gì?

Đáp: Lối nhất-luận là pháp sắc thấy tướng đều sai khác. Nếu là một, thời cái bình chẳng có được. Lại sắc thấy mỗi mỗi chẳng gọi là địa, mà hòa hợp lại làm sao

thành địa được? Tại vì sao? Vì như mỗi mỗi ngựa chẳng gọi trâu, mà hòa hợp lại thành trâu sao được?

Hỏi: Như mỗi mỗi hột mè chẳng năng thành đồng mè, mà hòa hợp là năng thành đồng. Như vậy sắc thấy mỗi mỗi chẳng năng thành địa, mà hòa hợp lại mà thành?

Đáp: Chẳng phải vậy. Tại vì sao? Vì đồng mè là giả-danh có, còn nhất luận thấy là luận trong thật-pháp làm sao đem dụ được! Lại sắc, hương, vị, xúc là bốn pháp, mà Địa là một, thì một cũng là bốn? Việc ấy không thể được. Nên biết sắc thấy chẳng tức là địa. Lại thế-gian đều nói địa sắc, địa hương, địa vị, địa xúc; mà chẳng thấy nói là sắc sắc, mà cần lấy pháp khác để chỉ cho nhau, như nói nhà người nào đó thấy.

Hỏi: Đây chẳng lấy pháp khác chỉ cho nhau, mà tức lấy tự pháp tự chỉ, như tay chân người bằng đá. Tại vì sao? Vì lia tay chân lại không có người đá. Như vậy tuy chẳng lia sắc thấy là địa, mà cũng tự thể tự chỉ, đâu có lỗi gì?

Đáp: Nếu nói địa lấy sắc thấy tự chỉ, không có lý này. Người tuy nói dụ người bằng đá. Dụ này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như khi chỉ tay người đá, phải lấy các thân phần khác mới thành người đá. Lại giữa hư không cũng nói có như khi nói thân như khi nói thân người đá, bấy giờ người đá lại không còn có nữa, mà cũng nói được. Như Phật nói trong thân này có tóc lông máu thịt thấy, lia tóc đây thấy lại không có thân; chỗ nương ở của tóc này thấy lại không có thân; chỗ nương cũng có thể nói. Nên biết nói là nói quấy. Nếu người cho người đá thành địa cũng không thành địa được. Trong kinh người nói có sắc, hương, vị, xúc là địa. Địa này tức không phải như thân, nên biết sắc, hương, vị, xúc chẳng phải là địa. Lại trong các câu-na chỉ ra cho nhau chẳng được, vì chẳng được nói sắc này có hương, mà chỉ nói địa có sắc, hương, vị, xúc. Nên chẳng biết phải Nhất. Lại tâm biết sắc thấy với tam biết đều khác. Nên biết sắc thấy chẳng phải địa. Lại sắc thấy tên khác, địa tên khác, địa nên cũng khác.

Hỏi: Tâm khác, danh khác, đều trong hòa hợp mà có khác?

Đáp: Nếu tâm và danh chỉ là hòa hợp mới có. Mà hòa hợp chỉ là danh tự. Vậy thời địa chỉ có danh tự, không có nhất-luận vậy. Lại địa chỉ có thể lấy tất cả căn mà biết. Tại sao biết được? Vì có người nghĩ như vậy: Ta thấy địa, người địa, nếm địa và đụng địa. Nếu sắc, hương, vị, xúc là địa, thời chẳng nên chỉ có trong sắc sinh tướng địa nghĩa là ta thấy địa. Hương thấy cũng như vậy. Mà thật chỉ trong sắc mới sinh tướng địa. Nên biết chẳng phải sắc thấy là địa. Chỉ nhờ nhân duyên danh-tự trong một phần cũng có thể nói giả-danh danh tự, như người chặt cây: cũng nói chặt cây, cũng nói chặt rừng. Lại bên các câu-na khác với đà-la-phiêu. Trong ấy có bao

hiều nhân duyên. Vì nhân-duyên này mà chẳng thành nhất luận. Lại người phải tăng-khê nói năm câu-na là địa. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như trước đã nói tiếng lia sắc thấy niệm niệm diệt, rồi nối nhau sinh lại, mà chẳng phải nhân để thành tứ-đại. Cho nên biết chẳng phải tất cả tứ-đại đều có tiếng vậy.

PHẨM PHÁ-DỊ THỨ 144

Hỏi: Trong Dị-luận có những lỗi chi?

Đáp: Lia pháp sắc thấy lại không địa vậy. Tại sao biết được? Vì chẳng lia sắc, hương, vị, xúc sinh tâm biết địa, chỉ đối với trong pháp sắc thấy mà sinh tâm. Tại vì sao? Vì như sắc khác, thanh thấy khác, chẳng đợi thanh thấy mà sinh tâm biết sắc. Nếu lia sắc thấy riêng có địa ấy, cũng nên chẳng đợi sắc thấy sinh tâm biết địa. Mà thật chẳng phải chẳng đợi. Vậy nên không riêng có địa.

Hỏi: Chẳng phải chẳng đợi các pháp khác, cầu đợi sắc tướng mới sinh tâm biết sắc?

Đáp: Đến phẩm phá tông-tướng sẽ nói. Lia sắc không riêng có sắc tướng. Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại khác với pháp địa thấy không cần năng biết. Nên biết không riêng có đại thấy.

Hỏi: Địa thấy dùng hai căn khác lấy là thân-căn và nhãn-căn, Tại sao biết được? Vì mắt thấy biết là bình hoặc lấy thân-căn đưng cũng biết là bình. Vậy nên ông nói không cần lấy địa. Việc này chẳng phải lẽ?

Đáp: Nếu như vậy là bình thời bốn căn lấy: cũng lấy tĩ-căn ngữi đất bùn, thiệt căn nếm đất bùn.

Hỏi: tĩ-căn thiệt-căn chẳng năng lấy bình. Tại vì sao? Vì trong tối chẳng năng phân-biệt: hoặc ngữi bình hoặc ngữi bồn, hoặc nếm bình, hoặc nếm bồn?

Đáp: Tuy chẳng năng phân-biệt là bình hay bồn, nhưng ở trong đất bùn sinh biết là ngữi bùn nếm bùn. Lại nếu chôn cái bồn để lộ miệng, hoặc thấy, hoặc đưng chẳng năng định biết là bình hay là vò hay là miếng sành. Vậy nên biết nhãn căn thân-căn cũng chẳng năng phải lấy bình được. Lại trong tối tuy sinh tâm biết bình, mà chẳng năng phân-biệt là bình vàng hay bình bạc. Nên biết nhãn-căn thân-căn cũng chẳng năng lấy bình được. Lại tĩ-căn thiệt-căn năng lấy hoa quả bơ sữa thấy pháp; nhãn-căn thân-căn thời chẳng năng lấy: như thấy hoa thấy chẳng năng phân-biệt biết thơm, thúi, tốt, xấu và ngọt chua thấy. Vậy nên nếu bảo nhãn-căn thân-căn biết đà-la-phiêu, mà tĩ-căn thiệt-căn chẳng biết chẳng biết là không phải lẽ. Như tĩ-căn thiệt-căn chẳng năng khác được với đà-la-phiêu mà vẫn riêng có phân biệt. Nhãn-

căn thân-căn cũng như thế, tuy không khác với đà-la-phiêu mà cũng phân biệt được. Lại trong năm căn không có biết lấy giả-danh. Nên biết giả-danh chẳng phải sở-đắc của các căn mắt, thân, mũi, lưỡi, mà trong căn thứ sáu có biết giả-danh. Tại vì sao? Vì ý thức năng duyên tất cả pháp vậy. Lại nếu mắt năng thấy sắc, mà cũng thấy phi sắc ấy, lẽ ra cũng phải năng thấy tiếng thảy? Nếu như vậy thì chẳng còn cần tai thảy các căn. Việc ấy không thể được. Vậy nên chẳng đem nhãn-căn thân-căn lấy đà-la-phiêu.

Hỏi: Do sắc mới rõ đà-la-phiêu thì mắt năng thấy, chứ chẳng phải tất cả khác với sắc pháp đều có thể thấy vậy.

Đáp: Do sắc rõ bình, việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì cái gì làm bình sắc? Chỉ là hòa-hợp. Vậy nên chẳng phải sắc rõ bình. Lại nếu vì pháp khá thấy rõ các pháp khác, khiến khá thấy ấy, vì bình thảy pháp chẳng khá thấy rõ sắc, sắc cũng nên là chẳng khá thấy. Lại bình cần hai thứ: vừa khá thấy vừa chẳng khá thấy. Vì là pháp được khá thấy, chẳng khá thấy rõ vậy. Lại nếu cần vì pháp sắc thảy rõ nên nhãn thảy căn khá biết ấy, thì sắc tướng chẳng nên là bị biết của nhãn căn. Tại vì sao? Vì pháp người nhận sắc tướng nên sắc mới khá thấy. Sắc tướng này lại không có tướng. Vậy thì sắc tướng lẽ ra chẳng khá thấy. Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại nếu vì sắc rõ nên khá thấy ấy. Các căn đều nên biết đà-la-phiêu; nhĩ căn cũng ứng biết hư-không, vì tiếng rõ vậy. Lại kẻ phải lấy thân-căn biết gió, vì xúc rõ vậy. Mà pháp người chẳng phải như vậy. Vậy nên không có pháp “rõ” này.

Hỏi: Các pháp khác cũng chẳng năng làm rõ, chỉ sắc năng làm rõ.

Đáp: Chẳng phải vậy. Trong ấy không có nhân-duyên chỉ nói sắc, năng làm rõ mà các pháp lại bất năng. Như người nói đại đa đà-la-phiêu, trong ấy sắc khá thấy. Như vậy thì nhân sắc nên được sắc, lẽ phải lấy sắc tướng để rõ sắc, nhiên hậu khá được, chẳng chỉ rõ sắc năng làm rõ. Nếu nói như vậy cũng chẳng tránh khỏi lỗi như trước. Lại khi khác sinh tâm biết sắc, khi khác sinh tâm biết bình. Vậy nên dù cho sắc năng rõ, đối với bình ích chi? Lại như người mù vì quen thuộc bình, nên tuy bị đui mà sờ đụng cũng biết cái bình. Vậy nên chẳng phải chỉ sắc năng làm nhân cho thấy. Lại người mù thân-căn cũng năng biết gió, vậy nên những sắc rõ mới sinh năng tâm biết. Lại trong kinh người cũng nói xúc đên xúc thân chẳng phải địa, thủy, hỏa. Phải biết tướng gió là chẳng khá thấy. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì người mù khi biết gió này, cũng chẳng biết xúc này là khá thấy hay chẳng khá thấy. Lại người mắt thấy các pháp số lượng, trong ấy không có sắc rõ; có nghe hương cũng được biết chẳng phải hương pháp; nếm vị cũng năng biết chẳng phải vị pháp. Vậy nên cần do sắc rõ đà-la-phiêu, nhiên hậu mới biết được, việc ấy chẳng phải lẽ.

Hỏi: Nếu sắc rõ ở trong thấy phi nhân ấy. Như các pháp số vô lượng, ở trong đà-la-phiêu chẳng khá thấy và gió lẽ cũng thấy được?

Đáp: Pháp của tôi, lia sắc lại không còn có pháp nào khá thấy được. Vậy nên tùy trong pháp nào đó có sắc bình thời mắt năng thấy. Mắt đã thấy sắc tứ sinh tướng bình. Nếu trong pháp không sắc sinh, trong ấy dù có mắt vẫn chẳng sinh tướng khác với bình. Vậy nên, nếu lia sắc thấy riêng có bình ấy. Không có lý lẽ vậy.

PHẨM PHÁP BÁT-KHẢ-THUYẾT THỨ 145

Hỏi: Trong Luận Bát-khả-thuyết có những lỗi gì?

Đáp: Thật-pháp không có ở trong những luận nhất-dị bất-khả-thuyết ấy. Tại vì sao? Vì không có nhân-duyên thí-dụ để biết bất-khả-thuyết này. Vì sắc thấy pháp thật có, nên chẳng phải bất-khả-thuyết vậy. Lại các pháp đều có tự-tướng, như nảo hoại là tướng sắc lại không có tướng chi khác, mà gọi bất-khả-thuyết ư? Lại tùy nhận thức có sai khác nên pháp mới có sai khác, như dùng nhãn-thức để biết sắc mà chẳng biết thanh thấy. Vậy nên trong ấy không có bất-khả-thuyết. Lại sắc là nhiếp thuộc về sắc-nhập, chẳng phải nhiếp về thanh thấy. Nếu người muốn cho có bất-khả-thuyết ấy, thời sắc này là sắc khả-thuyết hay sắc này là phi-sắc bất-khả-thuyết; thanh thấy cũng như vậy. Lại các pháp có số thứ lớp, nếu bất-khả-thuyết, thời các pháp không thứ số. Tại vì sao? Vì đệ nhất đệ nhị chẳng khác nhau vậy. Nên biết không có pháp bất-khả-thuyết.

Chỉ ở trong giả-danh là nhất-dị nên mới nói bất-khả-thuyết tức chẳng khá nói vậy thôi.

PHẨM PHÁP VÔ THỨ 146

Hỏi: Trong vô-luận có những lỗi gì?

Đáp: Nếu không thời không có quả-báo tội phước thấy; không trói buộc, giải thoát thấy tất cả các pháp. Lại nếu chấp không, không có gì hết là chấp ấy cũng không có nốt, vì không kẻ nói và kẻ nghe vậy. Lại lập-luận có, không thấy đều do lòng tin mới nói: hoặc tin do hiện thấy biết; hoặc tin do so sánh biết; hoặc theo nơi kinh thư mà biết. Nếu nói không có gì hết, thời chẳng ở trong ba lối này. Ý người hoặc bảo tôi theo kinh thư. Việc này cũng chẳng phải lẽ. Vì ý trong kinh thư cũng khó hiểu: hoặc khi nói có, hoặc khi nói không, thì làm sao thủ tín được! Nếu tin so sánh biết thời trước cần hiện thấy, nhiên hậu mới sánh biết. Lại pháp bình thấy nay hiện thấy có vì năng sinh biết vậy. Tùy năng sinh tâm thời pháp này có, nên chẳng không vậy. Lại nay bình, bòn thấy hiện có sai khác, nếu tất cả hư-không, đâu có sai khác? Ý người hoặc hảo vì nhớ tướng bậy nên mới có phân-biệt ấy. Có sao chẳng đối ở

giữa hư-không mà phân-biệt bình thảy. Lại nếu người bảo vì si nên sinh tâm biết vật ấy. Nếu tất cả không, thì si này cũng không có do đâu mà khởi? Lại ý người bảo tất cả pháp không có. Thì biết ấy do duyên nào đâu mà sinh? Các biết chẳng lẽ vô duyên mà sinh? Vì biết vật nên gọi là biết. Vậy nên biết chẳng nên nói không. Lại nếu đều không ấy. Nay tất cả người đời tùy ý mà hành-vi. Mà thật những người lành đều vui bố-thí trì-giới nhẫn-nhục các pháp lành xa lìa pháp chẳng lành. Nên biết chẳng phải không. Lại pháp bình thảy nay hiện khá biết, mà người nói hiện-tại đều không có. Vì không pháp nên cũng chẳng nên tin kinh thư. Vậy thì do nhân-duyên gì mà nói tất cả không? Tất cả không, việc này cần phải thuyết minh. Nếu chẳng năng dùng nhân-duyên để thuyết-minh được, thì sở chấp của kẻ đối-phương tự nhiên phải được thành-lập. Luận đối phương được thành-lập, thì pháp người hoại mất. Nếu có nhân-duyên khá thành, thì chẳng gọi là không có được.

PHẨM LẬP-VÔ THỨ 147

Kẻ lập luận thuyết-vô nói: Tuy người dùng ngôn thuyết phá trống-không, nhưng các pháp thật không có, vì các căn trần đều chẳng khá được vậy. Tại vì sao? Vì trong các pháp không có hữu-phần khá hay. Vậy nên tất cả pháp chẳng khá lấy, vì chẳng khá lấy nên không. Nếu người bảo hữu-phần tuy chẳng khá lấy, nhưng các phần khác lấy ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong các phần chẳng sinh tâm; vật thô bình thảy khá lấy vậy. Lại phần chẳng làm thành hữu-phần. Tại vì sao? Vì nhân hữu phần nên mới nói phần, mà hữu phần không, nên phần cũng không. Lại đà-la-phiêu, cầu-na không phần, vậy nên không phần. Lại nếu thấy vi-tế phần, thì lẽ nên thường sinh phần tâm, mà chẳng sinh tâm biết cái bình. Tại vì sao? Vì nếu thường nghĩ phần, trọn chẳng ưng sinh tâm biết bình lẽ phải lâu mới sinh. Mà thật chẳng lâu sinh, nên chẳng nghĩ phần. Lại nếu thấy bình chẳng sinh tâm phần phân-biệt, tức sinh tâm biết bình. Lại không có tất cả phần. Tại vì sao? Vì tất cả phần đều có thể phân chia đều có thể phân chia tan nát cho đến thành vi-trần; rồi lấy phương phá “vi trần” qui về “đều không có”. Lại tất cả các pháp rốt-ráo quyết sinh “không-trí”. Vậy nên trong đệ-nhất-nghĩa các phần đều không. Lại nếu kẻ nói phần, thì phá hai đế-lý. Tại vì sao? Vì các người nói không có hữu-phần chỉ có các phần, thì không khứ lai, kiến-đoạn thảy các nghiệp. Như vậy là không có thể-đế. Người cho đệ-nhất-nghĩa là trống không. Trong đệ-nhất-nghĩa cũng không có các phần. Nên biết chỉ nói các phần thì chẳng vào hai Đế. Mà vì chẳng vào trong hai Đế nên không có. Lại nếu pháp khá vượt qua tức là không có, như nhân phần phần vượt qua hữu-phần rồi cũng lại nhân các phần khác vượt qua phần trước. Vì có thể qua nên không có phần luận này, lại sắc thảy cũng không. Tại vì sao? Vì mắt chẳng năng thấy sắc vi-tế; ý chẳng năng lấy sắc hiện-tại. Vậy nên sắc chẳng khá lấy được. Lại nhãn-thức chẳng năng phân-biệt sắc này; ý-thức ở quá-khứ, chẳng ở trong sắc hiện-tại. Nên không có kẻ năng phân-biệt sắc. Vì không phân-

biệt nên sắc chẳng khá lấy. Lại thức ban đầu chẳng năng phân-biệt sắc, thời thức thứ hai thấy cũng lại như vậy. Vậy nên không có kẻ năng phân biệt sắc.

Hỏi: Nhân-thức lấy sắc rồi sau mới đem ý thức nghĩ nhớ, vậy nên chẳng không phân-biệt?

Đáp: Nhân-thức thấy sắc xong liền diệt, kế đó mới sinh ý thức. Ý thức này chẳng thấy sắc. Chẳng thấy làm sao năng nhớ? Nếu chẳng thấy mà năng nhớ, thời người mù lẽ cũng nhớ? Mà thật chẳng nhớ gì! Vậy nên ý thức chẳng năng nhớ vậy.

Hỏi: Từ nhân-thức sinh ý thức, vậy nên năng nghĩ nhớ:?

Đáp: Chẳng phải vậy. Tại vì sao? Vì tất cả tâm sau đều nhân nhân-thức mà sinh. Vậy thì lẽ đều năng nhớ? Lại quyết chẳng ưng quên, vì từ kia sinh vậy? Mà thật chẳng phải như vậy. Nên biết ý thức cũng chẳng năng nhớ; như nhớ luống dối, lấy sắc bình thấy muôn vật cũng đều luống gạt, không mà lấy quấy. Vậy nên không tất cả vật. Lại nếu nói mắt thấy hay chẳng đến mà năng thấy? Nếu đến thời chẳng năng thấy, vì mắt không có tướng đi. Việc này trước đã nói rõ. Nếu chẳng đến mà thấy lẽ phải thấy thấy tất cả chỗ sắc. Mà thật chẳng thấy. Nên biết chẳng phải chẳng đến năng thấy.

Hỏi:Sắc ở cảnh bị biết thời mắt năng thấy?

Đáp: Cảnh bị biết là thế nào?

Hỏi: Tùy khi mắt năng thấy gọi là cảnh biết?

Đáp: Tùy khi mắt năng thấy gọi là cảnh biết?

Đáp: Nếu mắt chẳng đến cũng gọi là cảnh biết ấy. Tất cả chỗ sắc lẽ đều là cảnh biết. Vậy nên đến và chẳng đến đều chẳng năng thấy. Nên biết sắc chẳng thể thấy được. Lại nếu trước có mắt và sắc, sau nhân-thức mới sinh, thời nhân thức này không chỗ nương và duyên; nếu đồng thời thời chẳng gọi mắt và sắc làm nhân-duyên sinh thức, vì đồng thời không làm nhân cho nhau được vậy. Lại mắt là tứ-đại, nếu mắt năng thấy, thời thay thấy lẽ cũng năng thấy, vì đồng là tứ-đại vậy. Sắc cũng như vậy. Lại nhân-thức này nên hoặc có chỗ, hoặc không chỗ; hai lẽ đều có lỗi. Tại vì sao? Vì nếu nhân-thức nương nhân thời có chỗ; nếu vật không chỗ thời nương đâu chẳng được. Nếu người bảo thức sinh một chỗ phần ít nơi mắt. Hoặc khắp sinh, hoặc trong hai mắt đồng thời sinh, thời thức có chỗ. Mà có chỗ thời hữu-phần. Như vậy thời do nhiều thức, mà thành một thức. Có những lỗi như thế, và cũng có lỗi nhiều thức đồng thời sinh. Lại phần mỗi mỗi thức chẳng năng biết

được hữu-phần ấy, lẽ ra phải biết. Mà thật không có hữu-phần. Có những lỗi như thế. Nếu không chỗ thời chẳng nên nương mắt.

PHẨM PHÁ-THANH THỨ 148

Kẻ thuyết-vô nói: Một lời cũng không có. Tại vì sao? Vì tâm niệm niệm diệt, tiếng cũng niệm niệm diệt: Như nói Phú-Lâu-Sa, lời này chẳng khá nghe. Tại vì sao? Vì vừa nghe Phú thời Thức chẳng nghe Lâu; nghe Lâu Thức chẳng nghe Sa. Không có một Thức năng lấy cả ba lời. Vậy nên không Thức năng lấy một lời. Nên biết tiếng chẳng khá nghe. Lại tán-tâm nghe tiếng định-tâm chẳng năng nghe; vì sở tri của định-tâm là thật. Vậy nên tiếng chẳng khá nghe. Lại tiếng này, hoặc đến hoặc chẳng đến đều chẳng khá nghe, vì chẳng khá nghe nên không tiếng.

Lại có người nói: Tai là tính hư-không, vì nói không vật nên gọi hư-không. Vậy nên không tai. Không tai nên không tiếng. Lại tiếng là nhân duyên không. Vậy nên không tiếng. Tiếng nhân-duyên là các đại hòa-hợp pháp mà hòa-hợp là chẳng khá được. Tại vì sao? Vì nếu thế các pháp khác thời không có hòa-hợp. Nếu thế không khác sao chẳng tự hợp. Dù ở một chỗ cũng niệm niệm diệt. Vậy nên hòa hợp chẳng được.

PHẨM PHÁ HƯƠNG-VỊ-XÚC THỨ 149

Hương chẳng khá lấy. Tại vì sao? Vì tỉ-thức chẳng năng phân-biệt là hương chiêm-bồ là hương chiêm-bồ hay các thứ hương khác. Ý thức chẳng năng nghe hương, vậy nên ý thức cũng chẳng năng phân biệt là hương chiêm-bồ.

Hỏi: Tuy chẳng năng phân-biệt là hương chiêm-bồ, như năng lấy hương?

Đáp: Chẳng phải vậy. Như người chẳng được cây chiêm-bồ, vì ngu-si nên tâm sinh cây chiêm-bồ. Như vậy chẳng được hương thể, vì ngu-si nên sinh tâm-hương. Lại như trước đã nói hương hoặc đến, chẳng đến mà lấy, hai lẽ đều có lỗi. Vậy nên không hương. Vị cũng như vậy. Xúc cũng không. Tại vì sao? Vì trong vi-trần thấy phần hỷ chẳng sinh biết xúc, như trước đã nói. Vậy nên không có xúc.

Thành Thật luận hết quyển 13

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỀN THỨ 14

PHẨM PHÁ Ý-THỨC THỨ 150

Ý-thức cũng chẳng năng lấy pháp. Tại vì sao? Vì ý-thức chẳng năng lấy sắc-hương-vị-sắc ở hiện tại, như trước đã nói quá-khứ vị-lai thời không có. Vậy nên ý-thức chẳng lấy sắc thấy.

Hỏi: Nếu ý-thức chẳng biết pháp sắc thấy, lẽ biết tự-thể.

Đáp: Pháp chẳng tự biết. Tại vì sao? Vì hiện-tại chẳng khá tự biết, như cái dao chẳng năng tự cắt mình; còn quá-khứ vị-lai vì không pháp nên cũng không có tâm nào khác nữa. Vậy nên ý-thức chẳng tự biết.

Hỏi: Như người khi biết tâm kẻ khác, là ý-thức năng biết tâm pháp đó?

Đáp: Như người tâm chẳng tự biết, mà cũng khởi nghĩ như vậy: ta có tâm ở trong tâm kẻ khác, cũng lại như vậy. Lại nếu pháp vị-lai không, cũng có thể sinh biết tâm người khác. Nếu như thế có lỗi gì? Lại ý-thức năng duyên pháp thời có nhiều lỗi: như ý đến duyên, và ý chẳng ưng nhớ sắc thấy, vì những lỗi này vậy, nên Ý-thức chẳng biết pháp.

PHẨM PHÁ NHÂN QUẢ THỨ 151

Kẻ thuyết-vô nói: Nếu có quả lẽ ra trong nhân trước phải có cầu-na mới sinh, hay trước không cầu-na mà sinh? Hai lẽ đều không lỗi. Như trong hai tay trước không tiếng mà năng có tiếng. Trong nhân rượu, trước không rượu cũng năng sinh rượu. Trong nhân xe, trước không xe mà năng thành xe. Nên chẳng phải trong nhân trước có cầu-na mà sinh quả vậy. Nếu người bảo: Trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả ấy. Thời như vì trần không sắc gió, lẽ phải sinh sắc? Nếu như vậy thời gió có sắc; trong chất kim cương thấy lẽ cũng có mùi thơm. Lại hiện thấy chỉ trắng thời thành vải trắng; chỉ đen thời thành vải đen. Nếu trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả ấy. Tại sao chỉ trắng vẫn thành trắng mà chẳng thành đen ư? Nếu chẳng phải trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả vậy. Hai lẽ này cũng lý mà đều có lỗi. Vậy nên không quả. Lại nếu trong nhân có quả thời chẳng cần sinh lại, vì đã có sinh làm chi nữa! Nếu không cũng chẳng sinh được, vì không làm sao sinh?

Hỏi: Hiện thấy làm bình, sao nói không quả?

Đáp: Chiếc bình này, nếu trước chẳng làm, làm sao làm được? Vì nói không có vậy. Nếu trước đã làm, còn làm chi nữa? Vì nói có rồi vậy.

Hỏi: Chính khi làm gọi là làm?

Đáp: Không có khi nào là khi làm. Tại vì sao? Vì chỗ phân có làm đã đọa trong làm, nên không có khi làm. Lại nếu bình có làm, thời nên làm quá-khứ, vị-lai hay hiện-tại? Chẳng làm ở quá-khứ vì trước đã diệt vậy. Chẳng làm vị-lai vì vị-lai chưa có vậy. Chẳng làm hiện-tại, vì là có vậy. Lại nhân có tác giả mới có thành nghiệp. Mà trong ấy kẻ tác giả thật chẳng khá được. Tại vì sao? Vì thân phần cái đầu thấy đối với việc làm ấy vô sự vậy, nên không có tác giả. Vì không tác giả nên tác sự cũng không. Lại nhân ở trong quả: hoặc trước hoặc sau, hoặc đồng thời đều chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu nhân trước, quả sau là nhân đã diệt hết, quả làm sao sinh, như không cha làm sao sinh con? Nếu nhân sau quả trước; nhân tự chưa sinh, làm sao sinh quả? Như chưa đẻ cha ai mà sinh con? Nếu nhân quả đồng thời thời không có lý. Như hai sừng đồng mọc chẳng được nói tướng tả-hữu. Lẽ của nhân cùng cực ba điều này mà đều chẳng phải lẽ, vậy nên không Quả.

Lại nhân-quả này hoặc nhất hoặc dị, hai lẽ đều có lỗi. Tại vì sao? Vì nếu dị thời lẽ ra lìa chỉ có vài; nếu nhất thời chỉ và vài không sai khác. Lại người đời chẳng thấy có pháp nhân quả nào không sai khác. Lại nếu có quả lẽ phải tự mình làm, hoặc kẻ khác làm, chung lại làm hay không nhân mà làm? đều là chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì không có pháp nào mà năng làm tự-thể. Nếu sẵn có tự-thể cần gì tự làm. Nếu không tự-thể làm sao tự làm được? Lại chẳng thấy có pháp nào năng làm tự-thể, nên chẳng tự làm. Kẻ khác làm cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như mắt và sắc đối với việc sinh Thức vô-sự, nên kẻ khác chẳng làm được. Lại vì không có nghĩ tướng làm, nên tất cả pháp không kẻ làm; như hạt giống chẳng khởi nghĩ là ta nên sinh mộng. Mắt và sắc cũng chẳng khởi nghĩ là chúng tà nên chung lại mà sinh Thức. Vậy chẳng phải lẽ, vì có lỗi tự mình và kẻ khác. Vô-nhân làm cũng chẳng phải lẽ, vì nếu vô-nhân tên quả cũng không có. Bốn lẽ như trên đều không được làm sao có quả. Nếu có nên nói? Lại quả này lẽ: hoặc trước có tâm làm, hay trước không có tâm làm? Nếu trước có tâm làm thời thân-phần mắt thấy của đứa bé trong thai ai có tâm làm? Trời Tự-Tại thấy cũng chẳng làm nên được. Nghiệp phẩm trước đã nói cũng không tâm đối với việc làm. Nghiệp này ở trong quá-khứ làm sao sẽ có tâm. Vậy nên nghiệp cũng không tâm. Nếu trước không tâm làm, thời làm sao làm khổ kẻ khác bị khổ; làm vui kẻ khác được vui? Lại hiện trong nghiệp làm cũng đem tâm phân-biệt: nên làm như vậy, chẳng nên làm như kia. Nếu không tâm làm, làm sao có sai biệt này? Vậy trước có tâm không tâm đều chẳng phải lẽ. Những như thế thấy tất cả căn, trần đều chẳng khá được. Vậy nên vô-pháp.

PHẨM THẾ-ĐẾ THỨ 152

Đáp: Tuy người đem các món nhân-duyên nói các pháp đều không. Nghĩa này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trước tôi đã nói nếu tất cả không, luận này cũng không có, cũng chẳng ở trong các pháp. Hết thấy như vậy phá không, người trọn chẳng đáp, hãy còn cố tâm thành lập không. Vậy nên chẳng phải không có tất cả các pháp. Lại người đã nói không căn duyên thấy. Việc này chẳng phải chỗ minh luận của chúng tôi. Tại vì sao? Vì trong kinh Phật tự ngăn việc này: bảo năm việc bất-khả-tư-nghì là: việc thế-gian; việc chúng-sinh; việc nghiệp nhân-duyên; việc của người tọa-thiền; và việc các Đức Phật. Việc này chẳng phải tất cả người trí chẳng năng nghĩ lường quyết đoán, chỉ các Đức Phật các pháp-trí năng phân-biệt. Thanh-Văn, Bích Chi Phật, chỉ có trí-huệ thông đạt Nê-Hoàn, còn đối với trong trí phân-biệt các pháp chỉ được phần ít các Đức Phật đối với tất cả pháp, tất cả chủng loại, gốc ngọn, thể-tính, tổng-tướng, biệt tướng đều năng thông-đạt, như người, nhà cửa thấy vật dễ hư khó thành. Như vậy không-trí dễ được, mà trí-huệ chính phân-biệt các pháp khó sinh.

Hỏi: Như Phật ngồi chỗ đạo-tràng, chúng được các pháp tướng. Cứ đúng như Phật đã nói, phải như vậy mà nói?

Đáp: Tuy Phật nói tất cả pháp, nhưng chẳng nói tất cả chủng, vì chẳng được giải thoát vậy. Như Phật nói các pháp từ nhân-duyên sinh, nhưng chẳng nói mỗi mỗi từ chỗ nhân-duyên nào, mà chỉ nói điều cần thiết dùng năng dứt khổ mà thôi. Vẽ vờ thấy các màu sắc; kỹ nhạc thấy các tiếng tăm; và các món hương vị xúc vô lượng sai biệt không thể nói hết được. Nếu nói cũng không lợi ích gì lớn lao, nên Phật chẳng nói những việc như vậy, chẳng được nói là không có. Lại như người chẳng biết phân-biệt các phép họa phẩm, bèn nói đó là không. Người cũng như thế, việc chẳng năng thành sự, rồi bèn nói là không có việc ấy. Nhưng với kẻ-trí thời có, mà kẻ bất-trí là không. Như người bị mù từ trong bụng mẹ nói: không có đen trắng, vì tôi chẳng thấy vậy. Chẳng nên vì chẳng thấy mà nói không có các sắc như thế. Nên chẳng năng vì nhân-duyên thành, nên bèn nói không có tất cả pháp. Lại các Đức Phật Thế-Tôn là Đấng Thế-Trí, được chúng ta tin, Phật nói có ngũ-âm, nên biết sắc thấy tất cả pháp có, như cái bình thấy vì thể để nên vẫn có.

PHẨM DIỆT PHÁP TÂM THỨ 153

Hỏi: Ông trước nói diệt ba tâm gọi là Diệt-đế. Đã biết nhân-duyên diệt tâm giả-danh. Nay pháp-tâm là thể nào? Và tại sao phải diệt?

Đáp: Tâm cho thật ngũ-âm, gọi là pháp tâm. Khéo tu không trí thấy ngũ-âm trống không, thời diệt được pháp tâm này.

Hỏi: Hành-giả quán ngũ-âm không là trong ngũ-âm; vô thường pháp, định pháp, bất hoại pháp, bất biến pháp, ngã, ngã-sở-pháp. Vì không có pháp này nên nói là tu trống không, chứ chẳng phải thấy ngũ-âm?

Đáp: Hành-giả cũng chẳng thấy ngũ-âm. Tại vì sao? Vì kẻ hành-giả dứt tâm thời tâm hữu-vi, được tâm duyên vô-vi. Vậy nên hành-giả chẳng thấy ngũ-âm, mà chỉ thấy âm diệt. Lại nếu thấy ngũ-âm thời chẳng ngũ-âm, mà chỉ thấy âm diệt. Lại nếu thấy ngũ-âm thời chẳng gọi là không.. Vì âm chẳng không vậy, như vậy thời chẳng đầy đủ không trí.

Hỏi: Hành giả thấy sắc, vì vô-ngã nên không. Như trong kinh nói: “Hành giả thấy sắc này trống không, cho đến thức cũng trống không”. Phải biết chẳng phải không có sắc thấy các âm.

Đáp: Có nói như thế, nhưng chẳng phải thanh-tịnh. Như trong kinh pháp-ấn nói: Hành-giả thấy tướng sắc thấy pháp vô thường, bại-hoại luống-dối, nhàm lìa”. Đây cũng gọi là trống không. Nhưng chưa phải là thanh-tịnh. Về sau người này thấy ngũ-âm diệt, là tu quán ấy mới tịnh. Nên biết thấy các âm diệt.

Hỏi: Vì trí-duyên hữu-vi, tại sao chẳng được như thanh tịnh?

Đáp: Hành-giả hoặc khi khởi tướng ngũ-âm, nên sinh lại tâm giả-danh. Vậy nên tâm duyên hữu-vi chẳng được thanh tịnh. Nếu chúng các âm diệt, thời ngũ-âm chẳng hiện tiền nữa. Vì thành-tựu diệt diệt được nhân-duyên giả-danh vậy, nên tướng giả-danh chẳng theo âm-ảnh nữa. Thí như có cây, cửa chặt, đốt cháy, tro than đều tiêu hết; tướng cây mới diệt còn theo âm-ảnh nữa. Việc này cũng vậy. Lại Đức Phật bảo La-Đà: Người phá vỡ tan nát chúng-sanh, khiến chẳng còn hiện. Lại một kinh khác nói: “La-đà người phá vỡ tan nát sắc, cho đến thức, khiến chẳng còn hiện”. Nên biết nếu phá hoại chúng-sinh là giả-danh trống không. Nếu phá hoại sắc gọi là pháp không. Lại hai pháp quán, không quán; vô-ngã quán. Không quán là chẳng thấy giả-danh chúng-sinh, như người thấy bình vì không có nước nên trống không. Như vậy vì thấy trong ngũ-âm không có người nên trống không, như chẳng thấy pháp gọi là vô-ngã. Lại trong kinh nói: “Được vô-ngã-trí thời chính giải thoát”. Nên biết sắc tính diệt, thọ, tướng, hành thức, tính diệt, gọi là vô-ngã. Vô-ngã tức là vô-tính.

Hỏi: Nếu vì vô-tính gọi vô-ngã ấy. Nay ngũ âm thật không có sao?

Đáp: Ngũ-âm thật không, vì thế-đế nên mới có. Tại vì sao? Vì Phật nói các hành thấy đều như huyễn, như hóa, vì thế đế nên có. Vì thế-đế mà có là chẳng phải thật có vậy. Lại trong kinh nói đệ-nhất-nghĩa không. Nghĩa này vì đệ-nhất-nghĩa-đế nên

mới trông không, chứ chẳng phải thế-đế mà không. Đệ-nhất-nghĩa là chỗ gọi sắc trông-không không gì hết, cho đến thức trông không, không gì hết. Vậy nên nếu người quán sắc thấy pháp trông-không, gọi là thấy đệ-nhất-nghĩa không?

Hỏi: Nếu ngũ-âm vì thế-đế nên có. Tại sao nói sắc thấy pháp là Chân đế?

Đáp: Vì chúng-sinh nên mới nói Có người đối với ngũ-âm sinh nghĩ tướng chân-thật. Vì đây nên nói ngũ-âm sinh vì đệ-nhất-nghĩa nên trông-không.

Hỏi: Trong kinh chẳng nói có nghiệp quả-báo. Chỉ tác-giả chẳng khá được sao?

Đáp: Đây bởi các pháp mà nói tác-giả chẳng khá được là nói giả-danh trông-không. Như trong kinh nói các pháp chỉ có giả-danh-tự. Giả-danh-tự ấy, chỗ gọi vô-minh, nhân-duyên các hành, cho đến lão-tử các Khổ, Tập, Diệt. Bởi lời này nên biết ngũ-âm cũng đệ-nhất-nghĩa nên không. Lại trong kinh Đại-không nói: “Như người nói đây lão-tử. Hoặc người nói thân tức là Thần. Hoặc nói thân khác, Thần khác. Những lời nói ấy khác mà nghĩa đồng. Nếu có những kiến-chấp này, chẳng phải đệ tử Ta, chẳng phải kẻ phạm-hạnh”. Nếu ngăn lão-tử kia, thời phá giả-danh, ngăn lão tử đây thời phá ngũ-âm. Lại nói sinh duyên lão-tử gọi là trung-đạo. phải biết đệ-nhất-nghĩa-đế nên nói không lão-tử; thế-đế nên nói sinh duyên lão-tử. Lại như tướng quá hơn bình thời đệ-nhất-nghĩa nên không sắc. Lại trong kinh nói: “Nếu pháp ấy là lừa gạt, tức là luống-dối; nếu pháp chẳng phải gạt tức gọi là thật”. Các pháp hữu-vi đều biến khác, nên đều gọi là gạt. Gạt nên luống dối. Luống dối nên chẳng phải chân-thật có. Như kệ nói:

Thế-gian luống-dối trói,

Trạng như tướng quyết định

Thật không thấy in có,

Xem kỹ thời đều không.

Phải biết các âm cũng trông không. Lại thấy diệt đế nên gọi là đắc Đạo. Nên biết Diệt là đệ-nhất-nghĩa có, chẳng phải các âm vậy. Nếu các âm thật có, hành giả cũng nên thấy mà được Đạo? Mà thật chẳng phải vậy. Nên biết ngũ-âm chẳng phải đệ-nhất-nghĩa có. Lại vì âm diệt thật, nên biết các âm chẳng phải thật; chẳng nên nói các âm là thật. Không âm cũng thật. Lại có bao nhiêu pháp bị thấy đều vì si vậy, như người mắt chẳng khá gạt được, thời chẳng thấy huyền. Như vậy nếu không ngu si thời chẳng thấy các âm. Vậy nên các âm chẳng phải đệ-nhất-nghĩa có. Lại trong kinh nói: “Tùy có ngã tức là động xứ”. Mà trong âm có ngã, như A-Nan nói:

Nhân pháp thành ngã. Nghĩa là nhân sắc ấm, cho đến thức ấm. Lại các vị thượng-tọa Tỳ-kheo hỏi Sai-Ma-già: Người lấy sự gì làm ngã?

Đáp: Tôi chẳng nói sắc là ngã, chẳng nói liạ sắc là ngã, cho đến thức cũng như vậy. Mà chỉ nói ngã mạn trong ngũ-ấm chưa dứt.

Ý kinh này cho kẻ học nhân hoặc khi tâm niệm bị tán loạn cho mới khởi ngã mạn. Nếu nhiếp tâm niệm diệt ngũ-ấm thời ngã-mạn diệt. Như hoa chẳng tức rễ cây nhánh lá là hoa, mà cũng chẳng rời các thứ ấy là hoa; như vậy chẳng phải sắc thấy là ngã, mà cũng chẳng rời sắc thấy là ngã. Như vậy nhân duyên diệt ngã thời ngã mạn chẳng khởi. Nên biết các ấm cũng không. Lại hành giả nên diệt tất cả tướng để chứng vô tướng. Nếu thật có tướng, vì sao chẳng nghĩ nhớ? Chẳng phải như ngoại đạo khi liạ nơi sắc, biết thật có sắc, nhưng chẳng nhớ nghĩ. Hành-giả cần thấy sắc thấy các ấm diệt hết. Vì thấy diệt hết nên gọi là vào vô tướng. Nên biết sắc thấy chẳng phải đệ-nhất-nghĩa. Lại tùy có ngũ-ấm thời có ngã-tâm. Phải biết không có ngũ-ấm thời ngã-tâm diệt. Vậy nên các ấm đều trống không. Lại trong kinh Thủy mạt Phật nói: “Như người thấy cục bọt nước rồi xem xét cho kỹ biết đó chẳng phải chân-thật. Tỳ-kheo cũng vậy, nếu chính quán sắc-ấm, tức biết đối gạt không bền không chắc là tướng hư hoại. Quán thọ như bong bóng nước; Tướng như dã mã; Hành như cây chuối; Thức như huyễn hóa, cũng lại như vậy”. Năm dụ trên đây đều chỉ rõ nghĩa trống không. Tại vì sao? Vì mắt thấy cục bọt nước, khi tiêu hết là hoàn lại không. Bong bóng nước thấy cũng như vậy. Nên biết các ấm chẳng chân thật có. Lại như đệ-tử Phật rất nhàm sinh tử đều bởi thấy các pháp xưa nay chẳng sinh, không có sở hữu vậy. Như thấy vô thường thời chỉ năng sinh bại hoại khổ tướng, như thế thấy vô tính, không còn tướng gì khác thời mới năng đầy đủ hành khổ. Đủ ba khổ này gọi là được giải thoát. Phải biết tất cả các pháp đều trống không. Lại không là cửa giải thoát. Không này chẳng phải chỉ chúng-sinh không, mà hữu pháp cũng không luôn. Như nói mắt khi sinh chẳng từ đâu mà đến; khi diệt không đến chỗ nào. Thời biết quá-khứ, vị-lai mắt trống không. Mắt hiện tại cũng do tứ-đại chia chẻ nên không. Như Phật nói mắt: Trong hình thị, có bao nhiêu cứng và nương cứng gọi là địa thấy. Nếu được không này thời nói không có gì hết. Lại nói: Tất cả các hành dứt gọi đoạn tính; liạ gọi ly-tính; dứt gọi diệt tính. Nên biết tất cả cá hành đều diệt. Nếu thật có các thời không có Chính, Đoạn, Ly, Diệt. Diệt gọi là không. Nên phải biết đệ-nhất-nghĩa nên các hành đều không có. Chỉ vì thế-đề nên mới có các hành.

PHẨM DIỆT-TẬN THỨ 154

Nếu duyên Nê-Hoàn gọi là không tâm.

Hỏi: Nê-Hoàn vô-pháp tâm duyên vào chỗ nào?

Đáp: Tâm này duyên vô-sở-hữu. Việc này trước đã rõ vì biết Nê-Hoàn vậy.

Hỏi: Không-tâm này diệt ở chỗ nào?

Đáp: Hai chỗ diệt: một vào trong vô-tâm-Định Diệt, hai khi vào vô-dur Nê-hoàn dứt tương tục mà diệt. Tại vì sao? Vì diệt nhân-duyên nên tâm này cũng diệt. Trong vô-tâm-Định vì duyên diệt nên diệt; khi dứt tương tục vì nghiệp hết nên diệt. Luận-giả nói: Kẻ hành giả, nếu năng diệt ba tâm này, thì các nghiệp phiền não hẳn chẳng còn khởi lại nữa.

Hỏi: Tại sao chẳng khởi?

Đáp: người này đầy đủ vô-ngã, nên diệt được nghiệp phiền não, như thối đèn đen có chỗ nương ở là trụ lại, mà không chỗ nương thì chẳng trụ vậy. Như vậy nếu có ngã-tâm làm chỗ nương thì nghiệp phiền não nhóm, không thì chẳng nhóm. Lại vô-lậu chính-kiến đốt hết các tướng, khiến không còn sót, như kiếp-hỏa đốt cháy hết đất thấy không còn. Vì vô tướng nên các nghiệp phiền não chẳng nhóm lại nữa. Lại kẻ có ngã-tâm thì nghiệp phiền não nhóm. A-La-Hán thông đạt không trí vì không ngã tâm nên chẳng còn nhóm.

Hỏi: Người này tuy nghiệp mới chẳng nhóm, nhưng vì nghiệp cũ, có sao chẳng sinh?

Đáp: Người ấy đem chính trí-huệ phá hoại nghiệp này, nên chẳng năng trả báo được, như hạt giống rang chẳng còn sinh được. Lại nếu không có ái-tâm thì tác-nghiệp chẳng hay trả báo được, như đất chẳng ướt thì giống chẳng mọc. Lại hành-giả này với các thức-xứ diệt hết các tướng, thức không chỗ nương nên không có chỗ sinh, như giống không chỗ nương thì mọc chẳng được. Lại đủ nghiệp phiền não mới năng thọ-thân, mà chẳng đủ thì tiêu-diệt. Người này không phiền não nên nhân-duyên chẳng đủ, dù có các nghiệp cũng chẳng thọ sinh được.

Lại chúng-sinh vì phiền não nên thọ thân các thú. Vì thọ thân nên các nghiệp trong ấy năng cùng với quả-báo. Nếu không phiền não thì chẳng thọ thân. Chẳng thọ thân, thì các nghiệp làm sao năng cùng quả-báo được? Như người mắc nợ nhờ cây thế-lực, thì chủ nợ chẳng làm gì được. Hành-giả cũng vậy nếu chẳng ở trong sinh tử thì dù có các nghiệp cũng chẳng trả báo được. Lại như người bị trói, những người chẳng bị trói tha hồ mắng chửi. Như vậy chúng-sinh bị phiền não trói, tùy nghiệp nhiều ít đều năng trả báo. Kẻ được giải thoát, thì phiền não chẳng làm gì được. Lại tự nghiệp mình năng trả quả-báo; người này tu hạnh không hành nên

đổi với các pháp không có tự tướng, vậy nên các nghiệp chẳng trả báo được, như dùng con làm tở, thời khỏi trả tiền thuê. Việc này cũng như vậy. Lại sức mạnh phiền não năng xoay các nghiệp mà phiền não hết sức, thời các nghiệp chẳng ai xoay, như bánh xe tuy còn, mà động lực đã hết, thời bánh xe chẳng lăn. Lại sức phiền não năng biến các nghiệp, như mẹ vì thương con nên máu biến thành sữa; khi hết lòng thương, thời máu chẳng biến. Như vậy vì sức phiền não, nên nghiệp năng báo, lia thời chẳng năng. Lại người này, nhờ Giới, Định, Huệ các công-đức tu thân thể lực rất lớn, nên các nghiệp chẳng làm gì được. Vậy nên tuy có các nghiệp mà chẳng trả báo được. Như vậy, người, người này nghiệp cũ hiện còn trả báo chút ít thôi; mà chẳng gây nghiệp mới, như lửa đốt củi, củi hết thời tắt. Người này cũng như vậy, vì chẳng thọ nên diệt, diệt ba tâm, nên đối với tất cả các khổ được giải thoát hẳn. Vậy nên kẻ Trí cần diệt ba tâm.

Hết nhóm Diệt-Đế.

PHẨM ĐỊNH-NHÂN TRONG ĐỊNH-LUẬN NHÓM ĐẠO-ĐẾ THỨ 155

Luận giả nói mới luận về Đạo-Đế. Đạo-Đế là tám con đường chính thẳng từ chính-kiến cho đến chính-định. Tám chính đạo này được nói có hai: một gọi là tam-muội và dụng-cụ; hai gọi là trí. Nay đang luận về tam-muội.

Hỏi: Tướng tam-muội những ra sao?

Đáp: Tâm trụ một chỗ là tướng tam-muội.

Hỏi: Tâm này làm sao trụ được một chỗ?

Đáp: Tùy chỗ tập luyện nhiều, với chỗ ấy an-trụ được. Nếu chẳng tập nhiều, thời mau bỏ lia.

Hỏi: Tập bằng cách nào?

Đáp: Tùy muốn vui tập.

Hỏi: Làm sao vui được?

Đáp: Thân tâm nặng nề gọi là khổ. Dùng phương pháp khoan-khoái trừ tướng thô nặng nơi thân tâm, thời năng sinh vui.

Hỏi: Làm sao sinh khoan-khoái?

Đáp: Dùng nhân-duyên hoan hỷ, nên thân tâm hòa vui.

Hỏi: Làm sao sinh hỷ?

Đáp: Do nghĩ Tam-bảo và nghe Pháp thấy tâm ưa thích nên sinh hỷ.

Hỏi: Làm sao sinh ưa thích?

Đáp: Do thanh tịnh trì giới, tâm chẳng sinh ăn năn.

Hỏi: Đã nói nhân tam-muội. Nay tam-muội lại làm nhân cho cái gì?

Đáp: Làm nhân cho như-thật-trí. Như-thật-trí là không trí vậy. Như nói hành-giả như vậy: nhiếp-tâm, thanh tịnh-tâm, trừ-che-tâm, trụ-tâm, và bất-động-tâm, thời như-thật biết khổ thánh đế, tập, diệt, đạo thánh-đế. Vậy nên ai muốn được như-thật-trí, phải siêng tinh tiến tu tập tam-muội. Kẻ tản tâm hãy chẳng năng được lợi ích kinh thơ, nghề-nghiệp công xảo thầy của thế-gian, huống là năng được lợi ích của xuất-thế-gian. Nếu biết tất cả lợi ích thế-gian, và xuất-thế-gian, đều nhờ định tâm mới được. Lại tất cả điều thiện đều nhờ chính trí; tất cả tệ-ác đều bởi tà-trí. Như trong kinh nói: “Vô-minh là đầu sỏ, vô tầm quý là tùy tùng khởi tất cả ác. Giờ đây lấy minh làm thủ lĩnh, lấy tầm-quí làm tùy tùng khởi tu tất cả thiện. Mà tam-muội là nhân chính-trí-huệ. Nên nên biết tất cả điều thiện đều nhờ tam-muội. Vậy nên phải siêng năng tinh tiến tu tập.

PHẨM ĐỊNH-TƯỚNG THỨ 156

Hỏi: Ông nói tâm trụ một chỗ là tướng tam-muội. Tam-muội với tâm là một hay là khác?

Đáp: Tam-muội với tâm chẳng khác. Có người nói tam-muội khác với tâm, vì tâm được tam-muội thời mới an ở một chỗ. Tuy có lời ấy, nhưng nghĩa chẳng nhằm. Nếu tâm được tam-muội năng ở trong cảnh duyên ấy, thời tam-muội này cũng trụ ở trong cảnh duyên, và lẽ cũng lại làm nhân cho tam-muội khác trụ ở. Cứ như vậy vô cùng. Việc ấy không thể được. Nếu tam-muội này tự nhiên trụ ở tâm ấy cũng như vậy, lẽ chẳng nhân tam-muội mà an-trụ. Vậy nên nếu nói tam-muội khác với tâm, nghĩa ấy vô ích. Lại thọ tướng thấy các tâm số pháp cũng trụ ở trong cảnh duyên, đây lại là nhân pháp nào mà trụ? Việc ấy nên nói đi. Nếu thọ tướng thấy đều có tam-muội, tức đồng lỗi như trước. Lại trong kinh chỉ nói nhất-tâm là tướng tam-muội, chẳng nói tâm được tam-muội nên trụ. Nên biết chẳng nhằm. Lại nói nhất-tâm mà chẳng nói rõ các pháp khác. Như trước đã nói tùy tâm vui chỗ duyên trụ ở đây. Phải biết tâm không riêng có tam-muội, tùy tâm trụ lâu, gọi là tam-muội.

Hỏi: Tam-muội ấy là hữu lậu hay là vô-lậu?

Đáp: Hai thứ tam-muội, hữu lậu và vô-lậu: các thiên-định thế-gian là hữu-lậu, các tam-muội khi vào Pháp-vị gọi là vô-lậu. Tại vì sao? Vì bấy giờ gọi là như-thật biết thấy. Bấy giờ hai thứ cũng tam-muội, cũng gọi là Huệ: nhiếp tâm nên gọi tam-muội; như-thật biết nên gọi là Huệ. Nhiếp tâm có ba thứ: thiện, bất thiện, và vô-ký. Trong ấy lấy thiện nhiếp tâm là tam-muội, chứ chẳng phải bất-thiện vô-ký. Tam-muội này cũng có hai thứ: một là giải thoát nhân; hai là phi giải thoát nhân. Giải thoát nhân, gọi là Định-căn. Có ông Luận sư nói: Chỉ vô-lậu định gọi là Định-Căn. Lời nói này chẳng nhằm. Nếu hữu-lậu vô-lậu năng làm nhân giải thoát đều được gọi Định-căn.

Tam-muội này tùy trụ duyên, nên mới phân-biệt ba thứ: tiểu, đại và vô lượng. tâm khi trụ giây lát, nếu thấy chút cảnh duyên, đấy gọi là tiểu. Còn hai thứ kia cũng vậy. Lại tùy thời nên có ba tướng: chế tướng, phát-tướng, và xả tướng. Khi tâm lui chìm nên dùng phát tướng; khi tâm lay động nên dùng chế tướng; khi mà tâm hòa vui, nên dùng xả tướng. Như thợ vàng rèn vàng: hoặc khi cho vào lửa thét, hoặc khi ngâm vào nước, hoặc khi để nằm không. Nếu trui luôn thời chảy tiêu; mà ngâm mãi thời cứng đờ; hoặc thường để nằm không thời chẳng mềm dẻo. Tâm hành-giả cũng như thế: nếu động mà chẳng thời thường tán loạn; chìm mà chẳng phát thời lại biếng lười; nếu hòa mà chẳng xả thời lại chẳng điều đặn. Lại như tập ngựa: nếu mau thời gò; nếu chậm thời giục; nếu vừa thời xả. Hành-giả điều tâm cũng lại như vậy. Lại tam-muội này có ba phương tiện: phương tiện nhập-Định; phương tiện trụ-Định; phương tiện khởi-Định. Đứng như pháp mà vào Định là phương tiện nhập-Định; tại Định chẳng động là phương tiện trụ-Định; đứng như pháp mà xuất Định là phương tiện khởi-Định.

Hỏi: Làm sao được ba phương tiện ấy?

Đáp: Hành giả lấy tướng tự-tâm: chế như vậy, phát như vậy, thời năng vào Định, Trụ, Xuất cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ lấy thẳng như Định, cần gì phải dùng phương tiện?

Đáp: Nếu chẳng sinh ba món phương tiện này thời có lầm lỗi. Chẳng được tùy ý: muốn vào thời khởi, mà muốn khởi lại vào. Có những lỗi này. Lại lấy lợi làm tổn, lấy tổn làm lợi như thấy chút tịnh sắc và chút ánh sáng, bảo là đã được đại lợi. Hoặc niệm vô thường, khổ, không thấy, tâm chẳng được vui, lại cho là tổn.

Hỏi: Hành-giả, tại sao có kẻ được Định, hoặc có kẻ chẳng được?

Đáp: Có bốn nhân-duyên được Định: Một đời nay siêng tập; hai tiền thân có duyên; ba khéo lấy tướng Định; bốn y theo Định pháp. Lại bốn món tu Định: một thường xuyên tập mà chẳng nhất-tâm hành; hai nhất tâm hành mà chẳng tập luyện; ba cũng thường tập luyện cũng nhất tâm hành; bốn chẳng thường tập chẳng nhất tâm hành. Lại có bốn món nữa: Có nhiều thiện ít huệ; có ít thiện nhiều huệ; có nhiều thiện nhiều huệ; có ít thiện ít huệ;. Trong ấy hành giả số ba chắc năng được Định, số tư chẳng năng được, số một và số hai nếu điều hòa cho bình đẳng thời được.

PHẨM BA TAM-MUỘI THỨ 157

Hỏi: Trong kinh nói ba pháp tam-muội: Nhất phần tu tam-muội; cộng-phần tu tam-muội; Thánh-chính tam-muội, Pháp nào là thế nào?

Đáp: Nhất phần tu là như tu Định chẳng tu Huệ, hoặc tu Huệ chẳng tu Định. Cộng phần tu là như tu định cũng tu huệ. Đây là thế-gian tam-muội ở trong pháp Não thấy. Thánh chính tam-muội là như vào Pháp-vị năng chứng Diệt-đế, gọi là Thánh-chính. Tại sao biết được? Như vị trưởng lão Tỳ-kheo bảo kẻ hành giả: “lấy Định tu tâm, nhờ Huệ năng ngăn được phiền não, lấy cả Định Huệ tu tâm nhờ Định ngăn được phiền não, lấy cả Định Huệ tu tâm, nhờ tính được giải thoát tính”. Nghĩa là đoạn-tính, ly-tính và diệt tính. Lại như Định Huệ đồng thời đầy đủ, nên gọi Thánh-chính, như nhờ cả Định Huệ được giải thoát gọi là câu-giải-thoát .

Hỏi: Có người nói: Nhất-phần tu là nhờ tam-muội được thấy quang-minh, chẳng thấy các sắc; hoặc thấy các sắc chẳng thấy quang-minh. Cộng phần tu là được thấy sắc cũng thấy quang-minh. Thánh-chính là những bậc Học và vô-học chứng được tam-muội. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không có kinh nào nói chỉ thấy quang minh mà chẳng thấy sắc. Trong kinh chỉ nói ta trước đã từng thấy quang-minh cũng thấy các sắc. Lại người phải nói lý do tại sao thấy quang minh mà chẳng thấy sắc? Người nói những lẽ như thế, là nói quấy vậy.

Hỏi: Lại trong kinh nói ba tam-muội: không, vô tướng, vô nguyện. Ba tam-muội này sai khác nhau thế nào?

Hỏi: Nếu hành-giả chẳng thấy chúng-sinh cũng chẳng thấy Pháp, đây gọi là không. Trong không như thế không có tướng khá lấy; không ấy tức gọi vô tướng. Trong không, không có nguyện câu gì; không ấy gọi vô nguyện. Vậy nên ba mà nghĩa là một.

Hỏi: Nếu vậy nói ba làm chi?

Đáp: Công năng của không này là cần phải tu không. Vì tu không mà được lợi ích là chẳng thấy tướng. Vì chẳng thấy tướng nên vô tướng. Vì vô tướng nên chẳng nguyện cầu. Vì chẳng nguyện cầu nên chẳng thọ thân. Vì chẳng thọ thân nên mới giải thoát được tất cả khổ. Được những lợi ích như thế đều nhờ tu không mà có. Vậy nên phải nói có ba.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Nếu tam-muội lấy không tu vô-ngã, đây gọi là không. Nếu tu vô thường, khổ, nhân Tập mà sinh duyên Đạo như hành xuất, đây gọi vô nguyện. Nếu tu diệt chính-diệu-ly, đây gọi vô tướng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Người nói tu vô khổ gọi vô nguyện ấy. Đây chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Đức Phật thường nói “Hoặc vô thường tức là khổ, hoặc khổ tức là vô-ngã”. Biết vô-ngã thời chẳng nguyện nữa. Nên biết cũng do không nên mới chẳng nguyện. Nếu nói hành nhân tập sinh duyên gọi vô nguyện ấy, đây hoặc có lý. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Thấy bao nhiêu sinh tướng đều là diệt tướng thời mới sinh nhàm lìa”. Lại trong Đạo chẳng nên có vô nguyện hành. Tại vì sao? Vì nguyện là một phần của ái, như kinh nói: “Nguyện, thương, trung, hạ trong Đạo chẳng sinh tham ái”. Vậy nên chẳng có vô nguyện hành. Lại trong kinh nói: “Ngũ-ấm diệt nên gọi Diệt” Phải biết tùy không có ngũ-ấm, đây gọi là không. Không tức là Diệt. Trong ấy vô nguyện. Vì ái thân nên mới nguyện. Nên biết đây ba mà nghĩa là một chẳng nên cho sai khác.

Hỏi: Lại trong kinh nói ba tam-muội: không không, vô-nguyện vô-nguyện, vô-tướng vô-tướng. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Lấy không để thấy ngũ-ấm trống-không; lại thấy một không khác để có thể làm không trống-không kia. Đây gọi trống không. Lấy vô-nguyện để nhàm ớn ngũ-ấm; lại lấy một vô-nguyện nữa để nhàm vô-nguyện kia. Đây gọi vô-nguyện vô-nguyện. Lấy vô-tướng để thấy ngũ-ấm tịch-diệt; lại dùng một vô-tướng để thấy ngũ-ấm tịch-diệt; lại dùng một vô-tướng khác để chẳng lấy vô-tướng kia. Đây gọi vô-tướng vô-tướng.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Ba tam-muội này là hữu-lậu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Đây chẳng phải hữu-lậu. Tại vì sao? Vì bây giờ không có lậu năng khiến vậy. Lại tam-muội này đối với không thấy thù-thắng, làm sao nói là hữu-lậu?

Hỏi: Nếu không thấy ba tam-muội, là thật trí-huệ, tại sao gọi là tam-muội?

Đáp: Các tam-muội sai khác vậy. Lại tam-muội năng sinh như-thật-tri-kiến, nên gọi tam-muội. Là trong quả nói nhân vậy.

Hỏi: Có ông Luận-sur nói: Không không thấy ba tam-muội này, chỉ bực vô-học được, chẳng phải người khác. Việc ấy thế nào?

Đáp; Học nhân cũng nên được. Tại vì sao? Vì hành-giả nên chứng hữu-lậu vô-lậu tất cả pháp diệt. Vậy nên học-nhân cũng cần phải chứng vô-lậu pháp diệt.

PHẨM TỨ ĐỊNH THỨ 158

Có tu Định vì vui hiện-tại; có tu Định vì tri-kiến; có tu Định vì huệ phân-biệt; có tu định vì hết lậu. Như tam-muội năng được vui hiện-tại là đệ-nhị-thiền thấy. Tại sao biết được? Vì Phật nói: “Đệ-nhị-thiền là do tam-muội mà sinh hỷ-lạc” nên vì đó đặt tên mà chẳng vì các pháp khác, như vào thành xá-vệ, là vì phạm-thực vậy.

Hỏi: Sơ-thiền cũng có hỷ-lạc, tại vì sao chẳng nói có hiện vui.

Đáp: Sơ-thiền lẫn lộn các giác quán hay làm tản tâm, nên chẳng nói hiện vui.

Hỏi: Đệ-nhị-thiền cũng có hỷ-thấy hay làm loạn tâm-pháp, mà sao gọi vui?

Đáp: Trước diệt các giác, tâm sâu nhiếp, nên mới nói hỷ thấy là vui. Chỉ vì hành khổ nên tất cả gọi khổ. Lại trong sơ-thiền khổ-thô; trong nhị thiền khổ-tế. vì khổ nhỏ nhiệm, nên mới được gọi là vui.

Hỏi: Trong đệ-nhị-thiền thấy cũng có hành vui đời sau, mà tại sao chỉ nói vì vui hiện-tại?

Đáp: Như vì vua A-Xà-Thế nói quả Sa-môn hiện-tại. Lại vì gần nên nói. Lại vì muốn phá vui ngũ-dục, nên nói vui hiện-tại. Nếu người tham đắm vui ngũ-dục, nên chẳng được các thiên-định, vì đây nên nói. Nếu các người năng lìa vui ngũ-dục, sẽ được vui hơn vui hiện-tại. Lại các Đức Phật chẳng khen thọ thân sau, nên chẳng nói vui đời sau. Lại người đời nói người tại gia vui, chẳng phải người xuất gia vui. Lại bốn pháp tu Định đều vì hiện vui, vì đầu tiên nhân tên, nên độc nhất nói hiện vui.

Hỏi: Nếu bốn pháp tu Định này, năng thành các món lợi, tại sao chỉ nói bốn lợi ư?

Đáp: Lợi có hai thứ: lợi thế-gian, lợi xuất thế-gian. Tu Định thứ hai là lợi thế-gian, chỗ gọi tri kiến. Tri là bát trừ nhập, thập nhất thiết nhập thấy lợi; kiến là ngũ thân thông thấy lợi. Tại vì sao? Vì lợi mắt khá thấy vậy, nên gọi kiến. Việc này nhờ lấy ánh sáng nên thành, nên gọi tri kiến tức nói tướng ánh sáng. Hai là lợi xuất thế-gian: lấy huệ phân-biệt ngũ-ấm, gọi là huệ phân-biệt. Nên trong kinh nói: “Huệ

phân-biệt là hành giả, hoặc sinh các thọ các giác, các tướng đều có thể riêng biết”. Riêng biết giác là đây chấp ngã giác. Làm sao khiến nó không? Nghĩa là phân-biệt tướng nam nữ thấy là giả-danh. Nếu pha tướng này được thời không có các tướngn giác. Như trong kinh nói: “Các giác nhân đâu? Chỗ gọi là tướng”. Nên phá tướng này được thời không có các tướng giác. Như trong kinh nói: “Các giác nhân đâu? Chỗ gọi là tướng”. Nên biết chỉ phá tướng thời không có giác. Vì các giác không, nên các thọ cũng không. Nên biết vì phá giả-danh, nên gọi huệ phân-biệt. Vì huệ phân-biệt nên được hết lậu. Như trong kinh nói: “Hành giả quán tướng ngũ-âm sinh diệt, nên chứng được âm diệt”. Nên mới biết tất cả lợi thế-gian và xuất thế-gian đều thu nhiếp ở trong bốn pháp.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói trong đệ tứ thiên, năng chứng được quả A-La-Hán vô ngại đạo, gọi là hết lậu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trong ấy không có nhân-duyên gì sai khác mà chỉ trong đệ-tứ-thiên vô-ngại-đạo gọi là hết lậu mà chẳng phải các pháp khác. Vậy nên chẳng phải lẽ. Lại tu Định vì ba lợi; một vì hiện vui; hai vì tri kiến; ba vì dứt gút. Hoặc nói vì hai. Như nói vì rốt ráo hết vậy; khéo thanh tịnh vậy; sinh tử hết vậy; phân-biệt các món tính vậy. Đây là kẻ có mắt nói Đạo. Trong ấy, trước ba nói đoạn, sau một nói trí. Phật với trong ấy chẳng nói hiện tại.

Thành Thật luận hết quyển 14

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 15

PHẨM TỨ VÔ-LƯỢNG ĐỊNH THỨ 159

Từ-bi-hỷ-xả. Từ gọi là lòng lành, trái nhau với giận dữ, như các thiện-tri-thức. Là kẻ thiện-tri-thức. Thường cầu an lợi. Hành-giả cũng vậy, vì tất cả chúng-sinh thường cầu an-lạc. Vậy nên người này làm Vị thiện-tri-thức cho tất cả chúng-sinh.

Hỏi: Tướng của thiện-tri-thức ra sao?

Đáp: Thường vì cầu lợi ích an vui đời này và đời sau cho nhau, quyết chẳng trái nhau cầu việc vô ích. Hành-giả cũng vậy, chỉ vì chúng-sinh cầu việc an-lạc, chẳng cầu việc phi an-lạc.

Bi gọi là từ-tâm, trái nhau với não hại. Tại vì sao? Cũng vì chúng-sinh cầu-an vui vậy.

Hỏi: Giận dữ và não-hại có khác chi không?

Đáp: Sinh niệm giận trong lòng, muốn đánh đập hại chúng-sinh này do giận khởi nghiệp thân khẩu, thời gọi là não-hại. Lại giận làm nhân cho hại, vì kẻ ôm lòng giận quyết làm hại cho kỳ được.

Hỷ gọi là từ tâm, trái nhau với ganh ghét. Ganh là thấy việc tốt kẻ khác, tâm chẳng nhẫn tức sinh ghét giận. Hành-giả thấy tất cả chúng-sinh được những điều tăng ích, sinh lòng rất vui mừng, như tự mình được lợi.

Hỏi: Ba pháp này đều là Từ cả sao?

Đáp: Tức là ba món sai khác của Từ-Tâm. Tại vì sao? Vì chẳng giận là Từ; có người tuy chẳng hay giận, nhưng thấy chúng-sinh khổ chẳng hay thương. Nếu năng đối với tất cả chúng-sinh sâu tu lòng Từ, như người thấy con gặp khổ hại cấp bách, bấy giờ lòng Từ chuyển tên là lòng Bi. Hoặc có người với trong việc khổ hại của kẻ khác năng sinh lòng thương, mà đối với trong việc ích chẳng hay sinh lòng vui mừng. Tại sao biết được? Vì có người thấy kẻ oán tặc khổ thoả hoặc sinh lòng thương, mà thấy con đắc thắng việc hơn mình vẫn chẳng năng vui được. Hành-giả thấy tất cả chúng-sinh được sự tăng ích sinh tâm vui mừng như mình được không khác. Đây gọi là Hỷ. Nên biết sai khác của Từ-tâm là Bi với Hỷ.

Hỏi: Xả, thứ gì mà gọi là Xả?

Đáp: Tùy thấy oán, thân thời Từ-tâm chẳng bình đẳng: đối với người thân thời trọng đãi so chẳng gì bằng; mà đối với kẻ oán quá quắc là bạc bẽo. Bi Hỷ cũng như vậy. Nên hành-giả muốn cho tâm được bình đẳng, thời đối người thân xả hết thân; đối với kẻ oán hết oán, nhiên hậu đối với tất cả chúng-sinh lòng Từ mới bình đẳng. Bi Hỷ cũng vậy. Nên trong kinh nói: “Vì muốn dứt ghét, thương nên phải tu tập xả tâm”.

Hỏi: Nếu như vậy thời không có xả tâm riêng? Chỉ lấy tâm bình-đẳng mà gọi là xả?

Đáp: Tôi trước đã nói sai biệt của Từ-tâm là Bi Hỷ thấy. Lại từ-tâm do pháp Hạ, trung, thượng nên có ba thứ năng khiến ba thứ này bình-đẳng, nên gọi là xả. Như nói lấy Từ-tâm bực thượng tu tập tam-thiền.

Hỏi: Dùng phương tiện nào mà được Từ-tâm này?

Đáp: Sau sẽ nói tội lỗi giận dữ. Biết tội lỗi này rồi, sẽ tu Từ-tâm, như trong kinh nói: “Kẻ tu Từ-tâm, ngủ yên, thức yên, chẳng thấy ác mộng; được Trời hộ người mến; chẳng trúng độc; chẳng bị đao binh; và nước chẳng làm hại”. Như vậy tất cả nghiệp báo do giận dữ mà sinh, làm sao bì kịp? Nghe lợi ích ấy nên siêng tu tập. Lại hành-giả nghĩ lòng: Ta khởi giận dữ, tự chịu quả-báo, chẳng phải ai thay chịu, vậy chẳng nên giận mà nên tu lòng Từ. Lại hành-giả nghĩ tính; Ta vì chút ác mà gia hại người, thời tự chịu nhiều ác gấp trăm lần chẳng sánh kịp, nên phải lià ác. Lại trong kinh nói năm món nhân-duyên trừ giận, thường phải nhớ. Lại giận dữ chẳng phải là điều đáng nên của người tu. Lại phải nghĩ việc lành lợi ích của người kia mà trừ bỏ việc ác, thời tự dứt giận dữ. Lại phải quán nhân-duyên trước sau của người kia; Người này đời trước, hoặc từng làm mẹ ta, ôm thai sinh để nuôi dưỡng ta vì ta mà khổ nhọc; hoặc từng làm cha, anh, em, vợ, con thì làm sao mà giận? Lại nghĩ: Đời sau, họ hoặc sẽ vì ta làm cha mẹ anh em; hoặc sẽ làm La-Hán, Duyên giác, hay các Đức Phật, thời làm sao giám giận? Lại thấy người ác vì làm ác nên bị khổ cả hai đời. Vậy nên chẳng giận. Lại quán kỹ thể tính người kia là thiện hay ác: Nếu là ác họ gia ác với ta, có sao sinh giận, như lửa đốt người, nào ai giận lửa? Lại thấy người kia bị phân-biệt bực, chẳng được tự tại, như bị quỷ bắt, thời sinh giận làm gì? Lại tùy dùng nhân-duyên nào đó mà tu tập nhẫn nhục, phải nghĩ nhớ pháp ấy, thời dứt giận dữ, lòng Từ thêm lớn. Công đức nhẫn nhục là hành-giả phải nghĩ lòng: Nếu ta giận người tức là què hèn như người không khác. Vậy nên phải nhẫn. Như Phật nói kệ:

Thí như tập voi,

Chịu nổi dao tên;

Ta cũng như vậy,

Chịu nổi các ác.

Lại kệ nói:

Ác-khẩu mắng chưởi,

Hủy nhục giận dữ,

Tiểu nhân chẳng nổi,

Như đá mưa chìm.

Ác khẩu mắng chưởi,

Hủy nhục giận dữ,

Đại-nhân chịu nổi,

Như hoa mưa voi.

Vậy nên phải nhẫn. Lại đem việc ác này xoay làm công đức, cho các việc ác ấy theo thành công đức vậy. Lại hành-giả biết chúng-sinh này ngu si không hiểu biết, in như trẻ con, chẳng nên giận vậy. Nhờ những phương tiện này năng tu lòng Từ.

Hỏi: Làm sao tu Bi?

Đáp: Hành giả thấy các chúng-sinh vui ít khổ nhiều nên sinh lòng Bi: Ta nữ nào với chúng-sinh khổ kia lại gia thêm khổ nữa? Lại thấy chúng-sinh quá tham đắm vui, sinh nghĩ lòng rằng: Ta nay làm sao dứt lòng tham nó, nên sinh lòng Bi. Lại thấy chúng-sinh khổ, vì hiện khổ cho nên khổ; thấy chúng-sinh vui, vì vô thường nên khổ. Vậy nên tất cả chúng-sinh đều có phần khổ, hoặc sớm hoặc muộn, không ai thoát được. Vì nhân-duyên này, nên sinh lòng Bi.

Hỏi: Làm sao tu Hỷ?

Đáp: Hành-giả thấy kẻ ganh lợi với người khác là tướng quê hèn, vậy nên tu Hỷ, khởi nghĩ như vậy: Lẽ ta phải cho chúng-sinh vui, nhưng nay nó tự được, thế là giúp ta. Vậy nên sinh mừng. Lại thấy ganh ghét ấy luống uổng vô-ích, chẳng tồn ai được, mà lại hại mình. Lại như kinh nói ganh ghét là tội lỗi. Muốn lìa lỗi ấy, nên sinh vui mừng.

Hỏi: Làm sao tu Xả?

Đáp: Thấy lỗi tâm bất bình-đẳng, muốn cho tâm bình-đẳng, vậy nên tu Xả. Lại hành-giả thấy lỗi của tâm tham giận nên tu hạnh Xả.

Hỏi: Vô lượng tâm này ở trong cõi nào?

Đáp: Đều ở ba cõi.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói từ tam-thiền trở lên không có hỷ-căn. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tôi chẳng nói hỷ-tâm là hỷ-căn-tính chỉ vì lời kẻ khác lòng khác mừng chẳng vẫn đục, nên gọi là Hỷ. Bốn vô-lượng tâm này đều là huệ-tính.

Hỏi: Trong cõi vô-sắc làm sao có bốn vô-lượng-tâm? Vì có sắc tướng mới phân biệt chúng-sinh; trong ấy hoại mất sắc tướng làm sao có được?

Đáp: Chúng-sinh vô-sắc cũng có thể phân-biệt. Như trong kinh nói: “Phải làm hữu-sắc và vô-sắc thấy”. Lại trong kinh nói: “Tu Từ rất xa, được báo biến-tịnh; tu Bi rất xa, được báo vô-sở-hữu-xứ”. Nên biết trong vô-sắc cũng có vô-lượng-tâm.

Hỏi: Trong mỗi mỗi cõi có một vô-lượng-tâm. Phi-tướng phi phi-tướng-xứ không có sao?

Đáp: Tất cả xứ có tất cả, chỉ tu thượng Từ nên sinh về biến-tịnh-xứ. Vì các nghiệp sinh quả-báo tương-tự vậy, nghĩa là chúng-sinh cầu vui lại được báo vui. Bi cũng như vậy. Do có thân nên các khổ nhóm nhiều. Vô-sắc trong hư không, nên Thức-xứ tâm ở trong cảnh duyên rất vui ở, nên bỏ hết vô-sở-hữu xứ. Hành giả vì bị tướng làm mỗi mệt, nên vào vô-sở hữu-xứ, Phi-tướng phi phi-tướng cũng có vô-lượng-tâm. Nhưng vì nhỏ nhiệm chẳng rõ nên chẳng nói. Lại tất cả xứ có tất cả, nhưng tùy nhiều mà nói, trong biến-tịnh lòng từ rất cao tột nên nói như thế thấy. Lại trong các thiên-định, bốn vô-lượng-tâm thọ quả-báo thù thắng, vì nghiệp-duyên chúng-sinh vậy.

Hỏi: Có ông luận-sư nói bốn vô-lượng-tâm này chỉ duyên chúng-sinh cõi Dục. Việc này thế nào?

Đáp: Sinh tất cả xứ đều năng hiện vào.

Hỏi: Nếu sinh trong kia cũng năng hiện vào thời phước chẳng năng hết, vì thường sống trong ấy?

Đáp: Như trong ấy cũng hiện vào Thiên thấy; các thiện-pháp khác, cũng vẫn có thối lui. Từ thấy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có lẽ này, sao chẳng mau thối lui?

Đáp: Có nghiệp như vậy, tuy có nhân-duyên lui, mà chẳng mau lui, như các cõi Trời trong cõi Dục thấy, tuy có thiện-nghiệp mà cũng sinh ác-đạo. Việc này cũng như vậy.

Hỏi: Kẻ tu Từ tam-muội, tại sao đao binh, nước lửa chẳng làm hại được?

Đáp: Đây là nhờ phước lành lâu dày, nên các ác chẳng gia hại được; Cũng được các vị Trời thủ-hộ nữa.

Hỏi: Kinh nói Từ cùng tu giác-ý. Hữu-lậu và vô-lậu làm sao cũng tu?

Đáp: Từ này và giác-ý thuận nhau như trong kinh nói: “Nếu người chăm lòng nghe pháp, thời năng dứt năm món che”. Tu bảy pháp giác-ý chẳng cần nghe pháp, cũng tu giác-ý được. Lại trong kinh nói: “Tỳ-kheo các người! Tu tập lòng Từ, Ta bảo đảm các người được quả A-Na-Hàm”. Lòng Từ tuy chẳng dứt gút, nhưng trước lấy lòng Từ nhóm các lợi phước-đức trí-huệ, rồi mới được Thánh-Đạo, vì Huệ năng dứt các gút vậy, nên mới nói tu Từ được A-Na-Hàm. Cũng Từ tu giác cũng lại như vậy.

Hỏi: A-La-Hán dứt tướng chúng-sinh, làm sao tu vô-lượng-tâm?

Đáp: A-La-Hán tuy vào Từ-tâm, mà chẳng hay nhóm thành từ-nghiệp, vì chẳng thọ sinh vậy.

Hỏi: Lòng Đại-bi, các Đức Phật Thế-Tôn là thế nào?

Đáp: Các Đức Phật Thế-Tôn bất-tư-nghì-trí như vậy: Tuy biết các pháp rốt ráo không mà năng hành Đại-Bi sâu sắc hơn phàm phu, chỉ chẳng được quyết định tướng chúng-sinh.

Hỏi: Bi với Đại-bi có sai khác gì?

Đáp: Gọi Bi chỉ lòng thương xót, mà năng thành xong sự nghiệp, mới được gọi Đại-Bi. Tại vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng-sinh khổ, muốn hết khổ này mới siêng năng tu tinh-tiến. Lại ở vô-lượng kiếp tu tập được thành, nên gọi Đại-Bi. lại đem trí-nhãn thấy khổ chúng-sinh, quyết định phát tâm cần trừ diệt, nên gọi Đại-Bi. Lại làm nhiều việc lợi ích, nên gọi đại-bi. Cũng không bị gì ngăn ngại, nên gọi đại-bi. Tại vì sao? Vì lòng Bi hoặc nghĩ ác của kẻ kia, thời sinh ngăn ngại, chứ đại-bi đối với các ác dữ dội thông suốt không ngại. Lại lòng bi hoặc có dày, mỏng chẳng đồng, mà tất cả bình-đẳng, nên gọi đại-bi. Lại tự bỏ lợi mình, mà cầu lợi cho người, nên gọi đại-bi. Bi chẳng bằng như vậy. Đây là những tên sai khác. Như vậy Từ, thấy ở Phật đều gọi là Đại. Nhưng vì Bi năng cứu-khổ, vậy nên được nêu riêng.

Trong kinh nói năm nhánh Thánh tam-muội là: Hỷ, Lạc, Thanh-tịnh-tâm, Minh-tướng, và quán-tướng. Hỷ là sơ-thiền nhị-thiền hỷ-tướng đồng, nên gọi chung làm một nhánh. Đệ-tam thiền vì lìa hỷ-lạc nên gọi riêng là một nhánh. Trong đệ-tứ thiền tâm thanh-tịnh nên gọi nhánh thứ ba. Nương ba nhánh này năng sinh minh-tướng. Minh tướng và quán-tướng này làm nhân, năng phá rách ngũ-âm; quán ngũ-âm trông không, nên gọi quán tướng. Năng đến Nê-Hoàn, nên gọi là Thánh.

Hỏi: Trong kinh nói Thánh-ngũ-trí tam-muội. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Phật tự nói hành-giả khởi nghĩ rằng: ta với tam-muội này là Thánh-thanh-tịnh. Đây là sơ-trí. Tam-muội này chẳng phải phàm phu gần gũi được, mà là kẻ trí ngợi khen. Đây là trí thứ hai. Tam-muội này phải vắng lặng diệu ly mới được. Đây là trí thứ ba. Tam-muội này hiện tại vui, sau được báo cũng vui. Đây là trí thứ tư. Tam-muội này ta nhất tâm vào, nhất tâm ra. Đây là trí thứ năm. Phật chỉ cho trong Định cũng có trí-huệ, chẳng những buộc tâm, mà hành-giả khi tu tu tập Định, nếu sinh phiền-não thời ở trong ấy sinh trí trừ phiền-não kia muốn cho tam-muội là Thánh-thanh-tịnh gọi là sơ trí. Thánh thanh-tịnh là chẳng phải phàm phu được gần, là trí ngợi khen. Là chẳng phải phàm phu là các vị Thánh-nhân vì đã được trí nên chẳng gọi phàm phu. Trí này năng phá giả-danh, là trí thứ hai. Mông lẩn các phiền-não, tham thấy phiền-não diệt, nên gọi tịch-diệt. Vì tịch-diệt nên diệu; ly các phiền-não nên gọi là ly. Được pháp này đều là Đạo ly-dục, là trí thứ ba. Tùy chúng phiền-não đoạn, được an-ân tịch-diệt, lìa vui nóng nảy, nên gọi hiện vui, sau vui. Hiện vui, là vui lìa phiền-não. Sau vui là vui Nê-Hoàn, là trí thứ tư. Hành-giả thường hành vô-tướng tâm, nên thường nhất tâm ra vào, là trí thứ năm. Vậy nên nếu kẻ nào chưa sinh năm trí phải sinh; đã sinh tức được quả Tam-muội.

PHẨM SÁU TAM-MUỘI THỨ 161

Hỏi: Trong kinh nói sáu tam-muội: có một tướng tu làm một tướng; có một tướng tu làm nhiều các tướng; có một tướng tu làm một tướng, nhiều các tướng; nhiều các tướng tu cũng như vậy. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Một tướng ấy phải là là thiền-định, vì thiền-định ở trong một cảnh duyên nhất tâm hành vậy. Nhiều các tướng phải là tri-kiến, vì biết các pháp nhiều các tính, nên với ngũ-âm thấy các pháp phương-tiện vậy.

Hỏi: Một tướng tu làm một là thế nào?

Đáp: là như người nhờ Định lại được sinh Định. Còn một tướng tu làm nhiều các tướng: là như người nhờ Định được sinh tri-kiến. Một tướng tu làm một tướng

nhiều các tướng Là như người nhờ Định được sinh thiên-định và ngũ-ấm phương-tiện. Nhiều các tướng tu cũng như vậy.

Hỏi: Có ông Luận-sư nói: Một tướng tu làm một tướng; Phải là như người nhờ đệ-tứ-thiền chứng A-La-Hán quả. Một tướng tu làm nhiều các tướng: Là như người nhờ đệ-tứ-thiền chứng năm thần-thông. Một tướng tu làm một tướng nhiều các tướng: Là như nhờ đệ-tứ-thiền chứng quả A-La-Hán và năm thần-thông. Nhiều các tướng tu làm nhiều các tướng: Là như người nhờ năm nhánh tam-muội chứng quả A-La-Hán và năm thần thông. Còn hai pháp kia cũng như vậy. Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Phải nói lý-do? Tại sao đệ-tứ-thiền và A-La-Hán quả là một tướng; năm chi nhánh tam-muội và năm thần-thông là nhiều các tướng? Lại năm nhánh chẳng nên làm chỗ nương, vì năm nhánh tam-muội là minh-tướng quán-tướng của bốn Thiền, mà làm sao nương đây được quả A-La-Hán? Tại vì sao? Vì cần nương nhất Thiền mới được A-La-Hán quả. Lại cũng nên nương minh-tướng mà được quả A-La-Hán. Vậy chẳng nên phải lẽ.

Hỏi: Có người nói có sáu món vào Định: thuận vào, nghịch vào, thuận nghịch vào, thuận siêu, nghịch siêu, và nghịch thuận siêu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Có ông Luận-sư nói: Hành-giả muốn được diệt tận định, nên thứ lớp vào ra các Thiền. Vậy nên chẳng nên hoặc nghịch, hoặc thuận, hoặc nghịch thuận, và vượt lên thảy. Sáu lối vào ra ấy được lợi ích chi? Hành-giả muốn được diệt tận định, quyết phải thứ lớp vào, cũng nên thứ lớp mà khởi. Lại nếu được bậc thượng, tại sao lại vào bậc hạ? Vì bậc hạ chông gai, như người lớn chẳng còn ưa cách giỡn của trẻ nít. Lại như người vì nghề nghiệp đã khéo, chẳng còn ưa vụng nữa. Việc này cũng phải như vậy. Lại nếu nói siêu-vượt, việc này chẳng phải lẽ. Trong kinh chỉ nói thứ lớp vào các thiên-định. Hành-giả nếu năng vượt đến đệ-tam, tại sao chẳng năng vượt đến tứ ngũ? Nếu nói thế lực chỉ chừng ấy, như người trèo lên thang lên một bậc chẳng lên được bậc nữa, ví-dụ này cũng chẳng quyết định. Lại người sức mạnh năng bước lên bậc tứ, lại cũng có thể vượt trên trăm bậc. Vậy nên nên chẳng phải lẽ. Trong kinh tuy nói khi Đức Phật vào Nê-Hoàn thuận nghịch vượt lên vào các thiên-định. Kinh này cùng với chính nghĩa trái nhau, chẳng nên tin chịu. Tuy có lời ấy, nhưng nghĩa chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì như nói hành giả đến diệt-tận-định, chỉ nên thuận vào mà chẳng cần sáu pháp. Hành-giả nếu đến thẳng Diệt định, vậy nên chẳng cần. Nếu muốn thí nghiệm tâm mình ở trong thiên-định coi có thể tự tại chẳng lui, nên mới thuận nghịch, ra vào, vượt lên, như người cỡi ngựa, nếu tại trận đối địch thì chẳng nên chạy vòng quanh; như muốn tập luyện trong lúc nhàn rỗi thì nên. Nếu nói bậc dưới chông gai nên vào ấy. Chẳng vì bậc dưới thặng hơn sau bèn vào, mà vì là chỗ hành-đạo của hành-giả vậy. Nếu

nói như người chẳng ưa trẻ nít giỡn ấy. Hoặc vì nhân-duyên phải làm trẻ nít múa giỡn: như người đạo diễn gia phải múa nhảy trọn ngày, đâu phải lòng mình ưa vui mà vì dạy tập vậy. Như vậy Thánh nhân nghịch thuận ra vào vượt lên các thiên, là vì muốn thị hiện cho Trời, Người và các Thần, Tiên biết sức tự tại trong các thiên-định vậy. Lại khi Đức Phật vào Nê-Hoàn, vì muốn đem thâm diệu thiên-định để huân tu ngọc Xá Lợi, nên tự-tại vào ra nghịch thuận vượt lên. Lại người thấy Phật khi vào vô-dur Nê-Hoàn chán ngán tất cả pháp hữu vi, vậy nên Phật hiện pháp báu quý đáng yêu mến này. Người nói kinh này trái với chính nghĩa ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Người nói tại sao chẳng năng vượt đến thứ bốn ấy. Trong Bồ-tát tạng nói tướng vượt lên; Từ sơ thiên khởi, vào diệt tận định; từ diệt tận định khởi cho đến vào trong tán tâm, vì tâm lực vĩ đại nên mới có thể như vậy.

PHẨM BẢY TAM-MUỘI THỨ 162

Luận-giả nói có bảy chỗ nương: nương sơ-thiên được hết lậu cho đến nương vô-sở-hữu-xứ được hết lậu. Nương là nhân nhờ bảy chỗ này được Thánh-trí-huệ, như nhiếp-tâm được sinh thật-trí. Vì có người chỉ được thiên-định cho đó là đủ. Vậy nên Phật nói: “đấy chẳng phải đã đủ đâu cần nương Định này cầu thêm thắng pháp nữa”. Nghĩa là hết các lậu. Nên nói là nương.

Hỏi: Nương thiên-định này được hết các lậu là thế nào?

Đáp: Phật nói hành-giả tùy đem tướng nào, duyên nào rồi vào sơ-thiên. hành-giả ấy chẳng còn nghĩ nhớ tướng ấy, duyên ấy nữa; mà chỉ quán trong sơ-thiên, có bảy nhiều các sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức như bệnh, như cung, như tên, đau nhức, vô thường, khổ, không, vô-ngã. Khi quán như vậy, tâm sinh nhàm lìa được giải thoát các lậu. Cho đến vô-sở-hữu-xứ cũng như vậy. Chỉ trừ ba không-xứ vì không có sắc quán được. Hành-giả thấy cõi Dục ồn-ào rối loạn, sơ-thiên yên lặng vắng vẻ, nhiên hậu mới được. Vậy nên Phật nói: “Đừng nghĩ tướng vui tịch-diệt ở Sơ-thiên, mà chỉ quán ngũ-ấm và tám món tội lỗi của sơ-thiên mà thôi”. Các chỗ nương khác cũng vậy.

Hỏi: Cõi Dục tại sao chẳng nói nương?

Đáp: Trong kinh Tu-Thi-Ma nói: “Trừ bảy chỗ nương lại có được Thánh-Đạo-xứ”. Nên biết cõi Dục cũng có nương.

Hỏi: Có người nói nương một bên sơ-thiên chưa đến chỗ được quả A-La-Hán. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nếu chưa đến chỗ mà có nương, thời là có lỗi. Nếu chưa đến chỗ năng được, tại sao vì chẳng vào sơ-thiền? Vậy nên chẳng phải.

Hỏi: Phi-tướng phi phi-tướng-xứ, tại sao chẳng nói nương ư?

Đáp: Trong ấy chẳng rõ ràng vì Định nhiều Huệ ít, nên chẳng nói có nương. Bảy tướng định là bảy chỗ nương vậy.

Hỏi: Phật, tại sao nói bảy chỗ nương, gọi bảy tướng định?

Đáp: Ngoại-đạo vì không có chân-trí nên chỉ nương dựa nơi tướng. Tất cả nương dựa đều bị tướng làm như nhóp chẳng phá được giải thoát, nên gọi tướng-Định. Thánh-nhân năng phá hoại tướng, chỉ nương Định này thẳng lấy hết lậu, nên gọi là nương. Như nói hành-giả quán các pháp này như tật bệnh, như mụn ung thủy, Phi-tướng phi phi-tướng-xứ cũng vì tướng chẳng rõ rệt, nên chẳng nói tướng-định.

PHẨM TÁM GIẢI-THOÁT THỨ 163

Luận-giả nói: Trong kinh nói tám giải thoát: Trước tiên tướng nội sắc, quán ngoại sắc. Kẻ hành-giả nhờ giải thoát này xé rách các sắc. Tại sao biết được? Vì trong đệ-nhị giải thoát nói: Nội không sắc tướng, quán sắc bên ngoài, để phá sắc bên trong nên nói nội không sắc tướng. Nên biết hành-giả với trong sơ giải thoát, phá lần sắc thân đến trong đệ-nhị giải thoát, đã phá được sắc trong, chỉ còn sắc ngoài. Trong đệ-tam giải thoát sắc ngoài cũng phá luôn, nên chẳng thấy sắc trong ngoài, ấy gọi là sắc không. Như trong kinh Ba-la-diên nói: “Phá rách sắc tướng, diệt dứt các dục, trong ngoài không thấy, Ta hỏi việc?” Trong bốn giải thoát nói tâm-thức trống không, như trong kinh lục-chủng nói: “Nếu Tỳ-kheo với trong năm món rất sinh nhàm lìa, chỉ còn có thức”. Nên biết trong bốn-giải thoát này phá rách các sắc, đến đệ-bát giải thoát mới diệt diệt tận hết cả. Tại vì sao? Vì nếu diệt sắc thời hữu vi đều diệt, gọi là quả A-La-Hán. Dùng thứ lớp như vậy mới được diệt hết. Đây gọi là tám giải thoát. Có người nói sơ và nhị giải thoát là bất-tịnh, mà đệ-tam giải thoát mới là tịnh. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì là giải thoát này không lấy bất-tịnh-quán mà được giải thoát; tịnh quán cũng không giải thoát, chỉ lấy không quán mới năng được giải thoát. Lại ngoại đạo năng được tịnh và bất-tịnh quán, mà chẳng được gọi giải thoát.

Hỏi: Ngoại-đạo cũng năng phá-rách sắc tướng, việc ấy thế nào?

Đáp: Ngoại đạo lấy tín-giải mà quán phá hoại sắc tướng, chẳng phải không quán vậy. Tại vì sao? Như dùng tín-giải mà quán. Thấy thân đã chết đem bỏ trong mồ mã; trùng, thú ăn thấy.

Hỏi: Ngoại đạo lìa sắc được vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc định, lẽ phải có vô-sắc giải thoát?

Đáp: Ngoại đạo tuy có vô-sắc-định, mà vì tham đắm nên chẳng gọi giải thoát. Thánh nhân nhờ vô-sắc-định năng quán bốn ấm bệnh thảy tám việc, nên gọi giải thoát.

Hỏi: Ông nói diệt định là A-La-Hán. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì học nhân cũng được gọi tám giải thoát. Ông nói diệt-định gọi là lậu tận, vậy thời học nhân lẽ phải được lậu-tận?

Đáp: Trong kinh nói Diệt-tướng-chung mà chẳng phân-biệt nói là tâm diệt hay là phiền-não diệt. Như trong kinh nói hai món diệt: một diệt; hai diệt; hai thứ lớp diệt. Hai món Nê-Hoàn: một hiện-tại Nê-Hoàn; hai rốt ráo Nê-Hoàn. Cũng nói hai món yên-ôn: một yên-ôn; hai đệ nhất yên-ôn. Kẻ được yên-ôn cũng hai dạng: một được yên-ôn; hai được đệ-nhất yên-ôn. Vậy nên chúng được của học nhân chẳng phải là chân-thật-diệt. Lại trong kinh nói: “Nếu Tỳ-kheo năng vào diệt-định là xong tất cả việc”. Nếu diệt-định chẳng phải A-La-Hán quả thời chẳng nên nói xong tất cả việc.

Hỏi: Học-nhân thật chẳng được tám giải thoát sao?

Đáp: Trong kinh nói học-nhân được chín thứ-đệ-định. Chẳng nói được diệt-tận. Hành-giả hoặc được diệt-tận, mà chẳng năng vào các thiền-định, gọi Huệ giải thoát; hoặc năng vào các thiền-định mà chẳng được diệt-tận, gọi là thân chứng. Nếu cả hai đều được gọi là câu giải thoát. Tại vì sao? Vì các lậu là một phần chương; pháp thiền-định là một phần đặc. Giải thoát hai phần trên gọi câu giải thoát.

Hỏi: Trong các thứ lớp diệt; trong các giải thoát diệt, có khác chi không?

Đáp: Danh đồng mà nghĩa khác. Trong thứ lớp diệt, gọi là tâm, tâm số diệt; trong giải thoát diệt, gọi các phiền-não diệt. Như trong kinh nói các hành thứ lớp diệt. Nghĩa là vào sơ-thiền diệt ngũ-ngôn; vào nhị-thiền diệt giác-quán; vào tam thiền diệt mừng; vào tứ-thiền diệt vui; vào không xứ diệt sắc-tướng; vào thức-xứ diệt không tướng; vào vô-sở-hữu-xứ diệt thức tướng; vào Phi-tướng phi phi-tướng-xứ diệt vô-sở-hữu-tướng; vào diệt-tận-định diệt các tướng-thọ. Các diệt trong đây lại có thắng-diệt, chỗ gọi kẻ hà-giả đối với tâm tham sân si nhàm chán nên được giải thoát.

Hỏi: Làm sao biết trong thứ lớp tâm, tâm-sở diệt; trong giải thoát các phiền-não diệt.

Đáp: Tên diệt tuy đồng mà nghĩa phải có khác. Trong thứ lớp nói diệt tướng thọ; trong giải thoát nói diệt vô-minh xúc thọ. Tại vì sao? Vì từ giả-danh sinh thọ, phá giả-danh thời diệt, Trong thứ lớp chẳng phải như vậy. Trong các kinh có sai khác như thế. Nếu nói thẳng hành giả được diệt-tận thời xong tất cả việc. Phải biết vì khi chứng Nê-Hoàn các phiền-não diệt, chẳng nói tâm, tâm-số diệt.

Hỏi: Nếu tám giải thoát là pháp diệt phiền-não thời tất cả A-La-Hán thấy đều phải được?

Đáp: Đều được. Nhưng chẳng năng “vào”. Nếu chứng được các thiên-định, thời năng vào.

Hỏi: Hành-giả nếu không thiên-định, làm sao năng được thân tâm trống không, và hết các phiền-não?

Đáp: Người này có Định mà chẳng năng chứng; lại có như điện tam-muội, nhờ tam-muội này được hết phiền-não. Như trong kinh nói: “Ta thấy Tỳ-kheo khi muốn lấy áo có phiền-não lấy rồi tức không phiền-não”. Như thế thấy. Tại vì sao? Vì tâm như điện, tam-muội như kim-cương. Chân trí năng phá phiền-não. Lại nghĩa trong đệ-tam-lực của Phật nói: Chỗ gọi các thiên, giải thoát, tam-muội, vào, cầu, tịnh sai khác như thật biết Thiên trong đây là tứ-thiền. Có người nói bốn Thiên, bốn vô-sắc-định đều gọi là thiên; giải thoát là tám giải thoát; tam-muội là trong một niệm tam-muội như điện. Vào là được sức tự-tại trong “thiền giải thoát tam-muội”. Như Ngài Xá-Lợi-Phất nói: Ta với trong bảy “Giác” năng ra và vào tự-tại. Nên biết Huệ-giải-thoát A-La-Hán sao có vị chẳng năng vào, vì có thâm tu tập mới năng tự tại vào.

Hỏi: A-La-Hán sao có vị chẳng thâm tu tập các thiên-định?

Đáp: Người này được Đạo, việc làm đã xong, vui tu xả-tâm, nên chẳng hay tập nữa. Nếu không xả-tâm, thời vào Định không khó. Như trong kinh nói: “Hành-giả khéo tu bốn pháp như-ý-túc, có thể thổi núi Tuyết khiến cho thành bột đất, huống chi thứ vô-minh chết ư?”. Nên biết trong tám giải thoát nói diệt hết lậu, chẳng cần vào Định mới diệt. Lại trong kinh nói: “Có minh-tính, có không tính, có vô-biên hư-không tính, có vô-biên-thức-tính, có vô-sở-hữu-tính, có Phi-tướng phi phi-tướng-tính, có diệt-tính”. Bởi tối nên có tính sáng; bởi chẳng trống không, nên có tính trống không; bởi sắc nên có tính vô-biên hư-không; bởi tính vô-biên hư-không, nên có tính vô-biên-thức; bởi vô-biên-thức nên có tính vô-sở-hữu; bởi vô-sở-hữu nên có tính Phi-tướng phi phi-tướng; bởi ngũ-âm nên có tính Diệt. Nếu chẳng năng phá hoại tướng ngũ-âm giả-danh, đây gọi là tối. Nếu năng phá hoại ngũ-âm giả-danh, thời gọi là tính sáng. Như Phật dạy một Tỳ-kheo: “Người đối với không trong các

hành, phải quán các hành trong trống-không, để tự điều uốn tâm mình, như người cầm đèn trong nhà trống-không, bao vật bị thấy đều không”. Hành-giả lấy sắc chứng sắc này diệt, gọi là không tính. Ngoại đạo nhờ vô-biên hư-không-xứ được lìa sắc, cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-xứ mà lìa vô-sở-hữu-xứ. Bởi các âm có diệt-tính ấy: Hành-giả có bao nghĩ lường, có bao tác khởi đều diệt là màu nhiệm. Đây gọi là bởi các âm có diệt-tính.

Hỏi: Các tính này nương Định nào mà được?

Đáp: Trong kinh nói Minh-tính cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-tính, đều do tự hành vào Định mà được. Nghĩa là hành duyên hữu-vi đạo nên được. Tại vì sao? Vì sơ-trí duyên sắc gọi là minh-tính; tính thứ hai cũng lấy sắc, lấy rồi chia chẻ khiến không. Như thế cho đến Phi-tướng phi phi-tướng-tính, diệt tính, vào diệt-tính, tất cả pháp hữu-vi đều không nên mới được. Trong đây nói Diệt gọi là lậu-tận Nê-Hoàn.

Hỏi: Các giải thoát này ở trong bậc nào?

Đáp: Hành giả muốn phá hoại sắc: hoặc hương cõi Dục mà trụ Định, hoặc nương cõi sắc mà trụ định, thời năng được sắc không. Tất cả trong các bậc năng được tâm không.

Hỏi: Giải thoát này có mấy hữu-lậu, mấy vô-lậu?

Đáp: Không-tính là tất cả vô-lậu.

PHẨM TÁM THẮNG-XỨ THỨ 164

Thắng-xứ thứ nhất: Tưởng nội sắc thấy ngoại sắc ít hoặc tốt hoặc xấu, đối với các sắc này thắng-tri thắng-kiến, nên gọi là thắng xứ. Thứ hai tưởng nội sắc thấy ngoại sắc nhiều. Thứ ba tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc ít. Thứ tư tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc nhiều. Thứ năm tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc xanh, hình xanh, sáng xanh, như hoa-uru-ma-già, như sắc chân-thanh nhuộm áo ba-la-nại. Thứ sáu thấy vàng. Thứ bảy thấy đỏ, thứ tám thấy trắng. Hành giả thấy như thế thấy các sắc nhiều vô-lượng. Tại vì sao? Vì chẳng những có xanh ấy thấy bốn sắc, mà vì lược nói nên mới có tám thắng-xứ. Hành-giả nếu năng dùng không-quán phá rách các căn, bấy giờ gọi là thắng xứ.

Hỏi: Ai năng được pháp này?

Đáp: Đệ-tử của Phật chứ chẳng phải ai khác.

Hỏi: Tám thẳng-xứ này ở trong bực nào?

Đáp: Ở Dục, Sắc hai cõi.

Hỏi: Là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Trước là hữu lậu, mà dùng không quán phá sắc thời thành vô lậu.

Hỏi: Tại sao pháp này độc danh thẳng xứ?

Đáp: Đây là chỗ tham đắm nhất của hành giả. Vậy nên Phật vì đệ-tử nói tên thẳng xứ, nghĩa là chỉ cho cần phải thẳng cảnh duyên này vậy.

PHẨM CHÍNH THỨ LỚP SƠ-THIỆN THỨ 165

Chính thứ lớp Định: Bốn thiên, bốn vô-sắc-Định và diệt-tận-Định. Sơ-thiên: Như trong kinh nói: “Hành-giả lia các dục các ác pháp bất-thiện hữu-giác hữu-quán. Ly-sinh hỷ-lạc vào sơ-thiên”.

Hỏi: Nên chỉ nói tướng sơ-thiên, mắc chi mà nói lia các dục ư?

Đáp: Có người báng rằng: thế-gian không có ai năng lia dục, vì người đời đều ở trong ngũ-dục cả: không ai mắt chẳng thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, mũi chẳng ngửi thơm, lưỡi chẳng nếm vị và thân chẳng cọ xát. Nên mới nói lia dục. Dục là dục-tâm chẳng phải là sắc thấy; như nói sắc thấy các vật chẳng gọi là dục. Tại sao biết được? Có kẻ tinh-tiến sắc thấy vẫn tồn tại, mà năng dứt dục. Lại trong kinh nói: “Sắc thấy là phần chẳng gọi là dục”. Tham tâm trong ấy mới gọi là dục. Nếu sinh tham tâm thời tìm cầu các dục. Vì nhân-duyên cầu dục, nên mới có tham giận, gây roi, giết hại các ác pháp tiếp theo. Như trong kinh Đại-nhân nói nhân ái sinh cầu thấy. Nên biết là tham dục gọi là lia dục. Có người nói lia sắc thấy năm món dục gọi là ly-dục, lia pháp ác bất-thiện, gọi là lia năm món che. Sơ-thiên gần với tâm tán loạn, nên gọi hữu-giác. Lại hành-giả này Định lực chưa thành, phát khởi tâm tán loạn, nên gọi hữu giác. Như trong kinh nói: “Ta tu hạnh hữu-giác hữu-quán”. Phải biết Phật nói tản tâm là giác. Giác này yếu lần nhiếp-tâm càng sâu, thời gọi là quán. Tùy Định thành-tựu, tâm chẳng tản nhiều, bấy giờ nói là quán. Quán này đeo theo hành-giả đến bực Thiên trung-gian. Nếu lia giác-quán được mừng gọi là ly-sinh-hỷ. Hỷ này trước năng được lợi ích nơi thân, nên gọi là lạc. Lia giác-quán này ưa ở trong một cảnh duyên, đây gọi là Thiên. Thiên này bị giác-quán làm loạn nên được quả-báo thân có sai khác. Vì hạ, trung, thượng sai khác nên có; Phạm-chúng-thiên, Phạm-phu-thiên, Đại-phạm-thiên.

Hỏi: Nếu lìa giác-quán hỷ là sơ-thiền ấy, thời chẳng cần dùng năm nhánh làm sơ-thiền; như lìa giác-quán cùng đệ-nhị-thiền có sai khác chi? Lại trong kinh nói: “Sơ-thiền hữu-giác hữu-quán, khoái-lạc khác, hỷ cũng khác.” Nếu tức là lạc, thời trong bảy giác-ý chẳng nên riêng nói khoái-giác-ý vậy?

Đáp: Người nói sơ-thiền không năm nhánh. Việc này chẳng phải là. Vì chẳng nói năm nhánh là tính sơ-thiền. Sơ-thiền gần địa có giác quán này, nên gọi là nhánh.

Hỏi: Nếu gần địa có pháp số là nhánh ấy. Sơ-thiền cũng gần ngũ-dục, thời nên nói là nhánh?

Đáp: Ngũ-dục chẳng gọi là gần, vì hành-giả này tâm đã lìa vậy. Lại sơ-thiền như thứ lớp chẳng khởi dục-tâm. Lại ngũ-dục chẳng trụ làm nhánh sơ-thiền. Nhánh gọi là nhân. Nhân tức là phần, như thánh-đạo phần nhóm họp đủ thấy. Giác-quán cũng như vậy. Nhân sơ-thiền nếu hành-giả Định-tâm ở trong cảnh duyên bị lui, rồi lại lấy Định Tướng, nhiếp tâm nơi cảnh, nhớ nghĩ bản tướng, đấy gọi là giác-quán. Nên biết giác-quán là nhân sơ-thiền. Trong đệ-nhị-thiền Định-tâm đã thành, vậy nên chẳng lấy giác quán làm nhân; nhị-thiền cũng thứ-lớp mà chẳng sinh giác-quán. Nếu người nói sơ-thiền chung với giác-quán, cũng chẳng phải lẽ. Vì từ sơ-thiền khởi, kế đó sinh giác-quán. Vì gần giác-quán nên gọi là chung, như cùng đệ-tứ chung đi, tuy chút xa nhau, nhưng cũng gọi là chung được. Lại trong bực này có sinh nhân-duyên, nên gọi có giác-quán, như người bệnh vì quý bất, tuy khi chẳng phát cũng gọi là bệnh. Người này bị quý làm nhóp nếu có cơ hội là tái phát, nên gọi là bệnh. Lại lạc-thọ tức là hỷ, chỉ nói sai khác cũng từ khoái mà riêng nói vui. Như trong kinh nói: “được thân khoái thời thọ vui”.

Hỏi: Nếu như vậy, tại sao sơ thiền nói năm nhánh?”

Đáp: Tùy lúc nói năm, như bảy giác ý đắc-thời-tiết, nên gọi mười bốn giác ý. Trong đây nói có khoái thân, khoái tâm mà thật thân không khoái, chỉ có tâm vui nên thân cũng thọ vui thôi. Hỷ cũng như vậy, ban đầu đến tại thân gọi là hỷ. Mới đầu được tướng hỷ-lạc, nên gọi là lạc. Về sau chỉ gọi hỷ, vì thời gian khác vậy. Lại không riêng có pháp khoái, chỉ khi sinh hỷ thân tâm không còn nặng nề cứng cõi, mà được mềm mại điều hòa, nên gọi là khoái đấy thôi. Như bệnh tứ đại diệt bệnh tứ-đại không sinh, người ấy gọi là vui. Khoái cũng như thế. Lại trong pháp trừ diệt cũng gọi là khoái. Như trong kinh nói: “Các hành thứ lớp diệt”. Như vào sơ thiền ngôn ngữ diệt, cho đến vào tận diệt-Định các tướng thọ diệt. Vậy nên không riêng có pháp khoái. Nếu nói sơ-thiền tương ưng với giác-quán cũng không phải lẽ. Tại vì sao? Trong kinh nói: “Hành-giả nếu vào sơ thiền thời diệt ngôn-ngữ”. Giác quán là nhân ngôn ngữ, làm sao có nhân ngôn ngữ mà ngôn ngữ diệt? Nếu bảo rằng giác

quán vẫn còn, chỉ ngôn ngữ diệt ấy, như người ở cõi Dục khi tâm chẳng muốn nói năng, cũng gọi là diệt.

Hỏi: Nếu trong sơ-thiền không giác quán ấy, nên gọi là Thánh mặc nhiên. Mà Phật chỉ nói nhị thiền là Thánh-mặc-nhiên, chẳng nói sơ thiền. Nên biết sơ thiền, phải có giác quán?

Đáp: Vì gần giác quán nên chẳng nói mặc nhiên, chứ chẳng phải giác quán tương ưng nên chẳng nói vậy. Lại trong kinh nói sơ thiền còn có tiếng tâm như gai, nên chẳng nói mặc nhiên.

Hỏi: Trong sơ-thiền vì sao có tiếng tâm là gai?

Đáp: Sơ-thiền an trụ định tâm yếu như hoa trôi trên nước; đệ-nhị-thiền thấy an trụ định tâm mạnh như sơn sơn vào cây. Lại xúc thấy cũng gọi gai sơ-thiền, vì xúc năng khiến khởi động sơ-thiền vậy. Nhị thiền thấy chẳng như vậy. Tại vì sao? Vì trong sơ thiền các thức chẳng diệt, nhị-thiền thấy năm thức diệt hết.

PHẨM NHỊ-THIỀN THỨ 166

Diệt các giác-quán, nội-tịnh nhất-tâm không giác không quán, Định sinh hỷ lạc, vào đệ-nhị-thiền.

Hỏi: Nếu đệ-nhị-thiền nói diệt giác-quán, thì biết sơ-thiền chắc có giác-quán, như trong nhị thiền có hỷ và tam thiền sẽ nói diệt hỷ?

Đáp: Như trong sơ-thiền không khổ căn, mà cũng nói khổ căn, lỗi diệt đệ-nhị-thiền này cũng như vậy.

Hỏi: Trong sơ-thiền tuy không khổ-căn mà có các thức. Các thức là chỗ khổ căn nương. Nên nói sơ-thiền khổ-căn chẳng-diệt?

Đáp: Trong sơ-thiền tuy có các thức, nhưng chẳng phải chỗ khổ-căn nương.

Hỏi: Tính năm thức là chỗ khổ-căn nương, vì tính đồng nên nói sơ-thiền có khổ?

Đáp: Nếu như vậy, ưu-căn từ tính ý-thức sinh, lẽ phải nói tất cả chỗ đều có?

Hỏi: Nay sao nói trong nhị-thiền khổ-căn diệt?

Đáp: Sơ-thiền gần tâm bất-định. Kẻ mà tâm bất-định hay sinh là các thức buộc ở cõi Dục; ở trong ấy sinh khổ-căn. Vậy nên chẳng nói sơ-thiền diệt khổ.

Hỏi: Nếu như vậy sơ-thiền cũng gần ưu căn. Ưu-căn này cũng nên nói như lối diệt đệ-nhị, đệ-tam-thiền?

Đáp: Nương Dục-ưu-căn. Do nương dục mà hỷ sinh. Được tịnh-hỷ thời bất-tịnh-hỷ diệt. Vậy nên trong sơ-thiền không có ưu-căn. Nương bất-định sinh khổ-căn. Sơ-thiền gần tán-tâm, nên gọi là diệt. Lại như tam-thiền không khổ, mà cũng nói dứt khổ-lạc mới vào tứ-thiền. Việc này cũng vậy. Lại hành-giả với trong sơ-thiền, Định chưa đầy đủ, thường bị giác-quán làm loạn, nên nói nhị-thiền diệt các giác-quán.

Nội tịnh: Là nhị-thiền nhiếp-tâm sâu-sắc, nên tán-loạn chẳng vào được. Vì trong không loạn-tâm gọi là nội tịnh. Thế nhị-thiền là nhất-tâm. kẻ không giác không quán nhất-tâm là tâm hành nhất-đạo cũng gọi là Thiền, tức là nội tịnh. Được thâm-Định này nên giác quán chẳng sinh, chẳng phải như sơ-thiền tâm-số ở giác-quán. Nếu nói không giác không quán, Định sinh hỷ-lạc: là sơ-thiền vì lìa, nên được hỷ. Trong đây Định thành-tựu nên được hỷ, nên gọi định sinh.

Hỏi: Hỷ trong sơ thiền và hỷ trong nhị-thiền có sai khác chi?

Đáp: Sơ-thiền vì diệt ưu nên được hỷ; nhị thiền vì diệt khổ nên hỷ. Lại hỷ trong sơ-thiền trái với hỷ-bất-tịnh mà được hỷ trong nhị-thiền trái với hỷ-tịnh mà được. Tuy đều bởi ái nhân-duyên nên được hỷ, mà hỷ sơ thiền yếu ớt.

Hỏi: Nghĩa như thế là hữu-lậu hay vô-lậu?

Đáp: Là hữu lậu, vì có ngã-tâm là có mừng.

Hỏi: Vô-lậu không mừng. Việc này chẳng phải lẽ. Trong thất-giác Phật nói Hỷ-giác-phần. Giác phần chỉ là vô-lậu. Nên biết có mừng vô-lậu. Lại trong kinh nói: “Kẻ tâm mừng, thân không được khoan khoái”. Thân khoái thời thọ vui. Nếu không mừng vô-lậu lẽ cũng không vui khoái vô-lậu. Lại Đức Phật thấy chúng Tăng thâm tu pháp lành thời sinh hoan hỷ. Nên biết rõ có mừng vô-lậu?

Đáp: Người lấy thất giác làm chúng vui mừng vô-lậu. Việc này chẳng phải lẽ. Giác phần có hai thứ: hữu lậu và vô-lậu. Như trong kinh nói: “Khi hành-giả nghe Pháp nãng dứt năm món che”. Tu thất giác phần, giác gọi là trí vô học như vì giác tu bất tịnh thấy pháp, đều gọi là giác phần. Người nói lẽ cũng chẳng nên có khoái vô-lậu ấy. Trước sinh mừng rồi sau mới được vô-lậu, nghĩa là như thật tri-kiến. Lại chẳng phải tất cả khoái đều nhân mừng sinh, như tam-thiền trở lên không mừng cũng không khoái. Lại chúng tôi chẳng nói lìa trí riêng có thọ-pháp. Vô-lậu-trí này mới đến tại tâm nói tên là vui. Vậy nên có vui vô-lậu. Chỉ chẳng bởi mừng mà sinh. Lại trong kinh nói: “Trừ bỏ thân tâm thô nặng gọi là khoái”. Khi được vô-lậu thân

tâm điều hòa vậy nên có khoái vô-lậu. Lại Phật thường hành xả-tâm. Vậy nên nói Phật có mừng. Việc này cần nói rõ. Lại nếu người không ngã và ngã sở thời không mừng. Nếu A-La-Hán có mừng, lẽ cũng có buồn, mà thật không buồn, nên biết không mừng.

Hỏi: Như sơ-thiền nhị-thiền có mừng không buồn, La-hán cũng như vậy, có mừng không buồn, có lỗi chi sao?

Đáp: Trong các thiền-định có buồn, như trong căn nghĩa nói: Buồn mừng cho đến cõi hữu đảnh; khổ vui tùy thân, cho đến tứ thiền. Lại trong thú-tam-thiền nói: lìa mừng tu xả. Nên biết không có mừng vô-lậu. Nếu có, tại sao nói lìa? Lìa tâm vô-lậu chẳng nên có mừng. Vì mừng đều nương giả-danh tướng phân-biệt mà có.

Hỏi: Nếu vậy thời sơ-thiền nhị-thiền không có vô-lậu thọ? Trong kinh nói: “Sơ-thiền nhị-thiền chỉ có mừng, chưa có tâm vui”. Mừng này cũng chẳng do nơi nào mà có?

Đáp: Mừng này và lìa mừng này chẳng nói vô-lậu-thiền. Mà lại có kinh nói vô-lậu-thiền. Chỗ gọi hành-giả do tướng nào, duyên nào, vào sơ-thiền rồi chẳng nghĩ tướng ấy, duyên ấy chỉ quán trong sơ-thiền có bao nhiêu sắc, thọ, tướng, hành và thức, như bệnh như ung, cho đến vô-ngã.

Hỏi: Như bệnh như ung, như tên đau nhức. Bốn điều này là thế-gian hành, chẳng phải vô-lậu. Vậy nên ông đem kinh ấy làm chứng, không thể thành-lập được vô-lậu vậy?

Đáp: Bốn hành này đều là tên khác của khổ, nên gọi vô-lậu.

Hỏi: Học-nhân cũng không có mừng vô-lậu sao?

Đáp: Nếu tâm tại Đạo, bấy giờ không mừng, mà tại Tục thời có. Bực vô-học thường không có.

Hỏi: Trong kinh nói nhờ tâm vui mừng năng được bốn Đế. Tại sao nói không mừng vô-lậu?

Đáp: Tâm vô-ngã tức là vui. Hành-giả tâm được vô-ngã phá hoại điên đảo, vì biết chân thật nên được khoái lạc chứ không riêng có mừng. Lại kinh này nói rõ chẳng dùng mừng mà năng được thật-trí, nên mới nói như vậy.

Thành-thật luận hết quyển thứ mười lăm.

Thành Thật luận hết quyển 15

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 16

PHẨM TAM-THIÊN THỨ 167

Lìa mừng, tu xả, nhớ nghĩ, an-huệ, thân thọ vui. Vui này Thánh nhân cũng nói cũng xả. Nhớ nghĩ, tu vui vào Đệ-tam-thiên.

Hỏi: Tại sao lìa mừng?

Đáp: Hành giả thấy năng trôi nổi lên lìa. Lại mừng do tướng phân-biệt mà sinh. Tướng mừng động chuyên từ hồi nào đến giờ khổ thường đeo bám luôn. Vì lẽ đó nên lìa. Lại hành-giả được tịch-diệt tam-thiên nên xả nhị-thiên. Lại từ mừng sinh vui cạn, mà lìa mừng sinh vui cạn, mà lìa mừng sinh vui sâu; như người với vợ con thầy chẳng năng thường mừng. Vì mừng do tướng phân biệt mà sinh; vui chẳng do tướng phân biệt sinh nên năng thường có. Hành giả cũng vậy, mừng mới đến thời cho là vui, sau là nhàm lìa.

Hỏi: Như người bị nóng bức, thời lấy lạnh làm vui. Hành-giả vì khổ nào đó làm bức, nên dùng tam-thiên làm vui?

Đáp: Mừng trong nhị-thiên là tướng phát động, như chông gai, hành-giả bị khổ này làm bức, nên với trong Định không mừng mà sinh lòng vui.

Hỏi: Tùy có khổ nóng thời lấy lạnh làm vui; nếu được lìa nóng thời lạnh chẳng vui. Hành-giả, nếu vì lìa mừng, tại sao trong tam-thiên còn sinh lòng vui?

Đáp: Sinh vui có hai thứ: Hoặc bởi còn khổ, như có khổ nóng thời lấy lạnh làm vui; hoặc bởi lìa khổ, như lìa kẻ oán-tắng. Như Đức Phật lìa Câu-Xá-Di Tỳ-kheo nói Ta an vui. Việc này chẳng như vậy, được lìa động-tướng nên ở tam-thiên sinh vui, như lìa ngũ-dục lấy sơ-thiên làm vui.

Tu xả: Vì lìa mừng nên tâm được tịch-diệt. Hành-giả trước kia sâu đắm mừng tâm nhiều tán-loạn. Nay được lìa nên tâm ấy được tịch-diệt. Nên nói tu xả. Nhớ nghĩ,

an huệ: đối với lỗi trong mừng, hai pháp này thường chuẩn bị chẳng cho mừng đến phá rối. Lại nhớ nghĩ: là nhớ nghĩ mừng; an-huệ thấy lỗi trong mừng. Thọ thân vui: là lìa mừng tu-xả. Xả tức là vui, vì không vọng-động tìm cầu vậy. Vui này chẳng do tướng phân-biệt mà sinh, nên gọi thân thọ vui. Thánh-nhân cũng nói cũng xả: Nói, gọi là tùy theo người đời, nên nói gọi là vui, như nói: tâm phi-tướng phi phi-tướng-xứ chẳng tham đắm nên xả. Nghĩ nhớ tu vui: người này biết xả, nghĩa là thấy lỗi mừng mà sinh nhàm lìa, nên được xả nhiệm màu. Lại nghĩ nhớ cũng màu nghĩa là năng nhớ lỗi mừng. Trong đây cũng nên nói an-huệ với nghĩ đồng-hành nên chẳng nói riêng. Vui: Là vui đệ-nhất. Vậy nên Thánh-nhân cũng nói xả.

Hỏi: Trong tham-thiền có thọ vui, tại sao nói xả vui?

Đáp: Trong luận Tôi đây chẳng nói lìa thọ riêng có xả vui. Thọ vui tức là xả vui.

Hỏi: Nếu vậy trong đệ-tứ-thiền nên nói thọ vui, vì có xả vậy?

Đáp: Tôi nói tứ-thiền cũng có thọ vui chỉ vì diệt vui đệ-tam-thiền nên nói như thế.

Hỏi: Nếu đều là thọ vui, tại sao sơ-thiền nhị-thiền gọi mừng, mà tam-thiền gọi vui?

Đáp: Vì tướng phân-biệt nên gọi mừng, không tướng phân-biệt nên gọi vui Hành-giả vì với đệ-tam-thiền tâm càng nhiếp vậy, và không tướng phân-biệt nên gọi là vui. Lại vì được tịch-diệt tam-thiền càng sâu nên gọi là vui, như nói tâm động-cầu Thánh-nhân gọi đó là khổ. Động là phân biệt, nói đây là vui. Vậy.

PHẨM TỨ-THIÊN THỨ 168

Dứt trừ khổ, vui, trước diệt buồn, mừng chẳng khổ chẳng vui, xả niệm thanh-tịnh vào đệ-tứ-thiền.

Hỏi: Nếu trước dứt khổ, tại sao ở trong đây mới nói? Nếu quyết muốn nói nên nói trước dứt, như nói trước diệt buồn mừng?

Đáp: Tứ-thiền gọi bất-động. Vì muốn thành tướng bất-động này nên mới nói không bốn món thọ. Tại vì sao? Vì động là phát động. Hành-giả bị khổ vui xâm lấn thời tâm động. Tâm động thời sinh tham giận, nên phải dứt khổ vui, khiến tâm chẳng động.

Hỏi: Nếu đệ-tứ-thiền thọ lợi ích rất lớn, tại sao không gọi là vui?

Đáp: Thọ này tịch-diệt, nên nói chẳng khổ chẳng vui. Tùy tâm niệm biết đây là vui. Được đệ-tứ-thiền lia vui tam-thiền. Nên chẳng cho là vui, thời gọi là vui. Xả niệm thanh-tịnh: Trong đây xả thanh-tịnh, vì không cầu vậy. Tam-thiền có cầu, nghĩa là cho đây là vui. Lại trong Thiền này niệm cũng thanh-tịnh. Tại vì sao? Vì trong tam-thiền đắm vui nên nghĩ nhớ tán-loạn. Đến tứ-thiền này vì dứt tham vui, nên nghĩ nhớ thanh-tịnh.

Hỏi: Tại sao tứ-thiền chẳng nói an-huệ?

Đáp: Nếu nghĩ nhớ thanh-tịnh, phải biết đã nói an huệ rồi, vì hai pháp này chẳng lia nhau vậy. Lại đây là Đạo thiên-định, chẳng phải Đạo trí-huệ vậy, an-huệ là huệ nên chẳng nói. Trong đệ-tam-thiền phần sau cũng chẳng nói an huệ, chỉ nói vui hành xả nghĩ nhớ, mà chẳng nói vui hành xả niệm huệ. Lại nghĩ nhớ này năng thành thiên-định, nếu người khi Định chưa thành cần phải lấy tướng nghĩ nhớ là năng thành, sở dĩ được nói riêng. Lại được thượng công đức, xả hạ công-đức, chẳng cần suy nghĩ, nên chẳng nói huệ.

Hỏi: Thọ chẳng khổ chẳng vui là vô-minh phần, trong tứ-thiền phần nhiều trái nhau với huệ, nên chẳng nói huệ?

Đáp: Nếu như vậy, thọ chẳng khổ chẳng vui lẽ chẳng phải là vô-lậu?

Hỏi: Trong tam-thiền vì lỗi trái tự địa nên nói an-huệ; vì trái tha-địa nên nói nghĩ nhớ. Tứ-thiền tự địa không lỗi như vậy, nên chẳng nói an-huệ?

Đáp: Tứ-thiền cũng có lỗi tham thấy nên phải nói an-huệ. Lỗi tham trong ấy nhỏ nhiệm khó biết, nên quyết cần phải nói; trong các địa khác cũng nên nói mà chẳng nói. Nếu biết phải như Tôi mà đáp.

Hỏi: Tại sao, tứ-thiền diệt thở ra sao?

Đáp: Hơi thở nương thân tâm. Tại sao biết được? Tùy khi tâm yếu, hơi thở cũng yếu. Tứ-thiền tâm chẳng động, nên diệt-thở ra vào. Lại như người mỗi mệt, hoặc gánh gánh nặng lên núi thời thở hơi mạnh, mà khi nghỉ thời hơi thở yếu. Tứ-thiền cũng như vậy, vì không tướng động tâm ngừng nghỉ, nên diệt thở ra vào. Có người nói hành-giả được tứ-thiền, nên bít các lỗ chân lông nơi thân tứ đại, vậy nên hết thở. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì uống ăn mồ hôi chảy khắp cả mình thân, nếu các lỗ chân lông bít lẽ chẳng chảy được? Mà thật chẳng phải. Nên biết tâm lực tứ-thiền năng khiến diệt thở.

Hỏi: Trong tứ-thiền không lạc thọ; trong ấy làm sao có ái-sử? Vì trong kinh nói lạc thọ có ái sử?

Đáp: Trong ấy có tế lạc thọ, chỉ dứt thô lạc thọ, nên mới nói chẳng khổ chẳng vui, như gió xao đèn, nếu đèn tắt trong nhà kín thời chẳng gọi xao; trong ấy chắc có chút gió, như gió không mạnh nên chẳng gọi xao. Tứ-thiền cũng vậy. Chắc có chút vui, nhưng vì dứt khổ vui thô-bạo nên chẳng gọi chẳng khổ chẳng vui.

PHẨM VÔ-BIÊN HƯ-KHÔNG XÚ THỨ 169

Vượt qua tất cả sắc-tướng, diệt hữu-đối tượng, chẳng niệm tất cả tướng gì khác, vào vô-biên hư-không xứ, Sắc tướng: là tướng sắc, hương, vị và xúc: Vì sao hành-giả phải vượt? Vì trong sắc ấy có đối có ngại và các dị-tướng là tiếng chuông trống thảy. Các tướng này là nhiều món phiền não, nhiều món nghiệp và nhiều món khô-nhân. Vì những lẽ đó nên phải vượt qua. Nếu qua tất cả sắc-tướng thời diệt hữu-đối-tướng. Diệt hữu-đối-tướng thời không dị-tướng. Trong ấy lược bớt nên chẳng nói qua đây nên đây diệt. Lại có người nói: “Tất cả sắc-tướng: Là tức tướng chỗ nhãn-thức nương ở. Hữu-đối-tướng: là tức tướng chỗ các thức nhĩ-tỉ-thiệt và thân nương ở. Dị-tướng: là tức tướng chỗ ý-thức nương ở.” Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu nói diệt hữu-đối-tướng thời đã thu nhiếp sắc rồi, cần gì nói riêng? Lại lia sắc-tướng, đối-tướng không riêng có sắc làm chỗ nương cho ý-thức. Vậy nên chẳng cần nói riêng. Dị-tướng nên nói như trước.

Vào vô-biên hư-không-xứ: Hành-giả vì sắc-tướng bức bách, ồn ào, mỗi mệt, nên quán trống-không không ngăn mé: bên trong lấy tướng trống-không của mắt, mũi, yết-hầu thảy; bên ngoài lấy tướng trống-không của giêng, hăm, cửa, bông trong cây thảy. Lại quán thân chết bỏ mồ mả, lửa cháy tan hết; hoặc chim thú giành ăn, dòi trùng từ trong ấy lúc-nhúc bò ra... Nên biết thân này trước có đã trống-không.

Hỏi; Định hư-không, này lấy gì làm cảnh duyên?

Đáp: Trước tiên duyên hư-không, thành rồi tự duyên các âm, cũng duyên các âm kẻ khác. Tại vì sao? Vì lấy đức Bi làm đầu, khởi nghĩ như vậy: Chúng-sinh đáng thương, vì bị sắc tứ lạnh khổ,

Hỏi: Định này duyên chúng-sinh nào?

Đáp: Duyên tất cả chúng-sinh.

Hỏi; Hành-giả ấy đã lia sắc-tướng, làm sao duyên chúng-sinh cõi Dục được?

Đáp: Hành-giả này vẫn duyên sắc. Nhưng với trong sắc tâm chẳng thông-hòa, chẳng vui chẳng đắm, như trong kinh nói: “Nếu Thánh-nhân sâu nghĩ nhớ ngũ-dục, với trong ấy chẳng vui chẳng thông chẳng đắm, vì sợ lui trụt lại như cháy gân lông. Nếu nghĩ Nê-Hoàn thời tâm thông-hòa”. Người này cũng như vậy, có thể duyên sắc, nhưng chẳng tham vui. Lại như hành-giả tùy lìa sắc-tướng, do ngăn mé hư không năng duyên tứ-thiền, như vô-sắc-định năng duyên Vô-lậu sắc. Trong ấy không lỗi vì chẳng phải chỗ phân-biệt, nên kia cũng phải như vậy.

Hỏi: Hư không là sắc-nhập tính, làm sao duyên đầy năng vượt qua sắc-tướng?

Đáp: Định này duyên vô-vi hư-không, nên năng vượt sắc.

Hỏi: Định này chẳng duyên vô-vi hư-không. Tại vì sao? Vì trong phương tiện Định này nói duyên hư-không trong mắt thấy. Nên biết duyên hữu-vi hư-không. Lại trong kinh chẳng nói tướng vô-vi hư-không chỉ nói tướng hữu-vi hư-không, chỗ gọi vô-sắc-xứ là hư-không. Vậy nên không có vô-vi hư-không?

Đáp: Sắc tính chẳng gọi hư-không. Tại vì sao? Trong kinh nói: “Hư-không không sắc chẳng khá thấy, chẳng khá đối”.

Hỏi: Lại có kinh khác nói: “Nhờ sáng biết hư không”. Trừ sắc không có pháp nào nhờ sáng khá biết?

Đáp: Vô sắc gọi hư không; các sắc do sáng khá biết vậy. nên cũng nhờ sáng thời biết không có sắc, chẳng phải có hư-không. Lại trong tôi cũng biết hư-không; người đui dùng tay cũng biết hư-không. Lại dùng gậy cũng biết đây là hư-không. Vậy nên biết hư-không chẳng phải sắc tính. Sắc chẳng lấy các nhân-duyên này mà biết được. Lại sắc là hữu-đối, hư-không là vô-đối. Lại dùng lửa thấy hay diệt hết sắc, mà chẳng hay diệt hư-không. Nếu hư-không diệt lại gọi là pháp chi?

Hỏi: Nếu có sắc sinh thời hư-không diệt, như khởi xây thành, vách trong ấy thời không còn hư không?

Đáp: Sắc sinh trong ấy, sắc này trọn không có bị diệt. Tại vì sao? Vì không có sắc gọi hư không. Pháp “không có” chẳng khá lại không có nữa? Vậy nên sắc chẳng diệt hư-không. Lại người nói hư-không là sắc. Trong ấy không có lý do khá khiến sắc này.

Hỏi: Hiện thấy hư không trong cửa, bông cây thấy; trong việc hiện thấy chẳng cần lý do?

Đáp: Hư không chẳng hiện thấy được. Như trước đã phá rồi, chỗ gọi trong tối cũng có thể biết thấy.

Hỏi: Nếu hư không chẳng phải sắc, vậy là pháp chi?

Đáp: Hư không gọi vô pháp. Những chỗ không có sắc gọi là hư không.

Hỏi: Trong kinh nói: “Nhân sáu món nên chúng-sinh thọ thân”. Lại nói “Hư không gọi bất khả kiến, vô sắc vô đối”. Nếu vô pháp, thời chẳng được khởi nói như vậy. Không có ai nói sùng thờ gọi bất-khả-kiến vô sắc vô đối?

Đáp: Nếu thật có pháp đều có chỗ nương, như danh nương sắc, sắc lại nương danh. Hư không không nương, nên biết vô pháp. Người nói hư không sáu món ấy. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì sắc ngăn ngại sắc: sắc này được, sắc khác mất nên được tăng thêm. Vì nghĩa này nên Phật nói nhân sáu món chúng-sinh thọ thân. Người nói hư không vô sắc vô hình, vô đối. Cũng vì phá các vật, nên mới nói như vậy, chứ chẳng nói có tướng hư không. Người nói không có ai nói sùng thờ và bất-khả-kiến, vô sắc vô đối. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì đều do hư không được có những việc sở tác khứ lai thấy. Trong sùng thờ thấy không có nghĩa như thế.

Hỏi: Tâm cũng như thế. Vô-sắc, vô hình, vô đối mà có thể nói không được không?

Đáp: Tâm có tác-nghiệp nghĩa là năng lấy cảnh duyên, hư không vô nghiệp, chỉ vì “không” nên được có chỗ tác dụng. Nên biết vô-pháp. Vậy nên Định này trước tiên duyên hư-không.

Hỏi: Định này năng duyên bực nào?

Đáp: Định này duyên tất cả bực, và duyên Diệt và Đạo nữa, nhưng duyên tử-trí phần Diệt, chẳng duyên hiện trí phần Diệt. Việc ấy thế nào?

Đáp: Duyên tất cả Diệt, lấy hiện pháp-trí duyên Diệt hiện-tại tự-địa; lấy tử-trí duyên các Diệt khác. Đạo cũng như vậy, năng duyên tất cả pháp vậy.

Hỏi: Chúng-sinh cõi vô-sắc năng khởi tâm các địa không?

Đáp: Năng khởi tâm các địa và tâm vô-lậu nữa.

Hỏi: Nếu vậy làm sao khởi lui chìm?

Đáp: Trụ trong nghiệp quả-báo nên chẳng lui, như sức thần-thông trong hai cõi Dục Sắc vậy. Trụ sắc khác tâm khác mà năng chẳng lui. Trong đây cũng vậy.

Hỏi: Định vô-biên hư-không cùng hư-không-xứ nhất-thiết-xứ có sai khác gì?

Đáp: Muốn vào Định hư-không phương tiện đạo gọi là nhất-thiết. Vào Định thành rồi gọi là hư-không-Định. Trong đây nhân-quả của Định là bực và tất cả hữu-lậu vô-lậu, hoặc Định hoặc phi Định, hoặc cấu hoặc tịnh đều gọi vô-biên hư-không xứ.

PHẨM BA VÔ-SẮC ĐỊNH THỨ 170

Qua tất cả vô-biên hư-không-xứ, mới vào vô-biên-thức-xứ. Hành-giả rất nhàm sắc, nên cũng bỏ luôn pháp đối trị sắc, như người đã qua sông bỏ luôn cả thuyền mà đi, như đợc ra khỏi giặc muốn bỏ đi cho xa. Hành-giả cũng vậy, tuy nhờ không phá sắc, cũng muốn bỏ không mà đi xa. Vô-biên-thức: Hành-giả dùng thức năng duyên hư-không không ngăn mé, thời thức cũng không ngăn. Vậy nên bỏ không duyên thức. Lại như sắc vì mỗi một nên duyên hư-không. Như vậy bị hư-không làm mỗi một, muốn ngăn dứt nên mới duyên nơi thức. Lại người này dùng thức năng duyên hư không vì cho thức là thắng, nên chỉ duyên thức. Hành-giả dùng thức tùy duyên tùy lúc, nên sinh mệt nhọc, vô cùng nhàm lia, lại muốn phá thức, nên mới vào vô sở hữu xứ, khởi nghĩ như vậy: Tuy có thức thời khổ, nếu ta có thức vô biên. Vậy nên thu nhiếp tâm duyên thức lại. Vì tâm nhỏ nhiệm nên cho là vô sở hữu, lại nghĩ như vậy: “Vô sở hữu tức là tướng. Mà tướng là khổ-não, như tật bệnh, như ung thư. Mà nếu không tướng lại là ngu si. Nếu ta thấy vô sở hữu tức đây là hữu, nên đối với các tướng chưa đợc giải thoát”. Hành-giả thấy tướng là suy hoạn mà vô-tướng là ngu si. Tịch diệt mới là mầu nhiệm, chỗ gọi Phi-tướng phi phi-tướng-xứ. Kẻ phàm phu thường e sợ vô-tướng, vì cho là ngu si, vậy nên trọn không có kẻ nào diệt-tâm. Có người nói chúng-sinh vô-tướng cũng năng diệt tâm. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì nếu những kẻ trong cõi Sắc năng diệt tâm, thời trong cõi vô-sắc sao lại năng?

Hỏi: Cõi Sắc có sắc nên năng diệt tâm. Trong cõi vô-sắc trước đã diệt sắc nay lại diệt tâm. Nếu thấy cả sắc tâm đều diệt thời kinh sợ mê-muội?

Đáp: Nếu kẻ ở trong kia chẳng năng diệt mà sinh về trong đây thời nên năng diệt, như Diệt-tận-Định.

Hỏi: Quả diệt tâm là vô-tướng, vậy nên nếu diệt cả sắc lẫn tâm thời là mất hẳn?

Đáp: Diệt-tận-Định cũng có hữu tâm quả, việc này cũng như vậy. Lại nếu quả chẳng dứt cũng gọi trụ ở quả, như ở sắc biến hóa. Trong tâm biến hóa lại sinh quả,

nên chẳng gọi mất hẳn được. Vậy nên trong cõi sắc chẳng nên nói diệt tâm. Nếu nói là trong cõi vô-sắc mới cần phải nói. Lại trong vô tướng định tâm chẳng nên diệt. Tại vì sao? Vì hành-giả cần nhàm lìa tâm, nên năng diệt tâm. Nếu kẻ chán tâm, hãy chẳng sinh trong cõi vô sắc huống sinh cõi Sắc. Lại kẻ phạm phu với tâm sinh ngã tướng. Như trong kinh nói: “Phạm phu suốt đời tham đắm tâm này, cho đó là ngã”. Vậy nên chẳng hay có chút nhàm lìa. Lại trong kinh nói: “Ngoại đạo năng nói diệt ba món thủ mà chẳng năng nói đoạn ngã-ngữ-thủ”. Vậy nên chẳng năng diệt tâm. Lại nếu chính biết pháp nhân duyên năng được tâm không, như trong kinh Viên hầu dụ nói: “Phạm phu hoặc năng lìa thân, mà chẳng năng lìa tâm”. Thà quán thân thường, đừng quán tâm thường. Tại vì sao? Vì mắt thấy thân này, hoặc sống còn mười tuổi cho đến trăm tuổi chỗ gọi hoặc tâm hoặc ý hoặc thức, việc này niệm niệm sinh diệt biến khác, như con khi đột chuyễn cây: buông một nhánh, vin liền một nhánh, chẳng đeo một chỗ. Nếu Thánh đệ tử với trong ấy chính quán pháp nhân-duyên thì năng biết vô thường.

Lại kẻ biết pháp nhân-duyên, vì thọ sai khác nên năng phân biệt Thức. Các bọn ngoại đạo vì không có trí phân-biệt nhân-duyên, nên chẳng năng diệt tâm. Lại kẻ phạm phu lìa sắc mà chẳng lìa tâm nên chẳng được giải thoát. Nếu cả hai đều năng diệt thì tại sao chẳng được giải thoát? lại kẻ phạm phu khiếp sợ diệt, nên đối với Nê-Hoàn trọn chẳng năng sinh tướng tịch diệt yên ổn. Như trong kinh nói: “Vô-ngã và vô-ngã-sở là chỗ phạm phu rất khiếp sợ”. Lại trong vô tướng sinh tâm ngu si. Nếu kẻ đối với Nê-Hoàn chẳng sinh tâm tướng tịch diệt yên ổn, làm sao mà năng diệt tâm. Lại pháp phạm cần nhờ bực trên, mới năng xả bực dưới, vậy nên không có nhân-duyên năng diệt tâm; chỉ nhờ sức Định tế tướng tâm hiện tiền bất giác nên tự cho là vô tướng. Nếu khởi thô tướng tức thì trục lui; như người thiếu trí gọi vô trí, như thức ăn ít mặn gọi là không mặn; như mê ngất mất nhớ; loại sâu nằm lâu năm dưới đất; loại cá nằm trong băng. Như trong đây nói Phi-tướng phi phi-tướng-xứ cũng vậy. Tuy thật có tướng, nhưng vì tùy theo thể tục, nên nói là vô tướng.

PHẨM DIỆT-TẬN-ĐỊNH THỨ 171

Qua tất cả Phi-tướng phi phi-tướng-xứ, thân chứng tướng thọ-diệt.

Hỏi: Tại sao trong các Thiên chẳng nói qua tất cả. Trong vô-sắc Định chẳng nói diệt?

Đáp: Tôi nói trong các thiên-định đều có các pháp giác-quán hỷ-lạc, vậy nên chẳng nói qua tất cả.

Hỏi: Vô-biên hư-không-xứ có sắc tâm, việc này đã rõ, nên trong vô-sắc cũng chẳng nên nói qua tất cả.

Đáp: Như vào trong vô-biên-hư-không-định thoát được sắc tâm, mà chẳng thoát được các pháp giác-quán. Lại có người nói: Nếu nói qua-diệt-lui đều là nghĩa một mà danh khác. Lại trong vô-sắc-Định tâm kiên-cố; trong các bực dưới tâm, tán loạn làm hoại, vậy nên chẳng nói qua tất cả.

Hỏi: Nếu đều nói có chông gai nghĩa là sắc tướng thấy, tại sao lại nói tâm kiên-cố?

Đáp; Tuy đều nói chông gai, nhưng cũng gọi đệ-tứ-thiền là không động. Như vậy trong vô-sắc-Định. Định lực lớn nên được kiên-cố.

Hỏi: Học nhân chẳng nên được diệt-tận-Định, vì chưa qua tất cả Phi-tướng phi phi-tướng-xứ vậy?

Đáp: Học-nhân năng thấy tất cả hành-diệt của phi-tướng phi phi-tướng-xứ, nhưng chưa có thể khiến nó chẳng sinh, nhưng cũng được nói là qua.

Hỏi: Nếu ý trong đây lấy Nê-Hoàn cho là diệt ấy. Ông trước nói trong chín thứ lớp diệt là tâm và tâm số diệt, vậy thời trái nhau?

Đáp: Diệt-Định có hai thứ: Một diệt hết các phiền não, hai diệt chưa hết. Kẻ hết phiền não ở trong giải thoát; kẻ phiền não chưa hết ở trong thứ lớp. Lại một diệt phiền não nên gọi diệt-định; hai diệt tâm, tâm số, pháp cũng gọi diệt-định. Diệt phiền não là giải thoát thứ tám, cũng gọi là quả A-La-Hán. Quả A-La-Hán là diệt tất cả tướng khiến chẳng sinh lại nữa. Trong đây tuy diệt các tướng, nhưng còn thừa kiết-sử, nên chẳng năng khiến chẳng tái sinh.

Hỏi: Nếu hành-giả dùng chín thứ lớp Định năng diệt tâm thời Tu-Đà-Hoàn thấy làm sao năng chứng pháp tâm diệt?

Đáp: Trong chín thứ lớp diệt gọi là đại-diệt. Như người khéo tu các thiền-định, nhờ sức mạnh đạo tâm nên năng được Diệt này. Nếu không sức ấy, thời chỉ được có diệt, chẳng năng được đại-lực như thế, nên mới nói thứ lớp Định. Các chỗ khác cũng có tâm diệt, nhưng trong đệ-tứ-thiền năng diệt tâm, tâm số pháp, mới vào vô-tướng, thời trong sơ-thiền thấy có sao không diệt? Lại chỗ khác cũng phải có nghĩa diệt tâm, như trong kinh nói: “Tu-Đà-Hoàn thấy đều năng chứng diệt”. Chỉ tâm diệt mới gọi là diệt. Lại không có pháp nào khác diệt. Nên biết lia chín bực này cũng có tâm diệt.

Hỏi: Nếu diệt-tận-định năng diệt tất cả tâm, tâm-số pháp tại sao chỉ nói tướng thọ diệt?

Đáp: Tất cả tâm đều gọi là thọ. Thọ này có hai thứ: Một tướng thọ; hai huệ thọ. Tướng thọ là hữu-vi duyên tâm, vì tướng đi trong pháp giả-danh vậy. Giả danh có hai thứ: một do hòa hợp giả-danh; hai pháp giả danh. Vậy nên tất cả hữu-vi duyên tâm đều gọi là tướng. Huệ thọ là vô vi duyên tâm. Vậy nên nếu nói tướng thọ diệt là nói tất cả diệt

Hỏi: Trong tất cả tâm, tâm số pháp thọ tướng rất thắng vậy nên nói riêng. Tại vì sao? Vì phiền não có hai phần: một ái phần; hai kiến-phần. Thọ sinh ái-phần; tướng sinh kiến-phần. Lại trong hai cõi Dục, sắc thọ thắng; trong cõi vô-sắc tướng thắng. Vậy nên chỉ có hai thứ. Lại trong các thức xứ chỉ nói thọ tướng. Thức xứ từ tâm khởi nên gọi là hành. Lại nếu nói thọ tướng diệt, thời nói tất cả tâm, tâm số diệt, vì các tâm số chẳng rời nhau vậy?

Đáp: Chẳng phải vậy. Người nói thắng nên nói riêng. Cần phải nói tâm. Tại vì sao? Vì trong kinh nhiều chỗ nói tâm là chủ mà cũng là chỗ nương của hai phần phiền não. Và cũng vì tâm sai khác nên gọi là thọ tướng, nên phải nói tâm. Lại nói tâm thời dễ. Vậy nên lời người nói chẳng phải lẽ.

Hỏi: Định này tại sao nói thân chúng?

Đáp: Tám giải thoát đều nói thân chúng. Lại đây là Diệt-pháp chẳng phải dùng lời nói mà thấu rõ được, nên nói thân chúng, như kẻ đung nước mới biết tương lạnh, chứ chẳng phải nghe nói mà năng biết được. Việc này cũng vậy. Lại đây là pháp vô-tâm, nên phải nói lấy thân chúng?

Hỏi: Ông nói diệt-định là pháp vô-tâm. Nghĩa này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì kẻ vào định này là chúng-sinh; thế-gian không có chúng-sinh vô-tâm. Vậy nên phi lý. Lại trong kinh nói: “Mạng, nóng, thức, ba pháp này thường chẳng rời nhau”. Nên không diệt tâm. Lại tất cả chúng-sinh đều nhờ bốn lồi ăn mới được tồn tại. Mà kẻ vào diệt-tận-định thời không còn lồi ăn này nữa. Tại vì sao? Vì người chẳng ăn lồi ăn vò nát, ăn chạm xúc thấy cũng đều diệt mất. Nên không ăn vậy. Lại tâm từ tâm sinh, nếu tâm này diệt, các tâm khác chẳng sinh, vì không thứ lớp duyên vậy, thời hậu tâm làm sao sinh nữa được? Lại tâm chỉ vào vô-dur Nê-Hoàn, khi dứt tương-tục mới diệt, chẳng phải ở các chỗ khác mà diệt được. Như trong kinh nói: “Lấy sắc vượt qua các dục; lấy vô-sắc vượt qua sắc. Lấy diệt vượt qua các tác-niệm tư-duy”. Tâm là tác-niệm tư-duy, cần lấy Diệt mới năng vượt qua. Được hữu-dur Nê-Hoàn thời tâm bản diệt. Được vô-dur Nê-Hoàn thời tâm không cần bản diệt. Đây chính là nghĩa Phật-Pháp. Lại kẻ vào diệt-định chẳng gọi là chết. Tâm diệt gọi chết. Nếu

diệt tâm sống lại, kẻ chết cũng nên sống lại, thời kẻ vào Nê-Hoàn cũng nên sinh lại. Vậy thời trọn không ai giải thoát. Mà thật chẳng phải như vậy. Nên tâm chẳng diệt?

Đáp: Người nói không có chúng sinh vô tâm. Tuy đồng là vô tâm, mà khác với kẻ chết. Như trong kinh hỏi rằng: “Kẻ vào diệt tận định với người chết có khác gì không?”

Đáp rằng: Kẻ chết mạng, nóng, thức ba món đều diệt; người vào diệt-tận-định chỉ tâm diệt mạng và nóng chẳng lìa nơi thân”. Nên biết lẽ phải có chúng-sinh vô tâm. Lại người này tâm thường còn, vì đặc lực nên cũng gọi có tâm chẳng đồng gỗ đá. Người nói ba việc chẳng rời nhau. Là vì chúng-sinh hai cõi Dục sắc vậy. Trong cõi vô-sắc có mạng có thức mà không nóng. Lại kẻ vào diệt-tận-định, có mạng có nóng mà không có thức tức là trong kinh ấy cũng nói thức rời nơi thân. Vậy nên, nếu nói ba việc chẳng rời nhau là tùy có chỗ mà nói. Người nói tuy không ăn làm sao còn sống ấy. Trước dùng ý tư thực nên tồn tại. Hiện tại dùng lạnh thấy các xúc nên có thể chi trì thân. Người nói tâm bởi tâm sinh ấy. Tâm làm nhân cho tâm khác, làm nhân rồi diệt, vậy nên năng sinh tâm khác.

Hỏi: Tâm diệt làm sao năng sinh tâm khác? Như mắt đã diệt là chẳng năng sinh thức?

Đáp: Như nghiệp diệt rồi, quả báo mới sinh được. Việc này cũng thế. Lại ý từng ý thức hai việc ngại nhau, mà nhãn cùng nhãn thức chẳng phải như thế. Vậy nên phi nhân. Người nói khi dứt tương tục tâm diệt. Việc này chẳng phải lẽ. Diệt có hai thứ: sắc diệt và tâm diệt. Hoặc sắc diệt tâm chẳng diệt, như trong vô sắc, trái lại tâm diệt cũng chẳng diệt như vào diệt định. Hoặc sắc tâm đều diệt, như khi diệt tương tục. Người nói vào diệt-tận-định chẳng gọi kẻ chết ấy. Người này mạng và nóng chẳng diệt, mà kẻ chết ba món đều diệt. Đây là chỗ sai khác. Lại người này nhờ mạng và nóng nên tâm năng sinh lại, mà kẻ chết chẳng phải vậy. Người nói nếu diệt tâm lại sinh thời không ai giải thoát. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì kẻ vào Nê-Hoàn nghiệp trước chịu mạng, nóng, thức đã diệt chẳng mong sinh lại; kẻ này mạng và nóng chẳng diệt, trước mong tâm sinh, như trong phẩm diệt-tận-định nói: Kẻ vào diệt-tận-định nhờ lực nhập này và thân mạng nên được khởi lại, vậy nên tâm năng sinh lại. Kẻ vào Nê-Hoàn tâm chẳng sinh lại. Nên mới biết Định này vô-tâm.

Hỏi: Tại sao bố-thí kẻ do Định này khởi năng được hiện báo?

Đáp: Kẻ từ Định này khởi tâm rất tịch diệt. Như trong kinh nói: “Kẻ vào diệt tận định là khởi tâm thuận với Nê-Hoàn”. Lại người này sức thiền định mạnh, nương Định này nên Trí huệ cũng lớn. Trí huệ lớn, nên mới năng khiến kẻ thí được quả

báo thù-thắng, như người cúng dường trăm vị Thanh-Văn chẳng bằng một Đức Phật trong đây đều lấy trí tuệ làm thắng, thắng bởi dứt gút. Việc này cũng như vậy. Lại kẻ vào định này do huân-tu nhiều pháp lành nơi tâm, nên mười sinh đại quả như kẻ làm ruộng giỏi chắc thu hoạch được nhiều. Lại kẻ thí năng nhàm đời nhiều thời được báo lớn: Kẻ từ diệt định khởi rất ghét thói đời, vậy nên cúng-dường là hơn hết. Lại thí kẻ tịnh tâm mới được quả báo lớn chứ chẳng phải kẻ cầu-tâm; người này chẳng dùng giả danh, cầu tâm, vậy nên cúng được quả báo lớn. Lại người này thường trụ đệ-nhất-nghiã đế, bao người khác ở trong thế-đế. Lại người này thường trụ trong pháp không tranh chấp. Tại vì sao? Vì tâm duyên hữu vi thời có tranh kiện. Lại như trong kinh nói: “Cỏ đế, có bại làm hại lúa, tham lam dục vọng hại tâm”. Vậy nên thí người vô dục được quả báo lớn. Nhân-duyên tham dục là tướng giả danh; kẻ khởi định này vì duyên Nê-Hoàn nên lia tướng giả-danh. Lại trong kinh nói: “Nếu người thọ kẻ đàn-việt cúng rồi, vào vô lượng Định; đàn-việt này nhờ nhân-duyên ấy được phước vô lượng. Diệt-định này cũng là vô lượng, nên được vô lượng phước, nên năng được hiện báo. Lại nhờ tám công đức trang nghiêm phước-điền này; tâm duyên Nê-Hoàn là chân chính kiến, các phước phần khác tùy tòng. Vậy nên năng sinh hiện báo.

Hỏi: Có người nói diệt tận định là tâm bất tương ưng hành, cũng gọi thế gian pháp. Việc này thế nào?

Đáp: Như trên đã nói kẻ khởi Định này có rất nhiều các công đức tịch diệt thấy là những công đức mà thế-gian chẳng bao giờ có.

Hỏi: Diệt tận định gọi là pháp ngăn, vì nhờ pháp này khiến tâm chẳng sinh. Vậy nên phải gọi tâm bất tương ưng-hành, như sắt vào lửa thời không còn tướng đen, mà rời lửa lại sinh. Việc này cũng như vậy?

Đáp: Nếu là vậy, Nê-Hoàn cũng phải là tâm bất tương ưng hành. Tại vì sao? Vì bởi Nê-Hoàn nên các ấm chẳng sinh. Nếu Nê-Hoàn chẳng phải tâm-bất-tương-ung-hành. Nhưng các kẻ hành giả pháp phải như thế; Vào trong Định này tùy sở nguyện nên tâm có thể chẳng sinh. Vậy nên chẳng nên nói gọi bất-tương-ung-hành.

Hỏi: Định này thứ lớp như thế mà vào; rồi cũng thứ lớp như thế ra sao?

Đáp: Cũng thứ lớp ra, rồi chậm rãi vào lại thô tâm.

Hỏi: Trong kinh nói: “Kẻ mới ở Diệt-tận-định ra đựng ba món xúc chỗ gọi: vô-động, vô-tướng, vô-sở-hữu”. Tại sao như thế?

Đáp Trong vô vi duyên tâm, có bao nhiêu xúc gọi là vô-động, vô-tướng, vô-sở-hữu. Vô động tức là trống không. Hữu vi duyên tâm khinh nhẹ nên có động, chỗ gọi lấy sắc, thọ thấy. Trong không vô tướng. Trong vô tướng không có tham thấy sở hữu. Kẻ vô tâm này mới bắt đầu duyên Nê-Hoàn, sau duyên hữu-vi. Nên mới nói khi ra xúc đưng ba món xúc.

Hỏi: Có người nói vào diệt-tận-định tâm hữu lậu; ra Định tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải hữu lậu. Hành-giả muốn vào định này phải phá hoại tất cả hữu vi từ trước. Phá có xong mới vào được. Khi ra tâm duyên Nê-Hoàn hiện tiền. Nên biết đều là vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: “Hành giả vào diệt-tận-định chẳng tự nghĩ vào; khi ra cũng chẳng tự nghĩ”. Nếu vậy làm sao năng vào?

Đáp: Thường tu tập nên Định lực kiên cường, tuy chẳng tự nghĩ mà năng vào được. Lại hành giả này từ khi dứt hữu vi đến nay đã từng vào Diệt; nếu chẳng ngăn nổi tâm để cho duyên hữu-vi thời chẳng gọi là vào. Vậy nên kinh nói: “Kẻ vào Định này, trước phải điều tập tâm”. Vậy nên năng vào được.

Hỏi: Nếu không có dị không khá được tu vô vi duyên tâm, lại được ích gì?

Đáp: Vì tu tập đã lâu thời định kiên cố, thấy biết rõ ràng như tâm duyên hữu vi thấy niệm niệm diệt, cũng không khác niệm niệm diệt, chỉ lâu tu tập thời tâm kiên cố, việc này cũng vậy.

PHẨM MƯỜI NHẤT-THIỆT-XÚ THỨ 172

Chẳng phá hư duyên trước, tâm-lực tự tại gọi là nhất-thiết xứ. Hành giả lấy chút tướng rồi, nhờ sức tín-giải khiến nó thêm rộng lớn. Tại vì sao? Vì đây là sức nhiếp tâm. Nếu vào trong Thật, thời đều năng khiến trống không, mà vào trong tín giải đều năng khiến tùy trước đã lấy tướng.

Hỏi: Cái gì là tính tín giải?

Đáp: Xanh thấy các màu sắc nhiều vô lượng. Lược nói căn bản nó có bốn thứ: là địa thủy tứ-đại. Bốn sắc căn-bản năng phá tan món này: Đây là hư không. Vì thức năng biết vô biên không, nên cũng gọi vô biên. Tại vì sao? Vì chẳng phải pháp hữu biên năng lấy vô biên. Đây gọi là mười.

Hỏi: Trong Địa thật có thấy thấy, tại sao hành-giả năng quán chỉ là địa thôi?

Đáp: Lâu tập quán này thường lấy địa tướng, về sau chỉ thấy địa mà chẳng thấy vật gì khác.

Hỏi: Hành-giả đã thấy địa tướng thật là địa không?

Đáp: Vì sức tín giải nên thấy là địa kỳ thật chẳng thấy phải địa.

Hỏi: Nếu do sức biến hóa mà có, thời vật bị biến hoại chẳng phải thật sao?

Đáp: Vì sức Định biến hóa mà trở thành nên sở tác đều thật, chỗ gọi ánh sáng và nước thấy.

Hỏi: Có ông Luận sư nói vào nhất thiết xứ chỉ ở trong đệ tứ thiên. Việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu ở cõi Dục và trong tam thiên có lỗi chi? Hai nhất thiết xứ sau đều ở tự-địa. Mười pháp này đều là hữu-lậu, vì chẳng phá hoại được cảnh duyên vậy.

Hỏi: Tướng hư không chẳng phá hoại sắc sao?

Đáp: Hành-giả cũng nhờ tín-giải lấy không tướng trong mắt mũi thấy làm tướng trống không, chứ chẳng năng được trực tiếp phá thật-sắc. Vậy nên cũng gọi là tín-giải.

Hỏi: Trong kinh nói: “Kẻ vào Định nhất thiết địa nghĩ; địa tức là ngã, ngã tức là địa”. Tại sao khởi nghĩ như thế?

Đáp: Hành giải nhận thấy tâm khắp đầy nên mới sinh ý nghĩ này: tất cả là ngã.

Hỏi: Có người nói Định này chỉ duyên địa thấy buộc cõi Dục, Việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu duyên tất cả buộc hai cõi Dục Sắc địa thấy có lỗi chi? Giả sử Định này lại duyên các pháp khác pháp lại có lỗi gì? Lại Định này là tín giải quán duyên hư vọng, không có chẳng vọng địa thấy.

Hỏi: Đệ-tứ Phật cũng quán địa thấy. Việc ấy thế nào?

Đáp: Những kẻ học nhân, nếu quán đều vì để phá hoại.

Hỏi: Thật chẳng phải tất cả đều là địa thấy. Làm sao Định này chẳng phải điên đảo được?

Đáp: Trong quán này có phần si, vì trong quán này khởi ngã kiến vậy. Quán bất tịnh thấy tuy chẳng phải chân thật, nhưng tùy thuận lý dục Quán này chẳng như vậy, nên có phần si.

Hỏi: Tại sao chẳng quán thọ thấy vô-biên, chỉ quán thức u?

Đáp: Bị lấy là địa thấy, năng lấy là thức. Vậy nên thấy thức, mà chẳng thấy thọ. Lại như trước đã nói thọ thấy đều là sai khác của tâm. Lại hành giả chẳng thấy thọ thấy đều là sai khác của tâm. Lại hành giả chẳng thấy thọ thấy đầy khắp, vì chẳng phải tất cả chỗ thọ khổ vui vậy. Đệ tử Phật nếu tu Định này chỉ vì phá hoại duyên vậy. Tại vì sao? Vì cảnh duyên ấy là chỗ tham đắm của hành giả. Nếu chẳng phá hoại thời đồng với những kẻ phạm phu.

PHẨM MƯỜI TƯỚNG VÔ-TƯỚNG TƯỚNG THỨ 173

Vô thường-tướng khô-tướng, vô-ngã-tướng, thực-yêm tướng, nhất-thiết thể-gian bất-khả-lạc-tướng, bất-định-tướng, tử-tướng, đoạn-tướng, ly-tướng và diệt-tướng. Vô thường tướng: là trong pháp vô thường quyết định vô thường.

Hỏi: Tại sao tất cả vô thường?

Đáp: Tất cả pháp ấy đều từ nhân-duyên sinh. Rồi bị nhân-duyên hoại, nên quy về vô thường?

Hỏi: Chẳng phải vậy. Có pháp tuy từ duyên sinh, mà chẳng phải vô thường. Như kinh ngoại đạo nói Kẻ nào làm ba Đền thờ được sinh chỗ thường. Lại cái thân ông Phạm-Thế thường?

Đáp: Thì pháp người cũng nói: Vì Thích-Đề-Hoàn-Nhân, năng làm trăm Đền, cũng bị trụt lui. Lại bài kệ nói: Nhiều các Đê-Thích thấy, tạo hơn trăm ngàn Đền, thấy đều vô thường hết. Trăm ngàn Đền thờ hãy chẳng tồn tại? Nên biết ba Đền cũng bị phi thường! Lại Thích-Đề-Hoàn-Nhân và các Thiên-Vương thân phần cũng tiêu hết. Vậy nên pháp do duyên sinh không có kẻ nào thường được. Lại trong pháp người lấy sách Vi-Đà làm quý. Trong Vi-đà nói do trí huệ nên được phép chẳng chết. Như nói: “Thấy sắc mặt trời đại-nhân hơn nơi thể-tính. Trước tùy-thuận ý người này, năng được Đạo chẳng chết, lại không có Đạo nào khác. Tiểu-nhân Thần nhỏ, đại-nhân Thần lớn, thường ở trong thân. Nếu kẻ nào chẳng biết tướng Thân này tu có đọc tụng kinh Vi-đà thấy cũng không ích gì? Vì trong pháp người nói Phạm-vương cũng thường cúng thờ, trì-giới, làm các công đức. Nếu biết thân thường, cần chi phải làm phước? Lại nghe trong kinh người nói các vị Phạm Vương có ghét dâm-dục, Nếu có Dâm-dục chắc có sân thấy tất cả phiền não. Nếu

có phiền não chắc có tội nghiệp. Như vậy người tội làm sao mà năng được thường giải thoát. Lại chẳng phải tất cả Thần tiên đều thờ Trời, cũng chẳng phải tất cả tu Đạo Phạm-Thiên. Nếu Đấng ấy là thường thời có lẽ phải đều nên thờ tu.

Lại tất cả vạn vật thấy đều vô-thường. Tại vì sao? Vì nếu khi đại-kiếp tận diệt thời đất nước gió lửa lại không còn nữa. Lại thời gian chuyển như bánh xe, nên biết vô thường. Lại thành-tựu giới-định-huệ thấy vô lượng công-đức, các vị Đại Thánh-nhân Định-Quang Phật thấy và Bích-Chi Phật, Ma-Ha-Tam-Ma-Già thấy, các vị vương kiếp sơ, thấy đều vô thường thì đâu có vật là thường được! Lại Phật tự nói tất cả sinh pháp đều vô thường định-tướng. Như trong kinh Nguu-phần nói: “Đức Phật lấy chút phân trâu giơ các Tỳ-kheo mà rằng: không có ngàn ấy sắc thường định chẳng biến”. Trong kinh này rộng nói quả-báo của các vua Thích-Phạm chuyên-luân cũng bị hết. Nên biết tất cả vô thường. Lại tất cả mức sống lâu của ba cõi đều có hạn lượng: A-Tì địa ngục cực thọ mạng một kiếp; tầng-già-đà-địa ngục thọ mạng nửa kiếp; kỳ dư hoặc nhiều hoặc ít. Loài rồng thấy cực nhiều cũng thọ một kiếp. Ngạ-quỷ cực nhiều thọ thấy bảy vạn năm. Phất-vu-đãi thọ 250 năm; câu-da-ni thọ 500 năm, huyết đơn việt định thọ ngàn năm; Diêm-phù-đề thọ hoặc vô lượng kiếp, hoặc thọ 10 tuổi. Tứ Thiên Vương thiên thọ 500 năm, cho đến cõi hữu-đảnh thọ tám vạn kiếp. Nên biết tất cả ba cõi đều vô thường. Lại lấy ba điều tín tin biết vô thường; Trong hiện thấy không có pháp tướng; trong lời Thánh nhân đã nói cũng không pháp thường; và trong so sánh biết cũng không có vô thường vì cần trước hiện thấy sau mới so sánh biết vậy. Lại nếu có chỗ thường, có đâu kẻ trí diệt tất cả pháp để cầu giải thoát? Ai chẳng muốn cùng ái thường chung đồng đoàn-tụ để hưởng các khoái vui? Mà thật kẻ trí đều cầu giải thoát. Nên biết sinh pháp không thường còn được. Lại còn phải nói tất cả sinh pháp đều niệm niệm diệt, hãy không tạm ngưng ngưng đâu thường được.

Hỏi: Tu tướng vô thường năng làm xong việc gì?

Đáp: Năng phá phiền não. Như trong kinh nói: “Khéo tu vô thường tướng, phá được tất cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm và vô-sắc nhiễm, trạo, mạn, vô minh”.

Hỏi: Chẳng phải vậy. Tướng vô thường này lại càng tăng tham dục, như người tinh ngộ biết thời thịnh niên nên chẳng được bao lâu, nên rất tham đắm dâm dục. Biết hoa đẹp chẳng lâu, thời gấp dùng cho khoái; biết sắc màu kẻ kia chẳng phải thường có của mình, thời càng mau tăng dâm dục. Như vậy tùy biết vô thường, thời sinh tham đắm. Nên vô thường tướng chẳng khá được tham dục. Cũng có người vì biết vô thường nên mới thi hành sát đạo thấy. Và cho đến loài súc sinh đều biết vô thường, mà cũng chẳng năng phá các phiền não. Vậy nên tu vô thường-tướng không lợi ích gì cả?

Đáp: Bởi vô thường nên mới sinh khổ ly biệt; mắt tuổi xuân xanh, sự an vui, mạng sống lâu, và giàu sang. Kẻ trí bởi đây mà chẳng sinh tâm vui mừng. Không tâm mừng nên chẳng sinh lòng tham. Bởi thọ nên ái. Thọ diệt thời ái cũng diệt theo. Nên biết vô thường-tướng năng bớt tham dục. Lại nếu pháp vô thường tức là vô-ngã. Hành giả năng quán vô thường vô-ngã thời chẳng sinh ngã-tâm. Không ngã-tâm nên không ngã sở. Ngã và ngã sở không có, thời tham dục là thứ gì. Lại kẻ tu tập vô-thường tướng, đối với thân mình và người thấy diệt chết từng mỗi niệm, làm sao sinh tham? lại hành-giả tùy sự sở cầu đều vô thường bại hoại là đã bị gạt nên chẳng sinh tham đắm. Lại chúng-sinh chẳng mừng việc chẳng bền chắc, như người chẳng thích khí vật hư cũ. Cũng như nàng nữ-nhân nghe chàng nam tử nào đó sống chẳng hơn hẳn ngày nữa, dù là lành trai đẹp đẽ, sang trọng thế lực, nào ai thêm đến? Người này chính nhờ vô thường-tướng nên chẳng sinh tham đắm. Lại kẻ trí thường tập tướng ly biệt, nên chẳng ưa hòa hợp. Tại vì sao? Vì kẻ trí thường lo nghĩ khổ trụt lui thảy. Cho đến dục lạc cõi Trời vẫn chẳng sinh tham, chỉ cần giải thoát. Người nói vô thường tăng thêm tham dục ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu người chưa dứt ngã-mạn, thấy ngoại vật vô thường mới sinh buồn rầu, vì mất chỗ yêu tiếc nên sinh tham cầu. Kẻ phàm phu này trừ bỏ dục lạc, lại chẳng biết lìa khổ, như tuồng con nít bị mẹ đánh cho lại chui vào lòng mẹ. Kẻ trí biết khổ nhân còn, là còn khổ chẳng thể dứt, nên lìa bỏ khổ nhân; chỗ gọi ngũ-ám. Lại hành giả này xé rách nội ám, được vô-ngã-tâm dù mất ngoại vật chẳng sinh buồn rầu. Kẻ ấy được vô-ngã lại cầu tìm gì nữa, người tu vô thường-tướng cũng chẳng cầu thi.

Lại vô thường-tướng này, nếu chưa có thể sinh khổ vô-ngã tướng thời chẳng gọi đầy đủ năng phá hoại phiền não. Nên trong kinh nói: “Cần nhất tâm chính quán ngũ ám vô thường”. Nếu chẳng hoại nội ám, thấy ngoại vật vô thường, vì còn có ngã tâm nên sinh buồn rầu, đây chẳng gọi là chính quán. Lại người tuy thấy vô thường, mà chẳng sinh nhằm lìa như bọn hàng thịt và thợ săn thảy; người ấy tuy biết vô thường mà chẳng gọi khéo tu tập. Lại người tuy năng chính quán mà chẳng năng thường siêng tu tập thời lòng tham xen lẫn, nên phải nói “Nhất tâm”. Lại người ít tu vô thường, mà nhiều phiền não thời chẳng năng trị, như thuốc ít mà bệnh nhiều. Việc này cũng như vậy, nên mới nói nhất tâm chính quán vô thường năng phá phiền não. Lại biết pháp vô thường, mới gọi là chân trí huệ, trong chân trí huệ không có tham thảy các phiền não. Tại vì sao? Vì vô-minh nhân duyên nên có tham thảy.

Nên biết vô thường chẳng phải tăng thêm tham dục. Lại vô thường tướng năng diệt tất cả phiền não. Hành-giả, nếu biết vật ấy vô thường thời không có tham. Lại biết người này chắc tự sẽ chết, sinh sân làm gì. Có đâu kẻ đại trí lại sân với người sắp chết? Lại nếu pháp vô thường, lẽ đâu lấy đó mà sinh tâm tự cao? Lại biết các pháp

là tính vô thường thời chẳng sinh si. Vì không si hết cũng không nghi thấy. Nên biết vô thường trái lại với các phiền não.

Thành Thật luận hết quyển 16

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 17

PHẨM KHỔ-TƯỚNG THỨ 174

Nếu pháp xâm hại đấy gọi là khổ. Khổ này có ba thứ: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Hiện tại thật khổ là dao gây thấy, gọi là khổ khổ. Nếu khi chia lìa ân ái sinh bao nhiêu khổ vì vợ con thấy, gọi là hoại khổ. Nếu được không vô ngã trí biết pháp hữu vi đều có thể xâm hại, gọi là hành khổ. Tùy khổ tâm ấy gọi là khổ tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ tướng được những lợi gì?

Đáp: Khổ tướng này có quả nhàm lìa. Tại vì sao? Vì kẻ tu khổ tướng không nương tham mừng, vì không có mừng, vì không có mừng nên không ưa. Lại hành giả nếu biết được pháp ấy là khổ thời chẳng thọ các hành. Nếu pháp tuy vô thường vô-ngã mà chẳng năng sinh khổ thời quyết chẳng bỏ. Vì khổ nên bỏ, vì bỏ khổ nên với khổ được thoát. Lại tất cả chúng-sinh chỗ rất sợ là khổ. Hoặc thiếu tráng, lão niên, hiền ngu, sang hèn biết tướng khổ này đều sinh nhàm lìa. Tất cả người tu hành đối với Nê-Hoàn năng sinh tâm yên ổn tịch-diệt, đều ở trong sinh tử sinh khổ tướng vậy. tướng biết được? Vì nếu chúng-sinh bị khổ buộc cõi Dục làm sao nào hại, thời đối với sơ thiên sinh tướng tịch-diệt.

Như vậy lần nữa cho đến bị khổ hại cõi hữu đánh, thời với Nê-Hoàn sinh tướng tịch diệt. Lại trong sinh tử có bao nhiêu tội lỗi là khổ vậy. Như trong kinh nói: “Lỗi trong các sắc ấy là vì khổ tướng sắc vô thường bại hoại.” Lại bởi vô-minh nên tham đắm khổ này. Tại sao biết được? Vì chúng-sinh với trong thật khổ sinh tướng vui vậy. Nếu rất sinh khổ tướng thời được nhàm lìa. Vậy nên Phật nói: “Ta vì giác ngộ được khổ nên mới thuyết ra khổ-Đế.” Trong ấy Phật nhân thế Đế mới dạy nghĩa như vậy. tùy tất cả chỗ Thiên nhân thế-gian sinh tướng vui, thì nói đệ-tử Ta với trong ấy sinh tướng khổ. Sinh tướng khổ rồi mới năng nhàm lìa. Lại chỗ rất ngu-si là với trong khổ mà sinh tướng vui. Vì tướng này nên tất cả chúng-sinh qua

lại sinh tử, tâm thức não loạn. Nếu năng tướng khổ thời được giải thoát. Lại vì bốn lối ăn nên gây thành thân sau; đem tướng khổ này dứt được các lối ăn kia như ăn thịt con, như ăn trâu không da, như ăn đồng lửa và như ăn trăm mũi mâu nhọn. Trong bốn lối ăn như vậy đều là nghĩa khổ. Nhờ khổ tướng này năng dứt các lối ăn. Lại kẻ tu khổ-tướng ý chẳng ưa ở trong bốn thức xứ, vì đều thấy là khổ vậy. Như loại vi trùng si-nga nhào mình vào lửa là vì tướng vui. Kẻ trí biết lửa năng đốt thời được tránh xa. Phạm phu cũng như vậy, vì vô-minh si nên gieo báo thân đời sau vào lửa; kẻ Trí vì khổ tướng nên năng được giải thoát. Lại tất cả ba cõi đều là khổ, là nhân duyên khổ: khổ thọ trong ấy là khổ; năng sinh khổ thọ là nhân duyên khổ; khổ thọ trong ấy là khổ; năng sinh khổ thọ là nhân duyên khổ. Tuy chẳng khổ liền, nhưng sau chắc bị khổ nên phải quán thế gian tất cả đều là khổ, sinh tâm nhàm lìa, chẳng thọ các pháp, thời được giải thoát.

PHẨM VÔ-NGÃ-TƯỚNG THỨ 175

Hành-giả thấy tất cả pháp đều là hoại tướng phá-hoại: như chấp sắc và ngã, khi sắc ấy bại hoại mới biết là tướng bại hoại vậy thời lìa ngã-tâm. Thọ thủy cũng như vậy. Như người bị nước hồ núi làm trôi, gặp có chỗ nắm đeo mà vật ấy đều bị tróc đứt mất. Hành-giả cũng như vậy, chấp vật làm ngã, thấy vật ấy hoại thời biết vô-ngã. Vậy nên ở trong vô-ngã, tu vô-ngã-tướng.

Hỏi: Tu vô-ngã-tướng được, những lợi gì?

Đáp: Tu vô-ngã-tướng mới có thể đủ khổ-tướng. Phạm phu vì ngã-tướng nên ở trong thật khổ mà chẳng hay thấy khổ. Trái lại dùng vô-ngã-tướng nên ở trong chút khổ đã biết nó là hại. Lại ở trong vô-ngã-tướng nên năng tu xả-tâm. Tại vì sao? Vì ngã-tướng nên lo sợ mất hẳn ngã. Nếu năng thật biết chỉ mất khổ, không ngã khá mất thời năng tu xả. Lại vì vô-ngã-tướng năng được thường có vui. Tại vì sao? Vì tất cả vô thường; trong ấy, nếu sinh tam ngã và ngã-sở, thời bảo là ngã sẽ không còn và Ngã-sở cũng mất luôn, thời thường có khổ. Nếu khởi nghĩ như vậy: Không có ngã và ngã-sở. Thời khi các pháp bại hoại chẳng sinh đau khổ. Lại hành-giả nhờ vô-ngã-tướng nên tâm được thanh-tịnh. Tại vì sao? Vì tất cả phiền não đều do ngã-kiến mà sinh. Bởi cho rằng: việc này có ích lợi cho ngã ta nên sinh tham dục; trái lại việc này có tổn hại cho ngã ta nên sinh giận dữ, vì cho đây là ngã, tức sinh kiêu-mạn.

Sau khi mạng sống ta lâm chung sẽ tác chẳng tác? tức sinh nghi kiến. Những lỗi như vậy đều bởi ngã nên khởi các phiền não. Chứ dùng vô-ngã-tướng thời các phiền não kia dứt. Vì dứt phiền não nên tâm được thanh-tịnh. Vì tâm thanh-tịnh, nên mới có thể sánh ngang với vàng đá, chiêm-đàn, đao búa, ngợi khen, mắng

chưởi, tâm lia ghét thương, yên ổn tịch diệt. Nên mới biết kẻ vô-ngã-tướng tâm được thanh-tịnh. Lại trừ vô-ngã-tướng lại không còn Đạo nào khác năng được giải thoát. Tại vì sao? Vì kẻ nói có ngã, nếu khi biết không ngã và không ngã sở hữu, thì năng tâm quyết định như vậy, liền được giải thoát.

Hỏi: Chẳng phải thế. Hoặc bởi vô-ngã-tướng lại sinh lòng tham: như tham nữ sắc, đều vì chẳng phải bà con với ta vậy. Do đó tùy dùng kẻ chẳng phải ngã năng nhóm tội phước. Tại vì sao? Vì tự mình làm tổn hay ích cho bản thân, đâu có tội phước?

Đáp: kẻ có ngã tâm năng sinh tham dục: với trong tự-thân sinh tướng nam tử; với trong tha nhân sinh tướng nữ-nhân, nhiên hậu tham đắm. Lại khởi tham đắm đều do giả-danh; tướng kẻ kia tức là giả-danh. Nên chẳng phải vô-ngã mà sinh lòng tham. Lại kẻ vô-ngã tâm chẳng nhóm các nghiệp. Vô-ngã-tướng này năng dứt tất cả phiền não và nghiệp, vậy nên cần phải tu tập.

PHẨM THỰC-YỆM-TƯỚNG THỨ 176

Sinh tất cả khổ đều bởi tham ăn; cũng vì ăn nên giúp phát sinh dâm-dục. Ở trong cõi Dục có bao nhiêu thứ khổ đều bởi ăn uống dâm-dục mà sinh; nên dứt tham ăn mới tu được tướng nhàm chán. Lại như chúng-sinh ở thời kỳ kiếp sơ, từ trên trời đến hóa sinh nơi đây, thân có yển sáng, bay đi tự tại. Bắt đầu ăn vị đất. Kẻ nào ăn nhiều, liền mất oai đức sáng. Như vậy dần dần có già đau chết. Đến ngày nay sống chỉ trăm tuổi, nhiều các thứ khổ não bởi đều tham ăn nên mất những lợi trên. Vậy nên phải chính-quán việc ăn. Lại tham đắm ăn uống nên sinh dâm dục. Do dâm-dục sinh các phiền não; do các phiền não gây các nghiệp bất-thiện; do nghiệp bất-thiện năng tăng thêm ba ác thú, mà giảm bớt chúng Thiên-nhân. Vậy nên tất cả suy não đều bởi tham ăn. Lại tướng già đau chết đều bởi ăn uống. Lại ăn là chỗ rất tham đắm. Dâm-dục tuy nặng nhưng chẳng hại não người, như kẻ vì ăn. Hoặc thiếu-tráng, lão niên, tại-gia hay xuất-gia không ai chẳng bị vì ăn mà làm não-hại vậy. Lại nên ăn này thì tâm chẳng đắm, kẻ chưa ly-dục ấy là rất khó, như chịu dao cắt, như uống thuốc độc, như nuôi rắn độc, vậy nên Phật nói: “Phải tu tập, lấy đầy mà ăn, thời chẳng bị khổ tham ăn làm não hoại”. Có các ngoại đạo tu pháp đoạn-thực, vậy nên Phật nói: “Ăn này chẳng phải dứt mà được lia, phải suy nghĩ mà ăn”. Nếu chỉ đoạn thực chẳng hết phiền não, thời chết uống vô ích. Vậy nên Phật nói: Với trong ăn này nên sinh tướng nhàm lia, thời không các lỗi như trên.

Hỏi: Làm sao với ăn nên sinh tướng nhàm lia?

Đáp: Ăn này thể tính bất-tịnh ăn quả rất thượng vị cũng đều bất tịnh. Vậy nên phải nhàm chán. Lại như tất cả đồ ăn uống sạch sẽ thơm đẹp, khi bắt tức tịnh năng lợi ích cho thân; lấy răng ngậm nhai ngậm thấm nước miếng, trạng như đồ mưa nhà;

rồi cho xuống bao tử năng lợi ích thân. Nên biết bất tịnh. Lại ăn uống này vì bất trí nên ưa. Nếu người tuy ăn được đồ ăn ngon, rồi nhả ra chẳng thể ăn lại được. Nên phải biết vì sức bất trí nên cho là ngon đấy thôi. Lại vì nhân-duyên ăn uống mà chịu bao nhiêu ơn khổ nhọc vất vả việc chứa đê giữ gìn của kẻ điền tác nông phu; do nhân-duyên này khởi gây vô lượng tội lỗi. Lại có bao nhiêu đồ bất-tịnh đều bởi ăn uống. Nếu không ăn uống do đâu mà có da thịt máu xương và phần uế thấy các vật bất tịnh? Lại có bao nhiêu ác đạo như những loại trùng ở trong cầu tiêu, đều bởi vì tham đắm hương vị nên mới sinh vào trong ấy. Như trong nghiệp phẩm đã nói: Chúng-sinh chết vì đói khát thời sinh làm loại trùng trong nước; chết chỗ ồn ào sinh vào loại chim; chết vì tham đắm dục thời sinh trong bào thai. Đại khái như thế thấy. Lại nếu lìa ăn này thời được vui lớn: như sinh về cõi sắc và trong Nê-Hoàn. Lại tùy vì ăn nên mới có khổ cây cày. Như vậy quán ăn là khổ bất tịnh, cho nên cần tu tưởng nhàm chán.

PHẨM NHẤT-THIỆT THẾ-GIAN BẤT-KHẢ LẠC TƯỞNG THỨ 177

Hành-giả nhận thấy tất cả thế-gian đều khổ nên tâm không chút vui. Lại hành-giả này du Định ly-hi: như vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, tử tướng thấy, nên tâm chẳng vui với tất cả thế-gian. Lại người này thấy kẻ sở ái thời tăng tham dục; thấy kẻ sở ó thời tăng giận thấy kẻ sở ái thời tăng tham dục; thấy kẻ sở ó thời tăng giận dữ thấy; thấy những kẻ nghèo cùng có khổ thiếu thốn thấy. Lại thấy kẻ ở chỗ tốt sẽ đọa chỗ xấu, thấy kẻ ở chỗ xấu đang chịu các khổ. Lại thấy kẻ giàu sang hiện tại biết chắc sẽ đọa, vì đó cũng là chỗ mà các tham sân phiền não tụ hội; còn những kẻ nghèo cùng hiện biết không có cơ hội có thể ra được. Vậy nên chẳng tham vui tất cả thế-gian. Lại ít có chúng-sinh được sinh chỗ tốt, phần nhiều đọa ác đạo, như trong kinh nói: “Í t sinh chỗ tốt, nhiều sinh chỗ xấu, thấy lỗi ấy rồi, chỉ cầu Nê-Hoàn”. Lại người này thấy lỗi tham thấy các phiền não thường bám theo chúng-sinh như kẻ oán rình giết người được cơ hội là hạ thủ ngay. Ở trong oán tặc ấy làm sao vui được? Lại thấy do phiền não sinh nghiệp chẳng lành, nghiệp quả chẳng lành thường theo dõi theo đuổi, quyết chẳng thoát được. Như trong kinh nói: “Nếu người gây ác nghiệp: nay gây, đã gây và sẽ gây, cho đến bay trên hư không, quyết chẳng có thể giải thoát.” Vậy nên chẳng vui.

Lại nữa, sinh thấy tám khổ hãy theo dõi người phước hưởng là kẻ vô-phước? Như vậy làm sao mà vui với thế-gian. Lại như một hòm rắn độc; kẻ giặc có năm con dao nhọn, giặc phá trống không làng xóm. Các khổ bờ bên này thường theo chúng-sinh làm sao mà vui được? Lại như bị trôi trong sông ái-hà mạn đấng. Khổ ngũ-dục là mũi nhọn độc, vô-minh đen tối và trong hầm lửa hừng, thường bám theo chúng-sinh, thì làm sao vui được! Lại hành-giả biết vui yên ổn ít, mà khổ suy não nhiều. Tại vì sao? Vì thấy các thế-gian: ngày tốt, hội vui, cây rừng hoa nở sum-sê, trái

xinh thịnh mậu, quốc-độ an vui không được bao lâu, kẻ hưởng vui ấy ít, mà người chịu khổ thời nhiều. Vậy nên chẳng vui được với tất cả thế-gian.

Hỏi: Tu tập với tướng này được những lợi gì?

Đáp: có thể đối với tất cả sự tướng của thế-gian lòng chẳng tham đắm. Lại nhờ tu tướng này nên mau được giải thoát, vì với trong sinh tử chẳng còn ở lâu nữa. Lại hành-giả này được lợi trí-huệ, vì thường học tập tất cả hành tướng tội lỗi vậy. Lại tâm người này chẳng sinh phiền não, nếu sinh cũng mau diệt như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Hành-giả bởi chẳng vui thế-gian, thời với tịch-diệt chẳng năng vui lắm. Vậy nên cần tu tập tướng tất cả thế-gian là chẳng đáng vui.

PHẨM BẤT-TỊNH TƯỚNG THỨ 178

Hỏi: tu bất-tịnh trong là thể nào?

Đáp; Hành-giả nhận thấy hột giống thân bất tịnh nghĩa là từ đường bất tịnh của cha mẹ sinh hai giọt đỏ và trắng hòa hợp. Lại thân này do vật bất tịnh mà thành là đồ ăn uống tan nát lòng chẳng thấm nhuần. Lại sinh ở chỗ bất-tịnh là trong thai mẹ đầy nhầy bất tịnh. Lại phân uế thấy các vật bất tịnh hợp lại mà làm thân; ở trong chín lỗ thường chảy bất tịnh. Lại chỗ để thân là chỗ chẳng tốt chẳng sạch.: Lại ăn uống áo mặc đắp đến thân người đều thành bất tịnh, bị người ta nhờm gớm. Lại vật dụng cho thân này đều là bất-tịnh, như nước tắm gội, hoặc bàn tắm thấy. Lại từ thân sinh ra: móng, tóc, mồ hôi và chất mũi dãi thấy đều là bất-tịnh. Lại thấy những thân chết thật là bất tịnh, thì thân ta đây khi chết đâu có khác gì? Phải biết xưa nay thường là bất tịnh. Khi sống chỉ vì ngã tâm che lấp, cho đó là tịnh, mà khi đặng thân người chết, cho đó là bất tịnh; mà tóc móng thấy là các vật thường chết; nhiều loại trùng chết cũng thường ở trong thân. Nên biết thân này xưa nay bất-tịnh. Lại loài rận bất tịnh và ruồi muỗi thấy các loại trùng chết cũng thường đến xúc thân. Nên biết bất tịnh. Lại thân này như cầu tiêu thường đầy bất tịnh; bởi đây nên trong cầu tiêu sinh hàng ngàn thứ trùng, thân này cũng như vậy. Lại thân này như cái má. Tại vì sao? Vì chỗ để thân nên gọi là má; thân này cũng có nhiều trùng chết đang nằm trong ấy. Lại thân này hay gây bất tịnh, như chỗ sạch, hoa đẹp, quần áo, chuỗi anh lạc thấy, bởi thân này nên đều bị bất tịnh. Lại các kẻ Bà-la-môn chẳng theo thọ-thực những nhà đang có người chết và người đẻ, vì bất-tịnh vậy. Mà ở trong thân này có hàng ngàn vạn thứ trùng thường đẻ thường chết, thời không nên theo nó mà thọ ăn uống. Nên biết bất tịnh. Lại chỗ bất tịnh trong thế-gian là lao ngục. Thân này tức là ngục ngàn loại trùng, nên gọi bất tịnh. Lại thân này thường tắm gội, nếu nói là sạch cần tắm gội làm chi? Lại thấy hoa thường màu đẹp chuỗi anh lạc trang nghiêm cho thân này, phải biết thân này thể tính bất-tịnh, mới nhờ

tĩnh vật bên ngoài để nhờ trang điểm. Lại thân người rất là bất tịnh, như da, lông, móng, răng, gân, xương, thịt da của các chúng-sinh khác, hoặc có cần dùng, mà với trong thân người không một món khá lấy, vì là bất tịnh vậy.

Lại như hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma các hoa sen từ chỗ bất-tịnh mà sinh, nên gọi bất-tịnh, thân này chẳng như vậy, chẳng bởi các vật khác khiến nó bất tịnh, mà chính là nó bất-tịnh. Lại thân này nếu sạch, thời cần gì lấy áo quần che tủ? Như người lấy áo che đông phân đại-tiểu để dối gạt kẻ khác. Nữ nhân cũng như vậy, lấy đồ phục sức che đậy tâm thân để dối gạt nam-tử, trái lại nam-tử cũng làm như vậy. Phải biết là bất-tịnh. Lại khắp cả thân này thường chảy ra bất-tịnh là chín lỗ cửa bất-tịnh và các lỗ chân lông không một chút sạch. Nên biết bất-tịnh.

Hỏi: Tu bất-tịnh tưởng được những lợi gì?

Đáp: Bởi trong trai gái là sạch nên khởi tham dục, mới mở các cửa tội lỗi. Tu tưởng bất-tịnh thời năng chế-phục tham-dục. Tại vì sao? Vì thân này đều là hôi thúi bất-tịnh, chỉ lớp da mỏng che khuất nên chẳng biết được, in như lấy áo che đông bất tịnh; kẻ nào ưa sạch sẽ thời xin tránh xa! Lại kẻ hành giả này, nhờ tưởng xanh-bầm thấy mà phá hoại tất cả thân. Vì hoại thân nên chẳng sinh tham dục. Lại cũng chỉ hiện thấy xanh-bầm các sắc.

Hỏi: Như thật chưa xanh tại sao thấy xanh?

Đáp: Hành-giả nhờ sức tín-giải lấy tướng xanh này rồi thấy thấy tất cả sắc đều xanh-bầm.

Hỏi: Quán này như thế là điên-đảo chứ gì?

Đáp: Trong thân này có phần xanh-bầm. Như trong kinh nói trong nước có tướng xanh. Lại thường tu tập tướng xanh-bầm nên năng thắng các sắc khác, như ánh sáng viên ngọc thanh-châu năng làm át sắc trắng. Như vậy tập lâu tướng xanh-bầm thấy, vì tướng bất-tịnh đầy đủ. Bất-tịnh đầy đủ thời chẳng khởi dâm-dục. Chẳng khởi dâm-dục thời đóng bít các cửa tội lỗi, tùy thuận Nê-Hoàn. Tu bất-tịnh-tưởng được lợi như thế.

PHẨM TỬ-TƯỚNG THỨ 179

Hành-giả dùng tử-tướng đối với trong thọ mạng tâm chẳng quyết định, nên phải tu tập. Lại người này thường rất ưa vui pháp lành, trừ dứt chẳng lành. Tại vì sao? Vì chúng-sinh phần nhiều quên chết, nên mới khởi nghiệp chẳng lành, nếu nghĩ nhớ chết thời năng trừ dứt. Lại thường nhớ chết, nên đối với: cha mẹ, anh em, chị em,

bà con, láng giềng, bè bạn thầy, thời mỏng bớt sự tham ái. Lại tu tập tử-tướng thời được tự lợi nghĩa là năng nhất tâm nhóm các pháp lành; chúng-sinh thế-gian nhiều vui lợi tha mà bỏ tự lợi. Lại người này năng mau được giải thoát. Tại vì sao? Vì kẻ thường theo qua lại trong thế-gian nên có chết chóc: người này chán sự chết chóc nên mới cầu sự giải thoát.

Hỏi: Nên tu tử-tướng như thế nào?

Đáp: Như trước đã tổng thuyết tất cả vô thường; nay chỉ nói quán thân vô thường. Dứt âm luôn nối nhau gọi là chết. Tướng thân này vô thường lắm hơn sự vật bên ngoài, in như bình chén không có tướng bền chắc. Hành-giả quán thân mong manh hơn các vật kia. Tại vì sao? Vì bình chén kia, nếu gia tâm giữ gìn hoặc có thể còn lâu dài; mà thân này có lâu hay chẳng nữa không hơn trăm năm, vì không bền chắc như vậy nên phải nghĩ nhớ tử-tướng. Lại thân này nhiều pháp trái hại nhau là: dao, gậy, mũi nhọn, oán giặc, hầm hố, ăn uống chẳng tiêu hóa, các chứng bệnh lạnh, nóng, gió. Tóm tắt mà quan-sát: tất cả chúng-sinh và vật phi chúng-sinh đều là pháp trái hại của thân. Vậy nên phải tu tử-tướng. Lại hành giả nhận thấy thân, với trong mỗi niệm thường là tướng hư hoại không bảo đảm được một niệm, nên tu tử-tướng. Lại hành-giả hiện thấy: thiếu-tráng, lão-niên, có bệnh, không bệnh, không ai năng đẩy lui được sự chết, mới tự nghĩ thân mình cũng sẽ có như vậy. Vậy nên tu tử-tướng. Lại hành giả thấy có nghiệp báo bất định, chẳng phải tất cả nghiệp đều chịu hết trong khoản tuổi thọ trăm năm. Vì nghiệp bất định nên chết cũng bất-định nên phải nghĩ nhớ chết. Lại trong vô thủy sinh tử có vô lượng nghiệp; có những nghiệp năng làm hại các nghiệp khác. Ta cũng phải có nghiệp chết phi thời; thì làm sao mà tin được mạng sống này ư? Lại hành-giả nhận thấy cái chết nó có đại thế lực, không thể lấy lời mềm mỏng mà dụ dỗ, hay đối gạt bằng của cải, hoặc đuổi bắt và tranh kiện mà thoát được, như núi Đại-son-thạch từ bốn pháp áp đến không chỗ chôn tránh.

Hỏi: Nếu người năng khiến vua Diêm-Vương hoan hỷ thời thoát chết được chứ?

Đáp: Nói thế là ngu si. Vua Diêm-Vương không có quyền lực tự tại năng làm cái việc sinh sát ấy, chỉ năng khảo xét việc làm thiện hay ác mà thôi. Vậy nên hành-giả nhận thấy thân không chỗ nương nhờ và cầu cứu ở trong con đường chết. Nên nghĩ nhớ tử-tướng. Lại hành-giả thường thấy thân này bị già đau làm não hai, vì không có tính bền chắc, và niệm niệm sinh diệt nối nhau vì nghiệp thức trôi buộc, nên tu tử-tướng. Lại hành giả này thấy chết là định mệnh, thời bất định quyết thắng, vì bất định nên tu tử-tướng.

Hỏi: Tại sao chẳng nói tướng già bệnh thầy mà chỉ nói tướng chết?

Đáp: Già bệnh cướp người chẳng hay hết được: bệnh cướp mạnh khỏe; già cướp thiếu tráng mà giòng họ lảng giềng và thân vẫn còn nguyên. Chỉ có chết thời cướp hết sạch. Lại già bệnh thấy là nhân duyên chết, nên chẳng cần nói riêng và không ai cứu giúp, cũng không bè bạn, không chỗ nương cậy, là chỗ rất đáng sợ”. Nên phải nghĩ chết. Lại chúng-sinh vì nhân duyên chết nên sợ hãi đời sau. Lại trong ba cõi tất cả đều có chết, mà già bệnh chẳng như vậy.

Hỏi: Nếu chẳng rời chúng-sinh có chết ấy. Chúng-sinh tức là giả danh. Thì hành-giả tu tập tưởng mà làm chi?

Đáp: Chẳng hoại tướng chúng-sinh sợ hãi nơi chết. Nếu tu tử-tướng thời chẳng sinh kinh sợ, nên cần phải tu tập. Lại vô thường tướng thấy gọi là cận đạo. Còn bất-tịnh, yếm-thực và tử tướng thấy gọi là viễn đạo. Kẻ chưa đắc đạo nhờ các tướng này mới có thể chế được tâm.

PHẨM HẬU-TAM-TƯỚNG THỨ 180

Đoạn tướng: Như trong tứ-chính-cần nói: Vì muốn đoạn pháp ác bất thiện đã sinh nên siêng-năng tinh-tiên. Các pháp ác bất-thiện này là nhân-duyên khổ-não địa ngục thấy, và cũng là gốc các điều khổ của các tiếng tăm xấu ác và tâm ăn-năn thấy. Vậy nên phải đoạn.

Hỏi: Đoạn bằng cách nào?

Đáp: Đắc pháp bất-tác, bấy giờ là đoạn. Lại nghĩ nhớ tà là nhân tham-dục thấy các phiền não. Đoạn nhớ tà ấy là pháp này đoạn.

Hỏi: Tu đoạn tướng này được những lợi ích gì?

Đáp: Người tu tướng này thường chẳng theo ác pháp, mà làm những việc đáng làm. Lại đây là lia bát-nạn, làm thân người lợi nghĩa là dứt phiền não. Lại ưa dứt phiền não là pháp-phục hủy-hình lợi người xuất-gia. Nếu ai chẳng như vậy thời luống uổng tự hổ thân. Lại nếu hành-giả vui tu đoạn-tướng, như dục hết chẳng sinh gọi là ly-dục. Nghĩ ly-dục này mới gọi ly-tướng.

Hỏi: Nếu nói đoạn-tướng tức là ly-tướng, tại sao còn nói lại?

Đáp: Do đoạn được ly. Đoạn là diệt tham dục. Như trong kinh nói: “Vì dứt tham-dục nên ngũ-âm dứt”. Lại đoạn-tướng là ly-dục-tướng. Tại vì sao? Vì nếu với pháp này không tham gọi là đoạn pháp ấy. Vậy nên nếu được ly-dục, thời dứt khổ não. Như trong kinh nói: “Kẻ ly-dục được giải thoát”. Được giải thoát tức là đoạn. Nếu

vào được vô dư, đây gọi là Diệt. Lại trong kinh nói cho ba tính: Đoạn tính, ly dục tính, diệt tính. Nếu đoạn tính, ly dục tính tức là A-La-Hán, đoạn tất cả phiền não, lia dục ba cõi, trụ hữu dư Nê-Hoàn. Như nói diệt tính tức lâm chung xả thọ mạng dứt ám nối nhau vào vô dư Nê-Hoàn.

Lại có hai thứ giải thoát: Huệ giải thoát và tâm giải thoát. Như nói Đoạn tức là Ly vô-minh, nên Huệ được giải thoát. Như nói ly-dục tức là ái-tâm được giải thoát. Quả của hai giải thoát này gọi là Diệt. Lại như nói dứt tướng tức là nói dứt vô-minh-lậu. Như nói ly-dục-tướng tức là nói dứt dục-lậu hữu-lậu. Như nói diệt-tướng là hai quả này. Lại như trong kinh nói: “Dứt tất cả các hành nên gọi là Đoạn, lia tất cả các hành nên gọi là Ly; diệt tất cả hành nên gọi là Diệt”. Vậy thời ba pháp này nghĩa một mà tên khác nhau. Nếu tu vô thường-tướng cho đến diệt-tướng thời xong tất cả việc. Diệt các phiền não, Đoạn ám kiết nối nhau, vào Vô-dư Nê-Hoàn.

PHẨM TRONG ĐỊNH-CỤ TRƯỚC NĂM ĐỊNH-CỤ THỨ 181

Hỏi: Ông trước nói Đạo-Đế gọi Định-cụ và Định. Đã nói Định, Định-cụ này nay cần phải nói. Tại vì sao? Vì nếu có Định-cụ thời Định mới thành được, mà không là chẳng thành?

Đáp: Định-Cụ có tất cả mười một pháp: 1- Thanh-tịnh trì-giới; 2- Được Thiện-tri-thức; 3- Giữ-gìn căn-môn; 4- Ăn uống biết lượng; 5- Đầu đêm cuối đêm bớt phần ngủ nghỉ; 6- Đầy đủ thiện giác; 7- Đầy đủ tín giải; 8- Đủ hành giả phận; 9- Đủ chỗ giải thoát; 10- Không bị chướng-ngại; 11- Chẳng chấp mắc.

1- THANH TỊNH TRÌ GIỚI: Lia nghiệp chẳng lành gọi là trì-giới. Nghiệp chẳng lành: chỗ gọi sát, đạo, tà dâm là ba thân nghiệp vọng-ngữ, lưỡng-thiệt, ác-khẩu, ý-ngữ là bốn khẩu nghiệp. Xa lia tội này gọi là trì-giới. Lại lễ kính rước đưa và cúng dường thầy, tu hành các pháp lành cũng gọi là giới. Vì giới năng làm nhân cho Định. Nên phải thọ-trì. Tại vì sao? Vì in như rèn vàng, trước trừ rét to. Như vậy trước lấy trì-giới trừ lỗi to là phá-giới, sau mới lấy Định thầy trừ các lỗi nhỏ.

Tại vì sao? Vì nếu không trì giới thời không thiên-định. Nhờ nhân-duyên trì giới thiên-định mới dễ được thành như trong kinh nói: “Giới là gốc Đạo và cũng là nấc thang mâu”. Lại nói: Giới là xe đầu tiên, nếu chẳng lên xe đầu làm sao kêu được xe thứ hai thầy. Lại nói: Giới là đất bằng; đứng đất bằng xem được bốn Đế. Lại nói: Hai sức: sức nghĩ và sức tu. Sức nghĩ tức là trì giới; sức tu là Đạo. Trước suy nghĩ so lường tội lỗi phá giới, lợi ích trì giới nên mới có thể trì giới. Sau khi đắc Đạo tự nhiên lia ác. Lại nói: Giới là rễ cây Bồ-Đề, mà không rễ là không cây. Nên phải trì tịnh giới. Lại lễ pháp là phải như vậy. Nếu không trì giới thời không thiên-định, in như pháp được trị bệnh, phải dùng như thế trị bệnh phiền não; nếu không trì giới

thời pháp được chẳng đủ. Lại nói: Kẻ tịnh trì giới thời tâm chẳng ăn năn, cho đến ly dục tâm được giải thoát, các công đức này đều nhờ trì giới. Nên gọi Định cụ. Lại có nghiệp chướng, phiền não chướng, quả hai món chướng này gọi là báo chướng. Nếu tịnh giới thời không có ba chướng này. Nếu tâm không có bị chướng thời năng thành Định; lại kẻ tịnh trì giới chẳng bại hoại, chắc đến Nê-Hoàn, như gỗ trôi trong dòng sông Hằng. Lại tịnh trì giới nên năng an lập: Trì giới năng nghiệp chẳng lành nơi thân miệng. Thần định năng ngăn nghiệp chẳng lành nơi ý. Ngăn các phiền não như vậy phải được thật chân-trí mới rốt-ráo đoạn. Lại lầu đài của Đạo phẩm lấy giới làm cột-trụ; đô-thành của tâm thiên-định lấy giới làm hồ trì chung quanh; qua biển sinh tử lấy giới làm rường cầu. Vào trong đám đông người lành lấy giới làm ân; ruộng bát thánh đạo lấy giới làm bờ cõi; như ruộng kko bờ thời nước chẳng còn. Cũng như thế, nếu không tịnh giới nước Định chẳng tồn tại.

Hỏi: Làm sao gọi tịnh trì giới?

Đáp: Nếu hành-giả thật thâm tâm chẳng ưa làm ác, sợ hãi đời sau và tiếng xấu, gọi là tịnh trì giới. Lại hành giả đem tịnh tâm nên trì giới thanh-tịnh. Như trong kinh thất dâm dục nói: “Thân tuy chẳng phạm, mà tâm chẳng tịnh nên giới chẳng tịnh”. Lại nhân-duyên phá giới là các phiền não, nên năng chế phục là trì giới được tịnh. Lại Thanh-Văn trì giới chỉ vì Nê-Hoàn; kẻ cầu Phật Đạo đem lòng đại bi vì tất cả chúng-sinh chẳng chấp giới tướng, năng khiến giới ấy, như tính Bồ-Đề. Trì giới như vậy gọi là thanh-tịnh.

2- THIỆN TRÍ THỨC: Trong kinh nói nhờ hai nhân-duyên sinh chính kiến: một theo người nghe pháp; hai tự chính nghĩ nhớ pháp đã được nghe. Đây gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Nếu như vậy, mà sao chỉ nói Thiện tri thức thôi?

Đáp: Trong kinh nói: “A-Nan hỏi Đức Phật: Tôi ngồi yên một chỗ, khởi nghĩ như vậy: Gặp được Thiện tri thức, thế là được một nửa phần nhân-duyên Đắc-Đạo? Phật dạy rằng: Đừng nói lời ấy. Thiện tri thức của nhân-duyên đầy đủ Đắc-Đạo. Tại vì sao? Vì chúng sinh lão bệnh tử mà được Ta làm Thiện tri thức, thời với sinh lão bệnh tử mà được giải thoát.” Lại chúng-sinh nhờ Thiện-tri-thức, được tăng trưởng giới thấy năm pháp như cây sa-la đại-thọ nhờ núi Tuyết-Son được năm sự tăng trưởng. Lại Phật hãy còn tự vui Thiện-tri-thức, như khi Ngài mới đắc Đạo khởi nghĩ như vậy: “Nếu người mà không thầy thời không có chỗ nào là không sợ hãi; không lòng cung kính thường bị ác pháp che khuất, không hạnh yên ổn. Ta nay phải lấy ai làm Thầy, nương ai mà trụ? Khởi nghĩ như thế rồi mới khắp xem tất cả không ai hơn mình được, liền nảy nghĩ rằng: Pháp mà Ta đã chứng được, nhờ đó

mới thành Phật, nay phải trở lại nương pháp ấy”. Các Phạm-thiên cũng khen rằng: Vậy không ai bằng Phật. Tất cả đức Phật đều lấy Pháp làm Thầy. Lại Thiện-tri-thức in như đèn sáng; có mắt mà không đèn thời chẳng thấy gì được. Như vậy hành-giả tuy có lớn căn phước đức nhân-duyên mà không Thiện tri thức thời không được ích gì.

Hỏi: Kẻ như thế nào là Thiện tri thức?

Đáp: Tùy theo năng khiến người tăng-trưởng pháp lành gọi là Thiện-tri-thức. Lại tất cả những người lành là kẻ an-trụ nơi chánh-pháp, đều là Thiện-tri-thức của thiên-nhân và thế-gian.

3- GIỮ-GÌN CĂN-MÔN: Là chính nghĩ nhớ. Hành-giả chẳng nên nhắm mắt mà xem, chỉ nên nhất-tâm chính nghĩ hiện-tiền. Lại gọi là chính-huệ, lấy chính-huệ này mới năng phá cảnh-duyên hiện-tiền. Năng phá tiền-duyên nên mới có thể chẳng chấp lấy tướng. Chẳng chấp lấy tướng nên chẳng chạy theo giả-danh. Nếu chẳng giữ các căn, để chấp lấy tướng thời các phiền não, rồi lưu lộ ra năm cửa tức thì phá giới thấy pháp lành. Nếu năng giữ gìn căn-môn thời giới thấy được bền chắc.

4- ĂN UỐNG BIẾT LƯỜNG: Chẳng vì sức mạnh, dâm dục, tham vị mà ăn, chỉ vì nuôi thân vậy.

Hỏi: Hành-giả nuôi thân để làm gì?

Đáp: Để tu pháp lành vậy. Nếu bỏ pháp lành thời không đạo pháp. Không đạo pháp thời làm sao mà lìa khổ được! Nếu người chẳng vì tu hành mà ăn, thời là luống uổng nuôi kẻ oán-tặc, và cũng phá hư phước của thí-chủ, tổn hại người cúng dường. Như vậy chẳng đáng ăn vật ăn của người.

Hỏi: Lấy gì mà lường ăn uống?

Đáp: Tùy có thể giúp nuôi thân, đấy gọi là lường.

Hỏi: Nên ăn những món gì?

Đáp: Nếu món ăn chẳng tăng thân bệnh lạnh nóng thấy, tâm bệnh tham giận thấy, thế là nên ăn. Những món ăn này cũng phải tùy thời: như biết món ăn ấy đối với thời này năng tăng thêm các bệnh lạnh nóng tham giận thấy thời chẳng nên ăn.

Hỏi: Các ngoại đạo nói: “Nếu ăn món thanh tịnh thì năng được tịnh phước, nghĩa là tùy ý thêm muốn sắc, hương, vị, xúc; nước phải lọc lượt chúng nguyện nhiên hậu mới ăn. Đây gọi là tịnh. Việc ấy thế nào?”

Đáp: Đồ ăn uống không có quyết-định là tịnh. Tại vì sao? Vì nếu cho đồ ăn thừa bất-tịnh, thì tất cả đồ ăn uống không thứ nào chẳng phải thừa; như sữa là vật thừa của bò con, mật là thừa của ong, nước là thừa của trùng, hao là thừa của bướm ong, và trái là thừa của chim chóc. Cứ suy nghĩ thế thấy. Lại thân này từ bất-tịnh mà sinh, thể tính bất-tịnh, bất-tịnh đầy nhầy. Đồ ăn uống trước là bất-tịnh, sau vào trong thân không một chút tịnh. Chỉ vì điên-đảo mê lầm quấy cho là tịnh mà thôi.

Hỏi: Nếu đều là bất-tịnh, thì cùng hạng người hèn hạ, Chiên-đà-la đầu có khác chi?

Đáp: Lại nhờ bất-sát, bất-đạo, bất tà-mạn thấy; đúng như pháp mà được ăn. Đem trí-huệ quán-tưởng lỗi ăn uống, rồi lọc nước xong nhiên hậu mới ăn. Chứ chẳng phải chỉ lọc nước mà cho là tịnh được.

5- ĐẦU ĐÊM CUỐI ĐÊM BỐT PHẦN NGỦ NGHỈ:

Hành-giả biết sự nghiệp do tinh-tiến siêng-năng mà thành nên chẳng ngủ nghỉ. Lại thấy ngủ nghỉ luống-uổng không được gì. Nếu người cho ngủ nghỉ là vui, chút vui hèn ấy chẳng cần nói vậy. Lại hành-giả chẳng ưa đồng-cư với phiền não, như người chẳng ưa ở chung với kẻ oán-tặc; đời đâu có người đang ở trong trận giặc mà ngủ ngon lành? Nên chẳng ngủ nghỉ.

Hỏi: Ngủ nghỉ đến đời làm sao mà xua đuổi?

Đáp: Người này được ý-vị Phật-pháp, tâm rất vui mừng, nên có thể trừ khiên được. Lại nghĩ tội lỗi già đau chết trong sinh tử thì tâm sợ hãi nên chẳng ngủ nghỉ. Lại hành-giả nhận thấy được làm thân người, các căn đầy đủ, lại may được gặp Phật-Pháp, có thể phân biệt tốt xấu, phải quấy là việc rất khó, mà nay chẳng cầu độ còn đợi khi nào mới được giải thoát? Vậy nên phải siêng-năng tinh-tiến để diệt trừ ngủ nghỉ.

PHẨM BÁT-THIỆN GIÁC THỨ 182

6- ĐẦY ĐỦ THIỆN GIÁC: Nếu người tuy chẳng ngủ nghỉ mà khởi bất-thiện-giác, chỗ gọi: dục giác, sân giác, não giác; hoặc thân lý giác, quốc độ giác, bất tử giác, lợi tha giác, khinh tha giác thấy. Thà nên ngủ nghỉ, đừng khởi những thứ bất-thiện giác này. Mà cần phải chính nghĩ nhớ xuất thấy các thiện giác, chỗ gọi xuất giác, bất sân não giác, tám bậc đại nhân giác. DỤC GIÁC: là nương lòng tham dục mà

sinh giác với trong ngũ-dục thấy có hai lợi vui, gọi là dục-giác. Làm suy hại chúng-sinh, gọi là sân giác, não giác. Hành-giả chẳng nên nhớ nghĩ ba món giác này. Tại vì sao? Vì nhớ nó thời bị tội nặng. Lại như trước đã nói tội lỗi tham thấy. Bởi tội lỗi này chẳng nên nghĩ nhớ.

Hỏi: Tại sao chẳng nói si thấy giác?

Đáp: Ba giác này thứ lớp mà sinh, còn các phiền não khác chẳng phải như thế. Hành-giả hoặc nghĩ ngũ-dục nên sinh tham giác, tham mà chẳng được mới sinh giận dữ; hoàn thành giận dữ gọi là não. Vậy nên chẳng nói si thấy. Lại kết quả của si là tham giận, như từ tham giận sinh nghiệp bất-thiện. Ba món giác này là nghiệp nhân bất thiện. Như trong kinh nói: “Ví như cục đất, đêm thời khói ra, ngày thời lửa cháy”. Khói tức là giác; lửa gọi là nghiệp.

THẦN-LÝ-GIÁC: Bởi bà con, xóm làng nên khởi nghĩ nhớ muốn khiến bà con, xóm làng được yên ổn vui vẻ. Hoặc nghĩ suy hại thời sinh buồn rầu; hoặc nghĩ muốn cùng làm các việc đồng sự với bà con xóm làng gọi là thần lý giác. Hành-giả chẳng nên nghĩ nhớ thứ giác này. Tại vì sao? Vì bản nguyện khi xuất gia đã xả thân-lý, mà nay lại khởi giác này là điều chẳng nên. Nếu người xuất gia lại nghĩ thân-lý thời luống bỏ gia thuộc uổng công ích gì. Vì yêu thân-lý nên sinh tham đắm. Vì tham đắm mới giữ-gìn. Vì nhân-duyên giữ gìn mà roi gây thấy các nghiệp thứ tự sinh khởi. Vậy nên chẳng nên sinh thân lý-giác. Lại cùng thân-lý hòa hợp thời không thể tăng-trưởng pháp lành. Lại hành-giả nghĩ tất cả chúng-sinh trôi lăn trong sinh tử không một ai là chẳng phải thân-lý thời tại sao chấp đắm chênh-lệch. Lại trong sinh tử vì thân-lý nên buồn thương khóc lóc lệ chảy thành biển cả, mà nay lại tham đắm nữa thời khổ vô cùng tận! Lại chúng-sinh vì nhân-duyên lợi ích nên thân ái nhau không có nhất định. Lại kẻ hay nghĩ thân-lý là tướng ngu-si; người ngu ở thế-gian chưa có lợi mình mà muốn lợi người. Nếu nghĩ thân-lý thời ít tự-lợi. Vì những lẽ trên đây nên hành-giả chẳng nên khởi thân lý-giác.

QUỐC-ĐỘ-GIÁC: Hành-giả sinh nghĩ chỗ cõi nước nào đó giàu vui yên ổn nên qua đến kia khá được an vui. Lại tâm nông nổi muốn dạo xem cho khắp. Hành-giả chẳng nên khởi ý giác như vậy. Tại vì sao? Vì tất cả cõi nước đều có lỗi ác: có nước rất lạnh; có nước rất nóng; có nước nhiều hiểm; có nước nhiều bệnh; có nước nhiều giặc trộm. Có nhiều lỗi trái khác nhau như thế, nên chẳng nên nghĩ tới. Lại kẻ nông nổi thời mất thiên-định. Tùy theo chỗ ưa vui năng được tăng thêm pháp lành thời đấy là tốt, chứ cần gì phải xem khắp cõi nước ư. Tất cả các cõi nước chỉ đẹp xa nghe, đến đó chưa chắc vừa lòng, vì người đời phần nhiều lời nói quá sự thật. Lại những kẻ du ngoạn các nước chịu nhiều sự khổ, vì thân này là nhân-khổ, mà mang nhân khổ này theo đi đến chỗ nào cũng đều chịu khổ. Lại hưởng chịu khổ

vui do nghiệp nhân thì dù đi xa đến đâu cũng không ích gì. Vậy nên chẳng nên khởi quốc-độ-giác.

BÁT TỬ GIÁC: Hành-giả khởi nghĩ như vậy: Ta nên chậm sau sẽ tu Đạo. Trước hết phải đọc tụng kinh tạng, luật tạng, luận tạng, tạp tạng và Bồ-Tát tạng, rộng họp các sách ngoại điển; nuôi nhiều đệ tử; dắt dẫn người lành cúng dường bốn Thập, khiến họ tu đại bố thí. Nhiên hậu mới tu Đạo. Đây là bát tử giác. Hành-giả chẳng nên khởi nghĩ như vậy. Tại vì sao? Vì giờ khắc chết chẳng định được, không thể dự biết trước được. Nếu trong khi đang kinh doanh các việc không may mạng tận thời đâu kịp tu Đạo được. Đến khi sắp chết lòng dạ ăn năn buồn rầu thốt lời: Ta luống dưỡng thân này uổng không được gì hết, đồng chết như loài súc sinh nào khác. Như trong kinh nói: “Phàm phu nên dùng hai mươi pháp để uốn dẹp tự tâm nghĩa là như vậy: Ta chỉ có hình phục khác với kẻ tục mà luống không được ích gì hết. Cho đến sẽ đem việc chẳng ích đến khi chết”. Lại kẻ trí chẳng làm những việc chẳng nên làm. Như trong kinh Pháp Cú nói: “Việc chẳng nên làm chẳng làm, việc nên làm thời thường làm; nghĩ nhớ tâm an huệ, thời được hết các lậu”. Lại trong kinh nói: “Kẻ chưa được tứ đế, phương tiện vì muốn được, phải siêng thêm tinh tiến, rất hơn chữa lửa cháy dầu”. Vậy nên chẳng nên khởi bát tử giác. Lại bát tử giác là tập khí ngu si, có đâu kẻ trí biết nhân mạng vô thường như hạt sương mai mong manh trên cành dương liễu, há dễ đâu năng bảo tồn một khắc! Lại trong kinh nói: “Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo rằng: các người tu tập tưởng chết như thế nào, có vị thưa lại Phật rằng: Tôi chẳng bảo đảm được bảy năm; có vị thưa thấp xuống sáu năm, cứ như thế càng giảm bớt cho đến còn trong chùng giây lát, cũng chẳng bảo đảm được. Phật quả rằng: các người đều là những kẻ buông lung tu tưởng chết vậy. Khi ấy có một vị Tỳ-kheo vai áo bên hữu mới thưa Phật rằng: Tôi đối với hơi thở ra lách chẳng bảo đảm hít vào; hít vào chẳng bảo đảm ra. Đức Phật mới khen: “Hay thay! Hay thay! Người mới là chân thật tu tưởng chết.” Vậy nên chẳng nên khởi bát-tử-giác.

LỢI-THA-GIÁC: Đối với trong chẳng phải thân-lý muốn khiến cho họ được lợi. Hoặc khởi nghĩ như vậy: khiến kẻ nào đó giàu sang an vui năng tu bố-thí, còn kẻ nào đó thời chẳng tu kịp. Hành-giả chẳng nên khởi giác như vậy. Tại vì sao? Vì chẳng bởi nghĩ mà năng khiến kẻ kia được khổ vi vậy. Chỉ có tự đem nghĩ ấy làm hoại loạn Định tâm mà thôi.

Hỏi: Chứ muốn khiến cho người lợi chẳng phải lòng Từ hay sao?

Đáp: Hành-giả cầu Đạo nên nghĩ lợi Đệ-nhất-nghĩa là vô thường thay. Trong ấy tuy có ít được phước nhưng vì năng hại Đạo, lợi ít hại nhiều, vì loạn Định tâm vậy.

Nếu đem tâm-nghi lợi người khác thời không thể thấy tội lỗi tham đắm, nên chẳng nên nghi.

KHINH-THA-GIÁC: Hành-giả, hoặc nghi người kia; giòng họ, sắc lực, giàu sang, tài năng, trì giới, lợi căn, thiên-định và trí-huệ thấy đều chẳng bằng ta. Hành-giả chẳng nên khởi giác-sát như thế. Tại vì sao? Vì tất cả muôn vật đều vô thường vậy, như thượng trung hạ đều có sai khác? Lại tóc lông móng răng của người ấy đều gọi là bất-tịnh, bình-đẳng không có khác. Lại già bệnh chết thây và suy não cũng vẫn đồng đều. Lại tất cả chúng-sinh trong ngoài khổ-não đều đồng không khác. Lại phạm phu mà giàu sang là nhân-duyên gây tội lỗi. Lại giàu sang chẳng bao lâu rồi cũng nghèo cùng lại. Vậy nên chẳng khởi giác-sát khinh dễ người khác. Lại kiêu mạn là khí phẫn của vô-minh, kẻ Trí đâu khởi lỗi giác-sát ấy.

Thành Thật luận hết quyển 17

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 18

PHẨM THIỆN-GIÁC THỨ 183

Xuất-giác: Là tâm ưa xa lìa, như lìa ngũ-dục và hai cõi sắc, vô-sắc. Ưa vui xa lìa nên gọi Xuất-giác. Vì ưa vui Xa lìa này là không khổ mà tùy theo tham đắm mới có các khổ, không tham đắm thời vui. Với trong các giác, hai món giác vui là: Vô-sân-giác và vô-não-giác. Tại vì sao? Vì hai giác này gọi là an-ẩn giác. Như trong phẩm Như-Lai nói: “Đức Như-Lai thường có hai món giác hiện-tiền là an-ẩn-giác và viễn-ly-giác”. An-ẩn-giác tức món giác bất sân não. Viễn-ly-giác tức là giác xuất. Lại nghi ba giác này thời phước tăng-trưởng; cũng năng thành Định tâm, và tâm được thanh-tịnh. Lại nghi ba giác này có thể ngăn các trói buộc, vì dứt các trói nên mau chúng được Đoạn Diệt. Lại hành-giả vì ưa xa lìa với nhóm hợp được nhiều pháp lành, nên có thể mau được giải thoát. Tám bậc đại nhân giác: Trong Phật-Pháp, nếu kẻ thiếu dục mới năng được lợi ích, chứ chẳng phải kẻ đa-dục: Kẻ tri-túc, kẻ xa lìa, kẻ tinh tiến, kẻ chính nhớ, kẻ định tâm, kẻ trí-huệ, và kẻ không hí-luận. Đây gọi là tám. Thiếu dục mà gọi là hạnh vì muốn tu Đạo nên phải muốn vật cần dùng, nhưng chẳng nên cầu nhiều vật thừa không dùng, gọi là thiếu dục. Tri-túc: Có người hoặc vì nhân-duyên, hoặc vì trì-giới, hoặc muốn người khiến người khác tâm chẳng cho là đủ. Nếu có người lấy ít tâm cho là đủ, đây gọi là tri-túc. Có

người tuy lấy ít vật mà tìm thứ tốt, đấy là thiếu dục mà chẳng phải là tri túc vậy. Nếu lấy vừa được ít vật, gọi là tri túc.

Hỏi: Nếu lấy vật cần dùng gọi là thiếu dục, thì tất cả chúng-sinh đều được gọi thiếu dục. Vì nó đều lấy vật cần dùng cho nó vậy?

Đáp: Hành-giả chẳng đem lòng tham đắm mà lấy, chỉ vì dùng mới lấy nên chẳng lấy nhiều chẳng như người đời vì trang điểm, tiếng khen, thường lấy mà lấy nhiều.

Hỏi: Hành-giả vì sao phải thiếu dục và tri túc?

Đáp: Với trong việc giữ-gìn thấy thấy có tội lỗi. Lại chứa mà không dùng tướng ngu si. Lại người xuất gia chẳng nên chứa đống đồng như người thế gian. Vì các lỗi ấy nên phải thiếu dục tri túc. Lại hành-giả, nếu chẳng thiếu dục tri túc thì lòng tham tăng dần; rồi vì của cải mà tìm cầu những vật chẳng đáng tìm cầu. Lại tham vui tài lợi trọn không yên ổn, vì quá tham đắm vậy. Lại người xuất gia này ưa tu hạnh xa lìa, mà vì tham lợi nên quên mất điều nên tu. Lại chẳng hay bỏ các phiền não được. Tại vì sao? Vì ngoại vật còn chẳng bỏ được huống là nội pháp ư? Lại thấy lợi dưỡng là nhân suy não, như mưa đá hại lúa mạ. Vậy nên tu tập thiếu dục tri túc. Lại thấy nhận của tín thí khó đền ơn, như mắc nợ chẳng hoàn vốn, về sau phải chịu khổ não. Lại thấy lợi dưỡng là vật bỏ của Đức Phật và người lành. Như Phật nói: Ta chẳng gần lợi dưỡng, lợi dưỡng đừng gần ta. Lại hành giả đầy đủ pháp lành, nên bỏ lợi dưỡng. Như Đức Phật nói: “Chư Thiên hãy chẳng năng được vui xuất, vui ly, vui tịch diệt và vui chân trí như Ta đã được”. Vậy nên bỏ lợi dưỡng. Lại như ngài Xá-Lợi-Phất nói: “Tôi khéo tu vô tướng, trì không tam muội quán tất cả muôn vật bên ngoài, coi như đồ đằm mũi khạc ra”. Lại hành-giả chẳng thấy kẻ nào thọ dục có nhàm đủ như uống nước mặn không trừ khát được. Vậy nên siêng cầu trí-huệ mới là đầy đủ. Lại thấy những kẻ đa dục thường phát nguyện cầu, muốn cầu nhiều mà được ít, nên thường bị khổ. Lại thấy những kẻ hành khát, bị người khinh hèn chẳng chút cung kính như người thiếu dục. Lại người xuất gia mà đa cầu là việc rất chẳng nên làm, mà người ta cho chẳng lấy mới là đúng lẽ phải. Vậy nên cần phải tu hạnh thiếu dục tri túc.

Viễn ly: Như đối với những người tại-gia xuất-gia tu thân xa lìa; với các phiền não tu tâm xa lìa. Đây gọi là viễn-ly.

Hỏi: Hành-giả tại sao phải xa-lìa?

Đáp: Các người xuất-gia tuy chưa đắc-Đạo lấy xa lìa làm vui. Ở trong các chỗ người thế-gian, nơi nữ-sắc, chỗ ồn ào quyết không thể an vui được. Lại nếu xa lìa thì tâm dễ vắng lặng, như nước chẳng bị quấy, tự-nhiên lắng trong. Nên tu xa-lìa;

Lại pháp xa lìa này đã được các Đức Phật nhiều như cát sông Hằng ngợi khen. Tại sao biết được? là Phật thấy Tỳ-kheo ngồi thiền-định gần nơi xóm làng thời lòng Ngài chẳng vui; mà thấy Tỳ-kheo nằm ngủ ở chỗ trống vắng thời Ngài lại mừng. Tại vì sao? Vì ngồi Thiền gần xóm bị nhiều các nhân-duyên làm tán-loạn Định tâm, khiến cho nên được chẳng loạn, đáng chứng chẳng chứng; Chứ nằm ngủ chỗ vắng tuy có chút biếng-nhác, nhưng nếu thức dậy cầu vào Định thời thu nhiếp được tâm tán-loạn. Nhiếp tâm là năng được giải thoát. Lại bởi chấp lấy tướng nên mới khởi tham thấy các phiền não; chứ chỗ trống vắng không có sắc thấy các tướng là phiền não dễ dứt, như lửa không củi, thời tự nhiên tắt mất. Lại trong kinh nói: “Nếu Tỳ-kheo ưa ở với chúng đông; ưa nói những lời xen tạp; chẳng rời chúng thời hãy chẳng giải thoát được duyên ân-ái, huống là năng được bất-hoại giải thoát”. Mà kẻ tu hạnh xa lìa thời chắc chứng được cả hai. Lại như đèn lìa gió thời năng soi sáng. Hành-giả cũng như vậy, nhờ tu hạnh xa lìa nên năng mau được chân-trí.

Tinh-tiến: Hành-giả, nếu tu chính cần, dứt pháp bất-thiện, tu nhóm thiện pháp. Trong ấy siêng năng tu nên gọi là tinh-tiến. Như vậy thời năng được lợi Phật-Pháp. Tại vì sao? Vì nhóm hợp pháp lành ngày ngày tăng trưởng như hoa sen đỏ sen trắng thấy tùy theo nước mà tăng trưởng dần lên. Còn kẻ hành giả biếng nhác như khúc chày gỗ từ khi thành đến nay, ngày ngày mòn mỗi dần đến hết. Lại kẻ tinh tiến, vì được lợi ích nên tâm thường vui mừng; còn người biếng khác bị ác che tâm hằng ôm khổ não. Lại kẻ tinh tiến với trong từng niệm pháp lành tăng trưởng thường xuyên không có giảm bớt. Lại thâm tu tinh-tiến được chỗ hơn hết là Đạo của các Đức Phật. Như trong kinh Phật bảo A-Nan rằng thâm tu tinh-tiến năng đến Phật Đạo. Lại kẻ tinh-tiến dễ được định tâm. Lại kẻ độn căn mà tinh-tiến tuy tuy còn ở trong sinh tử mà mau được giải thoát; còn người lợi căn mà biếng nhác thời chẳng hay được. Lại có bao nhiêu lợi ích đời nay, đời sau, thế-gian, xuất thế-gian đều nhờ tinh-tiến. Trái lại tất cả thế-gian có bao nhiêu sự suy não đều bởi biếng nhác. Như vậy thấy lỗi biếng nhác, lợi ích tinh tiến, nên phải nghĩ nhớ tinh tiến.

Chính nhớ: Thường đối trong: thân, thọ, tâm và pháp tu chính an nhớ.

Hỏi: Nhớ bốn pháp này được những lợi ích gì?

Đáp: Pháp ác bất thiện chẳng đến chun vào tâm, như khép giữ đê phòng thời đũa khác chẳng vào được. Lại như bình đầy thời nước chẳng vào nữa được. Như vậy người này pháp lành đầy nhẩy nên chẳng dung các điều ác. Lại nếu tu chính nhớ này thời tất cả pháp lành nghiệp vào trong phần giải thoát như uống nước biển là uống đủ các nguồn, vì tất cả nguồn đều chảy vào biển cả. Lại tu chính nhớ này gọi là an trụ chỗ hành xứ tự tại; phiền não ma dân không thể phá hoại được, như ví dụ chim ưng chim đất. Lại người này tâm đã an trụ khó động như động như chiếc bình

tròn đã để vào đai. Lại người này chẳng bao lâu sẽ được lợi ích, như trong kinh Tỳ-kheo-ni nói: “Các Tỳ-kheo-ni hỏi Ngài A-Nan rằng: Thưa Đại Đức! Bọn chúng tôi khéo tu niệm xứ, biết khác hơn trước kia? A-Nan bảo: Khéo tu pháp ấy lẽ là vậy”. Định tâm: Nếu tu tập định tâm được lợi ích màu nhiệm. Như trong kinh nói: “Kẻ tu định tâm năng như thật biết”. Lại vì người này thân được pháp hơn người nghĩa là thân mình phun ra nước lửa, bay đi tự do thấy. Lại người này được vui, cho đến Chư Thiên và Phạm Vương thấy không thể nào bằng được. Lại người này là kẻ làm việc đáng làm, việc chẳng nên làm thời chẳng cần làm vậy. Lại khéo tu tập Định thiện pháp thường tăng. Lại kẻ tu tập Định, về sau tâm chẳng ăn năn; người này gọi là được quả xuất-gia. Cũng gọi là kẻ thuận theo lời Phật dạy, chứ chẳng như những người lương lãnh của tín thí cúng dường. Người này năng trả ơn cho kẻ thí phước, người khác chẳng năng trả được. Lại pháp định tâm này được các Đức Phật và Hiền-Thánh đều gìn giữ; lại năng kham thọ tất cả pháp lành. Lại nếu Định tâm được thành tựu thời chúng Thánh Đạo, mà chẳng thành thời sinh về Tịnh thiên là hai cõi Sắc và Vô-sắc. Tại vì sao? Vì tu bố thí thấy chẳng thể được. Việc như vậy là năng rốt ráo chẳng gây ác. Như trong kinh nói: “Nếu đũa nít tu tập lòng Từ từ lúc còn nhỏ bé, về sau có thể khởi lòng ác nghĩ việc ác chăng? Bạch Đức Thế Tôn! Không thể vậy”. Đây đều là Định-lực. Lại Định tâm gọi là nhân chân trí-huệ mới có thể diệt hết các hành nghiệp. Các hành hết nên các khổ não cũng diệt hết. Lại hành-giả này đối với việc tất cả thế-gian và xuất thế-gian khởi nghĩ tức làm xong chẳng nhọc gia công; còn các người khác hãy chẳng năng phát tâm lường chỗ sở đắc của kẻ kia nên mới nói Định tâm năng được lợi ích.

Trí-huệ: Kẻ trí giả trong tâm chẳng sinh phiền não, nếu sinh liền diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Lại tâm kẻ trí chẳng khởi các tướng; nếu khởi liền diệt, như sương trên cành liễu, gặp ánh nắng liền khô. Lại nếu có trí nhãn năng xem Phật-Pháp, như người có mắt ban ngày dùng được. Lại kẻ trí gọi là được phần Phật-Pháp, như chính là con thời được hưởng phần của cha mẹ. Lại trí huệ nói là có mạng sống kỳ dư là kẻ chết. Lại kẻ trí huệ gọi chân đạo nhân, vì năng biết Đạo vậy. Lại kẻ trí biết ý vị Phật Pháp, như căn lưỡi chẳng hư có thể phân biệt năm vị. Lại kẻ trí-huệ với trong Phật-Pháp tâm Định chẳng động, in như núi đá gió chẳng động được. Lại kẻ trí-huệ gọi là Tín, vì tự được bốn pháp tin mà chẳng theo kẻ khác mới được. Lại được Thánh huệ căn gọi đệ-tử Phật, kỳ dư là ngoại phạm phu. Nên mới nói trí-năng được lợi ích. Vô hí luận: như lối nghị luận nhất, dị gọi là hí-luận. Như A-Nan hỏi Xá-Lợi-Phất rằng: “Nếu lục-xúc-nhập, ly dục diệt hết, lai có còn thừa ư? Xá-Lợi-Phất.

Đáp: Nếu lục-xúc nhập ly dục diệt hết rồi mà nếu có thừa là điều bất khả luận mà người luận ư?” Hoặc luận: Không có, cũng có, cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không hỏi đáp cũng như vậy.

Hỏi: Việc ấy vì sao bất khả luận?

Đáp: Hỏi này là hỏi pháp thật ngã, hoặc nhất hoặc dị, vậy nên chẳng đáp, vì ngã không quyết định. Chỉ trong ngũ âm giả thi thiết danh tự mà nói đó thôi. Nếu lấy có, không mà đáp, tức là đọa về đoạn, thường. Nếu đem pháp nhân-duyên mà luận nói ngã thời chẳng phải là hí luận. Lại nếu người nhận thấy chúng-sinh trống không, pháp trống không, thời không hí luận. Nên nói kẻ không hí luận mới được lợi ích Phật-Pháp. Đây gọi là đầy đủ thiện giác.

PHẨM SAU NĂM ĐỊNH-CỤ THỨ 184

7- ĐẦY ĐỦ THIỆN-TÍN-GIẢI: Nghĩa là như kẻ hành-giả có thể ưa thích Nê-Hoàn mà ghét ón sinh tử gọi là “Thiện-tín-giải”. Tín-giải như thế chóng được giải thoát. Lại kẻ vui Nê-Hoàn tâm không đắm gì cả. Lại vui Nê-Hoàn thời không sợ hãi. Tại vì sao? Vì nếu là phàm phu mà tâm nghĩ Nê-Hoàn liền sinh kinh sợ “ngã” sẽ mất hẳn.

Hỏi: Do nhân-duyên gì mà tín-giải Nê-Hoàn?

Đáp: Hành-giả nhận thấy thế-gian vô thường, khổ, không, vô-ngã thời đối với Nê-Hoàn sinh tưởng tịch-diệt. Lại người này bản tính phiền não nhẹ yếu, nghe nói Nê-Hoàn thời lòng tin vui mừng. Lại hoặc theo vị thiện-sư, hoặc đọc kinh sách, nghe sinh tử tội lỗi. Như vô-thủy kinh và ngũ-thiên sứ-giả thầy các kinh nói thời nhằm lia sinh tử tin vui Nê-Hoàn.

8- ĐỦ HÀNH-GIẢ PHẦN: Như trong kinh nói có năm hành-giả phần: một có tin, hai tâm chẳng dua dọc, ba ít bệnh, bốn tinh-tiến và năm trí-huệ. Có tin: là tâm đối với Tam-bảo và tứ-đế không nghi hối. Không nghi hối nên mau được thành Định. Lại kẻ có lòng tin nhiều vui vẻ nên chóng được thành Định. Lại kẻ có tin, tâm điều hòa dễ thu nhiếp nên chóng được Định.

Hỏi: Nếu do Định sinh huệ sau năng dứt nghi. Nay sao trước Định rồi mới nói không nghi?

Đáp: Vì nhờ đa-văn nên mới dứt nghi chứ chẳng phải được Định. Lại sinh vào nhà rất có lòng tin; hoặc cùng làm việc với những kẻ có lòng tin nên thường tu lòng tin, tuy chưa được Định, nhưng chẳng sinh nghi. Những kẻ như thế thầy. Chẳng dua dọc: là đem tâm chất-trực, không điều che giấu, thế là dễ độ, như người thầy thuốc nói thật đủ bệnh trạng thời dễ cứu chữa, ít bệnh: Có thể đầu đêm cuối đêm tinh-tiến chẳng dứt. Nếu người tật bệnh thời trở ngại sự hành-đạo. Tinh-Tiến: Vì cầu đạo

nên thường siêng-năng tinh-tiến, như dùi cây để lấy lửa mà chẳng nghỉ thời chóng được lửa. Trí-huệ: Nhờ có trí-huệ nên được quả tứ-sự chỗ gọi Thánh-Đạo.

Hỏi: Pháp niệm-xứ thầy cũng là hành-giả-phân, tại sao chỉ nói năm pháp này?

Đáp: Tuy đều là phân, mà pháp này rất hơn, nên hành-giả phải cần dùng, vậy nên nói riêng. Cũng lia tất cả ác, nhóm tất cả thiện, nên gọi hành-giả-phân, như trong kinh cù-ni-sa nói.

9- ĐỦ CHỖ GIẢI THOÁT: Là năm chỗ giải-thoát-xứ: một là như Phật và những vị Tỳ-kheo tôn thắng vị đó nói pháp, theo kia được nghe; riêng có năng tính thông đạt ngôn ngữ nghĩa-lý. Nhờ thông đạt ấy nên sinh tâm vui mừng. Vui mừng thời thân khoái; khoan khoái thời thọ vui. Mà thọ vui là tâm được thu nhiếp. Đây là chỗ giải thoát đầu tiên. Hành-giả an trụ chỗ giải thoát này nên nhớ nghĩ mạnh mẽ thời tâm nhiếp định, các lậu được diệt hết, chắc chứng được Nê-Hoàn. Hai là siêng đọc tụng kinh điển. Ba là vì kẻ khác nói pháp. Bốn là ngồi riêng một chỗ suy nghĩ các pháp. Năm là lấy Định tướng là chín tướng thầy đều như trên đã nói.

Hỏi: Phật và Tỳ-kheo tôn thắng vì sao nói pháp cho hành-giả này?

Đáp: Vì kham thọ pháp năng được đại lợi, vậy nên vì nói. Lại Tỳ-kheo này nhờ Phật xuất gia các căn thuần thực, nên vì nói pháp. Còn tôn thắng Tỳ-kheo vì chỗ đồng nghiệp nên nói cho nhau. Lại kẻ hành giả này cần phải nghe pháp, vậy nên vì nói. Lại người này có các công-đức tịnh giới thầy đã thành tựu in như bát lành kham đựng đầy tràn, nên vì nói pháp. Đây gọi ba huệ: thông đạt ngôn ngữ là đa-văn huệ; thông đạt nghĩa lý là tư duy huệ. Do đạt hai huệ trên năng sinh tâm mừng, cho đến nhiếp tâm sinh như thật trí, đây gọi là tu huệ. Ba huệ này có ba món quả là chán, lia là giải thoát. Lại nữa, nghe pháp, đọc tụng, vì người nói pháp là đa-văn huệ; nghĩ lường các pháp là tư duy huệ; khéo lấy định tướng là tu huệ.

Hỏi: Tâm giải thoát và hết lậu hai pháp ấy có sai khác chi không?

Đáp: Dùng định ngăn phiền não nên nói tâm giải thoát; dứt hẳn phiền não mới nói lậu hết.

Hỏi: Như tu pháp trì-giới thầy cũng là chỗ giải thoát như nói trì-giới thời tâm chẳng hối; tâm chẳng hối thời vui thầy. Hoặc nhờ thí thầy cũng được giải thoát. Mà tại sao chỉ nói năm pháp này ư?

Đáp: Vì thắng nên được nói riêng.

Hỏi: Pháp này có gì mà không thắng?

Đáp: Là cận-nhân giải thoát; giới thầy vì viễn-nhân nên chẳng nói.

Hỏi: Làm sao biết được là cận nhân?

Đáp: Hành-giả nghe pháp biết âm, giới, nhập thầy chỉ các pháp hòa hợp, trong ấy vì không ngã, là đã phá giả-danh. Phá giả-danh là phá giải thoát, nên mới gọi đây là cận nhân. Lại trong kinh nói: “Công đức đa văn là chẳng theo kẻ khác câu nghe Pháp, tâm dễ thu nhiếp thầy”. Cũng do đây nên biết là cận. Lại Phật Pháp có đại công-đức năng diệt phiền não, đến Nê-Hoàn thầy. Với trong pháp tịch-diệt này, hoặc nghe hoặc tụng hoặc tự suy nghĩ thời chóng được giải thoát. Nên gọi cận nhân. Lại thí được đại phú, trì giới được tôn quý, đa văn được trí. Nhờ trí-huệ nên được diệt hết các lậu, chứ chẳng nhờ phú quý. Nên biết cận nhân. Lại Xá-Lợi-Phất thầy được tôn xưng là bậc đại-trí, đều do đa văn.

Hỏi: Nếu nhờ đa văn tâm dễ nhiếp ấy. Tại sao A-Nan cả đêm đều chẳng được giải thoát?

Đáp: Chiếc đầu A-Nan chưa đến gôi đã được giải thoát. Vậy nên thường ở trong pháp hiếm có, nói sao chẳng chóng? Lại A-Nan ở trong đêm ấy tinh tiến có chút lỗi, vì quá mỗi mệt nên chẳng được giải thoát. Lại A-Nan tự thề: Tôi với trong đêm nay quyết được hết lậu. Cũng như Đức Bồ-Tát tự thề ở chốn đạo tràng. Thử hỏi ai có sức này? Kẻ mà như A-Nan đều là nhờ sức đa-văn.

10- KHÔNG BỊ CHUỐNG NGẠI: Chỗ gọi ba chướng: nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng. Nếu không có ba món ngăn che này thời chẳng đọa chỗ nạn. Nếu lia được các nạn là kham thọ đạo pháp. Lại người ấy gọi là đầy đủ tứ luân là: cõi nước tốt đẹp, nương ở người lành, tự phát chính nguyện và phước đức đời trước. Lại năng thành tựu bốn phần Tu-Đà-Hoàn là phần gần gũi người lành, ưa nghe chính pháp, chính tự nghĩ nhớ và năng hành theo pháp. Lại năng rời bỏ tham thầy ba pháp, như trong kinh nói: “Chẳng dứt ba pháp thời chẳng qua được già, đau và chết”.

11- CHẴNG CHẤP MẮC: Là chẳng mắc bờ bên này, chẳng mắc bờ bên kia, chẳng chìm giữa dòng, chẳng vọt lên đất bằng chẳng bị người vớt lấy, và kẻ phi-nhân bắt lấy, chẳng vào giữa dòng nước xoáy, chẳng tự mục nát. Bờ bên này là nội lục nhập; bờ bên kia là ngoại lục nhập; giữa dòng là tham mừng; đất bằng là ngã mạn; người lấy là hòa hợp với kẻ tại-gia xuất-gia; phi nhân bắt lấy là trì giới được sinh lên trời; dòng xoáy là phá giới; mục nát là phá trọng cấm. Nếu người đối với nội nhập chấp ngã, tức với ngoại nhập sinh tâm ngã sở. Do nội nhập kia sinh tham

mừng nên mới chìm đắm trong ấy. Cũng do đầy sinh ngã mạn. Tại vì sao. Nếu người đắm chấp thân thọ lãnh có vui, nên người đến khinh hủy thời sinh kiêu mạn. Như vậy vì ngã và ngã sở tham mừng, ngã-mạn loạn tâm, nên mới gây thành các việc khác.

Hỏi: Trong dụ này lấy gì làm nước, nếu lấy bát Thánh Đạo làm nước, thì chẳng nên lấy nội ngoại lục nhập làm bờ, tham mừng thấy làm giữa dòng cũng chẳng nên có dòng xoáy, mục nát. Nếu lấy tham ái làm nước, lẽ đâu theo đây được đến Nê-Hoàn?

Đáp: Lấy bát-thánh-đạo làm nước. Thí dụ bát tất khiến cho giống hệt nhau hết. Như cây này lia tám nạn quyết trôi đến biển cả. Tỳ-kheo cũng vậy, lia các dòng, nạn, thời theo nước bát-thánh-đạo trôi vào Nê-Hoàn. Như nói sữa trắng như vỏ sò, chỉ lấy sắc của sò mà chẳng lấy cứng mềm; cũng như nói mặt như mặt trăng, chỉ lấy đầy đặn mà chẳng lấy hình vậy. Lại hành-giả ra khỏi thánh đạo rồi, lại mắt nội ngoại nhập, thời chẳng bằng cây này ở giữa dòng nước mắc bờ bên này bờ bên kia và mục nát thấy. Lại có ông Luận sư nói: “Như nước sông Hằng quyết chảy đến đại hải. Như vậy bát-thánh-đạo chắc đến Nê-Hoàn”. Nên mới lấy làm dụ.

Như vậy lược nói mười một Định-Cụ. Nếu có pháp này tự nhiên được Định.

PHẨM XUẤT NHẬP TỨC THỨ 185

A-Na-Ba-Na tức hơi thở, có mười sáu hạnh tất cả: là nghĩ nhớ ra vào hoặc dài hoặc ngắn. Nghĩ thở khắp thân: trừ các thân hành, giác hỷ, giác lạc, giác tâm hành, trừ tâm hành. Nghĩ thở ra vào: giác tâm, khiến tâm mừng, khiến tâm nhiếp, khiến tâm giải thoát. Nghĩ thở ra vào: tùy vô thường, quán tùy đoạn, quán ly diệt. Cũng nghĩ thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn.

Hỏi: Thở dài ngắn là thế nào?

Đáp: Như người trèo lên núi; hoặc gánh nặng bị mệt đừ nên hơi thở ngắn. Hành-giả cũng như vậy, còn ở trong thô-tâm bấy giờ là ngắn. Thô-tâm ấy chỗ gọi là tâm vội vã tán-loạn vậy. Thở dài là nếu hành-giả đã ở trong tế-tâm thời hơi thở dài. Tại vì sao? Vì tâm dịu nên nên hơi thở cũng tùy theo đây mà dịu dàng dần; như tức người ấy quá mệt nghỉ nên thở cũng tùy mà dịu, bấy giờ thời hơi thở dài. Khắp thân Hành-giả vì tin và hiểu thân trống không nên thấy tất cả lỗ chân lông gió bay ra vào. Trừ-thân-hành: Hành-giả được lực cảnh giới, vì tâm yên ổn nên hơi thở thô diệt, bấy giờ hành-giả mới nhớ đủ chỗ trong thân. Giác hỷ: Là người ấy từ Định pháp này tâm rất sinh mừng, trước kia tuy có mừng nhưng chẳng bằng như giờ, bấy giờ gọi là giác hỷ. Giác lạc: Từ mừng sinh vui. Tại vì sao? Vì nếu tâm được

mừng thời thân điều hòa thỏa thích; thân điều-thích là được vui khoái. Như trong kinh nói: tâm mừng nên thân khoái; thân khoái thời thọ vui..

Giác tâm hành: Hành-giả thấy tội lỗi của mừng, vì năng sinh tham. Tham là chỗ tâm đi, vì do tâm khởi thọ, nên trong thọ sinh tham, nên thấy thọ là chỗ tâm đi. Trừ-tâm-hành: Hành-giả thấy do thọ sinh lỗi tham, trừ diệt nên tâm yên ổn cũng trừ diệt thô thọ nữa, nên nói trừ tâm hành. Giác tâm: Hành-giả trừ thọ vị nên thấy tâm tịch diệt chẳng chìm chẳng động. Tâm này hoặc khi lặn chìm, bây giờ lại sinh mừng. Nếu tâm lại nổi động tức thì khiến nhiếp. Nếu lìa được hai pháp này, bây giờ nên xả bình thường, nên mới nói khiến tâm giải thoát. Hành-giả như vậy tâm tịch định nên sinh vô thường hành. Nhờ vô thường hành mới dứt các phiền não, gọi là đoạn hành. Dứt phiền não nên tâm nhàm lìa gọi là ly hành. Vì tâm lìa nên được được tất cả diệt gọi là diệt-hành. Như vậy thứ lớp được giải thoát, nên mới gọi là mười sáu hạnh nhớ hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao nhớ thở ra vào mà gọi là Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh, học hạnh, vô học hạnh?

Đáp: Gió bay trong hư-không, tướng hư-không hay mau mở đem đường hoại-tướng; hoại-tướng tức là trống không không tức là Thánh-hạnh, nên gọi Thánh-hạnh. Vì muốn sinh về cõi tịch-thiên nên gọi Thiên-hạnh. Vì muốn đến tịch-diệt, nên gọi Phạm-hạnh. Vì muốn học pháp nên gọi là học-hạnh. Vì đã đến bậc vô-học, nên gọi là vô-học-hạnh.

Hỏi: Như quán bất-tịnh rất nhàm lìa thân, chóng được giải thoát, chứ cần tu mười sáu pháp hạnh này làm chi ư?

Đáp: Tu bất-tịnh quán mà chưa làm dục tự ghét nhàm tâm thời sinh mê-muội, như uống thuốc quá phép thời lại gây thêm bệnh. Như vậy bất-tịnh ưa ghét nhàm. Như các Tỳ-kheo tu bất-tịnh quán bên bờ sông bạt-cầu-mạt, nên rất sinh ghét nhàm, bởi đó mà gây ra các việc như uống thuốc độc, nhào đầu xuống vực cao và tự sát thầy. Hạnh này chẳng có như vậy, năng được lìa dục mà chẳng sinh nhàm ghét, nên gọi là thắng. Lại hạnh này dễ được duyên tự thân, chứ bất-tịnh dễ mất. Lại hạnh này nhỏ nhiệm, vì năng tự hoại thân vậy, bất-tịnh-hạnh thô-kịch hoại cốt tướng khó. Lại hạnh này năng phá tất cả phiền não, bất-tịnh chỉ phá dâm-dục thôi. Tại vì sao? Vì tất cả phiền não vì vì bởi giác mà sinh; nhớ hơi thở ra vào vì dứt các giác vậy.

Hỏi: Thở ra vào là thuộc thân hay thuộc tâm?

Đáp: Cũng thuộc thân, cũng thuộc tâm. Tại vì sao? Vì ở trong thai không có, nên biết do thân, như đệ-tứ-thiên thấy, và những kẻ vô tâm không có nên biết do tâm.

Hỏi: Thở chẳng cố ý khởi, như nghĩ các việc khác. Hơi thở thường ra vào, như món ăn vào bụng tự tiêu, như bóng tự di chuyển, chẳng phải người làm?

Đáp: Thở chẳng do cố ý khởi, chỉ do nhiều duyên hòa hợp mà khởi. Nếu có tâm thời có, mà không tâm là không, nên biết do tâm. Lại tùy theo tâm mà có sai khác: thô tâm thời ngắn, tế-tâm là dài. Lại thở ra vào còn do cỗi do tâm: như còn tại cỗi thở ra vào, cũng có cỗi tâm thở ra vào, bấy giờ thời có thở ra vào. Cỗi chỗ gọi cỗi Dục và tam thiên. Nếu tại cỗi thở ra vào, mà không cỗi tâm thở ra vào và tại vô-tâm, bấy giờ thời không có. Nếu tại cỗi không thở ra vào bấy giờ cũng không có.

Hỏi: Khi khởi thở trước ra hay trước vào?

Đáp: Khi sinh trước ra, khi chết sau vào. Ra vào đệ-tứ-thiên cũng như vậy.

Hỏi: Nghĩ nhớ thở ra vào mà gọi đầy đủ là sao?

Đáp: Kẻ hành-giả nào, nếu được mười sáu hạnh này, bấy giờ gọi là đầy đủ. Có ông Luận sư nói: “Nhờ lấy sáu nhân-duyên nên gọi đầy đủ”. Chỗ gọi SỔ, TÙY, CHỈ, QUÁN, CHUYỀN và DUYÊN, THANH-TỊNH. SỔ: là đếm hơi thở ra vào từ một đếm mười. Đếm có ba lối: hoặc thường chừng, hoặc quá hơn, hoặc giảm bớt. Thường chừng: là mười thời đếm là mười. Quá hơn: là một đếm cho là mười. Giảm bớt: là đếm chín cho là mười. TÙY: là hành-giả theo dõi hơi thở ra vào. QUÁN: là hành-giả thấy hơi thở chạy luôn trong thân như chỉ luôn hạt châu. CHỈ: là khiến tâm đình trụ theo hơi thở ra vào. CHUYỀN: là chuyển thân. DUYÊN: tâm khiến thọ duyên tâm hiện tiền. Tâm pháp cũng như vậy.

THANH TỊNH: là hành-giả lìa tất cả phiền não và các nạn, tâm được thanh-tịnh. Đây bất-tất nhất-định. Tại vì sao? Vì trong các hạnh này bất tất phải cần dùng hai pháp SỔ-TÙY; hành-giả chỉ khiến tâm trụ theo trong hơi thở để dứt các giác vậy. Nếu năng tu mười sáu pháp này gọi là đầy đủ. Lại tướng đầy đủ này cũng chẳng quyết định, vì chỗ sở hành của kẻ độn-căn mà đối với kẻ lợi căn chẳng đầy đủ.

Hỏi: Thở ra vào này, tại sao trong kinh nói gọi là ăn?

Đáp: Nếu thở ra vào ngừng thấy, thân được khoái lạc như được ăn món ngon, lợi ích hòa thích cho thân thể nên gọi là ăn.

Hỏi: Trong mười sáu hạnh này, đều phải nhớ thở ra vào luôn sao?

Đáp: Người này dùng phương tiện xé rách ngũ âm, từ giả-danh rồi, đâu còn dùng nghĩ nhớ hơi thở làm chi nữa? Đây gọi là thân nhớ. Có bốn pháp nhớ thân nên gọi thân nhớ.

Hỏi: Nhớ là duyên về quá-khứ, thở là hiện tại mà sao gọi là nhớ?

Đáp: Đây là trí phá giả-danh, vì nhớ nên mới nói. Các tâm số pháp thay nhau mà gọi như thập tướng thấy, cũng nhớ chỗ sở hành trước sau, nên gọi là nhớ.

Hỏi: Trong thở dài ngắn thấy chẳng nói Thánh hành, tại sao vô hành lại gọi chỗ nhớ? Trong kinh nói: “Nếu hành-giả học thở ra vào, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc khắp thân, hoặc trừ thân-hành. Bây giờ gọi là chỗ nhớ thân?”.

Đáp: Đây là phương tiện đạo đầu tiên. Vì muốn tâm thanh-tịnh nên về sau gọi là Đoạn đạo. Lại trong đây có vô thường thấy các hạnh. Chỉ kinh ấy chẳng nói, các kinh khác có nói. Hành-giả ở trong thở ra vào quán thân: sinh tướng, diệt tướng, và sinh diệt tướng. Lại nói quán thân vô thường thấy. Chỉ trong đệ tứ vô thường thấy các hành đầy đủ nên mới nói.

PHẨM ĐỊNH-NẠN THỨ 186

Định này, nếu lia ngăn ngại và các nạn là thành-tựu được đại-lợi. Định-nạn: Chỗ gọi mừng thô-kịch. Như trong kinh nói: “Ta sinh mừng thô là pháp tâm nạn”. Hành-giả chẳng nên sinh mừng thô ấy, vì sẽ có các lỗi tham đắm làm loạn Định-tâm vậy.

Hỏi: Do pháp sinh mừng, làm sao chẳng cho sinh được?

Đáp: Hành-giả nhớ trống không thời chẳng sinh mừng. Vì tướng có chúng-sinh nên mới sinh mừng, chứ ngũ-âm trống-rỗng không có chúng-sinh thời sinh mừng làm chi? Lại hành-giả nên khởi nghĩ như vậy: Vì nhân-duyên nên các pháp mới sinh nghĩa là ánh sáng thấy; trong ấy có gì đáng mừng ư? Lại hành-giả thấy pháp được mừng đều liền bại hoại, thời diệt thô mừng. Lại hành-giả lại còn cầu đại-su, chẳng dùng ánh sáng thấy các pháp làm gì, vậy nên chẳng sinh mừng. Lại hành-giả vì thấy diệt tướng là lợi, nên chẳng cho ánh sáng thấy các tướng là đáng mừng. Lại hành-giả này tu tập tịch-diệt để muốn dứt hết phiền não, nên chẳng sinh mừng, nhờ các điều kiện này nên mới năng diệt được mừng thô. Lại có Định-nạn sợ hãi: Hành-giả thấy duyên đáng sợ nên sinh sợ-hãi. Thế-gian có bao nhiêu điều đáng sợ-hãi hành-giả đều thấy hết. Đối với trong những việc ấy đều phải nghĩ kỹ vô thường bại hoại, chẳng nên tùy theo nó vậy. Tại vì sao? Vì trong pháp tọa-Thiền có thấy những nhân-duyên này là việc khá sợ, chẳng nên vì đó mà sinh sợ hãi, vì việc

ấy đều hư-vọng trống-không, như huyền-thuật có thể gạt phàm phu chứ chẳng phải chân thật vậy. Suy nghĩ như vậy là lia được sợ-hãi. Lại nương không pháp thời không sợ-hãi. Lại khởi nghĩ như vậy: Do sức ta tu nên mới cảm hiện tướng lạ này, chẳng nên sợ hãi. Và tự nghĩ thân có các công-đức trì-giới đa-văn đầy đủ, không nhân-duyên nào có thể gia hại ta được, nên chẳng sợ hãi. Lại hành-giả này vì vui Đạo-vị, nên chẳng tiếc thân mạng nào còn sợ gì nữa? Lại tâm người này thường ở trong chánh-niệm, vậy nên việc sợ hãi chẳng thể chen vào được. Lại nghĩ tướng mạnh mẽ nên chẳng sợ-hãi. Sợ hãi là tướng khiếp-nhược. Dùng những pháp như vậy để diệt trừ sợ-hãi.

Lại có Định-nạn chẳng điều thích; Là hành-giả có bệnh nóng lạnh thầy; hoặc các nhân-duyên mệt mỏi mắt ngủ khiến thân chẳng điều thích. Hoặc có các phiền não tham buồn ganh-ghét thầy khiến tâm chẳng điều thích, nên mất thiền-định. Vậy nên hành-giả phải tự lo hộ-vệ thân tâm cho được điều hòa thỏa-thích. Lại có Định-nạn dị-tướng: Chỗ gọi tướng nhóp và tướng chẳng nhóp hay làm loạn thiền-định, như tướng bố-thí thầy. Lại có Định-nạn chẳng bình đẳng: chỗ gọi tinh tiến, hoặc mau hoặc chậm. Mau thời thân tâm mỗi mệt; chậm thời chẳng lấy được Định-tướng, đều trụt lui mất Định, như bắt chim, mau thời mỗi mệt, chậm thời bay mất. Lại như điều hòa giầy đàn, hoặc thảng hoặc dùng thời chẳng thành tiếng. Lại tinh tiến nếu mau thời mỗi khó rút ráo. Như Phật bảo ông A-Na-Luật rằng: “Người tinh tiến thời việc chẳng thành trở lại biếng nhác”. Tại vì sao? Vì nếu quá tinh tiến thời việc chẳng thành trở lại biếng nhác, tinh-tiến nếu chậm việc cũng chẳng xong. Vậy nên chẳng bình-đẳng cũng gọi là Định-nạn. Lại có Định-nạn vô-niệm: là chẳng nghĩ pháp lành; dù có nghĩ pháp lành lại chẳng phải chỗ sở thọ. Lại chẳng nghĩ Định-tướng mà nghĩ ngoại sắc. Đây gọi là chẳng nghĩ. Hành-giả nên nhất tâm tinh-tiến nghĩ pháp sở-thọ như tay bưng bát dầu đầy. Lại có Định-nạn điên đảo: Là người nhiều tâm dục chịu tu pháp từ-tâm; người nhiều giận dữ tu tập pháp bất tịnh. Hai mạng người trên quán mười hai nhân-duyên. Lại trong tâm chìm mà tu CHỈ., trong tâm động mà tu Tinh-tiến. Trong hai tâm này lại tu XÁ. Đây gọi là điên đảo. Lại có Định-nạn nhiều lời: Là nhiều giác-quán. Giác-quán là nhân của lời nói vậy. Lại vì tâm chẳng vui bắt buộc ở tại cảnh duyên. Lại có Định-nạn chẳng lấy tướng: Tướng có ba thứ, chỗ gọi: Chỉ tướng, tiến tướng và xả-tướng. Lại có ba tướng nữa: Là định tướng, trụ tướng và khởi tướng. Hành-giả chẳng rành phân biệt những tướng như thế, nên mất thiền-định. Lại có định nạn: như nói ta đây vào Định được, mà kẻ kia chẳng vào được, gọi là kiêu mạn. Hoặc nói kia năng mà đây bất năng, gọi là bất như mạn. Hoặc chưa được Định mà tự bảo là đã được, là tăng thượng mạn. Đối với Định bất diêu mà sinh tướng diêu, gọi là tà-mạn. Lại pháp tham thầy cũng gọi định nạn. Như trong kinh nói: “Nếu hành-giả một pháp thành-tự thời chẳng năng quán mắt vô thường”. Chỗ gọi tham đó vậy .

Hỏi: Tất cả những người chưa ly dục, đều chẳng năng quán mắt vô thường sao?

Đáp: Lời ấy có chút lỗi. Nên nói hiện tại khởi tham chẳng năng quán mắt vô thường. Lại trong thành tựu mà có sai khác: Có người tham thấy dày nặng thường đến ở tâm, thời hay chướng Định; hoặc mỏng mà chẳng thường, thời chẳng lấy làm khó. Lại trong kinh nói mười ba ác pháp đều gọi Định-nạn. Mười ba bạch pháp đều là thuận-Định. Chỗ gọi Phật nói: “Nếu chẳng dứt ba pháp thời độ già, đau, chết chẳng được”. Là tham, nhuế, si. Nếu chẳng dứt ba pháp ấy thời chẳng năng dứt tham, nhuế, si là thân kiến, giới thủ, nghi. Lại có ba pháp là tà-niệm, tà-hành, tâm chìm lại có ba pháp nhớ quấy chẳng an huệ loạn tâm. Lại có ba pháp là điệu hý, chẳng giữ các căn, phá giới. Lại có ba pháp là bất tín, tà giới, biếng nhác. Lại có ba pháp là chẳng mừng người lành, ghét nghe chính-pháp, ưa xoi lỗi người. Lại có ba pháp là chẳng cung kính, khó cho lời phải, quen ác tri thức. Nếu chẳng dứt ba pháp thời chẳng dứt được chẳng cung kính, khó cho lời ác tri thức, nghĩa là không hổ, không trên, buông lung, nếu dứt được không hổ, không trên, buông lung thời dứt được chẳng cung kính khó cho lời phải quen ác tri thức, cho đến dứt được thân kiến, giới thủ, nghi thời dứt được tham, nhuế, si độ già, đau, chết. Trong đây độ già, đau chết là vô dư Niết-Bàn; dứt tham, nhuế, si là quả A-La-Hán. Hữu-dư Nê-Hoàn. Dứt thân kiến, giới thủ, nghi là ba quả Sa-môn. Dứt tà-niệm, tà-hành, tâm chìm là ở trong Noãn thấy đạt phần thiện căn. Dứt nghĩ nhớ quấy, chẳng an huệ, loạn tâm là tu tứ-ức-niệm-xú. Dứt điệu hý, chẳng giữ các căn, phá giới là thọ giới xuất-gia. Dứt chẳng mừng người lành, ghét nghe chính pháp, ưa xoi lỗi người, chẳng tin tà-giới, biếng nhác, chẳng cung kính, khó cho lời phải, quen ác tri thức, không hổ, không trên, buông lung tại là tại gia thanh-tịnh.

Tại vì sao? Vì nếu người ở chỗ riêng làm ác mà chẳng biết xấu hổ, gọi là không hổ, người này về sau ác tâm càng tăng ở giữa chúng mà làm các cũng không chút trên, gọi là không trên. Mất gốc pháp lành của hai bạch-pháp này nên thường đuổi theo ác-pháp gọi là buông lung. Bởi thành tựu ba ác pháp này nên chẳng chịu vâng lãnh những lời giáo-huấn của các bậc Sư-trưởng Tôn-quí, gọi là không cung kính. Chống trả lời Thầy dạy, gọi là khó cho lời. Như thế xa lìa Sư-trưởng, gần gũi ác-nhân gọi là quen ác-tri-thức. Với trong ấy từ không hổ sinh không cung kính: từ không trên sinh khó cho lời; từ buông lung sinh quen ác-tri-thức, nên sinh bất-tín, mà thọ pháp tà giới, thường quen người ác, rồi họ mới dạy cho điều bất tín rằng: “làm ác là quả báo”. Hoặc nghe nói làm ác bị quả-báo, liền chịu thọ hành giới pháp gà chó thấy, mong chóng hết tội. Thọ hành giới pháp này chẳng ngờ có chút lợi lại sinh biếng nhác, vì biếng nhác nên chẳng ưa người lành, cho rằng không phải kẻ hành-giả chân-thật hành chính. Cũng ghét nghe chính pháp, cho rằng tu chính-pháp đều như tà-pháp không được lợi ích. Bởi tâm vẫn dục nên ưa xoi lỗi người, cho rằng pháp mà kẻ kia tu đều như pháp mình trọn không được gì cả. Như vậy chẳng

uốn dẹp được phiền não nên tâm hỷ-điệu. Vì hỷ-điệu nên chẳng nhiếp các căn thời có thể phá-giới, vì phá giới nên sinh nghĩ nhớ bậy, mà hành chẳng an huệ tâm chí tán loạn liền sinh tà niệm, nên liền tu tà-đạo. Khi tu tà-đạo chẳng được lợi ích, nên tâm mê-mờ. Tâm chẳng sáng suốt, nên chẳng dứt được ba gút. Chẳng dứt ba gút, nên chẳng dứt được tham thấy các phiền não, bệnh thấy các suy kém. Cùng với những thứ vừa kể trên trái lại nhau, thời gọi là bạch pháp tức là pháp trắng sạch.

Lại có Định nạn buồn rầu: Hành-giả sinh ý nghĩ: Ta đã duyên tâm cũng chẳng vui. Lại tham thấy các phiền não che, cũng đều gọi Định nạn. Tóm tắt mà nói: cho đến áo mặc, ăn uống, hết thấy các pháp nó làm giảm bớt thiện căn, tăng-trưởng bất-thiện đều gọi là Định nạn tức khó khăn tu Định. Nên cần phải giác sát tìm biết siêng năng cầu mong bỏ là.

PHẨM CHỈ-QUÁN THỨ 187

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật thường bảo các Tỳ-kheo: “Hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở chỗ dưới cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, nên nghĩ hai pháp là CHỈ và QUÁN.” Nếu tất cả các pháp thiên-định đều nên nghĩ nhớ, tại sao chỉ nói CHỈ-QUÁN thôi?

Đáp: CHỈ là ĐỊNH, QUÁN là HUỆ. Tất cả pháp lành nào do tu mới sinh thì đều nhiếp thuộc trong hai pháp ấy. Và còn ở tản tâm mà có các tuệ nghe nghĩ cũng nhiếp trong pháp này, vì hai pháp này năng thành xong đạo pháp. Tại vì sao? Vì quả có thể ngăn gút; QUÁN có thể dứt, CHỈ như nắm cỏ, QUÁN như liềm cắt, CHỈ như quét đất; QUÁN như trừ phần. CHỈ như cào nhóp; QUÁN như nước rửa. CHỈ như nước làm thấm; QUÁN như lửa làm chín. CHỈ như mụn phụ ung; QUÁN như dao khoét, CHỈ như khơi mạch; QUÁN như chích máu. CHỈ là ngăn tâm động; QUÁN như khơi tâm chìm, CHỈ như vẩy nước vàng; QUÁN như đem lửa nung, CHỈ như giầy buộc đất; QUÁN như dùng dao nạo. CHỈ như lấy nhiếp nhổ gai; QUÁN như kéo dao cắt tóc. CHỈ như áo giáp; QUÁN như gậy binh. CHỈ như đứng bằng; QUÁN như lấy tên. CHỈ như uống dầu; QUÁN; như uống thuốc. CHỈ như nhồi đất; QUÁN như ấn in; CHỈ như rèn vàng; QUÁN như đúc đồ. Lại chúng-sinh thế-gian đều đọa hai bên hoặc khổ hoặc vui. CHỈ năng bỏ vui; QUÁN năng lià khổ. Lại trong bảy Tịnh: Giới-tịnh, tâm tịnh là CHỈ; còn năm pháp kia là QUÁN trong tám đại nhân giác: sáu giác là CHỈ; hai giác là QUÁN. Trong bốn ức-xứ, ba ức-xứ là CHỈ; ức-xứ thứ tư là QUÁN, Bốn như-ý-túc là CHỈ; bốn chính cần là QUÁN. Trong năm căn: bốn căn là CHỈ; huệ căn là QUÁN. Năm lực cũng vậy. Trong bảy giác phần: ba giác phần là CHỈ; ba giác phần là QUÁN; còn niệm-giác-phần chung cả hai. Trong tám chính đạo phần: ba phần là giới; hai phần là CHỈ, ba phần là QUÁN. Giới cũng thuộc CHỈ. Lại CHỈ năng dứt tham; QUÁN trừ vô-minh. Như

trong kinh nói: “Tu CHỈ là tu tâm; tu tâm là dứt tham thọ. Tu QUÁN là tu huệ: Tu huệ thời vô-minh dứt”. Lại vì lìa tham nên tâm được giải thoát; Vì lìa vô-minh huệ được giải thoát. Giải thoát được hai món ấy lại không còn việc gì nữa nên chỉ nói hai pháp ấy.

Hỏi: Nếu CHỈ-QUÁN năng tu tâm tu huệ; vì tu tâm huệ nên dứt tham và vô-minh. Mà sao Định nói CHỈ năng tu tâm, năng dứt tham ái; QUÁN năng tu huệ năng dứt vô-minh?

Đáp: Kẻ tán-tâm các tâm nối nhau đi trong sắc thấy. Tâm nối nhau này được pháp CHỈ thời dứt, nên nói CHỈ năng tu tâm. Do dứt tâm sinh trí nên nói QUÁN năng tu huệ. Vì sinh QUÁN rồi sau mới có tu, nên đều gọi tu huệ. Sơ huệ gọi là QUÁN, sau mới gọi là huệ. Như trong kinh nói: “Tu CHỈ năng dứt tham”. Là nói ngăn dứt. Tại vì sao? Vì với trong sắc thấy ngoại-dục sinh tham, nếu được thuốc CHỈ thời chẳng năng sinh lại. Như trong kinh nói: “Hành-giả khi được tịnh-hỷ, la bỏ bất-tịnh-hỷ”. Nếu nói vô-minh dứt là dứt rốt ráo. Tại sao biết được? Vì vô-minh dứt nên tham thấy phiền não dứt hẳn không còn. Trong kinh cũng nói lìa tham nên tâm được giải thoát gọi là ngăn-dứt. Lìa vô-minh nên huệ được giải thoát, gọi là rốt ráo dứt. Có hai món giải thoát: thời gian giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời gian giải thoát là ngăn dứt; bất hoại giải thoát là rốt-ráo dứt.

Hỏi: Thời giải thoát là ngũ-chủng A-La-Hán vô lậu giải thoát bất hoại giải thoát là bất-hoại pháp A-La-Hán vô-lậu giải thoát. Mà tại sao chỉ nói ngăn dứt ư?

Đáp: Đây chẳng phải vô-lậu giải thoát. Tại vì sao? Vì thời-giải thoát là chỉ nhờ thượng lực chút thời ngăn gút mà chưa năng dứt hẳn được, về sau phát sinh lại, nên chẳng phải vô-lậu. Lại giải thoát này gọi là thời, là ái giải thoát, chứ lậu-tận A-La-Hán không còn chỗ khả ái.

Hỏi: Nếu vậy là không có Thánh sở-ái-giới?

Đáp: Vì các học-nhân chưa hết lậu nên ngã-tâm thỉnh-thoảng phát khởi, vậy nên đối với giới sinh ái, chứ chẳng phải A-La-Hán ngã tâm đã diệt hẳn mà sinh ái lại vậy.

Hỏi: Cù-Đề A-La-Hán với thời giải thoát sáu phen trụt lui mắt; lo sợ lui lần thứ bảy nên lấy dao tự sát. Nếu mắt hữu-lậu chẳng đến nỗi tự sát. Nên biết thời giải thoát chẳng gọi hữu-lậu?

Đáp: Người này lui mắt sở-dụng dứt gút thiên-định ở trong định ấy sáu phen lui mắt, đến phen thứ bảy lại được Định ấy lại, mới bèn muốn tự sát. Bây giờ liền

chúng được Đạo A-La-Hán. Vậy nên ma-vương bảo nhau rằng kẻ học nhân chết đi quanh bốn phía thầy để tìm Thức nó chạy ra. Rồi đến thưa Phật rằng: Bạch Thế-Tôn! Đệ-tử của Ngài tại sao lậu chưa hết mà chết? Đức Phật nói: Người ấy đã nhổ gốc ái, được vào Nê-Hoàn.

Hỏi: Nếu dứt tham gọi ngăn dứt ấy. Trong kinh nói: Từ tham tâm được giải thoát; từ nhuế si huệ được giải thoát.” Lại nói: “Từ dục lậu tâm được giải thoát”. Như vậy đều nên gọi là năm giải thoát, chứ chẳng phải thật giải thoát?

Đáp: Trong ấy cũng có nói dứt vô-minh, nên mới biết là rốt ráo giải thoát. Như nói dứt tham: hoặc là ngăn dứt, hoặc rốt ráo dứt. Nếu chẳng sinh chân trí thời là ngăn dứt; tùy sinh chân trí là rốt ráo dứt. Chứ không có dùng pháp CHỈ mà dứt rốt ráo dứt tham được. Nếu như vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham? Mà thật chẳng phải vậy. Nên chẳng phải vậy. Nên biết vẫn là ngăn dứt.

Hỏi: Trong kinh nói: “Dùng CHỈ tu tâm nương QUÁN được giải thoát; dùng QUÁN tu tâm nương CHỈ được giải thoát”. Việc ấy thế nào?

Đáp: Hành-giả, hoặc nhờ thiên-định sinh duyên diệt trí, đây là dùng CHỈ tu tâm nương QUÁN được giải thoát. Hoặc dùng tâm phân-biệt âm, giới, nhập thấy, nhờ đây được duyên diệt dứt; đây là dùng QUÁN tu tâm nương CHỈ được giải thoát. Nếu được niệm xứ thấy đạt phần nhiếp tâm thời đều tu CHỈ QUÁN. Lại tất cả hành-giả đều nương hai pháp này được diệt tâm giải thoát.

PHẨM TU-ĐỊNH THỨ 188

Hỏi: Ông nói tu tập Định. Định-tâm này là niệm niệm sinh diệt làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tu niệm niệm diệt, nhờ tu tập nên có tài-năng khác thường, tùy tu tập lâu dần tăng tiến điều lợi kiên-cố dễ nhớ, như đọc tụng thấy. Nên phải biết ý nghiệp tuy niệm niệm diệt nhưng có thể tu tập, như lửa năng biến sống thành chín; nước năng xoi đá; gió năng thổi vật. Như vậy những pháp niệm niệm diệt đều có sức nhóm họp. Lại tùy-tập phiền não thời tùy đó mà hừng thịnh, như người đời lung quen dâm-dục thời tâm thành đa-dục. Nhuế si cũng vậy. Như trong kinh nói: “Nếu người tùy nghĩ việc gì, thời tâm hướng theo việc đó, như thường tùy dục-giác, thời tâm hướng theo dục”. Hai giác kia cũng vậy. Nên biết tâm này tuy niệm niệm diệt mà cũng có thể tu tập. Lại tư gọi là tăng-trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng-trưởng. Như trong kinh nói: “Hành-giả bởi tà niệm nên dục thấy các lậu chưa sinh thời sinh; đã sinh tăng trưởng nghĩa là từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, như hột giống, mộng cộng nhánh lá hoa trái và hột”. Hiện thấy đều từ nhân lần-lữa tăng-trưởng; pháp định-huệ thấy cũng nên như vậy. Lại

hiện thấy ướp mè, hương nó càng tăng: hương ấy và mè niệm niệm chẳng mà có sức ướp. Nên biết pháp niệm niệm cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ hoa hương không có tâm trụ đến xông ướp. Dem tứ niệm niệm diệt mà đến tu tập, thì làm sao ví dụ được?

Đáp: Không có trụ pháp. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên chẳng còn đem nạn được. Lại nếu pháp chẳng niệm niệm diệt., thời không tu tập được, tức thể thường trụ tu tập ích gì? Nếu pháp niệm niệm sinh diệt do hạ, trung, thượng nên mới có tu tập.;

Hỏi: Các hoa đến mè năng ướp; trí chẳng đến tâm nên không tu tập?

Đáp: Trong ví dụ trên nghiệp đã nói rõ việc này. Chỗ gọi hậu nghiệp chẳng đến tiên nghiệp. Lời nói trước chẳng đợi lời nói sau; mà thân-khẩu-nghiệp cũng vẫn có tướng tu. Vậy nên người nói chẳng đến chẳng tu, chẳng gọi là nạn vẫn được. Lại hiện thấy nhiều quả tuy chẳng đồng thời, nhưng cũng được do nhân có quả. Như vậy tâm pháp tuy niệm niệm diệt, mà vẫn có tu tập được. Lại như giống được có nước tuy chẳng đến mộng thấy, nhưng cũng vẫn khiến mộng thấy thấm nhuần tươi tốt. Như vậy tu tập trí-huệ trước tâm sau tăng trưởng lẫn nhau.

Hỏi: Nếu mè niệm niệm diệt thời sinh mè khác; mè này là ướp mà sinh hay chẳng ướp sinh? Nếu chẳng ướp sinh, trọn không có ướp. Nếu ướp mà sinh ấy lại cần gì ướp cho lâu?

Đáp: Vì nhân ướp vậy. Như giống được nước thời mộng thấm nhuần tươi tốt. Như nhân hoa trước hiệp lại mà sinh mè khác, vậy thời do ướp sinh. Người nói cần gì ướp lâu: như trong kinh của người nói: “Bồi lửa hiệp lại phát diệt tướng đen vì trần sinh tướng đỏ”. Nếu lửa đầu mới hiệp pháp diệt tướng đen ấy, lẽ chẳng nên sinh lại tướng đen. Nếu lửa đầu mới hiệp pháp sinh tướng đỏ ấy, lại cần gì lửa sau phải hiệp nữa? Nếu khi lửa đầu hiệp tướng đen sinh, tướng đỏ lẽ trọn chẳng sinh; hoặc khi thứ hai tướng đỏ sinh, lại cần gì lâu hiệp với lửa? Nếu ý người bảo tướng đỏ sinh dần. Tâm cũng như thế, đâu có lỗi gì ư? Hư hoại thấy cũng như vậy. Lại các pháp tuy có nhân-duyên nhưng cũng thứ lớp sinh, như thọ thai thấy dần dần thành thân; như giống rễ thấy cũng lần lửa mà sinh. Như vậy các pháp định huệ thấy tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng do pháp hạ trung thượng thứ lớp mà sinh. Lại tu pháp màu nhiệm dị tâm nối nhau, như màu nhiệm của móng lông tóc làm cho trứng biến dần; như vì nóng của da tay nên cán búa mòn dần đến hết.

Tâm cũng như vậy, định huệ màu nhiệm nên lần nữa tu tập. Lại pháp tu đến thời mới biết. Như lời kệ nói: một phần theo Thầy lành; một phần nhờ Bạn được; một

phần tự suy nghĩ; một phần đợi thời chín. Nếu có người tuy đọc tụng suốt ngày chẳng minh liễu được, như thời chín ấy, như đem nhiều hoa một thời xông ướp mè, chẳng bằng ít hoa dần dần ướp lâu. Dầu nước thấm nhuần vào tường vách dày thảy cũng đều như thế. Hiện thấy giống rễ mộng thảy tăng trưởng màu nhiệm hãy chẳng thấy được, lớn lên từng ngày chừng bằng đầu sợi lông. Thân trẻ nít thảy; bơ sữa thảy chín mùi cũng lại như thế. Nên biết pháp tu hành màu nhiệm khó mà hiểu biết được.

Hỏi: Hoặc có pháp nhất thời gấp nhóm: Như có người xưa nay chẳng thấy sắc, mà thấy sắc là đấm nhiễm ngay. Cũng có kẻ chút thời nhiều điều thông đạt. Mà tại sao chỉ nói lần nữa tu tập?

Đáp: Đây đều là quá-khứ từng tu tập nên biết chứa nhóm sự tu tập lần nữa. Việc này đã nói rõ. Lại chẳng chỉ phát tâm mà có được thành xong sự nghiệp. Như trong kinh nói: “Nếu đối với pháp lành chẳng năng siêng tu tập mà chỉ mong muốn chẳng thọ các pháp, với trong các lậu tâm muốn được giải thoát, thời ý nghĩ người này trọn chẳng mãn nguyện, vì chẳng năng siêng tu pháp lành vậy”. Hành-giả, nếu năng siêng tu-pháp lành dù chẳng phát nguyện, tâm cũng được giải thoát các lậu vì do từ nhân sinh quả chẳng cầu nguyện vậy, in như chim sẻ cần lo ấp trứng, chẳng cần nguyện cầu chim con từ trứng vợ mà ra. Lại chẳng vì nguyện nên đèn sáng trong treo, mà cần đầy đủ đèn trong tim sạch, không vật gì xúc động sáng mới trong treo. Lại chẳng những nguyện nên năng được lúa tốt, mà quyết phải ruộng màu, giống tốt thời tiết thuận hòa, nông thôn đầy đủ mới có thu hoạch.

Lại chẳng những nguyện sông nên thân được sức mạnh, mà cần phải uống thuốc bổ, ăn những thức ngon bổ thảy các duyên mới được đầy đủ sức lực. Như vậy chẳng những nguyện sông nên năng được hết lậu, mà cần phải trần-trí mới được giải thoát. Có đâu kẻ trí nhận biết do nhân sinh quả, mà bỏ nhân để chạy theo viển vông để cầu quả. Lại pháp tập hiện thấy được quả-báo. Như trong kinh Phật nói: “Không cần bảy ngày, Ta dạy Đệ-tử cho đến tu tập pháp lành chừng giây lát rồi ở trong nhiều đời thường được hưởng vui”. Lại các Tỳ-kheo-ni thưa A-Nan rằng: “Bạch Đại Đức! Chị em chúng tôi khéo tu-niệm-xứ nghiệm biết khác hơn lúc ban sơ”. Lại trong kinh Phật bảo các Tỳ-kheo: “nếu người không tâm đua dọc về đây với Ta, Ta vì nói pháp ban mai, khiến cho ban chiều được lợi; nói pháp ban chiều khiến cho sáng được lợi”. Lại nếu người được Đạo A-La-Hán, thời không cùng kẻ khác, cũng chẳng cùng với phi-nhân. Chỉ riêng tu chính-nhân nên được lợi ấy. Lại vô-thượng Phật-Đạo còn phải cần chứa nhóm tu tập pháp lành mới chứng được, huống là những việc khác! Như trong kinh Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nương nhờ hai pháp mới được Đạo vô-thượng: một là vui tu hành không chán; hai là tu Đạo chẳng mỏi”. Đức Phật đối với pháp lành trọn không hạn lượng. Lại các vị Bồ-Tát

dù chẳng được Định cũng chẳng biếng mỏi. Tại vì sao? Vì nếu chẳng làm lành thời không được gì hết. Làm lành cũng chẳng khoe nhau. Kẻ chẳng làm lành quyết không yên-ôn. Suy nghĩ đầy ròi, thời siêng năng tinh-tiến tu tập pháp lành. Nếu phát tâm tinh-tiến hoặc đắc hoặc thất; kẻ chẳng tinh-tiến hẳn không có hy-vọng. Vậy nên phải siêng năng tu tập, đừng sinh biếng-nhác.

Lại kẻ trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ pháp tu tập không còn phương-tiện nào khác. Vậy nên kẻ trí phải siêng tu tập đừng sinh biếng nhác. Lại hành-giả nghĩ tu chính-hành chắc có quả-báo, tuy chưa được liền chẳng lấy làm lo. Lại hành-giả nên nghĩ: Ta đừng được quả-báo tu tập, vì chúng-sinh xưa nay đều được tất cả thiên-định, nay ta chính tu cũng chắc sẽ được. Nên chẳng biếng nhác. Lại chính-hành ấy, lấy Phật làm chúng-minh: Ta nay chính-hành, nên biết chắc được. Lại ta được đầy đủ nhân duyên đắc Đạo là: được làm thân người, các căn đầy đủ, rõ biết tội phước, cũng tin giải thoát, gặp thiện-tri-thức. Đủ những duyên may này, làm sao tu tập chẳng được quả? Lại chính hành tinh-tiến trọn chẳng luống bỏ, nên chẳng nhàm mỏi. Lại phiền não mòn mỏi dứt khó biết như cán búa lần mòn đến hết; các phiền não ta cũng phải dứt mòn, nhưng vì nhỏ nhiệm nên không thể biết hết được. Nên biết tu thiện tinh-tiến là hơn hết. Lại chút trí còn có thể trừ tối. Như vậy chỉ được chút trí thời là xong việc, nên chẳng nhàm mỏi. Lại lâu mà khó thành chỗ gọi đắc Định. Nếu đắc Định rồi thời các công phu khác chẳng bao lâu. Vậy nên tuy chẳng mau đắc, quyết chẳng nhàm mỏi. Lại hành giả nên nghĩ đắc Định rất khó, như Bò-Tát xưa phước huệ sâu dày mà phải tinh-cần đến sáu năm mới chứng được! Còn các Tỳ-kheo đắc Định cũng khó, huống là chúng ta phàm phu bạc-phước độn-căn thiên-trí mà năng mau được ư? Nghĩ như vậy rồi chẳng sinh nhàm mỏi. Lại điều tất yếu của các hành-giả phải là tu Định, lại không còn nghiệp khác hơn, nên dù được cùng chẳng được vẫn cần phải tu tập. Lại kẻ tu tập dù chẳng được Định, nhưng cũng gọi thân được xa lìa. Thân xa lìa rồi thời dễ được Định. Lại nếu Định thời chẳng bỏ ơn Phật. Mà cũng vì tu hạnh xa lìa mới được mang tên hành-giả.

Lại tu tập thiện-pháp đã lâu thời thành thiện-tính, cho đến chuyển mang thân khác thiện-pháp ấy vẫn thường đeo theo, nên được thường cùng thiên-nhân gặp nhau, đây là đại lợi. Lại kẻ thường tu thiện hoặc ngay thân này chắc được hết lậu; hoặc chính khi lâm-chung được hết; hoặc sau khi mạng chung hóa sinh về thiên-xứ ở trong ấy được hết như trong văn-pháp-lợi đã nói. Lại trong tâm hành-giả phát khởi tướng dũng-mãnh nghĩ như vậy: Nếu ta chẳng phá nổi trận giặc phiền não này quyết chẳng trở về không. Lại hành-giả nương tâm kiêu-mạn mà sinh ý nghĩ này: Kẻ khác có tín thấy các căn-lành nên năng được Định, ta nay tại sao lại có cái chẳng được? Như Bò-Tát xưa từ khi làm tiên-nhân A-La-Lạ thấy nghe pháp khởi nghĩ như vậy: Người này có tín thấy các căn lành, nên năng được Pháp này; Ta nay cũng có, mà tại sao lại chẳng được? Lại hành-giả biết thể phiền não yếu ớt, sức trí-

huệ mạnh mẽ, diệt nó đâu khó gì? Như nói Tỳ-kheo thành-tựu sáu pháp, có thể đem gió miệng thổi tan núi Tuyết, huống là thứ vô-minh chết. Lại hành-giả sinh nghĩ: Do đời trước ta chẳng tu Định, nên nay chẳng thể được; nay nếu chẳng siêng tu sau lại chẳng được luôn, nên phải siêng tu tập. Lại vì thường tu Định nên tâm được trụ-xứ như chiếc bình lăn chẳng dừng chắc phải có chỗ trụ. Lại hành-giả sinh nghĩ: Nếu ta thường sinh tinh-tiến, hoặc được chẳng được, sau khởi ăn-năn. Vậy nên phải nhất tâm siêng năng tu tập các Định.

Thành Thật luận hết quyển 18

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 19

PHẨM TRÍ-TƯỚNG

TRONG TRÍ LUẬN NHÓM ĐẠO ĐỀ THỨ 189

Chân-huệ gọi là trí. Chân là không, vô-ngã. Trong ấy trí huệ gọi là chân-trí; huệ trong giả-danh là tướng chẳng phải trí. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Như dao năng cắt”. Đệ-tử Phật lấy dao trí-huệ năng cắt đứt: gút, trói, khiến, buộc tất cả phiền-não, chứ chẳng nói pháp nào khác. Chẳng phải chẳng thật mà năng đứt phiền-não được. Nên biết trí-huệ là thật.

Hỏi: Ông chỉ nói năng đứt phiền-não. Việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì tướng cũng năng đứt các phiền-não. Như trong kinh nói: “Khéo tu tướng vô-thường là năng phá dục-nhiễm, sắc nhiễm, và vô-sắc nhiễm, tất cả hý-diệu, kiêu mạn, vô-minh?”.

Đáp: Chẳng phải lẽ. Huệ mới đứt phiền-não, lấy tên tướng mà gọi. Phật có hai lời nói: một thật ngữ; hai danh-tự ngữ. Như trong kinh nói: “Từ tâm đứt giận dữ”. Mà thật chẳng phải từ pháp đứt gút, duy trí mới năng đứt. Như nói dao trí đứt các phiền-não. Nên biết nói “từ năng đứt giận dữ” là danh tự ngữ. Lại nghĩa trong kinh nói hiểu biết nên gọi tuệ. Năng hiểu biết việc gì? Là sắc vô-thường như thật biết vô-thường; thọ tướng hành thức vô-thường như thật biết vô-thường. Đây là trí huệ. Lại nói Đệ-tử Phật là kẻ tu Định nhiếp tâm như thật thấy biết. Vậy nên biết duyên Đệ nhất nghĩa gọi là trí huệ. Lại trong ví dụ, trí tuệ gọi là con trí dao-huệ mũi tên

thầy. Trong dụ này đều chỉ rõ nghĩa dứt trừ phiền-não, duy chân trí huệ mới có thể dứt phiền-não. Nên biết trí tuệ là thật. Lại trong kệ nói: Hành-giả thấy thế-gian, tất cả các Thiên-nhân, vì mất chân trí, tham đắm nơi danh sắc. Thế-gian phần đông chấp hư vọng cho là Thường-Lạc-Tĩnh thầy gọi là mất chân trí. Nếu thấy chân thật không, vô ngã thầy gọi được chân trí. Nên biết trí huệ thật. Lại trong kinh Phật nói: “Nhu người mất của gọi mất tiểu lợi. Nếu mất trí tuệ gọi mất đại lợi”. Lại nói: “Vớ trong các lợi của là lợi nhỏ mọn: Huệ là lớn lao”. Lại nói: “Vớ trong các sáng, nhật nguyệt sáng nhỏ, tuệ sáng đệ nhất. “Nếu tuệ chẳng phải thật, Phật vì sao phải nói lên như thế ấy? Lại trong kinh nói huệ căn nhiếp thuộc Thánh đế. Lại nói Khổ Tập trí thầy phải biết chân thật, quyền đệ nhất gọi là tí tuệ. Lại nói, vớ trong các pháp trí tuệ là thượng. Lại nói Vô-thượng-Chánh-Biến-Tri, cũng nói tuệ-nhãn. Nên biết trí tuệ là thật, vì duyên đệ-nhất-nghĩa.

Hỏi: Nếu vậy thời không có thế gian trí-tuệ?

Đáp: Thế-gian thật không có trí-tuệ. Tại vì sao biết? Vì tâm thế-gian duyên giả-danh; mà tâm xuất-thế-gian mới duyên không, vô-ngã. Tại vì sao? Vì thế gian là giả danh; mà vượt khỏi giả-danh mới gọi xuất-thế-gian.

Hỏi: Ông nói chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì trong kinh nói: “Thức biết chỗ nào? Là biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp”. Như vậy âm, giới, nhập thầy đều nhờ Thức biết. Nay biết này đều nên gọi là xuất-thế-gian. Vậy nên ông nói tâm thế-gian duy duyên giả danh chẳng năng duyên thật. Việc này chẳng phải lẽ. Lại ý-thức cũng năng duyên thật, vì năng duyên thọ, tưởng, hành thầy vậy. Lại Phật nói hai món chính-kiến: thế-gian và xuất-thế-gian. Thấy có phước tội thầy gọi là thế-gian. Như thánh đệ-tử duyên Khổ-Tập-Diệt-Đạo, vô-lậu niệm tương ưng tuệ gọi là xuất-thế-gian. Lại trong kệ nói: Được Chính-kiến trên đời, dù qua lại sinh tử, trải đến trăm ngàn đời, thường chẳng đọa ác đạo. Lại trong kinh nói: “Kẻ tà-hành được sinh về chỗ lành”. Người này tội nghiệp chưa thành, mà duyên lành chính trước, hoặc chính khi chết chính-kiến tương-ưng, thiện-tâm, hiện tiền, nên được sinh chỗ lành. Lại trong thập-thiện-đạo cũng có nói chính kiến. Ông nói sao không thế-gian trí? Lại Phật tự nói có ba món tuệ: văn-tuệ, tư-tuệ và tu-tuệ. Văn-tuệ tư-tuệ đều là thế-gian, mà tu-tuệ gồm cả hai. Lại Phật sinh nghĩ: Tỳ-kheo La-Hầu-La chưa có thể thành tựu được tuệ giải thoát. Lại nói có năm pháp có thể khiến tâm chưa thể thành-thục giải thoát được thành-thục. Đấy đều là trí-tuệ thế-gian. Lại trong kinh nói: “Có người năng ra mà chẳng năng xem; có người năng xem mà chẳng năng ra”. Được thế-gian trí nên gọi năng ra; chưa thấy tứ-đế nên chẳng năng xem. Nếu thấy tứ-đế mà chưa được hết lậu nên gọi chẳng năng qua. Lại Phật tự nói: Pháp-trí, tỳ-trí, tha-tâm-trí, thế-trí. Lại nói: Túc-mạng-trí, sinh-tứ-trí. Đều là hữu-lậu. Lại nói:

pháp-trụ-trí. Nê-Hoàn-trí. Do trong kinh nói có như thế thầy. Nên mới biết có hữu-lậu-trí?

Đáp: Nếu có trí-tuệ hữu-lậu, thì nay cần phải nói tướng sai khác của trí hữu-lậu và vô-lậu đi?

Hỏi: Nếu pháp “đọa có” gọi là hữu-lậu, mà khác đi thời vô-lậu.

Đáp: Pháp nào là “đọa có”, pháp nào chẳng “đọa có”, việc này nên phải đáp. Nếu chẳng đáp được thời chẳng phải tướng hữu-lậu và vô-lậu. Người nói có thế-gian tâm duyên chẳng phải giả-danh nghĩa là thức duyên các trần thầy. Việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì Phật nói phàm-phu thường chạy theo giả-danh. Nghĩa này vì tất cả tâm phàm-phu chẳng phá được giả-danh, nên thường chạy theo ngã-tướng trọn chẳng thể lia được; tuy thấy sắc chẳng lia được tướng cái bình thầy, nên tâm phàm-phu chẳng duyên thật nghĩa được. Dù có duyên thọ tướng thầy các pháp cũng vẫn thấy là ngã và ngã-sở. Nên biết tất cả tâm thế-gian đều duyên giả-danh. Người nói có các thế-gian trí-huệ là hai món chính-kiến thầy. Nay sẽ đáp: Tâm có hai thứ: si-tâm và trí-tâm. Duyên pháp giả-danh gọi là si-tâm; nếu chỉ duyên pháp nghĩa là không, vô-ngã gọi là trí-tâm. Như trong kinh nói để giải nghĩa vô-minh: “Vô-minh ấy: chẳng biết trước, chẳng biết sau, chẳng biết trước sau; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo trước sau. Như vậy thầy chỗ chỗ như-thật chẳng biết chẳng hiểu si vọng tối đen, nên mới gọi là vô-minh”. Như-thật chẳng biết ấy: Nghĩa là chẳng biết trống-không vô-ngã, vì là tâm phàm-phu thường ở trong giả-danh và duyên giả-danh nên gọi là vô-minh. Duyên “không” gọi là trí. Nay, nếu tất cả tâm thế-gian đều duyên giả-danh, vì tâm duyên giả-danh gọi là vô-minh, thời làm sao được nói thế-gian có trí-tuệ?

Hỏi: Ông nói trí-tuệ tướng duyên giả-danh gọi vô-minh ấy. Nay thấy A-La-Hán lẽ phải có vô-minh, vì cũng có tâm duyên cái bình thầy vậy?

Đáp: A-La-Hán không có tâm duyên cái bình thầy. Tại vì sao? Vì khi mới đắc Đạo đã phá vỡ các tướng giả-danh rồi. Nhưng chỉ vì sự dụng nên nói bình thầy mà chẳng chấp đắm kiêu-mạn. Có ba thứ lời: một do thấy sinh; hai do mạn sinh; ba do sự dụng sinh. Phàm-phu hoặc nói bình, hoặc nói người, những lời ấy đều do thấy sinh. Học nhân tuy không ngã-kiến, vì mất chánh-niệm nên với trong kinh Sai-Ma-Già đã nói. Sự dụng: Là A-La-Hán như Ngài Đại-Ca-Điếp thấy áo tăng-già-lê nói: Vật này của Ta Thiên-Thần sinh nghi? Phật giải-thích rằng: “Người ấy đã nhổ hẳn gốc mạn, đốt hết nhân-duyên làm sao có mạn? Nhưng vì danh-tự thế-gian nên nói thế thôi”. Nên biết A-La-Hán không có tâm cái bình thầy.

Hỏi: Nếu thế-gian không trí tuệ, mà nói hai món chính-kiến thấy, thời làm sao thông với kinh được?

Đáp: Đầy đều là tướng, lấy tên trí mà nói. Phật năng thông đạt thật tướng các pháp; tùy theo có thể độ chúng-sinh mới lập nhiều danh tự, như trí-huệ lấy tên thọ thấy mà nói, chỗ gọi thọ giả đối với các pháp được giải thoát. Cũng nói, khéo tu tướng vô-thường thấy năng phá tất cả phiền-não. Cũng nói nghiệp thứ tư chẳng đen chẳng trắng năng hết các nghiệp, chỗ gọi học tư. Lại nói, lấy ý dứt các tham đắm. Lại nói, tin năng qua sông, nhất tâm qua biển; tinh tiến trừ khổ, huệ năng thanh tịnh. Lại nói, mắt muốn thấy sắc, mắt thật không muốn chỉ tâm muốn thấy, lấy tên mắt mà nói.

Hỏi: Nếu thế gian trí thật là tướng ấy, tại sao gọi trí? Nếu không lý do mà nói gọi là trí, thời tất cả tướng đều phải gọi trí. Cũng nên nói có hai thứ tướng: một duyên thế đế; hai duyên đệ-nhất-nghĩa-đế?

Đáp: Chẳng phải lẽ. Tướng có nhiều thứ sai khác: có tướng rất ngu si, đến nỗi chẳng biết thiện ác. Có tướng ít si hơn nữa năng duyên tướng xương thấy. Chẳng lìa giả danh thời chẳng năng hoại tướng các ám. Tướng này năng thuận với trí hoại ám tướng, nên Phật gọi là trí. Thế-gian có lối nói quả trong nhân: như nói ăn vàng; thí người năm việc; gái làm cầu dơ giới pháp; bờ tốt ngòi xinh; pháp phục người vui. Lại trong kinh bảy lậu nói: “dụng đoạn thấy lậu-nhân gọi là lậu”. Lại nói, lấy ăn làm mạng; cỏ làm trâu dê. Cũng nói, áo cơm thấy vật đều là ngoại mạng. Như cướp của người tức là cướp mạng. Đầy đều nói nhân làm quả. Như vậy trí nhân nói là trí, nên không bị lỗi vậy.

Hỏi: Các niệm-xứ là trong Noãn pháp thấy, tâm năng duyên thật pháp là vô-lậu sao?

Đáp: Tâm vô-lậu năng phá giả danh. Vậy nên tùy tâm năng phá giả-danh, từ đây về sau gọi là vô-lậu.

Hỏi: Tâm đến bực nào năng phá giả-danh?

Đáp: Tùy năng thấy đầy đủ tướng ngũ-ấm sinh diệt, bấy giờ được vô-thường-tướng. Vô-thường-tướng năng khiến hành-giả đủ vô-ngã-tướng. Như nói; Thánh đệ tử dùng vô-thường-tướng tu tâm thời năng trụ vô-ngã-tướng; dùng vô-ngã-tướng tu tâm năng chóng được giải thoát tham sân si thấy. Tại vì sao? Vì nếu dùng vô-ngã-tướng tu tâm thời năng trụ khổ-tướng, vì ngã-tướng nên dù bị khổ vẫn chẳng biết. Vậy nên, nếu pháp vô-thường vô-ngã mà cũng khổ thời kẻ trí vẫn có thể rất sinh ghét nhàm. Nên vô-ngã-tướng năng đủ khổ-tướng.

Hỏi: Tại sao ông phá thuyết thứ lớp? Trong kinh nói: “Nhu vô-thường tức là khổ; khổ tức là vô-ngã” Nên vô-thường-tướng năng đủ khổ-tướng; khổ-tướng năng đủ vô-ngã-tướng?

Đáp: Trong kinh nói: “Tu vô-thường-tướng, tâm Thánh đệ-tử năng tu vô-ngã-tướng.” Nên vô-thường-tướng năng đầy đủ vô-ngã-tướng. Lại nói như thế cũng có đạo lý. Tại vì sao? Vì kẻ nói ngã muốn để thành lập đời sau, nên mới nói ngã là thường. Vậy nên, nếu thấy ngũ-âm vô-thường liền biết vô-ngã. Như trong kinh nói: “Nếu người nói mắt là ngã thì không đạo lý”. Tại vì sao? Vì mắt có sinh diệt. Nếu mắt là ngã sinh diệt? Có những lỗi như thế.

Hỏi: Hai kinh ấy nên nói thế nào cho thông?

Đáp: Tướng khổ có hai thứ: một do vô-thường tướng sinh gọi là tướng hoại khổ; hai do vô-ngã-tướng sinh, gọi là tướng hành khổ. Vậy nên hai kinh ấy vẫn chẳng trái nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì niệm xứ trong pháp Noãn thầy có vô-thường tướng; pháp này đều phải là vô-lậu?

Đáp: Trong niệm xứ thầy, nếu là vô-lậu đâu có lỗi chi?

Hỏi: Tâm phàm-phu chẳng nên vô-lậu được, vì tâm phàm-phu còn có vọng niệm-xứ thầy làm sao mà vô-lậu được?

Đáp: Người này chẳng phải hoàn toàn là phàm-phu. Người ấy gọi là tu đáng của Tu-Đà-Hoàn.

Hỏi: Tu quả Tu-Đà-Hoàn ở trong kiến-đạo-đế, Pháp niệm-xứ thầy chẳng gọi kiến-đế?

Đáp: Tu quả Tu-Đà-Hoàn có gần có xa: An-trụ trong niệm-xứ thầy là xa; hành-giả kiến-đế là gần. Tại sao biết được? Phật nói trong kinh ví dụ cán búa rằng: “Hoặc biết hoặc thấy nên được hết lậu”. Biết thấy pháp gì? Nghĩa là đây sắc thấy; đây sắc thấy sinh, đây sắc thấy diệt. Nếu chẳng tu Đạo thời chẳng hết-lậu; mà tu đi thời được, như ví dụ ấp trứng. Lại hành-giả thường tu Đạo-phẩm phiền-não mòn dần hết, tuy chẳng đếm biết được, nhưng hết rồi mới hay, như dụ cán búa. Lại hành-giả thường 37 phẩm trợ Đạo thời dục, buộc, gút, trói để có thời tán hoại như ví dụ hải-thuyền. Nên biết do niệm-xứ rồi tu tập Đạo-phẩm đều gọi là kẻ tu hành sơ-quả. Lại nếu trong một niệm hoặc mười lăm niệm chẳng được tu tập, phải biết đây là kẻ xa tu hành Tu-Đà-Hoàn.

Hỏi: Trước nói: đây sắc thấy; đây sắc thấy sinh, đây sắc diệt, là Đạo sơ-quả; ba dụ sau là dụ tam-quả. Vậy nên chẳng gọi kẻ tu hành sơ-quả?

Đáp: Nếu trúng chẳng áp thời hư, áp là thành-tựu. Như vậy từ niệm-xú trở đi pháp tu tập. Nếu chẳng thành chẳng gọi là hành; mà năng hành là kẻ học-nhân này gọi chẳng hư hoại vì có thể kham-thọ. Vậy nên, nếu với trong niệm-xú thấy hư hoại thời gọi phạm-phu. Nếu tu tập thành thời gọi kẻ hành sơ-quả. Như hãy còn ở trong vô-trúng, nếu được ra khỏi vô gọi Tu-Đà-Hoàn. Nên biết còn ở trong niệm-xú thấy gọi là kẻ xa tu. Lại như Úc-già trưởng-giả cúng-dường Chúng-Tăng có vị Thiên-Thần giới thiệu: Đây là vị A-La-Hán, cho đến đây là kẻ hành-sơ-quả. Nếu còn ở trong kiến-đế-Đạo làm sao chỉ được như vậy? Nếu phải biết đây là kẻ xa tu. Lại trong kinh Phật nói: “Nếu không có tín thấy năm căn là gọi người này còn ở trong ngoại phạm-phu”. Nghĩa này nói có hai hạng phạm-phu nội ngoại. Nếu chẳng được đạt-phân-thiện-căn gọi là ngoại phạm-phu, mà được gọi là nội. Nội phạm-phu này cũng gọi Thánh-nhân, cũng gọi phạm-phu. Bởi ngoại phạm-phu nên gọi Thánh-nhân; nhờ kiến-đế-đạo nên gọi phạm-phu. Như A-Nan bảo Xa-Nặc rằng: “Phạm-phu chẳng năng niệm sắc không, vô-ngã thọ-tưởng-hành-thức không, vô-ngã. Tất cả các hạnh vô-thường; tất cả pháp vô-ngã, dịch diệt Nê-Hoàn”. Bấy giờ Xa Nặc chưa vào pháp-vị, mới nói phạm-phu chẳng năng niệm đấy.

Hỏi: Hoặc gần hoặc xa đều gọi là hành-giả, cả thì đâu có sai khác chi?

Đáp: Nếu thấy diệt-đế gọi chân hành-giả. Nếu còn ở viễn-phần thiện-căn thấy ngũ-âm vô-thường, khổ, không, vô-ngã đáp: Do nhân duyên sắc sinh nhãn-thức, tức cộng sinh thọ-tưởng-tư thấy, tất cả pháp này đều vô-thường bại hoại chẳng khá tin tưởng bảo đảm được” Nếu pháp vô-thường tức là khổ. Pháp khổ này sinh cũng khổ, trụ cũng khổ, hằng thường khởi tướng cũng khổ. Cho đến ý-pháp cũng như vậy. Nếu khổ ấy diệt, các khổ khác chẳng sinh, không còn nối nhau nữa. Hành-giả tâm nghĩ: Chỗ ấy là tịch-diệt nhiệm màu nghĩa là bỏ tất cả hư-vọng, diệt hết tham ái, ly tịch Nê-Hoàn.

Nếu với trong pháp này tâm vào tín giải, chẳng lay chẳng động chẳng lo chẳng sợ. Từ đây trở đi mới gọi là thấy pháp. Nên biết hành-giả nếu dùng vô-thường thấy hạnh quán thấy ngũ-âm gọi là viễn-hành-giả. Nếu thấy Diệt-đế gọi cận-hành-giả. Như Xa-Nặc đáp với các vị Thượng-Tọa rằng: “Tôi cũng có thể nghĩ sắc thấy vô-thường, mà với tất cả hạnh diệt hết ai, Nê-Hoàn tâm chẳng vào được thông-đạt tín giải”. Nếu như vậy biết chẳng gọi thấy pháp. Lại nói, nếu hành-giả với trong pháp này dùng duyên-tuệ tín nhãn gọi là kẻ tín-hành. Vượt khỏi bực phạm-phu vào chính-pháp-vị, chẳng được sơ-quả quyết chẳng chết-yếu. Nếu dùng lợi-tuệ tín-nhãn gọi là kẻ pháp-hành. Thấy pháp ấy rồi năng dứt ba gút, gọi là Tu-Đà-Hoàn. Rõ

ràng không còn gì hết gọi A-La-Hán. Nên biết thấy Diệt gọi là cận-hành-giả. Hỏi tại sao hành-giả chẳng đều thấy diệt?

Đáp: Trong kinh nói: “Các hành vô-tính, do nhiều nhân-duyên mà sinh. Pháp ấy rất sâu xa; hết tất cả ái, tịch diệt Nê-Hoàn, chỗ ấy khó mà thấy được! Đức Phật quán mười hai nhân-duyên diệt nên chứng được Vô-thượng-Đạo. Lại trong Pháp ấn nói: “Nếu hành-giả quán ngũ-ấm vô-thường bại-hoại hư-vọng chẳng bền chắc, cũng gọi là không, nên gọi tri-kiến chưa tịnh”. Kinh này sau nói hành-giả khởi nghĩ như vậy: “Những điều mà ta thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm và nghĩ, bởi nhân-duyên này mà sinh-thức, nhân-duyên thức ấy là thường hay vô-thường? Tức biết vô-thường”. Nếu từ nhân-duyên vô-thường mà sinh thức thì làm sao thường được? Vậy nên thấy tất cả ngũ-ấm vô-thường do nhiều duyên sinh tận-tướng, ly-tướng và diệt-tướng. Bấy giờ tri-kiến hành-giả mới thanh-tịnh. Nên biết thấy Diệt gọi thấy Thánh-đế. Lại trước pháp trụ-trí, sau Nê-Hoàn-trí. Nên thấy diệt-đế, gọi là được Thánh-Đạo.

PHẨM KIẾN NHẤT-ĐẾ THỨ 190

Hỏi: Ông nói chỉ thấy diệt-đế gọi là kẻ hành-quả. Việc ấy chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Trong kinh Phật nói: “Ta và các người chẳng năng như thật thấy tứ-đế, nên ở lâu trong sinh tử. Nay thấy tứ-đế này dứt nhân-duyên thân, hết tướng sinh tử, chẳng có thọ thân nữa”. Nên biết thấy tứ-đế mới gọi kẻ hành quả, chẳng phải chỉ thấy Diệt đế. Lại nữa, Phật nói: “Thượng diệt” Chỗ gọi tứ-đế. Vậy nên hành-giả cần phải thấy biết hết.

Lại nói: “Nếu người pháp phục hủy hình chính-tín xuất-gia, đều vì mục đích thấy tứ-đế vậy”. Nếu người muốn được ba Đạo quả trước là đều vì thấy tứ-đế vậy. Nếu người được Phật Đạo A-La-Hán, Bích-Chi-Phật, là đều đã thấy tứ-đế vậy. Nên biết chẳng những chỉ thấy diệt-đế. Lại Phật tự nói; “Tứ-đế do thứ lớp mà được, lại trong kinh chuyên-pháp-luân nói: ta quán đây khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đạo diệt khổ”. Rồi ở trong ấy mới sinh nhãn-trí minh-giác. Ba phen chuyển như thế đều nói tứ-đế. Lại trong kinh nói: “Tắm vải mới trắng sạch đem ngâm vào trong áo tức thì ăm màu. Như vậy người này tức một phen ngộ là thấy tứ-chân-đế”. Lại nói: “Tâm hành-giả thanh-tịnh chính-quán khổ-đế cho đến đạo-đế như vậy thấy được. Rồi do từ dục-lậu, hữu-lậu, vô-minh-lậu tâm được giải thoát”. Lại trong các kinh nói Thánh Đế xứ thấy đều nói tứ-đế chẳng những chỉ nói Diệt. Lại Phật nói bốn trí: khổ-trí, tập-trí, diệt-trí, đạo-trí đều vì tứ-đế. Lại pháp hành-giả phải thấy cả bốn-đế, in như thấy thuốc giỏi cần biết bệnh, biết bệnh nhân, chữa bệnh, và thuốc chữa bệnh. Cũng như thế, hành-giả muốn thoát các khổ, cần phải biết khổ, khổ nhân,

diệt khổ, và đạo diệt khổ. Nếu chẳng biết khổ thời do đâu mà biết nhân khổ diệt khổ và đạo diệt khổ. Nên biết chẳng những chỉ thấy diệt-đế?

Đáp: Có các thuyết nói tứ-thánh-đế đều nói trong ám giới nhập thấy, nghĩa là biết đây sắc thấy, sắc thấy sinh diệt nên mới được hết lậu. Lại Phật tự nói: “Ta với trong sắc ám thấy chẳng như thật biết vị, quá, xuất, ly trọn chẳng tự gọi được Đạo vô thượng”. Nếu như thật biết thời tự biết được Đạo. Lại trong kinh Thành dụ nói: “Nếu Ta chưa biết lão tử, lão tử sinh, lão tử diệt, và Đạo diệt lão tử; cho đến các hành các hành sinh, các hành diệt, và Đạo diệt các hành, thời chẳng tự nói Ta được Đạo vô thượng”. Nếu như thật biết tự nói ta được thành Phật. Thấy như vậy thấy, nếu là được thấy Đạo ấy thời mười sáu món tâm chẳng gọi được Đạo.

Hỏi: Tôi chẳng nói đây gọi thấy được Đạo là khi suy nghĩ?

Đáp: Trong tứ-đế cũng nói như vậy. Cũng có thể nói là lúc suy nghĩ. Nếu chẳng phải như vậy, thời cần phải nói lý do khi thấy tứ-đế gọi được Đạo; khi thấy ngũ-ám thấy là suy nghĩ?

Hỏi: trí dứt phiền-não gọi là được Đạo; suy nghĩ ngũ-ám thấy chẳng dứt phiền-não?

Đáp: Trước tôi đã nói ngũ-ám thấy trí cũng dứt phiền-não, như nói thấy biết sắc thấy nên được hết lậu. Lại nói, thấy thế-gian nhóm thời diệt chấp không; thấy thế-gian diệt thời chấp có. Lại Phật tự quán nhân-duyên đắc Đạo. Có người quán ngũ-ám mà đắc Đạo; hoặc quán thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhân-duyên thấy mà đắc Đạo. Nên biết chẳng những nhờ tứ-đế mà được Đạo. Nếu ý người bảo tuy có thuyết ấy, nhưng chẳng bởi quán này năng dứt phiền-não. Thì người ta cũng có thể nói rằng tuy quán tứ-đế mà chẳng dứt phiền-não? Lại cần phải nhờ chân đế mới đắc Đạo. Nên lời giải trong tứ-đế nói: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, và cầu bất-đắc-khổ. Tóm tắt mà nói ngũ-ám là khổ. Lại nói, nhân khổ, chỗ gọi tham ái thường bám theo vui mừng xú xú chịu thân. Quán như thế thấy mà chẳng hết lậu thì đây đều là thế-đế chứ chẳng phải đệ-nhất-nghĩa vậy.

Hỏi: Tuy quán sinh tử thấy mà chẳng hết lậu. Lược nói ngũ-ám đều khổ. Trong ấy kẻ có trí năng phá phiền-não?

Đáp: Còn ba Đế kia làm sao? Nên biết người tự nhớ tướng phân biệt. Lại quán ngũ-ám đều khổ là tâm tán-loạn nên chẳng được Đạo.

Hỏi: Nếu chẳng dùng tứ-đế được Đạo thì phải lấy pháp nào được Đạo?

Đáp: Lấy một Đế chỗ gọi là Diệt là được Đạo. Như trong kinh nói “Vọng là hư dối, thật gọi là điên đảo”. Tất cả pháp hữu-vi đều hư dối quấy lầy, nên biết hành-giả tùy tâm ở trong pháp hữu-vi đều chẳng phải chân-thật. Như trong kinh nói: “Các pháp hữu-vi dối gạt như huyền hóa, như chiêm bao, như mượn nhờ thầy”. Như trong kinh Pháp-Cú nói: “Hư-vọng buộc thế-gian, giống như có chắc thật, thật không thấy như có, xem kỹ thời đều không”. Như thật không có pháp nam nữ, chỉ ngũ-âm hòa hợp miễn cưỡng gọi là nam nữ, phạm-phu lầm lộn cho đó là thật có; hành-giả xem ngũ-âm ấy trống-không, không ngã, nên tức thì chẳng còn thấy. Như trong kinh Pháp-án nói: “Hành-giả quán sắc vô-thường, trống hư ly tướng”. Vô-thường: là thể tính sắc vô-thường. Trống-hư: Như trong bình không nước gọi là bình không. Như vậy trong ngũ-âm không có thân-ngã, nên gọi là không. Kẻ quán như thế cũng gọi là không, cũng gọi thấy biết chưa thanh-tịnh, vì chưa có thể thấy ngũ-âm diệt vậy. Về sau mới thấy diệt, chỗ gọi khởi nghĩ như vậy: Những bao điều ta đã thấy nghe thấy. Nên biết thấy diệt các phiền-não mới dứt hết.

Hỏi: Tại sao thấy diệt-đế mới hết phiền-não mà chẳng phải các đế?

Đáp: Lúc bấy giờ hành-giả đã quyết định khổ-tướng. Nếu chưa chứng diệt-tướng, với trong hữu-vi pháp khổ-tâm chưa quyết, như người chưa được mừng vui của sơ-thiền, với trong ngũ-dục chẳng sinh tướng nhàm chán. Lại như chưa được Định vô-giác-quán, đối với Định-giác-quán chẳng cho là khôn-khổ. Hành-giả cũng vậy, khi chưa chứng tướng Nê-Hoàn tịch-diệt thời chẳng được hành-khổ. Nên thấy biết diệt-đế mới đầy đủ khổ-tướng. Khổ-tướng đầy đủ mới dứt được ái thay các gút.

Hỏi: Nếu thấy diệt-đế nên đầy đủ khổ-tướng, lẽ ra thấy diệt-đế sau mới dứt phiền-não. Tại vì sao? Vì thấy diệt-đế rồi khổ-tướng mới đủ vậy?

Đáp: Chẳng phải dứt khi sau. Tùy ở trong Diệt được tướng tịch-diệt tức thì khổ-tướng đầy đủ, sau phải hiện trước. Như trong kinh nói: “Hành-giả đối với Tập sinh tướng, pháp trí tận diệt tướng, tức ở trong pháp ấy được pháp-nhãn thanh-tịnh”. Lại người với trong các ám vô-thường, khổ thấy, nhưng chưa được diệt hẳn. Nếu thấy diệt-đế, nhờ vô tướng nên ngã-tâm diệt hẳn.

Hỏi: Nếu thấy diệt-đế thời hết ngã-tâm. Tại sao Phật quán kẻ đối cơ tâm mềm mại thấy nên vì nói bốn Đế mà chẳng chỉ nói Diệt?

Đáp: Trong ấy có thuận-đạo-hành; kẻ nào dùng vô-thường-tướng, vô-ngã-tướng đầy đủ mới được khổ quán này là kẻ gần Đạo. Vậy nên hiệp lại mà nói.

Hỏi: Nếu khi đắc Đạo dứt thân-kiến, sao lại còn giới-thủ và nghi nữa ư?

Đáp: Hành-giả đắc-Đạo hiện thấy các pháp đều không, vô-ngã, tức chẳng còn nghi. Chẳng còn đồng phạm-phu nghe, nghĩ, quán thấy. Nếu thấy Đạo-đế thời biết duy đây là nhất-thật lại không còn con đường nào khác hơn. Vậy nên nói ba.

Hỏi: Nếu khi đắc Đạo thấy Đế các phiền-não bị dứt hết, mà tại sao chỉ nói hết ba gút ư?

Đáp: Tất cả phiền-não đều lấy thân kiến làm gốc. Như Phật hỏi Tỳ-kheo: “Ngươi do việc gì? Thấy việc gì? Nên mới sinh kiến chấp như vậy: duy có thân này chết thời mất hẳn! Tất cả những kiến chấp như thế thấy? Tỳ-kheo thưa Phật: Phật là ngôi Pháp-Vương! Lạy xin giải thích? Phật dạy: Ngươi do sắc, bởi sắc thấy sắc là ngã, nên mới khởi kiến chấp ấy. Cho đến thức cũng như thế cả”. Nên biết bởi kiến chấp ngã mà khởi các phiền-não. Tại vì sao? Vì nếu có thân kiến thời bảo cái ta đây: hoặc thường, vô-thường. Nếu định kiến thường thời là thường kiến; định kiến vô-thường thời là đoạn kiến. Nếu ngã là thường thời là không nghiệp, không báo, không giải thoát khổ; mà ngã nếu vô-thường cũng không nghiệp báo và giải thoát khổ, vì chẳng cần tu tu Đạo mới vào được Nê-Hoàn. Nếu cho kiến chấp ấy là hơn, tức là kiến thủ, và bảo là năng được độ tức là giới thủ. Tự yêu chấp mình, ghép chấp kẻ khác, lấy chấp ấy tự cao tức là kiêu mạn. Đều bởi chẳng như thật biết nên mới khởi gút này tức là vô-minh. Vậy nên dứt thân kiến mới thấy Đế dứt gút.

Hỏi: Nếu dứt thân kiến các thứ khác cũng dứt theo, thì cần gì nói riêng giới thủ và nghi ư?

Đáp: Vì nó hơn vậy. Hành-giả hiện thấy pháp tướng thời không có nghi. Nghi này là nghi ngã có hay không? Cũng nghi Đạo này có được thanh-tịnh chẳng? Khiến cho thấy khổ-đế thời dứt ngã-kiến. Cũng biết duy nhất Đạo lại không có con đường nào khác. Vậy nên mới nói dứt thân-kiến là thật thấy khổ. Vì dứt giới-thủ nên gọi tu hành Đạo. Đối với trong pháp năng-tri và sở-tri không nghi; hoặc dùng chính tri biết pháp sở-tri, liền dứt tập, chứng Diệt gọi là đủ bốn Đế. Nên mới nói ba pháp này để rõ tướng không nghi. Nghi này do ngã đạo mà sinh, như trong kinh nói: “Đầu tiên được Đạo tướng”. Nghĩa là thấy pháp, được pháp, biết pháp, đạt pháp, vượt quá các lưới nghi; chẳng theo giáo pháp kẻ khác; ở trong Phật-Pháp được sức vô-úy an-trụ trong quả.

PHẨM NHẤT-THIỆT DUYÊN THỨ 191

Hỏi: Trí nào năng duyên tất cả?

Đáp: Nếu trí duyên đi giới, nhập thủy gọi là duyên tất cả. Tại vì sao? Vì như nói pháp các nhập các giới, sự vật có các duyên các trần thể nhận biết thủy, đều gồm hết các pháp, nếu trí năng duyên gọi là duyên tất cả.

Hỏi: Trí này chẳng biết các pháp tương-ung cộng sinh?

Đáp: Năng biết. Như duyên nhập thủy, đây gọi tổng-tướng-trí. Vì tổng-tướng-trí nên mới năng duyên tất cả. Tại vì sao? Vì như nói thập-nhi-nhập thời không còn thừa pháp nào nữa. Nên biết trí này cũng duyên tự-thể.

Hỏi: Trong kinh nói: “Hai nhân-duyên sinh thức”. Vậy nên chẳng phải có trí tự duyên. Lại các trí không có nhân-duyên ví-dụ để chỉ nghĩa năng duyên tự-thể, như đầu ngón tay chẳng năng tự xúc; mắt chẳng năng tự thấy được?

Đáp: Người nói hai nhân-duyên sinh thức, việc này chẳng nhất định. Cũng có không nhân-duyên trí, chứ chẳng phải tất cả đều do hai nhân-duyên mà sinh. Lại đệ-lục-thức ở trong tự ám đều không có cảnh duyên vì không có hiện pháp nên thức này chẳng năng duyên pháp sắc thủy. Nếu mà năng duyên là những kẻ mù lòa cũng thấy sắc? Bấy giờ tâm và tâm-số-pháp người này còn ở trong khứ-lai, mà khứ-lai không pháp thời lấy gì làm cảnh duyên? Chỉ vì ngăn chấp thân-ngã nên mới nói như vậy thôi. Nếu các thức sinh đều do hai thức chẳng phải bốn nhân-duyên; hoặc có thức sinh không hai nhân-duyên, như trong kinh nói: “Sáu nhập làm nhân-duyên xúc”. Mà thật không lấy sáu món nhập, vì ngăn món nhập thứ bảy vậy. Như vậy ngăn bốn nhân-duyên nên Phật mới nói hai. Lại đối với trong quá-khứ, vị-lai, hư-không, thời, phương thủy sinh biết mà những pháp ấy thật không có. Đây tức là không duyên mà biết.

Hỏi: Nếu như vậy thời do nhân-duyên ấy, các pháp quá-khứ vị-lai lẽ phải có, vì nếu không làm sao sinh biết; với những sừng thỏ, lông rùa, chân rắn thủy trọn không sinh biết?

Đáp: Đối với trong tác-động sinh-biết. Như vậy thấy người đi là nhớ khi đi, nghe người nói là nhớ khi nói. Như vậy thủy trong quá-khứ không tác, vậy nên chẳng phải lẽ.

Hỏi: Nay đối với quá-khứ là nhớ thứ gì?

Đáp: Nhớ pháp vô-sở-hữu. Người nói sao chẳng nhớ sừng thỏ thủy. Nếu pháp sinh rồi mà diệt là có thể nhớ được. Mà xưa nay hẳn không có làm sao nhớ được? như pháp trước kia gọi chúng-sinh, nay tuy đã quá nhưng cũng gọi chúng-sinh. Như vậy trước kia, với pháp này sinh nhớ, nên nay tức tâm này nhớ lại, chẳng phải tâm

khác vậy. Lại người này trước lấy tướng pháp ấy, pháp ấy nay tuy đã diệt mà có thể sinh pháp nhớ tướng phân-biệt; như pháp sinh ở tâm ấy, pháp này diệt mất sau ý-thức mới sinh. Năng biết việc ấy gọi là tướng duyên thức. Lại tướng này năng làm nhân-duyên cho tướng duyên thức sau, chứ biết sùng thờ thầy không tướng làm nhân, vậy nên chẳng sinh. Lại cũng nên có biết duyên sùng thờ thầy, nếu không làm sao năng nói ra được.

Hỏi: Sùng thờ thầy tính chẳng khá biết. Tại vì sao? Vì trọn chẳng sinh các ý nghĩ dài ngắn đen trắng thầy, nên pháp quá-khứ cũng như vậy. Tại vì sao? Vì chúng tôi không thể dùng pháp quá-khứ khiến hiện được trước mắt, như Thánh-nhân biết được vị-lai nói việc này sẽ như vậy, việc kia sẽ chẳng như vậy?

Đáp: Trí-lực Thánh-nhân là vậy, pháp tuy chưa có mà năng dự biết. Như Thánh-nhân năng hoại vách đá ra vào không ngại. Việc này cũng vậy, không mà năng biết. Lại vì sức nhớ nên biết. Như nhãn-thức chẳng năng phân biệt nam nữ. Nếu nhãn-thức bất năng lẽ ra ý-thức cũng bất năng, mà ý thức thật năng. Việc này cũng vậy. Lại như chúng ta với trong việc trước đã từng diệt rồi mới sinh biết; Thánh nhân cũng vậy, với trong pháp không có mà năng sinh biết. Lại như nói Đề-Bà-Đạt-Đa không có một thức năng biết bốn chữ, mà cũng năng biết. Việc này cũng vậy. Lại như các số lượng sai khác hiệp ly đây kia thầy, trong ấy tuy không hiện pháp cũng năng sinh biết. Lại như thân người chẳng khá dùng một niệm mà biết khắp, cũng chẳng khá dùng phân tách từng phần mà hiểu biết; tuy phân tách từng phần chẳng biết, một niệm chẳng biết mà cũng sinh biết người. Việc này cũng vậy. Người nói không có nhân-duyên ví dụ năng biết tự-thể. Trong ấy có nói ý năng tự biết, nói hành-giả tùy tâm quán mà đi đến không tâm. Nên biết dùng tâm hiện tại duyên tâm hiện tại. Nếu chẳng phải vậy trọn không không có người năng biết pháp hiện tại tâm tương-ung.

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu năng đem huệ quán tất cả pháp vô-ngã tức được nhàm lìa khổ. Đạo này là thanh-tịnh”. Trí-huệ này trừ tự-thể và cộng sinh pháp thừa tất cả duyên pháp?

Đáp: Trí này chỉ duyên hữu-lậu chẳng phải vô-lậu. Tại vì sao? Vì trong kệ vậy nói: “tức nhàm lìa khổ”. Nên mới biết chỉ duyên khổ-đế. Lại vì phá ngã-kiến, tu vô-ngã trí. Ngã-kiến duyên năm món thọ-ấm, nên phải biết vô-ngã cũng là duyên thọ ảm. Năm thọ ảm này vô thường nên vô-ngã. Như trong kinh nói: Nếu vô thường tức vô-ngã. Nếu vô-ngã tức là khổ. Lại Phật bảo Tỳ-kheo: “Đoạn chẳng phải pháp sở-hữu của người. Tỳ-kheo nói: Được rồi, Bạch Thế-Tôn! Phật hỏi: Người được thứ gì? Bạch Thế-Tôn! Sắc là phi ngã-sở, thọ-tướng-hành-thức cũng đều phi ngã-sở. Phật khen: Hay thay! Hay thay!” Cho nên mới biết chỉ trong thọ-ấm sinh vô-ngã

tâm. Lại trong kinh nói: “Các sở-hữu-sắc hoặc quá-khứ vị-lai, nội ngoại thô tế, gần xa lớn nhỏ, đều nên biết phi ngã phi ngã-sở”. Như vậy như thật lấy chính huệ mà quán. Lại nói: Quán sắc vô-ngã, thọ-tưởng-hành-thức vô-ngã; quán sắc vô-thường luống dối như trò huyền gạt kẻ không có mắt trí; là kẻ oán, là kẻ giặc, không ngã, không ngã sở. Lại Phật nói: Ở trong tọa này có người ngu si, còn ở trong vô-vô-minh bị vô-minh làm mù, nên bỏ rời Phật-Pháp mà sinh tà kiến này: “Nếu sắc vô-ngã, thọ-tưởng-hành-thức đều vô-ngã. Vô-ngã thì làm sao khởi nghiệp mà ngã chịu?”. Nên mới biết vô-ngã chỉ duyên thọ ấm. Lại trong kinh không chỗ nào nói vô-ngã trí duyên tất cả pháp, mà chỗ chỗ đều nói duyên năm món thọ ấm.

Hỏi: Phật tự nói: “Tất cả pháp vô-ngã”. Nên biết hữu-vi vô-vi này đều duyên, chẳng những duyên năm thọ ấm. Lại nói: mười món không duyên tất cả pháp. Không tức vô-ngã. Lại nói: Các hành vô-thường, khổ, tất cả pháp vô-ngã. Nếu vô-ngã trí chỉ duyên khổ-đế, tại sao chẳng nói các hành vô-ngã? Vì nói tất cả pháp vô-ngã nên mới biết: nếu nói “hành” là nói hữu-vi; nếu nói “pháp” tức chung thông tất cả. Lại nói: Kẻ nào đối với một tướng pháp và biệt dị tướng pháp, trí huệ hiện tại tiền như mắt sáng thấy sắc. Duy chư Phật Thế-Tôn chính trí được giải thoát mới có thể đối một tướng pháp và biệt dị tướng pháp, trí-huệ hiện tại tiền như kẻ sáng mắt thấy sắc. Vì vô-ngã tướng nên các pháp một tướng. Nên biết vô-ngã duyên tất cả pháp chẳng những duyên khổ?

Đáp: Có hai thứ tất cả: một nhiếp tất cả, hai nhiếp một phần. Nhiếp tất cả: Như Đức Phật nói: Ta là người Trí tất cả. Tất cả gọi là mười hai món nhập. Nhiếp một phần: Như nói “tất cả vậy”. Mà vô-lậu vô-vi “chẳng khá được vậy”. Lại trong phẩm Như-Lai nói Như-Lai là kẻ bỏ tất cả, là kẻ hơn tất cả. Nhưng chẳng khá bỏ pháp trì-giới thầy, mà chỉ vì bỏ ác pháp nên mới nói bỏ tất cả; cũng chẳng khá hơn các Đức Phật khác, mà chỉ vì hơn các chúng-sinh mới nói hơn tất cả. Lại nói: “Gọi Nhất-Thiết-Trí là thế nào Tỳ-kheo?”

Đáp: Nghĩa là như-thật biết sau món xúc-nhập sinh diệt gọi là biết tướng chung tất cả pháp, chẳng phải trí tướng riêng”. Với Phật chung riêng đều biết hết, nên gọi là bậc Nhất-Thiết-Trí. Tỳ-kheo ấy đã biết hết các pháp vô-thường thầy nên gọi Nhất-Thiết-Trí. Kỳ danh tuy đồng, mà kỳ thật có khác, đây gọi là nhiếp một phần. Lại Phật nói: Nếu pháp đã vào kinh-tạng, tùy thuận theo luật-tạng, chẳng trái với pháp tướng, pháp ấy nên lãnh-thọ. Lại nói: Nếu người nói đây là lời Phật nói; người này lời chính mà nghĩa phi. Kẻ trí với trong ấy nên nói chính-nghĩa, và bảo Tỳ-kheo này rằng lời ấy nên cùng nghĩa nào tương-xứng? Lại có kẻ nói nghĩa-chính mà lời phi. Trong chính-nghĩa này nên để riêng chính-ngữ. Như vậy thầy kinh Phật đều cho phép. Lại có kinh liễu-nghĩa và bất-liễu-nghĩa nghĩa là rốt-ráo và chẳng rốt-ráo. Kinh này thuộc nghĩa chẳng rốt-ráo. Tại sao với trong một việc mà nói tên tất cả?

Cần nên biết ý ấy. Lại người đời với trong một việc cũng nói tất cả, như nói vì cúng tất cả, cho ăn tất cả; cũng nói người này tất cả đều ăn. Nên biết tuy nói tất cả vô-ngã nhưng phải biết chỉ vì năm món thọ-âm mà nói, chứ chẳng phải vì tất cả pháp. Người nói mười món không. Trong ấy chẳng được có vô-vi Không. Tại vì sao? Vì không ai với vô-vi mà sinh ngã-tướng. Nên dù có còn “không đi nữa cũng không hại gì, vì người cũng dùng khô-trí cùng tương-ung với không. Vậy nên “không” chẳng phải duyên tất cả pháp.

Hỏi: Thế-gian “không” duyên cả pháp chẳng phải vô-lậu – không sao?

Đáp: Không có thế-gian không. Tất cả không đều là vô-lậu.

Hỏi: Trong kinh Pháp-ấn nói: không là thế-gian-không?

Đáp: Đây là xuất-thế-gian-không chứ chẳng phải thế-gian-không.

Hỏi: Trong ấy nói: Tri-kiến chưa-tịnh. Nên biết là thế-gian không?

Đáp: Tôi trước đã nói vô-lậu-tâm năng phá giả-danh. Vậy nên từ khi phá giả-danh trở đi gọi là vô-lậu-tâm; về sau thấy diệt-đế, lìa tăng-thượng-mạn, mới gọi là tri-kiến-tịnh. Vậy nên không có thế-gian-không. Người nói tất cả hành vô-thường, tất cả pháp vô-ngã. Như vậy cần có hành-giả đầy đủ vô-ngã tướng; khi mà pháp-tướng đầy đủ nên đối với vô-ngã nói pháp danh-tự. Như trong kiến-đế phẩm nói: “Nếu người chẳng thấy khổ, đây tức là thấy ngã; khổ như-thật thấy khổ; tức chẳng còn thấy ngã”. Như-thật: Nghĩa là thấy vô-ngã. Vậy nên nói tất cả pháp vô-ngã, chỉ duyên khổ-đế nói vô-ngã-hành. Người nói Phật hiện tiền thấy nhất-tướng dị-tướng. Đây cũng cần có, vì lấy giới nhập thấy làm nhất, nên nói nhất-tướng đâu có lỗi gì ư?

PHẨM THÁNH-HÀNH THỨ 192

Có hai hành: không-hành và vô-ngã-hành. Đối với trong ngũ-âm chẳng thấy chúng-sinh gọi là không hành; thấy ngũ-âm cũng không có là vô-ngã-hành. Tại sao biết được? Trong kinh nói: “Thấy sắc không có thể tính, thấy thọ-tướng-hành-thức không thể tính”. Lại trong kinh nói: “Bởi vô-tính nên được giải thoát”. Nên biết sắc-tính chẳng phải chân-thật có. Thọ-tướng-hành-thức tính cũng chẳng phải chân thật có. Lại trong kinh nói: “Ngũ-âm đều trống không như huyễn, chẳng thể nói huyễn là chân thật”. Huyễn, nếu chân-thật có chẳng gọi là huyễn; nhưng cũng chẳng thể nói không, mà chỉ vì không thật năng làm dối gạt. Lại hành-giả này quán tất cả trống-không. Nên biết ngũ-âm chẳng phải chân thật có, như phá một tướng nên chẳng thấy vách thấy một pháp. Ngũ-âm cũng vậy, không có một thật pháp.

Hỏi: Nếu sắc thấy pháp cũng chẳng chân-thật, nay nên chỉ có một thể đế?

Đáp: Diệt là đệ-nhất-nghĩa-đế nên cần có. Như trong kinh nói: “Vọng là luống dối, Đế là như thật”. Diệt tức là như-thật quyết định, nên gọi đệ-nhất-nghĩa có. Lại hành-giả sinh chân-thật-trí, tất cả hữu vi thấy đều luống-không. Nên biết Diệt là đệ-nhất-nghĩa có.

Hỏi: Ông nói thấy trong ngũ-ấm không có chúng-sinh. Bởi đâu mà ngũ-ấm gọi chúng-sinh, là hữu-lậu hay vô-lậu?

Đáp: Cũng hữu-lậu mà cũng vô-lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu thấy chúng-sinh đều là thấy năm thọ ấ?”

Đáp: Vô-lậu pháp cũng ở trong chúng-sinh số, chứ chẳng phải ở trong phi chúng-sinh số là gỗ đá thấy. Nên biết cũng nhân các ấ vô-lậu gọi là chúng-sinh. Lại nếu Thánh nhân ở tâm vô-lậu, bấy giờ cũng gọi hữu tâm chúng-sinh. Nên vô-lậu tâm cũng gọi chúng-sinh. Tất cả các ấ đều gọi thọ ấ vì đều từ thọ mà sinh vậy.

Hỏi: Tại đâu mà biết từ thọ sinh?

Đáp: Vô-lậu pháp đều từ bố thí, trì giới tu Đĩnh thấy trong nghiệp tâm mà sinh, nếu không thời chẳng sinh. Như kinh nói: “Vi bị vô-minh che khuất và gút ái buộc chặt, nên đưa ngu đờc thân này mà kẻ Trí cũng như vậy.” Tâm tức thọ ấ.

Hỏi: Nếu tất cả ấ đều gọi thọ ấ, thì hữu-lậu và vô-lậu tâm đâu có sai khác?

Đáp: Tất cả ấ từ thọ mà sinh nên gọi thọ ấ. Nhưng chẳng thọ thân đời sau nên gọi là vô-lậu, sai khác ở đó. Ấm và thọ mà sinh nên gọi thọ ấ. Vậy nên kinh này chẳng trái nghịch nhau. Hai hành này đều duyên vô sở-hữu. Nếu sắc thấy pháp không và thể tính diệt, đều là vô sở-hữu.

Hỏi: Hai hành này đều duyên ngũ-ấm. Trong kinh nói: Thấy sắc trông không vô-ngã thấy thọ-tưởng-hành-thức không vô-ngã”. Thì sao?

Đáp: Nhân các ấ mới thấy trông không không vô-ngã. Tại vì sao? Vì với nhân-duyên sinh mới có thấy chúng-sinh không, cũng thấy sắc thấy pháp diệt.

Hỏi: Đây là đều duyên cả. Nếu hành-giả nghĩ các ấ và không tức là duyên ấ và vô sở hữu?

Đáp: Hành-giả với trong nhân-duyên chúng-sinh chẳng thấy chúng-sinh, nên liền sinh không tâm, nhiên hậu mới thấy trống không. Lại với trong ngũ-âm diệt chẳng thấy sắc thể tính, thọ-tướng-hành-thức thể tính. Cho nên mới biết hai hành này đều duyên vô sở hữu.

Đáp: Nhẫn tức là trí Tại vì sao? Vì dục-lạc-nhẫn đều là một nghĩa: Hành-giả trước biết khổ rồi nhiên hậu nhẫn vui; nếu trước chẳng biết làm sao nhẫn vui được! Lại trong lời nói thiếu chỉ nói quán nhẫn mà chẳng nói trí. Vậy thời kẻ thọ hành quả là vô-trí? Nếu ý người bảo hành-giả có trí mà gọi là nhẫn, thì đây lẽ ra thọ nhẫn cũng là trí. Lại trong kinh nói: “Hành-giả khi biết thấy liền được hết lậu”. Lại nói: biết-thấy-được là một nghĩa. Lại Phật nói Khổ-trí, Tập, Diệt, Đạo trí mà chẳng nói có nhẫn. Nên biết trí tức là nhẫn. Lại trong Phật giải nghĩa trí nói vì như-thật-biết nên gọi là trí. Nhẫn cũng như-thật-biết nên chẳng có khác. Nếu người cho vị-tri-căn nên gọi là nhẫn ấy. Việc này chẳng phải lẽ. Vì chúng tôi chẳng nói trước nhẫn sau trí; với trong một tâm tức gọi nhẫn-trí. Kinh ấy nghĩa chẳng thành, làm sao người đem chẳng-thành mà thành-lập được? Người nói nhẫn gọi chưa xong. Tôi trước đã đáp nghĩa là trước biết sau nhẫn. Nên phải biết nhẫn tức là xong. Nếu chẳng biết xong làm sao năng nhẫn. Người nói khi nhẫn chưa quyết liễu. Trong pháp người dùng nhẫn dứt gút; nếu nó chẳng quyết liễu sao năng dứt được? Người nói khi nhẫn nghi ngờ còn bám theo. Nếu vậy thì Đê-Đạo đều có nghi bám theo? Trong ấy trí sinh lẽ đều chẳng phải trí? Lại không có phân biệt là nhẫn là trí. Như người đời quán tùy thuận tứ-đê cũng gọi là nhẫn cũng gọi là trí. Vô-lậu nhẫn-trí cũng cần như vậy.

Hỏi: Tâm-trí vô-sinh-trí chỉ là trí, chứ phi kiến?

Đáp: Vì lý do nào?

Hỏi: Trong kinh riêng nói chính-kiến chẳng gọi chính-trí, Nên trí phi kiến.

Đáp: Nếu vậy thời chính-kiến chẳng gọi chính-trí. Nếu người bảo chính-kiến là chính-trí, thì chính-trí cũng phải là chính-kiến. Lại ngũ-phận-pháp-thân do trong huệ-phẩm riêng nói giải thoát tri-kiến lẽ chẳng phải huệ? Vậy thời tận-trí vô-sinh-trí cũng chẳng là huệ. Nay tức chính-kiến, vì tướng khác nên nói là chính-trí nghĩa là hết tất cả phiền-não, với trong tâm A-La-Hán mà sinh nên mới nói là chính-trí.

Hỏi: Nếu chính-trí tức là chính-kiến thời A-La-Hán chẳng gọi thập-phân thành-tự?

Đáp: Thế là một mà tên là khác, như pháp-trí khổ-trí. Lại nói A-La-Hán gọi thành tự tám công-đức phước-điền. Vậy nên chính-trí tức là chính-kiến. Lại trong sáu pháp hòa-kính, hòa kính thứ sáu nói là đồng-kiến. Nếu như người nói thời tận-vô-

sinh-trí chẳng gọi hòa-kính. Lại chính-quán nên gọi chính-kiến; tận-vô-sinh-trí vì chính-quán nên cũng gọi chính-kiến.

Hỏi: Năm thức tương-ung huệ chỉ trí phi-kiến?

Đáp: Vì sao phi-kiến?

Hỏi: Năm thức đều không có phân biệt, vì ban đầu tại cảnh duyên nên thấy gọi là suy nghĩ quan-sát. Lại năm thức chỉ duyên hiện tại. Vậy nên phi-kiến?

Đáp: Trong ấy không giác quán nên chẳng năng phân biệt. Nếu nói ban đầu tại cảnh duyên nên phi kiến, việc này chẳng phải lẽ. Tại vì sao? Vì pháp người nhận thức có duyên tương-tục như ý-thức vậy. Chẳng nên nói ban đầu tại duyên. Nếu vậy ý-thức chẳng nên có thấy. Người lại nói duyên hiện tại nên phi kiến. Cũng chẳng phải lẽ. Vì tha-tâm-trí cũng duyên hiện tại, đấy lẽ cũng phi kiến? Trong năm thức không chân-thật-trí, vì không hành vậy; cũng thường theo giả danh, nên kiến-trí-huệ thấy tất cả đều không có, huông là không kiến.

Hỏi: Có người nói nhãn-căn gọi kiến. Việc ấy thế nào?

Đáp: Nhãn-căn chẳng thấy, nhãn-thức năng duyên ngôn thuyết thế-tục nên gọi mắt thấy.

Hỏi: Có người nói tám món kiến là: năm tà-kiến, thế-gian chính-kiến, học-kiến và vô học-kiến. Trừ tám kiến ấy bao nhiêu huệ chẳng gọi là kiến. Việc này thế nào?

Đáp: Như kiến, trí đặc, giải, liễu, thông và chứng đều là một nghĩa. Nếu nói đây khiến đây phi-kiến đều là tự nhớ tưởng phân-biệt mà nói.

Hỏi: Nếu trí mới phá giả-danh gọi là trí; vào pháp vị rồi thời gọi là kiến. Mới quán gọi là trí, đạt liễu gọi kiến, có những pháp sâu cạn sai khác như vậy.

Thành Thật luận hết quyển 19

THÀNH THẬT LUẬN

Ngài HA-LÊ BẠT-MA tạo

Đời Diêu Tần Ngài TAM TẠNG CỰU MA LA THẬP dịch sang Hán Văn

Dịch giả: Tỳ-kheo THÍCH TRÍ-NGHIÊM

-o0o-

QUYỂN THỨ 20

PHẨM TAM TUỆ THỨ 194

Tam-huệ: huệ nghe, hê nghĩ và huệ tu. Do trong kinh thấy mười hai bộ mà sinh gọi là huệ nghe; vì nhờ đầy năng sinh vô-lậu thành-huệ nên gọi là huệ. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo La-Hầu-La nay mới được thành-tựu huệ giải-thoát”. Tuy nghi Vi-đà thấy các kinh điển thế-tục mà chẳng hay sinh vô-lậu-huệ nên chẳng gọi huệ nghe. Nếu năng nghĩ lường nghĩa trong các kinh gọi là huệ nghĩ; như nói: hành-giả nghe Pháp rồi suy nghĩ nghĩa-thú. Lại nói: hành-giả nghe pháp suy nghĩ rồi phải tùy thuận mà tu, hoặc năng hiện tiền biết thấy thấy gọi là huệ tu; như nói: hành-giả ở trong Định tâm thấy ngũ-âm sinh diệt. Như trong kinh nói: Tỳ-kheo các ngươi! Tu tập thiên-định sẽ được như thật hiện tiền biết thấy. Lại trong kinh Thất-chính-trí nói: “nếu Tỳ-kheo biết pháp gọi huệ nghe; biết nghĩa gọi huệ nghĩ; biết thời giờ thấy gọi huệ tu. Lại như La-Hầu-La đọc-tụng bộ ngũ-thọ-âm gọi huệ nghe; riêng chỗ nghĩ nghĩa gọi huệ nghĩ, sau khi đắc Đạo gọi huệ tu. Lại trong kinh nói ba món đồ gậy: gậy nghe, gậy lia và gậy huệ. Gậy nghe gọi là huệ nghe; gậy lia gọi là huệ nghĩ, gậy huệ gọi huệ tu. Lại trong kinh nói nghe pháp có năm lợi: “chưa nghe thời nghe, nghe rồi rõ ràng, dứt nghi chính-kiến, dùng huệ thông-đạt nghĩa-thú thăm sâu”. Chưa nghe thời nghe nghe rồi rõ ràng gọi huệ nghe; dứt nghi chính-kiến là gọi huệ nghĩ; dùng huệ thông-đạt nghĩa-thú thăm sâu là gọi huệ tu. Lại trong Văn-pháp-lợi nói: “Hành-giả đem tai nghe Pháp, đem miệng tụng tập là gọi huệ nghe; đem ý nghĩ lường là gọi huệ nghĩ; đem thấy thông-đạt là gọi huệ tu”. Lại trong bốn phần Tu-Đà-Hoàn nghe chính pháp là gọi huệ nghe; chính nhớ nghĩa gọi huệ nghĩ; tu theo pháp là gọi huệ tu. Lại trong năm giải-thoát môn: Theo kẻ Tôn-trưởng nghe pháp là gọi huệ nghe thông đạt ngữ nghĩa là gọi huệ nghĩ; sinh vui mừng thấy là gọi huệ tu. Lại trong kinh nói: “Pháp Phật đã nói ra ba thời lành thấy. Thiện nam tử! hoặc kẻ trưởng hoặc người ấu nghe Pháp sinh nghĩ: tại-gia ồn-ào, xuất-gia vắng lặng. Nếu chẳng xuất-gia thời chẳng năng tịnh tu hiện pháp. Liền bỏ sở-hữu thân thuộc tài vật, xuất-gia trì-giới giữ hộ các căn; oai nghi đường hoàng. Riêng chỗ suy nghĩ, xa lìa năm món che, mới chứng được sơ-thiền thấy, cho đến hết lậu”. Trong ấy trưởng ấu nghe Pháp là gọi huệ nghe; nghĩ tại-gia ồn ào, xuất-gia vắng lặng là gọi huệ nghĩ; xa lìa năm món che cho đến hết lậu là gọi huệ tu.

Lại trong kinh nói: “Nhờ hai nhân-duyên mới năng sinh chính kiến: theo người nghe Pháp; tự chính nghĩ nhớ.” Theo người nghe pháp là huệ nghe; tự chính nghĩ nhớ là huệ nghĩ; năng sinh chính kiến là huệ tu. Lại bài kệ nói: quen gần người lành, nghe lãnh chính-Pháp, vui ở chỗ riêng, uốn đẹp tự tâm. Trong ấy quen gần người lành, nghe lãnh chính-Pháp là gọi huệ nghe; vui ở chỗ riêng là gọi huệ nghĩ, uốn đẹp tự tâm là gọi huệ tu. Lại Phật dạy các Tỳ-kheo: “Các ngươi! Mỗi khi nói năng phải nói tứ-đế; mỗi khi suy nghĩ nên nghĩ tứ-đế”. Trong đây nếu nói tứ-đế thì

huệ nghe; suy nghĩ tứ-đế là huệ nghĩ; được tứ-đế là huệ tu. Như vậy thấy nhiều chỗ trong kinh Phật nói ba món huệ.

Hỏi: Ba huệ này mấy cõi Dục, mấy cõi Sắc và mấy cõi Vô-sắc?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả. Như ông Thủ cư-sĩ sinh về cõi trời vô nhiệt, nói Pháp trong ấy. Nếu người nói Pháp phải nghĩ nghĩ. Nên biết cõi Sắc cũng có huệ nghĩ. Trong cõi Vô-sắc chỉ có huệ-tu.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không huệ tu, cõi Sắc không huệ nghĩ. Việc này thế nào?

Đáp: Vì lý do nào mà cõi dục không huệ tu?

Hỏi: Vì Đạo cõi Dục chẳng năng dứt các che, ngăn các buộc, vì món khiến món buộc cõi Dục chẳng hiện tại tiền.

Đáp: Trong Phật-Pháp không có lời nói này: Vì đạo cõi Dục chẳng năng dứt các che, ngăn các buộc, hai món khiến buộc cõi Dục chẳng hiện tại tiền. Mà lại nói vì Đạo cõi Dục năng phá phiền não. Tại vì sao? Vì cõi Dục có bất-tịnh quán thấy. Như trong kinh nói: “Khéo tu bất-tịnh quán năng phá tham dục”. Lòng Từ thấy cũng như vậy.

Hỏi: Cõi Dục này bất tịnh quán chẳng hay dứt hẳn phiền não?

Đáp: Bất-tịnh quán thấy cõi Sắc cũng chẳng năng dứt các phiền não rốt-ráo.

Hỏi: Dùng thô trọng chẳng điều thích thấy các hành năng dứt phiền não chứ chẳng phải bất-tịnh thấy?

Đáp: Không có kinh nào nói thô thấy năng dứt phiền não mà bất-tịnh thấy bất năng? Mà trong kinh nói dùng quán bất-tịnh thấy năng dứt phiền não. Lại thô thấy có thể lực gì năng dứt phiền não mà bất-tịnh thấy bất năng? Lại nếu cõi Dục có thô thấy hành nếu dùng hành ấy để dứt các phiền não; nếu không, phải nói lý do? Vì sao có bất-tịnh thấy mà không thô thấy? Nếu có mà chẳng dứt phiền não? Cõi Sắc tuy có cũng chẳng thể năng dứt ấy cũng nên nói lý-do? Vì sao cõi Dục chẳng năng mà cõi Sắc lại năng?

Hỏi: Cõi Dục tuy có thô thấy mà chẳng năng dứt các phiền não là vì cõi tán-loạn vậy. Kẻ tán-loạn-tâm không thể năng dứt như trong kinh nói nhiếp-tâm là Đạo, tán-tâm phi Đạo?

Đáp: Cần nói lý do vì sao cõi Dục gọi cõi tán-loạn? Trong ấy có bất-tịnh quán thấy, nếu là cõi tán-loạn làm sao năng quán cốt thấy các tướng biến khác. Lại cõi Sắc nhiếp-tâm có tướng gì khác mà cõi Dục không có?

Hỏi: Vì Đạo cõi Sắc năng được ly-dục. Ở trong đây chết sinh về cõi Sắc như lấy cái nôm để tháo nôm?

Đáp: Sao gọi ly-dục?

Hỏi: Dứt phiền não gọi ly-dục. Vì Đạo cõi Sắc năng dứt phiền não chứ chẳng phải cõi Dục.

Đáp: Các ngoại-đạo dứt gút rồi, rồi khởi lại sinh về cõi Dục. Vậy nên phàm phu chẳng gọi dứt gút tức là dứt phiền não. Nếu dứt rồi lại sinh thời dứt gút vô-lậu lẽ cũng sinh lại? Việc ấy chẳng thể được. Lại trong kinh nói ba gút rồi mới năng dứt ba món độc. Phàm phu chẳng nung dứt ba gút nên không được ly-dục. Lại phàm phu chẳng năng dứt ba gút nên không được ly-dục. Lại phàm phu thường có ngã-tâm thấy nên không có thể năng dứt thân kiến thấy. Nếu phàm phu năng ly-dục ấy, tất cả phiền não lẽ đều chẳng có. Tại vì sao? Vì tất cả phiền não đều do nhiều duyên mà thành, như trong kinh nói do nhiều duyên thành ngã. Nếu phàm phu này đối với ngũ-âm cõi Dục chẳng khởi thân-kiến mà lại chưa được các âm cõi trên, vậy thời lẽ chẳng phải không có thân-kiến? Có những lỗi như thế. Như vậy phiền não phải cần dứt hẳn hết; phàm phu này lẽ là La-Hán? Mà thật phiền não chẳng được dứt hết. Như trong kinh nói: “Nghe tiếng sấm lớn hai hạng người chẳng sợ: Chuyển-luân Thánh-Vương và A-La-Hán”. Nay phàm phu này lẽ cũng chẳng sợ?

Lại A-La-Hán sống chẳng mừng, chết chẳng sợ, như A-La-Hán Ưu-Ba-Tư-Na bị phải rắn cắn, khi mạng sắp chung các căn chẳng đổi khác nhau sắc chẳng biến. Người này lẽ cũng như vậy? Lại A-La-Hán, tám pháp của thế-gian chẳng năng che tâm. Người này lẽ cũng như vậy, vì đã ly dục. Mà thật phàm phu tuy nói ly-dục đều không các tướng này. Nên biết chẳng dứt phiền não.

Hỏi: Phàm phu năng dứt phiền não, vì mạng chung nơi đây vãng-sinh cõi Sắc, nếu chẳng dứt làm sao sinh kia được? Trong kinh cũng nói có ngoại-đạo ly-dục. Lại nói A-La-La-Ca-La-Ma Uất-Đầu-Lam-Phát bỏ lìa cõi Dục cõi Sắc sinh về cõi Vô-sắc. Lại nói dùng Sắc lìa dục, dùng vô-sắc lìa Sắc, dùng Diệt lìa khởi nghĩa nghĩ-niệm. Vậy nên ông nói phàm phu tuy dứt phiền não mà sinh trở lại nên chẳng gọi là dứt. Việc ấy chẳng phải lẽ. Ông cũng nói phàm phu có dứt bao nhiêu đều thật là ngăn, chỉ gọi là dứt lìa, kỳ thật chẳng dứt thôi. Thật chẳng ly-dục nói gọi ly-dục. Như trong kệ nói: Nếu nghĩ ngã, ngã-sở, chết đến mới năng dứt; trẻ nít chơi giỡn đất, khi còn yêu tham giữ; nếu khi lòng chán đã, liền phá mà bỏ đi. Đây cũng gọi

ly-dục. Nhưng ngoại đạo dứt cùng chết dứt có khác: Chết dứt chẳng sinh cõi Sắc, vô-sắc; trẻ nít bỏ đất tuy là cúng-dường nhưng không quả-báo lớn. Lời nói tuy đồng nghĩa mà nghĩa thời khác. Vậy nên biết phạm phu thật có đoạn-ly?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sai khác. Nếu năng ngăn phiền não sâu thời sinh hai cõi Sắc, vô-sắc. Lại nếu năng ngăn thân-kiến như trước đã nói lỗi; nếu chẳng năng ngăn thân-kiến cõi Dục làm sao năng sinh cõi Sắc, vô-sắc. Chỉ năng ngăn tham giận nên sinh cõi Sắc. Chẳng năng thân-kiến thấy. Nên biết phạm phu thật chẳng năng dứt gút. Cõi Dục cũng có pháp lành năng ngăn phiền não, nên biết cõi Dục cũng có tu huệ. Lại trong kinh nói trừ bảy chỗ nương cũng hứa cho Đắc-Đạo. Nên biết nương Định cõi Dục năng sinh chân-trí.

Hỏi: Người này nương sơ-thiền cận địa được A-La-Hán chẳng phải Định cõi Dục?

Đáp: Chẳng phải. Nói trừ bảy chỗ nương là trừ cả sơ-thiền và cận địa rồi. Lại trong ấy không có nhân-duyên năng nương cận địa mà chẳng phải Định cõi Dục. Nếu hành-giả ấy năng vào cận-địa tại sao chẳng năng vào sơ-thiền ư? Việc này cũng không lý-do. Lại trong kinh Tu-Thi-Ma nói: “trước pháp trụ-ttrí, sau Nê-Hoàn-trí”. Nghĩa này bắt tất trước được thiền-định mà sau mới hết lậu, chỉ quyết dùng pháp-trụ-ttrí làm đầu, nhiên hậu hết lậu. Nên biết trừ các thiền-định. Trừ các thiền-định nên mới nói kinh Tu-Thi-Ma. Nếu thọ cận-địa, tức lỗi đồng các thiền. Lại không có kinh nào nói tên cận địa. Đây người tự nhớ tưởng phân-biệt mà thôi.

Hỏi: Trước tôi nói dụ cái nôm. Nên biết lấy Đạo bực khác năng dứt gút bực khác, như lấy nôm nhỏ năng tháo nôm lớn. Như vậy lấy Đạo cõi Sắc năng dứt cõi Dục. Hành-giả, nếu trước dứt Dục và pháp ác bất thiện, nhiên hậu năng vào sơ-thiền. Nên biết chắc có cận địa lấy Định dứt Dục. Lại nói nhân sắc lia dục. Nếu không cận địa làm sao nhân sắc. Lại trong kinh nói: “Nếu hành-giả được vui tịnh thời năng bỏ vui bất tịnh”. In như Nan-Đà nhân được thiếu nữ yêu mới bỏ được vợ nhà. Lại nếu kẻ chẳng được sơ thiền tịch diệt vị thời với ngũ dục chẳng thể sinh tâm hèn tẻ. Vậy nên biết trước được sơ-thiền cận địa mới năng bỏ cõi Dục?

Đáp: Được tịnh thiện cõi Dục năng dứt bất thiện, như nắm món xuất tính. Như Thánh đệ-tử hoặc niệm ngũ-dục mà chẳng sinh vui mừng, tâm chẳng thông hòa như đốt gân lông; nếu nghĩ xuất pháp là tâm thông suốt. Lại nói hành-giả tùy khi sinh Giáo quán bất thiện liền lấy thiện-giác-quán mà diệt. Vậy nên người nói dụ tháo nôm cũng có thể là cõi Dục. Người nói nhân sắc lia dục là việc sau cùng. Hành-giả dùng Đạo cõi Dục dứt các phiền não, tùy theo thứ lần dứt, cho đến năng được thiện pháp cõi Sắc, bấy giờ mới dứt cõi Dục rốt ráo được pháp cõi Sắc, người nói diệt-tận-định A-La-Hán cũng được các Định. Đó chỉ nói quả cuối cùng. Người

nói được vui tịnh-diệu và tịnh diệt vị đều đã đáp chung. Lại nếu cõi Dục không Định làm sao năng dùng tâm chứng được thiện cõi Sắc?

Hỏi: Huệ giải-thoát A-La-Hán không Định cũng chỉ có huệ?

Đáp: Trong ấy chỉ ngăn thiền-định; chắc phải có thời gian ngắt nhiếp tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Phật nói: “Tỳ-kheo khi lấy áo có ba độc, mặc rồi mới diệt”. Không có kinh nào nói trong tán loạn, tâm năng sinh chân trí, mà đều nói nhiếp tâm như-thật-trí.

PHẨM BỐN VÔ-NGẠI-TRÍ THỨ 195

Hỏi: Có thể-trí cận-pháp-vị, có phải vậy không?

Đáp: Đây là trí trong Noãn-Pháp thấy năng phá giả-danh. Trí này dùng thể-tục thấy Đế-lý nên gọi thể-trí; cận Thánh Đạo nên gọi cận-pháp-vị.

Hỏi: Trong thấy Đế-Đạo là trí tu vị-lai thấy?

Đáp: Không có trí tu vị-lai thấy ra sao sẽ nói tại vì sao? Vì trong pháp-tướng không có tâm giả-danh, vậy nên trong thấy Đế-Đạo chẳng tu thể-trí.

Hỏi: Trong kinh có bốn vô-ngại-trí, có phải vậy không?

Đáp: Như vô-ngại-trí trong danh-tự gọi là pháp-vô-ngại; vô-ngại-trí trong ngôn-âm gọi là từ-vô-ngại nghĩa là khác phương khác tục nên tiếng tăm và lời nói sai khác. Như trong kinh nói “Hành-giả chẳng nên tham đắm tiếng tăm của cõi nước”. Hoặc có lời tiếng nghĩa bất-tiện và khó hiểu. Nếu không có danh-tự thời nghĩa chẳng rõ được. Cứ nơi ngôn-từ này chẳng lưu-ngại chẳng cùng tận gọi là lạc-thuyết-vô-ngại. Như trong kinh nói: “Có bốn lối thuyết-pháp: Hoặc thuyết có nghĩa-thú mà không được vô-lậu; có được vô-lậu mà không nghĩa-thú; có được cả hai; có cả hai đều hỏng.” ba món này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô-ngại biết nghĩa trong danh ngữ gọi là nghĩa vô-ngã. Như nói có bốn lối thuyết-pháp: Có nghĩa phương tiện không ngữ phương tiện; có ngữ phương tiện không nghĩa phương tiện; có đủ hai phương tiện; có cả hai đều không phương tiện. Nếu người năng được bốn vô-ngại-trí đây là đầy đủ phương tiện. Bực Trung Thượng Thuyết-pháp khó đáp lại khó gần lạc-thuyết vô-lậu, cũng có nghĩa-thú trí-huệ vô cùng ngôn từ không bị ngăn trệ.

Hỏi: Làm thế nào sẽ được vô-ngại-trí này?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân-duyên đời trước nên được. Nếu có thể đời đời khéo tu nhân-duyên trí-huệ và phương tiện các âm, vì sức tu tập nên đời nay tuy chẳng học tập văn-tự, đọc tụng kinh điển nhưng cũng có thể được như thiên nhân thông thầy.

Hỏi: Hạnh người nào có thể được?

Đáp: Duy thánh-nhân năng được. Có người nói chỉ A-La-Hán được, chẳng phải kẻ học-nhân. Lời này bất tất vậy, học nhân cũng năng được tám món giải-thoát, tại sao chẳng năng được trí này?

Hỏi: Bốn vô-ngại này ở cõi nào?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả, trong cõi vô-sắc duy có nghĩa vô-ngại. Vô-ngại có hai thứ hữu-lậu và vô-lậu. Học-nhân đủ hai thứ, vô-học duy có vô-lậu. Nếu được thời nhất thời được hết. Nữ nhân được được. Như Tỳ-kheo-ni Đàm-Ma-Trần-Na vậy.

PHẨM NĂM TRÍ THỨ 196

Năm trí: Pháp-trụ-trí, Nê-Hoàn-trí, Vô tránh-trí, Nguyên-trí và Biên-tế-trí. Biết các pháp sinh khởi gọi là pháp-trụ-trí, như sinh duyên lão tử cho đến vô-minh gọi là pháp-trụ-trí. Pháp này diệt gọi Nê-Hoàn-trí, như sinh diệt nên lão tử diệt cho đến vô-minh diệt nên các hành cũng diệt theo.

Hỏi: Nếu vậy là Nê-Hoàn-trí cũng gọi pháp-trụ-trí. Tại vì sao? Vì nếu có Phật hay không Phật tính này vẫn thường trụ vậy?

Đáp: Diệt hết các pháp gọi là Nê-Hoàn. Trong diệt hết ấy còn có pháp gì mà trụ được?

Hỏi: Nê-Hoàn chẳng phải thật có sao?

Đáp: Âm diệt không còn nên gọi Nê-Hoàn. Trong ấy còn có gì nữa?

Hỏi: Thật có Nê-Hoàn. Tại sao biết được? Diệt Đế gọi Nê-Hoàn. Khổ thấy các Đế thật có, nên Nê-Hoàn lẽ phải có thật. Lại trí trong Nê-Hoàn gọi diệt-trí. Nếu không có pháp làm sao sinh trí? Lại trong kinh Phật vì các Tỳ-kheo nói; “Có sinh khởi làm hữu-vi pháp, có chẳng sinh khởi làm vô-vi pháp”. Lại trong kinh nói: “Duy có hai pháp: hữu-vi và vô-vi”. Hữu-vi pháp có sinh diệt trụ dị; vô vi pháp không sinh diệt trụ dị. Lại trong kinh nói: “Có bao nhiêu pháp hoặc hữu-vi hoặc vô-vi diệt hết Nê-Hoàn, duy đây là cao thượng”. Lại nói: sắc là vô thường, diệt sắc nên Nê-Hoàn

thường, cho đến thức cũng vậy. Lại trong kinh nói: “Diệt cần phải chứng”. Nếu không pháp chứng thứ gì? lại Phật nói ở trong Đa-tính kinh: “Kẻ trí như thật biết tính hữu vi và vô vi”. Tính vô-vi tức là Nê-Hoàn, dùng chân trí mà biết làm sao nói không? Lại trong các kinh không quyết định nói Nê-Hoàn là vô-pháp. Vậy nên biết ông tự nhớ tưởng phân-biệt bảo không Nê-Hoàn?

Đáp: Nếu lia các âm lại pháp khác gọi Nê-Hoàn ấy, thời chẳng nên gọi các âm diệt hết cho là Nê-Hoàn. Lại nếu có Nê-Hoàn cần nói ra thể nó là thể nào? Lại Định duyên Nê-Hoàn gọi là vô-tướng, nếu pháp tướng vẫn còn ấy sao gọi vô-tướng được? Như trong kinh nói: “Hành-giả thấy sắc tướng dứt, cho đến thấy pháp tướng dứt”. Lại trong kinh chỗ chỗ đều nói: “Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô-ngã, tịch-diệt Nê-Hoàn”. Ngã trong ấy gọi là thể tính các pháp. Nếu chẳng thấy thể tính của các pháp mà gọi là thấy vô-ngã ấy, hoặc Nê-Hoàn thời pháp ấy không có thể-tính chẳng thể thấy được, vì pháp này chẳng diệt vậy. Như khi tùy có cái bình thời không pháp bình hoại; nếu khi bình hoại thời mới được nói bình hoại. Chặt cây thảy cũng như vậy. Như vậy nếu các hành hãy còn bấy giờ chẳng gọi Nê-Hoàn, vì các hành diệt mới có tên Nê-Hoàn. Lại khổ diệt chẳng gọi còn có pháp riêng, như trong kinh nói: “Các Tỳ-kheo! nếu khổ này diệt khổ khác chẳng sinh, không còn nối nhau, chỗ ấy là đệ-nhất tịch-diệt yên-ôn”. Chỗ gọi bỏ lia tất cả thân tâm lia diệt hết hẳn tham-ái Nê-Hoàn. Trong ấy nói dứt khổ này khổ khác chẳng sinh, đâu còn có pháp gì gọi Nê-Hoàn ư? Lại cũng không riêng còn có tận-pháp? Chỉ ái đã sinh diệt, ái chưa sinh chẳng sinh, bấy giờ gọi Tận, lại đâu còn có pháp gì nói gọi là Tận ư? Thật chẳng thể nói được! Lại nữa, có pháp dị-danh này là ngũ-âm pháp không có mà gọi là Nê-Hoàn; trong ấy không mà gọi là có, đây là không thể được, vì diệt hết nên nói là Nê-Hoàn. In như hết áo lại không pháp riêng, nếu chẳng như vậy lẽ cũng phải riêng có pháp hết áo thảy. Người nói có diệt-trí ấy cũng không hại gì, như với việc chặt cây thảy trí sinh cũng không riêng có pháp chặt. Lại do các hành nên trí sinh trong ấy nghĩa là tùy các hành không còn gọi là Nê-Hoàn, như tùy không có vật ấy biết vật ấy không có.

Hỏi: Nay không có Nê-Hoàn sao?

Đáp: Chẳng phải không Nê-Hoàn, chỉ không thật pháp. Nếu không có Nê-Hoàn thời thường ở trong sinh tử hẳn không mong ngày giải-thoát. Như bình bị vỡ cây bị chặt, chỉ chẳng phải thật có riêng. Nói các Đế khác thảy đều đã chung đáp. Tại vì sao? Vì có khổ diệt nên mới nói có các pháp bất-sinh bất-khởi bất-tác vô-vi thảy đều không hại gì. Vô-tránh-trí: Tùy dùng trí nào đó chẳng tranh cãi cùng kẻ khác gọi là vô-tránh. Có người nói chính là từ-tâm đó vậy. Vì từ-tâm nên chẳng nào hại chúng sinh. Lại có người nữa nói chính là hành vậy. Vì không hành chẳng cùng với vật mà tranh. Lại có người khác nữa nói chính là tâm vui Nê-Hoàn vậy, vì tâm vui

Nê-Hoàn nên không tranh cãi làm gì. Cũng còn có người nói nữa: Ở trong đệ-tứ-thiền. Lời này bất tất vậy. Vị A-La-Hán ấy dùng trí này tu tập nên không tranh cãi làm vì. Nguyên trí: Đối với trong các pháp trí không ngăn ngại gọi là nguyên trí.

Hỏi: Nếu nói như vậy duy Phật Thế-Tôn độc-đắc trí này?

Đáp: Chính như vậy. Duy Phật Thế-Tôn mới đầy đủ trí này. Còn người khác tùy sức sở cập mà được không ngăn ngại. Biên-tế-trí: Tùy kẻ hành-giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiền-định huân tu tăng trưởng; như đối với trong mạng sống lâu tăng tôn thấy được sức tự tại gọi là biên tế trí tức trí có chùng ngăn.

PHẨM LỤC-THÔNG-TRÍ THỨ 197

Có sáu thông trí. SÁU THÔNG: Thân-thông, Thiên-nhãn, Thiên-nhĩ, Tha-tâm-thông, Túc-mạng và Lậu-tận. Thân thông là thân hành-giả luôn ra nước lửa, bay bổng lên nắm bắt mặt trời trăng và ẩn hiện, bay đến cõi Phạm-tự-tại và các pháp biến hóa. Các hành nghiệp như vậy thấy gọi là thân thông.

Hỏi: Việc ấy làm sao thành công được?

Đáp: Hành-giả tham tu thiền-định nên được. Như trong kinh nói sức kẻ thiền-định bất-khả-tư-nghì. Có người nói biến hóa là tâm vô ký. Việc này chẳng phải lẽ. Vì nếu hành-giả ấy vì lợi tha mà hiện các món biến hóa thì làm sao gọi vô ký được? Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Dục, tâm cõi sắc làm biến hóa cõi Sắc. Lời ấy cũng chẳng phải lẽ. Mắt thấy lẽ cũng như vậy, có thể dùng thức cõi Dục thấy cõi Sắc ư? Như vậy thấy nếu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi chi? Lại có người nói thần thông sơ thiền năng đi đến cõi phạm thế, cho đến thần thông tứ thiền năng đến cõi Sắc-cứu-cánh. Đây cũng chẳng phải lẽ. Tùy căn lực sở cập: nếu kẻ lợi căn dùng thần thông sơ thiền năng đến tứ-thiền; kẻ độn căn dùng thần thông nhị thiền chẳng năng dùng sơ thiền như Đại-Phạm-Vương đến thiền trung gian, trong ấy không thần thông, vì sức sơ thiền năng đến cõi phạm thiên, liền dùng sơ thiền chẳng năng biết phạm vương ở chỗ nào. Lại Phật dùng túc mạng nghĩ nhớ cõi vô-sắc, Như trong kinh nói: “Nếu có chỗ sinh đời trước trong cõi Sắc và vô-sắc Phật đều nhớ biết”. Vậy nên chẳng nhất định. Lại có người nói thiên nhãn là huệ tính. Việc này cũng chẳng phải. Thiên nhãn do ánh sáng, mà thành huệ chẳng phải như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói tu tướng ánh sáng năng thành tri kiến. Tri kiến tức là thiên-nhãn?

Đáp: Chẳng phải. Cũng nói thiên nhĩ của dùng huệ-tính, gọi đó là nhĩ, nên chẳng phải huệ vậy. Lại thiên nhãn duyên sắc hiện tại, ý-thức chẳng vậy. Lại trong lời giải thiên nhãn nói biết nghiệp báo chúng sinh. Nhãn thức không có sức này, chỉ trong ý thức khi biết dùng nhãn thức mà sinh vậy, như do thiên-định sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Hình chỗ thiên nhãn lớn nhỏ?

Đáp: Chùng bằng tròn mắt.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng chỗ mắt.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy ngó hướng nào thấy hướng ấy sao?

Đáp: Thấy khắp các hướng.

Hỏi: Hóa nhân cũng có sao?

Đáp: Không có. Kẻ tạo hóa có Luận thiên-nhĩ cũng như vậy.

Hành-giả nếu biết tâm kẻ khác gọi là tha-tâm-trí.

Hỏi: Tại sao chẳng nói biết tâm-số kẻ khác?

Đáp: Vì nhân-duyên này nên không có tâm-số riêng là biết thọ tướng thủy của kẻ khác cũng gọi là tha-tâm-trí. Lại có người nói: trí này đồng tính duyên, như dùng hữu-lậu, vô-lậu biết vô-lậu. Việc này chẳng phải lẽ. Người này chẳng nói nhân-duyên quyết định, vì nhân-duyên ấy biết đồng-tính-duyên. Có người nói chỉ duyên hiện-tại. Đây cũng chẳng phải. Hoặc duyên vị-lai như người vào Định vô-giác, biết từ Định này khởi, sẽ giác biết những việc như thế như thế. Có người nói trí này chẳng biết kiến-đế-đạo. Lời này cũng chẳng phải. Nếu biết có lỗi gì? Có thuyết nói: “Bích-Chi-Phật muốn biết kiến-đế-đạo trong tâm thứ ba, tức thấy tâm thứ bảy; Thanh Văn muốn biết tâm thứ ba, thức thấy tâm thứ mười sáu”. Đây chẳng gọi là kiến-đế-đạo ư? Lại có người nói trí này chẳng biết thượng-căn của người trên ở bậc trên. Đây cũng chẳng nhất định. Chư thiên cũng biết tâm Đức Phật, như có

một hôm Phật rất muốn đuổi Chúng-Tăng, rồi lại nghĩ cho lại, Phạm-Vương đều biết. Lại có một khi tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chính-pháp mà trị hóa cõi đời. Ma-vương liền biết đến mà khuyên mời. Lại Chư-Thiên cũng biết vị này A-La-Hán, cho đến vị này đang tu Tu-Đà-Hoàn. Lại các Tỳ-kheo cũng biết tâm Phật như khi sắp vào Nê-Hoàn thì A-Na-Luật thứ lớp biết Phật đã vào các thiền-định. Lại có người nói trí này chẳng biết cõi Vô-sắc. Đây cũng chẳng phải lẽ. Phật dùng túc-mạng năng biết vô-sắc; tha-tâm-trí cũng như thế, biết có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm kẻ khác?

Đáp: Biết trong cảnh duyên. Như tâm đi trong Sắc gọi là tâm-duyên-sắc. Như thế thấy.

Hỏi: Nếu vậy thời tha-tâm-trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Chính như vậy. Nếu chẳng biết duyên làm sao biết tâm. Như trong kinh nói: “Ta biết tâm người như vậy “. Tức là duyên sắc thấy. Biết tha tâm có ba thứ: một tướng biết; hai báo được; ba tu được. Tướng biết: như dùng chú ương-già thấy nên biết. Báo được: như Quỷ Thần thấy. Tu được: sức tu thiền-định được tha-tâm-trí. Trong sáu pháp thông này tu được hoặc nhờ các âm-thân trong đời quá-khứ gọi là túc-mạng-trí.

Hỏi: Nhớ âm của ai?

Đáp: Nhớ âm của mình, người và phi chúng sinh. Tuy chẳng năng nhớ âm kẻ hèn mình mà năng giới thấy các pháp của kẻ hơn mình. Tại sao biết được? Như Xá-Lợi-Phát đáp Thế-Tôn rằng tôi chẳng năng biết tâm Phật quá-khứ vị-lai mà năng biết các pháp. Lại trời tịnh cư biết tâm Phật nên đến thưa Phật rằng: Như vậy Thế-Tôn! Các Đức Phật quá-khứ uy-nghi cũng như vậy”.

Hỏi: Trong giải nghĩa túc mạng, tại sao nói cộng tướng cộng tính?

Đáp: Nghĩ nhớ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người thấy. Lại vì biết việc nên gọi là tướng, họ, danh, dòng tộc, như nói đây là nhà của người, đây gọi là dòng họ người. Tướng tính hiệp nói, nên biết thấy rõ ràng.

Hỏi: Tại vì sao nhớ rõ ràng?

Đáp: Pháp quá-khứ diệt hết tướng mà năng biết được, đây mới là lạ lùng. Có người dùng tướng nghĩ lường mà biết, chẳng được rõ ràng, rồi bảo đệ-tử Phật cũng như vậy. Vậy nên tính tướng hiệp lại mà nói. Có người dùng túc mạng trí; hoặc dùng

hữu-đạo tư-huệ mà biết đòi quá-khứ, như hành duyên thức; trong hai món này tư-huệ là hơn. Tại vì sao? Vì người này tuy biết tám muôn đại kiếp, mà không có tư-huệ này nên sinh tà-kiến cho rằng: từ trước đến nay gọi là sinh tử, quá đây lại không có gì cả. Nếu có đạo tư-huệ trọn không có tà tâm này. Có người nói trí này thứ lớp nghĩ nhớ quá-khứ. Việc này chẳng phải lẽ. Nếu như niệm niệm thứ lớp nhớ việc trong một kiếp hãy còn khó biết hết hướng là vô lượng kiếp.

Hỏi: Tại sao trong kinh lại nói: “Ta từ ở trong chín mươi một kiếp đến nay chưa hề thấy bố thí tổn kém mà không quả-báo?”.

Đáp: Phật ở trong ấy lấy bảy Đức Phật làm chứng; lại cũng có sống lâu trong cõi tịnh cư cùng với các Đức Phật kia đồng thấy. Lại vì Phật được chân trí nên công đức thanh-tịnh, nếu người cúng dường được phước hai đời thời ngang với thuyết này. Có người nói trí này chẳng biết thượng địa. Việc này chẳng phải lẽ. Trong thân thông thấy ở trên đã đáp.

Hỏi: Nếu đây là tính nhớ tại sao gọi trí?

Đáp: Nhớ tùy tướng sinh; quá-khứ không tướng mà năng nghĩ nhớ. Nên phải biết thắng-huệ gọi đó là nhớ. Nhớ túc-mạng có ba thứ một dùng túc mạng-trí; hai báo được; ba sinh ra bèn tự nhớ. Túc-mạng-trí: gọi tu được. Báo được: như Quỷ Thần thấy. Sinh ra tự nhớ: là trong nhân đạo.

Hỏi: Do những nghiệp gì nên sinh ra bèn tự nhớ?

Đáp: Nhờ nghiệp chẳng nỡ hại chúng sinh nên mới được. Tại vì sao? Vì những khi chết khi sinh khổ rất ép ngặt nên quên mất nghĩ nhớ; trong khi ấy khó mà được chẳng quên mất, nên phải nhờ nghiệp lành. Lại có người quá-khứ cùng tốt là bảy đời. Việc này chẳng nhất định. Có người đời thâm tu pháp chẳng hại, nên năng được nghĩ nhớ lâu xa.

Chứng lậu-tận trí-thông: Chính là kim-cương tam-muội vậy. Kim-cương tam-muội là lậu-tận; vô-ngoại đạo tận-trí là vô học-trí. Dùng kim-cương tam-muội mới diệt hết các lậu nên gọi chứng lậu-tận trí-thông.

Hỏi: Các thần-thông khác cũng nên nói nhờ pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã nói thâm tu thiên-định chứng thần-túc-thông. Lại tùy sở dụng chứng và việc sở chứng đều gọi thần-thông. Có người nói tất cả Thánh Đạo đều là phương-tiện hết lậu. Như trong kinh nói: “Nếu Phật ra đời nếu có người lành, nghe pháp xuất-gia, phụng-trì cấm giới, bỏ năm món ngăn che, tu Định thấy Đế...”

Những điều ấy đều là phương tiện để hết lậu. Lại có người nói bổ thí thầy các pháp lành cũng gọi là nhân-duyên hết lậu, như trong kinh nói: “Hành-giả bổ-thí để giúp thành hết lậu, không, vô-ngã-trí”. Đây là thật chúng lậu-tận trí-thông. Pháp này có tên riêng là kim-cương tam-muội. Năng phá các tướng nên gọi kim-cương. Các người ngoại đạo chỉ được gọi ngũ-thông, vì đều chẳng được chân-trí này vậy.

Hỏi: Lấy vô-ngã-trí mới phá ngã-kiến, tại sao lấy trí này dứt tham nhuê thầy?

Đáp: Vô-ngã-trí năng diệt các tướng, vì không còn tướng nên các phiền não diệt.

Hỏi: Vì ban đầu lấy vô-ngã-trí năng phá các tướng, còn trí thứ hai thầy lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt mà sinh lại nên phải dùng trí thứ hai thầy.

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi mà sinh lại là không ngăn. Vậy thời không có đạo A-La-Hán?

Đáp: Có ngăn. Như nay hiện thấy sữa diệt lại có sinh; có có khi sữa diệt bơ sinh. Như vậy là ngăn, tướng cũng như vậy. Như đốt sắt tướng đen diệt rồi sinh lại, đến tướng đỏ sinh, bấy giờ là ngăn. Các vị dụ dọt sữa trong thái tạng thầy cũng như vậy. Tuy đến khi nào các tướng diệt hết không còn tướng sinh bấy giờ gọi là được đạo A-La-Hán.

Hỏi: A-La-Hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, bây giờ cũng có sắc thầy các tướng, nhưng chẳng sinh lỗi, như người thấy sắc, vì tà-tâm, tà phân biệt, khi ấy tướng năng sinh lỗi.

Hỏi: Không-vô-ngã-trí là thứ nào?

Đáp: Nếu hành-giả đối trong ngũ-ám chẳng thấy giả-danh chúng sinh, dùng pháp không nên thấy sắc-thể diệt cho đến thức diệt. Đây gọi là không-vô-ngã-trí.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn; ái thầy các phiền não cũng có thể trừ hết, như nói muôn vật thường tồn tại, mà kẻ tinh tiến năng trừ tham ái. Thì cần gì phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh nói: “Có bao sinh tướng, biết điều diệt tướng, với trong các pháp, được pháp nhãn tịnh”. Như có diệt đoạn là rất ráo đoạn; có hành-giả lìa các sắc dục,

ngăn dứt tham nhuế; nên Phật nói vì đầy mà nói kệ như vậy. Lại nói các hành tính rỗng không như huyễn, kẻ phàm phu vô trí cho đó là thật có; kẻ học nhân rõ biết luống dối như huyễn. Nên biết tùy dùng huệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đây gọi là chứng lậu-tận trí-thông.

PHẨM NHÃN-TRÍ THỨ 198

Hỏi: Trong kinh nói: “Nếu hành-giả có bảy phương tiện, ba món quán nghĩa, đối với trong pháp ấy, chóng được hết lậu”. Là trí nào ư?

Đáp: Bảy phương tiện là huệ nghe huệ nghĩ. Tại vì sao? Vì kẻ tâm chưa định khởi quán như vậy: Đây là sắc, sắc nhóm, sắc diệt, và Đạo diệt sắc, sắc đấm vị, tội lỗi xuất ly.

Hỏi: Nếu là huệ nghe nghĩ ấy, cơ sao nói chóng được hết lậu.

Đáp: Tuy là hệ nghe nghĩ như vậy phân biệt ngũ-âm, năng phá được ngã-tâm, nên mới nói chóng được hết lậu. Ba món quán-trí: Nghĩa là quán hữu-vi vô thường, khổ, vô-ngã. Nếu dùng môn âm-giới-nhập mà quán pháp hữu-vi thời không nghĩa lợi.

Hỏi: Nếu như vậy, trong lầm lỗi trước đã nói vô thường khổ; trong xuất ly đã nói vô-ngã, thì tại sao còn nói ba món quán này chi?

Đáp: Học tập ba món quán, trước tiên là huệ nghe nghĩ, nhiên hậu huệ tu. Trước với trong huệ nghe nghĩ nói bảy món, sau trong huệ tu nói ba món. Tại vì sao? Nếu vô thường, khổ hoại tướng là hoại vô thường, chứ chẳng phải hành vô thường. Tuy nói trừ dục nhiễm mà chẳng nói trừ bằng cách nào, sau mới nói nghĩa ba món quán.

Hỏi: Sao gọi tám nhãn?

Đáp: Nếu có trí năng phá giả-danh, đầy gọi là nhãn. Nhãn này ở trong pháp: Noãn, Đảnh, Nhãn và Thế-Đệ-Nhất.

Hỏi: Hành-giả cũng nhãn trong Phật-Pháp-Tăng và giới thầy tại sao chỉ nói tám ư?

Đáp: Vì thắng hơn nên nói. Thắng gọi là cận-đạo. Huệ là trí nên gọi Nhãn. Như là khô-pháp-trí gọi khô-pháp-nhãn. Đại khái như vậy thầy. Tại vì sao? Vì trước dụng huệ nghĩ thuận Đạo, sau mới được hiện-trí, như người chặn voi trước xem dấu chân voi, dùng trí so sánh biết nó ở trong ấy, rồi sau mới hiện thấy. Hành-giả cũng

như vậy, trước dùng nhãn-trí so sánh nghĩ lường Nê-Hoàn, nhiên hậu lấy trí hiện thấy. Cho nên kinh nói kẻ trí-giả là kẻ kiến giả năng được hết lậu.

PHẨM CHÍNH-TRÍ THỨ 199

Hỏi: Có ông Luận-sư nói? A-La-Hán khi chứng tận-trí được chín món trí của thế-tục là: buộc cõi Dục, thiện, vô-ký cho đến thiện, vô-ký cõi Phi-tướng phi phi-tướng-xứ. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải tất cả A-La-Hán đều được các thiên-định, làm sao mà được hết chín trí.

Hỏi: Tất cả A-La-Hán đều được hết thiên-định chứ? Nhưng chẳng phải tất cả đều năng hiện vào?

Đáp: Nếu chẳng năng hiện làm sao gọi được? như người nói tôi biết kinh thơ. Mà chẳng biết một chữ, việc này cũng vậy.

Hỏi: Nếu người ly-dục mà chưa năng hiện sơ-thiền; người ấy mạng chung chẳng sinh về kia sao?

Đáp: Trong kinh nói: “Trước ở đây vào, sau mới sinh kia”. Nay ở đây chẳng vào làm sao mà sinh về kia được?

Hỏi: Như khi ly-dục các thiên quá-khứ vị-lai đều đã được; mới được nhờ báo đầy mà sinh?

Đáp: Nghiệp vị-lai không-tác không khởi nên chẳng có quả-báo được; các thiên quá-khứ đã từng sinh nơi tâm, nếu cùng với quả-báo thời không hại gì. Lại chẳng lẽ được các nghiệp vị-lai, nếu có thể được ấy, tất cả vị-lai lẽ đều phải được chứ vì ai ngăn mà cái chẳng được?

Hỏi: Nếu pháp vị-lai chẳng thể được ấy. Thời kẻ học-nhân chẳng nên thành-tựu tám phần, vô-học chẳng nên thành-tựu mười phần. Tại vì sao? Vì nếu nương đệ-nhị-thiền thấy vào chánh-pháp-vị, thời người này vị-lai mới được chính-tư-duy. Lại nếu hành-giả tận-trí hiện-tiền bấy giờ vị-lai được thể-chính-kiến. Lại có người nương Định vô-sắc được quả A-La-Hán. Người này vị-lai được chính-tư-duy, chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Lại nếu người nương đệ-tam-thiền thấy được Thánh-đạo được mừng vị-lai. Những pháp như vậy thấy thời lẽ đều không. Nên biết có pháp vị-lai. Lại nếu không kẻ tu vị-lai (làm) sao mà được quả các thiên-định thấy? Hành-giả nếu ở trong đạo trí so sánh đều được quả nhiếp về các trí

các Định nếu chẳng như vậy lẽ ra các quả ấy thường được. Việc này chẳng thể được. Nên biết phải có kẻ tu trong vị-lai?

Đáp: Người nói không các phần ấy. Đây không hại gì. Tại vì sao? Vì tôi nói giới thấy các phần do thứ lớp mà được, đâu phải đồng thời được. Nên chẳng nạn vẫn được vậy. Người nói các được chủng loại ấy. Hành-giả khi được khổ trí, các loại trí khác đều gọi là được, như được nhân chủng nên gọi là được nhân tướng; cũng chẳng gọi ở trong từng niệm lần nữa được nhân tướng. Việc này cũng như vậy.

Hỏi: Hành-giả có bao nhiêu khổ thấy các trí thứ lớp được ấy, đều đã rời bỏ, lại đồng thời được quả Tu-Đà-Hoàn nhiếp được cái trí?

Đáp: Được các trí vô-lậu thời chẳng mất.

Hỏi: Nếu trước được chẳng mất thời “được hành” không riêng khác. Tại vì sao? Vì kẻ được quả tức là hành-giả. Có những lỗi này?

Đáp: Nếu không riêng khác đâu có lỗi gì? Như kẻ thành-tựu cũng gọi hành-giả. Đây cũng như vậy. Lại người này còn được thắng pháp nên có sai biệt, vậy nên không lỗi. Như kẻ thọ ngũ giới lại được luật nghi xuất gia cũng chẳng mất bổn-giới. Lại kẻ đắc quả chẳng vì thấy Đạo nên có sai khác, như người tuy biết việc trước lại vì việc hơn trước nên có sai khác. Việc này cũng vậy, nên biết không có được vị-lai. Lại hành-giả an-trụ trí không vô-ngã, bấy giờ làm sao được pháp thế-gian? Nên biết khi được tận-trí chẳng được thế trí?

Hỏi: Các thế trí này cộng chung tận trí, được cùng với A-La-Hán mà tác tâm xuất nhập Định?

Đáp: Tâm A-La-Hán nối nhau mà sinh niệm niệm đều thanh-tịnh. Nếu lại được chín trí. Lại nói kẻ tu vị-lai đều không nhân duyên. Tại vì sao? Vì trong các thuyết thấy đế-đạo này chỉ tu tương tợ và bất tương tợ. Trong thấy đạo chẳng tu thượng địa; Trong tư-duy đạo thì tu. Trong tử trí đạo chẳng tu thiện thế tục; Trong các trí khác thì tu. Trong vô-ngại đạo chẳng tu tha tâm trí. Khi mà tạm thời giải-thoát chuyển thành thấy ngược là tất cả trong vô-ngại giải-thoát đạo chẳng tu thế-tục-đạo. Khi mà tạm thời giải-thoát là trong chín vô ngại và tám giải-thoát đạo chẳng tu thế tục đạo; mà trong giải-thoát đạo thứ chín tu: Trong vi tế tâm chẳng tu tất cả vô lậu. Như vậy thấy đều không lý do. Vậy nên người nay hoặc nói chính nhân, hoặc nên tín thọ, hoặc lấy học tập là tu, khi còn ở trong Noãn pháp thấy, các thiện căn bực thượng tất cả đều tu, vì thấy đều tăng ích vậy. Như tụng tập kinh sách thời đều sáng sủa. Vậy nên khi còn ở trong Noãn pháp thấy, cho đến tận trí đều tu. Nếu chẳng phải như vậy thời phải nói chính nhân?

PHẨM MUỖI TRÍ THỨ 200

Muôi trí: Pháp trí, tỉ-thí, tha-tâm-trí, danh-tự-trí, tứ-đệ-tứ-trí, tận-trí và vô-sinh-trí. Biết pháp hiện tại gọi là pháp trí. Như trong kinh nói: “Phật bảo A-Nan rằng người đối với pháp này thấy biết như vậy thông-đạt như vậy; quá-khứ vị-lai cũng biết như vậy”. Lẽ ra phải nói hiện-tại pháp-trí. Nay chẳng nói hiện-tại chỉ nói pháp-trí. Như trong kinh nói: “Kẻ ngu quý pháp hiện-tại, mà người trí quý vị-lai”. Lại nói các dục hiện tại, các dục vị-lai đều là lưới mà bị ma trời buộc. trong những như vậy thấy đều nên nói lời “hiện” vì lược bớt lời hiện nên chỉ nói pháp-trí. Biết pháp còn thừa tàn gọi là tỉ-trí. Còn thừa là các pháp quá-khứ vị-lai. Kế pháp hiện tại sau mới biết nên gọi tỉ-trí. Tại vì sao? Vì trước hiện biết rồi nhiên hậu mới so sánh biết. Pháp-trí gọi hiện-trí. Tùy theo pháp-trí này mà nghĩ lường so sánh biết gọi là tỉ-trí.

Hỏi: Tỉ-trí này là vô-lậu-trí; vô-lậu-trí làm sao gọi tỉ-trí được?

Đáp: Thế-gian cũng có tỉ-trí. Tại vì sao? Vì pháp-trí, tỉ-trí, tha-tâm-trí, khổ-trí, diệt-trí và đạo-trí đều có hữu lậu, vô-lậu. Các trí này ở trong pháp Noãn thấy là hữu-lậu mà vào trong pháp-vị mới được gọi vô-lậu.

Hỏi: Có người nói biết các hành cõi Dục: các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo gọi là pháp-trí; biết các hành hai cõi sắc, vô-sắc bốn món gọi là tỉ-trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trong kinh nói Phật bảo A-Nan rằng trong đời quá-khứ vị-lai cũng biết như vậy chứ không có kinh nói biết các hành trong hai cõi Sắc, và vô-sắc gọi là tỉ trí. Lại trong kinh nói: “Hành-giả nên nghĩ: ta nay đang bị hiện sắc lần ăn quá khứ cũng đã từng bị sắc lần ăn; trong vị-lai cũng sẽ bị nói lần ăn nữa!” Lại trong kinh nói: “Sinh duyên gì chết trong hai đời khứ-lai cũng lại như vậy”. Như Mã-Minh Bồ-Tát nói kệ: Như hiện tại lửa nóng, khứ lai lửa cũng nóng; hiện tại ngũ-âm khổ; khứ lai âm cũng khổ. Khổ như thế thấy các vị Đại-Luận-Sur cũng đều nói như thế. Lại biết pháp đời quá-khứ vị-lai gọi là tỉ trí, cũng có đạo lý. Tại vì sao? Vì hành-giả đối với trong khổ ba đời đều nhằm lìa; nhằm lìa là với trong pháp ấy sinh chân-trí-huệ. Như hành khổ hiện tại, thì các hành khứ lai cũng khổ như vậy. Nay lấy trí nào biết pháp quá-khứ vị-lai? Nếu là pháp trí các hành cõi Sắc, vô-sắc cũng có khứ lai, với trong ấy biết cũng nên gọi pháp trí. Vậy thời duy là pháp trí không có tỉ trí vậy. Nếu hành trong khứ lai cõi Sắc Vô-sắc riêng có trí ấy, hành khứ lai trong cõi Dục lẽ cũng phải riêng có trí ấy, hành khứ lai trong cõi Dục lẽ cũng phải riêng có trí? Vì những nghĩa này nên các Luận-Sur nói: “Có được chưa được nên thứ lớp thấy Đấng”. Khổ cõi Dục gọi được; khổ cõi Sắc và Vô-sắc gọi chưa được. Vậy nên

chẳng thể đồng thời đều biết hết. Như khổ chưa được, dùng tỉ trí mà biết. Nay trong cõi Dục chỗ chưa được khổ, tức khổ để cũng nên dùng tỉ trí mà biết.

Hỏi: Lấy trí nào để mà dứt kiết đạo?

Đáp: Chỉ nên dùng pháp trí, Tỉ trí ở trong phương-tiện-đạo.

Hỏi: Sao lại dùng pháp trí?

Đáp: Dùng khổ pháp trí diệt pháp trí. Tại vì sao? Vì hành-giả khi quán vô thường, khổ thấy không, vô-ngã, bấy giờ chứng các hành diệt. Các trí khác đều là phương tiện.

Hỏi: Quán khổ nào diệt?

Đáp: Quán các thọ khổ. Trong ấy năng sinh ngã tâm; Vậy nên cũng ở trong ấy thấy diệt. Như nói nội giải-thoát nên các ái diệt hết, tự nói được A-La-Hán.

Hỏi: Trong kinh chẳng nói tất cả hành đoạn gọi đoạn tính u?

Đáp: Hành-giả này vì chứng nội diệt, nên nhàm lia tất cả, lại hành-giả quyết cần phải chứng nội diệt kỳ dư bất tất nhất định.

Hỏi: Với trong các Đế trí làm sao sinh?

Đáp: Biết sinh khổ thấy sinh.

Hỏi: Đấy chẳng phải Định tâm làm sao sinh trí được?

Đáp: Có phép quán như vậy. Cũng có âm vô thường các lỗi sinh khổ vô-ngã-tướng. Như trong kinh nói: “Nếu pháp vô thường tức là vô-ngã”. Tại vì sao? Vì mắt thấy các căn có sinh có diệt; nếu ấy là ngã, ngã tức sinh diệt, nên biết chẳng phải ngã. Khi mà mắt thấy sinh không từ đâu đến, vì có sở tác mới gọi là ngã, mà trong kinh nói không có tác-giả. Nên biết, nếu pháp vô thường tức là vô-ngã. Như vậy hành-giả khéo tu vô thường và vô-ngã, nên thân tâm được tịch-diệt, có sinh bao nhiêu hành đều giác biết nào hại thời mới sinh khổ-tướng, như trâu không da đụng chút biết đau, Hành-giả cũng vậy, nhờ vô-ngã-tướng nên thành thượng-khổ-tướng. Kẻ ngu vì ngã-tướng nên dù có bị đại-khổ vẫn chẳng giác biết nó là nào hại. Đấy gọi là khổ trí. Thấy các hành sinh gọi là tập-trí. Thấy các hành diệt gọi là diệt trí. Niệm Đạo thủy chung gọi là đạo-trí:

Hỏi: Tận-trí là thế nào?

Đáp: Hết tất cả tướng nên gọi là tận-trí. Tại vì sao? Vì kẻ học-nhân tướng dứt rồi sinh lại; đây dứt rốt-ráo nên gọi tận-trí. Như trong kinh nói nếu biết vọng-tướng chỉ là vọng tướng thời các khổ hết. Tâm trí học-nhân lấy vọng tướng làm ngã; dứt hẳn tâm ấy gọi là tận trí.

Như trong kinh nói: “A-La-Hán ở trước Đức Phật tự nhờ lời Thế-Tôn nói gút tôi không còn nữa. Tôi đối gút ấy chẳng còn sinh nghi. Tôi thường nhất tâm nhiếp chánh niệm chính-hành, tham thấy bất-thiện chẳng lọt vào tâm”. Trong ấy lấy tướng nên sinh các gút; các tướng dứt nên các gút dứt. Học nhân hành nơi tướng và vô tướng, nên ngã tâm thỉnh thoảng phát khởi; như thấy cây trụ nghi cho là người, nên chỉ A-La-Hán độc-đắc vô-nghi, vì tâm thường hành trong ngũ-âm chẳng thấy thần ngã; sau do pháp-không nên chẳng thấy sắc-tính cho đến thức-tính. Nên biết tất cả tướng gọi là tận trí. Biết các tướng chẳng sinh gọi vô-sinh-trí. Kẻ học-nhân dứt tướng hết rồi sinh lại. Kẻ vô-học tướng hết rồi chẳng sinh nữa. Nếu năng khiến các tướng diệt hết chẳng còn sinh lại. Bấy giờ gọi vô-sinh-trí.

Hỏi: Học-nhân cũng biết có tận-trí vô-sinh-trí, như nghĩ: Tôi hết ba gút chẳng còn sinh lại. Có sao chẳng nói mười phần thành tựu?

Đáp: Học nhân chẳng dứt tất cả tướng, nên chẳng nói có tận trí vô-sinh-trí, như người khắp mình bị trôi quẩn, tuy được mở một chỗ như chẳng gọi được thoát. Cũng có nghĩa này: Xá-Lợi-Phát nói họ Cấp-Cô-Độc mười phần thành tựu. Lại A-La-Hán được sức tự tại nên tự biết gút hết chẳng còn sinh lại. Học nhân chẳng được như vậy. Lại A-La-Hán khi được vô-học-đạo năng tự biết hết tất cả sinh, gọi là tận trí. Kẻ thành-tựu phạm-hạnh là xả các học hành. Kẻ việc làm đã làm xong là các việc đáng làm đều đã làm xong; biết thân từ đây không còn nối nhau luôn nữa. Nên biết duy A-La-Hán đối với tất cả việc sở-tác phải được tự-tại thành-tựu tận-trí và vô-sinh-trí chứ chẳng phải các kẻ học nhân, vì như người bị bệnh sốt tuy chẳng thường phát khởi nhưng chẳng gọi là người lành mạnh. Như trong kinh nói: “Lìa mừng tất cả chỗ; diệt lo tất cả chỗ; chúng diệt tất cả pháp; thường tu tâm vô-lậu”. Tha-tâm-trí như trong lục thông nói: ngũ-âm hòa hợp giả-danh chúng sinh. Các tên trí trong đây gọi là danh-tự-trí, vô-lậu trí, chân-thật-trí. Tương-tợ vô-lậu này được gọi là trí, nên gọi danh-tự-trí.

Hỏi: Có người nói tất cả chúng sinh thành-tựu các trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu đệ-tử Phật năng biết các pháp do nhiều duyên sinh, người ấy năng được, chứ đâu phải chúng sinh khác. Nhờ được tên trí nên tất cả chúng sinh chỉ dùng tướng mà biết, nếu được trí này gọi là nội phạm phu.

PHẨM BỐN MƯƠI BỐN TRÍ THỨ 201

Hỏi: Trong kinh nói bốn mươi bốn trí là: Lão-tử-trí, lão, tử tập-trí, lão tử diệt-trí, lão tử diệt đạo trí; sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục-nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. Vì sao nói như thế?

Đáp: Nê-Hoàn là chân-pháp báu quý, nên dùng nhiều cửa để vào: Có dùng cửa ngũ-âm mà vào; hoặc quán giới, nhập, nhân-duyên và các Đế. Những các cửa như vậy đều đến Nê-Hoàn được. Tại sao biết được? Như trong kinh nói: “Vua ở trong thành, có hai sứ-giả đến do mỗi người vào mỗi cửa. Đến rồi yết-kiến nhà Vua và tâu bày sự thật; tâu xong lui đi kẻ vào các cửa khác cũng vậy”. Trong ấy vua dụ cho hành-giả; các cửa là quán âm giới nhập thầy; hai sứ-giả là như pháp CHỈ và QUÁN; kẻ tâu bày sự thật là thông đạt chân không. Các sứ giả này tuy từ các cửa vào nhưng đều đến một chỗ. Như vậy tuy quán âm giới nhập thầy các môn phương tiện nhưng đều vào Nê-Hoàn. Như La-Hầu-La nói: Khi ở riêng chỗ vắng suy nghĩ pháp, biết pháp như vậy đều tùy thuận quay về và ngợi khen Nê-Hoàn. Lại Phật nói trong tám pháp rằng: Pháp này năng tắt lửa phiền não nên gọi là diệt; năng khiến hành-giả tâm được yên ổn, nên gọi là yên ổn; năng khiến hành-giả đến chánh biến tri nên gọi là đến. Những nghĩa như vậy đều khen Nê-Hoàn. Lại phạm hạnh là tám chính đạo. Trong tám chính đạo chính trí là cao hơn; mà quả của chính trí là Nê-Hoàn. Lại Phật nói ra giáo pháp đều vì Nê-Hoàn. Nên biết các cửa ngũ-âm thầy đều đến Nê-Hoàn.

Hỏi: Có Luận-sư nói lão-tử trí là khổ trí. Việc ấy thế nào?

Đáp: Chẳng phải vậy. Tại vì sao? Vì trong ấy chẳng nói khổ hành, nên chẳng phải khổ trí.

Hỏi: Vậy thì đây là trí nào?

Đáp: Đây gọi là lão tử tính trí.

Hỏi: Cũng nói biết lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo. Nên biết là khổ trí?

Đáp: Đây là nhân-duyên nên chẳng phải chân đế môn. Vậy nên trong ấy chẳng nên nói khổ hành, mà nên nói Tập thầy vì thuận với nhau vậy.

Hỏi: Trong ấy vì sao chẳng nói các trí vị, quá, xuất thầy?

Đáp: Nghĩa ấy đều thu nhiếp chỉ kẻ kiết tập kinh lược bớt nên chẳng nói.

PHẨM BẢY MƯƠI BẢY TRÍ THỨ 202

Hỏi: Trong kinh nói “bảy mươi bảy trí là sinh duyên lão tử, chẳng rời sinh mà có lão tử; Trong hai đời quá-khứ vị-lai cũng như vậy”. Đây là pháp trụ-trí quán vô thường hữu-vi tác-khởi do nhiều duyên sinh; tận-tướng, hoại-tướng, ly-tướng, diệt-tướng cũng quán như thế. Cho đến vô-minh duyên hành cũng như vậy. Vì sao trong ấy chẳng nói lão-tử-tính và diệt đạo thầy?

Đáp: Vì kẻ lợi trí nên nói như vậy. Chỉ mở cửa là có thể biết, pháp khác cũng như vậy. Lại ngoại đạo phần nhiều với trong pháp nhân-duyên nói lầm rằng muôn vật thế-gian nhân thể-tính thầy, nên Phật đối với đây chỉ nói nhân-duyên.

Hỏi: Đã nói sinh duyên lão tử, tại sao lại nói “chẳng rời”?

Đáp: Là nói quyết định, vì trong các pháp có nhân bất định; như bố-thí là nhân phước giàu, mà trí giới cũng được phước, như nói trí-giới được sinh lên trời. Hoặc có kẻ sinh nghĩ lão tử nhân-duyên sinh hoặc chẳng nhân-duyên sinh nên phải nói quyết định.

Hỏi: Tại sao trong đời khứ lai lại phải nói quyết định?

Đáp: Hiện tại với quá-khứ có tướng khác nghĩa là chúng-sinh đời quá-khứ thọ mạng vô-lượng thế-lực đồng các Chư-thiên. Có những đều như vậy, sợ e người nghi rằng thọ-mạng thầy khác với lão-tử, nên nhân-duyên cũng phải khác, nên phải nói quyết định. Vị-lai cũng vậy. Sáu món này gọi là pháp-trụ-trí, kỳ dư gọi Nê-Hoàn-trí. Năng khiến lão-tử nối nhau luôn, nên gọi vô thường hữu-vi tác-khởi, do nhiều duyên sinh. Tận-tướng, hoại-tướng tức là vô-thường hành; ly-tướng tức là khổ-hành; diệt tướng tức là không vô-ngã hành. Tại vì sao? Vì trong ấy sắc-tính diệt thọ-tướng-hành-thức-tính diệt tức là nghĩa ba món quán. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo có bảy chỗ phương tiện, ba quán nghĩa, chóng được hết lậu”. Đây đều là Nê-Hoàn trí. Như vậy thầy nhân-duyên trí có trăm ngàn vô-lượng nghĩa là nhân-trí thầy, như trong kinh nói: “Mắt duyên nghiệp; nghiệp duyên ái; ái duyên vô-minh; vô-minh duyên tà niệm; tà niệm duyên nhãn sắc, các lậu duyên tà niệm các ăn duyên ái, ngũ-dục duyên ăn đoạn-thực thầy; địa ngục đoản-mạng duyên sát-sinh thầy”. Nếu trước khổ nay khổ đều duyên vọng-tướng; vọng tướng duyên thân tâm tăng ái; tăng-ái duyên tham dục; tham dục duyên tà-tư-duy. Cứ như vậy thầy các nhân-duyên trí vô-lượng vô-biên, tự nên phải biết.

Thành Thật luận hết quyển 20

TRỌN BỘ